PHỤ LỤC 1

YÊU CẦU BÁO GIÁ CÁC GÓI THẦU THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG SỬ DỤNG TẠI CÁC CƠ SỞ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN NĂM 2026 - 2027

Gói thầu số 01: Vật tư y tế thông thường

(Đính kèm Thông báo số /TB-SYT ngày tháng 01 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1	Áo làm lạnh dành cho máy	Thông số kỹ thuật: - Áo làm lạnh dùng 1 lần bao phủ đến 80% diện tích cơ thể phù hợp cho trẻ em từ 104-122 cm tương thích với máy hạ thân nhiệt CritiCool. - Tốc độ dòng chảy: 1.2 lít/phút. - Vật liệu: Polypropylene không dệt.	Cái	20		
2	Áo làm lạnh dành cho máy	Thông số kỹ thuật: - Áo làm lạnh dùng 1 lần bao phủ đến 80% diện tích cơ thể phù hợp cho trẻ em từ 71-91 cm tương thích với máy hạ thân nhiệt CritiCool. - Tốc độ dòng chảy: 1.2 lít/phút. - Vật liệu: Polypropylene không dệt.	Cái	20		
3	Áo làm lạnh dành cho máy	Thông số kỹ thuật: - Áo làm lạnh dùng 1 lần bao phủ đến 80% diện tích cơ thể phù hợp cho trẻ em từ 91-104 cm tương thích với máy hạ thân nhiệt CritiCool. - Tốc độ dòng chảy: 1.2 lít/phút. - Vật liệu: Polypropylene không dệt.	Cái	20		
4	Áo làm lạnh dành cho máy	Thông số kỹ thuật: - Áo làm lạnh dùng 1 lần bao phủ đến 80% diện tích cơ thể phù hợp cho trẻ lớn từ 152- 168 cm tương thích với máy hạ thân nhiệt CritiCool. - Tốc độ dòng chảy: 1.2 lít/phút. - Vật liệu: Polypropylene không dệt.	Cái	20		
5	Áo làm lạnh dành cho máy	Thông số kỹ thuật: - Áo làm lạnh dùng 1 lần bao phủ đến 80% diện tích cơ thể phù hợp cho trẻ sơ sinh từ 2.5-04 kg tương thích với máy hạ thân nhiệt CritiCool. - Tốc độ dòng chảy: 1.2 lít/phút. - Vật liệu: Polypropylene không dệt.	Cái	30		
6	Áo phẫu thuật các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: -Làm bằng không dệt SMMMS 5 lớp 43gsm chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện.- Kích thước: Khăn thấm 30x40cm, số lượng. Giấy gói 50x50cm. Size gồm: M: 120x140cm; L: 130x150cm; XL: 145x160cm Đạt tiêu chuẩn về độ bảo vệ AAMI . Các đường nối và chấm dây được may bằng máy ép cao tần. Mỗi áo gồm 2 khăn thấm 30x40cm, vải spunlace có độ thấm tốt, mềm mại. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485: 2016, EN ISO 11135: 2014, ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.	Cái	45.370		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
7	Áo phẫu thuật size M	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt, không ngấm, định tính nguyên liệu là Olefin hoặc Polypropylen. - Kích thước: size M. 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng gói riêng. - Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Cái	4.964		
8	Áo phẫu thuật size S	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt, không ngấm, định tính nguyên liệu là Olefin hoặc Polypropylen. - Kích thước: size S. 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng gói riêng. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Cái	1.900		
9	Áo phẫu thuật XL	1. Thông số kỹ thuật: - Vải áo: SSMMS, chống thấm, chống cồn, chống tĩnh điện. Trọng lượng: 43 gsm. Đường nối may bằng máy ép cao tần. - Áo có tấm dán sau gáy. Có dây buộc cố định ở phần lưng (eo) đảm bảo che kín toàn thân. Bo cổ tay thun dệt không nối. - Khăn thấm: Vải thấm không dệt airlaid, kích thước 30 x 40 cm (± 5 cm), số lượng 2. - Giấy gói: vải không dệt tiệt trùng, kích thước 50 x 55 cm (± 5 cm). - Size L: 140 x 160 cm (± 5 cm). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: AAMI PB70 level 3, EN ISO 13485:2016, CE (Tiêu chuẩn Châu Âu MDR 2017/745), CFG-FDA (Hoa Kỳ). Tiệt trùng2. Tiêu chuẩn chất lượng: AAMI PB70 level 3, Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO, đạt tiêu chuẩn EN ISO:11135 Sản xuất với tiêu chuẩn phòng sạch cấp độ 8 theo tiêu chuẩn ISO 14644-3:2019 và VNC/QTTN/03:2019.	Cái	3.380		
10	Băng bột bó thạch cao 10 cm x 3,6 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất 97%. - Kích thước: 10cm x 3,6m. 2. Tính năng công nghệ: - Không có chất phóng xạ,nấm mốc, vi khuẩn. - Thời gian cứng bột từ 2 phút 15 giây - 2 phút 40 giây. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cuộn	31.864		
11	Băng bột bó thạch cao 10 cm x 3,6 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thạch cao. - Kích thước: 10cm x 360cm.	Cuộn	32.224		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
12	Băng bột bó thạch cao 10 cm x 3,6 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bột thạch cao cao cấp mịn (Calcium Sulphate 98%) lõi ống nhựa. - Kích thước: 10cm x 3,6m. 2. Tính năng, công nghệ: - Kết cấu sợi vải bền chặt, không tưa sợi ở đầu cuộn bột, bột kết dính tốt với lớp vải, không gây nóng và không kích ứng da. - Thời gian khô nhanh 2-4 phút.	Cuộn	14.124		
13	Băng bột bó thạch cao 15 cm x 3,6 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất 97%. - Kích thước: 15cm x 3,6m. 2. Tính năng công nghệ: - Không có chất phóng xạ,nấm mốc, vi khuẩn. - Thời gian cứng bột từ 2 phút 15 giây - 2 phút 40 giây. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cuộn	50.428		
14	Băng bột bó thạch cao 15 cm x 3,6 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thạch cao. - Kích thước: 15cm x 360cm.	Cuộn	59.652		
15	Băng bột bó thạch cao 7,5 cm x 3,6 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất 97%. - Kich thước: 7,5cm x 3,6m. 2. Tính năng, công nghệ: - Đã kiểm tra không có chất phóng xạ, nấm mốc và vi khuẩn. - Thời gian cứng bột 2 phút 15 giây - 2 phút 40 giây. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cuộn	10.100		
16	Băng bột bó thạch cao, cỡ 10cm x 3,6m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thạch cao. Nguyên liệu đông kết nhanh (80-110 giây) hoặc tương đương. - Kích thước: 10cm x 3,6m. 2. Tính năng, công nghệ: - Tính năng: Bao gồm một miếng gạc cotton được trải thạch cao (hơn 97% thạch cao nguyên chất, trọng lượng là 440g/m² và được cuộn trên một lõi tròn). - Băng ướt nhanh chóng và đều. Dễ ứng dụng cho kỹ thuật bó bột. Hỗn hợp thạch cao mịn như kem tạo cho bề mặt lớp bột bó đồng nhất và trơn láng. - Băng bột bó thạch cao, ít nóng, khô nhanh, độ cứng cao, cố định tốt.	Cuộn	34.034		
17	Băng bột bó thạch cao, cỡ 15cm x 3,6m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thạch cao. Nguyên liệu đông kết nhanh (80-110 giây) hoặc tương đương. - Kích thước: 15cm x 3,6m 2. Tính năng, công nghệ: - Tính năng: Bao gồm một miếng gạc cotton được trải thạch cao (hơn 97% thạch cao nguyên chất, trọng lượng là 440g/m² và được cuộn trên một lõi tròn). - Băng ướt nhanh chóng và đều. Dễ ứng dụng cho kỹ thuật bó bột. Hỗn hợp thạch cao mịn như kem tạo cho bề mặt lớp bột bó đồng nhất và trơn láng. - Băng bột bó thạch cao, ít nóng, khô nhanh, độ cứng cao, cố định tốt.	Cuộn	22.650		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
18	Băng bột bó thạch cao, cỡ 7,5cm x 2,7m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thạch cao. Nguyên liệu đông kết nhanh (80-110 giây) hoặc tương đương. - Kích thước: 7,5cm x 2,7m. 2. Tính năng, công nghệ: - Tính năng: Bao gồm một miếng gạc cotton được trải thạch cao (hơn 97% thạch cao nguyên chất, trọng lượng là 440g/m² và được cuộn trên một lõi tròn). - Băng ướt nhanh chóng và đều. Dễ ứng dụng cho kỹ thuật bó bột. Hỗn hợp thạch cao mịn như kem tạo cho bề mặt lớp bột bó đồng nhất và trơn láng. - Băng bột bó thạch cao, ít nóng, khô nhanh, độ cứng cao, cố định tốt.	Cuộn	12.557		
19	Băng bột bó vải sợi thủy tinh, cỡ 10cm x 3,6m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải sợi thủy tinh được đan với nhựa polyurethane kích hoạt bằng nước. Không chứa cao su tự nhiên (Latex-free). Nguyên liệu đông kết nhanh (80-110 giây) hoặc tương đương. - Kích thước: 10cm x 3,6m. 2. Tính năng, công nghệ: - Tính năng: Băng sợi thủy tinh cố định xương gãy. Khi tiếp xúc với nước, hoặc khí ẩm thì khởi phát một phản ứng hóa học làm băng trở nên cứng lại trong vòng 20 phút. Có độ co giãn khi chưa đông cứng, thích hợp băng bó với bất kỳ vị trí trên cơ thể. - Kiểu dệt xốp thông thoáng cho da. Trọng lượng nhẹ dễ dàng di chuyển. Bền, có khả năng chịu lực mạnh. Không thấm nước. Dễ dàng sử dụng, gọn gàng, không bẩn, thẩm mĩ. Không cần sửa chữa hoặc thay thế. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cuộn	13.400		
20	Băng bột bó vải sợi thủy tinh, cỡ 7,5cm x 3,6m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải sợi thủy tinh được đan với nhựa polyurethane kích hoạt bằng nước. - Kích thước: 7,5cm x 3,6m. 2. Tính năng, công nghệ: - Băng sợi thủy tinh cố định xương gãy. Khi tiếp xúc với nước, hoặc khí ẩm thì khởi phát một phản ứng hóa học làm băng trở nên cứng lại trong vòng 20 phút. Không chứa cao su tự nhiên (Latex-free). Có độ co giãn khi chưa đông cứng, thích hợp băng bó với bất kỳ vị trí trên cơ thể. - Kiểu dệt xốp thông thoáng cho da. Trọng lượng nhẹ dễ dàng di chuyển. Bền, có khả năng chịu lực mạnh. Không thấm nước. Dễ dàng sử dụng, gọn gàng, không bẩn, thẩm mĩ. Không cần sửa chữa hoặc thay thế. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cuộn	10.900		
21	Băng cá nhân	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm. - Miếng gạc thấm hút bằng sợi viscose, phủ lớp chống dính polyethylene. 2. Tính năng, công nghệ: - Thấm hút ≥ 500 % , lực dính 2,2-9,4 N/cm, có kiểm tra vi sinh. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide.	Miếng	1.360.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
22	Băng cá nhân 1,8 x 6,0 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Vải co giãn được làm từ tơ nhân tạo và polyamide. - Miếng lót không dính được làm từ vải không dệt được cán với màng PE. - Keo acrylate dùng trong y khoa/phẫu thuật. - Kích thước 1,8cm x 6,0cm.	Miếng	1.345.000		
23	Băng cá nhân 2cm x 6cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm, miếng gạc thấm hút bằng sợi viscose, phủ lớp chống dính polyethylene - Keo kết dính nóng chảy: Kẽm Oxide, hỗn hợp SIS/SI, dầu khoáng trắng, Lanolin,..., độ nhớt 6,600 – 10,600 cP - Lớp nền: Sợi vải đàn hồi 70% Viscose và 30% Polyamide. - Lớp thấm hút : Lớp thấm hút: 75% Viscose, 25% Polypropylene/Polyethylene - Kích thước: 2cm x 6cm 2. Tính năng, công nghệ: - Thấm hút ≥ 500% , lực dính 2,2-9,4N/cm, có kiểm tra vi sinh 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Miếng	1.502.808		
24	Băng cá nhân cỡ 1,8 x 6,0cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải co giãn được làm từ tơ nhân tạo và polyamide. Miếng lót không dính được làm từ vải không dệt được cán với màng PE. - Keo acrylate dùng trong y khoa/phẫu thuật. - Kích thước: 1,8cm x 6,0cm.	Miếng	105.192		
25	Băng cá nhân cỡ 19mm x 72 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi vải gồm 70% viscose và 30% polyamine. Keo Acrylic độ dính cao và an toàn cho mọi loại da. - Kích thước: 19mm x 72mm. 2. Tính năng, công nghệ: Mềm mại, co giãn tốt.	Miếng	518.800		
26	Băng cá nhân vải	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm, miếng gạc thấm hút bằng sợi viscose, phủ lớp chống dính polyethylene 2. Tính năng, công nghệ: - Thấm hút ≥ 500 % , lực dính 2,2-9,4 N/cm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Miếng	275.000		
27	Băng chun 3 móc 10cm x 2m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 50% polyester + 50% cao su thiên nhiên. - Kích thước: 10cm x 2m 2. Tính năng, công nghệ: Mềm, mịn, có độ đàn hồi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cuộn	53.409		
28	Băng chun 3 móc 10cm x 2m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 50% polyester + 50% cao su thiên nhiên. - Kích thước: 10cm x 2m 2. Tính năng, công nghệ: Mềm, mịn, có độ đàn hồi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Cuộn	36.444		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
29	Băng chun 3 móc 10cm x 4,5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi polyester, spendex và sợi cotton. - Kích thước: Kích thước 10cm x 4,5m. 2. Tính năng, công nghệ: Trọng lượng 90 g/m2, Có kiểm tra vi sinh, co giãn 200%. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, sản xuất tại Việt Nam.	Cuộn	184.824		
30	Băng chun cỡ 10cm x 2m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi cao su và sợi polyester. - Thông số: 10cm x 2m. Độ bền kéo đứt (chiều dọc) 172,6 N. Độ giãn 100% sau khi căng 4 giờ 6,3. Độ bền nén thủng 186,4 N. Độ dãn dài khi đứt (chiều dọc) 216%. 2. Tính năng, công nghệ: Ngoại quan mềm, mịn, có độ đàn hồi. Đóng gói 1 cuộn/gói. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2017.	Cuộn	21.288		
31	Băng chun cố định khớp trong điều trị chấn thương chỉnh hình cỡ 10cm x 4,5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cotton 100%, keo Zinc oxide - Thông số: Lực dính 2-9 N/cm, co giãn ≥ 90%. - Trọng lượng khối phủ 100-130g/m2. - Kích thước: 10cm x 4.5m. 2. Tính năng, công nghệ: - Có đường kẻ giữa băng giúp quấn băng chính xác và dễ dàng. Có kiểm tra vi sinh. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cuộn	17.440		
32	Băng chun cố định khớp trong điều trị chấn thương chỉnh hình cỡ 8cm x 4,5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cotton 100%, keo Zinc oxide - Thông số: Lực dính 2-9 N/cm, co giãn ≥ 90%. - Trọng lượng khối phủ 100-130g/m2. - Kích thước: 8cm x 4.5m. 2. Tính năng, công nghệ: - Có đường kẻ giữa băng giúp quấn băng chính xác và dễ dàng. Có kiểm tra vi sinh. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cuộn	7.200		
33	Băng chun có keo cỡ 10cm x 4,5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 100% sợi cotton trắng. - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng. - Kích thước: 10cm x 4.5m 2. Tính năng, công nghệ: - Độ co giãn ≥ 90%. Số sợi trên 10cm ≥ 160, độ dày 0.84mm - 0.94mm - Có kiểm tra vi sinh 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 11737-1	Cuộn	4.024		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
34	Băng chun có keo cỡ 6cm x 4,5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 100% sợi cotton trắng. - Phần keo là Zinc oxide không sử dụng dung môi - Kích thước: 6cm x 4.5m 2. Tính năng, công nghệ: - Độ co giãn ≥ 90%. Số sợi trên 10cm ≥ 160, độ dày 0.84mm - 0.94mm - Có kiểm tra vi sinh 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 11737-1	Cuộn	2.996		
35	Băng chun có keo cỡ 8cm x 4,5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 100% sợi cotton trắng. - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng - Kích thước: 8cm x 4.5m 2. Tính năng, công nghệ: - Độ co giãn ≥ 90%. Số sợi trên 10cm ≥ 160, độ dày 0.84mm - 0.94mm - Có kiểm tra vi sinh 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 11737-1	Cuộn	8.054		
36	Băng cố định 10cm x 12cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chlorhexidine Gluconate 2%. Màng film Polyurethane, phủ lớp keo Acrylate ≤ 15%; chính giữa có Gel CHG kháng khuẩn 35 - 45% với kích thước khoảng (3 x 4) ± 0.5cm; xung quanh viền vải không dệt. - Kích thước: 10 x 12cm (± 05%) 2. Tính năng, công nghệ: - Rào cản chống virus đường kính ≥27nm (HCV, HBV, HIV) - Khả năng thấm máu và dịch tiết của gel đến 8 lần trọng lượng đối với nước muối và 3 lần với máu - Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, - Giảm trên 60% nhiễm khuẩn huyết liên quan đến catheter so với băng gạc thường có chứng minh - Hoạt tính kháng khuẩn phổ rộng trên 30 loại vi khuẩn bao gồm cả MRSA, MRSE, VRE, MDR có chứng minh - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, có tích hợp băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định ống, dây truyền dịch - Thời gian lưu liên tục ≥7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CFG - FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu). 4. Xuất xứ: G7	Miếng	13.500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
37	Băng cố định kim luồn	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước 6cm x 8cm - Chất liệu: Vải không dệt tỉ trọng 25% -35% - Miếng gạc nhỏ kích thước 2.3 x 2.3 cm chất liệu polyester viscose có màng không dính, tỉ trọng 5% - 15% - Keo acrylate tỉ trọng 15%-25% - Trọng lượng keo 35g/m2, ±2g - Độ bám dính: ≥1.0N/cm - Độ bám dính keo ≤2,5 mm trong 30 phút 2 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Miếng	24.800		
38	Băng cố định kim luồn cỡ 10cm x 12cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chlorhexidine Gluconate 2%. Màng film Polyurethane, phủ lớp keo Acrylate ≤ 15%; chính giữa có Gel CHG kháng khuẩn 35 - 45% với kích thước khoảng (3 x 4) ± 0.5cm; xung quanh viền vải không dệt. - Kích thước: 10 x 12cm (± 05%) 2. Tính năng, công nghệ: - Rào cản chống virus đường kính ≥27nm (HCV, HBV, HIV); - Khả năng thấm máu và dịch tiết của gel đến 8 lần trọng lượng đối với nước muối và 3 lần với máu; - Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập; - Giảm trên 60% nhiễm khuẩn huyết liên quan đến catheter so với băng gạc thường có chứng minh; - Khả năng kháng khuẩn liên tục đến 10 ngày; - Hoạt tính kháng khuẩn phổ rộng trên 30 loại vi khuẩn bao gồm cả MRSA, MRSE, VRE, MDR có chứng minh; - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, có tích hợp băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định ống, dây truyền dịch; - Thời gian lưu tối đa 7 ngày; - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ) và CE (Châu Âu), ISO 13485:2016 4. Xuất xứ: G7	Miếng	44.550		
39	Băng cố đinh kim luồn cỡ 6cm x 8cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Băng vải không dệt mềm mại, phủ keo Acrylate không gây kích ứng da. - Kích thước: 6cm x 8cm. 2. Tính năng, công nghệ: Thiết kế hình chữ U. Gạc thấm hút nhỏ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	201.390		
40	Băng cố định kim luồn cỡ 7cm x 6cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65%. Film Polyurethane: 2 - 15%. Keo Acrylate: 3 - 30%. - Kích thước: 7cm x 6cm. 2. Tính năng, công nghệ: Miếng dán có rãnh xẻ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	104.050		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
41	Băng cuộn 1,8 m x 0,085 m	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 1m8 x 0,085m. - Thành phần: Sản xuất từ nguyên liệu 100% cotton, mềm mại, thông thoáng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001-2015.	Cái	47.600		
42	Băng cuộn cỡ 10cm x10m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Băng gạc tiệt trùng nền bằng vải không đan dệt, trọng lượng 50g/m2 với 50% viscose, 50% polyester. - Kích thước: 10cm x 10m. - Thông số: trọng lượng keo phủ 43g/m2, có dầu silicone 62g/m2. 2. Tính năng, công nghệ: Giấy lót có gờ dễ thao tác, có chia kích thước. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 TUV, CE (Châu Âu).	Cuộn	82.840		
43	Băng cuộn cỡ 10cm x10m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nền vải không dệt 100% polyester tráng silicone. - Kích thước: 10cm x 10m. - Thông số: Độ thoát ẩm (MVTR) ≥ 1,400g /m2/24h ở 37ºC. Keo acrylic có độ dính 750-1,250g/25mm. 2. Tính năng, công nghệ: Co giãn, thoáng khí, thấm nước, hơi nước và oxy, chất keo ít dị ứng, mặt keo được bảo vệ bởi lớp giấy silicon. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cuộn	12.300		
44	Băng cuộn cỡ 10cm x10m	1. Thông số kỹ thuật: Vải không dệt: trắng, 100% polyester, màng polyurethane với chất kết dính polyacrylate thân thiện với da (không có dẫn xuất màu và colophony) - Kích thước: 10cm x 10m 2. Tính năng, công nghệ: - Độ đàn hồi: Thích hợp để giữ băng vết thương trên các bộ phận thường xuyên di chuyển của cơ thể như khớp và cổ - MVTR: độ thoát hơi nước ≥5000g/m224h, và theo thử nghiệm trong phòng thí nghiệm trong 12 tháng qua, giá trị trung bình là 6442g / m224h - Lực dính: ＞2.5N, và thử nghiệm trong phòng thí nghiệm trong 12 tháng qua, giá trị trung bình là 8,5N - Kéo dài theo chiều dọc ≥45%, giá trị trung bình là 67% - Kéo dài theo chiều rộng ≥100%, giá trị trung bình là 123% - Thoát khí và hơi nước - Tình trạng thấm đậm vết thương thấp - Cải thiện đáng kể khả năng hơi nước thấm qua.	Cuộn	1.580		
45	Băng cuộn cỡ 15cm x 10m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu không dệt Rayon 40% + Polyester 60%. - Thông số: 15cm x 10m, dày 0.4mm, d~27mm, D~75mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Chấu Âu).	Cuộn	12.902		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
46	Băng cuộn cỡ 2.5cm x 6m	1. Thông số kỹ thuật: - Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44 x 19,5 sợi/ cm, trọng lượng 90g/ m2. - Keo Acrylic không dùng dung môi phủ đều, trọng lượng của khối phủ 50 - 60g/ m2, lực dính 1,8 - 5,5N/ cm, có test kiểm tra dị ứng da, có test kiểm tra vi sinh không có vi khuẩn Escherichia coli, Pseudomonas aeruginosa, tụ cầu vàng Staphylococcus aureus. - Kích thước: 2,5cm x 6m. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE-MDR (Châu Âu).	Cuộn	148.480		
47	Băng cuộn cỡ 2.5cm x 9.1m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu không dệt Polyester 70% + Resin 30%. - Thông số: 2,5cm x 9,1m, dày 0,18mm, d~27mm, D~50mm, P2509.	Cuộn	12.926		
48	Băng cuộn cỡ 9cm x 2.5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gạc hút nước 100% cotton. - Kích thước: 9cm x 2,5m. - Thông số: Gạc hút nước có khả năng hút nước trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên, độ ẩm <8%, độ acid và độ kiềm đạt trung tính, không có tinh bột hoặc Dextrin, các chất tan trong nước 0,5%, trọng lượng 23g/m2, mật độ sợi ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi, 18x26 sợi/inch. 2. Tính năng, công nghệ: Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cuộn	264.852		
49	Băng cuộn cỡ 9cm x 2.5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi cotton 100%. - Kích thước: 0,09m x 2,5m. 2. Tính năng, công nghệ: Là dạng gạc y tế, dùng để băng bó, bao bọc bên ngoài vết thương, không tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Cuộn	85.488		
50	Băng cuộn giấy 1.25cm x 9.1m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu không dệt Polyester 70% và Resin 30%, - Thông số: 1,25cm x 9,1m, dày 0,18mm, d~27mm, D~50mm, P1209.	Cuộn	5.498		
51	Băng cuộn lụa 2.5cm x 5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Keo polyvinyl acetate (100%) không dị ứng. - Kích thước: 2,5cm x 5m. 2. Tính năng, công nghệ: Polymer trong phân tán nước, dính tốt. Dễ xé.	Cuộn	86.136		
52	Băng cuộn lụa 2.5cm x 5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải dệt từ cellulose acetate 100% - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng - Lực dính 1,8-5,5 N/cm - Kích thước: 2.5cm x 5m 2. Tính năng, công nghệ: - Có kiểm tra vi sinh 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 11737-1, CE (Châu Âu)	Cuộn	162.516		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
53	Băng cuộn lụa keo zinc oxide cuộn 2.5cm x 5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate; Keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều, độ nhớt 8.100-12.700 cP - Kích thước: 2.5cm x 5m 2. Tính năng, công nghệ: - Có kiểm tra vi sinh 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 11737-1, CE (Châu Âu)	Cuộn	23.400		
54	Băng cuộn lụa keo zinc oxide, kích thước 2.5cm x 9.1m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate. - Thông số: số sợi 44x19,5 sợi/cm, trọng lượng 80 g/m2. trọng lượng của khối phủ 50-60g/m2. 2. Tính năng, công nghệ: keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều, lực dính 1,8-5,5 N/cm, có kiểm tra vi sinh. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Chấu Âu), ISO 13485.	Cuộn	158.326		
55	Băng đạn 30 mm, 45 mm và 60 mm khâu nối nội soi	1. Thông số kỹ thuật: - Băng đạn (ghim khâu) nội soi 3 hàng ghim. - Các kích cỡ 30mm, 45mm, 60mm. 2. Tính năng, công nghệ: Cung cấp lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	926		
56	Băng dán cố định kim luồn tĩnh mạch trung tâm	1. Thông số kỹ thuật: - Băng chống vi khuẩn được thiết kế cho những bệnh nhân có cổng tĩnh mạch được cấy ghép, bao gồm cả bệnh nhân ung thư và huyết học. - Chất liệu: Băng dán làm từ chất liệu trong suốt cho phép tầm nhìn rõ ràng xung quanh vị trí dán, có gel chứa CHG. 2. Tính năng, công nghệ: - Bảo vệ chống vi khuẩn. - Tấm gel CHG tích hợp cung cấp khả năng bảo vệ kháng khuẩn ngay lập tức và liên tục. - Giữ nguyên vị trí, miếng gel CHG bám quanh kim và tiếp xúc với da. - Dễ dàng tháo ra, cửa sổ không có chất kết dính giảm thiểu sự tiếp xúc của chất kết dính với kim không có rãnh và da của bệnh nhân, giảm nguy cơ băng dính vào kim trong quá trình loại bỏ. - Thoải mái hơn, linh hoạt khi bệnh nhân cử động và có thể đeo lên đến 7 ngày.	Cái	800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
57	Băng đạn đầu móc khâu cắt nối thẳng cỡ 30mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ghim dập bằng titanium Ti Gr1. - Thông số: Thiết kế 3 chiều cao ghim đóng từ thấp đến cao trong cùng 1 băng đạn theo thứ tự: 0.75mm-1.0mm-1.25 mm tương ứng với chiều cao ghim mở 2.0mm-2.5mm-3.0mm. Chiều dài băng đạn 30mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng cho dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng .Thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên với chiều cao ghim khác nhau trong mỗi băng đạn, dùng cho mạch máu, mô mỏng. Thiết kế đầu móc (curved tip) thuận tiện thao tác trên mạch máu. Dao cắt mới trên mỗi băng đạn. - Băng đạn tương thích với tay súng nội soi gập góc 45° liên tục không khấc mỗi bên và dụng cụ khâu cắt nối nội soi tự động , gập góc 45° liên tục không khấc mỗi bên, có nút xoay 360° cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), có 2 CFS thuộc các nước tham chiếu cấp.	Cái	716		
58	Băng đạn khâu cắt nối thẳng cỡ 60mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: ghim dập bằng titanium Ti Gr1. - Thông số: Băng đạn tương thích với tay súng nội soi gập góc 45° mỗi bên, hai bên 90° liên tục không khấc. - Thiết kế chiều cao theo thứ tự từ thấp đến cao là chiều cao ghim trước khi đóng 3-3,5-4 mm và sau khi đóng 1,25-1,5-1,75 mm. Chiều dài băng đạn 60mm.Dùng cho mô trung bình đến mô dày. 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng cho phẫu thuật nội soi tiêu hóa. Thiết kế 3 hàng ghim có chiều cao ghim khác nhau trong cùng băng đạn. Dao cắt mới trên mỗi băng đạn. Băng đạn nghiêng (gập góc) liên tục 45 độ mỗi bên khi lắp đặt vào dụng cụ cùng hãng sản xuất. Dao cắt mới trên mỗi băng đạn. - Băng đạn tương thích với tay súng nội soi gập góc 45° liên tục không khấc mỗi bên và dụng cụ khâu cắt nối nội soi tự động , gập góc 45° liên tục không khấc mỗi bên, có nút xoay 360° cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Chấu Âu), có 2 CFS thuộc các nước tham chiếu cấp.	Cái	3.986		
59	Băng đạn khâu cắt nối thẳng, cỡ 45 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: ghim dập bằng titanium Ti Gr1. - Thông số: Chiều cao ghim trước khi đóng 2mm-2,5mm-3 mm và sau khi đóng 0,75mm-1,00mm-1,25 mm. Chiều dài băng đạn 45mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên với chiều cao ghim khác nhau trong mỗi băng đạn dùng cho mạch máu, mô mỏng đến mô trung bình. Dao cắt mới trên mỗi băng đạn. - Băng đạn tương thích với tay súng nội soi gập góc 45° liên tục không khấc mỗi bên và dụng cụ khâu cắt nối nội soi tự động , gập góc 45° liên tục không khấc mỗi bên, có nút xoay 360° cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Chấu Âu), 2 CFS thuộc các nước tham chiếu cấp.	Cái	72		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
60	Băng đạn, ghim khâu cắt nối thẳng mổ mở 75 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim bằng titanium alloy . - Thông số ghim: Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở 75mm; 6 hàng ghim; 118 ghim; chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức: 1,5; 1,8; 2,0 mm. - Tương thích với NTLC75 hoặc tương đương. 2. Tính năng, công nghệ: Công nghệ kim 3D. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ). 4. Xuất xứ: Bắc Mỹ	Cái	436		
61	Băng đạn, ghim khâu dùng trong phẫu thuật nội soi đa năng các cỡ 45-60 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu ghim Titanium nguyên chất. - Băng đạn (ghim khâu) nội soi cỡ 45mm, 60mm. - Ghim dập hình chữ B chắc chắn. - Chiều cao ghim đồng đều: 2,5mm; 3,25mm; 4,0mm; 5,0mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Loại 3 hàng ghim. - Tương thích dụng cụ khâu nối nội soi có chức năng trợ lực cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	300		
62	Băng đạn, ghim khâu loại nghiêng dùng trong phẫu thuật nội soi đa năng các cỡ 30mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ghim Titanium nguyên chất. - Thông số: Băng đạn (ghim khâu) nội soi loại nghiêng cỡ 30mm. 2. Tính năng, công nghệ: Đe rộng hơn tăng diện tích tiếp xúc thuận lợi cho dập ghim hình chữ B chắc chắn. Thiết kế thanh chữ I tăng sức ép khi bắn. Tương thích dụng cụ khâu nối nội soi thông minh và dụng cụ khâu nối nội soi cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Chấu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	16		
63	Băng đạn, ghim khâu loại nghiêng dùng trong phẫu thuật nội soi, loại nghiêng cỡ 45mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: ghim Titanium nguyên chất. - Thông số: Băng đạn (ghim khâu) nội soi loại nghiêng cỡ 45mm. 2. Tính năng, công nghệ: Đe rộng hơn tăng diện tích tiếp xúc thuận lợi cho dập ghim hình chữ B chắc chắn. Thiết kế thanh chữ I tăng sức ép khi bắn. Tương thích dụng cụ khâu nối nội soi thông minh và dụng cụ khâu nối nội soi cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Chấu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	46		
64	Băng đạn, ghim khâu loại nghiêng dùng trong phẫu thuật nội soi, loại nghiêng cỡ 60mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: ghim Titanium nguyên chất. - Thông số: Băng đạn (ghim khâu) nội soi loại nghiêng cỡ 60mm. 2. Tính năng, công nghệ: Đe rộng hơn tăng diện tích tiếp xúc thuận lợi cho dập ghim hình chữ B chắc chắn. Thiết kế thanh chữ I tăng sức ép khi bắn. Tương thích dụng cụ khâu nối nội soi thông minh và dụng cụ khâu nối nội soi cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Chấu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	216		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
65	Băng đạn, ghim khâu nối nội soi đầu cong, cỡ 30mm, 45mm, 60mm.	1. Thông số kỹ thuật: Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gập góc chủ động với đầu mũi cong, dùng cho mô mạch máu, mô trung bình, mô dày; - Chất liệu titanium, thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên theo công nghệ Tri-Staple có chiều cao ghim khác nhau là 2mm-2.5mm-3mm; 3mm-3.5mm-4mm trong mỗi băng đạn. - Chiều dài băng đạn 30mm;45mm;60mm; sau khi đóng có 3 độ cao ghim khác nhau trong mỗi băng là 0.75mm-1mm-1.25mm; 1.25mm-1.5mm-1.75mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Thanh đe cố định - Ghim đóng hình chữ B chuẩn - Thiết kế thanh chữ I tăng sức ép khi bắn. - Bốn hàng ghim ở đầu xa băng ghim - Thiết kế lưỡi dao mới nằm trong mỗi băng đạn. - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ nội soi bằng súng cơ cùng hãng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ) 4. Xuất xứ: G7	Cái	390		
66	Băng đạn, ghim khâu nối thẳng mổ mở 2 hàng ghim cỡ 60mm, 80mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ghim dập bằng titanium nguyên chất không hợp kim hoặc tương đương. - Băng đạn dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở cỡ 60mm, 80mm - Hàm đóng song song: Lực ép mô đồng đều và tạo hàng ghim đồng nhất - Chiều dài đường dao cắt: 60 mm/ 80 mm. - Chiều dài đường ghim: 60 mm ± 2mm/ 80 mm ± 2mm. - Số lượng ghim: 64 ghim/ 84 ghim, 2 hàng ghim mỗi bên. - Chiều cao ghim trước khi đóng 3.8 mm/ 4.8 mm và sau khi đóng 1.5 mm/ 2.0 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA510 (k) (Premarket Notification)	Cái	128		
67	Băng đạn, ghim khâu nối thẳng mổ mở 2 hàng ghim cỡ 60mm, 80mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium. - Thông số: Các cỡ 60mm, 80mm. Chiều cao ghim 3,0mm, 3,5mm, 4,0mm; 4,0mm, 4,5mm, 5,0mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Tính năng: Băng đạn (ghim khâu) dùng cho dụng cụ cắt khâu nối thẳng mổ mở GIA các cỡ 60mm, 80mm. - Công nghệ Tri-Staple hoặc tương đương, ba hàng ghim chiều cao khác nhau, màu tím, màu đen. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Chấu Âu), ISO 13485.	Cái	750		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
68	Băng đạn, ghim khâu nối thẳng mổ mở 3 hàng ghim, cỡ 60mm, 80mm, 100mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium - Thông số: Các cỡ 60mm, 80mm, 100mm, chiều cao ghim 3,8mm & 4,8mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Tính năng: Băng đạn (ghim khâu) khâu cắt nối thẳng GIA dùng trong phẫu thuật mổ mở hai hàng ghim. - Công nghệ định hướng ghim dập đúng chiều công nghệ DST hoặc tương đương, lưỡi dao mới hoàn toàn khi cắt giúp an toàn hơn khi sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	560		
69	Băng đạn, ghim khâu nối thẳng nội soi gập góc 60 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim bằng hợp kim Titan (Ti3Al2.5V). - Thông số ghim: Băng đạn cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gập góc; Chiều dài băng đạn 60mm; 3 hàng ghim mỗi bên; Số lượng ghim 88. - Kim đóng tương ứng theo màu sắc khác nhau lần lượt là: 1,0/ 1,5/ 1,8/ 2,0mm. - Kim mở tương ứng theo màu sắc khác nhau lần lượt là: 2,6/ 3,6/3,8/ 4,1mm.2. Tính năng, công nghệ: - Có thể cắt nối mô mỏng, mô trung bình, mô dày. - Công nghệ giữ mô bề mặt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	546		
70	Băng đạn, ghim khâu nối thẳng nội soi gập góc GIA, cỡ 45mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim bằng titanium. - Thông số: Băng đạn cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gập góc, chiều dài băng đạn 45mm, 3 hàng ghim mỗi bên, Số lượng ghim: 70. - Kim đóng tương ứng theo màu sắc khác nhau lần lượt là: 1,0/ 1,5/ 1,8/ 2,0mm. - Kim mở tương ứng theo màu sắc khác nhau lần lượt là: 2,6/ 3,6/3,8/ 4,1mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có thể cắt nối mô mỏng, mô trung bình, mô dày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	326		
71	Băng dính 2,5cm x 5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải dệt từ cellulose acetate 100%, keo Zinc oxide - Kích thước: 2.5cm x 5m 2. Tính năng, công nghệ: - Độ nhớt 8.100-12.700 cP. - Có kiểm tra vi sinh 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 11737-1, CE (Châu Âu)	Cuộn	111.540		
72	Băng dính trong suốt dùng để cố định kim luồn, kích thước 6cm x 7cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane 100%. - Thông số: 6cm x 7cm. 2. Tính năng, công nghệ: Có rãnh, màng phim trong suốt dễ quan sát, chống thấm.	Miếng	61.176		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
73	Băng dính vô trùng 53 mm x 80mm	1. Thông số kỹ thuật: - Lớp nền: Polyurethane, trong suốt. - Lớp gạc thấm hút 70% Viscose/30% Polyester, lớp chống dính : HDPE. - Lớp keo: Acrylic. - Kích thướt nền: 53mm x 80mm, gạc 35mm x 29mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Kiểm tra vi sinh theo tiêu chuẩn EN ISO-11737-1. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: Chứng nhận ISO 13485 - BSI (Châu Âu).	Miếng	25.600		
74	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc kích thước 250x90mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước băng dính: 250 x 90 mm - Băng dính làm từ vải không dệt (Polyester và rayon), màu trắng, co dãn tốt - Gạc được làm từ bông y tế (Polyester và rayon), kích thước gạc: 200 x 50 mm - Vải không dệt có độ thoáng khí > 1000 mm/s (áp lực thử 100 Pa, diện tích thử 20 cm^2 theo ISO 9237-1995) - Sản phẩm không gây kích ứng da theo ISO 10993-10:2002, TCVN 6972-2001 - Lực bóc bám dính (180°) giữa băng dính/thép: > 400 N/m (theo ASTM D903-98) 2. Tính năng, công nghệ: - Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc - Lớp phủ Polyethylene không gây dính vào vết thương khi tháo băng - Keo dán Acrylic không gây kích ứng da (có test kiểm định) - Thiết kế thoáng khí, cho phép trao đổi oxy và thoát hơi ẩm - Keo dán thân thiện với da, hạn chế kích ứng và tăng độ bám dính ổn định - Gạc có lớp phủ chống dính giúp thay băng dễ dàng, giảm đau cho người bệnh - Bao bì đạt chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Miếng	30.510		
75	Băng dính y tế	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 2.5 cm x 9.14 m - Băng keo giấy phủ keo Acrylate - Chất liệu: vải không dệt 45% - 55% - Keo acryate 45% - 55% - Trọng lượng keo 30g/m2 ±2g - Độ bám dính: ≥1.0N/cm - Độ bám dính keo ≤ 2.5 mm sau 30 phút 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cuộn	9.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
76	Băng dính y tế	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 2.5 cm x 9.14 m - Băng keo PE phủ keo Acrylic - Chất liệu: Lớp nền: chất liệu PE 60%~70% - Keo acrylic 25%~35% - Trọng lượng keo 38g±2g/m2 - Độ bám dính: ≥1.0N/cm - Độ bám dính keo ≤ 2.5 mm sau 30 phút 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cuộn	9.000		
77	Băng dính y tế	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 2.5cm x 9.14m - Băng keo lụa phủ keo Acrylate - Chất liệu: lớp nền: vải acetate, tỉ trọng 65%-75% - Keo arylate tỉ trọng 25% -35% - Trọng lượng keo: 35g±5g/m2 - Độ bám dính: ≥1.0N/cm - Độ bám dính keo ≤ 2.5 mm sau 30 phút 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cuộn	5.600		
78	Băng dùng trong cố định kim luồn 6cm x 8cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt, keo acrylic, giấy chống dính. - Kích thước: 6cm x 8cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có đường xé rãnh chuyên dùng cố định kim luồn. - Không gây kích ứng. Tiệt trùng bằng EO.	Miếng	100.640		
79	Băng Foam dán vết thương kháng khuẩn cỡ 10x10cm	1. Thông số kỹ thuật: Foam (băng xốp) kháng khuẩn cho vết thương tiết dịch ít đến trung bình có dấu hiệu/ đang nhiễm trùng. - Kích thước: 10x10cm - Chất liệu: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate (1.02 mg/cm² Ag) - Khả năng quản lí dịch tiết: 11g/10cm²/24h - Cấu tạo 3 lớp: + Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoáng khí ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm); + Lớp foam thấm hút có tẩm Silver Sulphate và than hoạt tính giúp tiêu diệt vi sinh vật; + Lớp dính Silicon tinh khiết 100% công nghệ Safetac giảm tổn thương da hoặc tương đương. 2. Tính năng, công nghệ - Hoạt tính kháng khuẩn: trong vòng 30 phút. - Thời gian lưu băng: tối đa 7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Miếng	320		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
80	Băng Foam dán vết thương tiết dịch cỡ 10x10cm	1. Thông số kỹ thuật: Foam (băng xốp) dán vết thương tiết dịch - Kích thước: 10x10 cm - Thành phần: Silicone, Polyurethane - Khả năng quản lí dịch tiết: 33,07g/10cm²/24h - Cấu tạo 3 lớp: + Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoáng khí ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm); + Lớp foam thấm hút có tẩm Silver Sulphate và than hoạt tính giúp tiêu diệt vi sinh vật; + Lớp dính Silicon tinh khiết 100% công nghệ Safetac giảm tổn thương da hoặc tương đương 2. Tính năng công nghệ: - Thời gian lưu băng: tối đa 7 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Miếng	320		
81	Băng gạc y tế hoạt tính	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước 10cm x 10cm . - Thành phần chứa: Polymer tự phân huỷ dựa trên Dibutyrylchitin (Chitin Dibutyrate, DBC, DBCH, CAS: 191427-33-5). - Hỗ trợ điều hòa nhiệt độ và trao đổi khí đúng cách. Cấu trúc 3D xốp. Dẫn lưu dịch tiết dư thừa. Giúp môi trường vết thương đạt độ ẩm thích hợp. - Băng gạc y tế hoạt tính, công nghệ cao, có khả năng phân hủy sinh học 100%. Thiết bị được thiết kế để điều trị các vết thương và vết loét mãn tính với thành phần dựa trên polyme sinh học công nghệ cao có nguồn gốc tự nhiên. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).	Miếng	9.000		
82	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở	1. Thông số kỹ thuật: - Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở. - Chiều dài lưỡi dao: 60mm và 80mm. Chiều dài hàng ghim: 64mm và 84mm. Chiều cao ghim: 3.8mm và 4.8mm. Chiều rộng ghim: 2.7mm và 2.98mm. Chiều cao ghim sau khi bấm: 1.5mm và 2.0mm. Độ dày mô yêu cầu: 1.5mm và 2.0mm. Đường kính ghim: 0.23mm. Số lượng ghim: 64 ghim và 84 ghim. - Ghim làm bằng Titanium, được đặt thành 2 hàng so le nhau có thể thay ghim tới 7 lần và có thể bấm ghim tối đa 8 lần trong một ca phẫu thuật. Mã màu xanh dương cho băng ghim 3.8mm, màu xanh lá cho băng ghim 4.8mm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
83	Băng ghim khâu nối nội soi	1. Thông số kỹ thuật: - Vật tư tiêu hao của dụng cụ khâu nối nội soi\ - Đường kính: 12.5mm - 15.5mm - Chiều rộng băng: 2.8mm - 3.0mm - Chiều cao bằng: 2mm - 4.8mm - Chiều dài làm việc: 30mm, 45mm, 60mm 2. Tính năng, công nghệ: - Có bảng màu để phân biệt kích cỡ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và FDA 510 (K) (Premarket Notification)	Cái	50		
84	Băng ghim trong phẫu thuật tiêu hóa (sử dụng Dụng cụ khâu cắt nối trong phẫu thuật tiêu hóa)	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài hộp ghim: 60mm – 100mm - Chiều cao mở: 2.5mm - 3.8mm - 4.8mm - Chiều cao đóng: 1.0mm - 1.5mm - 2.0mm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và FDA 510 (K) (Premarket Notification)	Cái	50		
85	Băng keo cá nhân vải 60mm x 19mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi vải đàn hồi, viscose 70%, polyamide 30%. Phủ keo Acrylic 140mg không chứa latex - Độ bền kéo 14.5kg/12mm ± 500g, độ dính 520g/12mm ± 30g. - Gạc 20mm x 10mm thấm hút tốt, mềm, lớp màng PE (polyethylene) không dính vào vết thương. - Tẩm benzalkonium chloride có hiệu quả khử trùng và diệt khuẩn. - Kích thước: dài 60mm, rộng 19mm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	1.518.000		
86	Băng keo cố định kim luồn 6 cm x 7cm	1. Thông số kỹ thuật: - Băng keo dính trong suốt cố định kim luồn. - Kích thước: 6cm x 7cm. - Chất liệu: Polyurethane 100%, có rãnh, màng phim trong suốt dễ quan sát, chống thấm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016, CE (Châu Âu).	Miếng	44.800		
87	Băng keo cố đinh kim luồn 60mm x 90mm	1. Thông số kỹ thuật: - Băng keo cố đinh kim luồn kích thước: 60mm x 90mm. - Chất liệu: Vải thun trắng đàn hồi không dệt (100% Polyester). - Keo Polyacrylic an toàn cho da. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu), CFS (Châu Âu).	Miếng	2.340		
88	Băng keo lụa 2,5cm x 5m	1. Thông số kỹ thuật: - Keo Polyvinyl Acetate (100%) không dị ứng. - Polymer trong phân tán nước, dính tốt. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu).	Cuộn	72.800		
89	Băng keo lụa 2,5cm x 5m	Thông số kỹ thuật: - Kích thước 2,5cm x 5m. - Băng keo lụa nền đan dệt có độ bền cao với chất kết dính ít gây dị ứng dàng tháo bỏ mà không gây đau đớn.	Cái	20.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
90	Băng keo lụa kích thước 2.5cm x 9.1m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải lụa (Acetate Taffeta), Keo Acrylic. - Thông số: Trọng lượng keo 60g poly acrylic/m². Độ dính 540g/12mm ± 30g. Độ bền kéo 5,0kg/12mm ± 500g. Định lượng vải lụa 63-69g/m². Mật độ sợi ngang 159-173 dtex. 2. Tính năng, công nghệ: - Keo độ dính cao, không chứa chất cao su và an toàn cho mọi loại da.Băng có bờ răng cưa dễ xé ngang dọc, không sót keo trên da khi tháo băng. - Bề mặt băng thông thoáng cho phép da trao đổi không khí. Băng được quấn vào lõi nhựa liền cánh để bảo vệ. - Không có vi khuẩn hiếu khí, không có nấm mốc, staphylococcus, candida albicans, pseudomonas aeruginosa, enterobacteria.	Cuộn	45.496		
91	Băng keo trong có gạc vô trùng, cỡ 6cm x 7cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 2 lớp gồm Lớp PU film trong suốt phủ keo (keo acrylic) và gạc cotton phủ lớp PE chống dính. - Kích thước: 6cm x 7cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Bảo vệ, ngăn nước, vi sinh vật. - Gạc thấm hút dịch, không dính vào vết thương. - Lớp film mỏng, tạo cảm giác dễ chịu khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt khuẩn, đựng trong từng túi riêng.	Miếng	39.104		
92	Băng keo trong có gạc vô trùng, cỡ 9cm x 15cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 2 lớp gồm lớp PU film trong suốt phủ keo (keo acrylic) và gạc cotton phủ lớp PE chống dính. - Kích thước: 9cm x 15cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Bảo vệ, ngăn nước, vi sinh vật. - Gạc thấm hút dịch, không dính vào vết thương. - Lớp film mỏng, tạo cảm giác dễ chịu khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt khuẩn, đựng trong từng túi riêng.	Miếng	13.504		
93	Băng phim dính y tế trong suốt có gạc vô trùng cỡ 5cm x 7cm	1. Thông số kỹ thuật: - Gạc gắn băng dính trong suốt, dùng cho vết thương, vết mổ < 4cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate khoảng 10 - 15%, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 5 x 7cm (±05%) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt 15 - 25%, kích thước gạc (2-3) x 4cm 2. Tính năng, công nghệ: - Khả năng kháng vi khuẩn/virut với đường kính >27nm, chống lại các vi sinh vật phổ rộng thường liên quan đến CRBSI - Hàng rào chống nước và dịch tiết - Tiệt khuẩn từng miếng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Miếng	22.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
94	Băng phim vô trùng không thấm nước 10cm x 12cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng Polyurethane 2-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic 5-25% (không latex), không sót keo khi tháo băng. - Kích thước: 10 x 12 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có viền giấy bo tròn. - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng. - Kháng vi khuẩn/virut với đường kính >27nm (HIV-1, HBV) - Chống lại các vi sinh vật phổ rộng thường liên quan đến CRBSI. - Quan sát được vùng tiêm và vùng da, thông thoáng, co giãn theo chuyển động của da, hạn chế kích ứng da. - Tiệt trùng riêng từng miếng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - CE (Châu Âu); ISO 13485:2016 - Sản xuất tại các nước G7.	Miếng	15.240		
95	Băng phim vô trùng không thấm nước 3,8cm x 4,5cm	1. Thông số kỹ thuật: - Màng bán thấm trong suốt bằng Polyurethan <20 %, phủ lớp keo acrylate khoảng 15-30 % không chứa cao su, ngăn cản nước, vi khuẩn, virus có kích thước > 27nm (HIV-1 và HBV), cho phép hấp thụ oxy và thải hơi ẩm. - Kích thước: 3.8cm x 4.5cm. 2. Tính năng, công nghệ: - An toàn sinh học tiếp xúc bề mặt da bị tổn thương hoặc suy yếu trên 30 ngày - Phủ keo hình kim cương tăng độ bám dính và thông thoáng, hạn chế kích ứng tối đa, không sót keo khi tháo băng. - Có khung viền giấy. - Viền xung quanh bằng vải không dệt, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim luồn. - Bộ phận đi kèm: nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, băng keo cố định dây truyền dịch. - Thời gian lưu tối thiểu 7 ngày. - Tiệt khuẩn từng miếng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CFG - FDA (Hoa Kỳ), CE Châu Âu), 4. Xuất xứ: G7.	Miếng	8.240		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
96	Băng phim vô trùng không thấm nước 6,5cm x 7cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng bán thấm trong suốt bằng Polyurethan 1-20%, phủ lớp keo Acrylate <30%. - Kích thước: 6.5cm x 7cm; 2. Tính năng, công nghệ: - Ngăn cản nước, vi khuẩn, virus có kích thước ≥27nm; - Phủ keo hình kim cương tăng độ bám dính và thông thoáng; - Viền xung quanh bằng vải không dệt, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim luồn; - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, băng keo cố định; - Có khung viền giấy; - Thời gian lưu tới 7 ngày; - Tiệt khuẩn từng miếng. - An toàn sinh học tiếp xúc bề mặt da bị tổn thương hoặc suy yếu trên 30 ngày; 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE Châu Âu), 4. Xuất xứ: G7.	Miếng	45.200		
97	Băng phim vô trùng không thấm nước 6cm x 7cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng Polyurethane 2-15% trong suốt, bán thấm, nền keo Acrylic 5-25% (không latex), không sót keo khi tháo băng. - Kích thước: 6cm x 7cm (±05%). 2. Tính năng, công nghệ: - Có viền giấy bo tròn. - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng. - Kháng vi khuẩn/virut với đường kính >27nm (HIV-1, HBV) - Chống lại các vi sinh vật phổ rộng thường liên quan đến CRBSI. - Quan sát được vùng tiêm và vùng da, thông thoáng, co giãn theo chuyển động của da, hạn chế kích ứng da. - Tiệt trùng riêng từng miếng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - CE (Châu Âu); ISO 13485:2016 - Sản xuất tại các nước G7.	Miếng	12.520		
98	Băng thun tự dính 10cm x 4.5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su thiên nhiên: 50 - 65%; Vải polyester: 10 - 20%; Vải polyurethane co giãn: 10 - 20%, Chất kết dính Polymer Acrylic: 10 - 20%. - Kích thước: 10(±1)cm x 4,5(±1)m.	Cuộn	490		
99	Băng thun tự dính 7.5cm x 4.5m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su thiên nhiên: 50 - 65%, vải polyester: 10 - 20%, vải polyurethane co giãn: 10 - 20%, chất kết dính polymer acrylic: 10 - 20%. - Kích thước: 7,5(±1)cm x 4,5(±1)m. - Đóng gói tiệt khuẩn từng cuộn. 2. Tính năng, công nghệ: Băng đàn hồi tự dính dùng để cố định hoặc băng ép. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CFG-FDA (Hoa Kỳ) và CE (Châu Âu).	Cuộn	30		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
100	Băng vô trùng 10cm x 25 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 10 x 25 cm - Khả năng hấp thụ: 15+-5 g/100cm² - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/ 24 h / m² - Tính chất: + Trong suốt và không thấm nước + Thoáng khí + Chống vi khuẩn xâm nhập từ bên ngoài + Kháng các chất khử trùng thông thường + Độ bám dính an toàn, vừa vặn chính xác + Để lại ít bã, ít đau khi bóc + Nguy cơ dính vào vết thương thấp + Thích hợp cho da nhạy cảm - Lực kết dính: 2 -0,5 / +1 N/10mm (đo nội bộ) - Hàng rào chống virus: Có - Chống kích ứng: Keo polyacrylate ít gây dị ứng 2. Tiêu chuẩn chất lượng: DIN EN ISO 11135-1	Miếng	3.000		
101	Băng vô trùng 7cm x 5cm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 7x5 cm - Khả năng hấp thụ: 15+-5 g/100cm² - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/ 24 h / m² - Tính chất: + Trong suốt và không thấm nước + Thoáng khí + Chống vi khuẩn xâm nhập từ bên ngoài + Kháng các chất khử trùng thông thường + Độ bám dính an toàn, vừa vặn chính xác + Để lại ít bã, ít đau khi bóc + Nguy cơ dính vào vết thương thấp + Thích hợp cho da nhạy cảm - Lực kết dính: 2 -0,5 / +1 N/10mm (đo nội bộ) - Hàng rào chống virus: Có - Chống kích ứng: Keo polyacrylate ít gây dị ứng 2. Tiêu chuẩn chất lượng: DIN EN ISO 11135-1	Miếng	12.500		
102	Băng vô trùng cỡ 120 x 90mm	1. Thông số kỹ thuật: - Lớp nền: Polyurethane, trong suốt. - Lớp keo: Acrylic. 2. Tính năng, công nghệ: - Mức thấm hơi nước : ≥ 500 g/m2/24 giờ. - Lực dính : ≥ 1.0 N/cm. - Vi khuẩn và nấm ≤100cfu/g. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: Chứng nhận ISO 13485 - BSI (Châu Âu).	Miếng	22.060		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
103	Băng vô trùng cỡ 53 x 80mm	1. Thông số kỹ thuật: - Lớp nền: Polyurethane, trong suốt. - Lớp gạc thấm hút 70% Viscose/30% Polyester, lớp chống dính: HDPE. - Lớp keo: Acrylic. - Kích thướt nền : 53mm x 80mm, gạc 35mm x 29mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Kiểm tra vi sinh theo tiêu chuẩn EN ISO-11737-1. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: Chứng nhận ISO 13485 - BSI (Châu Âu).	Miếng	15.600		
104	Băng vô trùng kích thước 6 cm x 7 cm, có gạc 1,5 cm x 2,5 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Cố định kim luồn 6cm x 7cm. - Có gạc 1.5cm x 2.5cm. 2. Tính năng công nghệ: - Vải nền đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) co giãn, thông thoáng. - 4 góc bo tròn tránh bung mép. Trên lớp giấy bảo vệ có thêm 2 miếng băng dán giúp cố định chắc dây truyền, ống truyền. - Gạc thấm hút dịch, cố định, che chắn chỗ kim luồn. - Phủ keo Acrylic an toàn cho mọi loại da. - Tiệt trùng riêng từng miếng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	100.000		
105	Băng vô trùng loại trong suốt không thấm nước 12cm x 10cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane (P.U) trong suốt, không chứa latex. - Phủ keo Acrylic trọng lượng 35g/m² (thành phần chính gồm: ethenyl acetate and 2-ethylhexyl 2-propenoate (40-50%); acetic acid ethyl ester (20-25%); 2-Propanol (15-20%); naphtha (petroleum), hydrotreated light (15-20%)). - Kích thước: 10cm x 12cm. - Thông số: độ bền kéo 2.0kg/12mm ± 200g, độ dính 440g/12mm ± 30g (lực dính 3.60 ± 0.25 N/cm). 2. Tính năng, công nghệ: - Màng film PU thoáng khí, bán thấm, 4 góc bo tròn tránh bung mép. - Tiệt trùng từng miếng bằng E.O Gas. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	5.164		
106	Băng vô trùng trong suốt, không thấm nước 7cm x 6cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Giấy lót phủ Silicon: 5 - 65%. Film Polyurethane: 2 - 15%. Keo Acrylate: 3 - 30%. - Kích thước: 7cm x 6cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Chấu Âu), ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	17.200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
107	Băng xốp polyurethane 3 lớp tự dính keo silicone dày 2 mm, kích thước 9 x 25cm (foam: 5 cm x 20 cm)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng film P.U, polyurethane foam, viền bám dính phủ silicone. - Kích thước: 9cm x 25cm (Foam 5x20x0,2cm). 2. Tính năng, công nghệ: - Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày 2mm. Gồm: + Lớp bảo vệ (viền bám dính polyurethane film bán thấm được phủ film silicone đục lỗ tự dính): Màng film P.U bán thấm phủ ngoài có tác dụng chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn. + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): Chứa Sodium Alginate 0,9%, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng. + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: Kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm. - Tốc độ thoát hơi ẩm 1.550g/m2/ngày. - Khả năng thấm hút dịch 3.100g/m2/ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	4.140		
108	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 2mm, kích thước 9 x 15cm (foam: 5 cm x 10 cm)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng film P.U, viền bám dính phủ keo Acrylic, polyurethane foam. - Kích thước: 9cm x 15cm (Foam 5x10x0,2cm). 2. Tính năng, công nghệ: - Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày 2mm. Gồm: + Lớp bảo vệ (viền bám dính polyurethane film bán thấm, được phủ keo acrylic tự dính): màng film P.U bán thấm phủ ngoài có tác dụng chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn. + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): chứa Sodium Alginate 0,9%, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng. + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm. - Tốc độ thoát hơi ẩm 1.530g/m2/ngày. - Khả năng thấm hút dịch 5.100g/m2/ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	1.164		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
109	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 2mm, kích thước 9 x 25cm (foam: 5 cm x 20 cm)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng film P.U, viền bám dính phủ keo Acrylic, polyurethane foam. - Kích thước: 9cm x 25cm (Foam 5x20x0,2cm). 2. Tính năng, công nghệ: - Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày 2mm. Gồm: + Lớp bảo vệ (viền bám dính polyurethane film bán thấm, được phủ keo acrylic tự dính): màng film P.U bán thấm phủ ngoài có tác dụng chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn. + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): chứa Sodium Alginate 0,9%, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng. + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm. - Tốc độ thoát hơi ẩm 1.530g/m2/ngày. - Khả năng thấm hút dịch 5.100g/m2/ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	964		
110	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 5 mm, kích thước 10 x 10 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liêu: Màng film P.U, polyurethane foam. - Kích thước: 10cm x 10cm (Foam 10x10x0.5cm). 2. Tính năng công nghệ: - Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày 5mm. Gồm: + Lớp bảo vệ: màng film P.U bán thấm phủ ngoài có tác dụng chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn. + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): chứa Sodium Alginate 0.9%, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng. + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm. - Tốc độ thoát hơi ẩm 1,330g/m2/ngày. - Khả năng thấm hút dịch 5,300g/m2/ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	3.500		
111	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 5 mm, kích thước 14 x 14 cm, (foam: 10 cm x 10 cm)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng film P.U, viền bám dính phủ keo Acrylic, polyurethane foam. - Kích thước: 14cm x 14cm (Foam 10x10x0,5cm). 2. Tính năng, công nghệ: Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày 5mm. Gồm: - Lớp bảo vệ (viền bám dính polyurethane film bán thấm, được phủ keo acrylic tự dính): màng film P.U bán thấm phủ ngoài có tác dụng chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn. - Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): chứa Sodium Alginate 0,9%, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng. - Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm. + Tốc độ thoát hơi ẩm 1.530g/m2/ngày. + Khả năng thấm hút dịch 5.100g/m2/ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	564		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
112	Băng xốp polyurethane 3 lớp, dày 5 mm, kích thước 20 x 20 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng film P.U, polyurethane foam. - Kích thước: 20cm x 20cm (Foam 20x20x0,5cm). 2. Tính năng, công nghệ: - Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày 5mm. Gồm: + Lớp bảo vệ: màng film P.U bán thấm phủ ngoài có tác dụng chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn. + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): chứa Sodium Alginate 0.9%, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng. + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm. - Tốc độ thoát hơi ẩm 1,330g/m2/ngày. - Khả năng thấm hút dịch 5.300g/m2/ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	500		
113	Băng xốp polyurethane silver kháng khuẩn 3 lớp, dày 5 mm, kích thước 10 x 10 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng film P.U, polyurethane foam. - Kích thước: 10cm x 10cm (Foam 10x10x0,5cm). 2. Tính năng, công nghệ: - Băng xốp Polyurethane 3 lớp, dày 5mm. Gồm: + Lớp bảo vệ: màng film P.U bán thấm phủ ngoài có tác dụng chống thấm nước, ngăn chặn sự xâm nhập của vi khuẩn. + Lớp hấp thụ (polyurethane foam thấm hút): chứa Sodium Alginate 0,9%, silver nitrate 1 %, hấp thụ gấp 15-20 lần trọng lượng của băng. + Lớp tiếp xúc chống dính vết thương: kích thước lỗ tiếp xúc vết thương 16µm-53µm. - Tốc độ thoát hơi ẩm 1.400g/m2/ngày. - Khả năng thấm hút dịch 5.600g/m2/ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	1.000		
114	Banh bảo vệ đường mổ dùng 1 lần các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh: PU (polyurethane) + silicon gel. - Kích thước: 60x70x150mm; 80x90x150mm; 120x130x150mm. - Đường kính vòng trên lần lượt 60-80-120mm, đường kính vòng dưới lần lượt 70-90-130mm, chiều cao 150mm, đường kính lòng banh lần lượt 70-80-120mm, sử dụng cho đường rạch kích thước 2-10cm. 2.Tính năng, công nghệ: Banh được thiết kế tự giữ giúp bác sỹ rảnh tay trong quá trình phẫu thuật, loại có thể điều chỉnh chiều cao được.	Cái	550		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
115	Banh miệng vết mổ cho đường rạch da 11-17cm	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ banh miệng vết mổ chất liệu bằng Polyurethan các cỡ rất lớn dùng cho vết mổ dài 11-17cm. - Cấu tạo hình ống, độ dày thân 0,05± 0,01mm, chiều dài 240 ± 10mm. Vòng trên cấu tạo chắc chắn với 2 lõi được làm từ thép không gỉ (loại JIS G4314 WPB và KS D3535 WPB) hoặc tương đương, đường kính vòng trên 237 ± 3mm, vòng dưới 240mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế để banh rộng tối đa với đường rạch da tối thiểu, đồng thời. - Giúp duy trì độ ẩm và bảo vệ vết mổ khỏi bị nhiễm trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Cái	500		
116	Banh miệng vết mổ cho đường rạch da 17-25cm	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ banh miệng vết mổ chất liệu bằng Polyurethan các cỡ rất lớn dùng cho vết mổ dài 17-25cm. - Cấu tạo hình ống, độ dày thân 0,05± 0,01mm, chiều dài 360 ± 10mm. Vòng trên cấu tạo chắc chắn với 2 lõi được làm từ thép không gỉ (loại JIS G4314 WPB và KS D3535 WPB) hoặc tương đương, đường kính vòng trên 342 ± 3mm, vòng dưới 340mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế để banh rộng tối đa với đường rạch da tối thiểu, đồng thời. - Giúp duy trì độ ẩm và bảo vệ vết mổ khỏi bị nhiễm trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Cái	300		
117	Banh miệng vết mổ cho đường rạch da 2-4cm và 3-6cm	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ banh miệng vết mổ chất liệu bằng Polyurethan các cỡ XS và S. - Cấu tạo hình ống, độ dày thân 0,05± 0,01mm, vòng trên với 2 lõi được cấu tạo từ thép không rỉ (loại JIS G4314 WPB và KS D3535 WPB) hoặc tương đương giúp tạo khoang vào hình tròn chắc chắn, kích thước như sau: - Loại rất nhỏ- size XS dùng cho vết mổ dài 2-4cm. Chiều dài 130 ± 5mm, đường kính vòng trên 73± 2mm, vòng dưới 75mm. - Loại nhỏ- size S dùng cho vết mổ dài 3-6cm. Chiều dài 130 ± 5mm, đường kính vòng trên 97± 2mm, vòng dưới 97mm. Tương thích với nắp phủ chất liệu silicon trong suốt tạo thành hệ thống kín tạo đường vào cho dụng cụ nội soi đường kính 5-12mm mà không làm rò khí ổ bụng, có cổng khí 2 chiều. 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế để banh rộng tối đa với đường rạch da tối thiểu, đồng thời. - Giúp duy trì độ ẩm và bảo vệ vết mổ khỏi bị nhiễm trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Cái	340		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
118	Banh miệng vết mổ cho đường rạch da 5-9cm	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ banh miệng vết mổ chất liệu bằng Polyurethan các cỡ trung bình dùng cho vết mổ dài 5-9cm. - Cấu tạo hình ống, độ dày thân 0,05± 0,01mm, chiều dài 150± 5mm. Vòng trên cấu tạo chắc chắn với 2 lõi được làm từ thép không gỉ (loại JIS G4314 WPB và KS D3535 WPB) hoặc tương đương, đường kính vòng trên 131± 2mm, vòng dưới 128mm. 2. Tính năng: - Thiết kế để banh rộng tối đa với đường rạch da tối thiểu, đồng thời. - Giúp duy trì độ ẩm và bảo vệ vết mổ khỏi bị nhiễm trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Cái	500		
119	Banh miệng vết mổ cho đường rạch da 9-14cm	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ banh miệng vết mổ chất liệu bằng Polyurethan các cỡ lớn dùng cho vết mổ dài 9-14cm - Cấu tạo hình ống, độ dày thân 0,05± 0,01mm chiều dài 220 ± 5mm. Vòng trên cấu tạo chắc chắn với 2 lõi được làm từ thép không gỉ (loại JIS G4314 WPB và KS D3535 WPB) hoặc tương đương, đường kính vòng trên 198± 3mm, vòng dưới 200mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế để banh rộng tối đa với đường rạch da tối thiểu, đồng thời. - Giúp duy trì độ ẩm và bảo vệ vết mổ khỏi bị nhiễm trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Cái	500		
120	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật nội soi	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PE trắng trong suốt. - Đường kính 97mm. - Vòng ngoài có bề dày trung bình 1,5 mm, vòng trong có bề dày 1,8 mm. - Phần bao nylon để luồn camera khi thao tác dài 2m, bề rộng bản 150 mm và có bề dày 0,03 mm. 2. Tính năng, công nghệ: Miệng bao được cố định bởi 2 vòng kép lồng vào nhau.	Cái	99.962		
121	Bao cao su	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu cao su thiên nhiên, dầu silicone có độ nhớt từ 200 đến 350CS - Dài ≥ 170mm, rộng 52mm ± 2mm, độ dày 0,065mm ±0,015mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng, - Không gây hại , không gây dị ứng.	Cái	69.650		
122	Bao cao su	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu mủ latex (mủ cao su) tự nhiên, màu trắng và sáng trong. 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng gói từng cái riêng lẻ. - Sử dụng phù hợp cho siêu âm đầu dò	Cái	64.510		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
123	Bao chi bắp chân dùng cho máy chống thuyên tắc huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Airflow Light, chỉ số thoáng khí 12.5m2 Pa/W , chỉ số giảm nhiệt TOG 0.8. - Kích cỡ: <71 cm, - Lực nén 40 -65 mmHg/ 12 giây trong chu kỳ 60 giây - Dùng tương thích với hệ thống máy tạo áp lực ngắt quãng Flowtron ACS 900 hoặc tương đương - Phòng ngừa huyết khối, dạng 1 khoang	Đôi	200		
124	Bao chi đùi dùng cho máy chống thuyên tắc huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: vải không dệt, không có chất cao su. - Thông số: Đạt áp lực nén trong thời gian dưới 0,5 giây. Tạo áp lực đỉnh ban đầu là 73mmHg +/-15% (xa tim) và 63mmHg +/- 15% (gần tim). Áp lực giữ là 45mmHg ±10%, thời gian giữ 6 giây. 2.Tính năng, công nghệ: - Bao chi được thiết kế đặc biệt có tấm lót hơi không đối xứng với ống nối hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân và phần đùi. - Tương thích với máy VenaFlow Elite hoặc tương đương, sử dụng bao chi cho phép tùy chọn 2 cơ chế nén hơi tạo áp lực là nén tức thời (nén nhanh), hoặc nén ngắt quãng tuần tự (nén chậm). Máy có thể tự nhận biết loại bao chi đang sử dụng.	Đôi	532		
125	Bao chi đùi dùng cho máy chống thuyên tắc huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Airflow Light, chỉ số thoáng khí 12.5m2 Pa/W , chỉ số giảm nhiệt TOG 0.8. - Kích cỡ: <<43 cm, - Lực nén 40 -65 mmHg/ 12 giây trong chu kỳ 60 giây - Dùng tương thích với hệ thống máy tạo áp lực ngắt quãng Flowtron ACS 900 hoặc tương đương - Phòng ngừa huyết khối, dạng 1 khoang	Đôi	442		
126	Bao chi gối dùng cho máy chống thuyên tắc huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: vải không dệt, không có chất cao su. - Thông số: Đạt áp lực nén trong thời gian dưới 0,5 giây. Tạo áp lực đỉnh ban đầu là 73mmHg +/-15% (xa tim) và 63mmHg +/- 15% (gần tim). Áp lực giữ là 45mmHg ±10%, thời gian giữ 6 giây. 2.Tính năng, công nghệ: - Bao chi được thiết kế đặc biệt có tấm lót hơi không đối xứng với ống nối hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân và phần đùi. - Tương thích với máy VenaFlow Elite hoặc tương đương, sử dụng bao chi cho phép tùy chọn 2 cơ chế nén hơi tạo áp lực là nén tức thời (nén nhanh), hoặc nén ngắt quãng tuần tự (nén chậm). Máy có thể tự nhận biết loại bao chi đang sử dụng.	Đôi	300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
127	Bao đo tạo áp lực xâm lấn	1. Thông số kỹ thuật: - Bao áp lực truyền dịch nhanh, dung tích: 500ml - Chất liệu: túi đo urethane, đồng hồ đo áp lực vật liệu ABS trắng/tinh thể styrene, bóng bóp vật liệu nhựa mềm dẻo. Không latex, không DEHP 2. Tính năng, công nghệ: - Đặc điểm: Đồng hồ đo áp suất sử dụng lò xo bằng đồng không chứa sắt tương thích MRI, có thể nhìn thấy rõ ràng qua cửa sổ 360 độ dễ đọc có thể đọc từ xa với thang đo chỉ thị bằng màu sắc từ 0-150mmHg, 150-250mmHg, 250-300mmHg, 300+mmHg .Van giảm áp ngăn ngừa bơm quá mức (giảm áp suất 360 mmHg). Thiết kế túi dày 0.2". Có móc treo. Có van khóa stopcock - Sử dụng 1 lần 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)/CE (Châu Âu)	Cái	10		
128	Bầu xông khí dung dùng cho máy thở kèm dây nối	1. Thông số kỹ thuật: - Tốc độ phun khí: 280 mg. - Kích thước hạt trung bình 2,9 µm. - % lượng thuốc có kích thước <5 µm: 68%. 2. Tính năng công nghệ: - Bộ xông bao gồm: 01 bầu xông + 1 dây nối xông khí dung. - Tương thích với các loại máy thở trên thị trường. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	4.744		
129	Bình chứa dịch dùng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp áp lực âm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate (Grade: PC - 1220). - Thông số: dung tích 600cc. - Kích thước bình 100x120mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có chứa thành phần Biocera-A giúp kháng khuẩn, giảm mùi hôi của dịch vết thương và chứa gel làm đặc dịch vết thương và chất lỏng trong bình. - Bình chứa dịch dùng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp áp lực âm. - Tương thích máy hút dịch áp lực âm chế độ liên tục & chu kỳ. - Bình chứa dịch có gắn cảm biến để báo hiệu dịch chứa đầy, máy Curays sẽ báo tín hiệu cảnh báo. - Bình gồm bộ lọc một lần ngăn dòng chất lỏng chảy ngược trở lại hệ thống hút. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bình	1.394		
130	Bình chứa dịch, dung tích 600cc dùng cho máy hút áp lực âm	Thông số kỹ thuật: thể tích 600ml, dùng cho máy hút áp lực âm.	Cái	524		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
131	Bình dẫn lưu 400ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa trung tính. - Dung tích 400ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Dạng xếp có đầu nối. - Bình hút sẽ được kết nối với một Dây dẫn có khóa kẹp. Đầu cuối của Dây dẫn là khóa kết nối hình chữ Y. - Một kim cong để kết nối vào Dây hút dịch vết thương. - Có sẵn một Dây hút dịch vết thương dự phòng, size 14, 16".	Cái	4.916		
132	Bình dẫn lưu áp lực âm 450ml	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Nhựa PVC. - Bình chứa 450ml. 2. Tính năng, công nghệ. - Dạng xếp có đầu nối. - Bình hút được kết nối với một dây dẫn dài 90cm, có khóa; với đầu là co nối thuôn nhỏ dạng con đuông, có thể gắn vào các loại ống dẫn lưu khác nhau. Đầu cuối của dây dẫn là khóa kết nối hình chữ Y. - Một kim cong để kết nối vào dây hút dịch vết thương size FG 14 dài 70cm. - Tiệt trùng. Đóng gói một bình trong một hộp riêng lẻ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	2.064		
133	Bình dẫn lưu áp lực âm 450ml	1.Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Nhựa PVC Bình chứa 450ml 2. Tính năng công nghệ - Dạng xếp có đầu nối - Bình hút được kết nối với một dây dẫn dài 90cm, có khóa; với đầu là co nối thuôn nhỏ dạng con đuông, có thể gắn vào các loại ống dẫn lưu khác nhau. Đầu cuối của dây dẫn là khóa kết nối hình chữ Y - Một kim cong để kết nối vào dây hút dịch vết thương size FG 14 dài 70cm • Tiệt trùng. Đóng gói một bình trong một hộp riêng lẻ. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	700		
134	Bình dẫn lưu dịch màng phổi 1800ml kèm dây nối	1. Thông số kỹ thuật: - Bình dẫn lưu màng phổi thiết kế thẳng đứng, dung tích 1800ml. - Vật liệu Polystyrene trọng lượng nhẹ, chống sốc, chống vỡ, trong suốt. - Có màng lọc kỵ nước (PTFE) ở cổng kết nối với máy hút - Bao gồm: bộ lọc, van chảy ngược, ống kín dưới nước, nắp khoá cố định màu trắng. - Ống nối dẫn lưu có lòng trong nhẵn, chống gãy gập, dài 180cm. - Có vạch đánh dấu độ sâu 2cm tính từ đáy, vạch đánh dấu thiết lập khả năng kín nước chính xác và vạch chia thể tích (cách nhau 50ml). 2. Tính năng, công nghệ: - Cơ chế một chiều kín nước (water-seal) cho phép loại bỏ không khí và chất lỏng đồng thời ngăn chặn khí và chất lỏng chảy ngược vào phổi. - Khử trùng bằng EO.	Cái	3.082		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
135	Bình dẫn lưu vết mổ áp lực âm 100ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Silicone - Dung tích 100ml - Dạng bơm hút chân không, - Tích hợp van chống trào ngược chống nhiễm khuẩn - Tương thích ống dẫn lưu vết mổ silicone các cỡ 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	560		
136	Bình dẫn lưu vết mổ áp lực âm 200ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Silicone - Dung tích 200ml - Dạng bơm hút chân không, - Có van một chiều chống trào ngược. - Tương thích ống dẫn lưu vết mổ silicone các cỡ 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	660		
137	Bình dẫn lưu vết mổ áp lực âm 450ml	1. Thông số kỹ thuật: - Dung tích 450ml - Dạng dẹt, có lò xo nén tạo áp lực âm 2. Tính năng, công nghệ: - Duy trì liên tục áp lực hút ở mức thấp làm giảm tổn thương mô và ngăn tích tụ chất lỏng dư thừa. - Có van một chiều loại bỏ nguy cơ trào ngược máu/dịch tiết. - Cho phép dẫn lưu song song từ hai phía của vết mổ. - Tương thích ống dẫn lưu vết mổ silicone các cỡ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	660		
138	Bình hút dịch 0,8 lít	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene - Dung tích 0,8L 2.Tính năng, công nghệ: - Dùng 1 bệnh nhân, tương thích với máy Thopaz hoặc tương đương, đóng gói tiệt trùng. - Bình có vạch chia, độ đọc chính xác ± 2,5%. Bình có lọc khuẩn và chống tràn, có van giảm áp.	Cái	815		
139	Bình hút dịch Polypropylene dung tích 2 lít	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene. - Dung tích: 2 lít. 2. Tính năng công nghệ: - Tương thích với máy Thopaz, đóng gói tiệt trùng. - Bình có vạch chia, độ đọc chính xác ± 2,5%. - Bình có lọc khuẩn và chống tràn, có van giảm áp. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	114		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
140	Bộ 1 xilanh 200ml dùng cho máy bơm cản quang hai nòng	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số bộ gồm: Bộ xilanh 200ml dùng được cho máy bơm cản quang hai nòng Stellant hoặc tương đương. Một bộ gồm 2 xilanh 200ml, 1 dây nối áp lực cao chữ Y dài 150cm, 2 ống lấy thuốc	Bộ	1.020		
141	Bộ bình làm ẩm oxy 340ml có nước tiệt trùng, co nối	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bằng nhựa chuẩn y tế không chứa latex. - Dung tích: 340ml. - Thông số: Van xả áp suất 350-700cm H20. Bình vẫn tạo khí làm ẩm bình thường nhưng có alarm báo động khi tốc dộ khí oxy > 10LPM hay <0,5LPM. 2.Tính năng, công nghệ: - Bình đúc nguyên khối kín hoàn toàn chứa nước cất tiệt trùng, sử dụng nhiều ngày; tốc độ từ 2LPM ~ 8LPM. - Có máy khuếch tán siêu vi (micro-diffuser) trong bình nên bình rất tiết kiệm nước khi tạo hạt khí làm ẩm nhỏ hơn, không tạo bong bóng bọt khí lớn, không rung, không gây ồn. - Có alarm báo khi bình bị tắc nghẽn và báo âm thanh khi đầu nối vô khớp với bình. Bình sử dụng 1 lần. - Đóng gói: Bình + đầu nối đóng trong 1 gói tiệt trùng bằng tia Gamma.	Bộ	11.662		
142	Bộ bình làm ẩm và dây thở có kiểm soát nhiệt độ	1. Thông số kỹ thuật: - Bộ kit dây thở tích hợp cảm biến nhiệt độ và bình làm ấm có phao kép, tự động cân chỉnh mức nước, kèm bộ co nối có thể phun khí dung Aerogen tương thích máy HFNC Airvo2 hoặc tương đương. Cấu hình: A. BÌNH LÀM ẨM: - Thể tích 280 ml. - Trở kháng dòng ở 60L/phút: 0,52 cmH2O. - Áp lực vận hành tối đa: 8 kPa. - Có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy đảm bảo lượng nước không quá mức cho phép. B. DÂY THỞ: - Dây thở gia nhiệt 2 lớp với lớp gia nhiệt tích hợp vào thành dây thở xoắn xen kẽ lớp cách nhiệt với môi trường bên ngoài (2 vòng xoắn kép) giúp hạn chế đọng nước lên đến 93%. - Có cảm biến đo nhiệt độ cuối dây thở. - Có kẹp giúp cố định dây thở. - Có cổng gắn đầu phun khí dung, có nắp đậy bằng silicone, tương thích với đầu phun khí dung màng rung điện. - Tốc độ dòng: 2 - 60L/phút. - Nhiệt độ 31, 34 và 37 độ C. - Chiều dài: 1,8m. - Thời hạn sử dụng tối đa 14 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng. 2. Tính năng, công nghệ: - Không chứa cao su tự nhiên hay phtalates (DEHP, DBP, BBP). - Kết nối chuẩn với máy thở dòng cao Airvo 2 (F&P) hoặc tương đương.	Bộ	1.244		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
143	Bộ bơm áp lực 30atm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate. - Thông số: Áp lực tối đa 30atm. 2. Tính năng, công nghệ: Bộ phận kèm theo gồm dụng cụ mở đường cho dây dẫn, mũi xoắn (Torque Device) và van dạng Copilot chóng gỉ máu, bơm tiêm 20ml, khóa chữ Y dạng bấm.	Bộ	1.000		
144	Bộ bơm áp lực cao bơm bóng nong mạch vành	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate. - Thông số: Áp lực 30atm, 40atm. Dây áp lực cao kích thước 12", áp lực lên đến 1200psi. Dây mở rộng 25cm, dụng cụ chèn 21G, torquer 0,014"/0,035". - Dung tích: 20ml. 2.Tính năng, công nghệ: - Bộ kết nối chữ Y dạng Push-click, có áp lực lên đến 1200psi. - Bộ bơm bóng gồm kết nối chữ Y, khóa 3 chạc. Mặt đồng hồ áp lực gập góc, phát quang. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu) 4. Xuất xứ: G7	Bộ	2.404		
145	Bộ bơm bóng áp lực cao	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate, Acrylonitrile-Butadiene-Styrene. - Thông số: Áp lực tối đa đến 30atm. - Thể tích: 20ml, có kèm tubing dài 33 cm nối sẵn. 2. Tính năng, công nghệ: - Cơ chế khóa luồng (threaded locking) giúp tạo áp lực chính xác. - Bộ bơm bóng áp lực cao dùng trong tim mạch chẩn đoán và can thiệp. - Màn hình analog. - Phụ kiện tùy chọn có van cầm máu gồm dạng lòng rộng đến 9F với khóa Tuohy, dạng lòng nhỏ 7F kèm cơ chế đẩy-kéo và loại phối hợp hai cơ chết khóa Tuohy và cơ chế đẩy-kéo, có dụng cụ hỗ trợ đi dây wire chất liệu plastic hoặc kim loại, thiết bị torque, khóa 3 ngã, tùy chọn tubing nối dài chiều dài 10, 20, 50cm. - Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO).	Bộ	1.350		
146	Bộ bơm bóng áp lực cao	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số: Áp lực tối đa 30atm. - Dung tích: 20ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ dụng cụ bơm bóng feather với khả năng hiển thị cao giúp đọc áp suất chính xác. - Kèm theo bộ KIT, gồm có: khoá chữ y, dây nối, kim luồn và torque. - Loại súng - Feather gun.	Bộ	850		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
147	Bộ bơm bóng áp lực cao 30atm, 20cc	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate. - Thông số: Áp lực tối đa đến 30atm, Van stopcock 3 chiều, áp lực lên đến 500 Psi. - Thể tích: 20ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ bơm bóng áp lực cao, đồng hồ đo áp lực phản quang. Bao gồm bơm áp lực 20ml, 25ml, Y-Connector, dây nối, kim chọc và Torque. - Van cầm máu chữ Y loại xoay chiều hoặc dạng bấm. - Cơ chế tăng áp xoay chiều lock và unlock dễ dàng. - Đồng hồ đo áp lực huỳnh quang, có bộ phận kết nối bằng đồng.	Bộ	500		
148	Bộ bơm bóng áp lực cao dùng trong can thiệp tim mạch Shun Fountain 1	1. Thông số kỹ thuật: - Bơm áp lực cao 30atm, dung tích 20ml - Chất liệu: Polycarbonate (PC) trong suốt. 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ bơm bóng thiết kế thông minh có khóa xả trên tay cầm gồm: Thiết bị bơm, khóa 3 ngã áp lực cao và 1 bộ van cầm máu - Bộ van cầm máu gồm: Van chữ Y dạng push-click, có hoặc không dây nối áp lực cao dài 25 kèm thêm khóa 3 ngã thường, Kim mở đường (OD: 0.92±0.05mm; ID: 0.63±0.05mm) và dụng cụ Torque. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Cái	150		
149	Bộ bơm bóng áp lực cao loại Rotary Press	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ bơm bóng: Dung tích: 20ml/ 30ml, Áp lực 26atm/ 30atm. - Chất liệu thân và khóa kết nối từ PC, tay cầm chữ T từ ABS và dây nối dài từ PU. Không DEHP, không Latex. - Đồng hồ áp suất gập góc với bề mặt hiển thị số phát quang, có dây áp lực cao đường kính trong 1.8mm, dài tối thiểu 250mm chịu áp lực tối đa 1200psi và khóa ba chạc kiểu ON. - Thiết kế công thái học đảm bảo thao tác bằng một tay hiệu quả. Tốc độ bơm gia tăng lên đồng đều và áp suất được bơm chính xác. - Đi kèm kết nối chữ Y loại Rotary Press (kết hợp vặn và bấm) thân trong suốt đường kính trong 3.3mm, khóa ba chạc áp lực 350 psi, dây nối dài trong suốt 25cm/45cm, dụng cụ chèn đây dẫn kích thước 20G x 95mm, torquer màu cam - trắng 0.014" - 0.018". - Các dụng cụ với đầu kết nối luer lock - phù hợp với tiêu chuẩn GB/T 1962.1 và GB/T. 1962.2. - Tiệt trùng bằng Epoxyethane. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 80369-7, CE (Châu Âu).	Bộ	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
150	Bộ bơm bóng áp lực cao trong can thiệp tim mạch, 30 atm, dung tích 20cc	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate trong suốt. - Thông số: Áp lực tối đa 30atm. - Dung tích: 20ml. - Đường kính đầu nối chữ Y: 9Fr. 2. Tính năng, công nghệ: - Gia tăng áp lực chính xác đến 30ATM. - Chất liệu polycarbonate trong suốt, dễ kiểm soát và đuổi bọt khí. - Đầu nối chữ Y loại bấm có van cầm máu. - Bộ bao gồm: bơm bóng, Y-connector, Torquer, Insertion tool.	Bộ	200		
151	Bộ bơm bóng áp lực cao trong can thiệp tim mạch, áp lực 30atm, dung tích 20cc	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate. - Thông số: Áp lực tối đa 30atm. - Dung tích: 20ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế tay cầm điều kiển áp lực bóng dạng xoay tròn. Đồng hồ đo trong suốt dễ đọc.Vật liệu trong suốt dễ nhìn để loại bỏ bóng khí. - Phụ kiện: van cầm máu chữ Y đóng mở van dạng bấm, đường kính trong lỗ van 10Fr.	Bộ	460		
152	Bộ bơm bóng áp lực siêu cao, chịu áp lực tới 55 atm	1. Thông số kỹ thuật: - Bộ bơm bóng áp lực tối đa 40atm, 55atm. - Thể tích 14ml, 25ml. - Vật liệu làm bằng Polycarbonate - Bộ bơm bóng bao gồm: dụng cụ bơm bóng, van cầm máu chữ Y, khóa 3 ngã, dây nối, dây mở đường, dụng cụ lái dây dẫn. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tính năng, công nghệ: Bộ bơm dùng để bơm các loại bóng áp lực siêu cao - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, FDA.	Cái	360		
153	Bộ bơm bóng với khóa tự động Selok, áp lực 30 atm và khóa 3 cổng	1. Thông số kỹ thuật: - Áp lực tối đa 30 atm, thể tích syringe 20 ml. - Bộ bơm bóng gồm: van cầm máu, dây mở đường, torque, cổng chia, thiết bị bơm bóng, dây nối (tùy chọn). 2. Tính năng, công nghệ: Công nghệ Selok khóa tự động và nhã áp lực đều đặn, áp kế chính xác. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Bộ	60		
154	Bộ bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, 100ml	1. Thông số kỹ thuật: - Áp suất bơm tiêm: 300psi. - Thông số và chất liệu bộ gồm: Bộ bơm tiêm sử dụng cho máy gồm: + 1 bơm tiêm 100ml: chất liệu PC/PP/Rubber/ABS. + 1 dây truyền thẳng: chất liệu PVC. + 1 ống hút J: chất liệu PE. 2. Tính năng, công nghệ: Tiệt trùng ETO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC (Châu Âu).	Bộ	390		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
155	Bộ bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, 150ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: nhựa PET, PP, ABS, PC, LDPE. - Áp suất giới hạn 1200 psi. - Thông số bộ gồm: 1 xilanh 150ml, 1 đầu nhựa lấy thuốc. 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng 1 lần, dùng cho máy bơm tiêm thuốc cản quang Angiomat Illumena/ Illumena Néo hoặc tương đương. Tiệt trùng EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC (Châu Âu).	Bộ	1.133		
156	Bộ bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, 200ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PP, ABS, PC, PVC, HDPE, silicone pad. - Áp suất giới hạn 350psi. - Thông số bộ gồm: 02 xilanh 200ml, 01 dây áp lực Y dài 150 cm có 2 van một chiều, 02 kim nhựa lấy thuốc. 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng 1 lần, dùng cho máy bơm tiêm thuốc cản quang Optivantage hoặc tương đương. Tiệt trùng EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC (Châu Âu).	Bộ	770		
157	Bộ bóng bóp giúp thở Silicone, 280-550-1500ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Vỏ nhựa cứng: Polycarbonate. + Túi dự trữ khí và ống oxy: PVC. + Van, bóng bóp, mặt nạ: Silicone. + Lò xo van an toàn : Thép không gỉ. - Dung tích bóng bóp 1500ml/550ml/280ml. - Thể tích trao đổi khí lần lượt là 1200 ml/450ml/200ml. - Hiệu ứng đàn hồi > 65 lần/ phút ở 600ml, > 80 lần/ phút ở 350ml, > 145 lần/ phút ở 90ml. - Van 2 chiều an toàn lần lượt theo dung tích là: 60 ± 10 cmH2O/40 ± 5 cmH2O/40 ± 5 cmH2O. Trở kháng của van < 2,5 cmH2O. 2. Tính năng, công nghệ: - Có thể hấp tiệt trùng ở 121oC (trừ túi trữ khí và dây). - Có thể cung cấp nồng độ oxy đến 99% ở lưu lượng 15 lít/ phút nhờ có hệ thống van lấy khí ngõ vào. - Bề mặt cấu tạo chống trượt.	Bộ	1.116		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
158	Bộ bóng nong niệu quản, các cỡ	Thông số kỹ thuật: - Bộ bóng nong niệu quản dùng làm giãn lỗ niệu quản theo hướng tỏa tròn trước khi thao tác nội soi niệu quản để tán sỏi hoặc nội soi niệu quản chẩn đoán. - Có cấu tạo trục nhánh kép gồm nhánh cho dây dẫn hướng và nhánh để bơm phồng quả bóng nong ở đầu xa. - Bóng nong có hai dải băng cản quang xác định chiều dài làm việc của bóng, định vị và hiển thị qua ảnh chụp X-quang. Áp suất nổ định mức 17 ATM. - Bóng nong các cỡ 04 mm (12 Fr)/ 05 mm (15 Fr)/06 mm (18 Fr)/07 mm (21 Fr), dài 04 cm/06 cm. - Dùng được với các dây dẫn đường kính 0.018"/0.035". - Bộ bao gồm: Bóng nong niệu quản; Khóa stopcock 3 ngã; Ống tiêm 10 cc. - Đóng gói tiệt trùng.	Bộ, Cái	150		
159	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch và bộ phận cảm biến nhiệt	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate (PC), Polyethylen (PE), Silicone (SI), Polyvinylchlorid (PVC), ABS - Hệ thống xả: Tốc độ 3ml/h với áp lực 300mmHg trong túi xả (xả nhanh > 2ml/s) - Chiều dài dây đo huyết áp màu đỏ dài 150cm - Tiệt trùng bằng Ethylene oxide 2. Tính năng, công nghệ: - Theo dõi huyết áp động mạch đáng tin cậy - Theo dõi cung lượng tim chính xác cùng với catheter cảm biến áp lực và nhiệt độ - Cảm biến áp lực được thiết kế trong suốt dễ dàng kiểm tra 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	10		
160	Bộ catheter chạy thận nhân tạo 2 nhánh, ngắn hạn	1. Thông số kỹ thuật: - Cỡ 12FR dài 15-20 cm - Chất liệu Polyurethane - Dây dẫn chữ J có đánh dấu dài 70cm, làm bằng hợp kim Nitinol - Kim hình chữ Y 18G (1,25 mm x 7,0 cm) - Bơm tiêm 5cc - Que nong 2 cái: 10Fr (3,3 mm x 11 cm), 12 Fr (4,0 mm x 14 cm) - Dao mổ # 11 - Nắp ống tiêm: 2 cái 2. Tiêu chuẩn: ISO 13485; EC	Bộ	3.320		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
161	Bộ Catheter dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài EVD - BMI	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số: Bảng theo rõi và điều chỉnh áp lực nội sọ kích thước 110x630mm, túi chưa dịch 700ml có thể tái sử dụng. Catheter não thất dài 35cm. 2.Tính năng, công nghệ: - Dẫn dịch não tủy (CSF) từ não thất ra ngoài. - Theo dõi áp lực và tỷ lệ chảy của dịch não tủy từ não thất. - Giảm áp lực nội sọ (ICP). - Van lọc khí một chiều ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập và hiệu ứng áp lực âm. - Hai vị trí lấy dịch và tiêm thuốc não thất. - Bình chứa dịch di chuyển theo dõi dòng chảy, có khóa tạm để điều chỉnh áp lực nhanh chóng, chính xác.	Bộ	225		
162	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo loại một phần cho người lớn, dùng kẹp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Hydrocolloid. - Kích thước: Đường kính vòng gắn 64mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh, có khóa cuốn, có bộ lọc khí. - Túi chứa loại trong hoặc đục, gồm 4 lớp: lớp trong giúp gắn kết các lớp, lớp ngăn mùi, lớp dính giúp các lớp dính vào nhau, lớp chống ồn. - Có khóa cuốn, có bộ lọc khí, lưu lượng thông khí khoảng 300mm2, giúp thoát khí dễ dàng nhưng mùi hôi bị giữ lại, bộ lọc khí không thấm nước. - Vòng gắn khớp với đế dán và không gây đau cho người bệnh. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	3.266		
163	Bộ chèn dưới da dùng cho cannula ECMO	Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ dây dẫn đường kính 0,097cm x chiều dài 100cm, đường kính 0,097cm x chiều dài 150cm. - Thông số bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng (guide wire), dao mổ nhỏ, bơm tiêm, kim tiêm.	Bộ	50		
164	Bộ cố định mạch vành dùng cho phẫu thuật mạch vành tim đập có hoặc không dùng máy tim phổi	1. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu: giác hút bằng PVC; khớp xoay bằng thép không gỉ. - Kích thước: giác hút rộng 8.1mm, dài 30.2mm; đế xoay được 360 độ; có khóa kiểm soát giác hút. Khu vực uốn cong hình chữ U của giác hút có thể có thể uốn cong linh hoạt, và mở đối xứng tối đa 60° theo hướng ra ngoài, uốn cong xuống tối đa 20°. 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ được sử dụng để làm cố định và tách động mạch vành, có tùy chọn chân không để duy trì vị trí của thiết bị. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Bộ	20		
165	Bộ dẫn lưu áp lực 250ml (gồm:bình, trocar, drain và dây nối)	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số: Bắt đầu tạo áp lực là 120mbar. Dung tích 250ml. Chiều dài ống nối là 125cm. Chiều dài drain 800mm, đóng lồ 150mm 2.Tính năng, công nghệ: - Có van chống trào ngược ngăn tình trạng chống nhiễm trùng ngược. - Đóng gói, tiệt trùng riêng từng bộ phận (bình, drain, trocar và dây nối). - Kết nối dây dẫn lưu redon và dây nối bằng khóa universal.	Bộ	4.094		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
166	Bộ dẫn lưu áp lực 400ml (gồm:bình, trocar, drain và dây nối)	1. Thông số kỹ thuật: - Dung tích 400ml, Ống nối Redon với bình dẫn lưu dài 125cm. Áp lực hút 900mbar. - Chiều dài dây dẫn lưu 800mm, chiều dài đóng lỗ 150mm. 2.Tính năng, công nghệ: - Có vạch chia mức dịch dẫn lưu. - Đóng gói, tiệt trùng riêng từng bộ phận (bình, drain, trocar và dây nối). - Kết nối dây dẫn lưu redon và dây nối bằng khóa universal. Bộ dẫn lưu bao gồm bình, drain và trocar. - Kết nối bình dẫn lưu và dây nối bằng khóa large lock connector.	Bộ	3.464		
167	Bộ dẫn lưu dịch não tủy thắt lưng với buồng dẫn lưu áp lực 120 ml	1. Thông số kỹ thuật: - Silicone, catheter phủ barium chiều dài catheter là 80 cm. - Có đường kính trong là 0,7 m, đường kính ngoài là 1,5 mm, dung tích 0,308 ml. - Túi chứa dịch 700 ml. - Gồm bộ phận dẫn lưu lắp ráp sẵn với buồng dẫn lưu áp lực 120 mL. Gồm kim Tuohy chọc dò 14 gauge, dài 9 cm, với đầu tip Huber và kim Blunt 20 gauge, guidewire với nút chặn có thể điều chỉnh. 2. Tính năng công nghệ: - Có khả năng theo dõi dòng chảy. - Có vị trí tiêm không chứa latex để có thể lấy dịch não tủy đi xét nghiệm hoặc truyền thuốc và hóa chất. - Khóa chặn ở đường dây bệnh nhân giúp dễ dàng lấy mẫu dịch não tủy. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	5		
168	Bộ dẫn lưu màng phổi thủy tinh (gồm bình và nắp)	1. Thông số kỹ thuật: - Bình (thủy tinh trong), ống (thủy tinh), ống dẫn lưu (nhựa dẻo), ống hút (nhựa dẻo), co nối và nắp (nhựa cứng) 1500 ml. - Dung tích cho phép tối đa 2000 ml, mỗi vạch là 100 ml. - Chiều cao bình từ đáy đến miệng bình 26 cm, đáy bình đường kính 11 cm. 2. Tính năng công nghệ: - Có quai miệng bình. - Nắp bằng nhựa cứng, lót joint cao su, có đúc sẵn 2 đầu nối nhựa dùng để nối. - 1 đầu có luồn ống thủy tinh nối với 1 ống dẫn lưu dịch phổi bằng nhựa dẻo, cuối dây được nối với 1 co nối nhựa cứng 3 ngấn. - 1 đầu nối với ống nhựa dẻo để thông hơi. - Tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	984		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
169	Bộ dẫn lưu mật qua ngã mũi	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu dò cản quang có đánh dấu vị trí (chiều dài đầu dò 250 cm) - Ống thông mũi dài 50 cm - Hình dạng: loại thẳng, loại đuôi heo, loại thẳng và đuôi heo - Đường kính ống dẫn 5 - 10 Fr - Chiều dài ống nối dẫn lưu 135 cm - Tương thích với kênh dụng cụ từ 2.0 - 3.7 mm - Tương thích dây dẫn 0.035" - 0.047" - Tiệt trùng. - Sử dụng 1 lần 2. Tính năng, công nghệ: dùng để dẫn lưu mật ở mũi để hút dịch mật hoặc dịch tụy 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	20		
170	Bộ dẫn lưu não thất ra ngoài với buồng nhỏ giọt, có khả năng theo dõi dòng chảy	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: silicone - Catheter não thất phủ barium dài 35cm. Đường kính trong 1.5mm; đường kính ngoài ≥ 2.8mm. - Buồng nhỏ giọt 75ml. Túi chứa dịch dung tích trong khoảng 600ml- 610ml 2. Tính năng, công nghệ: - Dẫn lưu và theo dõi dịch não tủy từ não thất ra ngoài có thể treo hoặc gắn vào giá đỡ bằng kẹp tích hợp. - Có 4 thang đo áp lực với 2 đơn vị đo mmHg hoặc cmH2O, có thể xoay chuyển đổi giữa dẫn lưu não thất hoặc dẫn lưu thắt lưng - Có 2 cổng kết nối smartsite giúp lấy dịch và bơm thuốc dễ dàng - Buồng nhỏ giọt có thấu kính phóng đại phía trước 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Bộ	190		
171	Bộ dẫn lưu ngực điều chỉnh áp lực các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Có 2 loại thể tích: 2300ml hoặc 1150ml. - Dẫn lưu kín 3 khoang. - Có van điều chỉnh áp lực: Van xả áp lực dương tránh tràn khí ngược; Van áp lực âm điều chỉnh tay tránh hiện tượng siphon hoặc trào ngược. - Có van chống trào ngược, có vị trí tiêm và lấy mẫu xét nghiệm. - Có bộ ống dẫn lưu kiểu chống xoắn, có 1 phễu rót 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	280		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
172	Bộ dẫn lưu ra ngoài kèm Catheter thắt lưng	1. Thông số kỹ thuật: Bộ dẫn lưu và theo dõi dịch não tủy dùng trong phẫu thuật dẫn lưu dịch não tủy từ thắt lưng ra ngoài có thể treo hoặc gắn vào giá đỡ bằng kẹp tích hợp. - Ống nối với bệnh nhân có sọc màu xanh lá và dài 60". - Buồng nhỏ giọt 75ml có thấu kính phóng đại phía trước. - Túi chứa dịch 600ml có thể tháo rời. - Có 4 thang đo áp lực có thể xoay để lựa chọn giữa dẫn lưu não tủy từ não thất và dẫn lưu thắt lưng ra ngoài, có 2 chỉ số đo là Hg hoặc H2O với số lớn và dễ đọc. 2. Tính năng, công nghệ: - Có 2 vị trí tiêm loại Interlink không cần kim. - Có thể dùng với laser Clear-Site™. - Hệ thống khóa chính gắn với bộ chuyển đổi áp suất bên ngoài. - Bộ phận Hydrophobic Vent kháng vi khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	162		
173	Bộ dao siêu âm không dây	1. Thông số kỹ thuật: Bộ cho dao siêu âm không dây, gồm: - 01 khay sạc pin. - 01 đầu phát năng lượng. - 01 pin. - 02 khay hỗ trợ lắp pin. - 01 khay tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	2		
174	Bộ đặt dẫn lưu bàng quang qua xương mu, cỡ 12Fr và 16Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đầu trocar làm bằng thép không gỉ. - Thông số: 12Fr và 16Fr. 2. Tính năng, công nghệ: Được sử dụng cho dẫn lưu bàng quang. Trọn bộ bao gồm: trocar với đầu bằng kim loại, vỏ trocar và dao.	Bộ	60		
175	Bộ đặt dẫn lưu khí màng phổi cỡ 10Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter dẫn lưu loại cản xạ, lắp ráp với que nong cỡ 6Fr. - 1 Kim chọc dò cỡ 18Ga, dài 7cm. - 1 Bộ ống nối có khóa 3 chiều. - 1 dây dẫn hướng cỡ 0.032 inch; - 1 dao mổ; - 1 Syringe 10ml; - 1 que nong cỡ 11Fr x 15cm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	260		
176	Bộ đặt dẫn lưu khí màng phổi cỡ 10Fr (bao gồm: Kim chọc, ống nong, ống dẫn lưu,...)	Thông số kỹ thuật gồm: - Catheter dẫn lưu ngực, loại cản xạ, cỡ 10Fr, dài 27cm. - 1 trocar tách cơ, cỡ 6Fr. - 1 kim chọc dò màng phổi, cỡ 18G, dài 7cm. - 1 bộ dây nối có nòng dẫn 0,032 inch x 45 cm kèm khóa 3 chiều. - 1 cán dao kèm lưỡi dao phẫu thuật cỡ 11. - 1 syringe 10ml.	Bộ	236		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
177	Bộ đặt dẫn lưu ngoài và theo dõi dịch não tủy CFS có thang đo áp lực dòng chảy.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicone, catheter phủ Barium. - Thông số: Túi chứa dịch 700 ml, hệ thống điểm chặn chính, cột theo dõi áp suất dòng chảy, trocar 15cm. Catheter não thất dài 35cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2,8mm, kích thước lỗ 1.1mm, 3 điểm đánh dấu chiều dài 5,10,15cm, 4 hàng 4 lỗ thoát dịch dài 2,4cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Hai vị trí tiêm không có mủ cao su cho phép lấy mẫu CSF và cung cấp thuốc nội tâm. - Hình dạng hình nón của buồng khoang 50 cc giúp cho phép đo chính xác chất lỏng. - Bộ lọc hydrophobic trên buồng nhỏ giọt hoạt động như rào cản vi sinh vật và không khí thông gió ngay cả sau khi tiếp xúc với dịch. - Túi chứa dịch có vạch đo được lượng dịch chảy, có thể tháo rời. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	38		
178	Bộ đặt dẫn lưu thận qua da	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Khóa cố định bên ngoài chất liệu silicone, Ống thông silicone. - Thông số: Bộ dụng cụ gồm: kim cố định 15G-L75mm, kim siêu âm 18G-L200mm, kim cản quang 22G-L200mm. Dây dẫn đường 800mm đường kính 0,89mm, loại cố đinh J 3mm, phủ Teflon. Bộ ống nong thận gồm các ống nong: 7Fr, 9Fr, 11Fr, 13Fr, 15Fr với chiều dài các ống nong 203mm. Ống thông silicone kích thước 14Fr, chiều dài 340mm, dung tích bóng 2ml, trên ống có vạch chia độ sâu, đầu ống loại đầu mở có 2 lỗ thông 2 bên, có cây cố định dẫn đường ống thông. Khóa cố định bên ngoài chất liệu silicone: dây cố định, tấm cố định, rãnh trượt, lỗ thông khí. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	420		
179	Bộ đặt dẫn lưu thận qua da một bước loại J, cỡ 8/10/12/14 FR dài 30cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Làm bằng polyurethane tạo sự thoải mái cho bệnh nhân. - Thông số: cỡ 8/10/12/14 FR dài 30cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Thông mở thận ra da một bước loại J. - Được thiết kế sử dụng cho kỹ thuật mở thận ra da đặc biệt, dùng đâm trực tiếp khi hệ thống niệu bị giãn nở. Thông được lồng ghép với 2 bộ phận của kim trocar để đảm bảo định vị vị trí chính xác, và khi đó xuyên thẳng từ vết rạch da đến đài - bể thận. - Loại ống thông một nhánh dành cho người lớn và trẻ em. - Các lỗ bên được thiết kế để đạt tối đa hiệu quả dẫn lưu. - Bộ đóng gói bao gồm: 1 Thông dẫn lưu loại J có khoá slip-lock, cỡ 8/10/12/14 FR dài 30cm. 1 Ống nối (12Fr hoặc 16Fr). 1 Cánh cố định. 1 Dao.	Bộ	630		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
180	Bộ đặt lưới nâng niệu đạo trong phẫu thuật điều trị tiểu không tự chủ	1. Thông số kỹ thuật: - Gồm: 01 lưới , 02 cái dụng cụ/kim chọc. - Chất liệu + Lưới: Polypropylen. + Dụng cụ/ kim chọc: Thép không gỉ. - Kích cỡ: + Chiều dài: 260mm, 280mm, 300mm, 320mm, 340mm, 360mm, 380mm và 400mm. + Chiều ngang: 11mm và 13mm. + Cấu trúc mắc lưới: 2,3mm x 1,6mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	43		
181	Bộ dây cáp neo cố định ổ gãy	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ti6Al4V. - Thông số: 1 bộ bao gồm: dây cáp neo, ốc siết cáp. Có các đường kính 1,6/ 1,8mm ứng với chiều dài 650mm. 2. Tính năng, công nghệ: Dùng để cố định ổ gãy, buộc giữ hoặc buộc tăng cường các mảnh gãy nhỏ, các đoạn xương gãy.	Bộ	210		
182	Bộ dây chạy máy tim phổi nhân tạo cho người lớn (>40kg)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC trong suốt, không độc, co nối bằng polycarbonate trong suốt. 2. Tính năng, công nghệ: Bộ dây dùng cho bộ tim phổi nhân tạo phù hợp với thiết bị hiện có của bệnh viện. Thành dây dẫn trơn giúp máu lưu thông tốt hơn, hạn chế tổn thương tế bào và hình thành huyết khối. Kèm bản vẽ.	Bộ	70		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
183	Bộ dây chạy thận nhân tạo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catheter bằng Carbothane. - Catheter bao gồm: + (01) Catheter dài 24-->55cm (từ cuff đến tip từ 19 đến 50), đường kính 14.5Fr ProGuide mãn tính. + (01) Cây tạo đường hầm. + (01) Thông luồn catheter 15Fr có van khóa khí. + (01) Kim hướng dẫn 18 GA x 2.75" (7cm). + (01) Lưỡi dao số 11. + (01) Dây dẫn đầu chữ J được đánh dấu 0,038” x 70cm hoặc 100cm. + (02) Gạc. + (02) Nắp đậy. + (01) Que nong 12Fr. + (01) Que nong 14Fr. + (01) Ống thông ba bóng chống xẹp lòng catheter. 2. Tính năng, công nghệ: - Catheter đường hầm lọc máu hai nòng. - Tốc độ chảy tối đa 500ml/phút. - Thiết kế lumen “D” kép. - Đầu catheter thiết kế lệch nhau có đầu vào và đầu ra cách nhau 3,1 cm và có gờ nhô lên làm giảm thiểu thấp nhất việc tái tuần hoàn và tối ưu hóa tốc độ dòng chảy - ngay cả khi được đặt dựa vào thành mạch. - Thiết kế có vòng bít chống đi ngược dòng. - Ống thông luồn có van khóa khí tự động. - Có cản quang. Tiệt khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	3.780		
184	Bộ dây dẫn dịch bù	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: 1 đầu nối luer, van 1 chiều. - Kích thước: Dài 275mm, đường kính 2,5mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng bằng tia ETO. - Phù hợp máy Dialog HDF online (hoặc tương đương).	Bộ	2.800		
185	Bộ dây dẫn máu tuần hoàn ngoài cơ thể cho từng hạng cân.	1. Thông số kỹ thuật: - Dây dẫn làm từ chất liệu PVC trong suốt, co nối bằng polycarbonate trong suốt. - Gồm bộ dây trên bàn và bộ dây chạy máy. - Dùng cho bệnh nhân từ 20kg trở lên. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	200		
186	Bộ dây dẫn siêu lọc dành cho người lớn	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: PVC. 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói riêng lẻ table pack và pump pack, tiệt trùng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của bệnh viện.	Bộ	300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
187	Bộ dây dẫn, dây truyền dịch	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Dây được làm từ nhựa nguyên sinh PVC, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng, + Bộ phận điều chỉnh dòng chảy làm từ nhựa nguyên sinh ABS đạt tiêu chuẩn, gồm máng có thiết kế thêm kẹp khe giữ dây và con lăn di chuyển dễ dàng. + Kim xuyên nút chai làm từ nhựa ABS nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, sắc, nhọn. - Dây dẫn dài ≥ 1500mm. - Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích ≥ 8.5ml. - Kim các cỡ. 3. Tính năng, công nghệ: Bộ phận đấu nối có bầu cao su tiếp thuốc hoặc chạc chữ Y. Van thoát khí (van lọc khí) có thiết kế màng lọc khi vô khuẩn. Sản phẩm được tiệt trùng 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Túi	655.910		
188	Bộ dây dẫn, dây truyền dịch	1. Thông số kỹ thuật: - Dây dài 180cm làm bằng chất liệu PVC y tế, có vent lọc khí - Có màng lọc 48 microns được đặt ở cuối đường dây , lọc sạch cặn hạt, an toàn cho bệnh nhân - Đầu nối Spin lock xoay 360 độ, dễ dàng kết nối bằng một tay - Chịu được áp lực 200Kpa không rò rỉ. Đường kính trong 3mm, đường kính ngoài 4mm - Non Latex, non-Pyrogenic, Non DEHP - Có cổng tiêm chữ Y - Đóng gói tiệt trùng 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	296.500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
189	Bộ dây dẫn, dây truyền dịch chạc Y 1950mm kim thường	1. Thông số kỹ thuật - Kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh chiều dài 57 ± 0.3mm. - Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Đường kính lỗ thoát khí 5 ± 0.05mm - Bình đếm giọt làm từ nhựa PVC nguyên sinh thể tích ≥ 14ml, có màng lọc dịch ≤ 15µm. Đường kính trong 15.1 ± 0.1mm, chiều dài 61 ± 0.3mm, đường kính đầu côn 3.4 ± 0.05mm - Van khóa điều chỉnh và bánh xe bằng nhựa ABS nguyên sinh, chiều dài van điều chỉnh 53.5 ± 0.3mm - Ống dây dẫn làm từ nhựa PVC nguyên sinh đường kính ngoài 3.97 ± 0.05mm, tiết diện dầy 0.6 ± 0.02mm. Độ dài dây truyền ≥ 1950mm. - Có chạc chữ Y. - Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485,TCVN 6591-4: 2008	Bộ	442.500		
190	Bộ dây dẫn, dây truyền dịch không kim có cổng các loại, các cỡ (Bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối kèm)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây truyền dịch bằng PVC trong suốt. 2. Tính năng, công nghệ: - Dây truyền dịch: dài 180 cm, không kim, có cổng thông khí. Chịu được áp lực 2 bar. - Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch với lỗ lọc 15µm giúp ngăn chặn bọt khí và tự động ngưng truyền khi hết dịch, ngăn không khí đi vào dây. - Có đầu khóa Luer Lock xoay 360 độ chống vặn xoắn trên dây truyền dịch. - Bầu đếm giọt 2 ngăn (cứng-mềm) thể tích 15 ml. - Dùng được cho máy truyền dịch. - Có màng lọc cuối đường dây, giúp đuổi khí tự động. - Không có DEHP. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EU-MDR, CFS (Châu Âu).	Sợi	105.324		
191	Bộ dây dẫn, dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo)	1. Thông số kỹ thuật: - Bộ dây lọc máu cho máy Online HDF hoặc tương đương bao gồm Dây động mạch, dây tĩnh mạch và safeline, chất liệu tương hợp tốt với máu và phản ứng độc tế bào thấp, không có DEHP Tương thích máy lọc máu 5008S hoặc tương đương 2. Tiêu chuẩn, chất lượng: CE (Châu Âu)	Bộ	24.564		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
192	Bộ dây dẫn, dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ống dây được làm bằng vật liệu PVC theo tiêu chuẩn y tế. - Bộ dây thẩm tách máu có cấu tạo sản phẩm gồm 2 phần chính: Động mạch và Tĩnh mạch, bao gồm: + Động mạch: Dây chủ ID 4,5mm, OD 6,8mm tổng chiều dài dây 3.750 mm kèm theo: Có cổng tiêm thuốc và cổng truyền dịch. Nhánh đo áp lực động mạch có khóa. Dây bơm máu đường kính 8.0*12.05*350mm (Pump). Bầu chứa (OD: 22 mm). + Tĩnh mạch: Dây chủ ID 4,5mm, OD 6,8mm tổng chiều dài dây 2.800 mm kèm theo: Có cổng tiêm thuốc. Bầu chứa (OD: 22 mm) gồm lưới lọc bên trong bầu. Thể tích làm đầy: 151ml. Nhánh đo áp lực tĩnh mạch có khóa. 2. Tính năng, công nghệ: Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Bộ	23.500		
193	Bộ dây dẫn, dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC. Thành bộ dây trong suốt, mềm dẻo, giúp cho quan sát tốt lượng máu đi qua bộ dây. Bộ dây đàn hồi hạn chế thắt nút hoặc bị xoắn. - Thông số: Gồm bộ dây lọc máu 01 bộ, bảo vệ đầu dò 2 cái, dây truyền dịch, túi xả 2 lít. Thiết kế Chamber bầu chéo. Đường kính dây bơm 8x12mm, dài 350mm hoặc 420mm, đường kính bầu OD 19-30mm, dài 130mm. Đường kính ống dây chính ID*OD 4,5*6,8. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485.	Bộ	89.100		
194	Bộ dây dẫn, dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo) dài 219cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polybutadience. Không chất DEHP và PVC - Kích thước: Loại 20 giọt/ml. Bộ lọc có (mắt) lưới lọc 175 - 210µm, tổng chiều dài: 219cm 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng cho máy truyền dịch thông thường 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Bộ	46.100		
195	Bộ dây dẫn, dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo) dài 3650mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: + Tổng chiều dài bộ dây động mạch 3650mm; + Tổng chiều dài bộ dây tĩnh mạch 2700mm; + Ống bơm (Pump tube) kích thước: 8mmx12mmx400mm hoặc 6.6mmx9.8mmx400mm 2. Tính năng, công nghệ: - Độ kéo dãn: Không vượt quá 2.3cm - Bầu nối chắc chắn, - Tiệt trùng.	Bộ	153.700		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
196	Bộ dây dẫn, dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo), dài 350mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bằng nhựa y tế, không chứa DEHP. - Thông số: Đường kính bầu chứa 22mm, bơm máu có kích thước đường kính trong 8mm x đường kính ngoài 12mm x chiều dài 350mm. 2. Tính năng, công nghệ: Bộ dây lọc máu chạy thận nhân tạo, tiệt trùng bằng khí EO, tương thích với các loại máy chạy thận nhân tạo. Sản phẩm gồm 01 dây động mạch và 01 dây tĩnh mạch. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Bộ	8.100		
197	Bộ dây dẫn, dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo), dài 400mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bằng nhựa y tế, không chứa DEHP. - Thông số: Đường kính bầu chứa 22mm, bơm máu có kích thước đường kính trong 8mm x đường kính ngoài 12mm x chiều dài 400mm. 2. Tính năng, công nghệ: Bộ dây lọc máu chạy thận nhân tạo, tiệt trùng bằng khí EO, tương thích với các loại máy chạy thận nhân tạo. Sản phẩm gồm 01 dây động mạch và 01 dây tĩnh mạch. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Bộ	93.980		
198	Bộ dây đo áp lực nội sọ trong não thất bằng phương pháp tạo đường dẫn (kèm dẫn lưu dịch não tủy)	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter có gắn cảm biến chỉ dùng để đo áp lực (sensor) ở đầu nằm trong ống dẫn silicon 3mm, có que dẫn đường, có dây dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài để giải áp và có vạch đánh dấu độ sâu. - Mũi khoan xương sọ, đường kính 3,5mm có thể điều chỉnh độ sâu - Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan. - Trocar có ống tạo đường hầm. - Vòng nhựa cố định. - Nút khóa để dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485	Bộ	15		
199	Bộ dây đo áp lực và nhiệt độ nội sọ tại não thất bằng phương pháp tạo đường dẫn (kèm dẫn lưu dịch não tủy)	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter có gắn cảm biến đo áp lực và nhiệt độ (sensor) ở đầu nằm trong ống dẫn silicon 3mm, có que dẫn đường, có dây dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài để giải áp và có vạch đánh dấu độ sâu. - Mũi khoan xương sọ, đường kính 3,5mm có thể điều chỉnh độ sâu. - Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan. - Trocar có ống tạo đường hầm. - Vòng nhựa cố định. - Nút khóa để dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Bộ	17		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
200	Bộ dây đo áp lực và nhiệt độ nội sọ tại nhu mô não có chốt cố định trên hộp sọ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catheter làm bằng polyamid . - Kích thước: Gắn cảm biến ở đầu, đường kính 0,7 mm. Mũi khoan đường kính 2,7 mm, có thể điều chỉnh độ sâu. 2. Tính năng, công nghệ: - Cảm biến đo áp lực và nhiệt độ. - Chốt có vít chặt. - Vòng nhựa để điều chỉnh độ sâu. - Que điều chỉnh độ sâu cho mũi khoan. - Dùi chọc thủng màng cứng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Bộ	19		
201	Bộ dây dùng cho bộ tim phổi nhân tạo có kèm co nối khóa 4 chạc	1. Thông số kỹ thuật: Bộ dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. - Chất liệu nhựa PVC và silicone. - Kèm co nối khóa 4 chạc - Tích hợp bộ lọc - Được tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	316		
202	Bộ dây hút đờm kín	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kích cỡ CH14, CH16. 2. Tính năng, công nghệ: - Thân trơn nhẵn, cản quang. Đầu ống hút bo tròn. Ống hút được bảo vệ bằng vỏ bọc mỏng trong suốt, có 1 cổng bơm và 1 cổng súc rửa, Nút bấm hút đàm được mã màu theo size, có nắp mở/đóng để hút và đậy lại bảo vệ. - Sử dụng trong 72 giờ. Đóng gói tiệt trùng 1c/gói. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	7.244		
203	Bộ dây lọc cô đặc máu dùng trong phẫu thuật tim phổi người lớn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu màng lọc polysulfone/ polyethersulfone - Kích thước: Diện tích bề mặt màng lọc từ 1.1 m^2 đến 1.2 m^2 - Dung tích mồi từ 71 đến 75 ml. - Áp lực xuyên màn tối đa 500mmHg. - Đường kính sợi lọc ≤ 200 micron 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
204	Bộ dây máu dùng cho thận nhân tạo	Thông số kỹ thuật: Bộ dây máu 4IN1 bao gồm: - Dây động mạch: + Dây chính, đường kính 4,5 x 6,8, dài 3.200 mm. + 05 nhánh nối dây động mạch, đường kính 2,2 x 4,1, tổng chiều dài các nhánh nối 1.050 mm. + Bầu động mạch, đường kính ngoài 19 - 25 mm, dài 122 mm. + Dây Heparin, đường kính 1,0 x 2,5, dài 600 mm. + Đoạn dây chạy qua bơm máu, đường kính 8 x 12 mm, dài 400 mm. + Tổng chiều dài dây động mạch (bao gồm chiều dài dây chính, chiều dài bầu và chiều dài đoạn dây bơm máu): 3.722 mm. - Dây tĩnh mạch: + Dây chính, đường kính 4,5 x 6,8, dài 2.700 mm. + 02 nhánh nối dây tĩnh mạch, đường kính 3,5 x 5,5 (01 nhánh) và 2,2 x 4,1 (01 nhánh), tổng chiều dài các nhánh nối 600 mm. + Bầu tĩnh mạch, đường kính ngoài 19 - 30 mm, dài 130 mm. + Tổng chiều dài dây tĩnh mạch (bao gồm chiều dài dây chính và chiều dài bầu): 2.830 mm. - 2 transducer protector. - 2 kết nối tái tuần hoàn. - Dây truyền dịch: 1.500 mm. - Túi nước thải thể tích: 2.000 ml. - Thể tích mồi 157 ml.	Bộ	253.112		
205	Bộ dây máy gây mê cao tần, đa hướng, dùng 1 lần cho người lớn	1. Thông số kỹ thuật: - Bộ dây làm từ vật liệu PE, PP, EVA, CR, TPE, không chứa cao su, không chứa PVC hoặc DEHP. - Bộ dây gây mê một lần dùng cho người lớn dài tối đa 2,0 m , đường kính 2 2mm, gồm các cút nối chữ Y có cổng trích khí lấy mẫu. - Sử dụng được cho cả máy mê và máy thở. 2. Tính năng công nghệ: - Trở kháng đường thở vào/thở ra tại mức 60 L/phút <1,4 mbar, tại 30 L/phút<0.4 mbar, tại 15 L/phút <0.1 mbar; tại 5L/phút <0,1 mbar, tại 2,5 L/phút <0,1 mbar. - Độ giãn nở tại 60 mbar <2,7 mL/mbar; tại 30 mbar <2,8 mL/mbar. - Dây bóng bóp gây mê cho người lớn, dài 1.5m, thể tích bóng bóp 2L. - Vật liệu dây thở không chứa cao su, không chứa PVC hoặc DEHP. - Độ hở tại 60 mbar<50mL/phút. - Có chứng chỉ kiểm tra khả năng tương thích với một số thiết bị máy mê máy thở. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	620		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
206	Bộ dây máy thở 2 bẫy nước dùng một lần	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC. - Thông số: Phần chữ Y có cổng connector 22M/15F với khóa Luer-Lock, connector nối với máy thở 22F/22F. Gồm 4 đoạn hoặc 5 đoạn (có dây nối phụ) đi kèm, 22mm ID. 2. Tính năng, công nghệ: Thân ống trong suốt, hình lượn sóng, có 2 bẫy nước. Bẫy nước chắc chắn không rò rỉ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485.	Bộ	7.424		
207	Bộ dây máy thở cao tần gồm 5 đoạn, 4 dây 80cm mỗi đoạn, 1 dây limb 80cm, 2 bẫy nước, dùng một lần cho người lớn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây thở: Polyethylene (PE); Dây limb nối: Polyethylene (PE). - Kích thước: Gồm 5 đoạn, 4 đoạn dây 80cm mỗi đoạn. Dây limb nối dài 80cm. Đầu nối tiêu chuẩn 15 và 22 mm. - Có co nối thẳng riêng 22 mmM/22 mmM, người lớn, dùng 1 lần. 2. Tính năng, công nghệ: 2 bẫy nước trong suốt, co khuỷu xoay được, co chữ y có hai cổng luer và nắp đậy cố định. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	4.400		
208	Bộ dây máy thở gây mê hệ thống Jackson-Rees các cỡ: 0,5 lít, 1 lít, 2 lít, 3 lít dùng một lần cho sơ sinh, trẻ em, người lớn	1. Thông số kỹ thuật: Các cỡ tùy chọn: 0,5 lít, 1 lít, 2 lít, 3 lít dùng một lần cho sơ sinh, trẻ em, người lớn. 2. Tính năng công nghệ: - Van điều khiển ở đáy túi trữ khí cho phép điều chỉnh khí thoát ra, hoặc nối với hệ thống xả khí để làm giảm thiểu sự nhiễm khuẩn trong lúc mổ. Dây gồm ống dẫn khí, túi trữ khí, vavle gắn liền bộ. - Dùng 1 lần. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	32		
209	Bộ dây máy thở hai bẫy nước người lớn	1. Thông số kỹ thuật: Dây máy thở dành cho người lớn, 5 đoạn, 2 bẫy nước. Dây nối Bình làm ẩm dài 0,4m. - Đầu nối chữ Y có cổng theo dõi, thuận tiện cho việc lấy mẫu. - Ống mềm, chống uốn cong, trong suốt, dễ quan sát. - Đầu nối 22M/15F. - Ống dài 1,5m. - Trở kháng giới hạn 0.2kPa ở dòng 30 lít /phút.	Bộ	4.024		
210	Bộ dây máy thở hai bẫy nước người lớn	1. Thông số kỹ thuật: Bộ dây thở 2 bẫy nước người lớn 4 đoạn hoặc 5 đoạn các loại.	Bộ	1.264		
211	Bộ dây máy thở silicone dùng nhiều lần, đầu nối thẳng 22F	1. Thông số kỹ thuật: - Ống dây và vòng bít làm bằng vật liệu Silicone rubber. - Các phần nhựa làm bằng Polysulfone. - Thành ống trơn giảm trở kháng 22F, 1m2. 2. Tính năng công nghệ: Dây gây mê silicone dùng nhiều lần gồm 2 đoạn 1m2, Co Y, Co nối, túi trữ khí gây mê tùy chọn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	94		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
212	Bộ dây máy thở/ gây mê dùng 1 lần	1. Thông số kỹ thuật: - Dây gây mê kết hợp với thiết bị gây mê dùng trong cấp cứu, phẫu thuật. - Dây gây mê dạng sóng 2 nhánh, dài 1.5m. - Đầu nối tiêu chuẩn 22F. - Có cổng lấy mẫu khí. - Độ đàn hồi tốt, linh hoạt, tạo hệ khí kín. - Được tạo từ chất liệu nhựa y tế, không latex. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Bộ	2.844		
213	Bộ dây thẩm phân phúc mạc (cassette) kết nối máy thẩm phân phúc mạc tự động người lớn	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Nhựa Polyethylene, Acrylic, Polyvinyl Chloride, Polyester. 2. Tính năng, công nghệ: Tương thích với máy Homechoice hoặc tương đương. Dùng cho Người lớn.	Cái	1.380		
214	Bộ dây truyền chống gập kèm túi chứa dịch giảm đau 200ml	1. Thông số kỹ thuật: - Gồm túi chứa dịch giảm đau 200ml với dây truyền dịch chống gập (màu vàng hoặc màu trắng) dài 150cm. - Đoạn để ép dịch truyền, bộ phận loại bỏ không khí kích thước 1,2 micron. 2. Tính năng, công nghệ: Dùng cho máy bơm giảm đau: - Cho phép cài đặt/ lập trình được đầy đủ các chế độ bơm truyền: liên tục, chỉ tiêm Bolus, liên tục + tiêm Bolus; Lập trình bơm tự động ngắt quãng PIEB kết hợp PCA. - Có thể lập trình chính xác các thông số theo phác đồ chuyên môn bằng phần mềm kết nối máy tính. - Độ chính xác cao ±5%. - Có thể nâng cấp tính năng tự động nhắn tin SMS cảnh báo và quản lý từ xa qua mạng. - Tương thích với máy Rythmic Evolution hoặc tương đương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	1.000		
215	Bộ dây truyền dịch	1. Thông số kỹ thuật: - Dây truyền dịch 20 giọt/ml màu trắng ngà không chứa DEHP. - Kim thẳng 21G; Chiều dài 180cm. - Chất liệu: Đầu nhọn chọc nút chai: nhựa ABS; Ống nhỏ giọt: nhựa PVC; Bánh lăn chỉnh giọt: nhựa PP; Dây dẫn: nhựa PVC. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu khóa Luer lock vặn xoắn. - Có ba lỗ thông khí ở đầu mũi nhọn (spike) hạn chế xoắn xẹp chai. - Bầu đếm giọt có hai cánh nhựa hai bên để tỳ ngón cái và ngón trỏ dễ dàng đâm xuyên nút chai. - Có khoá kẹp có thể giấu được đầu nhọn (spike) sau khi tháo bỏ dây truyền dịch. - Cổng tiêm thuốc chữ Y an toàn. - Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu).	Bộ	159.634		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
216	Bộ dây truyền dịch các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu nhựa ABS , loại nhựa y tế nguyên sinh loại dùng cho y tế. Có nắp chụp bảo quản làm từ nhựa PE. - Buồng nhỏ giọt nhựa PVC trong suốt, loại nhựa y tế nguyên sinh. - Bộ điều chỉnh tốc độ truyền gồm thân và bánh xe làm từ nhựa ABS, loại nhựa y tế nguyên sinh. - Kích thước: Đầu lấy thuốc cao 5,2 cm; chiều dài kim lấy thuốc: 3,5 cm, cao 47 mm. - Buồng nhỏ giọt đường kính trung bình 15,2 mm. - Kim thường: 21G 1"1/2 , 22G 1"1/2 , 23G 1", hoặc kim cánh bướm 23G 1", 25G 1". 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Đầu gắn kim: Loại LUER LOCK. Đế kim có màu khác nhau để phân biệt size kim. - Buồng tiêm Latex, có tính năng đàn hồi tốt, cho phép tiêm bổ sung thêm thuốc vào đường truyền nhiều lần. - Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, sản xuất tại Việt Nam.	Bộ	562.400		
217	Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần kèm kim cánh bướm	1. Thông số kỹ thuật: - Kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh chiều dài 57 ± 0.3mm. - Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Đường kính lỗ thoát khí 5 ± 0.05mm. - Bình đếm giọt làm từ nhựa PVC nguyên sinh thể tích ≥ 14ml, có màng lọc dịch ≤ 15µm. Đường kính trong15.3 ± 0.1mm, chiều dài 61 ± 0.3mm, đường kính đầu côn 3.4 ± 0.05mm. - Van khóa điều chỉnh và bánh xe bằng nhựa ABS nguyên sinh, chiều dài van điều chỉnh 53.5 ± 0.3mm. - Ống dây dẫn làm từ nhựa PVC nguyên sinh đường kính ngoài 3.97 ± 0.05mm, tiết diện dầy 0.6 ± 0.02mm. Độ dài dây truyền ≥ 1700mm. - Bầu cao su tiếp thuốc dài 45 ± 0.1mm, đường kính trong 3.06 ±0.02mm. - Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 22Gx3/4", 23Gx3/4". 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485, TCVN 6591-4: 2008.	Sợi	484.836		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
218	Bộ dây truyền dịch, bầu nhỏ giọt 1 ngăn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim đâm xuyên nút sản xuất bằng vật liệu ABS nguyên sinh. Dây PVC nguyên sinh, mềm dẻo, không chứa độc tố DEHP, thay bằng DEHT/DOTP an toàn. - Thông số: Lưu lượng chuẩn 20 giọt/ml. Chiều dài dây 1.8m. Đường kính trong dây: 3.0 mm. Đường kính ngoài dây 4.1 mm. Chịu áp lực 3 bar. Sử dụng được cho máy truyền dịch tự động. Thiết kế bầu nhỏ giọt 1 ngăn, có màng lọc dịch 15µm tại bầu dịch. Thể tích bầu ≥ 8.5 ml, chiều dài bầu dịch: 61,9 mm. Thể tích mồi dịch: 7 ml/m (40°C), 8 ml/m (40°C, 2 bar). Màng lọc kị nước PTFE có thể lọc vi khuẩn tại van thông khí với hiệu suất 99.99%. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu khóa vặn xoắn Luer lock, có lọc với nắp đậy loại khóa ở cuối đường dây - Cổng tiêm thuốc chữ Y an toàn, latex free - Bộ điều chỉnh lưu lượng có ổ cắm an toàn và móc gài dây cho kim đâm xuyên nút sau khi sử dụng. - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015.	Bộ	599.100		
219	Bộ dây truyền dịch, bầu nhỏ giọt 2 ngăn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim đâm xuyên nút sản xuất bằng vật liệu PS nguyên sinh. Dây PVC nguyên sinh, mềm dẻo, không chứa độc tố DEHP, thay bằng DEHT/DOTP an toàn. Màng lọc kị nước PTFE. - Thông số: Lưu lượng chuẩn 20 giọt/ml. Chiều dài dây ≥ 1.5m (theo yêu cầu). Đường kính trong dây: 3.1 mm. Đường kính ngoài dây 4.2 mm. Chịu áp lực 2. Sử dụng được cho máy truyền dịch tự động. Thiết kế bầu nhỏ giọt 2 ngăn, có màng lọc dịch 15µm tại bầu dịch. Tổng thể tích thực tế bầu 2 ngăn ≥ 13.4 ml ± 0.2 ml. Chiều dài bầu dịch: 85,5 mm. Màng lọc dịch PES (Polyethersulflone) có chức năng đuổi khí và ngắt dịch tự động. Không cần mồi dịch ống dây cho lần truyền dịch tiếp theo. Màng lọc kị nước PTFE có thể lọc vi khuẩn tại van thông khí với hiệu suất 99.99%. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu khóa vặn xoắn Luer lock. - Cổng tiêm thuốc chữ Y an toàn, latex free. - Bộ điều chỉnh lưu lượng có ổ cắm an toàn và móc gài dây cho kim đâm xuyên nút sau khi sử dụng. - Tiệt trùng bằng khí EO.	Bộ	53.000		
220	Bộ dây truyền dung dịch liệt tim	1. Thông số kỹ thuật: Bộ dây dẫn dùng cho liệt tim dạng tinh thể - Chất liệu: Nhựa mềm PVC và silicon y khoa, bộ trao đổi nhiệt bằng nhựa. - Chiều dài dây tối thiểu 2m - Cuộn trao đổi nhiệt bằng nhôm, buồng đo áp lực, 2 đầu kim truyền có khóa, chiều dài dây tối thiểu 5m - Được đóng gói riêng biệt 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
221	Bộ dây truyền dung dịch liệt tim	1. Thông số kỹ thuật: Bộ dây dẫn dùng cho liệt tim dạng tinh thể - Chất liệu: Nhựa mềm PVC và silicon y khoa, bộ trao đổi nhiệt bằng nhựa. - Chiều dài dây tối thiểu 2m - Cuộn trao đổi nhiệt bằng nhựa, buồng đo áp lực, 2 đầu kim truyền có khóa, chiều dài dây tối thiểu 5m - Được đóng gói riêng biệt 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	300		
222	Bộ dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây máu làm từ nhựa y tế mềm PVC, đầu kết nối và các thành phần khác làm từ PVC, PE, PP, Dây máu ko chứa Latex. - Dây động mạch có buồng đếm giọt (OD 20mm, dài 122mm). - Khóa luer femal Ø 4,1mm, 2,5mm, đầu nối bơm Ø 4,1mm. - Ống dây chính 4,5*6.8*800mm, 4,5*6,8*700mm. - Ống dây nhánh 2,2*4,1*700mm, 2,2*4,1*100mm, 2,2*4,1*50mm. - Ống dây bơm heparin 1,0*2,5*600mm. - Phần dây bơm 8*12*400mm. - Ống dây chính 4,5*6,8*100mm. - Dây tĩnh mạch khóa luer femal Ø 4,1, buồng dếm giọt (OD 20mm, dàu 122mm). - Ống dây chính 4,5*6.8*900mm, 4,5*6,8*1250mm. - Ống dây nhánh 2,2*4,1*100mm, 2,2*44,1*700mm. - Lưu lượng dẫn máu 161±10%ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Ống mềm trong suốt, trơn, và không bị gập, đảm bảo tính dẫn dịch tốt của bộ dây. - Bộ lọc ở buồng đếm tĩnh mạch có thể ngăn máu cục lọt vào tĩnh mạch bệnh nhân. - Đường dẫn dịch vô khuẩn, không gây sốt. - Đóng gói riêng lẽ, tiệt trùng hoàn toàn bằng khí Ethylene Oxide, không gây sốt. Tích hợp hết các dòng máy thận tại đơn vị.	Bộ	31.508		
223	Bộ dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo) 8 x 12,2mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và không chứa DEHP, đảm bảo an toàn cho quá trình lọc máu của bệnh nhân. - Thông số: Một bộ dây bao gồm dây lọc thận, dây truyền dịch, túi xả và 2 transducer protector. Đường kính trong và ngoài của bơm 8,0 x 12,2mm, dung tích bầu 20ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Loại dây chạy thận nhân tạo. - Có bộ phận pillow, theo dõi lưu lượng lấy máu ra. - Phương pháp tiệt trùng: khí EO.	Bộ	238.832		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
224	Bộ dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo) 8 x 12,2mm	1. Thông số kỹ thuật: - Bộ dây bao gồm: Bộ dây lọc máu: 01 bộ gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch, phin lọc khí (tranducer protector), dây truyền dịch, túi dịch xả 2 lít. - Đường kính dây bơm: 8x12mm, dài 420mm. - Sản xuất từ chất liệu PVC mềm, chống xoắn, không chứa DEHP. - Bầu nhỏ giọt đường kính 22mm, có màng lọc; có T connector (dây kết nối chữ T). - Tổng chiều dài dây động mạch: 3900 ± 100mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 4900 ± 100mm, trọng lượng dây động mạch: 150g ± 5%, trọng lượng dây tĩnh mạch: 189g ± 5%; hoặc Tổng chiều dài dây động mạch: 3800 ± 100mm, tổng chiều dài dây tĩnh mạch 4900 ± 100mm, trọng lượng dây động mạch: 158g ± 5%, trọng lượng dây tĩnh mạch: 204g ± 5%. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	95.532		
225	Bộ dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo) 8 x 12mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và không chứa DEHP, đảm bảo an toàn cho quá trình lọc máu của bệnh nhân. - Thông số: Một bộ dây bao gồm dây lọc thận, dây truyền dịch, túi xả và 2 transducer protector. Đường kính trong và ngoài của bơm 8,0 x 12,2mm, dung tích bầu 20ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ lọc ở buồng đếm tĩnh mạch có thể ngăn máu cục lọt vào tĩnh mạch bệnh nhân. - Phương pháp tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Bộ	6.500		
226	Bộ dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo) dài 1372mm	1. Thông số kỹ thuật: - Độ kéo dãn không vượt quá 0,5cm. Tổng chiều dài bộ dây 1372mm. - Có đầu kết nối với cổng dịch bù dài khoảng 1000mm. - Ống bơm kích thước 8mmx 12mmx 265mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có phin lọc dịch. Bầu nối chắc chắn. - Tiệt trùng bằng hơi nước.	Bộ	17.700		
227	Bộ dây truyền trong lọc máu (chạy thận nhân tạo) dài 3650mm	1. Thông số kỹ thuật: - Độ kéo dãn không vượt quá 2,3cm. Tổng chiều dài bộ dây động mạch 3650mm. Tổng chiều dài bộ dây tĩnh mạch 3200mm. - Có dây đo áp lực động mạch dài khoảng 30cm. Có dây đo áp lực trước màng lọc dài khoảng 30cm. - Ống bơm có kích thước: 8mmx 12mmx 265mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có Pillow. Có phin lọc bảo vệ áp lực động mạch, áp lực tĩnh mạch, áp lực trước màng. - Bầu nối chắc chắn. Có túi chứa nước thải. - Tiệt trùng bằng hơi nước.	Bộ	8.100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
228	Bộ dây tưới máu lên não trong phẫu thuật tim, thiết kế theo tiêu chuẩn bệnh viện	1. Thông số kỹ thuật: - Bộ dây tưới máu não trong phẫu thuật tim. - Chất liệu nhựa PVC. - Kích thước 1/4 x 1/16, 5.5 x 3.2. 2. Tính năng, công nghệ: - Bao gồm table pack và pump pack, có vòm theo dõi áp lực, cổng nối khóa vặn (luer lock) với nắp đậy đầu âm. - Được tiệt trùng bằng khí EO.	Bộ	20		
229	Bộ điều kinh Karman bao gồm ống hút điều kinh từ số 4 đến số 5	Thông số kỹ thuật: - Phá bỏ (hút) thai nhỏ (sau chậm kinh khoảng 1-2 tuần) bằng bơm hút tay chân không, không sử dụng điện. - Điều trị sẩy thai không trọn hoặc sinh thiết nội mạc tử cung. - Thay thế an toàn cho các dụng cụ nạo thai khác. - Tiệt trùng bằng khí E.O.	Bộ	5.144		
230	Bộ đo huyết áp động mạch xâm nhập 1 đường	1. Thông số kỹ thuật: - 2 đoạn dây chính màu đỏ dài 60inch/ 12inch và 1 đoạn dây phụ màu xanh 60inch (OD 2.8mm x ID 1.27mm), khóa 4 ngã, 1 khóa lấy mẫu máu kín, transducer DPT 3cc, dây truyền dịch IV 0.16"-60L + Quá áp -400 đến 6000 mmHg + Cân bằng tại 0: ±40mmHg + Điều kiện cân bằng 100 ±3mmHg + Độ nhạy: 5,0µ V/V/mmHg ± 1%. + Trở kháng đầu vào (kích thích): 350 ohms. + Trở kháng đầu ra: 300 ohms. + Nhiệt độ hoạt động: 15°C-40°C. + Áp lực hoạt động: -30 đến 300mmHg. + Tốc độ dòng thấp (3ml/hr) 1.9ml < dòng < 5.0ml/hr ~ 276 mmHg. Tốc độ dòng cao (125ml/phút) ~276mmHg + Đối xứng đầu dò (Symmetry): 1 ±5% 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Bộ	5.670		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
231	Bộ đo huyết áp động mạch xâm nhập 2 đường	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 2 đường PVC. - Áp lực đo từ -30 đến 300mmHg, độ nhạy 5µv/v/mmHg. - Nhiệt độ hoạt động từ 15đến 40 độ. - Trở kháng kích thích >200 ohms. Trở kháng tín hiệu đầu ra <3000 ohms. - Đối xứng đầu dò ±5%. Lệch vị trí số không(Cân bằng Zero) ±40mmHg 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ dẫn truyền cảm ứng theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn 2DT-XX, huyết áp tĩnh mạch, 2 đường PVC, đầu truyền dịch hình chữ J. Có dây nối phụ phân biệt xanh (tĩnh mạch) đỏ (động mạch). - Độ chính xác: Sai số tối đa do tổng hiệu ứng của các biến thiên phi tuyến, độ trễ và độ nhạy sẽ không quá 2% số đọc hoặc ± 1 mmHg, tùy theo giá trị nào lớn hơn trong phạm vi hoạt động. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	410		
232	Bộ đo huyết áp xâm nhập phương pháp Seldinger cỡ 20-22G dài 80mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim làm bằng thép không gỉ, Catheter bằng Fluorinated ethylene propylen (FEP), Dây dẫn đường bằng thép không gỉ. - Thông số: Kim đường kính 20 G và 22G; dài 50 mm. Catheter kích cỡ 20 G (1,08 mm) và 22 G (0,87 mm), dài 80 mm. Dây dẫn đường: đường kính 0,021" và 0,025", dài 25 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch đo huyết áp động mạch xâm lấn và lấy mẫu máu theo phương pháp Seldinger. - Catheter bề mặt trơn và ngăn hình thành huyết khối - Có khoá luer lock để cố định. - Đóng gói riêng lẻ. Tiệt trùng.	Bộ	4.300		
233	Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao 30 atm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate. Chất liệu đồng hồ đo áp lực: Brass Nylon. Mặt đồng hồ huỳnh quang cho phép xem trong điều kiện bóng tối, cần khóa xả áp lực, dây nối áp lực kèm khóa 3 ngã xoay 360 độ, có thể tháo rời. Tay vặn hình cánh hoa. - Áp lực tối đa 30 atm, Thể tích 25 ml. - Đi kèm van Y cầm máu dạng kết hợp đóng mở có màu vàng, đường kính lớn 10Fr, dụng cụ lái dây dẫn, cây đẩy, dây nối. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFS (tại các nước tham chiếu).	Bộ	2.300		
234	Bộ dụng cụ cố định mạch vành tự bung 3,5mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC, Silicon, thép không gỉ. - Thông số: Giác hút 30mm, khoảng cách 2 dẫy giác hút 30mm. Có đặc tính tự bung (auto spread) 3,5mm. 2. Tính năng, công nghệ: Có đặc tính tự bung (auto spread) 3,5mm, giác hút có thể uốn cong linh hoạt, đế xoay được 360 độ, khóa kiểm soát. Bộ cố định có kèm dây hút chân không với bình chứa 150 ml có lọc bên trong. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
235	Bộ dụng cụ dẫn lưu màng phổi sử dụng kĩ thuật Seldinger, cỡ 12/14Fr	Thông số kỹ thuật: - Catheter dẫn lưu (12/14Fr), cản quang (quan sát được trên phim chụp X quang, CT), chống gấp khúc, sử dụng được trong MRI và có khóa Luer. - Dao mổ (11), sử dụng 1 lần. - Ống tiêm. - Kim đâm Tuohy có chia vạch(1,2 x 1,5 x 90 mm, cỡ 17). - Dây dẫn đường seldinger có lõi Nitinol chống gấp khúc, chống xoắn. - Ống nong có điểm dừng (12/14 Fr). - Băng cố định. - Van 3 chiều. - Bộ chuyển đổi từ khóa Luer sang đầu nối phễu. - Túi đựng dịch tiết(1,5L).	Bộ	40		
236	Bộ dụng cụ dẫn lưu tràn khí và tràn dịch màng phổi	1. Thông số kỹ thuật: Bộ dụng cụ dẫn lưu tràn khí và tràn dịch màng phổi Bao gồm: - Ống dẫn lưu ngực có sọc cản xạ các cỡ 12Fg, 18Fg, dài 30cm: 01 cái - Dụng cụ nong có giới hạn độ sâu, dài 10cm, các cỡ ≥14F - Kim chọc dò seldinger cỡ 18Ga: 01 cái - Dây dẫn dài 70cm: 01 cái - Cán dao kèm lưỡi dao phẫu thuật cỡ 11: 01 cái - Ống Syringe 10ml có khóa Luer: 01 cái - Bộ chuyển đổi + Đấu nối bậc thang: 01 cái - Khóa 3 chia: 01 cái - Đóng gói tiệt trùng từng bộ 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Bộ	74		
237	Bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim bằng RF (radio frequency): cáp nối cho catheter cắt đốt điện sinh lý	1. Thông số kỹ thuật: Có thể kết nối ống thông đốt AlCath với các máy đốt St Jude IBI 1500, dài 2,5m (hoặc tương đương) 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	30		
238	Bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim bằng RF (radio frequency): ống thông cắt đốt điện sinh lý	1. Chất liệu: Đầu Platinum /Iridium. 2. Thông số kỹ thuật: Chiều dài 110 cm. đầu đốt loại 4mm. - Khoảng cách điện cực là 2-5-2mm. - Kích thước nhẫn là 1,55mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dụng cụ cắt đốt điện sinh lý. - Có thể bẻ cong 270 độ. - Nhiều độ cong, có cảm biến nhiệt đầu đốt. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	20		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
239	Bộ dụng cụ mở đường dùng cho can thiệp mạch loại dài	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: phủ lớp ái nước với chiều dài 25cm - Kích thước: 6F và 7F - Chiều dài: 15, 30, 45, 55, 65, 80 và 90 (cm) - Đánh dấu cản quang ở đầu xa 2. Tính năng, công nghệ: - Dây cuộn tròn dạng xoắn - Chống xoắn gập - Bao gồm: ống dẫn; đầu nối chữ Y & ống nong đầu thon 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	40		
240	Bộ dụng cụ mở đường dùng cho can thiệp mạch loại dài	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu xa có lớp phủ ái nước với chiều dài 25cm - Dây cuộn tròn dạng xoắn - Kích thước: 6F và 7F - Chiều dài: 15, 30, 45, 55, 65, 80 và 90 (cm) - Đánh dấu cản quang ở đầu xa - Chống xoắn gập - Bao gồm: ống dẫn; đầu nối chữ Y & ống nong đầu thon 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	20		
241	Bộ dụng cụ mở đường mạch máu đường quay, đường đùi	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ mở đường mạch máu (sheath) tiếp cận được cả đường tĩnh mạch hoặc động mạch, giúp tạo điều kiện cho các thiết bị khác tiếp cận vào dễ dàng. - Chất liệu ống được cấu tạo từ TPE có tính đàn hồi cao, khả năng chịu nhiệt tốt và không chứa bất kỳ chất độc hại nào, ống bọc ETFE (loại poymer cao cấp), ống bên TPU cũng có tính đàn hồi tốt, cùng khả năng chống mài mòn, van silicon, kim chọc bằng MABS+SUS 304 (thép không gỉ), dây dẫn bằng thép không gỉ, được phủ lớp ái nước, hoạt động trơn tru. - Bộ dụng cụ được mã hoá màu trên phần đầu giúp phân biệt các kích cỡ dễ dàng, thiết kế đầu dạng côn để giảm thiểu chấn thương mô, đoạn ống chống xoắn với vỏ bọc cản quang cho sự ổn định, dễ dàng đi qua các khu vực quanh co, khu vực cố định sheath có thể xoay và tuỳ chỉnh được. Có van cầm máu bảo vệ chống tắc mạch và trào ngược máu. - Cổng bên với khoá 3 ngã, thiết kế hub dạng tròn hoặc đa giác công thái học. Các size từ 4-7Fr, chiều dài 7,11,23cm, đi kèm tuỳ mã bao gồm dây dẫn, cây nông, kim chọc, ống tiêm, dao mổ. - Dây dẫn tương thích: 0.018", 0.021", 0.025", 0.035", loại thẳng hoặc đầu J. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA 510(k) (Premarket Notification)	Cái	300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
242	Bộ dụng cụ mở đường vào lòng mạch quay và mạch đùi các cỡ 5,6,7,8,9F	1. Thông số kỹ thuật: - Các cỡ 5F, 6F, 7F, 8F, 9F. - Chiều dài 11cm, 23cm, 45cm và 70cm. 2. Tính năng, công nghệ: Bộ dụng cụ mở đường vào lòng mạch quay và mạch đùi gồm ống nong lòng mạch máu (Dilator), ống thông mở đường vào lòng mạch máu (Sheath introducer), dây dẫn nhỏ (Mini guidewire), kim chọc dò mạch máu.	Bộ	500		
243	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu	1. Thông số kỹ thuật: - Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu: Có đủ các loại Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay và động mạch đùi. Cấu tạo gồm: Kim chọc mạch. Dây dẫn đường. Ống dẫn. Bơm tiêm. Que nong. - Kích thước: + Đủ các cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F. Có các chiều dài 9cm, 11cm, 15cm, 16cm. + Đối với 4F đường kính ngoài: 2.0mm đường kính trong 1,55mm. 5F có đường kính ngoài; 2,6mm đường kính trong 1,95mm. 6F có đường kính ngoài: 2,8mm đường kính trong 2,25mm., 7F có đường kính ngoài 3,2mm đường kính trong: 2,53mm. 8F có đường kính ngoài 3,5mm đường kính trong 2,85mm. + Đường 4F dây dẫn(Guide Wire) 0,021" 0,53mm có chiều dài 45cm. các loại 5F, 6F, 7F, 8F tương dây dẫn đường (Guide wire) 0,035" 0,89mm có chiều dài 45cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	200		
244	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu cỡ 0,025", 0,035"	1. Thông số kỹ thuật: Cấu tạo gồm: Kim chọc mạch, mini plastic guide wire, bơm tiêm, introducer sheath, dilator (que nong). - Chất liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene). - Kích thước: Cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F; dài 7cm, 10cm. - Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G. - Mini plastic guide wire cỡ 0,025", 0,035", dài 45cm. - Bơm tiêm 2,5ml. 2. Tính năng, công nghệ: Đặc điểm có van cầm máu hình chữ thập kiểu Cross-Cut, thiết kế chống xoắn, giảm kháng lực khi chọc mạch.	Cái	6.400		
245	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu cỡ 5,6,7Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Mini guidewire (plastic), sheath (có phủ lớp ái nước M Coat). - Thông số: Kim luồn chọc mạch cỡ: 20G x 51mm; 22G x 32mm. Mini guidewire cỡ plastic 0,025" x 45cm, plastic 0,025" x 80cm, plastic 0,021" x 45cm, spring 0,018" x 45cm. Sheath dài 10cm hoặc 16cm. Kích thước cỡ 7Fr, 6Fr và 5Fr. 2. Tính năng, công nghệ: - Thành siêu mỏng làm giảm đi 1Fr đường kính ngoài của sheath mà vẫn giữ được kích cỡ đường kính trong như các sheath tương tự. - Giảm kháng lực khi chọc mạch.	Bộ	360		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
246	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu cỡ 6Fr dài 10 hoặc 16cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sheath có phủ lớp ái nước M Coat. - Thông số: Đường kính 6F, dài 10cm hoặc 16cm. Kim luồn cỡ 20G x 11/4". Mini guidewire plastic cỡ 0,025" x 45cm hoặc 0,025" x 80cm. Bơm tiêm 2,5ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Cấu tạo gồm kim luồn, mini guidewire plastic, bơm tiêm, introducer Sheath, dilator (que nong). - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut". Sheath giúp việc cài và rút thiết bị mượt mà, giảm thiểu nguy cơ co thắt, lực cản chỉ bằng 1/2 so với sheath thông thường, giảm cảm giác khó chịu cho bệnh nhân. - Thiết kế chống xoắn.	Bộ	300		
247	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu đường kính 0,018"	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyethylene và Polypropylene. Guirewire kèm làm bằng thép không gỉ hoặc nitinol. - Thông số: Cỡ 4F, 5F, 6F, Có Guirewire kèm có đầu cong hình J, đường kính 0,018", dài 40cm. Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm , có khóa 3 ngã. Đủ các cỡ 4F, 5F, 6F dài 7 cm, 11 cm, 23 cm mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. 2. Tính năng, công nghệ: - Mềm dẻo an toàn cho bệnh nhân. Có valve cầm máu, ngăn chặn máu rò rỉ. Holster giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ. - Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhẵn, độ mở lớn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	3.900		
248	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu đường kính 0,035" hoặc 0,038"	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyethylene và Polypropylene. Guirewire kèm làm bằng thép không gỉ. - Thông số: Cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F dài 11cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. Có kèm theo kim chọc mạch 18Gx7cm (tùy mã sản phẩm). Có khóa 3 ngã. Có Guirewire kèm có đầu cong hình J, đường kính 0,035" hoặc 0,038", dài 50cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Mềm dẻo an toàn cho bệnh nhân. Có valve cầm máu, ngăn chặn máu rò rỉ. Holster giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ. - Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhẵn, độ mở lớn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG - FDA (Hoa Kỳ).	Cái	1.100		
249	Bộ dụng cụ tập thở sau phẫu thuật 2500ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa chịu lực. - Thông số: 2500ml, chia vạch từng 250ml. 2. Tính năng, công nghệ: Piston và thanh trượt màu vàng sáng dễ theo dõi, van 1 chiều, có 3 mức đo mức Tốt-Tốt hơn-Tốt nhất, có tay cầm, thiết kế gọn nhỏ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	2.520		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
250	Bộ dụng cụ thông tim thăm dò huyết động	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: ABS, HDPE, PC, PP, PVC. 2. Tính năng, công nghệ: - Theo dõi cung lượng tim thời gian thực theo từng nhịp đập. Tương thích với các catheter động mạch quay tiêu chuẩn và cảm biến theo dõi áp lực. Cho phép phát hiện đáp ứng truyền dịch. - Có thể hiệu chỉnh bằng nguồn dữ liệu bên ngoài (Ví dụ siêu âm hoặc PAC). Có LED tích hợp bên trong cảm biến. - Tiệt trùng. - Nhiệt độ hoạt động 15 đến 40ºC. - Nhiệt độ lưu trữ ở nhiệt độ phòng. - Nhiệt độ vận chuyển -29ºC đến 50ºC trong vòng 72 giờ.	Bộ	20		
251	Bộ dụng cụ thông tim thăm dò huyết động và cảm biến nhiệt	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate (PC), Polyethylen (PE), Silicone (SI), Polyvinlchlorid (PVC), ABS. - Thông số: Hệ thống xả có tốc độ 3ml/h với áp lực 300mmHg trong túi xả (xả nhanh > 2ml/s). Chiều dài dây đo huyết áp màu đỏ dài 150cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Theo dõi huyết áp động mạch đáng tin cậy. Theo dõi cung lượng tim chính xác cùng với catheter PiCCO. Cảm biến áp lực được thiết kế trong suốt dễ dàng kiểm tra. - Tiệt trùng bằng Ethylene oxide.	Bộ	105		
252	Bộ Dung dịch sử dụng để tẩy oxy hóa trên bề mặt kim loại	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Glycolic, Ethoxylated Alcohol, Nước vừa đủ - Nồng độ: Glycolic acid 8%, Ethoxylated Alcohol 5%, Nước vừa đủ 100% Bộ gồm 2 chai, 750ml/chai 2. Tính năng: Xử lý oxi hóa , gỉ sét và không ăn mòn dụng cụ inox Cách sử dụng: xịt lên bề mặt dụng cụ đợi từ 5 - 10 phút rồi dùng bản chải cọ rửa. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485:2016	Bộ	266		
253	Bộ gạc dùng trong chạy thận nhân tạo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gạc không dệt và gạc hút nước 100% cotton, màu trắng - Kích thước + Gạc Phẫu thuật không dệt 7.5 x 7.5cm x 6 lớp (4 cái), + Gạc lót đốc kim không dệt hút nước 3.5 x 5cm x 4 lớp (2 cái), + Khăn trải chống thấm 40x60cm (1 cái), + Gạc thận nhân tạo 3.5 x 4.5cm x 40 lớp (2 cái/gói). 2. Tính năng, công nghệ: - Đặc tính nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao, có khả năng hút nước trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên, trọng lượng 23g/m2, mật độ sợi ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi, - Đặc tính nguyên liệu gạc không dệt hút nước có khả năng hút nước trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên, độ ẩm <8%, các chất tan trong nước: không quá 0,5% , trọng lượng 38g/m2. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Bộ	419.852		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
254	Bộ gạc dùng trong chạy thận nhân tạo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gạc Phẫu thuật không dệt, gạc lót đốc kim (gạc không dệt hút nước, màu trắng), khăn trải chống thấm, gạc thận nhân tạo (gạc hút nước 100% cotton) - Kích thước Gạc Phẫu thuật không dệt 7.5 x 7.5cm x 6 lớp (4 cái), gạc lót đốc kim 3.5 x 5cm x 4 lớp (2 cái), khăn trải chống thấm 40x60cm (1 cái), gạc thận nhân tạo 3.5 x 4.5cm x 40 lớp (2 cái/gói). 2. Tính năng, công nghệ: - Gạc hút nước 100% cotton và có khả năng hút nước cao (trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên), trọng lượng 23g/m2, mật độ sợi ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; - Gạc không dệt hút nước có khả năng hút nước cao (trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên), độ ẩm <8%, các chất tan trong nước không quá 0,5%, trọng lượng 38g/m2. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Bộ	48.080		
255	Bộ gạc dùng trong chạy thận nhân tạo	1. Thông số kỹ thuật: Bộ tiêm chích dùng trong chạy thận nhân tạo. Tiệt trùng bằng khí EO. Một gói bao gồm: - 1 thảm chống thấm 40x50cm - 2 gạc tròn 2x3cm - 4 gạc y tế không dệt 7.5x7.5cmx4 lớp - 2 gạc y tế không dệt 5x5cmx8 lớp	Bộ	155.972		
256	Bộ gây tê ngoài màng cứng	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: - Kim đầu tù cong (Tuohy) 18G làm bằng thép không gỉ SUS 304. - Catheter làm bằng chất liệu TPE (Thermoplastic Elastomer). Kích cỡ: + Thân kim có chia vạch từng centimet; vạch in đậm ở vị trí 5 cm. + Chiều dài kim 10cm. + Hai cánh rộng chắc và có gờ lõm xuống để chống trượt giúp thao tác đâm kim chắc chắn. 2. Tính năng, công nghệ: - Catheter này rất mảnh và mềm, đầu luồn vào khoang NMC được bịt kín và vuốt thon để hạn chế gây tổn thương mạch máu, có 3 lỗ thoát thuốc dễ dàng quan sát dưới cản quang. - Thân catheter mềm dẻo, chống gập nhằm tăng tỷ lệ thành công khi gây tê. - Có bơm tiêm L.O.R. (Loss Of Resistance) 10ml không latex, dùng cho kỹ thuật mất sức cản; Thích hợp khi dùng với nước và không khí. Phụ kiện kèm theo: - Đầu nối catheter. - Bộ lọc 0,2 micromet (µm). - Miếng dán cố định bộ lọc. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	2.200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
257	Bộ gây tê ngoài màng cứng đầy đủ phụ kiện đi kèm	1. Thông số kỹ thuật: - Kim đầu cong Tuohy 18G x 8cm OD 1.3mm, ID 1.0mm có cánh lớn (1.4cm x 4cm) có thể tháo rời, thân có vạch chia. - Catheter chất liệu: PEBA (Polyether Block Amide), OD 0.9mm x L 915mm, có vạch đánh dấu chiều dài, mặt bên có 3 lỗ bơm thuốc - Đầu nối dạng phẳng, chốt đóng mở nằm bên trong đầu nối, giảm nguy cơ rò rỉ - Bơm tiêm giảm kháng lực LOR 10ml, không latex - Lọc 0.2µm, sử dụng 96 giờ - Co nhựa định hướng (dụng cụ kết nối dẫn đường catheter vào kim) 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng EO, không latex. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	2.240		
258	Bộ gây tê ngoài màng cứng kim G18	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catheter bằng polyamid và polyurethan. - Thông số: Kim đầu cong G18 dài 3 ¼", Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0,2 micron. 2. Tính năng, công nghệ: - Có bơm giảm kháng lực giúp xác định khoang màng cứng. - Thiết kế đầu catheter thuôn nhỏ dần, có đường cản quang ngầm, có 6 lỗ thoát thuốc - Đầu nối catheter dạng nắp bật. - Màng lọc có miếng dán cố định lọc. - Có đầy đủ bơm và kim tiêm thuốc, gồm: + Bơm tiêm Perifix L.O.R hoặc tương đương (bơm tiêm test sức cản giúp xác định khoang ngoài màng cứng dễ dàng và chính xác), + 1 bơm tiêm 2 ml, + 1 bơm tiêm 20ml + Kim tiêm thuốc : 1 kim 21G (0.8*40 mm), 1 kim 18G (1.2*40mm), 1 kim 25G (0.5*16mm) 3. Tiêu chuẩn chất lượng : CE (Châu Âu)	Cái	3.369		
259	Bộ gây tê ngoài màng cứng kim G18	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catheter bằng polyamid và polyurethan. - Thông số: Kim đầu cong G18 dài 3 ¼", Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0,2 micron. 2. Tính năng, công nghệ: - Có bơm giảm kháng lực giúp xác định khoang màng cứng. - Thiết kế đầu catheter thuôn nhỏ dần, có đường cản quang ngầm, có 6 lỗ thoát thuốc - Đầu nối catheter dạng nắp bật. Màng lọc có miếng dán cố định lọc. Có đầy đủ bơm và kim tiêm thuốc. bơm tiêm Perifix L.O.R (bơm tiêm test sức cản giúp xác định khoang ngoài màng cứng dễ dàng và chính xác), 1 bơm tiêm Omnifix 2 ml, 1 bơm tiêm Omnifix 20ml kim tiêm thuốc : 1 kim Sterican 21G 0.8*40 mm, 1 Sterican 18G 1.2*40mm, 1 Sterican 25G 0.5*16mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng : CE (Châu Âu)	Cái	1.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
260	Bộ ghim khâu cố định mảnh ghép thoát vị ProTack 5 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...) dùng trong phẫu thuật nội soi. - Chất liệu ghim bằng titan thân thiện cơ thể, hình xoắn ốc, số lượng ghim: 30/ cây. - Kích thước: Chiều dài thân dụng cụ ≥ 35.5cm. Đường kính nòng: ≥ 5mm. Chiều dài ghim: 3.8mm, rộng 4mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Ghim cố định lưới không tan, đầu thẳng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu).	Bộ	64		
261	Bộ hút đờm kín	1. Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ: 6Fr, 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr,16Fr. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu nối góc xoay 360 độ, đầu bơm rửa có van 1 chiều đảm bảo hệ thống kín. Cổng MDI, nhãn đánh dấu ngày sử dụng. Catheter mềm dẻo, đầu tip mài nhẵn. Công tắc kiểm soát tình trạng đóng mở. - Tiệt trùng, đóng gói đơn chiếc. Sử dụng 24-72 giờ. Có kèm Ống kết nối giữa chạc 3 và ống nội khí quản (Sâu máy thở).	Bộ	4.632		
262	Bộ hút đờm kín cỡ 6, 8, 10Fr dài 30-45cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catheter hút dịch vật liệu PVC y tế. - Thông số: Các cỡ 6,8,10FG, chiều dài 30-45cm . Mã hóa màu theo kích cỡ. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu tròn, mềm có 2 lỗ hút giúp hút tối đa, đảm bảo sự thoải mái tối đa. Vạch đánh dấu đo độ dài kiểm soát độ sâu khi luồn. Lớp nhựa mềm trong suốt bọc ngoài đảm bảo hệ thống hút kín an toàn, dễ theo dõi. - Kết nối khóa xoay với van khóa 1 chiều sạch hơn và giảm dòng quay trở lại. - Van kiểm soát có bộ nối để ngăn chặn việc vô tình khởi động máy hút khi không cần thiết. - Đóng gói có sẵn bao gồm: catheter hút dịch, 3 co nối cho trẻ em tương thích với các cỡ ống nội khí quản. - Đóng gói vô trùng. Không Latex, không DEHP. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Bộ	800		
263	Bộ hút đờm kín có gắn ống thông cỡ 6 - 16Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu xông hút mềm, lớp bọc ngoài bằng polyurethane. - Thông số: Đầy đủ kích cỡ: 6F-16F và được mã hóa màu theo kích cỡ. 2. Tính năng, công nghệ: Hệ thống vô trùng, sử dụng 72h, 2 cổng (cổng dẫn, cổng MDI). Có Van khoá 1 chiều an toàn. Có chia vạch khoảng cách 1cm. Có catheter mount và nhãn ghi chú ngày sử dụng đi kèm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	2.300		
264	Bộ hút đờm kín không gắn ống thông	1. Thông số kỹ thuật: số 6-17. 2. Tính năng, công nghệ: Không catheter mount có 3 co nối Y đi kèm, dùng 24h hoặc 72h.	Cái	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
265	Bộ hút huyết khối mạch vành 6F, 7F, thể tích xylanh hút 60ml. Kèm dây cứng hỗ trợ dài 126.5 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính trong lòng loại 6F là 0.041", loại 7F là 0.053". Thích hợp với catheter dẫn đường với kích thước bên trong lumen nhỏ nhất là 0.071" / 0.081". - Có 1 marker cản quang được chế tạo bằng hợp kim Platinum 90%/ Iridium 10% Chiều dài đầu tip đến vị trí marker là 3.0 mm. Đường kính thân xa 1.7 mm (6F), 1.98mm (7F). Đường kính thân gần 1.3 mm (6F), 1.6mm (7F). - Dung tích hút (dung tích nước) của bộ 6F là 60ml/45 giây hoặc 1.33ml/giây, bộ 7F là 60ml/22giây hoặc 2.77ml/ giây. - Một bộ tiêu chuẩn gồm: 1 catheter hút huyết khối 6F hoặc 7F; 1 dây thăm dò cứng; 1 ống tiêm hút 60ml; 2 giỏ lọc 40µm; 1 dây nối van khóa vòi 1 hướng dài 28.5cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu tip hút hình elip. Tổng chiều dài 145cm. Đoạn Rx 25cm. Lớp phủ Hydrophilic ở phần thân xa của catheter là 25cm. Dây thăm dò cứng với cạnh xa tròn, dài 126.5cm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	45		
266	Bộ kết hợp khoá ba ngã	1. Thông số kỹ thuật: - Thân trục làm bằng chất liệu Microcrystalline Polyamide 2. Tính năng công nghệ: - Bộ kết hợp 3 khóa ba ngã được đúc nguyên khối liền nhau, có màu để phân biệt các kênh kết nối - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc - Đầu kết nối dễ dàng, đảm bảo kín với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch khác - Góc xoay đa chiều linh hoạt điều chỉnh 360 độ và có tín hiệu hãm cho các nấc xoay 45 độ trong sử dụng, không bị trờn trong quá trình sử dụng - Đầu côn 6% đảm bảo không bị rò rỉ - Thể tích mồi 0,7 ml, Chịu áp lực 4 bar - Thời gian sử dụng 96h 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	3.200		
267	Bộ kết nối (Manifold)	1. Thông số kỹ thuật: Manifold 3 cổng, thiết kế half body -Chất liệu Poly Carbonate. - Đường kính trong 0.093" (2.36mm) 2. Tính năng, công nghệ: - Có luer xoay và đầu xoay đuổi khí - Tay cầm Acetyl tiện dụng, moment xoắn thấp, con xoay không có không khí - Chịu áp lực 500 PSI 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Bộ	1.600		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
268	Bộ kết nối 3 cổng dùng trong can thiệp tim mạch Manifolds	1. Thông số kỹ thuật: - Manifold 2 cổng, 3 cổng, Có hoặc không có dây nối dài 120cm áp lực 800PSI.. - Chất liệu: PC (Polycarbonate) 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu lực 500PSI - Đầu nối Luer-Lock (Female connector and male connector). - Stopcock van khóa xoay hand shank ON OFF - Handle (tay cầm) bằng ABS xoay được 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Cái	450		
269	Bộ kết nối trực tiếp mở khí quản (dùng cho máy HFNC AIRVO2)	1. Thông số kỹ thuật: - Lưu lượng: 10–60 l/phút - Cổng kết nối mở khí quản: 15 mm - Thời hạn sử dụng tối đa 14 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng - Kết nối chuẩn với bộ dây thở của máy Airvo 2 (F&P) hoặc tương đương 2. Tính năng và công nghệ - Kết nối chuẩn với đầu lỗ mở khí quản - Có nắp chống bắn đờm ra ngoài - Thành dây có vật liệu bán thấm giúp thoát hơi nước ra ngoài, giảm đọng nước - Có dây đeo qua cổ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), FDA 510k (Premarket Notification)	Cái	200		
270	Bộ khăn (săng) chụp mạch vành	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp 43gsm; Có vùng thấm hút với chất liệu vải thấm 130gsm; Phần màng phẫu thuật bằng polyurethane. - Khăn trải bàn dụng cụ 200 x 240cm. - Khăn chụp mạch vành 220 x 370cm, vùng phẫu trường có vùng thấm hút đặt biệt 130gsm, có phần màng phẫu thuật bằng polyurethane, lỗ đùi kích thước 13 cm, lỗ trên màng phẫu thuật 7 cm, lỗ tay kích thước 8 cm, lỗ trên màng phẫu thuật 6 cm. - Bao chụp đầu đèn đường kính 60cm. - Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng 150 x 180cm. - Tấm phủ chắn chì 150 x 180cm. - Bao kính chắn chì 100 cm x 120cm. - Bao đựng remote 10 x 26cm. - Khăn lót 50 x 60cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485: 2016, EN ISO 11135: 2014, ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.	Bộ	6.900		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
271	Bộ khăn (săng) sinh thường	1. Thông số kỹ thuật: a. Chất liệu: - Khăn không thấm cấu tạo từ hai lớp: lớp plastic màu và lớp vải không dệt. Cả 2 lớp đều không thấm nước. - Khăn em bé cấu tạo từ vải không dệt mềm mại, khả năng thấm hút chất lỏng tốt. - Khăn đa năng cấu tạo từ vải không dệt mềm mại, khả năng thấm hút chất lỏng tốt. - Khăn trải không túi được cấu tạo từ vải bán thấm. Sử dụng để lót dưới mông sản phụ may tầng sinh môn - Khăn trải có túi cấu tạo từ màng plastic màu không thấm nước, được gia cố vùng thấm hút đặc biệt, thấm hút nhanh và chống hiện tượng thấm ngược. - Tạp dề được cấu tạo từ màng PE, cổ tròng. - Tấm lót mông được làm từ vải không dệt siêu mềm mại, hạt siêu thấm, bông Cellulose, PE, Chun, Polyme kết dính Cấu tạo từ màng plastic màu không thấm nước. b. Kích thước: - 01 (một) khăn không thấm (120 cm x 140 cm) ±5 cm: dùng để trải bàn đựng dụng cụ. - 01 (một) khăn em bé (60 cm x 100 cm) ±5cm: Sử dụng để lau khô cho em bé. - 01 (một) khăn đa năng (90 cm x 100 cm) ±5cm: Sử dụng để quấn và giữ ấm cho em bé. - 01 (một) khăn trải không túi (80 cm x 90 cm) ±5cm. - 01 (một) khăn trải có túi (80 cm x 90 cm) ±5cm: Có túi chứa dịch với thang đo lượng chất lỏng, thể tích đo được tối đa là 2000 ml. Lót dưới mông sản phụ để chứa dịch và đo lượng máu sản phụ mất đi khi sinh. - 01 (một) tạp dề (90 cm x 140 cm) ±5cm. - 02 (hai) tấm lót mông (40 cm x 70 cm) ±2cm. 2. Tính năng, công nghệ: Tất cả các mặt hàng nêu trên được đóng gói thành 01 bộ và được tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485: 2016, EN ISO 11135: 2014, ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.	Bộ	15.704		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
272	Bộ khăn chỉnh hình tổng quát	1. Thông số kỹ thuật: - Khăn trải bàn dụng cụ được cấu tạo từ hai lớp gồm lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. - Khăn phủ ngang có vải không dệt cao cấp 5 lớp trở lên được gia cố vùng siêu thấm và băng keo y tế - Bao phủ từ vải bán thấm, một mặt thấm, một mặt không thấm. - Khăn U thấm từ vải không dệt cao cấp 5 lớp trở lên với hình chữ U được gia cố vùng siêu thấm và băng keo chất liệu acrylic. - Khăn thấm 30 x 40, vải Spunlace, mềm mại thấm hút - Thông số: Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 trở lên. Khăn phủ ngang 160 x 240. Bao phủ chi 43 x 85. Khăn U thấm 200 x 300 trở lên, hình chữ U 12 x 75 cm. Băng keo OP 9 x 50 trở lên. Khăn thấm 30 x 40. 2. Tính năng, công nghệ: Khăn trải bàn dụng cụ có hai lớp không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc phòng mổ. Khăn U thấm được gia cố vùng siêu thấm và băng keo y tế (băng keo y tế bằng chất liệu acrylic, mềm mại, dính tốt trên da trong thời gian phẫu thuật dài, không kích ứng da). Băng keo y tế, không gây kích ứng da. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485: 2016, EN ISO 11135: 2014, ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.	Bộ	5.864		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
273	Bộ khăn chỉnh hình tổng quát B	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: - Khăn trải bàn dụng cụ được cấu tạo từ hai lớp gồm lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. - Khăn phủ ngang có vải không dệt cao cấp 5 lớp trở lên được gia cố vùng siêu thấm và băng keo y tế. - Bao phủ từ vải bán thấm, một mặt thấm, một mặt không thấm. - Khăn U thấm từ vải không dệt cao cấp 5 lớp trở lên với hình chữ U được gia cố vùng siêu thấm và băng keo chất liệu acrylic. Gạc 3 lớp tiệt trùng, 2 lớp bên ngoài là màng PET có cấu trúc đục lỗ, dạng lưới không gây kích ứng da, kích thước từ 10 x 20 cm tới 15 x 30 cm. giữa là lớp cotton, số lượng 2. - Khăn thấm 30 x 40, vải Spunlace, mềm mại thấm hút. - Gạc: 100% cotton; Sợi cản quang: Polypropylene/Polyester. Sợi cản quang tia X được may cố định bên trong gạc nên không bị rơi ra ngoài, giúp phát hiện gạc trong trường hợp bị sót trong cơ thể sau khi phẫu thuật. 2. Thông số kỹ thuật: - Khăn trải bàn dụng cụ 140 x 200 trở lên. Khăn phủ ngang 160 x 240. Bao phủ chi 43 x 85. Khăn U thấm 200 x 300 trở lên, hình chữ U 12 x 75 cm. Băng keo OP 9 x 50 trở lên. Khăn thấm 30 x 40. - 10 Gạc phẫu thuật có cản quang, kích thước 30mmx150mm, 4 lớp, khoảng 0.9g/miếng, độ thấm hút >4.5g/miếng. 3. Tính năng, công nghệ: - Khăn trải bàn dụng cụ có hai lớp không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc phòng mổ. - Khăn U thấm được gia cố vùng siêu thấm và băng keo y tế (băng keo y tế bằng chất liệu acrylic, mềm mại, dính tốt trên da trong thời gian phẫu thuật dài, không kích ứng da). - Băng keo y tế, không gây kích ứng da. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: AAMI PB70 level 3, EN ISO 13485:2016, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), EN ISO:11135.	Bộ	1.120		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
274	Bộ khăn chụp mạch vành	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp ≥ 44 gsm, có vùng thấm hút với chất liệu vải thấm ≥130gsm, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện. Vùng phẫu trường có phần màng phẫu thuật bằng polyurethane. - Thông số bộ khăn gồm: + Khăn trải bàn 200x240cm 1 cái. + Khăn trải chụp mạch vành 220x370cm (vải không dệt SMMMS, có vùng phẫu trường). + Tấm đắp chắn chì 150x180cm 1 cái. + Khăn trải bàn 150x180cm 1 cái. + Túi chụp bóng đèn tròn 60cm 1 cái. + Túi bọc tay cầm điều khiển 10x26cm 1 cái. + Khăn trải đa dụng 50x60cm 1 cái. + Bao kính chắn chì 100x120cm 1 cái. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485: 2016, EN ISO 11135: 2014, ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.	Bộ	6.380		
275	Bộ khăn mổ thận lấy sỏi qua da	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt y tế 5 lớp SMMMS 50 gsm, tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. Khăn trải bàn từ vải không dệt y tế 5 lớp (SMMMS), màng phim PE xanh. Bao chụp đầu đèn từ màng phim PE trong. Khăn mổ thận lấy sỏi qua da vải SMMMS, vải thấm, băng keo y tế. - Thông số bộ khăn gồm: + Khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp 165cm x 200cm x 01 cái. + Khăn thấm 40cm x 57cm x 02 cái. + Bao chụp đầu đèn 65cm có thun x 01 cái. + Màng phẫu thuật 28cm x 30cm x 01 cái. + Khăn mổ thận lấy sỏi qua da có lỗ 15cm x 15cm, có màng phẫu thuật, có túi chứa dịch. Kích thước 200cm x 320cm x 01 cái. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485: 2016, EN ISO 11135: 2014, ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.	Bộ	1.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
276	Bộ khăn mổ tim hở	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu vải không dệt 5 lớp SMMMS 45 - 50gsm, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện theo tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. - Bộ khăn bao gồm: + Khăn phủ bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm SMMMS 140x 200cm: 02 cái + Khăn đắp phẫu thuật không keo thấm 30 x 35cm: vải siêu thấm: 02 cái + Khăn đắp phẫu thuật không keo 100x 100cm, làm từ SMMMS 45 - 50gsm: 01 cái + Túi đựng dụng cụ 35x 40cm, có băng keo hai mặt, túi 2 ngăn: 01 cái + Băng keo y tế 9 x 50cm: 02 cái + Túi đựng kim chỉ 15 x 15cm, có băng keo: 01 cái + Khăn đắp bên 100 x 140 cm chất liệu từ vải không dệt cao cấp SMMMS 45 - 50gsm, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, được gia cố vùng thấm hút ≥ 130gsm, có băng keo y tế dùng cố định khăn: 02 cái + Khăn đắp chân 250 x 280cm, chất liệu từ vải không dệt cao cấp SMMMS 45 - 50gsmn, được gia cố vùng thấm hút ≥ 130gsm, có băng keo y tế dùng cố định khăn, có tấm cố định ống dây: 01 cái + Khăn đắp đầu 150 x 230cm, chất liệu từ vải không dệt cao cấp SMMMS 45 - 50gsm, được gia cố vùng thấm hút ≥ 130gsm, có băng keo y tế, vùng đầu được cấu tạo từ màng plastic có độ trong suốt cao: 01 cái + Khăn đắp phẫu thuật có keo 100 x 120cm, chất liệu SMMMS 45 - 50gsm, có băng keo y tế: 05 cái + Khăn đắp vùng sinh dục 19x35cm, có băng keo y tế: 01 cái + Khăn đắp dụng cụ có keo 100 x 200cm, có băng keo y tế: 01 cái + Khăn đắp dụng cụ 150 x160cm, chất liệu plastic có độ trong suốt cao: 01 cái 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng gói: 1 bộ/gói. - Sản phẩm được đựng trong túi ép, được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2017, ISO 11135:2014, CE (Châu Âu).	Bộ	316		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
277	Bộ khăn nội soi khớp gối	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt 5 lớp SMMMS 45gsm, chống cháy, chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. - Khăn trải bàn: từ lớp plastic màu được gia cố vải không dệt không hút nước ở vùng trung tâm. - Bao phủ chi làm từ vải bán thấm Semi-Hydrophylic với khả năng chống thấm. - Khăn trải bàn 140 x 200 cm: 1 cái. - Khăn nội soi khớp gối 240 x 310 cm: 1 cái. - Khăn lau thấm hút 30 x 40 cm: 2 cái. - Băng keo OP 10 x 50 cm: 2 cái. - Bao phủ chi 28 x 85 cm: 1 cái. 2. Tính năng, công nghệ: Khăn nội soi khớp gối được làm từ vải không dệt 5 lớp SMMMS 45 gsm, khăn hình chữ T, vùng phẫu trường có màng TPE co giãn, đàn hồi tốt với lỗ tròn đường kính 6cm, có túi chứa dịch với co nối để xả dịch lỏng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485: 2016, EN ISO 11135: 2014, ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.	Bộ	360		
278	Bộ khăn nội soi khớp vai	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt cao cấp chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, không xơ bụi vải, không độc tố. Khăn U plastic không thấm. - Thông số bộ khăn gồm: + 1 khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp 140x200cm. + 1 khăn U plastic không thấm 160x230cm. + 1 khăn nội soi khớp vai có rãnh U và túi chứa dịch 230x160cm. + 1 bao cánh tay 23x 60cm. + 1 băng keo OP 10x50cm. + 2 khăn thấm 30x40cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485: 2016, EN ISO 11135: 2014, ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.	Bộ	500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
279	Bộ khăn phẫu thuật ghép gan	1. Chất liệu: Vải không dệt y tế 5 lớp SMMMS 50 gsm, tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. 2. Bộ khăn bao gồm: - Khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp, lớp plastic và lớp vải không dệt, không thấm nước, kích thước 200cm x 300cm x 02 cái - Khăn thấm 30 x 40cm x 04 cái - Khăn phủ bàn mayo 2 lớp, gia cố lớp bán thấm, kích thước 80 x 145 cm x 01 cái - Khăn phẫu thuật ghép tạng 200/285 x 300 cm x 01 cái. Cấu tạo từ vải bán thấm 62 gsm, có phẫu trường 70 x 100 cm, có vùng thấm hút đặc biệt, băng keo quanh vùng phẫu trường, có tấm cố định ống dây. - Khăn có keo 80 x 100 cm x 04 cái - Băng keo OP 90 x 5 cm x 01 cuộn - Gạc 3 lớp tiệt trùng, 2 lớp bên ngoài là màng PET có cấu trúc đục lỗ, dạng lưới không gây kích ứng da, kích thước 50 x 70 cm x 02 miếng. Gạc được đóng gói riêng trong túi tiệt trùng. - Gạc phẫu thuật có cản quang, kích thước 30cmx30cm, gấp 4, khoảng 3.3g/miếng, gạc có cấu tạo: Gạc: 100% cotton; Sợi cản quang: polystyrene, bari sunfat, chất tạo màu - Sợi cản quang tia X màu đen, được may cố định bên trong gạc x 10 miếng Sản phẩm đóng gói vào bao Tyvek có chỉ thị tiệt trùng EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: AAMI PB70 level 3, EN ISO 13485:2016, CE (Tiêu chuẩn Châu Âu MDR 2017/745), FDA. Tiệt trùng2. Tiêu chuẩn chất lượng: AAMI PB70 level 3. Sản phẩm tiệt trùng bằng khí EO, đạt tiêu chuẩn EN ISO:11135 Sản xuất với tiêu chuẩn phòng sạch cấp độ 8 theo tiêu chuẩn ISO 14644-3:2019 và VNC/QTTN/03:2019	Bộ	60		
280	Bộ khăn phẫu thuật mắt	1. Thông số kỹ thuật: Bộ gồm 1 khăn phẫu thuật mắt,có màng phẫu thuật và túi thudịch 100 x 100cm, 1 khăn gói 60 x 60cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485: 2016, EN ISO 11135: 2014, ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.	Bộ	10.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
281	Bộ khăn sanh mổ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp 43gsm chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. Các loại băng keo y tế chất liệu acrylic. Khăn sanh mổ F làm từ vải bán thấm, với màng phẫu thuật chất liệu PU mỏng dẻo - Thông số bộ khăn gồm: + 01 Khăn trải bàn dụng cụ L. + 01 Khăn phủ bàn mayo 2 lớp 140cm x 200cm. + 01 Khăn sanh mổ F 170cm x 340cm chất liệu vải bán thấm, với màng phẫu thuật 30cm x 32 chất liệu PU mỏng dẻo, dính chặt khi phẫu thuật, xung quanh túi có vùng thấm đặc biệt. + 04 Khăn thấm:30cm x 40cm. + 02 Khăn em bé 60cm x 90cm màu trắng, thấm tốt, mền mại. + 01 Khăn đa dụng 98cm x 120cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485: 2016, EN ISO 11135: 2014, ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.	Bộ	2.200		
282	Bộ khăn sanh mổ tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật: Làm bằng vải không dệt SMMMS cao cấp 5 lớp 43gsm chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. Các loại băng keo y tế chất liệu acrylic, co dãn tốt, dính tốt trên da trong thời gian phẫu thuật dài, không gây kích ứng da. Bộ khăn bao gồm: 1 x Khăn trải bàn dụng cụ L 140 x 200 cm, 1 x Khăn sanh mổ 180 x 320 cm khăn được cấu tạo từ màng plastic màu phía đầu khăn, vải bán thấm phía bụng và chân- Lỗ phẫu trường 30 x 32 cm với màng phẫu thuật. Có túi chứa dịch- Được gia cố vùng thấm hút đặc biệt xung quanh phẫu trường- Có tấm cố định ống dây, 11 x Khăn thấm: 30cm x 40cm, 2 x Khăn em bé kích thước 90x120 cm màu trắng, thấm tốt, mền mại., 3 X Áo phẫu thuật basic gia cố thân L. 2. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485: 2016, EN ISO 11135: 2014, ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.	Bộ	14.000		
283	Bộ kim sinh thiết lõi phân tích chẩn đoán và mô học về bất thường của mô mềm	1. Thông số kỹ thuật: -Tổng chiều dài: 234.8mm -Ống thông: + Chiều dài : 120.8mm + Đường kính bên ngoài: 2.1mm 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng EO gas	Bộ	600		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
284	Bộ kit dây thở tích hợp cảm biến nhiệt độ và bình làm ẩm (tương thích máy HFNC Airvo2)	1. Thông số kỹ thuật: Bình làm ẩm: - Thể tích: 280 ml - Trở kháng dòng tại 60 L/phút: 0.52 cmH_2O - Áp lực vận hành tối đa: 8 kPa - Có phao kép tự động dừng dòng chảy để duy trì mức nước an toàn Dây thở: - Chiều dài: 1.8 m - Tốc độ dòng: 2 – 60 L/phút - Nhiệt độ cài đặt: 31°C, 34°C và 37°C - Thời hạn sử dụng: tối đa 14 ngày/người bệnh/lần sử dụng - Vật liệu: không chứa cao su tự nhiên và các chất phtalate (DEHP, DBP, BBP) - Kết nối chuẩn: tương thích với máy thở dòng cao Airvo 2 (Fisher & Paykel) 2. Tính năng và công nghệ - Bộ kit dây thở tích hợp cảm biến nhiệt độ và bình làm ẩm có phao kép, tự động cân chỉnh mức nước, kèm bộ co nối có thể phun khí dung Aerogen hoặc tương đương (tương thích máy HFNC Airvo2) - Dây thở gia nhiệt 2 lớp với lớp gia nhiệt tích hợp vào thành dây thở xoắn xen kẽ lớp cách nhiệt với môi trường bên ngoài (2 vòng xoắn kép) giúp hạn chế đọng nước lên đến 93% - Cảm biến đo nhiệt độ được tích hợp ở cuối dây. - Cổng phun khí dung tích hợp sẵn, có nắp đậy, tương thích với đầu phun khí dung màng rung điện Aerogen hoặc tương đương. - Có cảm biến đo nhiệt độ cuối dây thở - Có kẹp giúp cố định dây thở 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Bộ	200		
285	Bộ lấy/ tái định vị lưới lọc huyết khối tĩnh mạch loại ALN với các loại thẳng, cong hoặc 2 trong 1; chiều dài 570mm hoặc 610mm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu làm từ thép không gỉ và không có điểm hàn. - Có 3 loại hệ thống lấy lưới lọc: hệ thống tháo lưới lọc thẳng ALN, hệ thống lấy lưới lọc cong ALN, hệ thống lấy lưới lọc 2 trong 1 ALN. - Đường kính trong của Introducer Sheath là 9F với chiều dài 570mm và 610mm. - Một bộ lấy lưới lọc bao gồm: một catheter kẹp, một hệ thống mở đường (dụng cụ nong và bộ dẫn đường vào lòng mạch), một kim chọc dò, và một dây dẫn J 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ lấy lưới lọc chỉ được đưa vào từ đường tĩnh mạch cảnh - Kìm được thiết kế đặc biệt để chộp lấy đỉnh của lưới lọc 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu) .	Cái	10		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
286	Bộ lọc màng bụng chạy thận nhân tạo 10F, 12F	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter làm từ Thermoplastic polyurethane, có cản quang, mềm dẻo và chống gập. - Catheter hai nhánh, Chiều dài 12Fr 20 cm, 2 cây nong: 12Fx15cm/10Fx15cm, bằng polypropylene, Guide wire bằng thép không gỉ đường kính 0.038", chiều dài 60 cm, có kim dẫn đường chữ Y và dao số 11, bơm tiêm 5ml, 2 khóa Heparin, băng dán trong suốt. - Tốc độ dòng chảy: A: 12Ga 265 ml/phút, V: 12Ga 270 ml/phút. - Bề mặt trong và ngoài nhẵn giúp hạn chế hình thành huyết khối. Nhạy cảm với nhiệt, mềm hơn khi tiếp xúc với nhiệt độ cơ thể. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	2.600		
287	Bộ mở bàng quang qua da với ống thông silicon hai nhánh, cỡ 16/ 18/ 20 Fr	1. Thông số kỹ thuật: cỡ 16/ 18/ 20 Fr. 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ mở bàng quang qua da với ống thông silicon hai nhánh. - Để dẫn lưu bàng quang trong trường hợp tắc nghẽn niệu đạo không thể đi qua. - Bộ dụng cụ bao gồm tất cả các phụ kiện giúp dễ dàng đưa vào và dẫn lưu hệ thống đóng kín sau phẫu thuật. - Bộ mở bàng quang qua da là vỏ cannula nhựa mở bàng quang qua da có thể tách rời, bọc phía ngoài cây nong và trocar bằng thép không gỉ được cung cấp với ống thông Foley silicon hai nhánh. - Ống nối ngoài (dùng hỗ trợ xé) của cannula có đánh dấu mã màu. - Bộ mở bàng quang qua da với ống thông silicon hai nhánh bao gồm: - Ống thông foley silicon hai nhánh cỡ 16 Fr/18 Fr/20 Fr. - Cannula nhựa mở bàng quang ra da có thể tách được. - Lưỡi dao mổ #11.	Bộ	490		
288	Bộ mở bàng quang ra da có khóa (foley), các cỡ	Thông số kỹ thuật: - Bộ mở bàng quang ra da dùng dẫn lưu bàng quang trong trường hợp tắc nghẽn niệu đạo không thể đi qua. - Ống thông foley hai nhánh hoàn toàn bằng silicon, có khóa grip-lock, các cỡ 10 Fr/12 Fr/14 Fr/16 Fr, dài 33 cm/42 cm, dung tích bóng: 3-5 cc/5-10 cc/20-30 cc. - Vỏ cannula nhựa mở bàng quang ra da có thể tách rời, bọc phía ngoài cây nong và trocar bằng thép không gỉ. Cây nong cannula các cỡ 14 Fr/16 Fr/18 Fr/20 Fr. - Bộ bao gồm: + Ống thông foley hai nhánh hoàn toàn bằng silicon, có khóa; + Cannula mở bàng quang ra da có thể tách rời; + Lưỡi dao mổ #11.	Bộ	2.170		
289	Bộ mở bàng quang ra da có khóa (foley), các cỡ		Bộ	130		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
290	Bộ mở khí quản qua da 2 nòng	1. Thông số kỹ thuật: Bộ mở khí quản quan da bao gồm - Bộ mở khí quản 2 nòng gồm: 02 nòng trong ống, gel bôi trơn, cây bít đục lỗ, dây đeo cổ, Có sẵn size số 7, 8, 9. – Kích cỡ (size) của sản phẩm tương đương với đường kính trong của ống. Miếng đệm cổ cong và có thể di chuyển theo chiều dọc và chiều ngang. Ống mở khí quản gắn hai nòng thì tổng bề dày của thành ống luôn ≤ 3,6mm. - Bộ mở khí quản qua da gồm: Dao, Kim (14G) kèm catheter Teflon, Bơm tiêm, Cây nong ngắn 14 Ch/ Fr, Cây nong phủ lớp ưu nước, Catheter có đầu uốn cong an toàn, Dây dẫn đường Seldinger làm bằng Nitinol chống xoắn, 4 miếng gạc.	Bộ	50		
291	Bộ mở mật	1. Thông số kỹ thuật: - Bóng kéo sỏi có 3 kênh. Đường kính bóng bơm có thể điều khiển được 3 mức độ từ 12mm ,15mm, 18mm. Kênh bơm thuốc cản quang, có đường kính ống 7.5Fr. Có Guidewire tương thích 0.035 inch., chiều dài dụng cụ 200mm, đầu bóng có định vị cản quang dưới và trên bóng. - Rọ lấy sỏi dùng một lần có thiết kế 4 dây, chất liệu thép không gỉ tay cầm điều chỉnh xoay được. Có các hình dạng rọ: Diamond type , Piral type (Xoắn ốc), Độ rộng rọ các cỡ: 25mm - 30 mm xoay được, 360 độ , dùng được dưới tia X . - Dây dẫn đường Có 2 dạng: dạng thẳng và dạng cong, chiều dài 450cm. Cản quang và giản nở được trong nước xoắn ốc màu cảng quang vàng đen - Dao cắt có đầu cản quang. Chiều dài dao 30mm. Chiều dài đầu tip 5mm cách điện. Chiều dài dụng cụ 2000mm. Ngã luồn dây dẫn tương thích 0.035 inch. Kết nối được với máy HF. Thiết kế ngã bơm và ngã luồn dây dẫn riêng biệt, kênh dụng cụ 2.8mm, dây cắt hướng 11h, tay cầm điều khiển được 360 độ. - Đóng gói riêng từng cái / gói 2.Tính năng , công nghệ: - Bộ dụng cụ được sử dụng cho điều trị nội soi mật tuỵ ngược dòng ERCP. - Sử dụng một lần 3. Tiêu chí chất lượng: ISO 13485	Bộ	100		
292	Bộ mở mật rút gọn các cỡ: 8F, 10F, 12F, 14F	1. Thông số kỹ thuật: - Gồm 01 catheter có khóa (string lock), 01 trocar stylet; 01 kim chọc stylet và 01 spit straightener. - Chất liệu: Polyurethane dùng trong y học, có độ tương thích sinh học, độ cản quang, không bị gập khúc, tăng độ đàn hồi. - Kích cỡ: 8F, 10F, 12F, 14F. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	1.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
293	Bộ mở thận tán sỏi qua da các loại các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: Bộ dụng cụ gồm: - Sheath dạng hình chữ T chiều dài 165mm, các kích cỡ 16Fr, 18Fr, 20Fr đi kèm với bộ dụng cụ cùng kích cỡ - Bộ ống nong đi kèm với kích cỡ bộ dụng cụ: các ống nong 8Fr-10fr-12fr-14fr-16Fr (bộ 16Fr), các ống nong 8Fr-10fr-12fr-14fr-16Fr-18Fr (bộ 18FR), các ống nong 8Fr-10fr-12fr-14fr-16Fr-18fr-20Fr (bộ 20Fr) - Kim siêu âm 18G-L200mm - Dây dẫn đường: đường kính 0.89mm (0.035"), chiều dài: 800mm, có một đầu mềm dạng J phủ PTFE - Ống thông silicone dẫn lưu nước tiểu kiểu bóng: dài 340mm, đầu ống loại đầu mở có 2 lỗ bên, trên ống có đường cản quảng, các kích cỡ-dung tích bóng 14Fr-2ml, 16Fr-3ml, 18Fr-5ml tương ứng với các kích cỡ bộ dụng cụ kích cỡ 16Fr, 18Fr, 20Fr. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	620		
294	Bộ mở thông dạ dày qua da các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: Bộ kim mở đường PS bao gồm: mũi kim an toàn có chụp bảo vệ, tự động chụp mũi kim lại. - Chất liệu: Ống thông nuôi ăn dạ dày kiểu bóng chất liệu silicone - Thông số: Bộ kim khâu cố định da và dạ dày, tổng chiều dài 230mm, chiều dài làm việc 81mm, kích thước kim khâu 20G. Ống thông: 20Fr, chiều dài ống thông: 22,5cm. Dung tích bóng 10ml 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ kim khâu cố định da và dạ dày. - Ống thông nuôi ăn dạ dày kiểu bóng, trên ống có vạch đánh dấu độ sâu, tấm cố định bên ngoài có thể khóa ống thông theo phương thẳng đứng hoặc theo phương nằm ngang, tấm silicone cố định bên ngoài da có thể điều chỉnh khoảng cách phù hợp với độ dày thành bụng của mọi bệnh nhân. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	274		
295	Bộ nối thở khí dung cho bệnh nhân tự thở	1. Thông số kỹ thuật: - Dùng cho 1 bệnh nhân. - Điều trị được 20 lần ngắt quãng (4 liều 3 mL mỗi ngày trong vòng 05 ngày) hoặc liên tục được 03 tiếng. 2. Tính năng và công nghệ - Có thể dùng cùng hoặc không cùng với O2. - Dùng thông qua co ngậm hoặc mặt nạ thở. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	40		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
296	Bộ nong lấy sỏi qua da	1. Thông số kỹ thuật: Bộ gồm: - 01 giá đỡ vừa tán vừa hút (2 nhánh): 18Fr x 13cm - 06 que nong: 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr - 01 kim chọc dò: 18G x 23cm. - 01Guide wire: 0,032" x 80cm, tip đầu cong J. - 01 dao mỗ số 11. - 01 cái ống thông 14Fr x 5ml. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	60		
297	Bộ nong lấy sỏi qua da	1. Thông số kỹ thuật: - Có nắp bịt kín dùng để tạo áp suất âm tối đa trong qúa trình hút sỏi. - Có lỗ điều tiết áp lực hút trong thận. - Khớp chữ Y trong suốt có thể quan sát được quá trình di chuyển & tắt ngẽn của sỏi. - Khoang hút nghiêng một góc 45 độ so với khoang làm việc của dụng cụ. - Các que nong được phủ lớp hydrophilic & có vạch chia độ. - Cấu tạo 01 Bộ gồm: + 01 giá đỡ vừa tán vừa hút (2 nhánh): 18Fr x 13cm, được trang bị vòng định vị nong. + 06 que nong từ: 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, được trang bị vòng định vị nong. + 01 kim chọc dò: 18G x 23cm. + 01Guide wire: 0,032" x 80cm, tip J. + 01 dao mỗ số 11. + 01 cái ống thông silicone đầu mở : 14Fr x 5ml. + 01 Kẹp cố định ống thông vào da (kẹp bướm). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Bộ	300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
298	Bộ nong lấy sỏi qua da	1. Thông số kỹ thuật: - Nắp bịt kín dùng để tạo áp suất âm tối đa trong trình hút sỏi. - Có lỗ điều tiết áp lực hút trong thận - Khớp chữ Y trong suốt, khoang hút nghiêng một góc 45° so với khoang làm việc - Các que nong được phủ lớp hydrophilic & vạch chia độ dài kiểm soát độ sâu 2. Tính năng, công nghệ: Bộ gồm: - 01 giá đỡ vừa tán vừa hút (2 nhánh): 18Fr x 13cm - 06 que nong: 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr - 01 kim chọc dò: 18G x 23cm. - 01Guide wire: 0,032" x 80cm, tip đầu cong J. - 01 dao mỗ số 11. - 01 cái ống thông 14Fr x 5ml. - 01 Kẹp cố định ống thông vào da (kẹp bướm). - 01 kênh 2 lumen - Giá đỡ và các que nong có vòng định vị 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	60		
299	Bộ nong lấy sỏi qua da 8Fr - 18Fr	1. Thông số kỹ thuật: 1 bộ bao gồm: - 01 giá đỡ vừa tán vừa hút: 18Fr x 13cm. - Các que nong từ: 8Fr - 18Fr. - 01 kim chọc dò: 18G x 23cm. - 01 cái Guide wire: 0,035" x 75cm, tip J. - 01 cái ống thông silicone: 14Fr x 5ml. 2. Tính năng, công nghệ: Dùng để tạo đường hầm trong phẫu thuật lấy sỏi qua da, giảm áp lực bể thận. Trên thân có vạch chia độ dài để dễ dàng đo khoảng cách. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), 4. Xuất xứ: G7	Bộ	270		
300	Bộ nong lấy sỏi qua da 8Fr - 18Fr	1. Thông số kỹ thuật: 1 bộ bao gồm: - 01 giá đỡ vừa tán vừa hút: 18Fr x 13cm. - Các que nong từ: 8Fr - 18Fr. - 01 kim chọc dò: 18G x 23cm. - 01 cái Guide wire: 0,032" x 80cm, tip J. - 01 cái ống thông silicone: 14Fr x 5ml. - 01 Scalpel 11#. 2. Tính năng, công nghệ: Dùng để tạo đường hầm trong phẫu thuật lấy sỏi qua da, giảm áp lực bể thận.	Bộ	260		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
301	Bộ nong lấy sỏi qua da 8Fr - 18Fr	1. Thông số kỹ thuật: Bộ gồm: - 01 sheath 18Fr (1 nhánh) - 06 que nong: 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr - 01 kim chọc dò 18G - 01 cái Guide wire Tip J, 0,032" - 0.035" - 01 cái ống thông 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	80		
302	Bộ nong niệu quản cỡ 6Fr-16Fr	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane. - Thông số: bộ 06 cây các cỡ 6Fr-16Fr, dài 70cm.	Cái	168		
303	Bộ nong thận phủ hydrophilic và vỏ ngoài	Thông số kỹ thuật: - Bộ nong thận phủ hydrophilic và vỏ ngoài dùng làm giãn đoạn ống soi thận đi qua trước khi làm thủ thuật nội soi thận, được làm từ vật liệu bền, chống gấp khúc, cản quang. - Ống nong thận có đầu côn ngắn được thiết kế để đặt vào vị trí bị chấn thương, toàn bộ phần ống nong còn lại có kích thước đầy đủ. - Các cỡ (đường kính ngoài): 06 Fr, 08 Fr, 10 Fr, 12 Fr, 14 Fr, 16 Fr, 18 Fr, 20 Fr, 22 Fr, 24 Fr, 26 Fr, 28 Fr, 30 Fr, dài 30 cm. - Vỏ ngoài ống nong thận dài 18 cm, các cỡ (đường kính trong): 26 Fr, 28 Fr, 30 Fr. (Option: cỡ 24 Fr). - Bộ bao gồm: + 13 ống nong thận phủ hydrophilic. + 03 vỏ ngoài. + 01 ống thông dẫn hướng cỡ 7 Fr, dài 70 cm. + 01 vỏ dẫn hướng cỡ 10 Fr, dài 25 cm.	Bộ	210		
304	Bộ nong thận phủ hydrophilic và vỏ ngoài		Bộ	70		
305	Bộ ống dẫn lưu (loại 1 bước) 8-16 Fr, dài 30 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thermoplastic polyurethane (TPU), được phủ 1 lớp ái nước, cản quang. - Kích thước: Đường kính 8Fr - 16Fr, dài 30 cm. - Số lượng lỗ trên ống ≥ 4, kích thước lỗ > 2mm. - Chiều dài đầu cong 5 - 10cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có khóa string lock, cố định độ cong của catheter bằng dây. - Thiết kế phần đầu có thể uốn cong, có đánh dấu chiều dài trên thân ống, tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.89mm. - Các bộ phận khác đi kèm: Kim chọc, trocar, bộ duỗi thẳng. - Tiệt khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
306	Bộ ống thở và buồng được làm ấm	1. Thông số kỹ thuật: Bộ kit dây thở tích hợp cảm biến nhiệt độ và bình làm ấm có phao kép, tự động cân chỉnh mức nước, (tương thích máy HFNC Airvo2) (hoặc tương đương). Cấu hình: a. Bình làm ẩm: - Thể tích 280ml. - Trở kháng dòng ở 60 L/phút: 0,52 cmH2O. - Áp lực vận hành tối đa: 8 kPa. - Có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy đảm bảo lượng nước không quá mức cho phép. b. Dây thở: - Dây thở gia nhiệt 2 lớp với lớp gia nhiệt tích hợp vào thành dây thở xoắn xen kẽ lớp cách nhiệt với môi trường bên ngoài (2 vòng xoắn kép) giúp hạn chế đọng nước lên đến 93%. - Có cảm biến đo nhiệt độ cuối dây thở. - Có kẹp giúp cố định dây thở. - Tốc độ dòng: 2 - 60 L/phút. - Nhiệt độ 31, 34 và 37°C. - Chiều dài: 1,8m. - Thời hạn sử dụng tối đa 14 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng. 2. Tính năng, công nghệ: - Không chứa cao su tự nhiên hay phtalates (DEHP, DBP, BBP). - Kết nối chuẩn với máy thở dòng cao Airvo 2 (F&P) (hoặc tương đương).	Bộ	10.040		
307	Bộ ống thông (catheter) chạy thận nhân tạo 2 nòng cỡ 12F, kèm phụ kiện	1. Thông số kỹ thuật: 1 bộ gồm catheter, nong, kim luồn, xy lanh, dây luồn, băng dán, nắp heparin, dao mổ, chỉ liền kim - Chất liệu: Polyurethane cản xạ - Thông số: cỡ 12F. Chiều dài catheter 20 cm. Dây dẫn hướng 0,038 inch x 60 cm. Kích thước que nong 12Fx15cm 2. Tính năng, công nghệ: Loại đầu thẳng, 2 nòng, có lỗ mặt bên cách đầu catheter 2.5 cm.	Cái	1.060		
308	Bộ ống thông (catheter) lấy huyết khối các cỡ 2F-7F, dài 80cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su, chất liệu catheter: PEBAX. - Kích thước: Đường kính các cỡ 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F. Dài 80cm. Đường kính bóng lần lượt 4.5mm, 8mm, 10.5mm, 13mm, 13.5mm, 14mm. Thể tích bóng 0.05ml, 0.2ml, 0.75ml, 1.5ml, 1.6ml, 1.75ml. 2. Tính năng, công nghệ: Catheter lấy huyết khối. Có vạch đánh dấu độ sâu.	Cái	620		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
309	Bộ ống thông (catheter) lấy huyết khối dùng trong can thiệp mạch máu cỡ 6F, 7F	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Tetrafluoroethylene và polyethylene. Tráng phủ Hydrophilic 30cm từ đầu tip đảm bảo trơn trượt khi đưa catheter vào mạch máu. - Thông số: cỡ 6F, 7F. Chiều dài khả dụng Catheter 140cm. Nòng dây dẫn dài 12 cm (loại GR) và 20cm (loại SL). Thể tích hút 5ml - 12ml tùy đường kính catheter. 2. Tính năng, công nghệ: Nòng dây dẫn gia cố ở đầu giúp tăng khả năng đẩy vừa giảm nguy cơ ống thông bị xoắn vặn. Ngoài ta, thiết kế stylet ở nòng hút làm tăng khả năng đẩy. Mặt cắt xiên, đường kính lòng hút lớn cho hiệu suất hút cao.	Bộ	120		
310	Bộ ống thông (catheter) lấy huyết khối trong lòng mạch máu cỡ 6F dài 145cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Có đường viền bện thép không gỉ. Đầu tip thuôn. Markers bằng chất liệu Platinum / Iridium. - Thông số: Sử dụng cho mạch máu có đường kính >=1,5mm. Chiều dài Catheter hút 145 cm. Đoạn ái nước 30cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Catheter 4F được thiết kế khoang hút lớn nhất. - Đường kính Guding catheter tương thích ≥0.066”. - Guide wire tương thích: 0,014”. Có đầu Rapid Exchange dài 20 cm để đi dây guide wire 0,014". - Cung cấp kèm theo: 2 syringe hút 30 ml, 1 cái syringe flushing 4 ml, 1 khay chứa và làm đông máu chứa tối đa 60ml dung dịch và 2 cái lọc 70 micron, 1 tubing: 21,5 cm có khoá stopcock.	Cái	180		
311	Bộ ống thông (catheter) lấy huyết khối trong lòng mạch máu cỡ 6F và 7F, dài 1360mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lớp ngoài là hỗn hợp Nylon 12 và polyether block amide(Pebax), lớp giữa là các sợi bện bằng kim loại (SUS304), lớp trong cùng làm bằng Polytetrafluoroethylene (PTFE). - Đường kính: 6Fr, 7Fr. - Catheter loại Rapid Exchange bao thân nước, điểm đánh dấu cách đầu mũi 7mm, đầu catheter được bo tròn, được cấu tạo 3 lớp. Chiều dài lớp ái nước: 60cm, chiều dài cơ sở: 1360mm. - Chất liệu trục xa: Polyamide+PTFE, Stainless, Polyamide. Chất liệu trục gần: PTFE , Polyamide, Stainless. - Số điểm cản quang: 2 vạch đánh dấu Platinum - Iridium alloy. Chiều dài của điểm đánh dấu: 1.0mm. 2. Tính năng, công nghệ: Kèm theo Stylet dài 123cm, 2 bơm tiêm 30ml, ống nối dài, dụng cụ đẩy, khoá 3 ngã, khóa 2 ngã, dụng cụ lọc, khay lọc. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFS (CFS (tại các nước tham chiếu).	Bộ	245		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
312	Bộ ống thông (catheter) tĩnh mạch trung tâm 1 nòng chuyên trẻ em 22G	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng 22G dài 13cm - Catheter vật liệu polyurethane, có cản quang - Dây dẫn đầu J làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gập 0.018", dài 45cm - Các phụ kiện khác: Kim dẫn đường thẳng 21G x 4cm, dao mổ, cây nong 4F hoặc 5F, bơm tiêm, cố định hub, cố định catheter - Tốc độ dòng: 7.2 ~11.25ml/ phút 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	170		
313	Bộ ống thông (catheter) tĩnh mạch trung tâm 2 đường cỡ 4Fr	1. Thông số kỹ thuật: Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 4F (20G,22G), 5F (18G,20G) - Catheter vật liệu polyurethane, có cản quang. - Dây dẫn đầu J làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gập 0.018", dài 45cm - Các phụ kiện khác: Kim dẫn đường thẳng 21G x 4cm, dao mổ, cây nong 5F hoặc 6F, bơm tiêm, cố định hub, cố định catheter - Tốc độ dòng: 4Fx6cm (Nòng xa 15~30 ml/p, nòng gần 10~20ml/p) 4Fx8cm (Nòng xa 15~25ml/p, nòng gần 9~20ml/p) 5Fx8cm (Nòng xa 25~45ml/p, nòng gần 15~35ml/p) 5Fx13cm (Nòng xa 20~35ml/p, nòng gần 10~25ml/p) 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	800		
314	Bộ ống thông (catheter) tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 7Fr x 20cm, kim Y (hay V) dẫn đường	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane, Dây dẫn Nitinol. - Kích thước: 2 nòng: 18Ga - 14Ga, đường kính 7Fr, dài 20cm, đầu J dễ điều chỉnh hướng, đường kính 0.035" dài 60cm. Kim Y dẫn đường dây dẫn 18G, dài 7cm và bơm 5ml. Cây nong mạch máu 8Fr dài 10cm + dao số 11 + 2 nắp khóa Heparin + 1 cố định có cánh. 2. Tính năng, công nghệ: Vạch chiều dài trên thân và hiển thị khi chụp X-Quang.	Bộ	1.885		
315	Bộ ống thông (catheter) tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, cỡ 5 Fr và 7 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane mềm. - Kích thước: 5FR/ 20G(P) - 18G (D), 16 cm, nong dẫn đường kính 0,46 mm, dài 50 cm. 7FR/G 16G(P) - 16G (D), 20 cm, nong dẫn đường kính 0,89mm, dài 50cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Đường cản quang rõ nét, đánh dấu rõ ràng để đảm bảo vị trí đặt catheter chính xác. - Kim luồn chữ Y có van. - Nong dẫn chữ J, Khóa ba ngã ngăn dịch.	Bộ	600		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
316	Bộ ống thông (catheter) tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter bằng chất liệu polyurethan. - Đường kính ngoài 7 Fr, chiều dài 20cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G16, G18, G18. - Outer-ø catheter (metr.): 2.40 mm, Chiều dài guidewire (dây dẫn đường): 50cm. Đường kính ngoài-ø of guidewire : 0.89 mm * Kích thước nòng xa G16 : Thể tích mồi xa 0.38ml, tốc độ dòng chảy xa 46ml/min. * Kích thước nòng giữa G18 : Thể tích mồi (giữa 1) 0.32ML, Tốc độ dòng chảy (giữa 1) 22 ml/min, * Kích thước nòng (gần) G18: Thể tích mồi (gần) 0.30 ml, Tốc độ dòng chảy (gần) 22 ml/min * Kích thước ống thông (Cannula) 18 G, Ống thông ngoài ø (mm) 1.30 mm, Chiều dài của ống thông (mm) 70 mm, Chiều dài ống thông (inch) 2 3/4".Ống ngoài ø 1.95 mm, Ống trong-ø 1.40 mm, Chiều dài ống 121.50 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim dẫn đường chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí - Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn - Đầu nối catheter có valve 2 chiều Safsite tránh nhiễm khuẩn, dây điện cực để đo ECG xác định vị trí catheter. 3. Tiêu chuẩn chất lượng : CE (Châu Âu).	Cái	3.814		
317	Bộ ống thông (catheter) tĩnh mạch trung tâm 3 nòng 7Fr x 20cm, kim Y (hay V) dẫn đường	1. Thông số kỹ thuật: - Bao gồm: 01 catheter 3 nòng chất liệu polyurethane có cản quang + 01 Guidewire 0.035” x 60cm + 01 kim chữ Y 18GA (Introducer Needle) + 1 nong 8F x 10cm (Vesel dilator) + dao mổ số 11, bơm tiêm 5ml, chỉ liền kim, 3 kẹp. - Kích thước: 7Fr x 20 cm. 2. Tính năng, công nghệ: Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, có kim, bơm tiêm, cây nong.	Bộ	1.529		
318	Bộ ống thông (catheter) tĩnh mạch trung tâm loại 2 nhánh kích cỡ 7.5Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter chất liệu từ Polyurethane, kích cỡ 7.5F (18-18-16G) dài 15cm hoặc 20cm - Catheter có van hai chiều, với dòng truyền cao: + 7.5F x 15 cm (tốc độ dòng ≈ 64ml/phút, 33ml/phút; 33ml/phút) + 7.5F x 20cm (tốc độ dòng ≈ 52ml/phút, 26ml/phút; 24ml/phút) 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ gồm: 1 dây dẫn Nitinol 0.035" dài 60cm đầu J chống gãy gập, 1 Kim Y 18G x 7cm, 1 cây nong, 1 bơm tiêm, 1 dao mổ, đầu nối van hai chiều 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Bộ	600		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
319	Bộ ống thông (catheter) tĩnh mạch trung tâm loại 3 nhánh phủ thuốc kích cỡ 7Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter tĩnh mạch trung tâm phủ thuốc loại 3 nòng: 7Fr (16Ga/18Ga/18Ga) chiều dài 15cm/20cm. - Thể tích mồi: ≈ 0.44/0.39/0.39ml. - Tốc độ dòng: ≈ 3100/1500/1600 ml/h. 2. Tính năng, công nghệ: - Các phụ kiện đi kèm: Dây dẫn J dài 60cm, kim dẫn 18G x 2.5", bơm tiêm có lỗ luồn guidewire, cây nong, dao mổ, nút chặn kim luồn luer lock, kẹp dây nối, kẹp catheter. - Ống thông tĩnh mạch trung tâm loại 3 nhánh phủ thuốc làm bằng chất nền polymer tích hợp ion bạc với công nghệ trao đổi ion bạc kháng khuẩn an toàn, dùng để tiêu diệt hoặc ức chế sự phát triển của vi khuẩn đến 99.999% trong 24h. - Tiệt trùng EO. Không chứa latex. 3.Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	600		
320	Bộ ống thông (catheter) tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, kim V	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catheter bằng chất liệu polyurethan. - Kích thước: Đường kính ngoài 9F, chiều dài 20cm, 2 nòng, kích cỡ mỗi nòng G13,G13 2. Tính năng, công nghệ: - Kim dẫn chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí, Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn, Có dao mổ và kim nong bằng nhựa, Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn, - Tốc độ dòng chảy :95/120 (ml/min) - Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	1.000		
321	Bộ ống thông dẫn lưu khí màng phổi (bao gồm: Kim chọc, ống nong, ống dẫn lưu,...)	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số: Đường kính catheter: 11Fr và 13Fr. Chiều dài 10cm và 13cm. 2. Tính năng, công nghệ: Phụ kiện đi kèm: Kim trocar, Ống dẫn khí, ống bơm 60cc, dao mổ nhỏ, gạc cầm máu, bọc CSR, kẹp cầm máu, nút chặn catheter, khăn drape phẫu thuật, catheter cản quang và buồng dẫn khí ngoài. - Màng tín hiệu màu đỏ dao động thể hiện áp lực của khoang màng phổi khi lớn hơn mức 2mmHg hoặc nhỏ hơn 2mmHg. - Bộ dụng cụ được cố định vào thành ngực bằng 02 miếng dán kèm theo. Đồng thời có thêm 02 lỗ kim khâu gia cố thêm vị trí cố định. - Buồng dẫn khí có van một chiều giúp dẫn khí liên tục mà vẫn bảm đảo khí không tràn ngược lại vào khoang màng phổi. - Buồng dẫn khí có van thoát khí nhỏ trên phần thân dưới. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	168		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
322	Bộ phận chuyển tiếp (transfer set) giữa catheter và túi dịch lọc dùng trong thẩm phân màng bụng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyethylene, PSU – polysulfure. 2. Tính năng, công nghệ: Kết nối giữa túi dịch và ống thông. Dụng cụ hỗ trợ thẩm phân phúc mạc. Vô khuẩn, không có chất gây sốt.	Cái	1.000		
323	Bộ phân phối (manifold) 3 cổng	1. Thông số kỹ thuật: Bộ manifold bao gồm: manifold chất liệu polycarbonate 3 cổng có màu, dây theo dõi áp lực, dây truyền dịch, dây truyền thuốc cản quang. 2. Tính năng, công nghệ: Manifold có van 1 chiều ở cổng bơm thuốc cản quang nhằm hạn chế bọt khí và sự lây nhiễm chéo. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	2.200		
324	Bộ phân phối (manifold) loại 2 hoặc 3 cổng	1. Thông số kỹ thuật: Áp lực tối đa 500 psi. 2. Tính năng, công nghệ: Cổng xoay phải ON hoặc OFF. Gắn khớp với dây nối. Khóa xoay trơn tru tăng khả năng sử dụng. Có manifold dùng cho tay phải và tay trái.	Cái	300		
325	Bộ phân phối 3 cổng với 2 dây truyền dịch và dây đo áp lực	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bộ phân phối 3 cổng được cấu tạo từ polycarbonate trong suốt, Dây đo áp lực và dây truyền dịch làm từ nhựa dùng trong y tế, trong suốt. - Thông số: Đường kính trong: 0.093". Áp suất 500 PSI. 2. Tính năng, công nghệ: Cho phép dễ dàng quan sát dòng chất lỏng với 3 cổng kết nối và đầu xoay đuổi khí, đảm bảo độ kín, không cho không khí đi qua. Cổng xoay có thể kết nối với phụ kiện khác. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Bộ	4.200		
326	Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch	1. Thông số kỹ thuật: Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch, loại 3 cổng - Làm bằng Polycarbonate - Thiết kế kiểu Block body, chịu được áp lực 600 psi. - Đường kính trong: 0.22 – 0.29 cm - Đầu nối luer tương thích cổng Male/Female, khóa Male dạng xoay (van đóng mở ON/OFF) 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng: Ethylene oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485	Cái	600		
327	Bộ phân phối khí trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon, đầu ống có thể uốn 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ thổi CO2 trong mổ mạch vành, có chức năng phun sương áp lực cao giúp bộc lộ mạch vành khi phẫu thuật. -Dây dẫn cấu tạo bằng PVC hai kênh. Kênh lớn có gắn lọc khí CO2 cỡ 0.2 micron, kênh nhỏ nối dịch. - Bộ dây có chiều dài tổng cộng là 10 feet (304,8 cm) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	50		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
328	Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm mổ hở, màu xanh (kết hợp với dao Focus Plus) - HPBLUE hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Sử dụng được 100 lần 2. Tính năng, công nghệ: - Dây dao Harmonic màu xanh dương hoặc tương đương truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm Harmonic Focus+ hoặc tương đương - Sử dụng tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện hoặc các thiết bị tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	50		
329	Bộ phận truyền xung động siêu âm, tương thích với dao siêu âm nội soi, màu xanh (kết hợp với dao ACE Plus) - HP054 hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Sử dụng được 95 lần 2. Tính năng, công nghệ: - Dây dao Harmonic màu xanh dương hoặc tương đương truyền xung động siêu âm tương thích với dao siêu âm Harmonic Ace+ hoặc tương đương - Sử dụng tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện hoặc các thiết bị tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	50		
330	Bộ phổi nhân tạo	1. Thông số kỹ thuật: - Hệ thống màng trao đổi oxy có lưu lượng lên đến 7 l/ phút với bình chứa 4000 ml có thể vận hành với mức tối thiểu 200 ml (được chỉ dấu màu vàng dễ đọc) - Được tráng lớp chất tổng hợp E8 hoặc tương đương có nguồn gốc polyethylen glycol, kéo dài thời gian tương thích sinh học, giảm tiếp xúc tế bào máu với thành phần nhựa, giảm nguy cơ gây viêm - Có 2 bộ lọc tách biệt dòng máu từ tĩnh mạch và máu từ phẫu trường - Lọc tĩnh mạch có thể lọc được các thành phần và bọt khí lớn hơn 40 micron - Dòng máu trao đổi oxy được lưu chuyển từ trên xuống khiến bọt khí bị lưu giữ ở phần trên của bình chứa, cách xa dòng máu động mạch - Thể tích mồi: =<270 ml, tiết diện màng trao đổi oxy 2.2 m2, tiết diện trao đổi nhiệt 0.2 m2 - Van an toàn áp suất âm/ dương: -200 +/- 5 mmHg (Với bình chứa kín): + 65 +/-5 mmHg - Lọc khí động mạch có vỏ bọc ngoài vật liệu Polycarbonate. Màng lọc Polyester. Diện tích lọc 450cm2, tăng 35%. Kích thước hạt 40mu. Thể tích mồi nhỏ 96ml. Co nối máu vào/ ra 3/8". 2. Tính năng, công nghệ: - Hệ thống giá đỡ cho phép xoay 360o, thuận tiện thao tác với các cổng máu vào, máu ra, khí vào và vòng tái tuần hoàn - Phụ kiện đi kèm: manifold, dây ống tái tuần hoàn, dây ống hút	Bộ	116		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
331	Bộ quả lọc máu liên tục cho trẻ nhỏ	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: + Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 215 µm + Độ dày thành sợi lọc: 50 µm. - Chất liệu: + Màng lọc: Polyarylethersulfone (sợi rỗng PAES) + Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate + Ống dẫn: PVC + - Cartrige: PETG 2. Tính năng, công nghệ: - Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn cho bệnh nhi với cân nặng >8kg. - Thể tích máu trong bộ quả lọc (± 10 %): 60ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,2 m2 - Tốc độ dòng máu tối thiểu: 20 ml/phút - Tốc độ dòng máu tối đa: 100 ml/phút - Thể tích mồi máu (chỉ ở quả lọc): 17ml - TMP tối đa: 500mmHg/67 kPa 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - ISO 13485	Bộ	20		
332	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương cho trẻ em	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: màng lọc dạng sợi rỗng Polypropylene - Thông số: Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 73 ml ±10%. Diện tích màng hiệu dụng: 0,15 m2. Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 µm. Độ dày thành sợi lọc: 150 µm. Thể tích máu trong sợi lọc: 22 ml ±10%. Tốc độ máu tối thiểu: 50 ml/phút. Tốc độ máu tối đa: 180 ml/phút 2. Tính năng, công nghệ: Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn:	Bộ	40		
333	Bộ quả lọc, màng lọc máu và hệ thống dây dẫn đi kèm trong lọc máu liên tục cho bệnh nhân tối thiểu 11kg	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi lọc AN69 HF (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer), vỏ và đầu quả lọc (Polycarbonate), vách đầu quả lọc (Polyurethane), ống dẫn (PVC), cartridge (PETG). - Thông số: TMP tối đa (mmHg/kPa) 450/60. Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa) 500/66,6. Thể tích máu (± 10 %) 93 ml. Diện tích màng hiệu dụng 0,6 m2. Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt) 240µm. Độ dày thành sợi lọc 50µm. Tốc độ máu 50 -180 ml / phút. Cân nặng bệnh nhân tối thiểu 11 kg 2. Tính năng, công nghệ: Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn. Đóng gói tiệt trùng	Bộ	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
334	Bộ quả lọc, màng lọc máu và hệ thống dây dẫn đi kèm trong lọc máu liên tục cho bệnh nhân tối thiểu 30kg	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng lọc (dạng sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer)), vỏ và đầu quả lọc (Polycarbonate), vách đầu quả lọc (Polyurethane),ống dẫn (PVC), cartridge (PETG) - Thông số: TMP tối đa (mmHg/kPa) 450/60. Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa) 500/66,6. Thể tích máu trong quả lọc (±10%) 152 ml. Diện tích màng hiệu dụng 0,9m2. Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt) 240µm. Độ dày thành sợi lọc 50µm. Tốc độ máu 75 - 400 ml/phút. Cân nặng bệnh nhân tối thiểu 30 kg 2. Tính năng, công nghệ: Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn. Đóng gói tiệt trùng	Bộ	2.100		
335	Bộ rửa dạ dày size 28, 22	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Làm từ mủ cao su tự nhiên. - Kích thước: Size: 28 (lớn), 22 (nhỏ); Miệng Hiester 13cm. 2. Tính năng, công nghệ: Dùng để thông rửa dạ dày. Bao gồm 01 Mở miệng Hiester, 01 Thông rửa dạ dày có phễu, cao su. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	3.069		
336	Bộ sản phẩm đón bé chào đời 6 khoản, vô trùng	Thông số kỹ thuật: Bộ sản phẩm đón bé chào đời gồm: - 1 Bộ áo, mũ, tã, bao tay, bao chân (tã dán). - 1 bộ vòng tay mẹ và bé: 01 bộ. - 1 Kẹp rốn 1 cái. - 1 Khăn lông 60 x 100cm (xanh, hồng). - 1 Khăn lau tay 25 x 25 x 4cm . - 1 Tấm lót 45 x 70cm.	Bộ	7.888		
337	Bộ sản phẩm đón bé chào đời 9 khoản, vô trùng	Thông số kỹ thuật: Bộ sản phẩm đón bé chào đời 9 khoản: - Áo, mũ, tã, bao tay, bao chân 01 bộ. - Que tăm bông (02 que/gói) 01 gói. - Kẹp rốn 01 cái. - Vòng tay mẹ và bé 01 bộ. - Khăn lông 60 x 100cm xanh, hồng 01 cái. - Khăn lau bé 60 x 80cm x 4 lớp 01 cái. - Khăn lau tay 25 x 25cm x 4 lớp 02 cái. - Tấm lót nylon 60 x 100cm 01 cái. - Tấm lót 45 x 70cm 01 cái.	Bộ	44.542		
338	Bộ tấm dán giữ nhiệt cho bệnh nhân nhi từ 2,5-5kg	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số: Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước là 0,11kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong là 0,17kg. Tốc độ dòng chảy lên tới 5 lít/ phút 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng cho bệnh nhân từ 2,5 đến 5kg Tấm dán gồm có 3 lớp, có cách nhiệt với bên ngoài. Vị trí dán đùi và ngực Tuổi thọ miếng dán 5 ngày, lên đến 120 giờ/ 1 miếng	Bộ	5		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
339	Bộ tấm dán giữ nhiệt cho bệnh nhân từ 31-45kg	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số: Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước là 0,83kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong là 1,13kg. Tốc độ dòng chảy lên tới 5 lít/ phút 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng cho bệnh nhân từ 31 đến 45 kg Tấm dán gồm có 3 lớp, có cách nhiệt với bên ngoài. Vị trí dán đùi và ngực Tuổi thọ miếng dán 5 ngày, lên đến 120 giờ/ 1 miếng	Bộ	5		
340	Bộ tấm giữ nhiệt cho bệnh nhân sơ sinh từ 1,8-4,5kg	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số: Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước là 0,47 kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong là 0,68 kg. Tốc độ dòng chảy lên tới 5 lít/ phút 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng cho bệnh nhân từ 1,8 đến 4,5 kg Tấm dán gồm có 3 lớp, có cách nhiệt với bên ngoài. Tuổi thọ miếng dán 5 ngày, lên đến 120 giờ/ 1 miếng	Bộ	5		
341	Bộ tấm giữ nhiệt cho bệnh nhân từ 46 đến 60kg	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số:Trọng lượng tấm dán không bao gồm nước là 1,41 kg, trọng lượng tấm dán chứa nước bên trong là 2,09 kg. Tốc độ dòng chảy lên tới 5 lít/ phút 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng cho bệnh nhân từ 46 đến 60 kg Tấm dán gồm có 3 lớp, có cách nhiệt với bên ngoài. Vị trí dán đùi và ngực Tuổi thọ miếng dán 5 ngày, lên đến 120 giờ/ 1 miếng	Bộ	35		
342	Bộ tán sỏi cơ học	1. Thông số kỹ thuật: - Bao gồm 01 tay tán cấp cứu hấp nhiệt độ cao - 03 Vỏ tán sỏi xoắn ốc dài 195cm đường kính ngoài 2.6mm - 01 Vỏ tán sỏi cấp cứu bằng thép không gỉ chiều dài 100 cm, đường kính ngoài 4.0mm - Hệ thống an toàn 1 lần nhấn 2. Tính năng, công nghệ: dùng để sử dụng với rọ tán sỏi dùng để tán sỏi đường mật bằng tay quay 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	4		
343	Bộ tập thở kiểu phế dung kích thích	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Copolymere và polystyrene không độc. - Có vạch biểu thị các mức khối lượng khí thở ra là 600-900-1200cc mỗi giây, có 3 bóng định mức làm bằng polypropylene không độc, có bộ lọc khí. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
344	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản	Tính năng, công nghệ: - Đầu thắt 6 vòng thun. - Trường nhìn 100%. - Hạn chế được lực tác động mạnh vào cần ống soi, giảm thiểu hư ống soi. - Tay quay thiết kế đặt biệt có adapter giúp an toàn và chắn chắn khi gắn vào ống soi. - Ngã bơm rửa to sử dụng hiệu quả trong cầm máu cấp cứu. - Cấu trúc 1 sợi kéo giúp thông thoáng và dễ thấy búi giãn. - Dây kéo được lắp sẵn vào Cather dẫn theo. - Sử dụng chuyên nghiệp trong thắt cầm máu cấp cứu, do cấu trúc 1 sợi kéo với trường nhìn rõ chính xác 100%, dây nối kéo có van màu trắng trong suốt dùng đậy ngã bơm rửa.	Cái	800		
345	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản tương thích với tất cả ống soi có đường kính ngoài 8,6 - 13mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu thắt tĩnh mạch thực quản bao gồm: dây kéo, đầu bơm, đầu thắt 6 vòng dây thun và 1 vòng phòng bị. - Cấu trúc 2 sợi kéo, được lắp sẵn vào 1 đầu silicone mềm. - Chiều dài 150cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Tương thích với tất cả ống soi có đường kính ngoài 8,6 -13mm.	Cái	200		
346	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản tương thích với tất cả ống soi có đường kính từ 8,5-11,5mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Chiều dài 150cm, đường kính 2,2mm, 6 vòng thắt, đường kính của vòng thun nhỏ nhất 1,75mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng cho máy soi có đường kính từ 8,5-11,5mm.	Bộ	550		
347	Bộ tiêm truyền thể tích đàn hồi điều chỉnh giọt tự động 2 ngày	1. Thông số kỹ thuật: - Bơm đàn hồi tự động truyền thuốc hóa trị hay thuốc gây tê, thuốc giảm đau liên tục 48 giờ. Chất liệu bóng Isoprene rubber. - Thể tích 100ml. Tốc độ truyền 2.1ml/h. - Vỏ cứng giúp không ảnh hưởng tốc độ dòng chảy khi bệnh nhân đè cấn. Chiều dài vỏ 181,2 mm, đường kính ngoài bầu 42,7 mm. Trọng lượng pump 49,5 g. Bảo vệ khỏi tia UV lên đến 400 nm. - Có vạch chia thể tích dễ theo dõi lượng thuốc đã được truyền vào bệnh nhân. - Dây truyền làm bằng nhựa PVC không chứa DEHP. Thể tích mồi dây rất nhỏ, thời gian mồi nhanh: 1 phút 4 giây. Chiều dài dây truyền 971,3 mm, ID của dây 0.9 mm, OD của dây 2.8 mm. - Bộ lọc khí và lọc hạt 0,2um chất liệu Polyethersulfone (PES). Van back-check ngăn chặn rò rỉ chất liệu Silicone rubber. - Có màng kỵ nước hydrophobic. - Tiệt trùng EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
348	Bộ tiêm truyền thể tích đàn hồi điều chỉnh giọt tự động 5 ngày	1. Thông số kỹ thuật: - Bơm đàn hồi tự động truyền thuốc hóa trị liên tục 2 ngày. Bảo vệ thuốc hoàn toàn khỏi các tia UV (các tia UV có bước sóng lên đến 520 nm). - Thể tích 250ml. Tốc độ truyền 5ml/h. - Vỏ cứng giúp không ảnh hưởng tốc độ dòng chảy khi bệnh nhân đè cấn. (hàng mẫu). - Có vạch chia thể tích dễ theo dõi lượng thuốc đã được truyền vào bệnh nhân (hàng mẫu). - Bầu chứa thuốc bên trong làm bằng polyIsoprene, non-latex (spec Amber). Dây truyền làm bằng nhựa PVC không chứa DEHP. - Bộ lọc khí và lọc hạt 0,2um. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	300		
349	Bộ trocar nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Trocar nhựa - Đường kính 5/10/12/15 mm, dài 100 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Trocar nhựa không dao với thiết kế đầu típ không dao, nhẹ nhàng tách cơ không cắt cơ để giảm tổn thương. - Cannula trong suốt có rãnh cố định, công nghệ làm sạch ống nội soi - Có 2 van giữ khí: 1 van bịt khí có 4 mảnh đôi xếp chồng lên nhau và 1 van mỏ vịt kép. Có 2 lỗ thoát khí giảm áp suất khi rút trocar. Size 10mm, 12mm cannula thiết kế bộ lọc khói 3 lớp và trocar nhựa không dao với thiết kế đầu típ trong suốt, nhẹ nhàng tách cơ không cắt cơ để giảm tổn thương, có khóa giữ camera. - Đường kính 5mm,10mm, 12mm, 15mm dài 100mm - Đường kính ngoài Cannula :5.7mm, 10.8mm, 12.9mm, 15.7mm - Tương thích với các loại dụng cụ phẫu thuật với đường kính: + 5mm: 4.7mm đến 5.5mm + 10mm: 4.7mm đến 10.5mm + 12mm: 4.7mm đến 12.7mm + 15mm: 4.7mm đến 15.5mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	810		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
350	Bộ trocar nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Trocar nhựa. - Đường kính 5/10/12/15 mm, dài 100 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Trocar nhựa không dao với thiết kế đầu típ không dao, nhẹ nhàng tách cơ không cắt cơ để giảm tổn thương. - Cannula trong suốt có rãnh cố định, công nghệ làm sạch ống nội soi. - Có 2 van giữ khí: 1 van bịt khí có 4 mảnh đôi xếp chồng lên nhau và 1 van mỏ vịt kép. Có 2 lỗ thoát khí giảm áp suất khi rút trocar. Size 10mm, 12mm cannula thiết kế bộ lọc khói 3 lớp và trocar nhựa không dao với thiết kế đầu típ trong suốt, nhẹ nhàng tách cơ không cắt cơ để giảm tổn thương, có khóa giữ camera. - Đường kính 5mm,10mm, 12mm, 15mm dài 100mm. - Đường kính ngoài Cannula :5.7mm, 10.8mm, 12.9mm, 15.7mm. - Tương thích với các loại dụng cụ phẫu thuật với đường kính: + 5mm: 4.7mm đến 5.5mm. + 10mm: 4.7mm đến 10.5mm. + 12mm: 4.7mm đến 12.7mm. + 15mm: 4.7mm đến 15.5mm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA (Hoa Kỳ).	Cái	160		
351	Bộ van cầm máu có cổng kết nối 30 và 40 độ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate - Có 2 loại: 02 và 03 cổng - Chiều dài: 54, 78 và 80 mm - Cổng kết nối có góc: 30 và 40 độ - Kích thước: 7Fr và 9 Fr 2. Tính năng, công nghệ: - Giảm thiểu mất máu và chảy máu ngược dòng - Bộ sản phẩm bao gồm: 1 van, 1 torque và 1 kim 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	200		
352	Bộ van cầm máu tự động và van khóa vặn có cổng kết nối 37.5 độ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate - Cổng kết nối có góc: 37.5 độ - Chiều dài: 95mm; - Kích thước: 9 Fr 2. Tính năng, công nghệ: - Van tự động và van khóa vặn đồng thời; - Có / Không có nút thông gió - Nút thông gió giúp loại bỏ bong bóng, bọt khí; - Bộ cáp chia có thể tháo rời dễ dàng. - Bộ sản phẩm bao gồm: 1 van, 1 torque và 1 kim. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
353	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Đường kính van 16 mm; đường kính ống dẫn dịch 1,8 mm. Catheter não thất, dài 23 cm; đường kính trong 1,3 mm; đường kính ngoài 2,5 mm. Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài 110 cm; đường kính trong 1,1mm; đường kính ngoài 2,5mm. - Chất liệu: Vỏ van bằng Polysulfone trong suốt. 2. Tính năng, công nghệ: - Van có tính linh hoạt tránh bị tình trạng dính và biến dạng. - Đế van ngăn kim đâm xuyên qua van khi lấy dịch. - Vòm van có tính đàn hồi cao giúp sử dụng với các loại kim cỡ 25 hặc nhỏ hơn. - Có 3 loại lực: thấp/ trung bình/ cao.	Bộ	8		
354	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy ổ bụng, kích thước 6 x 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: van 6 x 26mm. Các catheter có tẩm chất cản quang, đường kính ngoài 2,5mm và trong 1,3mm. Dây thoát dịch não thất dài 20 cm, có 4 hàng lỗ, mỗi hàng 4 lỗ thoát dịch, có 3 điểm đánh dấu chiều dài, cách nhau 5cm. Dây thoát dịch ổ bụng có 4 khe thoát dịch ở cuối dây dẫn, dài từ 90 - 100cm. - Chất liệu: Van bằng Sillicone, Đế van bằng vật liệu Polypropylene, Vòm van bằng sillicone. 2. Tính năng, công nghệ: - Van có tính linh hoạt tránh bị tình trạng dính và biến dạng. - Đế van ngăn kim đâm xuyên qua van khi lấy dịch. - Vòm van có tính đàn hồi cao giúp sử dụng với các loại kim cỡ 25 hặc nhỏ hơn. - Có 3 loại lực: thấp/ trung bình/ cao.	Bộ	5		
355	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy, đường kính van 16mm	1. Thông số kỹ thuật: - Bộ Kèm theo: + Dây thoát dịch não thất gắn sẵn vào van, dài 23cm; đường kính trong 1,3 mm đường kính ngoài 2,5mm. + Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài 110 cm; đường kính trong 1,1 mm đường kính ngoài 2,5mm. - Kích thước: Đường kính Van 16 mm. Van Có 05 mức lực từ 30 - 70 -110 - 150 - 200 mm H2O. - Chất liệu: Vỏ van bằng polysulfone trong suốt cho phép nhìn thấy áp lực van trước khi cấy ghép. 2. Tính năng, công nghệ: - Van có khóa chống thay đổi áp lực khi bị tác động bởi ngoại lực do va đập hoặc khi vào vùng từ trường MRI. - Có thể đọc trực tiếp áp lực Van thông qua la bàn bộ điều chỉnh hoặc qua phim X quang. - Cơ chế hoạt động van dạng bóng trong ống dẫn hình côn và lo xo phẳng.	Bộ	2		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
356	Bộ van dẫn lưu dịch tủy từ não thất - ổ bụng có phủ thuốc kháng sinh, 5 mức áp lực	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Van có lớp nền bằng polypropylene và acetalplastic, lớp vòm bằng silicone. Phần vòm có in mũi tên đánh dấu cản quang bằng tantalum chỉ hướng dòng chảy. Catheter phủ thuốc kháng sinh Rifampicin và clindamycin có thể chống nhiễm trùng tối đa, phủ barium giúp chụp X-Quang, MRI thấy được vị trí Catheter. - Thông số: Catheter não thất dài 23cm. Catheter ổ bụng dài 120cm. Đường kính trong 1,3mm, đường kính ngoài 2,5mm. 2. Tính năng, công nghệ: Van có 5 mức áp lực 0,5; 1,0; 1,5; 2,0; 2,5 . Có thể điều chỉnh mức áp lực sau mổ bên ngoài bằng bộ điều chỉnh điện tử hoặc nam châm. Tương thích với Hệ thống chụp cộng hưởng từ (MRI) lên đến 3,0 Tesla. Catheter dẫn lưu não thất có phủ kháng sinh bao gồm 1 que thông làm từ thép không gỉ và ghim góc vuông nhằm giúp đoạn cong của dây không bị gãy gập, thắt nút. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Bộ	35		
357	Bộ Xilanh 190ml dùng cho máy bơm cản quang một nòng Imaxeon Salient hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Bộ đóng gói gồm: 1 bơm tiêm 190ml làm bằng chất liệu PET trong suốt không chứa DEHP có đường kính 4.79±0.02cm dài 18.75±0.15cm có piston bằng PC với đầu bọc bằng cao su tổng hợp màu đen, 1 ống hút nhanh chữ J, 1 đầu chuyển Spike dài và 1 dây nối áp lực cao dài 150cm bằng PVC với đầu kết nối bằng PC 2. Tính năng, công nghệ: dùng cho máy bơm thuốc cản quang 1 nòng Medrad/Bayer Imaxeon Salient hoặc tương đương. - Chịu áp lực cao 350psi, kết nối luer lock, nạp thuốc bằng ống hút nhanh. - Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O. - Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm, có dấu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được mồi thuốc 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Bộ	1.000		
358	Bộ Xilanh 200ml dùng cho máy bơm cản quang 2 nòng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu: PET trong suốt, không chứa DEHP - Một bộ sản phẩm đóng gói gồm 2 xilanh 200ml, 2 ống lấy thuốc nhanh chữ J, 1 dây nối áp lực cao chữ Y dài 150cm với hai van một chiều, bộ dây nối có đường kính trong và ngoài lần lượt là 1,9mm và 3,35mm 2. Tính năng, công nghệ: Bộ xilanh 200ml dùng cho máy bơm thuốc cản quang hai nòng OptiVantag hoặc tương đương - Chịu áp lực cao 350psi, luer lock, nạp thuốc bằng ống hút nhanh. Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm, có dấu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được mồi thuốc. Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Bộ	650		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
359	Bộ Xilanh 60ml dùng cho máy bơm cản quang	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu: PET trong suốt, không chứa DEHP - Một bộ sản phẩm đóng gói gồm: 2 xilanh 60ml, 1 đầu chuyển spike dài, 1 đầu chuyển spike ngắn, 1 dây nối áp lực cao chữ Y dài 205cm với 2 van một chiều, bộ dây nối có đường kính trong ngoài lần lượt là1,9mm và 3,35mm. 2. Tính năng, công nghệ: Bộ xilanh 60ml dùng cho máy bơm thuốc cản quang Mallinekrodt/liebel-Flarshiem Opistar MRI hoặc tương đương - Chịu áp lực cao 350psi, luer lock, nạp thuốc bằng ống hút nhanh. Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Bộ	50		
360	Bộ xông khí dung dùng nhiều lần	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PP, TPE - Tái sử dụng lên đến 300 lần. Hấp tiệt trùng sau mỗi lần sử dụng. - Tốc độ phun khí (TOR): 600 mg/ phút. - Kích thước hạt trung bình (MMD): 3.5 µm - Tỉ lệ hạt thuốc có kích thước <5µm: 67% 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng hệ thống van tích hợp giúp tiết kiệm thuốc. - Tạo ra hạt thuốc có kích thước phù hợp với từng vùng cần điều trị. - Hệ thống van PIF hỗ trợ kiểm soát tốc độ thở của bệnh nhân. Van PIF sẽ đóng dần lại khi bệnh nhân thở quá nhanh, tạo ra kháng lực nhẹ để bệnh nhân nhận ra và thở chậm lại. 3. Xuất xứ: G7	Bộ	8.548		
361	Bơm áp lực cao trong chụp buồng tim mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate. - Thông số: Thể tích 20ml, áp suất 30atm. 2. Tính năng, công nghệ: - Bơm bóng nong mạch áp lực cao, có kết nối luer xoay kèm van cầm máu chữ Y dạng bấm tương thích ống thông 7F, kim luồn dây dẫn, dụng cụ xoay dây dẫn, cổng khóa 3 ngã. - Tay cầm Ergonomic grip, xoay kiểu chữ T chống trượt, đồng hồ bơm áp lực có phát quang. Cơ chế khóa - mở kiểu nút nhấn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	150		
362	Bơm kim tiêm nhựa tự khóa 0,1 ml, kim 27G 3/8” dùng một lần	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu nhựa y tế. - Dung tích 0,1 ml. - Tiêm trong da vắc xin BCG cho trẻ sơ sinh. - Có tính năng tự khóa. - Cỡ kim là 27G 3/8”.	Cái	152.700		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
363	Bơm kim tiêm tự khóa 0,5 ml kèm kim 25G, 26G dùng 1 lần	1. Thông số kỹ thuật: - Thân ống làm bằng nhựa. - Đầu pittong bằng chất liệu cao su tổng hợp, bôi trơn bằng dầu silicon. - Dung tích 0,5ml, kim bằng thép không gỉ cỡ 25G, 26G. 2. Tính năng, công nghệ: - Bơm kim tiêm có chốt tự khóa chỉ mở duy nhất một lần, không thể sử dụng cho lần tiếp theo. - Tiệt trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt hay dị ứng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).	Cái	125.000		
364	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 10ml kèm kim 23G, 25G	1. Thông số kỹ thuật: - Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. Đường kính trong 15.9 ± 0.05mm, chiều dài 91.2 ± 0.1mm. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất ≤0,2ml. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via, chiều cao pít tông 91.3±0.2mm. - Gioăng từ nhựa PVC nguyên sinh giúp cụm pít tông-gioăng di chuyển dễ dàng trong lòng xilanh và không cho trào ngược dịch về phía Pít tông, chiều cao 7.24 ± 0.02mm. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". 2. Tính năng, công nghệ: - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Chiếc	4.579.300		
365	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 20ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PolyPropylen không Latex, không PVC, không DEHP. Miếng đệm bằng vật liệu tổng hợp (TPE), ngăn ngừa các phản ứng dị ứng. Lớp dầu silicone y tế giúp pít tông di chuyển trơn tru trong lòng ống. - Thông số: Dung tích 20ml. Kim các cỡ 23Gx1". 2. Tính năng, công nghệ: Đầu kim 3 mặt vát. Mã màu của bao bì giúp phân biệt các size bơm tiêm tránh nhầm lẫn. Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Thang đo dễ đọc cho liều lượng chính xác và tin cậy. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	222.684		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
366	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 20ml kèm kim 23G	1. Thông số kỹ thuật: - Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. Đường kính trong 19.15 ± 0.05mm, chiều dài 105.5 ± 0.1mm. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via, chiều cao pít tông 105.2 ± 0.2mm. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện. - Gioăng từ nhựa PVC nguyên sinh giúp cụm pít tông-gioăng di chuyển dễ dàng trong lòng xilanh và không cho trào ngược dịch về phía Pít tông, chiều cao 7.0 ± 0.02mm - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". 2. Tính năng, công nghệ: - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485;	Cái	2.768.164		
367	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 3ml kèm kim 23G, 25G	1. Thông số kỹ thuật: - Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế PP trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét, đường kính trong 9.95 ± 0.05mm, chiều dài 68.4 ± 0.1mm - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via, chiều dài pít tông 67.85 ± 0.2mm -Gioăng từ nhựa PVC nguyên sinh giúp cụm pít tông-gioăng di chuyển dễ dàng trong lòng xilanh và không cho trào ngược dịch về phía Pít tông, chiều cao 5.78 ± 0.2mm - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". 2. Tính năng, công nghệ: - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Chiếc	1.995.460		
368	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 3ml kèm kim 23G, 25G	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa. - Thông số: Bơm tiêm nhựa liền kim 3 ml, cỡ kim 23G, 25G. 2. Tính năng, công nghệ: - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. - Bề mặt gioăng phẳng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, ISO 9001:2015.	Cái	1.453.072		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
369	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 50 ml	1. Thông số kỹ thuật: - Vỏ bơm (thân bơm) làm từ nguyên liệu nhựa PP nguyên sinh, loại dùng cho y tế (Medical Grade) trong suốt. - Pittong (ruột bơm) làm từ nhựa PE , loại nhựa y tế nguyên sinh; thiết kế đặc biệt có khía để bẻ gãy sau khi dùng; không cho phép tái sử dụng lần 2. - Đầu bịt pittong (gioăng) làm bằng nhựa dẻo PVC nguyên sinh loại nhựa y tế; cấu tạo 2 ngấn đảm bảo kín và khít , không để dung dịch thuốc tiêm rò rỉ về phía sau. - Kim làm bằng thép không gỉ, có nắp chụp kim đảm bảo an toàn khi sử dụng; Đầu kim sắc nhọn; Đế kim làm bằng nhựa pha màu để nhận biết kích thước kim. - Dung tích chia độ 50ml; Dung tích khả dụng: 60ml. Cỡ kim: 21G1"1/2 , 23 G1 1", 23G 1"1/2, 25G 1", 25 G 1"1/2". 2. Tính năng, công nghệ: - Trên vỏ bơm có vạch chia đến 60ml;Khoảng cách mỗi vạch chia tương đương 1 ml. - Kiểu đầu gắn Luer lock hoặc LUER SLIP có thể gắn được kim thường hoặc kim bướm. - Chất làm trơn sử dụng dung dịch silicone để bôi trơn với hàm lượng ≤ 0.25g/cm2. - Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, ISO 7886-1:2017.	Cái	41.500		
370	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 5ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế. - Thông số: Dung tích 5ml kèm kim 25G. 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng. - Bôi trơn bằng silicon Y tế. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Cái	1.053.520		
371	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 5ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PolyPropylen không Latex, không PVC, không DEHP. Miếng đệm bằng vật liệu tổng hợp (TPE), ngăn ngừa các phản ứng dị ứng. Lớp dầu silicone y tế giúp pít tông di chuyển trơn tru trong lòng ống. - Thông số: Dung tích 5ml. Kim các cỡ 23Gx1". 2. Tính năng, công nghệ: Đầu kim 3 mặt vát. Mã màu của bao bì giúp phân biệt các size bơm tiêm tránh nhầm lẫn. Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Thang đo dễ đọc cho liều lượng chính xác và tin cậy. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	3.087.304		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
372	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần 5ml kèm kim 23G	1. Thông số kỹ thuật: - Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét, đường kính trong 12.35 ± 0.05mm, chiều cao 76.4 ± 0.1mm. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via, chiều cao pít tông 77.1 ± 0.2mm. - Gioăng từ nhựa PVC nguyên sinh giúp cụm pít tông-gioăng di chuyển dễ dàng trong lòng xilanh và không cho trào ngược dịch về phía Pít tông, chiều cao 7.24 ± 0.02mm. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". 2. Tính năng, công nghệ: - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Cái	10.475.708		
373	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần trong can thiệp mạch máu 10ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong. - Thông số: Dung tích 10ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu. - Có đầu xoáy luer loại Fixed Male hoặc Slip. Mã hóa bằng màu sắc.	Cái	33.000		
374	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần vô trùng 1ml	1. Thông số kỹ thuật: - Xy lanh dung tích được sản xuất từ nhựa y tế PP trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. Đường kính trong 4.7 ± 0.05mm, chiều cao 86.2 ± 0.1mm. - Chiều dài pít tông 84.5 ± 0.2mm. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Gioăng từ nhựa PVC nguyên sinh giúp cụm pít tông-gioăng di chuyển dễ dàng trong lòng xilanh và không cho trào ngược dịch về phía Pít tông, chiều cao 13.7 ± 0.3mm. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng gói tiệt trùng từng cái bằng khí E.O, bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Chiếc	955.144		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
375	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần, 10ml kim 23G	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Piston và xy lanh được làm bằng nhựa PP y tế, silicon Y tế dùng bôi trơn. - Thông số: Dung tích 10ml. Kim cỡ 23G. 2. Tính năng, công nghệ: - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. - Đóng gói riêng, tiệt trùng bằng khí EO. Không chứa độc tố DEHP và chất gây sốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Cái	1.718.778		
376	Bơm tiêm (syringe) dùng một lần, 1ml kèm kim 26Gx1/2	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa. - Thông số: Dung tích 1ml. Kim 26Gx1/2". 2. Tính năng, công nghệ: - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. - Kim sắc nhọn, không có độc tố DEHP và chất gây sốt. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, ISO 9001:2015.	Cái	678.840		
377	Bơm tiêm 1 ml dùng một lần	1. Thông số kỹ thuật: - Bơm tiêm nhựa liền kim. - Dung tích 1ml, cỡ kim 26 (26G x l/2"). 2. Tính năng, công nghệ: Piston có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016 hoặc EN ISO 13485:2016.	Cái	169.260		
378	Bơm tiêm 20 ml dùng một lần	1. Thông số kỹ thuật: - Bơm tiêm nhựa liền kim. - Dung tích 20ml, cỡ kim 23G x l". 2. Tính năng, công nghệ: Piston có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016 hoặc EN ISO 13485:2016.	Cái	184.278		
379	Bơm tiêm 200ml dùng cho máy tiêm thuốc cản quang 1 nòng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su tổng hợp PVC, polypropylene, polycarbonate, không latex. - Áp suất: giới hạn 400psi. - Thông số bộ gồm: 1 xilanh 200 ml.. Dây áp lực dài 150 cm. 1 ống lấy thuốc. 2. Tính năng, công nghệ: Tiệt trùng EO. Sử dụng 1 lần, dùng cho máy bơm tiêm thuốc cản quang CT9000ADV/OPTIONE hoặc tương đương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	1.760		
380	Bơm tiêm 3 ml dùng một lần	1. Thông số kỹ thuật: - Bơm tiêm nhựa liền kim. - Dung tích 3ml, cỡ kim 25G x 1";25G x5/8";23G x 1". 2. Tính năng, công nghệ: Piston có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016 hoặc EN ISO 13485:2016.	Cái	461.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
381	Bơm tiêm 50ml dùng một lần (ăn, tiêm)	1. Thống số kỹ thuật: - Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. 2. Tính năng, công nghệ: - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	521.887		
382	Bơm tiêm cản quang dùng trong can thiệp tim mạch, 1ml, 3ml và 10 ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong. - Thông số: 1ml, 3ml và 10ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu. - Có đầu xoáy luer loại Fixed Male hoặc Slip. - Có nhiều màu sắc khác nhau: có 7 màu sắc khác nhau để phân biệt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	5.850		
383	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện không kim cỡ 20 ml	1. Thông số kỹ thuật: - Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt. - Đệm pitong bằng chất liệu Thermoplastic Elastomer một loại chất liệu nhiệt dẻo có tính đàn hồi chịu nhiệt tốt, không Latex. - Dung tích 20ml (tổng dung tích 25ml). 2. Tính năng, công nghệ: - Bơm tiêm không kim, đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip). - Thân bơm tiêm vạch chia thể tích rõ ràng (1,0cc). - Đệm pit-tông gioăng kép giúp kín khí, giảm nguy cơ rò rỉ thuốc. - Sử dụng được với máy bơm tiêm điện. - Tiệt trùng bằng (chùm) tia điện tử.	Cái	215.300		
384	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động	1. Thông số kỹ thuật: - Bơm tiêm nhựa đầu xoắn (luer lock) làm từ polypropylene trong suốt, được phủ silicone. - Đầu pit-tông làm bằng nhựa đàn hồi tổng hợp giúp chuyển động mượt mà. - Vạch chia đậm rõ, dễ đọc được làm từ mực black pigment. - Thể tích tồn lưu chỉ 0,2ml. - Tiệt trùng EO. - Không DEHP, Không độc chất, không latex, không Pyrogen. 2. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	2.480		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
385	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động 20ml, đầu khóa Luer-lock	1. Thông số kỹ thuật: .- Bơm tiêm nhựa liền kim 20 ml; Xylanh làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, đốc xilanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn; gioăng mềm dẻo. Đường kính trong 19.15 ± 0.03mm, chiều dài 108.5 ± 0.2mm , đường kính trong đầu xoắn 8 ± 0.1mm. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, chiều dài pít tông 105.2 ± 0.2mm. - Gioăng từ nhựa PVC nguyên sinh giúp cụm pít tông-gioăng di chuyển dễ dàng trong lòng xilanh và không cho trào ngược dịch về phía Pít tông, chiều cao 7 ± 0.02mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	3.076		
386	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động không kim 50ml đầu khóa - Luer Lock	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng (1.0cc). + Đệm pitong bằng chất liệu Thermoplastic Elastomer - một loại chất liệu nhiệt dẻo có tính đàn hồi chịu nhiệt tốt. - Thông số: Dung tích 50ml (tổng dung tích 60ml). 2. Tính năng, công nghệ: - Đệm pit-tông gioăng kép giúp kín khí, giảm nguy cơ rò rỉ thuốc. Sử dụng được với máy bơm tiêm điện. - Bơm tiêm không kim, đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip). - Sản phẩm không Latex & PVC. Không gây độc. Không sinh nhiệt. - Đóng gói riêng lẻ từng cái trong bao bì nhựa. Tiệt trùng bằng (chùm) tia điện tử.	Cái	283.928		
387	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động không kim 50ml đầu khóa - Luer Lock	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt. + Pitong làm bằng cao su tổng hợp đặc biệt độ đàn hồi tốt, bám khít tránh rò rỉ thuốc. - Thông số: Dung tích 50ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Bơm tiêm không kim, đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip). - Sản phẩm không PVC, không Latex, không gây độc không phản ứng với thuốc. Đóng gói riêng, được tiệt trùng bằng chùm tia điện tử.	Cái	80.380		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
388	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động không kim, dùng một lần, dung tích 10ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bơm (polypropylen), piston (polypropylen khít). - Thông số: Dung tích 10ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Bơm tiêm chịu áp lực cao, đầu xoắn, dùng được với bơm tiêm điện. - Lòng xi lanh được thiết kế có gờ chặn pittông. Khi kéo pittông êm, nhẹ. Chia vạch rõ ràng, chính xác, sắc nét, thể tích chia vạch rõ ràng khó phai. Không kim. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cây	5.300		
389	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động, 50ml có luer lock	1. Thông số kỹ thuật: - Xy lanh làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, đốc xilanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện; đường kính trong 29.2 ± 0.03mm, chiều dài 131.9 ± 0.2mm, đường kính trong đầu xoắn 8 ± 0.1mm. - Gioăng mềm dẻo, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bịt piston. Dễ dàng quan sát thế tích làm đầy. Chiều cao 11.75 ± 0.1mm. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, chiều dài pít tông 137.05 ± 0.4mm. - Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em. 2. Tính năng, công nghệ: - Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	687.114		
390	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm thuốc cản quang các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate, ABS. Bơm tiêm thuốc cản quang Mona, thân bơm làm từ vật liệu Polycarbonate, Cần pít-tông làm từ nhựa Acrylonitrile-Butadien-Styrol (ABS), Vòng (Gioăng) đệm ở đầu pít-tông (đầu pít-tông) làm từ cao su silicone. - Thông số: Thể tích 1 ml, 3ml, 6ml, 10ml, 20ml, 30ml. 2. Tính năng, công nghệ: Đầu kết nối: Cố định hoặc xoay, kết nối luer 6% theo tiêu chuẩn ISO 80369-7, tương thích cổng đực/cái. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	4.510		
391	Bơm tiêm dùng một lần dùng để thông tráng	1. Thông số kỹ thuật: - Bơm tiêm chứa 3/5/10 ml nước muối sinh lý 0.9% vô trùng đóng sẵn trong ống tiêm dùng kiểm tra, bơm tráng các catheter tĩnh mạch ngoại vi và trung tâm. Đầu khóa xoắn luer-lock. - Đường kính bơm tiêm: đường kính trong :14.5, đường kính ngoài: 14.9mm, tạo áp lực an toàn (19.8 PSI), đường kính chân piston 30mm, không gây tổn thương thành mạch. - Không DEHP, không PVC, không Latex, không gây sốt. 2. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	30.800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
392	Bơm tiêm dùng một lần dùng để thông tráng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bơm tiêm chất liệu Polypropylene với đầu khóa xoắn luer-lock. - Kích thước: Dung tích bơm tiêm 5ml. - Đường kính trong bơm tiêm: 0,568 +/- 0,003 inch. - Áp lực khi bơm: 19,75 psi. 2. Tính năng, công nghệ: - Bơm tiêm chứa sẵn dung dịch nước muối sinh lý NaCl 0,9%, được chưng cất vô khuẩn. - Không có chất bảo quản, không chất gây sốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	2.000		
393	Bơm tiêm dùng một lần dùng để thông tráng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene. - Thông số: Bơm tiêm với đầu khóa xoắn luer-lock, đường kính của bơm tiêm 10ml theo PICC, áp lực 19.75 psi, thể tích 3ml chứa sẵn dung dịch nước muối. Nước muối sinh lý NaCl 0.9%, được chưng cất vô khuẩn, không có chất bảo quản và chất gây sốt, chuyên dùng trong thông rửa catheter ngoại vi và trung ương. 2. Tính năng, công nghệ: - Nắp đậy đầu luer-lock đặc biệt, pitton không rút ngược qua vạch phân cách vô khuẩn, thiết kế bơm tiêm chống trào ngược máu, đảm bảo chống nhiễm khuẩn tối ưu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	4.000		
394	Bơm tiêm dùng một lần vô trùng 50ml	1. Thông số kỹ thuật: - Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. Đường kính trong 29.23 ± 0.05mm, chiều dài 131.71 ± 0.1mm. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via, chiều dài pít tông 137.05 ± 0.4mm. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện. - Gioăng từ nhựa PVC nguyên sinh giúp cụm pít tông-gioăng di chuyển dễ dàng trong lòng xilanh và không cho trào ngược dịch về phía Pít tông, chiều cao 11.75 ± 0.1mm. - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em. 2. Tính năng, công nghệ: - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Chiếc	6.710		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
395	Bơm tiêm insulin 0.5ml và 1ml, kim 6mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đầu kim phủ silicone. - Thông số: Đường kính nhỏ 31G. Chiều dài kim ngắn 6mm với đường kính lòng kim lớn 0,25mm. Dung tích 0,5ml và 1ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Dạng syringe với kim vát 3 mặt. Vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, không khoảng chết. - Đóng gói riêng lẻ từng cái.	Cái	104.040		
396	Bơm tiêm Insulin 1 ml, kim 30G 5/16"	1. Thông số kỹ thuật: - Thể tích: 100IU/1ml. - Kim ngắn 8mm (5/16") có thể tiêm thẳng góc 90 độ. - Đầu kim 3 mặt vát, phủ silicone, thành kim siêu mỏng 0.075mm tiêm không đau, mau lành, không khoảng chết (≤0.0035ml), không dịch tồn dư, ống tiêm trong suốt, mực black pigment sắc nét. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu), CFS (Châu Âu).	Cái	98.500		
397	Bơm tiêm Insulin 1,0ml kèm kim 30G 5/16"	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim phủ silicone. - Thông số: 100IU/1ml, Kim ngắn 8mm (5/16"), thành kim siêu mỏng 0,075mm. 2. Tính năng, công nghệ: Kim có thể tiêm thẳng góc 90 độ, đầu kim 3 mặt vát, tiêm không đau, mau lành, không khoảng chết (≤0,0035ml), không dịch tồn dư, ống tiêm trong suốt, mực black pigment sắc nét. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	10.000		
398	Bơm tiêm insulin 1ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim làm bằng nhựa PP y tế và thép không rỉ phủ silicone. Thân Bơm tiêm nhựa PP, Piston Isoprene (Latex-free). - Thông số: Cỡ kim 29Gx1/2. Thân Bơm tiêm chia vạch 0,025 mL. Giới hạn kim loại trong nhựa: Total ≤ 5 µg/ml, CD ≤ 0.1 µg/ml, pH ≤ 1 pH, KMnO4 ≤ 0.5 ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Gioăng có núm giúp đi hết hành trình của thuốc. - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485:2016.	Cái	84.600		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
399	Bơm tiêm insulin 1ml kèm kim 30Gx1/2" và 30Gx5/16"	1. Thống số kỹ thuật: Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng. - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ - Kim được đúc liền với vỏ xylanh, không thể tháo rời - Kim tiêm bao gồm các cỡ: 30Gx8mm, 31Gx6mm, 32Gx6mm 2. Tính năng, công nghệ: - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3.Tiêu chuẩn chất lượng - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	522.500		
400	Bơm tiêm insulin 1ml kèm kim 30Gx1/2" và 30Gx5/16"	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. - Thông số: Bơm gắn liền kim, dung tích 1ml. Kim các cỡ 30Gx1/2" và 30Gx5/16". Bơm tiêm in đồng thời vạch chia cho cả 100 và 40 đơn vị insulin (100UI và 40UI). 2. Tính năng, công nghệ: - Gioăng có núm giúp đi hết hành trình của thuốc. - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	Cái	172.220		
401	Bơm tiêm Insulin 1ml, kim 32G dùng một lần	1. Thông số kỹ thuật: - Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng. - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ. - Kim được đúc liền với vỏ xylanh, không thể tháo rời. - Kim tiêm bao gồm các cỡ: 30Gx8mm, 31Gx6mm, 32Gx6mm. 2. Tính năng, công nghệ: Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	45.000		
402	Bơm tiêm nhựa y tế dùng một lần 20 ml	1. Thông số kỹ thuật: - Thân ống làm bằng nhựa y tế. - Dung tích 20 ml. - Đầu pittong bằng chất liệu cao su tổng hợp, bôi trơn bằng dầu silicon tiêu chuẩn y tế. - Bơm kim tiêm tiệt trùng dùng 1 lần được tiệt trùng bằng khí E.O, vô trùng, không độc, không gây sốt hay dị ứng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	18.860		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
403	Bơm tiêm vô trùng 10 ml dùng một lần	1. Thông số kỹ thuật: - Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Cái	478.200		
404	Bơm tiêm vô trùng 5 ml dùng một lần	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. - Vạch chia dung tích rõ nét. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. - Dung tích 5ml. - Kim các cỡ 23Gx1"; 25Gx1" 2. Tính năng, công nghệ: - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. -Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Chiếc	915.252		
405	Bơm truyền tự động đàn hồi 275ml, 8 dòng truyền 0/2/4/6/8/10/12/14ml/h, có PCA	1. Thông số kỹ thuật: - Thể tích định mức 275ml, thể tích hoạt động (tối thiểu 165ml, thể tích tối đa 310ml). - Nút điều chỉnh lưu lượng dòng chảy 8 tốc độ dòng : 0, 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14 ml/h. - Thể tích bơm thêm PCA: 1ml với thời gian khóa 15 phút. - Vật liệu đạt tiêu chuẩn dược điển Hoa Kỳ USP IV, không chứa chất phụ gia DEHP, bóng bơm nguyên liệu silicone. - Có 2 lọc IV, mỗi lọc cấu tạo từ 2 màng: màng ái nước 1,2 µm, màng kỵ nước 0.2µm, không chứa hydroxyvinnyl clorua, không BPA.Có thêm 1 màng lọc kỵ nước 0.2µm để lọc đuổi khí ở nắp đậy. - Vỏ bảo vệ cứng, trong suốt, có vạch chia để theo dõi thể tích, chống được tia cực tím bước sóng 390nm, chống tia UVB, UVA, UVC. - Cổng tiêm thuốc đạt ISO 594, có van 1 chiều với màng ngăn làm từ Silicone. - Có kẹp treo đi kèm. - Đóng gói tiệt trùng EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
406	Bông băng vô trùng dành cho mắt, kích thước 5 cm × 7 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Bông xơ tự nhiên 100% Cotton, có màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng. - Vải bọc bên ngoài là lớp vải không dệt ngấm, thành phần nguyên liệu 100% Rayon/polyester. - Kích thước 5 cm x 7 cm hình oval. 2. Tính năng công nghệ: - Bông gạc đắp vết thương (đã tiệt trùng) có thành phần kết hợp từ 1 lớp Bông y tế (bông hút) bên trong được làm từ bông xơ tự nhiên 100% Cotton. - Có màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng. - Khả năng hút giữ nước 5g bông giữ được ≥100 gram nước. - Tốc độ chìm ≤ 8s, chất tan trong nước không quá 0,5%. - Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	13.800		
407	Bóng bóp gây mê	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu PVC, không latex. - Gồm các số: 0,5 lít, 1 lít, 2 lít, 3 lít. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	210		
408	Bóng bóp giúp thở chất liệu PVC cho sơ sinh, trẻ em và người lớn	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC. - Thông số: Sơ sinh 150ml, trẻ em 350ml, người lớn 800ml.	Cái	3.681		
409	Bóng bóp giúp thở chất liệu silicon cao cấp, dùng cho trẻ em, người lớn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Van, bóng bóp, mặt nạ và túi chứa khí dự trữ: Silicone cao cấp. + Phần vỏ nhựa cứng : Hợp chất polyme dẻo chịu nhiệt, cấu tạo chống trượt. + Lò xo trong van an toàn: Thép không gỉ. - Dung tích bóng bóp 1500ml. - Thể tích trao đổi khí 1200 ml. - Hiệu ứng đàn hồi > 65 lần/ phút ở 600ml. - Van 2 chiều an toàn 60 ± 10 cmH2O. - Trở kháng của van < 2,5 cmH2O. 2. Tính năng, công nghệ: - Có thể hấp tiệt trùng ở 134 độ C ít nhất 50 lần sử dụng. - Cung cấp nồng độ oxy đến 99% ở lưu lượng 15 lít/ phút nhờ có hệ thống van lấy khí ngõ vào (Intake Valve hoặc tương đương).	Cái	124		
410	Bóng bóp giúp thở cho sơ sinh, trẻ em và người lớn	Thông số kỹ thuật: - Sơ sinh 150ml, trẻ em 350ml, người lớn 800ml. - Chất liệu: PVC.	Cái	288		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
411	Bóng bóp giúp thở Silicone cao cấp dùng người lớn, trẻ em, sơ sinh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bóng bóp, mặt nạ thở và túi trữ khí làm bằng vật liệu silicone. - Dung tích bóng bóp: + Sơ sinh 280ml. + Trẻ em 550ml. + Người lớn: 1500ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ gồm: bóng bóp, mặt nạ thở, túi trữ khí, dây oxy. - Có thể cung cấp nồng độ oxy đến 99% ở lưu lượng 15 lít/ phút nhờ có hệ thống van lấy khí ngõ vào. - Các bộ phận chính (bóng bóp, mặt nạ và túi trữ khí) đều hấp tiệt trùng được ở 134 độ C tối thiểu được 50 lần.	Bộ	471		
412	Bóng bóp giúp thở size người lớn	Thông số kỹ thuật: - Công dụng: Hỗ trợ thở cho bệnh nhân. - Chất liệu: Nhựa y tế, an toàn, không độc. - Trọn bộ: Bóng bóp, mặt nạ, dây nối. - Size: người lớn (800ml): ≥30kg.	Cái	774		
413	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ có 3 dải đánh dấu (15 và 2 mm)	1. Thông số kỹ thuật: Thông số: kích thước 18mm, 24mm, 34mm. 2. Tính năng, công nghệ: Bóng đo nhanh chóng va rõ ràng lỗ Thông Liên Nhĩ.	Cái	6		
414	Bông gạc đắp vết thương 8cm x 12cm , tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gạc y tế (vải không dệt ngấm như Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose), bông y tế (100% cotton từ lông hạt cây Bông) - Thông số: 8cm x 12cm. Tiệt trùng 2. Tính năng, công nghệ: - Bông gạc đắp vết thương có thành phần kết hợp từ 1 lớp bông y tế (bông hút nước) bên trong và 1 lớp Gạc y tế (gạc hút nước) bên ngoài. - Gạc y tế có vải phải đều. Vải không có mùi, màu trắng. - Bông y tế được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi. Sợi mảnh, mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt. Bông có màu trắng tự nhiên sau tẩy, không dùng chất tạo màu trắng. Tiệt trùng bằng khí EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Miếng	2.547.330		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
415	Bông gạc đắp vết thương 8cm x 17cm (Không tiệt trùng)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gạc y tế (sợi cotton 100%), bông y tế (bông xơ tự nhiên 100% cotton) - Thông số: 8cm x 17cm, không tiệt trùng 2. Tính năng, công nghệ: - Bông gạc đắp vết thương có thành phần kết hợp từ 1 lớp bông y tế (bông hút nước) bên trong và 1 lớp Gạc y tế bên ngoài. - Gạc y tế (Gạc hút) có chỉ số sợi dọc và sợi ngang là 32/1, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn; không mùi, chỉ có sợi bông, không tạp chất, không có loại sợi nào khác. - Bông y tế được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi. Sợi mảnh, mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt. Bông có màu trắng tự nhiên sau tẩy, không dùng chất tạo màu trắng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Miếng	29.000		
416	Bông gòn không thấm nước1kg	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: sợi bông (từ lông của hạt cây bông, không loại mỡ). - Không tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Cuộn	4.052		
417	Bông gòn thấm nước 1kg	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bông y tế làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton, chỉ có sợi bông không có loại sợi nào khác; có màu trắng tự nhiên; không dùng chất tạo màu trắng. - Kích thước: 20 x 25cm. 2. Đặc tính, thông số kỹ thuật: - Khả năng hút giữ nước: 5g bông giữ được ≥100 gram nước; Tốc độ chìm ≤ 8s. - Chất tan trong nước: không quá 0,5%. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Kg	20.112		
418	Bông gòn vải không dệt 1 cm x 8 cm x 4 lớp	1. Thông số kỹ thuật: Vải không dệt 100% rayon/plyester 1 cm x 8 cm x 4 lớp. 2. Tính năng công nghệ: - Vải phải đều, không có mùi. - Thời gian thấm nước ≤ 2 phút. - Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (2016).	Cái	14.000		
419	Bóng kéo sỏi (3 kênh), đường kính 11.5 - 14 - 16mm	Thông số kỹ thuật: Đường kính bóng 7Fr, chiều dài 200cm, sử dụng dây dẫn 0,035", 3 kênh với đường kính 11,5-14-16 mm, độ mở khi bơm 1,6-2,8-4,8mm, bơm cản quang ở bên trên bóng.	Cái	30		
420	Bóng kéo sỏi đường mật, đường kính 12-15mm	1. Tính năng, công nghệ: - 3 kênh. - Dùng lấy lấy sỏi mật. - Ống thông cứng để dễ đẩy. - Đường kính bóng bơm điều khiển được 2 mức độ từ 12-15mm - Kênh bơm thuốc cản quang hướng trên bóng (bên trái). - Đường kính dụng cụ đầu thuôn dần 7-6Fr. - Guidewire tương thích 0.035 inch. . 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	60		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
421	Bông mỡ cuộn	Thông số kỹ thuật: - Bông không hút nước, không loại mỡ. - Kích thước từ 0,1-0,15m, dài 2m.	Cuộn	4.650		
422	Bóng nong mạch máu ngoại vi chất liệu DURALYN™. Đường kính 4-7mm, chiều dài 15-40mm. Đường kính thân 3.3F	1. Thông số kĩ thuật: 'Bóng nong động mạch cảnh và động mạch thận Thiết kế Rapid-exchange. Chất liệu bóng: DURALYN™ Đường kính bóng: 4, 4.5, 5, 5.5, 6, 7 mm Chiều dài bóng: 15, 20, 30, 40 mm Áp lực thường: 10 atm Áp lực gây vỡ bóng lên tới 14 atm Đường kính thân ống thông: 3.3 F Chiều dài khả dụng của ống thông: 142 cm Sheath tương thích: 4-5 F Dây dẫn tương thích: 0.014” 2. Tính năng, công nghệ: Thời gian trung bình bơm bóng 3s, xả bóng 5s 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA510k	Cái	60		
423	Bông tẩm cồn 65 x 30mm, 2 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt. Miếng bông được tẩm cồn isopropyl 70% - Kích thước: 65 x 30mm, 2 lớp 2. Tính năng, công nghệ: Thấm hút, màu trắng.	Miếng	5.113.700		
424	Bông viên y tế đường kính 20mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bông xơ tự nhiên 100% Cotton, có màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng. - Thông số: Bông viên đường kính 20mm, không tiệt trùng. 2. Tính năng, công nghệ: - Khả năng hút giữ nước 5g bông giữ được ≥100 gram nước, tốc độ chìm ≤ 8s, chất tan trong nước không quá 0,5%. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Kg	9.150		
425	Bông viên y tế đường kính 21mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính 21cm (±0,5cm). - Chất liệu: Bông xơ tự nhiên 100% cotton. 2. Tính năng, công nghệ: - Bông không lẫn tạp chất, dơ. - Đã qua quá trình loại bỏ chất béo và tẩy trắng. - Bông được tẩy bằng công nghệ Hydrogen Peroxide thân thiện môi trường, không tẩy bằng Clo. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Kg	7.349		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
426	Bông y tế không thấm nước 1kg (bông mỡ vàng)	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Nguyên liệu 100% sợi Bông xơ tự nhiên (từ quả bông). 2. Tính năng, công nghệ: Sợi mảnh, mềm, trơn, được chải kỹ, có độ đàn hồi cao và không còn quá nhiều nút. Không mùi, bông chưa tẩy trắng, có màu hơi ngà vàng bóng, chưa tiệt trùng. Bề mặt mịn, không xơ thừa. Đóng gói thành cuộn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016.	Kg	1.689		
427	Bông y tế thấm nước cỡ 5cm x 5cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bông xơ tự nhiên 100% cotton, chỉ có sợi bông không có loại sợi nào khác. - Kích thước: 5 x 5cm. 2. Tính năng, công nghệ: Bông y tế có màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng, khả năng hút giữ nước : 5g bông giữ được ≥100 gram nước, tốc độ chìm ≤ 8s, chất tan trong nước không quá 0,5%. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016.	Gói	164.094		
428	Bông y tế thấm nước cỡ 3cm x 3cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bông xơ tự nhiên 100% cotton, chỉ có sợi bông không có loại sợi nào khác. - Kích thước: 3cm x 3cm. 2. Tính năng, công nghệ: Bông y tế có màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng, khả năng hút giữ nước : 5g bông giữ được ≥100 gram nước, tốc độ chìm ≤ 8s, chất tan trong nước không quá 0,5. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Gói	27.006		
429	Bông, gạc đắp vết thương 8 cm x 12 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gạc y tế (sợi cotton 100%), bông y tế (bông xơ tự nhiên 100% cotton). - Kích cỡ: 8cm x 12cm, không tiệt trùng. 2. Tính năng, công nghệ: - Bông gạc đắp vết thương có thành phần kết hợp từ 1 lớp bông y tế (bông hút nước) bên trong và 1 lớp Gạc y tế bên ngoài. - Gạc y tế (Gạc hút) có chỉ số sợi dọc và sợi ngang là 32/1, không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn; không mùi, chỉ có sợi bông, không tạp chất, không có loại sợi nào khác. - Bông y tế được chế từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, tẩy trắng và làm tơi. Sợi mảnh, mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt; Bông có màu trắng tự nhiên sau tẩy, không dùng chất tạo màu trắng. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485:2016.	Miếng	76.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
430	Bột bó sợi thủy tinh 4 inch	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 10cm x 360cm. - Chất liệu: Polyester. - Trọng lượng: 165g ± 3g. 2. Tính năng, công nghệ: - Băng quấn có khả năng chống ẩm, nhẹ, thấu xạ tia X, bền và dễ dàng cắt bỏ. Có khả năng định hình, tính linh hoạt tạo sự thoải mái cho bệnh nhân. - Tốc độ phản ứng hóa học sau 2 phút, thời gian định hình từ 3 – 5 phút sau khi ngâm trong nước. - Có độ dính và gắn chặt giữa các lớp giúp băng quấn có đặc tính cứng hơn. - Bề mặt băng quấn mềm và mịn hơn sau 3 – 4 ngày định hình. - Sản phẩm có thể chịu lực trên 50kg với thử nghiệm áp lực một điểm khi được quấn từ 3 đến 4 lớp. - Túi đựng băng quấn được làm bằng PET12/Printing/DL 1/AL 7/DL 2/LLD110, dày 129µm, có 10 ngôn ngữ được in trên túi đựng, hướng dẫn quy trình sử dụng bằng hình ảnh được in trên túi giúp dễ dàng sử dụng sản phẩm. - Thiết kế 2 lỗ tròn trên túi giúp dễ dàng mang sản phẩm đi mà không phải tác động nhiều đến bề mặt túi, tránh nguy cơ thủng, rách túi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cuộn	7.200		
431	Bột bó sợi thủy tinh 5 inch	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 12,5cm x 360cm. - Chất liệu: Polyester. - Trọng lượng: 200g ± 3g. 2. Tính năng, công nghệ: - Băng quấn có khả năng chống ẩm, nhẹ, thấu xạ tia X, bền và dễ dàng cắt bỏ. Có khả năng định hình, tính linh hoạt tạo sự thoải mái cho bệnh nhân. - Tốc độ phản ứng hóa học sau 2 phút, thời gian định hình từ 3 – 5 phút sau khi ngâm trong nước. - Có độ dính và gắn chặt giữa các lớp giúp băng quấn có đặc tính cứng hơn. - Bề mặt băng quấn mềm và mịn hơn sau 3 – 4 ngày định hình. - Sản phẩm có thể chịu lực trên 50kg với thử nghiệm áp lực một điểm khi được quấn từ 3 đến 4 lớp. - Túi đựng băng quấn được làm bằng PET12/Printing/DL 1/AL 7/DL 2/LLD110, dày 129µm, có 10 ngôn ngữ được in trên túi đựng, hướng dẫn quy trình sử dụng bằng hình ảnh được in trên túi giúp dễ dàng sử dụng sản phẩm. Thiết kế 2 lỗ tròn trên túi giúp dễ dàng mang sản phẩm đi mà không phải tác động nhiều đến bề mặt túi, tránh nguy cơ thủng, rách túi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cuộn	5.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
432	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da cỡ 8F, catheter đầu đóng có van 3 chiều.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vỏ bằng titanium. Catheter làm bằng silicone. - Kích thước: Đường kính nền 30mm. Chiều cao 11,3mm. - Thể tích trong 0,6ml. Tốc độ truyền tối đa 5ml/giây. Catheter cỡ 8F. 2. Tính năng, công nghệ: Buồng tiêm cố định đặt lâu dài dưới da. Cho phép truyền được chất cản quang, cản từ trực tiếp. Catheter đầu đóng có van 3 chiều ngăn máu chảy vào gây tắc nghẽn, 90 ngày súc rửa một lần và không cần súc rửa bằng Heparin. Chụp được dưới CT và MRI. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	240		
433	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da đường kính ngoài 6.5Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vỏ ngoài bằng chất liệu Polysulphone và buồng chứa thuốc bên trong bằng Titanium. Ống thông (catheter) bằng vật liệu Silicone. - Kích thước: + Có thể chịu được áp lực lên đến 325 psi (22.4 bar). Trọng lượng 4 g, thể tích buồng 0.25 ml. Diện tích đáy buồng 30 x 22 mm, đường kính nắp buồng 9.5mm, chiều cao 10.6mm. + Ống thông (catheter) dài 800 mm được đánh dấu cách nhau mỗi 1 cm. Đường kính ngoài 6.5 F (2.2 mm), đường kính trong 1.0 mm, lưu lượng cao. + Lưu lượng đạt 10 ml/phút đối với kim 22 G và 24 ml/phút với kim 19G. 2. Tính năng, công nghệ: - Tương thích với chụp MRI. Không chứa Latex, DEHP và PVC. Luồn theo phương pháp Seldinger hoặc tương đương. - Đóng gói riêng lẻ, tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	220		
434	Cảm biến đo SpO2 nhịp mạch dùng nhiều lần	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không chứa nhựa Latec, không gây dị ứng với da, phù hợp chuẩn y tế. - Kích thước: Cảm biến dài từ 1,5m đến 3m. 2. Tính năng, công nghệ: Loại kẹp ngón, quấn, xỏ ngón, kẹp tai dùng cho trẻ sơ sinh, trẻ em, người lớn.. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	301		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
435	Cannula (gọng mũi) bất đối xứng dùng cho thở HFNC (dùng cho máy HFNC AIRVO2)	1. Thông số kỹ thuật - Tốc độ dòng: size S 10-50 l/phút, size M và size L 10-60 l/phút. - Các kích cỡ có mã màu: S (cam) / M (xanh) / L (xanh lá). - Vật liệu chính: Thermoplastic elastomers, polyethylene (PE), polypropylene (PP), acetal, polyester elastomer, ABS, nylon. - Không chứa cao su tự nhiên hay phtalates (DEHP, DBP, BBP). - Thời hạn sử dụng tối đa 14 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng. - Kết nối bằng đầu nối kép chuẩn với bộ dây thở AirSpiral máy Airvo 2 (F&P). 2. Tính năng và công nghệ - Thiết kế với đường kính gọng mũi có kích thước khác nhau, giúp giảm khoảng chết, công thở, độ ồn và tăng áp lực. - Thành dây cannula có vật liệu bán thấm giúp hơi nước khuếch tán ra ngoài, giảm đọng nước. - Tích hợp kẹp giúp cố định trên áo người bệnh giữ ống tránh tuột. - Có dây đeo qua cổ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), FDA 510k (Premarket Notification)	Cái	600		
436	Cannula động mạch 1 nòng từ 15Fr đến 23Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phủ chất chống đông máu Bioline. - Kích thước: Các cỡ đường kính từ 15Fr đến 23Fr, chiều dài 15cm hay 23cm. 2. Tính năng, công nghệ: Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS hoặc PLS.	Cái	30		
437	Cannula động mạch đùi trẻ em các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon, không chứa DEHP. - Các cỡ: 08-10-12-14 Fr (2,7-4,7mm). - Chiều dài đầu tip 10-11,5 cm, chiều dài cannula 22,9cm, cổng kết nối dây dẫn 1/4 (6,35mm). 2. Tính năng, công nghệ: Cannula động mạch đùi trẻ em có vòng lo xo chống xoắn, thành mỏng cho dòng chảy cao, đầu tip thích hợp cho sử dụng kỹ thuật Seldinger Bio-Medicus Next Gen. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	30		
438	Cannula ECMO tĩnh mạch 1 nòng	Thông số kỹ thuật: - Phủ chất chống đông máu Bioline. - Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS hoặc PLS. - Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định ống, miếng dán cố định bằng nhựa. - Các cỡ đường kính từ 19Fr đến 29Fr, chiều dài 38cm hay 55cm.	Cái	330		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
439	Cannula hỗ trợ qua mask (dùng cho máy HFNC AIRVO2)	1. Thông số kỹ thuật: - Khoảng lưu lượng: 10–60 lít/phút - Cổng kết nối: 22 mm, kết nối với mặt nạ thở - Sử dụng tối đa 30 ngày - Kết nối chuẩn tương thích với bộ dây thở của máy Airvo 2 (F&P) 2. Tính năng và công nghệ - Thành dây có vật liệu bán thấm giúp thoát hơi nước ra ngoài, giảm đọng nước 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), FDA 510k (Premarket Notification)	Cái	200		
440	Cannula lỗ vành tốc độ dòng cao DLP các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cannula bằng thép không gỉ , dễ uốn cong, đầu silicon mềm có gờ chăn bức xạ. - Kích thước: 10, 12, 14 Fr, loại đầu cong loại 45 và 90 độ, chiều dài cannnula 7.5 in (19.1cm). - Đầu nối female Leur - lock. 2. Tính năng, công nghệ: Cannula truyền dung dịch liệt tim lỗ vành tốc độ dòng cao.	Cái	12		
441	Cannula Silicone truyền dung dịch liệt tim ngược dòng có bơm các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicon - Kích thước: 15 Fr (5,0 mm), chiều dài 12,5 in (31,8 cm) 2. Tính năng, công nghệ: Cannula truyền dung dịch liệt tim ngược dòng qua xoang vành. - Gồm một thân bằng silicone có quấn dây chống xoắn và bóng bơm bằng tay kèm đường ống theo dõi áp suất. Tất cả các ống thông đều đi kèm một bóng chèn trơn láng và một ống tiêm để bơm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	140		
442	Cannula thông khí tim trái các số 10-20 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon mềm. - Kích thước: Các cỡ: 10-20 Fr; 40,6 cm. 2. Tính năng công nghệ: Cấu tạo dễ dàng hút mà không làm tổn thương mô, có nhiều lỗ hút phân tán ở vùng đầu dạng thẳng hoặc đầu vuông góc. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	160		
443	Cannula tĩnh mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: nhựa trong suốt - Kích thước: 3mm, chiều dài 2 in (5.1 cm). 2. Tính năng, công nghệ: Cannula mạch máu để truyền cho đoạn tĩnh mạch ghép hoặc giúp kiểm tra mạch thu sẽ được sử dụng để ghép. - Các ống thông này có thân trong suốt hoặc cản quang và có sẵn với hoặc không có van một chiều. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	140		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
444	Cannula tĩnh mạch 1 nòng từ 19Fr đến 29Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phủ chất chống đông máu Bioline. - Kích thước: Các cỡ đường kính từ 19Fr đến 29Fr, chiều dài 38cm hay 55cm. 2. Tính năng, công nghệ: Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS hoặc PLS. Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định ống, miếng dán cố định bằng nhựa.	Cái	20		
445	Cannula tĩnh mạch thẳng 1 tầng các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC - Kích thước: Chiều dài tổng cộng 30.5 - 38.1 cm, Các cỡ 12-40Fr , co nối 3/8 in (0.95cm) và 1/4 in (0.64cm) 2. Tính năng, công nghệ: Các cannula này được chỉ định để thu thập máu tĩnh mạch từ bên phải tim thông qua tĩnh mạch chủ trên và dưới - Gồm một thân PVC quấn dây với một mũi hình viên đạn đa cổng, thành mỏng, trong suốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	140		
446	Cannula truyền dịch	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: ống nối dẻo - Kích thước: Chiều dài tổng thể 2 in (5.1cm) với co nối 1/4 in (0.64cm) 2. Tính năng, công nghệ: Đầu kết nối có vành, dùng để nối ống 1/4 in với ống nối luer cái có khóa. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	80		
447	Cannula truyền dung dịch liệt tim lỗ vành lưu lượng cao các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicone, thép không gỉ - Kích thước: Chiều dài tổng thể 7,5 in (19,1 cm).Kích cỡ: 12 Fr (4.0 mm) 2. Tính năng, công nghệ: Cannula truyền dung dịch liệt tim lỗ vành lưu lượng cao 45o, 90o,trục bằng thép không gỉ , dễ uốn cong, đầu cản quang dạng lỗ hoặc silicon mềm, cổng kết nối luer cái. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	80		
448	Ca-nuyn (cannula)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC - Kích thước: 15-29 Fr (5.0 mm-9.7mm), chiều dài đầu tip 23.6 in (60 cm), chiều dài tổng 30in (72.2 cm) 2. Tính năng, công nghệ: Cannula tĩnh mạch đùi 2 hoặc đa tầng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể, có thiết kế thành mỏng, chống xoắn, giúp tối đa hóa lưu lượng dòng chảy, Các lỗ bên được định vị trong SVC và IVC gần tĩnh mạch gan cho phép dẫn lưu kiểu bi caval và cô lập tâm nhĩ phải tùy chọn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	30		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
449	Ca-nuyn (cannula) cỡ 23G	1. Thông số kỹ thuật: Kích cỡ: - Độ dài: 50mm hoặc 70mm - Đường kính ngoài: 0.65 mm - Đường kính trong: 0.55 mm - Cỡ kim tạo khoang: 23G 2. Tính năng, công nghệ: - Kim tiêm đầu tù, lỗ nằm trong thân kim, đường kính trong rộng, thành mỏng, mặt cắt sử dụng công nghệ đánh bóng Micro hoặc tương đương	Cái	400		
450	Ca-nuyn (cannula) cỡ 25G	1. Thông số kỹ thuật: Kích cỡ: - Độ dài: 40mm hoặc 50mm hoặc 70mm - Đường kính ngoài: 0.50 mm - Đường kính trong: 0.40 mm - Cỡ kim tạo khoang: 25G 2. Tính năng, công nghệ: - Kim tiêm đầu tù, lỗ nằm trong thân kim, đường kính trong rộng, thành mỏng, mặt cắt sử dụng công nghệ đánh bóng Micro hoặc tương đương	Cái	400		
451	Ca-nuyn (cannula) động mạch đầu cong cỡ 20 - 22Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon. - Kích thước: Các cỡ 20-22 Fr (6.7 - 7.3 mm), co nối 3/8 (0.95cm) có cổng chiều dài cannula 10 in (25.4 cm). 2. Tính năng, công nghệ: Cannula động mạch chủ đầu cong nhựa 90 độ dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. Có đường đánh dấu ở ống giúp xác định hướng đầu cannula, có cổng ở đầu co nối, có cổng Luer-lock. Tiệt khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FCG-CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	200		
452	Ca-nuyn (cannula) động mạch đầu tà cỡ 18-20-22Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon. - Kích thước: cỡ 18, 20, 22Fr (6.0-7.3mm), chiều dài 12 in (30.5 cm) đầu nối có thông khí 3/8 (0.95cm). 2. Tính năng, công nghệ: Cannula động mạch đầu tà dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. Cấu tạo một tầng, thân có dây chằn lò xo chống rối, vòng chắn bức xạ hỗ trợ định vị ống thông. Tiệt khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FCG-CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	40		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
453	Ca-nuyn (cannula) động mạch đùi- tĩnh mạch cảnh, dùng tuần hoàn hoàn ngoài cơ thể, cỡ 15-17-19-21Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon. - Kích thước: Các cỡ 15-17-19-21Fr (5,0-7,0mm), với chiều dài đầu tip 18 cm, chiều dài tổng cộng 31,8 cm, cổng kết nối 3/8 (9,5mm). 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế wirewound chống xoắn hoặc tương đương, chiều dày thành 0.48 mm cho phép dòng chảy cao, đầu típ với vùng chuyển tiếp không gờ thích hợp cho sử dụng kỹ thuật Seldinger. - Tính năng: Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn hoàn ngoài cơ thể trong phẫu thuật tim ít xấm lấn. Tiệt khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FCG-CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	70		
454	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch 1 tầng mũi cong đầu kim loại, chống xoắn , cỡ 12 - 20Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon. - Kích thước: Các cỡ 12- 20Fr (4.0 - 6.7mm), co nối 1/4 (0.64cm) và 12 - 31Fr (4.0 - 10.3mm) co nối 3/8 (0.95cm) chiều dài cannula 14 in (35.6cm). 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế wirewound chống xoắn hoặc tương đương, chiều dày thành 0.48 mm cho phép dòng chảy cao, đầu típ với vùng chuyển tiếp không gờ thích hợp cho sử dụng kỹ thuật Seldinger. - Tính năng: Cannula động mạch đùi dùng tuần hoàn hoàn ngoài cơ thể trong phẫu thuật tim ít xấm lấn. Tiệt khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FCG-CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	200		
455	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch 2 tầng các cỡ 32/40Fr, 36/46Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon. - Kích thước: Các cỡ 32/40Fr (10.7/13.3mm), 36/46Fr (12.0/15.3mm), đầu nối có thông khí 1/2 in (1.27cm), chiều dài cannula 15 in (38.1cm). 2. Tính năng, công nghệ: Cannula dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. Cannulae tĩnh mạch 2 tầng đặt tại nhĩ phải có nhiều lỗ chia 2 tầng phân biệt, hệ thống dây chằng lò xo chống xoắn, thiết kế o-val. Tiệt khuẩn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FCG-CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	60		
456	Ca-nuyn (cannula) tĩnh mạch đùi, một tầng dùng trong phẫu thuật tim ít xâm lấn cỡ 19, 21, 25Fr, kèm bộ kit can thiệp qua da	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon. - Kích thước: Cỡ 19- 21- 25 Fr (6.3 - 8.3mm) với chiều dài đầu tip 23.6 in (60 cm), chiều dài tổng cộng 30 in (76.2 cm), thành mỏng 0.48mm. Đầu nối 3/8 (0.95cm). 2. Tính năng, công nghệ: Cannula tĩnh mạch đùi dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. Cannula tĩnh mạch đùi có vòng lo xo chống xoắn, thành mỏng cho dòng chảy cao, đầu tip thích hợp cho sử dụng kỹ thuật Seldinger. Kèm bộ kít can thiệp qua da. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FCG-CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
457	Ca-nuyn (cannula) truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ trong phẫu thuật tim ít xâm lấn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cannula bằng PVC trong suốt, kim bằng thép không gỉ. - Kích thước: Các cỡ (7-9Fr) chiều dài cannula 12.25 in (31 cm), đầu nối femal - luer. 2. Tính năng, công nghệ: Cannula truyền dung dịch liệt tim qua gốc động mạch chủ trong phẫu thuật tim ít xâm lấn (MiAR). Cannula có đầu chắn bức xạ, đầu tiếp tiêu chuẩn có tính năng flow-guard giúp ngừng chảy máu sau khi rút cannula. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FCG-CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	100		
458	Ca-nuyn (cannula) truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cannula bằng PVC, có đầu chắn bức xạ, kiểm soát áp lực động mạch chủ, kim chọc bằng thép không gỉ. - Kích thước: Chiều dài Ca-nuyn 2.5 in (6.4 cm), cỡ 18G (4Fr) thẳng. Chiều dài Ca-nuyn 5.5 in (14cm) cỡ 12-14Fr (7-9Fr) chữ Y. 2. Tính năng, công nghệ: Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FCG-CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	140		
459	Cáp nối catheter chẩn đoán 2, 4, 6, 8 và 10 điện cực với hệ thống thăm dò điện sinh lý tim	1. Thông số kỹ thuật: Dài 1,8m. Cáp nối catheter chẩn đoán 2, 4, 6, 8 và 10 điện cực với hệ thống thăm dò điện sinh lý tim. 2. Tính năng, công nghệ: - Cáp kết nối catheter với loại 10 pin và hệ thống thống thăm dò 10 pin có đầu bảo vệ. - Tương thích đồng thời với catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 2, 4, 6, 8 và 10 điện cực Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016; EC	Cái	3		
460	Cáp nối cho catheter (ống thông) chẩn đoán điện sinh lý sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim, loại 12 chân	1. Thông số kỹ thuật: Bao gồm 12 chân kết nối. Chiều dài: 150cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Tương thích catheter chẩn đoán, lập bản đồ có cảm ứng từ trường. Cáp được mã hóa màu sắc để dễ dàng nhận dạng. - Kênh được hướng dẫn kết nối. - Chân cắm kết nối cuối được ghi nhãn.	Cái	1		
461	Cáp nối cho catheter (ống thông) chẩn đoán điện sinh lý sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim, loại 22 chân	1. Thông số kỹ thuật: Bao gồm 22 chân kết nối. Chiều dài: 150cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Tương thích catheter chẩn đoán, lập bản đồ có cảm ứng từ trường. Cáp được mã hóa màu sắc để dễ dàng nhận dạng. - Kênh được hướng dẫn kết nối. - Chân cắm kết nối cuối được ghi nhãn.	Cái	1		
462	Cáp nối cho catheter (ống thông) chẩn đoán điện sinh lý, 10 điện cực, dài 150cm, có nút bấm tách rời catheter (ống thông) với cáp nối	1. Thông số kỹ thuật: Dài 150cm. Cáp nối cho ống thông chẩn đoán 10 điện cực, dài 1,5m. 2. Tính năng, công nghệ: nhiều màu phân biệt tránh nhầm lẫn, chân cắm được kí hiệu rõ ràng, chân mạ vàng 24K.	Cái	1		
463	Cáp nối cho ống thống (catheter) cắt đốt điện sinh lý 10 điện cực	1. Thông số kỹ thuật: Dài 150cm. 2. Tính năng, công nghệ: Chân mạ vàng 24K. Tương thích với catheter 10 điện cực.	Cái	1		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
464	Cáp nối cho ống thống (catheter) cắt đốt điện sinh lý, dài 150 - 300cm, tương thích với catheter tự động khóa độ cong	1. Thông số kỹ thuật: Dài 150 - 300cm. 2. Tính năng, công nghệ: Tương thích với ống thông Safire và nhiều loại máy phát RF, được kí hiệu rõ ràng dễ dàng nhận biết, kênh chỉ dẫn giúp kết nối nhanh chóng, thuận tiện.	Cái	50		
465	Catheter (ống thông) chẩn đoán loại 4 điện cực đầu cong cố định.	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 5F, chiều dài 110cm, đầu điện cực dài 1mm, khoảng cách điện cực 2-5-2(mm). 2. Tính năng, công nghệ: - Catheter chẩn đoán 04 điện cực, đầu cong cố định - Phần đầu uốn cong cố định theo độ cong A. - Điện cực catheter làm từ Platinum, Iridium, tăng độ cứng	Cái	3		
466	Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D, đầu uốn cong hai hướng	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 7F, khoảng cách điện cực 1-7-4(mm), chiều dài 115cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Catheter cắt đốt điện sinh lý tim 3D, đầu uốn cong 02 hướng - Có tích hợp cảm biến từ trường dẫn hướng, hỗ trợ lập bản đồ điện sinh lý tim 3D Cam kết đảm bảo trang thiết bị để sử dụng vật tư khi trúng thầu.	Cái	3		
467	Catheter chẩn đoán 10 điện cực, đầu cong cố định, 5F hoặc 6F	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Catheter chẩn đoán 10 điện cực, 5F, phần đầu uốn cong cố định, độ cong P-CS, đầu điện cực dài 1mm, khoảng cách điện cực 2-8-2mm, chiều dài 60 hoặc 110cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Điện cực catheter gồm 02 thành phần chính: 90% Platinum - có tính dẫn truyền cao, và 10% Iridium - tăng độ cứng - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016; EC; FDA (CFG)	Cái	3		
468	Catheter chạy thận 2 đường 6,5 Fr dài 11 cm	Thông số kỹ thuật: - Thân catheter nguyên liệu Polyurethan, đặc biệt hai nhánh nối phụ nguyên liệu silicon mềm, trong suốt giúp dễ quan sát và an toàn. - Chiều dài 11 cm. - Đầu tip mềm thiết kế hình nón giúp đưa vào dễ dàng, ngăn ngừa chấn thương. - Bộ gồm: Catheter 6.5Fr dài 11cm, Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.018" x 50cm, Cây nong 7Fr x 10cm, Bơm tiêm 5ml, Kim dẫn đường thẳng 20G x 4cm, Dao mổ số 11 . - Tốc độ dòng V= 81-104 ml/phút, A= 77-98 ml/phút.	Bộ	908		
469	Catheter chạy thận 2 đường 8,5 Fr dài 11 cm, kim Y	Thông số kỹ thuật: - Thân catheter nguyên liệu Polyurethan, đặc biệt hai nhánh nối phụ nguyên liệu silicon mềm, trong suốt giúp dễ quan sát và an toàn. - Chiều dài 11 cm. - Đầu tip mềm thiết kế hình nón giúp đưa vào dễ dàng, ngăn ngừa chấn thương. - Bộ gồm: Catheter 8.5Fr dài 11cm, Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.035" x 70cm, Cây nong 9Fr x 10cm, Bơm tiêm 5ml, Kim Y dẫn đường 18G x 7cm, Dao mổ số 11. - Tốc độ dòng V= 155-198 ml/phút, A= 148-190 ml/phút.	Bộ	128		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
470	Catheter chạy thận nhân tạo 2 đường 6,5-12 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter làm bằng Polyurethane loại thẳng, latex free, vô trùng. - Các cỡ: 6,5Fr dài 10/12cm, 8Fr dài 10cm, 12Fr dài 15/18cm, 18G/19G dài 7/5cm. - 1 dây dẫn dài 60cm, 2 cây nong. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	396		
471	Catheter chạy thận nhân tạo 2 nòng, cỡ 8,5 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - 2 nòng 8,5Fr, chiều dài 5 - 20cm. - Dây dẫn đường 0,025x50/60cm. - Ống nong 9Fr x 10cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	200		
472	Catheter dẫn đường dùng trong nội soi mật tụy ngược dòng (ERCP)	1. Thông số kỹ thuật: - Hình dạng đầu: tiêu chuẩn, thuôn tròn, kim loại hình nón, kim loại thuôn, kim loại đồng hồ cát - Đường kính ống dẫn 1.8 mm - Chiều dài làm việc 200 cm - Tương thích với kênh dụng cụ 2.0 mm - Tương thích dây dẫn 0.035" - Có điểm đánh dấu màu - Tiệt trùng. - Sử dụng 1 lần 2. Tính năng, công nghệ: dùng để bơm chất cản quang vào đường mật. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	20		
473	Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 5Fr, chiều dài 37cm. - Chất liệu: Nhựa PVC có cản quang để dễ dàng nhìn thấy qua X-quang. - Tốc độ truyền 31ml/phút; Thể tích mồi 0.38ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: + Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. + Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. - Truyền dịch và thuốc. - Đầu catheter thiết kế cùn giúp tránh tổn thương mạch máu 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	430		
474	Catheter lấy huyết khối silicone các cỡ 2F (dài 60cm), cỡ 3-7Fr (dài 80cm)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nguyên liệu 100% silicon, không latex, tương thích sinh học. - Kích thước: Cỡ 2F: Chiều dài 60cm, Đường kính bóng từ 4mm,Thể tích bóng từ 0,05cc. Cỡ 3-7F: Chiều dài 80cm, Đường kính bóng từ 5mm- 14mm.Thể tích bóng từ 0,10cc đến 2,0cc. 2. Tính năng, công nghệ: Catheter lấy huyết khối, Bóng chống vỡ, stylet linh hoạt khi chèn vào mạch máu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	50		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
475	Catheter nong hẹp đường mật	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài làm việc 200 cm - Ống teflon cản quang có vòng kim loại ở phía xa - Tương thích với dây dẫn 0.025-0.035inch - Đường kính ống từ 5 - 12Fr - Đường kính đầu từ 3 - 7Fr - Tương thích với kênh dụng cụ từ 2.0 - 4.2mm - Tiệt trùng. - Sử dụng 1 lần 2. Tính năng, công nghệ: dùng để nong đường mật được sử dụng để nong chỗ hẹp ở nhú và ống mật của bệnh nhân cần điều trị. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	20		
476	Catheter siêu âm lòng mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Thiết bị siêu âm nội mạch kép có khả năng phát hiện cả cấu trúc và thành phần mảng xơ vữa bằng siêu âm và ánh sáng cận hồng ngoại (IVUS và NIRS). - Sử dụng trước, trong, và sau can thiệp (PCI). - Được FDA chấp thuận để xác định những bệnh nhân và mảng bám có nguy cơ cao gặp các biến cố tim mạch bất lợi nghiêm trọng. 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Phủ hai lớp ái nước Hydrophilic 50cm. - Kích thước đầu vào 2.4F (0.80mm). - Chỉ số vượt qua 3.2F (1.09mm). - Đường kính ngoài trục đoạn gần 3.6F (1.20mm). - Tương thích hướng dẫn can thiệp 6F. - Tương thích với dây dẫn (đường kính ngoài tối đa) 0.014 inch (0.36mm). - Dải tần số IVUS: 35 - 65 MHz, mang lại độ phân giải cao HD và độ thâm nhập sâu. - Phạm vi hình ảnh 150mm. - Khoảng cách từ đoạn đầu đến hình ảnh IVUS 16mm. - Đường kính hình ảnh IVUS 16mm. - Ống bọc tăng cường theo dõi (TRS) có đường kính ngoài 3.4F. - Chiều dài làm việc 160cm. - Tiệt khuẩn EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (MDR), ISO 13485 - 2016.	Cái	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
477	Catheter siêu âm nội mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Ống thông siêu âm nội mạch (ống thông siêu âm mạch ngoại biên 30MHz), - Ống mở rộng 17.78 cm (7 in), - Xi lanh 3 cm3 (cc) và 10 cm3 (cc), - Khóa stopcock 4 ngả - Chiều dài làm việc: 135cm - Đường kính ống thông tối đa: 6F - Chiều dài ống thông 15cm - Điểm đánh dấu gần 3.6F tương đương 1.18mm - Đường kính hiển thị hình ảnh điển hình 22mm - Dải đánh dấu cản quang (RO) được lồng vào trong thân ống thông cách đầu xa 0.5 cm. - Lớp phủ hydrophillic 2. Tính năng, công nghệ: - Ống thông siêu âm nội mạch là một ống thông chụp mạch, dây ngắn, vô trùng dùng trong siêu âm kiểm tra bệnh lý mạch ngoại biên. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	80		
478	Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực cho vị trí xoang vành	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 7F - Chiều dài: 115cm - Đầu điện cực 2mm 2. Tính năng, công nghệ: - Catheter thăm dò điện sinh lý tim loại 10 điện cực, phần đầu uốn cong 02 hướng. - Gồm các dạng cong DF, FJ Cam kết đảm bảo trang thiết bị để sử dụng vật tư khi trúng thầu.	Cái	3		
479	Catheter tiêu huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Pebax, Bismuth Subcarbonate - Kích thước: 4F, 5F - Chiều dài phần mang lỗ thoát dịch, xoắn nghiêng : 5,10,20,30,40,50 cm -Chiều dài ống thông: 45, 90, 135 cm 2. Tính năng công nghệ: - Có dụng cụ bơm đi kèm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	50		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
480	Catheter Tĩnh Mạch Trung Tâm - Bộ có phủ chất kháng khuẩn, 3 nòng, dài 20cm,	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter tĩnh mạch trung tâm hai lớp chất liệu (polyurethan và chuỗi polymebiguanide tương tự polyhexanide sát khuẩn), đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G16, G18,G18 2. Tính năng, công nghệ: - Kim dẫn chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí. - Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn. - Đầu nối catheter có valve 2 chiều Safsite, tránh nhiễm khuẩn. - Tốc độ dòng chảy :46/22/22 (ml/min) (ml/min) - Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	2.934		
481	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng cỡ 7F x 20cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane. Dây dẫn J làm bằng hợp kim. - Kích thước: 2 nòng kích cỡ 7F x 20cm. 2. Tính năng, công nghệ: Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, có kim, bơm tiêm, cây nong.	Cái	150		
482	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng tốc độ cao, cỡ 720, kim V	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter bằng chất liệu Polyurethan. - Đường kính ngoài 7 Fr, chiều dài 20cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G14, G18. 2. Tính năng công nghệ: - Kim dẫn chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí. - Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn. - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. - Đầu nối catheter có valve 2 chiều Safsite, tránh nhiễm khuẩn. - Tốc độ dòng chảy 100/27 ml/min. - Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cây	2.700		
483	Cây đẩy chỉ	1. Thông số kỹ thuật: - Được thiết kế vừa vặn với trocar nhỏ tới 6mm. - Sử dụng được với mô dày lên tới 16mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Là dụng cụ dùng với súng bắn chỉ. - Có đầu trước chắc chắn giúp tránh được các mũi khâu cũ. - Sử dụng cho nhiều phẫu thuật khác nhau giúp khâu mô và đẩy chỉ FiberWire. - Dễ sử dụng, đẩy chỉ từng bước. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	2.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
484	Cây đẩy chỉ	1. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu: Nitinol phủ vàng. - Kích thước: + Đường kính mũi đẩy chỉ: 0.33 mm. + Đường kính thân đẩy chỉ: 1.57 mm. + Chiều dài: 254.5 mm. - Là dụng cụ dùng với súng bắn chỉ. - Có đầu trước chắc chắn giúp tránh được các mũi khâu cũ. - Sử dụng cho nhiều phẫu thuật khác nhau giúp khâu mô và đẩy chỉ FiberWire. - Dễ sử dụng, đẩy chỉ từng bước. 2. Tính năng, công nghệ: - Được thiết kế vừa vặn với trocar nhỏ tới 6 mm. - Sử dụng được với mô dày lên tới 16 mm.	Cây	3.240		
485	Cây gắp chỉ, đóng lỗ trocar	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polycarbonate GE LEXAN hoặc tương đương, thép không rỉ 302, 304. 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng gắp chỉ, đóng lỗ trocar 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cây	20		
486	Cây móc chỉ nội soi khớp, cong 45 độ	1. Thông số kỹ thuật: - Là dụng cụ phẫu thuật được sử dụng để đưa chỉ qua mô trong quá trình phẫu thuật nội soi - Kích thước: 275 x 16 mm đối với loại cong 90 độ, 287 x 16 mm đối với loại cong 45 độ - Chất liệu: tay cầm bằng nhựa ABS, cán bằng thép không rỉ và dây luồn bằng nitinol dài 8.9cm - Cán đẩy chỉ có 4 loại: cong trái 90 độ, cong phải 90 độ, cong trái 45 độ, cong phải 45 độ 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (hoa Kỳ).	Cái	90		
487	Cây thông nòng đặt nội khí quản các số 6, 10, 14 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim loại mảnh dễ uốn, phủ lớp nhựa mỏng bên ngoài. - Kích thước: Ống 6CH dài 305mm, 10CH dài 390mm, 14CH dài 420mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	2.158		
488	Chạc ba ngã chống nứt gãy cỡ 25cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC. - Kích thước: Chịu áp lực dưới 2 bar. Dây nối dài 25 cm. Thể tích mồi 1.6ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc. - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	47.730		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
489	Chạc ba ngã dịch truyền có dây nối cỡ 10cm	1. Thông số kỹ thuật: - Thân chạc 3 chất liệu PVC: Cổng tiêm truyền chất liệu HD-Polyethylene, Trục chất liệu Polycarbonate, Nút chặn chất liệu Polypropylene, nắp bảo vệ chất liệu LD-polyethylene, núm vặn chất liệu MD-Polyethylene. - Kích thước: thể tích đuổi khí: 0.22ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Chạc 3 dịch truyền có dây nối 10cm để kết nối đường truyền tĩnh mạch. - Thân chạc 3 có khóa xoay 360 độ thuận tiện - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn giới hạn đặc biệt không có rò rỉ dịch ở mức 300kPa (hoặc 44psi) trong 30 giây ở 23°C, cho phép thực hiện với các tất cả các loại dịch truyền thông thường và các loại dịch truyền lipid hoặc các loại thuốc chống ung thư mà không nứt vỡ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	29.740		
490	Chạc ba ngã dịch truyền không dây nối	1. Thông số kỹ thuật: - Thân chạc 3 chất liệu PVC: Cổng tiêm truyền chất liệu HD-Polyethylene, Trục chất liệu Polycarbonate, Nút chặn chất liệu Polypropylene, nắp bảo vệ chất liệu LD-polyethylene, núm vặn chất liệu MD-Polyethylene. - Kích thước: Chạc 3 có khóa xoay 360 độ thuận tiện, thể tích đuổi khí 0.22ml. Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn giới hạn đặc biệt không có rò rỉ dịch ở mức 300kPa (hoặc 44psi) trong 30 giây ở 23°C. 2. Tính năng, công nghệ: Chạc 3 dịch truyền không dây dùng để kết nối đường truyền tĩnh mạch.cho phép thực hiện với các tất cả các loại dịch truyền thông thường và các loại dịch truyền lipid hoặc các loại thuốc chống ung thư mà không nứt vỡ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	4.055		
491	Chạc ba ngã, khóa ba ngã	1. Thông số kỹ thuật: - Chịu được áp lực cao lên đến 1.23MPa (12.3bar, 178psi) tương thích với các loại dịch truyền. - Thân làm bằng Polycarbonate. Khóa làm bằng polyethylene. Nút đậy làm bằng Polypropylene. - Không Pyrogenic, non Toxic. - 1 đầu kết nối dương, 2 đầu kết nối âm, khóa xoay 360 độ. - Tiệt trùng bằng EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).	Cái	680		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
492	Chạc ba ngã, khóa ba ngã truyền dịch có dây nối	1. Thông số kỹ thuật: - Chạc 3 dịch truyền có dây nối 10cm để kết nối đường truyền tĩnh mạch. - Chất liệu: Thân chạc 3 chất liệu Polycarbonate; Cổng tiêm truyền chất liệu HD-Polyethylene; Trục: chất liệu Polycarbonate; Nút chặn: chất liệu Polypropylene; Nắp bảo vệ: chất liệu LD-polyethylene; Núm vặn: chất liệu MD-Polyethylene. 2. Tính năng, công nghệ: - Thân chạc 3 có khóa xoay 360 độ thuận tiện. - Thể tích đuổi khí: 0,8ml. - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn giới hạn đặc biệt không có rò rỉ dịch ở mức 300kPa (hoặc 44psi) trong 30 giây ở 23 độ C, cho phép thực hiện với các tất cả các loại dịch truyền thông thường và các loại dịch truyền lipid hoặc các loại thuốc chống ung thư mà không nứt vỡ. - Tiệt khuẩn bằng tia xạ vật lý E-beam (Beta).	Cái	31.500		
493	Chạc ba ngã, khóa ba ngã truyền dịch không dây nối	1. Thông số kỹ thuật: - Chạc 3 dịch truyền không dây dùng để kết nối đường truyền tĩnh mạch. - Thân chạc 3 chất liệu Polycarbonate. - Cổng tiêm truyền: chất liệu HD-Polyethylene; Trục: chất liệu Polycarbonate; Nút chặn: chất liệu Polypropylene; Nắp bảo vệ: chất liệu LD-polyethylene; Núm vặn: chất liệu MD-Polyethylene. 2. Tính năng, công nghệ: - Chạc 3 có khóa xoay 360 độ thuận tiện. - Thể tích đuổi khí 0,22ml. - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn giới hạn đặc biệt không có rò rỉ dịch ở mức 300kPa (hoặc 44psi) trong 30 giây ở 23°C, cho phép thực hiện với các tất cả các loại dịch truyền thông thường và các loại dịch truyền lipid hoặc các loại thuốc chống ung thư mà không nứt vỡ. - Tiệt khuẩn bằng tia xạ vật lý E-beam (Beta).	Cái	12.100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
494	Chăn làm ấm 198cm x 6cm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 198cm x 60 cm (± 1cm) - Trọng lượng: ≤ 110g - Chất liệu vải không dệt polypropylene 30-35%, chất dính <5%, mềm, thoải mái, nhẹ, không phóng xạ, không có cao su. Không nhìn thấy trong hình ảnh chụp X- Quang. 2. Tính năng, công nghệ: - Chăn làm ấm dùng trong quá trình phẫu thuật. - Có thể uốn cong linh hoạt và phù hợp với nhiều tư thế phẫu thuật. - Phân bổ nhiệt bằng khí đối lưu, phủ đồng nhất trên toàn bộ chăn thông qua các kênh kết nối luồng khí bên trong chăn, - Có hệ thống các lỗ nhỏ được phân bố đều trên chăn giúp không khí nhanh chóng tiếp xúc khắp bề mặt da một cách tối ưu. - Có màng phủ phần đầu trong suốt để giữ không khí ấm quanh đầu bệnh nhân, - Chất liệu mềm, nhẹ, thoải mái và không nhìn thấy trong hình ảnh chụp X - quang, - Có lỗ thoát chất lỏng trên chăn giữ cho bệnh nhân luôn khô ráo và không bị lạnh do tiếp xúc trực tiếp với dịch, - Hai cổng vòi có thể bịt kín có thể kết nối với máy làm ấm một cách linh hoạt và thuận tiện. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CFG - FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu), 4. Xuất xứ: G7	Cái	220		
495	Chăn làm ấm 91cm x 213cm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 91cm x 213cm (± 2cm), trọng lượng ≤ 145g - Chất liệu vải không dệt polyproylene 45 - 65% 2. Tính năng, công nghệ: - Chăn làm ấm toàn thân, truyền nhiệt tối đa với chăn ôm sát bệnh nhân, - Tấm che chân giảm thiểu nguy cơ chấn thương nhiệt cho bàn chân và vùng chi dưới, - Vạt gài tích hợp ở vai giúp duy trì vị trí chăn, - Phân bổ nhiệt đều thông qua các kênh kết nối luồng khí bên trong chăn, - Có hệ thống các lỗ nhỏ được phân bố đều trên chăn giúp không khí nhanh chóng tiếp xúc khắp bề mặt da một cách tối ưu, - Chất liệu bền, mềm, nhẹ, thoải mái, không phóng xạ, không chứa cao su và không nhìn thấy trong hình ảnh chụp X - quang. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CFG - FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu), 4. Xuất xứ: G7	Cái	10.000		
496	Chặn lưỡi (airway) nhựa	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu nhựa. - Kích cỡ bên trong: 21mm x 26mm hoặc 13mm x 20mm. 2. Tính năng, công nghệ: Ngáng miệng có 2 loại: tiêu chuẩn dành cho người lớn và loại dành cho trẻ em.	Hộp	20.494		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
497	Chặn lưỡi (airway) nhựa số 0, 1,2, 3, 4	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa Polyethylen màu trắng, không độc hại. - Kích thước: Chuôi khối cắn mỗi size có màu riêng biệt, size số 0 (60mm,màu đen), số 1 (70mm, màu trắng), số 2 (80mm, màu xanh lá), số 3 (90mm, màu vàng), số 4 (100mm, màu đỏ).	Cái	74.517		
498	Chất nhầy hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco 1.1ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sodium Hyaluronate (NaHA); nồng độ 1,8%; lên men sinh học. - Kích thước: Thể tích ống syringe 1.1ml; trọng lượng 20mg; ống tiêm đầy chứa sẵn . Độ pH 6,8-7,5; độ thẩm thấu từ 250 - 350 (mOsm/ l), trọng lượng phân tử 850.000-1.400.000 Dalton. Độ nhớt động ≥1000 mPas, độ nhớt tĩnh 19500 CPS; độ nhớt cắt 19,5 PA s. Tỷ số kết dính/phân tán là 25% asp/100mmHg. 2. Tính năng, công nghệ: Dịch nhầy sử dụng cho phẫu thuật phaco. Không có chứa latex. Sản phẩm được khử trùng bằng khí EO.	Ống	1.520		
499	Chất nhầy hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco loại 1ml	1. Thông số kỹ thuật: - Dịch nhầy Sodium Hyaluronate (NaHa) 2.0%. - Trọng lượng phân tử: 2.4 million daltons, Độ nhớt: 40.000 - 60.000 mPa.s - Độ thẩm thấu: 250-350 mOsmol/l. Độ PH: 7.0-7.5; Chiết suất 1.337 – 1.338 - Tạp chất sinh học < 25 CFU/ml aerobics; Endotoxins < 0.2 EU/ml - Thành phần: NaCl (8.5); Na2HPO4 ·12H2O (0.6); NaH2PO4 ·2H2O (0.05), nước (q.s.) - Dịch nhầy chứa trong xilanh. Dùng với đầu kim 27G. 2. Tính năng, công nghệ: - Dịch nhầy dùng cho mổ Phaco 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Ống	200		
500	Chất nhầy hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco ống 0.4ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sodium Hyaluronate (NaHA); nồng độ 1,8%; lên men sinh học. - Kích thước: Dịch nhầy PROVISC: ống 0.4ml chứa sodium hyaluronate 10mg/ml, Dịch nhầy VISCOAT: Ống 0.35 ml chứa sodium chondroitin sulfate 40mg/ml, sodium hyaluronate 30mg/ml. 2. Tính năng, công nghệ: Dịch nhầy sử dụng cho phẫu thuật phaco. Không có chứa latex. Sản phẩm được khử trùng bằng khí EO.	Ống	1.500		
501	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco	1. Thông số kỹ thuật: - Dịch nhầy Hydroxypropyl methylcellulose 2% HPMC, nguồn gốc thực vật. - Độ thẩm thấu: 200 - 400 mOsm/Kg, PH: 6,8 đến 7,6. - Độ nhớt Viscosity: 30,000 - 50,000 cps. - Ống 2ml cùng với đầu kim 23G. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Ống	500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
502	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Sodium Hyaluronate (NaHA) 1,6% dùng trong phẫu thuật nhãn khoa. - Thể tích: 1ml. - Độ nhầy: 30,000 - 60,000. - Độ thẩm thấu: 200 - 400 mOsm/Kg. - Độ PH 6,8 đến 7,6. - Nguồn gốc lên men vi khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Ống	500		
503	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Natri Hyaluronate 2% (20mg/ml). - Trọng lượng phân tử: 3.000.000 daltons. - Độ thẩm thấu: 300 – 350 mOsm/kg. - Độ pH: 6.8 đến 7.6. - Độ nhớt: 900.000 mPas. - Độ dẻo: 240 . - Thể tích ống 1.1ml. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	1.300		
504	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật nội nhãn, Protectalon 1.8% hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Hyaluronate Sodium 1.8%. Mỗi ml gồm 18mg Hyaluronate Sodium, 9,0 mg sodium chloride, 0,28 mg disodium hydrogen phosphate dihydrate, 0,045 mg sodium dihydrogen phosphate dihydrate. - Thông số: ống 1,1 ml; trọng lượng phân tử: 3 triệu Dalton; độ nhầy: 600.000 mPas; độ thẩm thấu 300 - 350 mOsmol/kg; độ pH 6,8-7,6. 2. Tính năng, công nghệ: Chất nhầy phẫu thuật nội nhãn.	Ống	1.300		
505	Chất tắc mạch dạng lỏng Onyx	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: EVOH với thành phần 48 mol/l Ethylene và 52 mol/l Vinyl alcohol hòa tan trong dung môi DMSO với 2 tỷ lệ khác nhau Onyx-18 (6% EVOH),Onyx -34 (8% EVOH). - Thông số: 01 bộ Onyx bao gồm: + 01 lọ đựng onyx thể tích 1,5 ml. + 01 lọ đựng DMSO thể tích 1.5 ml. + 3 bơm thể tích 1ml: 02 cái mầu trắng dùng cho Onyx, 01 cái mầu vàng dùng cho DMSO. 2. Tính năng, công nghệ: Chất tắc mạch vĩnh viễn, Onyx 18 được dùng cho các ổ dị dạng phức tạp, Onyx 34 dùng cho các ổ dị dạng có lưu lượng lớn.	Lọ	6		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
506	Chỉ bản dẹt đa sợi siêu bền	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ bản dẹt đa sợi siêu bền - Chất liệu: UHWMPE - Kích thước: chỉ bản dẹt 1.5mm / 2.0mm; chiều dài từ 7" (17,78cm) đến 38" (96,52cm) 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ bản dẹt giảm thiểu khả năng lực cắt vào gân, dây chằng, mô mềm. Lớp phủ silicon bề mặt giúp chỉ mềm mại và dễ thắt nút hơn. Độ bền cơ học lên đến 1.023N. - Đóng gói tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu); ISO 13485	Sợi	200		
507	Chỉ Catgut 3.0	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Cái	10.300		
508	Chỉ Catgut 3.0	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c hoặc kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Cái	5.944		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
509	Chỉ có gai đơn sợi tổng hợp có chất kháng khuẩn số 3/0 dài 23 cm, 1 kim tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tan tổng hợp đơn sợi kháng khuẩn phức hợp polyglecaprone 25 + triclosan số 3/0 dài 23cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Chỉ dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%, thời gian giữ vết thương 1 - 2 tuần, thời gian tan hoàn toàn 90 - 120 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu).	Tép	240		
510	Chỉ co nướu	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cotton, sợi bện. - Được dệt thành hàng ngàn vòng nhỏ để bện thành sợi dài lồng vào nhau. - Sự dịch chuyển mô tối ưu trong vòng 3-8 phút. - Màu sắc tươi sáng dễ nhận biết Không quấn vào mũi khoan kim cương. - Lưỡi cắt bằng thép carbon sắc bén và thước đo tích hợp trên hộp giúp cắt chỉ nhanh và chính xác.	Hộp	317		
511	Chỉ đa sợi siêu bền khâu gân dạng vòng	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ đa sợi siêu bền khâu gân dạng vòng WilSuture Loop - Chất liệu: UHWMPE - Kích thước: chỉ số 2; chiều dài 25" (63,5cm) 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ dạng vòng không thắt nút, khâu nhanh hơn, giảm 50% số mũi khẩu trên gân, giảm tổn thương gân ghép. - Bộ phận đi kèm: kim khâu gân, dạng thẳng 75mm bằng thép không gỉ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Sợi	80		
512	Chỉ dùng trong nội soi khớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyethylene Cao phân tử siêu bền (UHMWPE), thiết kế có kim bằng chất liệu thép không gỉ. Cỡ chỉ #2, #5. - USP 5 màu trắng chiều dài 900mm Lực kéo: 378,2N - USP 5 màu trắng, xanh chiều dài 900mm Lực kéo: 336,8N - USP 5 màu xanh chiều dài 600mm Lực kéo: 309,04N 2. Tính năng, công nghệ: - Cố định mô mềm trong nội soi khớp. - Thiết kế liền kim thép không gỉ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Sợi	560		
513	Chỉ dùng trong nội soi khớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: UHMWPE. - Kích thước:Độ dài 38 inch và kim cắt ngược 1/2 vòng tròn. 2. Tính năng, công nghệ: Dùng trong nội soi khớp.	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
514	Chỉ dùng trong nội soi khớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ siêu bền đa sợi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) - Kích thước: Chỉ số 2, dài 100 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Cái	200		
515	Chỉ dùng trong nội soi khớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ siêu bền đa sợi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) - Kích thước: Chỉ số 2, dài 100 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	200		
516	Chỉ dùng trong nội soi khớp dài 39 inch (99cm), đầu kim dạng bán nguyệt loại MO-6, dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: UHMWPE - Kích cỡ: Chiều dài 39 inch (99cm). Đầu kim dạng bán nguyệt loại MO-6, dài 26mm 2. Tính năng, công nghệ: Chỉ siêu bền #2, màu trắng/xanh để dễ dàng quan sát 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	480		
517	Chỉ khâu dây chằng van 2 lá, không tiêu, kim dài 18 mm, chiều dài 12 - 24 mm, đường kính 2/0	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu chất liệu ePTFE sợi đơn, không tiêu. - Cấu tạo: 3 đôi chỉ khâu dây chằng, 1 đôi chỉ khâu cơ nhú, 2 miếng gạc PTFE: một cố định, một rời, kim dài 18 mm. - Chiều dài các cỡ: 12 mm, 16 mm, 20 mm, 24 mm. - Đường kính 2/0. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	60		
518	Chỉ khâu gân	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lõi bằng UHMWPE, lớp ngoài bằng polyethylene. - Kích thước: bản rộng 1.3mm, dài 91.4 cm, kèm kim dài 26.5mm, đường kính kim 8.76mm. - Màu sắc: trắng xanh. - Lực tải tối đa là 286N. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	2.620		
519	Chỉ khâu gân	1. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu: chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bện của Polyester và UHMWPE giúp cho chỉ khâu siêu chắc chắn, linh hoạt và chống mài mòn, phù hợp cho các ca phẫu thuật chấn thương chỉnh hình. - Lõi chỉ được thiết kế riêng cho khả năng thao tác và chịu lực vượt trội. - Thân chỉ màu xanh dễ quan sát. - Chỉ dài 38inches liền kim 26,5mm hình dạng 1/2 vòng tròn. - Lực tải tại mức dịch chuyển 3mm là 46 lbf (tải trọng động), tương đương 204.6N. - Lực tải tối đa đạt 88Ib, tương đương 391.5Nm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	480		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
520	Chỉ khâu gân loại dẹt	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lõi bằng UHMWPE, lớp ngoài bằng polyethylene. - Kích thước: bản rộng 1.3mm, dài 91.4 cm, kèm kim dài 26.5mm, đường kính kim 8.76mm. - Màu sắc: trắng xanh. - Lực tải tối đa là 286N. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	2.340		
521	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 5/0 dài 75 cm, kim dài 17 mm	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 5/0 dài 75cm, kim dài 17mm. 2. Tính năng công nghệ: - Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt. - Kích cỡ: số 5/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 17mm, công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. - Lực căng kéo nút thắt 10,04N. - Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	3.940		
522	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 5/0 dài 75 cm, kim dài 17 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	696		
523	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 1 dài 75cm, kim tròn dài 40 mm, 1/2C dài 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	3.296		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
524	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 1 dài 75cm, kim tròn dài 40 mm, 1/2C dài 40mm	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk, chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Chỉ số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm - Kim thép 302 phủ silicon	Sợi	4.120		
525	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 1, không kim, 1 sợi	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 1, không kim,1 sợi , dài 150 cm.. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.200		
526	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2C dài 37 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi Silk không tiêu, kim phủ silicon. - Kích thước: Số 1/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 37mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tiêu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Sợi	4.280		
527	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2C dài 37 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	5.200		
528	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 2/0 dài 75cm, không kim, 12 sợi × 75 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Đa sợi silk Số 2/0 dài 75cm, không kim, 12 sợi x 75cm. - Tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Tép	2.796		
529	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 2/0 dài 75cm, không kim, 12 sợi × 75 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 2/0, không kim, 12 sợi x 75cm.. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	592		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
530	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đa sợi silk, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và được bao phủ silicon Số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 1/2C 26mm. - Tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Tép	12.320		
531	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	4.004		
532	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 3/0 dài 75 cm, kim tam giác 1/2C dài 18 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đa sợi silk, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và được bao phủ silicon số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 1/2C 18mm - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Tép	7.724		
533	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 3/0 dài 75 cm, kim tam giác 1/2C dài 18 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	4.734		
534	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 3/0 dài 75 cm, kim tam giác 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đa sợi silk, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và được bao phủ silicon số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 1/2C 26mm. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Tép	9.868		
535	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 3/0 dài 75 cm, kim tam giác 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	6.300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
536	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 3/0, không kim, 1 sợi	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, không kim,1 sợi , dài 150 cm.. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	836		
537	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 1/2C 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đa sợi silk, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và được bao phủ silicon Số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 1/2C 16mm. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Tép	2.350		
538	Chỉ khâu không tiêu, loại đa sợi silk, số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 1/2C 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	4.152		
539	Chỉ khâu không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 1/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 40 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Không tiêu đơn sợi polyamide 6,6, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và kim được bao phủ silicon Số 1/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 40mm. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Tép	7.152		
540	Chỉ khâu không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 1/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 40 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 1, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.624		
541	Chỉ khâu không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6/66, số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đơn sợi polyamide, kim thép không gỉ phủ silicone Số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 26 mm. - Lực tách kim chỉ cao hơn 20-60% so với USP. - Đóng gói bằng bao Tyvek và Polyethylene. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	5.604		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
542	Chỉ khâu không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6/66, số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	15.400		
543	Chỉ khâu không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6/66, số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: Đơn sợi polyamide, kim thép không gỉ phủ silicone số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 26mm, lực tách kim chỉ cao hơn 20-60% so với USP. 2. Tính năng công nghệ: - Lực tách kim chỉ cao hơn 20-60% so với USP. - Đóng gói bằng bao Tyvek và Polyethylene. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	22.808		
544	Chỉ khâu không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6/66, số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.984		
545	Chỉ khâu không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6/66, số 4/0 dài 45 cm, kim tam giác 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Đơn sợi Polyamide 6/66, kim thép 301 không gỉ siêu bền phủ silicone Số 4/0 dài 45 cm, kim tam giác 3/8C dài 20 mm. - Lực tách kim chỉ cao hơn 20-60% so với USP. - Đóng gói bằng bao Tyvek và Polyethylene. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	8.354		
546	Chỉ khâu không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 2/0 dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 25 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ được làm từ đồng phân lập thể tinh thể đẳng hướng của polypropylene (polyolefin mạch thẳng tổng hợp). - Kim thép không gỉ 302 phủ silicone. - Chỉ số 2/0, dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt 25mm 1/2c. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Tép	3.620		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
547	Chỉ khâu không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 2/0 dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 25 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 2/0, dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.240		
548	Chỉ khâu không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 20 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 20 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	1.620		
549	Chỉ khâu không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 20 mm	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi từ Polypropylen. - Chỉ số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt CC 1/2c, dài 20 mm. - Kim thép 302 phủ silicon.	Sợi	3.640		
550	Chỉ khâu không tiêu, loại nâng đỡ mô bằng silicone, 2 sợi dài 45 cm, rộng 1,5 mm, màu đỏ	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu không tiêu, loại nâng đỡ mô bằng silicone 2 sợi dài 45cm, rộng 1.3mm - 1.5mm, màu đỏ. - Nâng đỡ mô bằng silicone. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Tép	48		
551	Chỉ khâu không tiêu, loại nâng đỡ mô bằng silicone, 2 sợi dài 45 cm, rộng 1,5 mm, màu đỏ	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu không tiêu, loại nâng đỡ mô bằng silicone 2 sợi dài 45cm, rộng 1.5mm, màu đỏ. - Nâng đỡ mô bằng silicone. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Tép	240		
552	Chỉ khâu không tiêu, loại nâng đỡ mô bằng silicone, 2 sợi dài 45cm, rộng 1,5 mm, màu vàng	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu không tiêu, loại nâng đỡ mô bằng silicone 2 sợi dài 45cm, rộng 1.3mm - 1.5mm, màu vàng. - Nâng đỡ mô bằng silicone. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Tép	288		
553	Chỉ khâu không tiêu, loại nâng đỡ mô bằng silicone, 2 sợi dài 45cm, rộng 1,5 mm, màu vàng	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu không tiêu, loại nâng đỡ mô bằng silicone 2 sợi dài 45cm, rộng 1.5mm, màu vàng. - Nâng đỡ mô bằng silicone. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Tép	240		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
554	Chỉ khâu không tiêu, loại nylon, số 10/0 dài 30 cm, hai kim tiết diện hình thang chiều dài 6 mm, đường kính 0,14 mm, độ cong 3/8	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	3.760		
555	Chỉ khâu không tiêu, loại silk, số 3/0 dài 150 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, không kim, dài 150 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	550		
556	Chỉ khâu không tiêu, loại sợi bện tổng hợp polyester, số 3/0, dài 90cm, kim dài 20 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Polyester, được bao phủ bởi silicone. - Chỉ số 3/0, sợi chỉ dài 90cm. - Kim được phủ silicon, dài 20mm, cong 1/2 vòng tròn. 2. Tính năng công nghệ: 2 kim tròn đầu nhọn CV-316 sắc bén. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	2.240		
557	Chỉ khâu không tiêu, loại sợi bện tổng hợp polyester, số 3/0, dài 90cm, kim dài 20 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đa sợi bện polyester, phủ silicon - Kích thước: số 3/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 20 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.600		
558	Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ dạng xoắn, dài ≥ 50 mm, kim 29G, dài 38 mm	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu liền kim, dùng trong thẩm mỹ - Chất liệu chỉ: Polydioxanone, thân kim bằng thép không gỉ, đốc kim bằng nhựa. - Chiều dài chỉ 50 mm, có mút xốp giữ chỉ, có nắp đậy phần kim và chỉ, chỉ đơn xoắn dọc thân kim. - Kim đầu nhọn dài 38 mm, 29G 2. Tính năng, công nghệ: - Thời gian tiêu tối thiểu 6 tháng. - Tiệt khuẩn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Sợi	2.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
559	Chỉ khâu tiêu chậm Glycomer, số 1, dài 90 cm, 1 kim dài 37mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu tiêu chậm, đơn sợi tổng hợp. - Chỉ bằng Glycomer 631 (gồm 60% glyclide, 14% dioxanone, 26% trimethylene carbonate), số 1, dài 90 cm. - Đạt lực khỏe bằng 75% tiêu chuẩn dược điển Mỹ và Châu Âu sau 2 tuần và khoảng 40% sau 3 tuần. - Tan hoàn toàn sau 90-110 ngày. - 1 Kim tròn đầu nhọn, phủ silicone, 1/2C dài 37mm. - Tiệt khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	tép	4.900		
560	Chỉ khâu tiêu chậm Glycomer, số 2, dài 75 cm, 1 kim dài 26 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu tiêu chậm, đơn sợi tổng hợp. - Chỉ bằng Glycomer 631 (gồm 60% glyclide, 14% dioxanone, 26% trimethylene carbonate), số 2/0, dài 75cm. - Đạt lực khỏe bằng 75% tiêu chuẩn dược điển Mỹ và Châu Âu sau 2 tuần và khoảng 40% sau 3 tuần. Tan hoàn toàn sau 90-110 ngày. - 1 Kim tròn đầu nhọn phủ silicone, 1/2C dài 26mm. - Tiệt khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	tép	1.600		
561	Chỉ khâu tiêu chậm Glycomer, số 3, dài 75 cm, 1 kim dài 26 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu tiêu chậm, đơn sợi tổng hợp. - Chỉ bằng Glycomer 631 (gồm 60% glyclide, 14% dioxanone, 26% trimethylene carbonate), số 3/0, dài 75cm. - Độ bền nút ≥ 2 tuần và khoảng 40% sau 3 tuần. Tan hoàn toàn sau 90-110 ngày. - 1 Kim tròn đầu nhọn phủ silicone sắc bén giúp giảm tình trạng ăn mòn kim, công nghệ Nucoat (hoặc tương đương), 1/2C dài 26mm. - Tiệt khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	tép	3.250		
562	Chỉ khâu tiêu chậm Glycomer, số 4, dài 75 cm, 1 kim dài 22 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu tiêu chậm, đơn sợi tổng hợp. - Chỉ bằng Glycomer 631 (gồm 60% glyclide, 14% dioxanone, 26% trimethylene carbonate), số 4/0, dài 75cm. - Độ bền nút ≥ 2 tuần và khoảng 40% sau 3 tuần. Tan hoàn toàn sau 90-110 ngày. - Tiệt khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	tép	1.120		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
563	Chỉ khâu tiêu chậm polyglyconate, số 0, dài 90 cm, 1 kim dài 40 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu tiêu chậm, đơn sợi tổng hợp. - Chỉ bằng polyglyconate (copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate), số 0, sợi chỉ dài 90cm. - Lực căng của chỉ còn 80% sau 1 tuần, 75% sau 2 tuần, 65% sau 3 tuần, 50% sau 4 tuần và còn 25% sau 6 tuần. - Tan hoàn toàn sau 180 ngày. - 1 kim tròn phủ silicone, 1/2C dài 40 mm. - Tiệt khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	tép	1.230		
564	Chỉ khâu tiêu chậm polyglyconate, số 1, dài 90 cm, 1 kim dài 40 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu tiêu chậm, đơn sợi tổng hợp. - Chỉ bằng polyglyconate thành phần copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate, số 1, sợi chỉ dài 90cm. - Tan hoàn toàn sau 180 ngày. - 1 kim tròn phủ silicone, 1/2C dài 40 mm. - Tiệt khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	tép	1.990		
565	Chỉ khâu tiêu chậm polyglyconate, số 3/0, dài 75 cm, 1 kim dài 26 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu tiêu chậm, đơn sợi tổng hợp. - Chỉ bằng polyglyconate thành phần copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate, số 3/0, sợi chỉ dài 75cm. Tan hoàn toàn sau 180 ngày. - 1 kim tròn phủ silicone sắc bén giúp giảm tình trạng ăn mòn kim bằng công nghệ Nucoat (hoặc tương đương), 1/2C dài 26 mm. - Tiệt khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	tép	3.270		
566	Chỉ khâu tiêu chậm polyglyconate, số 4/0, dài 75 cm, 1 kim dài 20 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ khâu tiêu chậm, đơn sợi tổng hợp. - Chỉ bằng polyglyconate thành phần copolymer của glycolic acid và trimethylene carbonate, số 4/0, sợi chỉ dài 75cm. - Tan hoàn toàn sau 180 ngày. - 1 kim tròn phủ silicone, 1/2C dài 20 mm - Tiệt khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	tép	1.890		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
567	Chỉ khâu tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	5.842		
568	Chỉ khâu tiêu chậm, loại đơn sợi polydioxanone, số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đơn sợi Polydioxanone. - Kim thép không gỉ Austenitic 300 được phủ Silicon. - Khả năng chịu lực kéo tối đa hơn 250 ksi. - Số 3/0 dài 75cm, kim tròn cong 1/2C dài 20mm. - Tan hoàn toàn trong 180-210 ngày. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Tép	1.570		
569	Chỉ khâu tiêu chậm, loại đơn sợi polydioxanone, số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lực căng giữ vết thương 70-80% sau 2 tuần, 60-70% sau 4 tuần, 50-60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 180 - 210 ngày. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	120		
570	Chỉ khâu tiêu chậm, loại đơn sợi Polydioxanone, số 4/0 dài 75 cm, kim tròn, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đơn sợi polydioxanone. - Kim Premium. - Số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Sợi	1.850		
571	Chỉ khâu tiêu chậm, loại đơn sợi Polydioxanone, số 4/0 dài 75 cm, kim tròn, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lực căng giữ vết thương 70-80% sau 2 tuần, 60-70% sau 4 tuần, 50-60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 180 - 210 ngày. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Sợi	24		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
572	Chỉ khâu tiêu chậm, loại đơn sợi Polydioxanone, số 5/0 dài 90 cm, 2 kim tròn dài 17 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. - Kích thước: số 5/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 17 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lực căng giữ vết thương 70-80% sau 2 tuần, 60-70% sau 4 tuần, 50-60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 180 - 210 ngày. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	458		
573	Chỉ khâu tiêu nhanh, loại đa sợi Polyglactin 910, số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác thuận 1/2c, dài 22 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác thuận 1/2c, dài 22 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 7 đến 10 ngày. Duy trì sức căng 40-50% sau 1 tuần, tan hoàn toàn trong vòng 42 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl Rapid.	Sợi	9.100		
574	Chỉ khâu tiêu nhanh, loại đa sợi Polyglactin 910, số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác thuận 1/2c, dài 22 mm	Thông số kỹ thuật: - Đa sợi polyglactin 910, Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn. - Kích thước: Số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác thuận 1/2c, dài 22 mm.	Sợi	1.724		
575	Chỉ khâu tiêu nhanh, loại đa sợi Polyglactin 910, số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đa sợi polyglactin 910. - Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn Số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác thẩm mỹ 3/8c, dài 19 mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Sợi	1.188		
576	Chỉ khâu tiêu nhanh, loại đa sợi Polyglactin 910, số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác thẩm mỹ 3/8c, dài 19 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 7 đến 10 ngày. Duy trì sức căng 40-50% sau 1 tuần, tan hoàn toàn trong vòng 42 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl Rapid.	Sợi	3.120		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
577	Chỉ khâu tiêu nhanh, loại đa sợi polyglycolic acid, số 2/0 dài 75 cm, kim HR 1/2C 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đa sợi, cấu tạo bởi 100% Polyglycolic acid có lớp phủ ngoài Polycaprolactone và calcium stearate. - Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 Số 2/0 dài 75cm, kim HR 1/2C 26mm. - Chỉ giữ được vết mổ đến 28 ngày. - Sức căng còn lại của sợi chỉ đạt 70% vào ngày thứ 14; 40% vào ngày thứ 21. - Chỉ tan hoàn toàn trong 60-75 ngày. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	8.708		
578	Chỉ khâu tiêu nhanh, loại đa sợi polyglycolic acid, số 2/0 dài 75 cm, kim HR 1/2C 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate. - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 7 đến 10 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) trong vòng 42 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 40-50% sau 1 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	3.888		
579	Chỉ khâu tiêu nhanh, loai plain catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ làm từ collagen, kim phủ silicon Số 2/0, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm. - Chỉ sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 7 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 63 ngày. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Sợi	20.830		
580	Chỉ khâu tiêu nhanh, loai plain catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tự nhiên plain catgut, làm từ collagen tinh khiết - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, màu vàng nhạt, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 7 đến 10 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	11.670		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
581	Chỉ khâu tiêu nhanh, loại plain catgut, số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tự nhiên plain catgut, làm từ collagen tinh khiết - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, màu vàng nhạt, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 7 đến 10 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	3.234		
582	Chỉ khâu tiêu nhanh, loại plain catgut, số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	Thông số kỹ thuật: - Chỉ làm từ collagen, kim phủ silicon. - Số 3/0, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm. - Chỉ sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 7 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 63 ngày.	Sợi	4.150		
583	Chỉ khâu tiêu nhanh, loại plain catgut, số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ làm từ collagen, kim phủ silicon. - Số 4/0, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26mm. - Chỉ sẽ mất sức căng khoảng 50% sau 7 ngày cấy ghép, và tự tiêu hoàn toàn trong vòng 63 ngày. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Sợi	8.220		
584	Chỉ khâu tiêu nhanh, plain catgut số 2/0 dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tự nhiên plain catgut, làm từ collagen tinh khiết - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 36 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, màu vàng nhạt, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 7 đến 10 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	11.300		
585	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi Polyglycolic acid số 3/0 dài 75 cm, kim taper point plus 26 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 60 đến 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 60-75% sau 2 tuần, 40-50% sau 3 tuần, 25% sau 4 tuần - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
586	Chỉ khâu tiêu trung bình đa sợi Polyglycolic acid số 3/0 dài 75 cm, kim taper point plus 26 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu:Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt. Kim bằng AISI 304. - Kích thước: số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm 2. Tính năng, công nghệ: - Đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. - Lực căng kéo nút thắt 22.04N. - Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	1.650		
587	Chỉ khâu tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 1, dài 90 cm, kim tròn thân dày phủ silicone 1/2C dài 40 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu (Polyglactin 910) poly(glycolide-co-l-lactid), được bao phủ Polycaprolactone and Calcium Stearate. - Kim bằng thép không gỉ AISI 302 phủ silicon. - Số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Sợi	8.310		
588	Chỉ khâu tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 1, dài 90 cm, kim tròn thân dày phủ silicone 1/2C dài 40 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Sợi	13.348		
589	Chỉ khâu tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 2/0 có chất kháng khuẩn, dài 70 cm, kim tròn SH 26 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan. - Kim bằng thép Ethalloy có phủ silicone. - Chỉ số 2/0 dài 70cm, kim dài 26mm 1/2 vòng tròn. - Kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. - Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Tép	6.328		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
590	Chỉ khâu tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 2/0 có chất kháng khuẩn, dài 70 cm, kim tròn SH 26 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	1.972		
591	Chỉ khâu tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 3/0, dài 75 cm, kim dài 26 mm, 3/8c	1. Thông số kỹ thuật: - Đa sợi Polyglactin 910. - Số 3/0, chiều dài sợi chỉ 75cm, sợi chỉ không màu, chiều dài kim 26mm, vòng kim 3/8. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Sợi	4.900		
592	Chỉ khâu tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 3/0, dài 75 cm, kim dài 26 mm, 3/8c	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 3/0 màu trắng, dài 75 cm, kim tam giác thuận thẩm mỹ 3/8c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Sợi	15.176		
593	Chỉ khâu tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 6/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 13 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, kim thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. - Chỉ số 6/0, chỉ dài 70cm. - Kim tròn 1/2 vòng tròn HR 13mm, công nghệ kim Easyslide hoặc tương đương. - Lực căng kéo nút thắt 4.91N. - Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày. - Tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Tép	80		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
594	Chỉ khâu tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 6/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn HR 13 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 6/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 13 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	2.088		
595	Chỉ khâu tiêu, loại đa sợi polyglycolic acid, số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	1. Thông sô kỹ thuật: - Chất liệu: Polyglycolic acid, được bao bọc bởi lớp Calcium stearate và polycaprolactone. - Kim thép 302 phủ silicone. - Chỉ số 2/0,dài 75cm, kim tròn dài 26mm, kim cong 1/2. - Sức căng còn 75% sau 14 ngày. - Tiêu hoàn toàn trong 60 đến 90 ngày. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Tép	3.200		
596	Chỉ khâu tiêu, loại đơn sợi Polydioxanone số 6/0 dài 45 cm, kim tròn đầu tròn plus dài 13 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ đơn sợi Polydioxanone. - 1 kim bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone. - Chỉ số 6/0 dài 45cm, kim dài 13mm 1/2 vòng tròn. - 1 kim tròn đầu tròn Taper Point Plus RB-2, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữa chặt kim khi thao tá. - Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần. - Thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Tép	144		
597	Chỉ khâu tiêu, loại đơn sợi Polydioxanone số 6/0 dài 45 cm, kim tròn đầu tròn plus dài 13 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. - Kích thước: số 6/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 13 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lực căng giữ vết thương 70-80% sau 2 tuần, 60-70% sau 4 tuần, 50-60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 180-210 ngày. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	24		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
598	Chỉ khâu tử cung	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ (Polyester) số 0, không kim, 10 sợi x 45 cm. - Kim bằng thép 302 Đóng gói ngăn khuẩn hiệu quả 2. Tính năng, công nghệ: - Kim phủ silicon XtraCoat hoặc tương đương, mũi kim UltraGlyde hoặc tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Tép	500		
599	Chỉ không tan đa sợi polyester số 2/0 dài 75 cm, 2 kim tròn 1/2C dài 18 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đa sợi bện polyester, phủ silicon - Kích thước: số 2/0, 10 sợi x 75 cm (5 xanh 5 trắng), 2 kim tròn 1/2c, dài 17 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	48		
600	Chỉ không tan đa sợi polyester số 2/0 dài 75 cm, 2 kim tròn 1/2C dài 18 mm	Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan đa sợi polyester bao bằng silicone. - Chỉ số 2/0, dài 75cm, 2 kim tròn 1/2C 18mm. - Độ bền kéo nút thắt ≥ 32N và ≥ 214% so với USP. Lực tách kim và chỉ ≥ 20.8N và ≥ 189% so với USP.	Tép	50		
601	Chỉ không tan đa sợi polyester số 2/0 dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2C 18 mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan đa sợi polyester bao bằng silicone - Kích thước: Số 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2C 25mm. pledget 3x7mm. - Độ bền kéo nút thắt ≥ 32N và ≥ 214% so với USP. Lực tách kim và chỉ ≥ 20,8N và ≥ 189% so với USP. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	700		
602	Chỉ không tan đa sợi polyester số 2/0 dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2C 18 mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đa sợi bện polyester, phủ silicon - Kích thước: số 2/0, 10 sợi x 90 cm (5 xanh 5 trắng), 2 kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 26 mm, pledget 7x3x1.5 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.800		
603	Chỉ không tan đa sợi polyester số 2/0 dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2C 18mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan đa sợi polyester bao bằng silicone. - Kích thước: Số 2/0, dài 75cm, 2 kim tròn 1/2C 18mm. - Độ bền kéo nút thắt ≥ 32N và ≥ 214% so với USP. Lực tách kim và chỉ ≥ 20,8N và ≥ 189% so với USP. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	150		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
604	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 4/0, chỉ dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 17 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5). - Kim làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. - Chỉ số 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn DR 17mm. - Lực căng kéo nút thắt 1,86N. - Tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EC (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	700		
605	Chỉ không tan tự nhiên silk số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	3.516		
606	Chỉ không tan tự nhiên silk số 1, không kim, 10 sợi x 75 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 1, không kim, 10 sợi x 75cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.450		
607	Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C, dài 26 mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	12.744		
608	Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, không kim, 1 sợi dài 150 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 2/0, không kim, dài 150cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	8.874		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
609	Chỉ không tan tự nhiên silk số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8C, dài 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	4.230		
610	Chỉ không tan tự nhiên silk số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2C, dài 13 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2c, dài 13 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	6.192		
611	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 2/0 dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 2/0, dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.440		
612	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 2/0 dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp với thành phần isotactic polypropylene đơn sợi. - Kích thước: Chỉ số 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt 26mm, 1/2C. - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) phủ silicon 2. Tính năng, công nghệ - Độ bền kéo nút thắt ≥ 26.8N. Lực tách kim và chỉ ≥ 20.9N - Đóng gói Coropack hoặc tương đương dạng dài giảm tính nhớ hình của sợi chỉ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ). 4. Xuất xứ: G7	Tép	1.348		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
613	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 3/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 3/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.000		
614	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 3/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp với thành phần isotactic polypropylene đơn sợi. - Kích thước: Chỉ số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn 26mm, 1/2C. - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) phủ silicon 2. Tính năng, công nghệ - Độ bền kéo nút thắt ≥ 26.8N. Lực tách kim và chỉ ≥ 20.9N - Đóng gói Coropack hoặc tương đương dạng dài giảm tính nhớ hình của sợi chỉ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ). 4. Xuất xứ: G7	Tép	1.708		
615	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 4/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2C dài 22 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan tổng hợp với thành phần isotactic polypropylene đơn sợi. - Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series, phủ silicon. - Độ bền kéo nút thắt ≥ 12.7N và ≥ 216% so với USP. - Lực tách kim và chỉ ≥ 11.1N và ≥ 246% so với USP. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	3.944		
616	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 4/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2C dài 22 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 22 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	240		
617	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 5/0 dài 75 cm, 2 kim tròn 1/2C dài 18 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 5/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 17 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.352		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
618	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 5/0 dài 75 cm, 2 kim tròn 1/2C dài 18 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp với thành phần isotactic polypropylene đơn sợi. - Kích thước: Chỉ số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn 18mm, 1/2C. - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) phủ silicon 2. Tính năng, công nghệ - Độ bền kéo nút thắt ≥ 26.8N. Lực tách kim và chỉ ≥ 20.9N - Đóng gói Coropack hoặc tương đương dạng dài giảm tính nhớ hình của sợi chỉ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ). 4. Xuất xứ: G7	Tép	800		
619	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 6/0 dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8C dài 10 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 6/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.440		
620	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 6/0 dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8C dài 10 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp với thành phần isotactic polypropylene đơn sợi. - Kích thước: Chỉ số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 10mm, 3/8C. - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) phủ silicon 2. Tính năng, công nghệ - Độ bền kéo nút thắt ≥ 26.8N. Lực tách kim và chỉ ≥ 20.9N - Đóng gói Coropack hoặc tương đương dạng dài giảm tính nhớ hình của sợi chỉ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ). 4. Xuất xứ: G7	Tép	920		
621	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 6/0 dài 75 cm, 2 kim tròn 3/8C dài 10 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 6/0, dài 75 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	500		
622	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 7/0 dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8C dài 8 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 7/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 8 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.160		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
623	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 7/0 dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8C dài 8 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp với thành phần isotactic polypropylene đơn sợi. - Kích thước: Chỉ số 7/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 8mm, 3/8C. - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) phủ silicon 2. Tính năng, công nghệ - Độ bền kéo nút thắt ≥ 26.8N. Lực tách kim và chỉ ≥ 20.9N - Đóng gói Coropack hoặc tương đương dạng dài giảm tính nhớ hình của sợi chỉ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ). 4. Xuất xứ: G7	Tép	920		
624	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 8/0 dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8C dài 6,4 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan tổng hợp với thành phần isotactic polypropylene đơn sợi. - Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series, phủ silicon. - Kích thước: số 8/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 6.4mm, 3/8C. - Độ bền kéo nút thắt ≥ 1.1N và ≥ 176% so với USP. - Lực tách kim và chỉ ≥ 1.1N và ≥ 225% so với USP. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	360		
625	Chỉ không tiêu loại đơn sợi Polyproplene số 8/0 dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8C dài 6,4 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 8/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 6 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	840		
626	Chỉ nylon sợi đơn đen 10/0, dài 30 cm, hai kim hình thang dài 6,0mm, độ cong 3/18 135°, đường kính 0,14mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	144		
627	Chỉ phẫu thuật Polydioxanone số 6/0, dài 70cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 9.3mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật tổng hợp đơn sợi tự tiêu Polydioxanone số 6/0 dài 70cm, - 2 kim tròn đầu cắt loại CC hoặc tương đương bằng hợp kim thép, dài 9.3mm, kim 3/8 vòng tròn, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, đường kính kim <0.21mm 2. Tính năng công nghệ: - Kim có giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa - Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	48		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
628	Chỉ phẫu thuật polypropylene số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 13mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0 dài 60cm, - 2 kim tròn đầu cắt loại MultiPass CC-1 hoặc tương đương, dài 13mm 3/8 vòng tròn, đường kính kim <0.31mm, phủ silicon. 2. Tính năng công nghệ: - Kim bằng hợp kim thép chắc khỏe, chống cong gãy, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa - Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	48		
629	Chỉ phẫu thuật chỉnh hình dài 90cm, kim dài 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ siêu bền đa sợi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) - Kích thước: Chỉ số 2, dài 100 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Cái	200		
630	Chỉ phẫu thuật đa sợi polyglycolic acid 3/0 dài 75 cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 60 đến 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 60-75% sau 2 tuần, 40-50% sau 3 tuần, 25% sau 4 tuần - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	13.800		
631	Chỉ phẫu thuật đa sợi polyglycolic acid 3/0 dài 75 cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật tổng hợp, đa sợi. - Chỉ số 3/0, dài tối thiểu 75cm. - Kim tròn, dạng 1/2 vòng tròn, dài 26mm bằng vật liệu hợp kim AISI 302. - Độ bền kéo của kim ≥ 2100 Mpa. - Độ bền kéo nút thắt ≥ 2,538Kgf và ≥ 143% so với USP. - Lực tách kim và chỉ ≥ 2,33Kgf và ≥ 343% so với USP. - Giữ vết mổ đến 28 ngày, tan hoàn toàn tối thiểu 60 ngày và tối đa 75 ngày. - Sức căng còn lại đạt 70% vào ngày thứ 14; 40% vào ngày thứ 21. - Tiệt trùng.	Tép	8.760		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
632	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tan làm từ polypropylene và polyethylene, số 2/0, dài 75cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 2/0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm. - Kim CVpass làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, thân kim hình vuông giúp tăng độ chắc chắn khi giữ kim, phủ 3 lớp silicone, lực căng kéo nút thắt 29.14N. - Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephtalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. 2. Tính năng công nghệ: Khâu nối mạch máu, thần kinh, nhãn khoa, vi phẫu, mô mềm thích hợp. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	72		
633	Chỉ phẫu thuật khâu không tiêu, loại silk số 2/0, không kim, dài 150 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 2/0, không kim, dài 150cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	4.600		
634	Chỉ phẫu thuật không tan đơn sợi polyamide 6,6 3/0 dài 75 cm, kim tam giác 3/8C dài 24 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Không tan đơn sợi polyamide 6,6 Số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 24mm. - Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và kim được bao phủ silicon. - Đóng gói ngăn ngừa nhiễm khuẩn. - Tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Tép	72.280		
635	Chỉ phẫu thuật không tan đơn sợi polyamide 6,6 3/0 dài 75 cm, kim tam giác 3/8C dài 24 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	31.080		
636	Chỉ phẫu thuật không tan số 2/0, dài 100 cm, kim tròn 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ siêu bền đa sợi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) - Kích thước: Chỉ số 2, dài 100 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.780		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
637	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3-0 dài 90, 2 kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene phủ PEG, Kim thép không gỉ - Kích thước: Sợi chỉ số 3-0, dài 90cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn V-20, dài 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Kim có độ đàn hồi cao, được phủ silicon sắc bén - Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu. Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà.	Tép	1.880		
638	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 3-0 dài 90, 2 kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 3/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	680		
639	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4-0 dài 90, 2 kim tròn đầu nhọn CV-25, 1/2C, 22mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene phủ PEG, Kim thép không gỉ - Kích thước: Sợi chỉ số 4-0, dài 90cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn CV-25, dài 22mm, kim cong 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Kim có độ đàn hồi cao, được phủ silicon sắc bén - Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu. Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà.	Tép	2.380		
640	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 4-0 dài 90, 2 kim tròn đầu nhọn CV-25, 1/2C, 22mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 22 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	300		
641	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn Ethalloy 13mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene. 2 kim bằng hợp kim thân tròn đầu tròn. - Kích cỡ: Số 5/0 dài 75cm, kim dài 13mm 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	1.652		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
642	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn Ethalloy 13mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 13 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	480		
643	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn RB-1 17mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene. 2 kim bằng hợp kim ETHALLOY hoặc tương đương thân tròn đầu tròn - Kích cỡ: Số 5/0, dài 90cm, kim dài 17mm, 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	100		
644	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 5-0 dài 90, 2 kim tròn đầu nhọn CV-15, 3/8C, 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene phủ PEG, Kim thép không gỉ - Kích thước: Sợi chỉ số 5-0, dài 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn CV-15, dài 17mm, kim cong 3/8 vòng tròn, 2. Tính năng công nghệ: - Kim có độ đàn hồi cao, được phủ silicon sắc bén - Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu. Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà.	Tép	2.980		
645	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn 3/8C dài 11mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene. 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy hoặc tương đương - Kích cỡ: Số 6/0 dài 60cm, dài 11mm 3/8 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	576		
646	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn taperpoint C-1 dài 13mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene. 2 kim tròn đầu tròn C-1 bằng hợp kim Ethalloy hoặc tương đương - Kích cỡ: Số 6/0, dài 75cm, kim dài 13mm, 3/8 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	60		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
647	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 6-0 dài 75, 2 kim tròn đầu nhọn CV-11, 3/8C, 13mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene phủ PEG, Kim thép không gỉ - Kích thước: Sợi chỉ số 6-0, dài 75cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn CV-11, dài 13mm, kim cong 3/8 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Kim có độ đàn hồi cao, được phủ silicon sắc bén - Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu. Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà. - Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình hoặc tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	2.400		
648	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn MultiPass 9.3mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene. 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy hoặc tương đương - Kích cỡ: Số 7/0 dài 60cm, kim dài 9.3mm 3/8 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	480		
649	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 7-0 dài 60, 2 kim tròn đầu nhọn CV-351, 3/8C, 8mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene phủ PEG, Kim thép không gỉ - Kích thước: Sợi chỉ số 7-0, dài 60cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn CV-351, dài 8mm, kim cong 3/8 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Kim có độ đàn hồi cao, được phủ silicon sắc bén - Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu. Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà. 3. Tiêu chuẩn, công nghệ: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	2.880		
650	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 8/0, dài 45cm, 2 kim tròn đầu tròn Multi-pass 6.5mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 8/0, dài 45 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 6 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	480		
651	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 8-0 dài 60, 2 kim tròn đầu nhọn MV-135-5, 3/8C, 6mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene phủ PEG, Kim thép không gỉ - Kích thước: Sợi chỉ số 8-0, dài 60cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn, dài 6mm, kim cong 3/8 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Kim có độ đàn hồi cao, được phủ silicon sắc bén - Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu. Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà.	Tép	120		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
652	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp sợi bên Polyester phủ silicone số 2-0 dài 90, 2 kim tròn đầu nhọn CV-316, 1/2C, 20mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyester phủ silicone, kim tròn đầu nhọn CV316 được phủ sắc bén theo công nghệ Nucoat hoặc tương đương, kim Cardiopoint chống gãy - Kích thước: Số 2/0, sợi chỉ dài 90cm, hai dài 20mm, cong 1/2 vòng tròn. 2. Tính năng công nghệ: Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay/ sửa van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá. Chỉ phẫu thuật tổng hợp không tiêu đa sợi tiệt trùng thành phần polyester, được bao phủ bởi silicone giúp chỉ mượt mà	Tép	700		
653	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp sợi bên Polyester phủ silicone số 3-0 dài 90, 2 kim tròn đầu nhọn CV-316, 1/2C, 20mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyester phủ silicone, hai kim tròn đầu nhọn CV316 được phủ sắc bén theo công nghệ Nucoat hoặc tương đương, kim Cardiopoint chống gãy - Kích thước: Số 3/0, sợi chỉ dài 90cm, dài 20mm, cong 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: Chỉ khâu không tiêu tổng hợp, đa sợi dùng trong thay/ sửa van động mạch chủ, van hai lá/ ba lá. Chỉ phẫu thuật tổng hợp không tiêu đa sợi tiệt trùng thành phần polyester, được bao phủ bởi silicone giúp chỉ mượt mà	Tép	2.200		
654	Chỉ phẫu thuật không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75 cm,, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 2/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tam giác, dài 24 mm, bán kính cong kim 3/8C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 15 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 11 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Tép	2.702		
655	Chỉ phẫu thuật không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75 cm,, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	3.184		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
656	Chỉ phẫu thuật không tiêu liền kim	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: cao phân tử Polyethylene (UHMWPE) và Polyester được phủ silicon hoặc teflon để tăng độ trơn. - Chỉ được nhuộm màu xanh (Blue) hoặc màu trắng (White). Chỉ phẫu thuật siêu bền USP 2 dài 100cm, kim tròn 1/2c dài 26mm. - Kim làm từ chất liệu thép không gỉ series 300 phủ silicon 2. Tính năng, công nghệ: - Khả năng chịu lực kéo thẳng tối đa của chỉ cỡ Lực căng thắt nút ≥ 17.0 kgf, Lực gắn kim với chỉ ≥ 5.0kgf 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Sợi	1.160		
657	Chỉ phẫu thuật không tiêu liền kim	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ siêu bền đa sợi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) - Kích thước: Chỉ số 2, dài 100 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	200		
658	Chỉ phẫu thuật không tiêu Prolene, loại đơn sợi polypropylene, số 5/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt hemoseal MultiPass 9,3 mm, 3/8C hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene, 2 kim tròn - Kích thước: Số 5/0 dài 60cm, kim dài 9.3mm, 3/8 vòng tròn 2. Tính năng, công nghệ: Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn	Tép	2.130		
659	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi bện polyesterdài 40cm dầy 5mm, 2 kim tròn thân dầy CTX dài 48mm 1/2 vòng tròn.	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đa sợi bện polyester Tape khâu hở eo cổ tử cung, sợi rộng 5 mm, dài 45 cm, màu trắng, 2 kim tròn đầu tù 1/2c, dài 48 mm. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN.	Sợi	180		
660	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi polyester phủ silicone, số 2/0, 5 sợi xanh 5 sợi trắng, dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C dài 20mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Loại đa sợi polyester được bao phủ bởi silicone, kim được phủ silicon theo công nghệ Nucoat - Kích thước: Số 2/0, 5 sợi xanh 5 sợi trắng, sợi chỉ dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn CV-316 sắc bén, kim Cardiopoint chống gãy dài 20mm, cong 1/2 vòng tròn 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói Multipack 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	700		
661	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi polyester phủ silicone, số 2/0, 5 sợi xanh 5 sợi trắng, dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C dài 20mm, miếng đệm pledget kích thước 7mm x 3mmm x 1,5mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Loại đa sợi polyester được bao phủ bởi silicone, kim được phủ silicon theo công nghệ Nucoat - Kích thước: Số 2/0, 5 sợi xanh 5 sợi trắng, sợi chỉ dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn CV-316 sắc bén, kim Cardiopoint chống gãy dài 20mm, cong 1/2 vòng tròn, miếng đệm pledget kích thước 7mm x 3mmm x 1,5mm 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói Multipack 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
662	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi polyester phủ silicone, số 2/0, 5 sợi xanh 5 sợi trắng, dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C dài 25mm, miếng đệm pledget kích thước 7mm x 3mmm x 1,5mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Loại đa sợi polyester được bao phủ bởi silicone, kim được phủ silicon theo công nghệ Nucoat - Kích thước: Số 2/0, 5 sợi xanh 5 sợi trắng, sợi chỉ dài 75cm, 2 kim tròn đầu nhọn CV-305 sắc bén, kim Cardiopoint chống gãy dài 25mm, cong 1/2 vòng tròn, miếng đệm pledget kích thước 7mm x 3mmm x 1.5mm 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói Multipack 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	700		
663	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi polyester phủ silicone, số 2/0, 5 sợi xanh 5 sợi trắng, dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn 1/2C dài 25mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Loại đa sợi polyester được bao phủ bởi silicone, kim được phủ silicon theo công nghệ Nucoat - Kích thước: Số 2/0, 5 sợi xanh 5 sợi trắng, sợi chỉ dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn CV-305 sắc bén, kim Cardiopoint chống gãy dài 25mm, cong 1/2 vòng tròn, miếng đệm pledget kích thước 7mm x 3mmm x 1.5mm 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói Multipack 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	800		
664	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi Polyester số 3/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu. - Đa sợi Polyester, áo bao silicone, kim làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304), khoan bằng laser, phủ silicone. - Chỉ số 3/0 dài 90cm; 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm. - Lực căng kéo nút thắt 28,06N. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	400		
665	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi Polyester, áo bao silicone, số 2/0, tép 08 sợi 04 xanh + 04 trắng, dài 75cm, 2 kim tròn, 1/2 vòng tròn HR 22mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi Polyester, áo bao silicone, kim làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304), khoan bằng laser, phủ silicone, miếng đệm Firm PF6 100% PTFE - Kích thước: Số 2/0, tép 08 sợi 04 xanh + 04 trắng, dài 75cm, 2 kim tròn, 1/2 vòng tròn HR 22mm, lực căng kéo nút thắt 28,06 N 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Tép	98		
666	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi Polyester, áo bao silicone,số 2/0, tép 08 sợi, 04 xanh + 04 trắng, dài 75cm. 2 kim tròn, 1/2 vòng tròn HR 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi Polyester, áo bao silicone, kim làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304), khoan bằng laser, phủ silicone, miếng đệm Firm PF6 100% PTFE - Kích thước: Số 2/0, tép 08 sợi, 04 xanh + 04 trắng, dài 75cm, 2 kim tròn, 1/2 vòng tròn HR 17mm, lực căng kéo nút thắt 28,06 N 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Tép	314		
667	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi Polyester, số 3/0 dài 90 cm, 2 kim tròn dài 20 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đa sợi bện polyester, phủ silicon - Kích thước: số 3/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 20 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
668	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi silk, 3/0 chỉ dài 75cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn, chiều dài kim 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	9.132		
669	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi silk, số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi silk, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và được bao phủ silicon - Kích thước: Số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	7.708		
670	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi silk, số 2/0, chỉ dài 75cm, kim tròn, 1/2C, chiều dài kim 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	9.112		
671	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi silk, số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2c, dài 24 mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi silk, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và được bao phủ silicon - Kích thước: Số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 1/2 C 24mm 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng.	Tép	3.622		
672	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi silk, số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2c, dài 24 mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	832		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
673	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi silk, số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 - 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 3/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tam giác, dài 18 mm, bán kính cong kim 3/8C - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 9 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP) - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 6,8 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP) 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015.	Sợi	1.640		
674	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi silk, số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 - 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	664		
675	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi silk, số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 5/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tam giác, dài 16 mm, bán kính cong kim 3/8C - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 3 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP) - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 2,3 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP) 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm, hộp 24 tép; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Sợi	5.130		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
676	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi silk, số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	64		
677	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi silk,số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi silk, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và được bao phủ silicon - Kích thước: Số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	7.781		
678	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đa sợi silk,số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.328		
679	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Nylon/Polyamide, số 2/0, chỉ dài 75cm, kim cắt tam giác ngược, 3/8 đường tròn, chiều dài kim 24mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	21.576		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
680	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Nylon/Polyamide, số 3/0, chỉ dài 75cm, kim cắt tam giác ngược, 3/8 đường tròn, chiều dài kim 24mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	75.228		
681	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Nylon/Polyamide, số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Nylon (chất liệu polyamide 6 hoặc polyamide 6.6) - 1 kim, đơn sợi. Đường kính 5/0, dài 75 cm, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tam giác, dài 16 mm, bán kính cong kim 3/8C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 3 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 2,3 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Sợi	3.010		
682	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Nylon/Polyamide, số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	2.620		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
683	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 17mm	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu đơn sợi tổng hợp - Chất liệu polypropylene - Sợi chỉ được nhuộm màu xanh dương bằng Phthalocyanine blue - Cỡ chỉ số 4/0 dài 90cm - 2 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 17mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Chỉ được đóng trong khay ít nhớ hình hoặc đóng tép dạng dài. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Tép	350		
684	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn HR 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 17 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	72		
685	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 5/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn DR 13mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), kim làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon - Kích thước: Số 5/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn DR 13mm, lực căng kéo nút thắt 7,16N 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	1.106		
686	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 6/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn DR 10mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), kim làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon - Kích thước: Số 6/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn DR 10mm, lực căng kéo nút thắt 3,53N 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	480		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
687	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 7/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn 10mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không tiêu đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), kim , làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon - Kích thước: Số 7/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn 10mm, lực căng kéo nút thắt 1,86N 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Sợi	480		
688	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 24mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không tan đơn sợi polyamide 6,6, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và kim được bao phủ silicon - Kích thước: Số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 24mm 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói bằng giấy thân thiện môi trường, bền dai, chống rách, ngăn ngừa nhiễm khuẩn và tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	22.152		
689	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 24mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	7.800		
690	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không tan đơn sợi polyamide 6,6, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 - Kích thước: Số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	12.040		
691	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	120		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
692	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 30mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không tan đơn sợi polyamide 6,6, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và kim được bao phủ silicon. - Kích thước: Số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 30mm 2.Tính năng, công nghệ: Đóng gói bằng giấy thân thiện môi trường, bền dai, chống rách, ngăn ngừa nhiễm khuẩn và tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	3.344		
693	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không tan đơn sợi polyamide 6,6, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 - Kích thước: Số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	13.996		
694	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.000		
695	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 19mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không tan đơn sợi polyamide 6,6, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và kim được bao phủ silicon - Kích thước: Số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 19mm 2.Tính năng, công nghệ: Đóng gói bằng giấy thân thiện môi trường, bền dai, chống rách, ngăn ngừa nhiễm khuẩn và tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	30.408		
696	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 19mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	26.016		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
697	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không tan đơn sợi polyamide 6,6, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và kim được bao phủ silicon - Kích thước: Số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm 2.Tính năng, công nghệ: Đóng gói bằng giấy thân thiện môi trường, bền dai, chống rách, ngăn ngừa nhiễm khuẩn và tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	2.342		
698	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	3.384		
699	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 6/0 dài 45cm, kim tam giác 3/8C 12mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không tan đơn sợi polyamide 6,6, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và kim được bao phủ silicon - Kích thước: Số 6/0 dài 45cm, kim tam giác 3/8C 12mm 2.Tính năng, công nghệ: Đóng gói bằng giấy thân thiện môi trường, bền dai, chống rách, ngăn ngừa nhiễm khuẩn và tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	312		
700	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polyamide 6,6, số 6/0 dài 45cm, kim tam giác 3/8C 12mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 6/0 dài 45cm, kim tam giác 3/8c, dài 12mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	312		
701	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polypropylene và thêm Polyethylenglycol, số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đơn sợi, Polypropylene và thêm Polyethylenglycol giúp sợi chỉ bền chắc, kim có độ đàn hồi cao, sắc bén, được phủ silicon - Kích thước: Số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn V-20, dài 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình hoặc tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	296		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
702	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polypropylene và thêm Polyethylenglycol, số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 3/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.296		
703	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polypropylene và thêm Polyethylenglycol, số 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn CV-15, 3/8C dài 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đơn sợi, Polypropylene và thêm Polyethylenglycol giúp sợi chỉ bền chắc, kim có độ đàn hồi cao, sắc bén, được phủ silicon. - Kích thước: Số 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn CV-15, dài 17mm, kim cong 3/8 vòng tròn 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình hoặc tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	182		
704	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polypropylene và thêm Polyethylenglycol, số 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn CV-15, 3/8C dài 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 17 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	82		
705	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polypropylene và thêm Polyethylenglycol, số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn CV-23, 1/2C dài 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đơn sợi, Polypropylene và thêm Polyethylenglycol giúp sợi chỉ bền chắc, kim có độ đàn hồi cao, sắc bén, được phủ silicon - Kích thước: Số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn CV-23, dài 17mm, kim cong 1/2 vòng tròn 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng gói theo công nghệ NuPack tối thiểu nhớ hình hoặc tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	50		
706	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 30 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene, kim phủ silicon - Kích thước: Số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 30 mm	Sợi	760		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
707	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 30 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 30 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	528		
708	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tổng hợp đơn sợi polypropylene, 2 kim , kim Ethalloy hoặc tương đương - Kích thước: Chỉ số 2/0 dài 90cm, 2 kim dài 26mm 1/2 vòng tròn 2.Tính năng, công nghệ: Thân kim có rãnh giúp cố định kìm kẹp kim tốt hơn, Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	1.522		
709	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 2/0, dài 90 cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	376		
710	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu nhọn dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene phủ PEG, Kim thép không gỉ - Kích thước: Sợi chỉ số 2/0, dài 90cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn. 2. Tính năng công nghệ: - Kim có độ đàn hồi cao, được phủ silicon sắc bén - Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, màu xanh, chất liệu. Polypropylene và thêm Polyethylen giúp sợi chỉ bền chắc và mượt mà. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	770		
711	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 3/0 dài 90 cm, 2 kim tròn dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 3/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	760		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
712	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 20mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ đơn sợi polypropylene , 2 kim tròn đầu tròn SH-2, bằng hợp kim Ethalloy - Kích thước: Chỉ số 4/0 dài 90cm, kim dài 20mm, 1/2 vòng tròn 2.Tính năng, công nghệ: Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn	Tép	290		
713	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 20mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 20 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	516		
714	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polypropylene, số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn, 3/8 vòng tròn, dài kim 12mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Polypropylene - 2 kim, đơn sợi . Đường kính 5/0, dài 75 cm, màu xanh dương; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tròn, dài 12 mm, bán kính cong kim 3/8C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 3 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 2,3 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Sợi	290		
715	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn 13mm, 3/8 vòng tròn.	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật tổng hợp, không tan, đơn sợi. - Chất liệu: Polypropylene . Số 5/0, dài 75cm. hai kim tròn bằng vật liệu hợp kim AISI 301 series, dạng 3/8 vòng tròn, dài 13mm; 2. Tính năng công nghệ: - Kim phủ silicone, không mắt, xuyên lỗ bằng công nghệ laser và đánh bóng điện giải (Electropolishing) (về hiệu suất thâm nhập cao và liên tục, tránh tổn thương mô) hoặc loại kim có công nghệ tương đương. - Độ bền kéo nút thắt cao hơn 20%-50% so với tiêu chuẩn USP 881, >5.68 N. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20%-60% so với tiêu chuẩn USP 871, > 6.76 N. - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Tép	1.060		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
716	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 6/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene, kim phủ silicon - Kích thước: Số 6/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm	Sợi	956		
717	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi polypropylene, số 6/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 6/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	504		
718	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polypropylene, số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 11mm, 3/8 vòng tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không tan đơn sợi polypropylene, 2 kim bằng hợp kim Ethalloy - Kích thước: Số 6/0, dài 60cm, kim tròn đầu tròn 11mm, 3/8 vòng tròn	Sợi	120		
719	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại đơn sợi Polypropylene, số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 11mm, 3/8 vòng tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 6/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	396		
720	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại luxylene polypropylene, số 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn DR 8mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Luxylene Polypropylene - Kích thước: Số 7/0, 2 kim tròn DR 8mm, dài 60cm	Sợi	456		
721	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại luxylene polypropylene, số 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn DR 8mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 7/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 8 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	360		
722	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại Nylon tổng hợp, số 6/0; 7/0; 8/0	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nylon. - Chỉ số: 6/0, 7/0, 8/0 dài 30cm. - Kim tròn 3/8C dài 6mm, đầu kim hình tam giác.	Sợi	1.304		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
723	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 2/0 dài 75 cm, kim tam giác 24 mm, 3/8 vòng tròn.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ được tổng hợp từ chuỗi polyamid của Nylon 6 và Nylon 6.6, kim được làm từ công nghệ PRIMIPASS (bằng thép X-STEELMAX, được cắt bằng công nghệ X-LASER PLUS và được mài bằng công nghệ X-POLISH hoặc tương đương) - Kích thước: Chỉ số 2/0, dài 75cm, kim tam giác ngược dài 24mm, 3/8 vòng tròn 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485: 2016	Tép	14.156		
724	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 2/0 dài 75 cm, kim tam giác 24 mm, 3/8 vòng tròn.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	3.512		
725	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 2/0 dài 75cm, kim tròn dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nylon(Polyamide), Kim thép 302 phủ silicon - Kích thước: Chỉ số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: Mũi kim vuốt nhọn UltraGlyde	Sợi	4.760		
726	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 2/0 dài 75cm, kim tròn dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	4.120		
727	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 3/0 dài 75 cm, kim tam giác 24 mm, 3/8 vòng tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ được tổng hợp từ chuỗi polyamid của Nylon 6 và Nylon 6.6, kim được làm từ công nghệ PRIMIPASS (bằng thép X-STEELMAX, được cắt bằng công nghệ X-LASER PLUS và được mài bằng công nghệ X-POLISH hoặc tương đương) - Kích thước: Chỉ số 3/0, dài 75cm, kim tam giác ngược dài 24mm, 3/8 vòng tròn 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485: 2016	Tép	9.800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
728	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 3/0 dài 75 cm, kim tam giác 24 mm, 3/8 vòng tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	18.620		
729	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 3/0 dài 75cm, kim tam giác dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ đơn sợi, không tan, chất liệu Nylon, số 3/0, dài 75cm. Kim tam giác 3/8C, dài 26mm, phủ silicon, chất liệu bằng thép không rỉ cao cấp 301. 2. Tính năng công nghệ: - Đóng gói tiệt khuẩn bằng EO. - Độ bền kéo nút thắt cao hơn 20%-50% so với tiêu chuẩn USP 881, > 12.79 N. - Lực tách kim và chỉ cao hơn 20%-60% so với tiêu chuẩn USP 871, > 20.29 N. - Công nghệ laser và Electropolishing giúp xuyên qua mô dễ dàng và giảm gây tổn thương mô trong quá trình phẫu thuật hoặc tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Tép	15.098		
730	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 3/0 dài 75cm, kim tam giác dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	14.462		
731	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c dài 22mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nylon/Polyamide, Kim thép 302 phủ silicon - Kích thước: Số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 22 mm 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả	Tép	5.200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
732	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c dài 22mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 22 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	13.200		
733	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c dài 20mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	20.230		
734	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ đơn sợi polyamide 6.6 (Nylon), Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và kim được bao phủ silicon. - Kích thước: Chỉ số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm. 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói bằng giấy thân thiện môi trường, bền dai, chống rách, ngăn ngừa nhiễm khuẩn và tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	2.950		
735	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại nylon, số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 16mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.272		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
736	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại Nylon/Polyamide số 8/0, dài 30 cm, kim tam giác 3/8c, dài 6mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 8/0, dài 30 cm, kim tam giác 3/8c, dài 6 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	664		
737	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại Nylon/Polyamide, số 9/0, 15cm, kim tròn 3/8c dài 5mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 9/0, dài 15 cm, kim tròn 3/8c, dài 5 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	288		
738	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại polyamide 6,0 hoặc 6,6, số 4/0, kim dài 10-40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyamide 6.0 hoặc 6.6 - Kích thước: Dài chỉ từ 30cm đến 150cm, dài kim từ 10 đến 40mm	Tép	1.560		
739	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại polyamide 6,0 hoặc 6,6, số 4/0, kim dài 10-40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	600		
740	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại polypropylene, loại nylon số 0/0, dài 100 cm, kim tròn thân to 1/2c, dài 30 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 0, dài 100 cm, kim tròn thân to 1/2c, dài 30 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	tép	480		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
741	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại polypropylene, loại nylon số 0/0, dài 100 cm, kim tròn thân to 1/2c, dài 30 mm	Thông số kỹ thuật: - Không tiêu polypropylene. - Kim thép 302 phủ silicon. - Chỉ số 0, dài 100 cm, kim tròn thân to 1/2c, dài 30 mm. - Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE.	tép	600		
742	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại polypropylene, số 0, dài 100 cm, kim tròn thân to 1/2c, dài 30 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 0, dài 100 cm, kim tròn thân to 1/2c, dài 30 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	100		
743	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại Polypropylene, số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn dài 26mm 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Polypropylene - 2 kim, đơn sợi . Đường kính 2/0, dài 90 cm, màu xanh dương; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tròn, dài 26 mm, bán kính cong kim 1/2C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 15 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 11 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Tép	1.008		
744	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại Polypropylene, số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn dài 26mm 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 2/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	306		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
745	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại polypropylene, số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn dài 12mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 12 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde hoặc loại kim có công nghệ tương đương. - Đóng gói tiệt trùng, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	650		
746	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại Polypropylene, số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn dài 13mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Polypropylene - 2 kim, đơn sợi . Đường kính 5/0, dài 75 cm, màu xanh dương - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt; Đầu tròn, dài 13 mm, bán kính cong kim 1/2C - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 3 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP) - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 2,3 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP) 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Tép	410		
747	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại Polypropylene, số 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn dài 17mm 1/2 C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Polypropylene - 2 kim, đơn sợi . Đường kính 5/0, dài 90 cm, màu xanh dương; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tròn, dài 17 mm, bán kính cong kim 1/2C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 3 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 2,3 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Tép	410		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
748	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại Polypropylene, số 5/0 dài 90cm, 2 kim tròn dài 17mm 1/2 C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 5/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 17 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	480		
749	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại polypropylene, số 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn 1/2c dài 10mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene - Kích thước: Số 7/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 10 mm	Sợi	760		
750	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại polypropylene, số 7/0 dài 75 cm, 2 kim tròn 1/2c dài 10mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 7/0, dài 75 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	480		
751	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại polypropylene, số 8/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 6 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 8/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 6 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	2.240		
752	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại polypropylene,số 10/0, dài 15 cm, kim tròn 3/8c, dài 5 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 10/0, dài 15 cm, kim tròn 3/8c, dài 5 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	312		
753	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk ,số 0 dài 75cm, kim tròn 1/2C đai 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	244		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
754	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 24 mm, 3/8 vòng tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.900		
755	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 24 mm, 3/8 vòng tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk, chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde hoặc loại kim có công nghệ tương đương. - Đóng gói tiệt trùng, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	3.160		
756	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 3/0 dài 150 cm, không kim	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, không kim, dài 150 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.750		
757	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 3/0 dài 75 cm, kim tam giác 24 mm, 3/8 vòng tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde hoặc loại kim có công nghệ tương đương. - Đóng gói tiệt trùng, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	9.402		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
758	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 3/0 dài 75 cm, kim tam giác 24 mm, 3/8 vòng tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	3.000		
759	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 3/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tròn, dài 26 mm, bán kính cong kim 1/2C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 9 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 6,8 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Sợi	2.954		
760	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	114		
761	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 3/0, 12 sợi x 75cm, không kim	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
762	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 4/0 dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 4/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương. Kim không mắt. Đầu tam giác, dài 18 mm, bán kính cong kim 3/8C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 5 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 4,5 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015.	Tép	5.840		
763	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 4/0 dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.538		
764	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 4/0 dài 75 cm, kim tròn 1/2c dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 4/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tròn, dài 26 mm, bán kính cong kim 1/2C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 5 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 4,5 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015/	Tép	5.318		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
765	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 4/0 dài 75 cm, kim tròn 1/2c dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	746		
766	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 4/0 dài 75cm, kim tam giác dài 3/8C 18mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 4/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt, kim Premium, công nghệ U-filo. Đầu tam giác, dài 18 mm, bán kính cong kim 3/8C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 5 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 4,5 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Tép	1.980		
767	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 4/0 dài 75cm, kim tam giác dài 3/8C 18mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	50		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
768	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8c dài 16mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 5/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tam giác, dài 16 mm, bán kính cong kim 3/8C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 3 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 2,3 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Sợi	1.264		
769	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 5/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8c dài 16mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	170		
770	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2c, dài 13 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 6/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tam giác ngược, dài 13 mm, bán kính cong kim 1/2C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 1,5 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 1,7 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015Y122	Tép	1.036		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
771	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2c, dài 13 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 1/2c, dài 13 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	64		
772	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	4.420		
773	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 7/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 7/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	856		
774	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại silk, số 8/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 8/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	256		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
775	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại Sterisil (Silk), số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 18mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 3/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương. Kim không mắt. Đầu tam giác, dài 18 mm, bán kính cong kim 3/8C; - Lực ko đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 9 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 6,8 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Tép	3.892		
776	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại Sterisil (Silk), số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 18mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.138		
777	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại Sterisil (silk), số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 1/2C dài 18mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ silk, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và phủ silicon - Kích thước: Chỉ số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 3/8C 18mm. 2. Tính năng, công nghệ: Mũi kim vuốt nhọn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	2.236		
778	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại Sterisil (silk), số 4/0 dài 75cm, kim tam giác 1/2C dài 18mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
779	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại tổng hợp polypropylene, số 4/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tổng hợp Polypropylene - 2 kim, đơn sợi . Đường kính 4/0, dài 90 cm, màu xanh dương; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tròn, dài 26 mm, bán kính cong kim 1/2C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 5 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 4,5 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Tép	840		
780	Chỉ phẫu thuật không tiêu, loại tổng hợp polypropylene, số 4/0 dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	50		
781	Chỉ phẫu thuật liền kim đường kính 26 đến 48 mm 1/2 taper, dài 36 inch	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ liền kim đường kính 26 đến 48 mm 1/2 taper dài 36 inch, chống mài mòn gấp 10 lần chỉ polyester, độ bền gấp 3 lần chỉ polyester cùng cỡ. - Khả năng chịu lực kéo thẳng tối đa của chỉ cỡ số 2 là: 48,2 Lbs, chỉ cỡ số 5 là: 100,4 lbs. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	600		
782	Chỉ phẫu thuật loại đơn sợi Polypropylene, số 5/0 dài 60cm, 2 kim tròn 3/8c dài 9.3mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đơn sợi polypropylene - Kích thước: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0 dài 60cm, 2 kim tròn, dài 9,3mm 3/8 vòng tròn	Sợi	1.010		
783	Chỉ phẫu thuật Monofilament Nylon số 1/0	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đơn sợi Nylon/ Polyamide. - Kim làm bằng thép không rỉ Series 300 được bao phủ lớp NanoSil hoặc tương đương. - Chỉ số 1, chỉ dài 75cm, kim cắt tam giác ngược, 3/8 đường tròn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Sợi	1.504		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
784	Chỉ phẫu thuật nylon số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 24cm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polymer Nylon 6 và Nylon 6.6, số 2/0, dài 75cm. Kim tam giác ngược dài 24mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 3.18 kgf. Lực tách kim đạt 3.66 kgf. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn, chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	21.892		
785	Chỉ phẫu thuật nylon số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 24cm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polymer Nylon 6 và Nylon 6.6, số 3/0, dài 75cm. Kim tam giác ngược dài 24mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 1.88 Kgf. Lực tách kim đạt 2.04 kgf. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	30.860		
786	Chỉ phẫu thuật NYLON số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 19 mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	10.820		
787	Chỉ phẫu thuật NYLON số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 19 mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật nylon, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polyamid của Nylon 6 và Nylon 6.6. - Kim được làm bằng thép X-alloy với độ cứng cao (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0,9% Ti cộng thêm Molybdenum) kết hợp công nghệ khoan (LASER+EDM) và đánh bóng (EDM+AWJM+LAM). - Chỉ số 4/0, dài 75cm, màu xanh dương. Kim tam giác ngược dài 19mm, 3/8 vòng tròn và được phủ silicone. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EU-MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	15.124		
788	Chỉ phẫu thuật NYLON số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 16 mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật nylon, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polyamid của Nylon 6 và Nylon 6.6. - Kim được làm bằng thép X-alloy với độ cứng cao (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti cộng thêm Molybdenum) kết hợp công nghệ khoan (LASER+EDM) và đánh bóng (EDM+AWJM+LAM), được phủ silicone. - Kích thước: Chỉ số 5/0, dài 75cm, màu xanh dương. Kim tam giác ngược dài 16mm, 3/8 vòng tròn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EU-MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	7.176		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
789	Chỉ phẫu thuật NYLON số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 16 mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polyamide 6.6 - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6.6, Sợi chỉ tròn đều, co dãn tốt, mềm dẻo, dễ uốn, dễ thắt nút. Giữ vết khâu an toàn, không có hiện tượng mao dẫn, ít gây kích ứng mô. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.400		
790	Chỉ phẫu thuật NYLON số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 16 mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật nylon, không hấp thụ, được tổng hợp từ chuỗi polyamid của Nylon 6 và Nylon 6.6. - Kim được làm bằng thép X-alloy với độ cứng cao (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti cộng thêm Molybdenum) kết hợp công nghệ khoan (LASER+EDM) và công nghệ mài (EDM+AWJM+LAM), được phủ silicone. - Kích thước: Chỉ số 6/0, dài 75cm, màu xanh dương. Kim tam giác ngược dài 16mm, 3/8 vòng tròn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EU MDD hoặc FSC EU (Lưu hành tự do tại Châu Âu).	Tép	2.646		
791	Chỉ phẫu thuật phẫu thuật tim mạch không tiêu, loại PTFE, các cỡ 2/0-5/0 dài 75cm, 2 kim dài 13mm 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PTFE - Kích thước: Chỉ 2/0-5/0, dài 75cm. 2 kim, loại kim 3/8 , Đường kính kim 0,24; 0,33; 0,51mm, dài 13mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kích cỡ tỷ lệ 1:1 kim trên chỉ. - Hoàn toàn không hấp thụ, 100% PTFE	Tép	200		
792	Chỉ phẫu thuật Polydioxanone số 2/0, dài 70cm, kim tròn đầu tròn 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 2/0 dài 70cm. - 1 kim tròn đầu tròn SH dài 26mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép Ethalloy chắc khỏe, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molypden 3-4% và sắt, giới hạn độ bền kéo > 2,750 MPa (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), đường kính kim <0,67mm, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. - Lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói vòng trong khay nhựa tối thiểu nhớ hình, bên ngoài là màng nhôm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	700		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
793	Chỉ phẫu thuật Polydioxanone số 2/0, dài 70cm, kim tròn đầu tròn 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lực căng giữ vết thương 70-80% sau 2 tuần, 60-70% sau 4 tuần, 50-60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 180 - 210 ngày. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	720		
794	Chỉ phẫu thuật Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, kim tròn đầu hình thoi 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lực căng giữ vết thương 70-80% sau 2 tuần, 60-70% sau 4 tuần, 50-60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 180 - 210 ngày. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	820		
795	Chỉ phẫu thuật Polydioxanone số 3/0, 70cm, kim tròn đầu tròn 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polydioxanone. 1 kim tròn đầu tròn SH plus bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone cải tiến - Kích cỡ: Số 3/0 dài 70cm, kim dài 26mm, 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone. Lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày	Tép	890		
796	Chỉ phẫu thuật Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, kim tròn đầu hình thoi 20mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm. - 1 kim tròn đầu hình thoi dài 20mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép Ethalloy chắc khỏe, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molypden 3-4% và sắt, giới hạn độ bền kéo > 2,750 MPa (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), đường kính kim <0,46mm, được phủ bởi lớp silicone cải tiến. - Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. - Đóng gói vòng trong khay nhựa tối thiểu nhớ hình, bên ngoài là màng nhôm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	650		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
797	Chỉ phẫu thuật Polydioxanone số 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 17mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 90cm, - 2 kim tròn đầu tròn loại RB-1 hoặc tương đương bằng hợp kim thép, dài 17mm 1/2 vòng tròn, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, đường kính kim <0.46mm 2. Tính năng công nghệ: - Kim bằng hợp kim thép chắc khỏe, chống cong gãy, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa - Vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. - Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	72		
798	Chỉ phẫu thuật Polydioxanone số 5/0, dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 13mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0 dài 70cm, - 1 kim tròn đầu tròn loại C-1 hoặc tương đương bằng hợp kim thép, dài 13mm 3/8 vòng tròn, đường kính kim <0.31mm, được phủ bởi lớp silicone cải tiến. 2. Tính năng công nghệ: - Kim bằng hợp kim thép chắc khỏe, chống cong gãy, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa - Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	144		
799	Chỉ phẫu thuật Polydioxanone số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 17mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. - Kích thước: số 5/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 17 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lực căng giữ vết thương 70-80% sau 2 tuần, 60-70% sau 4 tuần, 50-60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 180 - 210 ngày. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	144		
800	Chỉ phẫu thuật Polydioxanone số 5/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 17mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 5/0 dài 90cm. - 2 kim tròn đầu tròn dài 17mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim thép Ethalloy chắc khỏe, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molypden 3-4% và sắt, giới hạn độ bền kéo > 2,750 MPa (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), đường kính kim < 0,36mm, được phủ bởi lớp silicone cải tiến. - Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. - Đóng gói vòng trong khay nhựa tối thiểu nhớ hình, bên ngoài là màng nhôm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	230		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
801	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 kháng khuẩn số 2/0, dài 70cm, kim tròn SH 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, có chất kháng khuẩn Triclosan. Được bọc bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) và 50% Calcium Stearate. - Kích thước: số 2/0 dài 70cm,kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. 2. Tính năng công nghệ: - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Tép	11.848		
802	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 kháng khuẩn số 2/0, dài 70cm, kim tròn SH 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	3.248		
803	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 kháng khuẩn số 3/0, dài 70cm, kim tròn SH plus 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt phủ Chlorhexidine Diacetate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m. Kim AISI 300 series (304). - Kích cỡ: số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, 2. Tính năng công nghệ: - Đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. - Giá trị trung bình lực căng kéo nút thắt ≥ 17.4N. - Sức căng kéo giảm 40-50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	10.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
804	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 kháng khuẩn số 3/0, dài 70cm, kim tròn SH plus 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật tan, tổng hợp, đa sợi, phủ kháng khuẩn thành phần PGLA (polyglactine 910 với Chlorhexidine Diacetate, áo bao ppoly(glycolide-co-lactide) [PGLA (30:70)} và canxi stearat. - Số 3/0, dài 75cm. - Kim tròn, dạng 1/2 vòng tròn, dài 25mm; bằng vật liệu hợp kim AISI 301 series, tỷ lệ chrome từ 16-18%. 2. Tính năng công nghệ: - Kim phủ silicone không mắt, đánh bóng điện hóa (electropolishing) và xuyên lỗ bằng công nghệ laser giúp hiệu suất thâm nhập cao và liên tục, tránh tổn thương mô. - Độ bền kéo nút thắt cao hơn 120%-150% so với tiêu chuẩn USP 881, > 24.1 N. - Lực tách kim và chỉ cao hơn 120%-160% so với tiêu chuẩn USP 871, > 24.4 N. - Đóng gói bằng lớp nhôm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FSC-EU (Châu Âu).	Tép	1.200		
805	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 kháng khuẩn số 3/0, dài 70cm, kim tròn SH plus 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	1.100		
806	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 kháng khuẩn số 4/0, dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 22mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan với nồng độ ≤ 472µg/m, số 4/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 22mm 1/2 vòng tròn - Kim tròn đầu tròn bằng hợp kim thép Ethalloy chắc khỏe, chống cong gãy, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, đường kính kim <0.46mm, thân kim dẹp và vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giữ kim linh hoạt không xoay kim, có phủ silicone cải tiến 2. Tính năng công nghệ: - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng:CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	480		
807	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 1 dài 90, kim tròn 40mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật hấp thụ đa sợi Polyglactin 910, được làm từ 90% Glycolide và 10% Lactide, phủ Polyglactin 370 (Glycolide 30% và Lactide 70%) và Calcium Stearate, số 1, dài 90cm. Kim tròn đầu nhọn 40mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 6.53 kgf. Lực tách kim đạt 4.68 kgf. - Sức căng duy trì còn 75% sau 14 ngày. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	10.200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
808	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 2/0 dài 70, kim tròn 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật - Chỉ phẫu thuật hấp thụ đa sợi Polyglactin 910, được làm từ 90% Glycolide và 10% Lactide, phủ Polyglactin 370 (Glycolide 30% và Lactide 70%) và Calcium Stearate, số 2/0, dài 70cm. Kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. - Sức căng nút thắt đạt 3.07 kgf. Lực tách kim đạt 3.5 kgf. Sức căng duy trì còn 75% sau 14 ngày. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn, chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	6.066		
809	Chỉ phẫu thuật polyglactin 910 số 3/0, dài 70cm, kim tròn dài 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ phẫu thuật polyglactin 910 được tổng hợp từ 90% glycolide và 10 % L-lactide và được phủ bằng lớp phủ polyglactin 370 và calcium stearate; - Kích thước: số 3/0, dài 70cm, kim tròn dài 26mm, 1/2 vòng tròn. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim được làm bằng thép X-alloy với độ cứng cao (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti cộng thêm Molybdenum) kết hợp công nghệ khoan (LASER+EDM) và đánh bóng (EDM+AWJM+LAM) hoặc kim có chất liệu và công nghệ tương đương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Tép	4.440		
810	Chỉ phẫu thuật polyglactin 910 số 3/0, dài 70cm, kim tròn dài 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	6.000		
811	Chỉ phẫu thuật Polyglactin 910 số 4/0 dài 70, kim tròn 20mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật hấp thụ đa sợi Polyglactin 910, được làm từ 90% Glycolide và 10% Lactide, phủ Polyglactin 370 (Glycolide 30% và Lactide 70%) và Calcium Stearate, số 4/0, dài 70cm. Kim tròn đầu nhọn 20mm, 1/2 vòng tròn. - Sức căng nút thắt đạt 1.052 kgf. Lực tách kim đạt 0.852 kgf. Sức căng duy trì còn 75% sau 14 ngày. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	780		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
812	Chỉ phẫu thuật polyglecaprone 25 số 3/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn dài 17mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 3/0 dài 70cm, - 1 kim tròn đầu tròn loại Taperpoint RB-1 hoặc tương đương băng thép không gỉ dài 17mm 1/2 vòng tròn, có phủ silicone cải tiến, đường kính kim <0.56mm 2. Tính năng công nghệ: - Kim có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép chắc khỏe, chống cong gãy - Giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, - Lực căng giữ vết thương: 50% sau 7 ngày 20% sau 14 ngày. - Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 90 - 120 ngày thời gian giữ vết thương 21-28 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	48		
813	Chỉ phẫu thuật polyglycolic acid dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật tổng hợp, đa sợi. Thành phần polyglycolic acid. Số 1, dài tối thiểu 90cm. - Kim tròn, dạng 1/2 vòng tròn, dài 40mm; bằng vật liệu hợp kim AISI 302; độ bền kéo của kim ≥ 2100 Mpa - Giữ vết mổ đến 28 ngày, tan hoàn toàn tối thiểu 60 ngày và tối đa 75 ngày. Sức căng còn lại đạt 70% vào ngày thứ 14; 40% vào ngày thứ 21. - Độ bền kéo nút thắt ≥ 6,4Kgf và ≥ 146% so với USP. - Lực tách kim và chỉ ≥ 5,7Kgf và ≥ 317% so với USP. - Tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Tép	5.492		
814	Chỉ phẫu thuật polypropylene số 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 13mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn loại RB-2 hoặc tương đương bằng hợp kim thép, dài 13mm, 1/2 vòng tròn, đường kính kim <0.36mm. 2. Tính năng công nghệ: - Kim có giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, - Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	48		
815	Chỉ phẫu thuật Polypropylene số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ Polypropylene, polyolefin (C3H6)n, số 2/0, dài 90cm. 2 kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn, chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	725		
816	Chỉ phẫu thuật Polypropylene số 2/0, dài 75cm, 2 kim thẳng ST-70 dài 70mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 2/0 dài 75cm. - 2 kim thẳng ST-70 bằng hợp kim thép Ethalloy chắc khỏe, chống cong gãy gồm niken, titan, chromium, molypden 3-4% và sắt. - Giới hạn độ bền kéo > 2,750 MPa (có chứng nhận bởi tổ chức độc lập), dài 70mm. - Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	160		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
817	Chỉ phẫu thuật Polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ Polypropylene, polyolefin (C3H6)n, số 3/0, dài 90cm. 2 kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 1.689 kgf. Lực tách kim đạt 2.025 kgf. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn, chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	814		
818	Chỉ phẫu thuật Polypropylene số 3/0, dài 75cm, kim tròn đầu tròn 22mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene - Kích cỡ: Số 3/0, dài 75cm, kim tròn đầu tròn 22mm, 1/2C 2. Tính năng công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene. Thân kim có rãnh giúp cố định kìm kẹp kim tốt hơn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.	Tép	680		
819	Chỉ phẫu thuật Polypropylene số 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn 22mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật đơn sợi, không hấp thụ, được tổng hợp từ Polypropylene, polyolefin (C3H6)n, số 4/0, dài 90cm. 2 kim tròn đầu nhọn 22mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 1.261 kgf. Lực tách kim đạt 1.367 kgf. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	576		
820	Chỉ phẫu thuật Polypropylene số 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt 20mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene. 2 kim tròn đầu cắt bằng hợp kim Ethalloy hoặc tương đương, - Kích cỡ: Số 4/0 dài 90cm, kim dài 20mm 1/2 vòng tròn. 2. Tính năng công nghệ: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn	Tép	136		
821	Chỉ phẫu thuật polypropylene số 4/0, dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn 20mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 4/0 dài 90cm, - 2 kim tròn đầu tròn loại SH-2 hoặc tương đương bằng hợp kim thép, dài 20mm, 1/2 vòng tròn, đường kính kim <0.46mm, có phủ silicon. 2. Tính năng công nghệ: - Kim bằng hợp kim thép chắc khỏe, chống cong gãy, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa - Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	48		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
822	Chỉ phẫu thuật polypropylene số 6/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 9.3mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0, dài 60cm, - 2 kim tròn đầu tròn loại BV-1 hoặc tương đương bằng hợp kim thép, dài 9.3mm, 3/8C, đường kính kim <0.26mm, phủ silicon 2. Tính năng công nghệ: - Kim chắc khỏe, chống cong gãy, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa - Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	144		
823	Chỉ phẫu thuật polypropylene số 7/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt dài 11mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0 dài 60cm, - 2 kim tròn đầu cắt loại MultiPass CC-11 hoặc tương đương, dài 11mm 3/8 vòng tròn, đường kính kim <0.26mm, phủ silicon 2. Tính năng công nghệ: - Kim bằng hợp kim thép chắc khỏe, chống cong gãy, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa - Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	48		
824	Chỉ phẫu thuật polypropylene số 8/0, dài 45cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 6.5mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 8/0 dài 45cm, - 2 kim tròn đầu tròn loại Multi-Pass BV130-5 hoặc tương đương bằng hợp kim thép, dài 6.5mm 3/8 vòng tròn, đường kính kim <0.16mm, phủ silicon. 2. Tính năng công nghệ: - Kim chắc khỏe, chống cong gãy, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa - Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	48		
825	Chỉ phẫu thuật siêu bền dùng trong phẫu thuật chỉnh hình	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyethylene Cao phân tử siêu bền (UHMWPE), thiết kế có kim bằng chất liệu thép không gỉ. Cỡ chỉ #2, #5. - USP 5 màu trắng chiều dài 900mm Lực kéo: 378,2N - USP 5 màu trắng, xanh chiều dài 900mm Lực kéo: 336,8N - USP 5 màu xanh chiều dài 600mm Lực kéo: 309,04N 2. Tính năng, công nghệ: - Cố định mô mềm trong nội soi khớp. Thiết kế liền kim thép không gỉ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu)	Cái	1.120		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
826	Chỉ phẫu thuật Silk đa sợi không tiêu số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 5/0, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tam giác, dài 16 mm, bán kính cong kim 3/8C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 3 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 2,3 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015.	Sợi	1.128		
827	Chỉ phẫu thuật Silk đa sợi không tiêu số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	384		
828	Chỉ phẫu thuật silk không tan tự nhiên đa sợi bện số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật không tiêu tự nhiên Silk (tơ tằm/chất liệu protein hữu cơ (fibroin)) - 1 kim, đa sợi. Đường kính 1, dài 75 cm, phủ Wax / Silicon, màu đen; - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Đầu tròn, dài 26 mm, bán kính cong kim 1/2C; - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 27 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết giữa kim và chỉ tối thiểu 18 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP). 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm; - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015.	Tép	2.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
829	Chỉ phẫu thuật silk không tan tự nhiên đa sợi bện số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.024		
830	Chỉ phẫu thuật silk số 2/0 dài 75cm, kim tam giác 24mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật đa sợi tự nhiên, không hấp thụ, được làm từ kén tằm Bombyx Mori, phủ sáp, số 2/0, dài 75cm. Kim tam giác ngược 24mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 3.021 Kgf. Lực tách kim đạt 2.859 kgf. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn, chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	2.284		
831	Chỉ phẫu thuật silk số 2/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật đa sợi tự nhiên, không hấp thụ, được làm từ kén tằm Bombyx Mori, phủ sáp, số 2/0, dài 75cm. Kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 3.241 Kgf. Lực tách kim đạt 3.025 kgf. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	544		
832	Chỉ phẫu thuật silk số 3/0 dài 75cm, kim tam giác 24mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật đa sợi tự nhiên, không hấp thụ, được làm từ kén tằm Bombyx Mori, phủ sáp, số 3/0, dài 75cm. Kim tam giác ngược 24mm, 3/8 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 1.759 Kgf. Lực tách kim đạt 1.985 kgf. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	4.390		
833	Chỉ phẫu thuật silk số 3/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật đa sợi tự nhiên, không hấp thụ, được làm từ kén tằm Bombyx Mori, phủ sáp, số 3/0, dài 75cm. Kim tròn đầu nhọn 26mm, 1/2 vòng tròn. Sức căng nút thắt đạt 1.28 Kgf. Lực tách kim đạt 1.37 kgf. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	544		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
834	Chỉ phẫu thuật tan đơn sợi có gai không cần buộc V-Loc số 3-0 dài 30cm, kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate. Kim có chất liệu hợp kim Surgalloy chống gãy - Kích cỡ: Số 3-0 dài 30cm, kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C, 26mm 2. Tính năng, công nghệ: Chỉ tiêu có gai đầu tù, hướng gai một chiều, một đầu có vòng, không cần buộc, màu tím kim tròn đầu nhọn Nucoat V20. Thời gian giữ vết thương: 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 90 ngày.	Tép	580		
835	Chỉ phẫu thuật tan đơn sợi có gai không cần buộc V-Loc số 4-0 dài 15cm, kim tròn đầu nhọn CV-15, 3/8C, 17mm hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate. Kim làm từ hợp kim Surgalloy chống gãy - Kích cỡ: Số 4-0 dài 15cm, kim tròn đầu nhọn CV-15, 3/8C, 17mm 2. Tính năng, công nghệ: Chỉ tiêu thành phần glycolide, dioxanone và trimethylene carbonate, có gai đầu tù, hướng gai một chiều, một đầu có vòng, không cần buộc. Thời gian giữ vết thương: 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 90 ngày.	Tép	436		
836	Chỉ phẫu thuật tan nhanh, loại đa sợi Polyglactine 910, số 4/0 dài 75cm, kim tam giác dài 19mm 3/8 C	1. Tính năng kỹ thuật: Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 4/0 dài 75cm, 1 kim tam giác 3/8 vòng tròn, dài 19mm. - Trương lực còn lại 50% sau 5 ngày. Giữ vết thương 7 đến 10 ngày. Tiêu hoàn toàn trong 42 ngày - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Tép	480		
837	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 kháng khuẩn số 0, dài 90cm, kim tròn CT 40mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	624		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
838	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 0, dài 90cm, kim tròn CT 40mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	1.888		
839	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 8/0 dài 45cm, 2 kim đầu hình thang micropoint dài 6.5mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 8/0, dài 45 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói khay nhựa giảm nhớ hình, dễ lấy chỉ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	120		
840	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 8/0 dài 45cm, 2 kim đầu hình thang micropoint dài 6.5mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 8/0, dài 45 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói khay nhựa giảm nhớ hình, dễ lấy chỉ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	120		
841	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đa sợi số 3-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi caprolactone và calcium stearoyl lactylate. Kim sắc bén, được phủ silicon theo công nghệ Nucoat hoặc tương đương. - Kích cỡ: Số 3/0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 dài 26mm, cong 1/2 vòng tròn 2. Tính năng, công nghệ: Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tiệt trùng, đa sợi, tan trung bình. Đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ hoặc tương đương	Tép	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
842	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn SH-2 plus 20mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polydioxanone. 1 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữa chặt kim khi thao tác. - Kích cỡ: Số 4/0 dài 70cm, kim dài 20mm 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: - Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày.	Tép	1.000		
843	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn SH-2 plus 20mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lực căng giữ vết thương 70-80% sau 2 tuần, 60-70% sau 4 tuần, 50-60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 180 - 210 ngày. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Tép	64		
844	Chỉ phẫu thuật tạo nhịp Flexon số 2-0, dài 60cm kim tròn đầu nhọn V-20, 1/2C 26mm, kim thẳng SC6BA có khấc bẻ hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: Gồm 2 kim (1 kim thẳng SC-6 đầu kim có khấc bẻ Breakaway và 1 kim tròn đầu nhọn V-20, cong 1/2 vòng tròn, dài 26mm). Kim phủ silicon theo công nghệ Nucoat. - Chất liệu: Thép không gỉ bện, được phủ lớp cách điện PTFE poly hoặc FEP poly - Kích cỡ: Chỉ điện cực tim số 2/0, sợi dài 60cm. 1 kim thẳng 88m, 1 kim tròn đầu nhọn V-20, cong 1/2 vòng tròn, dài 26mm 2. Tính năng, công nghệ: Chỉ điện cực tim có màu cam dễ quan sát. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	1.050		
845	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm Chromic Catgut số 1 dài 75 cm, kim tròn đầu tù 3/8c, dài 80 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 1, dài 75 cm, kim tròn đầu tù 3/8c, dài 80 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	13.710		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
846	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	11.580		
847	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.914		
848	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 1 dài từ 30-150cm, kim tròn dài 10-40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi Collagen tinh khiết được lấy từ mô tinh chế cao cấp của Dê hoặc Bò, Nguyên liệu này sau đó được làm khô bằng muối Chrom để tạo thành chỉ khâu - Kích thước: Dài chỉ từ 30 đến 150cm, dài kim từ 10-40mm	Tép	2.600		
849	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 1 dài từ 30-150cm, kim tròn dài 10-40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	6.748		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
850	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 1/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c dài 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	21.500		
851	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 2 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 50mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 2, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 50 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	18.182		
852	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ làm từ collagen, Kim thép 302 phủ silicon - Kích thước: Chỉ tiêu tan chậm số 2/0, chỉ dài 75cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn, chiều dài kim 26mm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485: 2016	Tép	44.292		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
853	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	22.380		
854	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 3/0 dài 150cm, không kim	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 3/0, không kim, dài 150 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	20.100		
855	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loai chromic catgut, số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	19.456		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
856	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 4/0 dài 150cm, không kim	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 4/0, không kim, dài 150 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	56.444		
857	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 4/0 dài 75 cm, kim tam giác dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	3.376		
858	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Sợi	17.494		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
859	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại Chromic Catgut, số2/0 dài 150cm, không kim	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 2/0, không kim, dài 150 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	820		
860	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại đơn sợi Catgut Chromic, số 1, dài 75cm, kim tròn cong 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Collagen có độ tinh khiết cao 98%, Kim thép không gỉ Martensitic 420+ - Kích thước: Số 1 dài 75cm, kim tròn cong 1/2C dài 26mm. Tan hoàn toàn trong 90 ngày	Tép	3.096		
861	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại đơn sợi Catgut Chromic, số 1, dài 75cm, kim tròn cong 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.520		
862	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại đơn sợi Catgut Chromic, số 2/0 dài 75cm, kim tròn cong 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Collagen có độ tinh khiết cao 98%, Kim thép không gỉ Martensitic 420+ - Kích thước: Số 2/0 dài 75cm, kim tròn cong 1/2C dài 26mm. Tan hoàn toàn trong 90 ngày	Tép	6.408		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
863	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại đơn sợi Catgut Chromic, số 2/0 dài 75cm, kim tròn cong 1/2C dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	3.818		
864	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại đơn sợi polydioxanone, số 2/0, dài 75 cm, kim tròn, dài 26 mm 1/2c	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lực căng giữ vết thương 70-80% sau 2 tuần, 60-70% sau 4 tuần, 50-60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 180 - 210 ngày. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Sợi	1.420		
865	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại đơn sợi polydioxanone, số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polydioxanone. - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lực căng giữ vết thương 70-80% sau 2 tuần, 60-70% sau 4 tuần, 50-60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 180 - 210 ngày. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Sợi	1.300		
866	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm, loại đơn sợi Polydioxanone, số 7/0 dài 45cm, 2 kim tròn dài 13mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đơn sợi polydioxanone, Kim thép 302 phủ silicon - Kích thước: Số 7/0, dài 45 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 13 mm	Tép	48		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
867	Chỉ phẫu thuật tiêu dùng khâu gân loại Polyglactine, số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	4.040		
868	Chỉ phẫu thuật tiêu dùng khâu gân loại Polyglactine, số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 1 dài 90cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 40mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Tép	8.370		
869	Chỉ phẫu thuật tiêu kháng khuẩn, loại đa sợi Polyglactin 910, số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt phủ Chlorhexidine Diacetate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m. - Kích thước: số 1, chỉ dài 90cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn dài 40mm, Kim làm bằng hợp kim AISI 300 series (304). 2. Tính năng, công nghệ: - Đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. - Giá trị trung bình lực căng kéo nút thắt ≥ 49.8 N. Sức căng kéo giảm 40-50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. - Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	14.280		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
870	Chỉ phẫu thuật tiêu kháng khuẩn, loại đa sợi Polyglactin 910, số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp, đa sợi,, phủ kháng khuẩn thành phần PGLA (polyglactine 910 với Chlorhexidine Diacetate, áo bao ppoly(glycolide-co-lactide) [PGLA (30:70)} và canxi stearat. - Số 1, dài 90cm. - Kim tròn, dạng 1/2 vòng tròn, dài 40mm; kim làm bằng thép 301 series, tỷ lệ chrome từ 16-18%. 2. Tính năng công nghệ: - Kim phủ silicone không mắt, đánh bóng điện hóa (electropolishing) và xuyên lỗ bằng công nghệ laser giúp hiệu suất thâm nhập cao và liên tục, tránh tổn thương mô. - Độ bền kéo nút thắt cao hơn 120%-150% so với tiêu chuẩn USP 881; >67.1 N. - Lực tách kim và chỉ cao hơn 120%-160% so với tiêu chuẩn USP 871; > 40.8N. - Tiệt trùng EO. - Đóng gói bằng lớp nhôm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FSC-EU (Châu Âu).	Tép	3.600		
871	Chỉ phẫu thuật tiêu kháng khuẩn, loại đa sợi Polyglactin 910, số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	5.304		
872	Chỉ phẫu thuật tiêu nhanh, loại đa sợi Polyglactin 910, số 2/0 dài 90cm, kim tròn 35mm, 1/2c	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tan nhanh đa sợi số 2/0, dài tối thiểu 90cm, kim tròn, dạng 1/2 vòng tròn, dài 35mm; - Thành phần polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-L-lactide 30/70) và calcium stearate. Kim bằng vật liệu hợp kim AISI 301 series 2. Tính năng công nghệ: - Kim phủ silicone không mắt, đánh bóng điện hóa (electropolishing) và xuyên lỗ bằng công nghệ laser hoặc loại kim tương đương - Độ bền kéo nút thắt cao hơn 20%-50% so với tiêu chuẩn USP 881, > 25.58 N. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20%-60% so với tiêu chuẩn USP 871, > 36.1 N. - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Tép	9.052		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
873	Chỉ phẫu thuật tiêu nhanh, loại đa sợi Polyglactin 910, số 2/0 dài 90cm, kim tròn 35mm, 1/2c	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 2/0, dài 90 cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 36 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 7 đến 10 ngày. Duy trì sức căng 40-50% sau 1 tuần, tan hoàn toàn trong vòng 42 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl Rapid.	Tép	2.400		
874	Chỉ phẫu thuật tiêu nhanh, loại đa sợi Polyglactin 910, số 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 36mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 2/0, dài 90 cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 36 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 7 đến 10 ngày. Duy trì sức căng 40-50% sau 1 tuần, tan hoàn toàn trong vòng 42 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl Rapid.	Sợi	3.600		
875	Chỉ phẫu thuật tiêu nhanh, loại đa sợi Polyglactin 910, số 2/0, dài 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 36mm	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 2/0 dài 90cm - Trương lực còn lại 50% sau 5 ngày. Giữ vết thương 7 đến 10 ngày. Tiêu hoàn toàn trong 42 ngày - 1 kim tròn đầu cắt 1/2 vòng tròn, dài 36mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Sợi	340		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
876	Chỉ phẫu thuật tiêu nhanh, loại đa sợi Polyglactin 910, số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác thuận 3/8c, dài 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp Polyglactin 910 ARES - 1 kim, đa sợi, Polyglactin 910 (90% Glycolide acid, 10% Lactic acid); - Đường kính 4/0, dài 75 cm, phủ Polyglactin 370 + Calcium stearate, màu tím - Kim làm bằng thép không gỉ Martensitic 420 (AISI 420) tráng gương hoặc tương đương. Kim không mắt. Kim tam giác thuận, dài 16 mm, bán kính cong kim 3/8C; - Tan hoàn toàn trong 50 - 70 ngày; - Lực kéo đứt của chỉ tối thiểu 7,5 Newton (có thể vượt đến 250% so với yêu cầu của USP); - Lực kéo đứt khi thắt nút (Lực căng của chỉ) tối thiểu 9,32 Newton (có thể vượt đến 140% so với yêu cầu của USP); - Lực liên kết kim và chỉ tối thiểu 4,41 Newton (có thể vượt đến 400% so với yêu cầu của USP); - Độ bền kéo: 21 ngày sau khi cấy ghép, duy trì xấp xỉ 57% độ bền đứt. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim Premium, công nghệ U-filo hoặc tương đương; - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm;. - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC; - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Sợi	4.416		
877	Chỉ phẫu thuật tiêu nhanh, loại đa sợi Polyglactin 910, số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác thuận 3/8c, dài 16 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác thuận 3/8c, dài 16 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 7 đến 10 ngày. Duy trì sức căng 40-50% sau 1 tuần, tan hoàn toàn trong vòng 42 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl Rapid.	Sợi	290		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
878	Chỉ phẫu thuật tiêu nhanh, loại đa sợi polyglycolic acid, số 2/0 dài 75cm, kim tròn 35mm, 1/2c	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tan nhanh đa sợi số 2/0, dài 75cm. Kim tròn, dạng 1/2 vòng tròn, dài 35mm - Thành phần polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-L-lactide 30/70) và calcium stearate. Kim bằng vật liệu hợp kim AISI 301 series 2. Tính năng công nghệ: - Kim phủ silicone không mắt, đánh bóng điện hóa (electropolishing) và xuyên lỗ bằng công nghệ laser hoặc loại kim tương đương - Độ bền kéo nút thắt cao hơn 20%-50% so với tiêu chuẩn USP 881, > 25.58 N. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20%-60% so với tiêu chuẩn USP 871, > 36.1 N. - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Tép	3.030		
879	Chỉ phẫu thuật tiêu nhanh, loại đa sợi polyglycolic acid, số 2/0 dài 75cm, kim tròn 35mm, 1/2c	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate - Kích thước: số 2/0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 37 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 7 đến 10 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) trong vòng 42 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 40-50% sau 1 tuần - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	3.600		
880	Chỉ phẫu thuật tiêu nhanh, loại PegeLAK Rapid hoặc tương đương, đa sợi Polyglactin 910, số 4/0 dài 75cm,phủ Poly, kim tam giác xuôi 16mm, 3/8c	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tan nhanh đa sợi số 4/0, dài tối thiểu 75cm, kim tam giác, dạng 3/8 vòng tròn, dài 16mm - Thành phần polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-L-lactide 30/70) và calcium stearate. Kim bằng vật liệu hợp kim AISI 301 series 2. Tính năng công nghệ: - Kim phủ silicone không mắt, đánh bóng điện hóa (electropolishing) và xuyên lỗ bằng công nghệ laser hoặc loại kim tương đương - Độ bền kéo nút thắt cao hơn 20%-50% so với tiêu chuẩn USP 881, > 25.58 N. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20%-60% so với tiêu chuẩn USP 871, > 36.1 N. - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Tép	6.818		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
881	Chỉ phẫu thuật tiêu nhanh, loại Plain Catgut hoặc tương đương, số 4/0 dài 75 cm, kim tròn 1/2c dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tự nhiên plain catgut, làm từ collagen tinh khiết - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, màu vàng nhạt, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 7 đến 10 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	326		
882	Chỉ phẫu thuật tiêu nhanh, loại Plain catgut, số 2/0 dài 150cm, không kim	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tự nhiên plain catgut, làm từ collagen tinh khiết - Kích thước: số 2/0, không kim, dài 150 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, màu vàng nhạt, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 7 đến 10 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	4.900		
883	Chỉ phẫu thuật tiêu Teksyn hoặc tương đương, loại đa sợi polyglactin 910, số 0 dài 90cm, kim tròn dài 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 0, dài 90 cm, (duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày), kim tròn 1/2c, dài 40 mm. - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 56 đến 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	8.996		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
884	Chỉ phẫu thuật tiêu trung bình đa sợi Polyglycolic acid số 3/0 dài 75cm, kim taper point plus 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt. - Kích thước: số 3/0, chỉ dài 75 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim làm bằng hợp kim AISI 300 series (304). 2. Tính năng, công nghệ: - Đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. - Lực căng kéo nút thắt 22.04N. - Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	2.892		
885	Chỉ phẫu thuật tiêu trung bình, đa sợi Polyglactin 910, số 5/0 dài 70cm, kim tròn HR 1/2 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon - Kích thước: Chỉ số 5/0, chỉ dài 70 cm, kim 1/2 vòng tròn HR 17mm 2. Tính năng, công nghệ: - Công nghệ kim Easyslide hoặc tương đương - Lực căng kéo nút thắt 10.04N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	242		
886	Chỉ phẫu thuật tiêu trung bình, đa sợi Polysorb hoặc tương đương, số 2-0, dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi caprolactone và calcium stearoyl lactylate, kim được phủ silicon theo công nghệ Nucoat - Kích thước: Số 2/0, dài 75m, kim tròn đầu nhọn V-20 dài 26mm, cong 1/2 vòng tròn, đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ hoặc tương đương 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	100		
887	Chỉ phẫu thuật tiêu trung bình, loại đa sợi Polyglactin 910, số 3/0, dài 70cm, kim tròn 1/2C 26cm	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan - Cỡ chỉ số 3/0 dài 70cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Tép	1.488		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
888	Chỉ phẫu thuật tiêu trung bình, loại đa sợi Polyglactin, số 2/0, dài 70cm, kim tròn 1/2C 26cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	3.976		
889	Chỉ phẫu thuật tiêu trung bình, loại đa sợi Polyglactin, số 2/0, dài 70cm, kim tròn 1/2C 26cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde hoặc loại kim tương đương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	2.780		
890	Chỉ phẫu thuật tiêu trung bình, loại đa sợi Polysorb hoặc tương đương, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi caprolactone và calcium stearoyl lactylate, kim phủ silicon - Kích thước: Chỉ số 3/0, dài 75m, kim tròn đầu nhọn V-20 dài 26mm, cong 1/2 vòng tròn. 2. Tính năng, công nghệ: Chỉ đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	900		
891	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại Catgut Chrom, số 2/0 dài 75cm, kim tròn, 1/2 vòng tròn, chiều dài kim 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	23.532		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
892	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại catgut plain, số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catgut plain, kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và được bao phủ silicon - Kích thước: Số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói bằng giấy thân thiện môi trường, bền dai, chống rách, ngăn ngừa nhiễm khuẩn và tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	20.980		
893	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại catgut plain, số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tự nhiên plain catgut, làm từ collagen tinh khiết - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, màu vàng nhạt, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 7 đến 10 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	20.680		
894	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại catgut plain, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catgut plain, kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302 và được bao phủ silicon - Kích thước: Số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói bằng giấy thân thiện môi trường, bền dai, chống rách, ngăn ngừa nhiễm khuẩn và tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	610		
895	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại catgut plain, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tự nhiên plain catgut, làm từ collagen tinh khiết - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, màu vàng nhạt, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 7 đến 10 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.400		
896	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi bện Polyglactine 910 Plus có kháng khuẩn, số 1 dài 90cm, kim tròn cong 1/2C dài 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi bện Polyglactine 910 Plus có kháng khuẩn, phủ hỗn hợp Polyglactine 370 + Chlorhexidine Diacetate (CHA), kim thép không gỉ Austenitic 300 được phủ Silicon, khả năng chịu lực kéo tối đa hơn 250 ksi - Kích thước: Số 1 dài 90cm, kim tròn cong 1/2C dài 40mm. Tan hoàn toàn trong 56-70 ngày 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	1.530		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
897	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi bện Polyglactine 910 Plus có kháng khuẩn, số 1 dài 90cm, kim tròn cong 1/2C dài 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	4.920		
898	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910 các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tiêu Polyglactin 910 có lớp phủ ngoài Poly(glycolide-co-lactide) (30/70) và calcium stearate, Kim được làm bằng thép không gỉ AISI 420, thép 302 2. Tính năng công nghệ: Chỉ giữ được vết mổ đến 28 ngày. Sức căng còn lại của sợi chỉ đạt 75% vào ngày thứ 14; 45% vào ngày thứ 21. Chỉ tan hoàn toàn trong 60-75 ngày	Tép	6.960		
899	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910 có kháng khuẩn, số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c dài 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Sợi	580		
900	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910 kháng khuẩn, số 4/0 dài 70cm, kim tròn 22mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 22 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	2.400		
901	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910 phủ chất kháng khuẩn, số 1, kim tròn 1/2 vòng tròn, dài 90cm, dài 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan (5-chloro-2-(2,4-dichlorophenoxy)phenol), kim bằng thép Ethalloy có phủ silicone - Kích thước: Số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn CT, dài 40mm 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Tép	16.804		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
902	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 0 dài 90cm, kim tròn CT 40mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP,kim tròn đầu tròn , có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, kim bằng thép Ethalloy có phủ silicone - Kích thước: Chỉ số 0 dài 90cm, kim dài 40mm 1/2 vòng tròn. 2. Tính năng công nghệ: Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Tép	530		
903	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 1 dài 100cm kim đầu tù khâu gan 63mm 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 1, dài 100 cm, kim tròn đầu tù, dài 65mm, khâu gan. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Sợi	1.700		
904	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp, đa sợi. Thành phần polyglactin 910; áo bao poly (glycolide-co-L-lactide 30/70) và calcium stearate. - Số 1, dài 90cm. - Kim tròn, dạng 1/2 vòng tròn, dài 40mm; bằng vật liệu hợp kim AISI 301 series, tỷ lệ chrome từ 16-18%. Kim bọc silicon không mắt, xuyên lỗ bằng công nghệ laser và đánh bóng điện giải (Electropolishing) giúp hiệu suất thâm nhập cao và liên tục, tránh tổn thương mô. - Độ bền kéo nút thắt cao hơn 20%-50% so với tiêu chuẩn USP 881, > 67.1 N. - Lực tách kim và chỉ cao hơn 20%-60% so với tiêu chuẩn USP 871, > 40.8 N. - Tiệt trùng EO. - Điều kiện: Dư lượng EO phải là ETO≤ 4 mg và ECH: ≤ 12 mg. - Đóng gói bằng lớp nhôm. Độ bền đóng gói nguyên seal:>1.5 N/15 mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FSC-EU (Châu Âu).	Tép	2.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
905	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	3.904		
906	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 1 dài 90cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 40mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Tép	6.544		
907	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn 40mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% chất bôi trơn Calcium Stearate, kim bằng thép Ethalloy có phủ silicone - Kích thước: Chỉ số 1, dài 90cm, kim dài 40mm, 1/2 vòng tròn. 2. Tính năng công nghệ: Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày .	Tép	480		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
908	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn 40mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	3.200		
909	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 1, chỉ dài 90 cm, kim tròn thân dày, 1/2 vòng tròn HR 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	100		
910	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin 910, số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c dài 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	4.080		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
911	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin 910, số 2/0 dài 70 cm, kim tròn dài 26 mm, 1/2 vòng tròn.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ polyglactin 910 từ 90% glycolide và 10 % L-lactide. Và được phủ bằng lớp phủ polyglactin 370 và calcium stearate,kim được làm từ công nghệ PRIMIPASS (bằng thép X-STEELMAX, được cắt bằng công nghệ X-LASER PLUS và được mài bằng công nghệ X-POLISH) hoặc tương đương - Kích thước: Chỉ số 2/0, dài 70cm, kim tròn dài 26mm, 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: Thời gian hấp thụ hoàn toàn sau 56-70 ngày, sức căng duy trì 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày và 25% sau 28 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485: 2016	Tép	3.144		
912	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin 910, số 2/0 dài 70 cm, kim tròn dài 26 mm, 1/2 vòng tròn.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	2.600		
913	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 2/0 dài 75 cm, kim tròn 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Sợi	3.360		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
914	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 2/0 dài 75 cm, kim tròn 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 2/0 dài 75cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Sợi	23.490		
915	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Sợi	50		
916	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 2/0, dài 70cm, kim tròn SH 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP.kim bằng thép Ethalloy có phủ silicone. - Kích thước: Chỉ số 2/0 dài 70cm, kim dài 26mm 1/2 vòng tròn 2. Tính năng, công nghệ: Kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Tép	13.188		
917	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 2/0, dài 75cm, kim tròn 25mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ Polyglactin 910,phủ Glacomer 37. Poly (glycolide-co-L- lactide) và calcium stearate. Kim bằng thép không rỉ 301(Cr: 16-18%, Ni 7-9%), bọc Silicon. - Kích thước: Chỉ số 2/0 dài 75cm, kim tròn 25mm 1/2C 2. Tính năng, công nghệ: Độ bền kéo nút thắt hơn 20-50% so với EP - USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với EP - USP. Đóng gói bằng Aluminum 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	13.300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
918	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 2/0, dài 75cm, kim tròn 25mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	1.200		
919	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Sợi	19.348		
920	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 4/0 dài 70cm, kim tròn SH-1 22mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt phủ Chlorhexidine Diacetate (CHD) với nồng độ không quá 60µg/m - Kích thước: số 4/0, chỉ dài 70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20 hoặc tương đương 2. Tính năng, công nghệ: - Đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. - Giá trị trung bình lực căng kéo nút thắt ≥ 9.32 N. - Sức căng kéo giảm 40-50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. - Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. 3. Tiêu chuẩn chất lượng:CE (Châu Âu)	Tép	6.100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
921	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 4/0 dài 70cm, kim tròn SH-1 22mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 22 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	48		
922	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin 910, số 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	240		
923	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin 910, số 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 4/0 dài 75cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 20mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu),CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Tép	6.390		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
924	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 22 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 22 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Sợi	50		
925	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin 910, số 5/0 dài 75cm, kim tròn 1/2 C dài 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat - Kích thước: Số 5/0, dài 75 cm, (duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày), kim tròn 1/2c, dài 17 mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	2.050		
926	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin 910, số 5/0 dài 75cm, kim tròn 1/2 C dài 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	1.188		
927	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 5/0, dài 75cm, kim taper point plus 17mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi tự tiêu Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate, kim cấu tạo từ hợp kim chuyên dụng gồm: Niken, Titan, Crom, Molipden, Sắt, Kim có độ bền kéo xấp xỉ 3000Mpa. - Kích thước: Số 5/0 dài 75cm, kim tròn đầu hình thoi dài 17 mm, kim 1/2 vòng tròn	Tép	130		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
928	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 5/0, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 5/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Sợi	48		
929	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 5/0, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 17mm	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 5/0 dài 75cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 17mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Sợi	108		
930	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910, số 6/0 dài 45cm , kim tròn dài 13mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 6/0 màu trắng, dài 45 cm, kim tròn 1/2c, dài 13 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde hoặc tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, FDA 510K (Premarket Notification), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	144		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
931	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin 910, số 7/0 dài 30cm, 2 kim hình thang dài 6mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 7/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói khay nhựa giảm nhớ hình, dễ lấy chỉ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001.	Sợi	240		
932	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910,số 1, dài 90 cm, kim tròn, dài 76 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, Kim thép 302 phủ silicon. - Kích thước: Số 1, dài 90 cm, (duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày), kim tròn 1/2c, dài 76 mm	Sợi	3.380		
933	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910,số 1, dài 90 cm, kim tròn, dài 76 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 76 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Sợi	2.880		
934	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910,số 1, dài 90cm, kim tròn CT 40mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước : số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Sợi	2.336		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
935	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910,số 1, dài 90cm, kim tròn CT 40mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Triclosan - Cỡ chỉ số 1 dài 90cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 40mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Sợi	9.640		
936	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910,số 3/0, dài 70cm, kim tròn 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Sợi	1.320		
937	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910,số 3/0, dài 70cm, kim tròn 26mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Poly (glycolide-co-l-lactide 90/10) - Bao phủ bởi 50% Poly(glycolide-co-l-lactide 30/70) + 50% Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 3/0 dài 75cm - Trương lực còn lại 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 56 - 70 ngày - 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 26mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Sợi	7.528		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
938	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910,số 6/0 màu trắng, dài 45 cm, kim tròn, dài 13 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, Kim thép 302 phủ silicon - Kích thước: Số 6/0 màu trắng, dài 45 cm, (duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày), kim tròn 1/2c, dài 13 mm	Sợi	1.140		
939	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglactin 910,số 6/0 màu trắng, dài 45 cm, kim tròn, dài 13 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 6/0 màu trắng, dài 45 cm, kim tròn 1/2c, dài 13 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Sợi	120		
940	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin, số 1 dài 90 cm, kim tròn dài 40 mm, 1/2 vòng tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ 100% glycolide. - Kích thước: Chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn dài 40mm, 1/2 vòng tròn. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim được làm bằng thép X-alloy với độ cứng cao (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti cộng thêm Molybdenum) kết hợp công nghệ khoan (LASER+EDM) và đánh bóng (EDM+AWJM+LAM) hoặc kim có chất liệu và công nghệ tương đương. - Thời gian hấp thụ hoàn toàn từ 60-90 ngày, sức căng duy trì 75% sau 14 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Tép	2.996		
941	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin, số 1 dài 90 cm, kim tròn dài 40 mm, 1/2 vòng tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate - Kích thước: số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. . - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, US-FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	Tép	82		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
942	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglactin, số 2/0 dài 70 cm, kim tròn dài 26 mm, 1/2 vòng tròn.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ 100% glycolide. - Kích thước: Chỉ số 2/0, dài 70cm, kim tròn dài 26mm, 1/2 vòng tròn. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim được làm bằng thép X-alloy với độ cứng cao (12% Chrome, 9% Nickel, 2% Cu, 0.9% Ti cộng thêm Molybdenum) kết hợp công nghệ khoan (LASER+EDM) và đánh bóng (EDM+AWJM+LAM) hoặc kim có chất liệu và công nghệ tương đương. - Thời gian hấp thụ hoàn toàn từ 60-90 ngày, sức căng duy trì 75% sau 14 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Tép	3.770		
943	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglycolic acid, số 1/0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyglycolic acid, được bao bọc bởi lớp Calcium stearate và polycaprolactone, kim thép 302 phủ silicone - Kích thước: Số 1, dài 90cm, Kim tròn dài 40mm, kim cong 1/2 2. Tính năng, công nghệ: sức căng còn 75% sau 14 ngày, tiêu hoàn toàn trong 60 đến 90 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	20.050		
944	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglycolic acid, số 1/0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate - Kích thước: số 0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 60 đến 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 60-75% sau 2 tuần, 40-50% sau 3 tuần, 25% sau 4 tuần - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	600		
945	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglycolic acid, số 1/0, dài 90cm, Kim tròn dài 40mm, kim cong 1/2	1. Thông số kỹ thuật: Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu đa sợi tổng hợp - Chất liệu Polyglycolic acid - Bao phủ bởi Polycaprolactone and Calcium Stearate - Cỡ chỉ số 1 dài 90cm, 1 kim tròn đầu vuốt nhọn 1/2 vòng tròn, dài 40mm. - Kim được làm bằng hợp kim thép không gỉ AISI 302, 420, phủ silicon. - Kim có thiết kế thân vuông, có rãnh giúp kim được kẹp chắc chắn. - Chỉ được đóng trong lá nhôm hàn kín có thể bóc được 2. Tính năng, công nghệ: - Trương lực còn lại 70 - 80% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày. Giữ vết thương 4 đến 5 tuần. Tiêu hoàn toàn trong 60 - 90 ngày - Kim được dập khuôn vào sợi chỉ bằng công nghệ dập đa điểm Multi Stroke và được thử nghiệm kiểm tra độ kéo kim. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Sợi	68.276		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
946	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polyglycolic acid, số 1/0, dài 90cm, Kim tròn dài 40mm, kim cong 1/2	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate - Kích thước: số 0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 60 đến 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 60-75% sau 2 tuần, 40-50% sau 3 tuần, 25% sau 4 tuần - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Sợi	14.526		
947	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglycolic acid, số 3/0 dài 75cm, kim tròn dài 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi Polyglycolic Acid - Kích thước: Số 3/0, dài 70 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng công nghệ: Sức căng còn 75% sau 14 ngày, tiêu hoàn toàn trong 60 đến 90 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485: 2016	Tép	242		
948	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglycolic acid, số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi polyglycolic acid, phủ polycaprolactone và calcium stearate, kim khâu được làm từ thép không gỉ AISI 302 kim phủ silicone - Kích thước: Số 3/0, dài 75cm, kim tròn 1/2c dài 26mm 2. Tính năng công nghệ: lực kéo đứt khi thắt nút >1,77kgf, hỗ trợ giữ vết khâu trong 30 ngày, lực kéo đứt sau phẫu thuật 2 tuần 70%, sau 3 tuần 40-50%, tan hoàn toàn từ 60-90 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	2.646		
949	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglycolic acid, số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 60 đến 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 60-75% sau 2 tuần, 40-50% sau 3 tuần, 25% sau 4 tuần - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	96		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
950	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglycolic acid, số 4/0, dài 75cm, kim tròn 1/2 dài 17mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 60 đến 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 60-75% sau 2 tuần, 40-50% sau 3 tuần, 25% sau 4 tuần - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Sợi	2.366		
951	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglycolic acid, số 4/0, dài 75cm, kim tròn 1/2 dài 18mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đa sợi Polyglycolic acid - Kích thước: Số 4/0, dài 75cm, kim tròn 1/2, 18mm	Sợi	734		
952	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglycolic acid, số 4/0, dài 75cm, kim tròn 1/2 dài 18mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate - Kích thước: số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 60 đến 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 60-75% sau 2 tuần, 40-50% sau 3 tuần, 25% sau 4 tuần - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Sợi	192		
953	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglycolic, số 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ polycaprolactone và calcium stearate, Kim làm bằng thép không gỉ AISI 420, 302. - Kích thước: Chỉ số 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm 2. Tính năng công nghệ: Giữ vết mổ đến 28 ngày, tan hoàn toàn trong 60-75 ngày. Sức căng còn lại đạt 70% vào ngày thứ 14; 40% vào ngày thứ 21 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485	Tép	26.176		
954	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi polyglycolic, số 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate - Kích thước: số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 60 đến 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 60-75% sau 2 tuần, 40-50% sau 3 tuần, 25% sau 4 tuần - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	1.200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
955	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đa sợi Polysorb hoặc tương đương, số 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C dài 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi caprolactone và calcium stearoyl lactylate, kim phủ silicon. - Kích thước: Chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu nhọn dài 40mm, cong 1/2 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: Đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	100		
956	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại đơn sợi Polydioxanone, số 7/0 dài 45cm, 2 kim tròn đầu tròn 13mm, 3/8C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ đơn sợi Polydioxanone , 2 kim bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone - Kích thước: Chỉ số 7/0 dài 45cm,2 kim dài 13mm 3/8 vòng tròn 2. Tính năng công nghệ: 2 kim tròn đầu tròn C, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh giúp giữa chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày	Tép	144		
957	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại Polyglactin 910, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 25mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu:Chỉ Polyglactin 910, chỉ phủ Glacomer 37. Poly (glycolide-co-L- lactide) và calcium stearate,Kim bằng thép không rỉ 301(Cr: 16-18%, Ni 7-9%), bọc Silicon. - Kích thước: Số 3/0 dài 75cm, kim tròn 25mm 1/2C 2. Tính năng công nghệ: Độ bền kéo nút thắt hơn 20-50% so với EP - USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với EP - USP 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	12.000		
958	Chỉ phẫu thuật tiêu, loại Polyglycolic acid, số 2/0 dài 70 cm, kim tròn dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Polyglycolic acid, được bao bọc bởi lớp Calcium stearate, este axit béo saccharose và polycaprolactone. - Kích thước: Số 2/0, dài 70cm, Kim tròn dài 26mm, kim cong 1/2. - Sức căng còn 50% sau 14-16 ngày, tiêu hoàn toàn trong 90 đến 105 ngày. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu).	Sợi	4.800		
959	Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi số 1 dài 90cm, kim tròn đầu nhọn GS-24 1/2C, 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lactomer 9-1 gồm glycolide và lactide được bao phủ bởi caprolactone và calcium stearoyl lactylate. Kim sắc bén, được phủ silicon theo công nghệ Nucoat. - Kích cỡ: Số 1, dài 90cm, kim tròn đầu nhọn GS-24 dài 40mm, cong 1/2 vòng tròn 2. Tính năng, công nghệ: Chỉ phẫu thuật tổng hợp, tiệt trùng, đa sợi, tan trung bình. Đạt lực khỏe nút buộc ban đầu bằng 140% tiêu chuẩn dược điển Mỹ hoặc tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Tép	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
960	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi chất liệu Polyglycolic acid size 1, Kim tròn đầu tròn 1/2C dài 40mm, Chỉ dài 90cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi chất liệu Polyglycolic acid PGA phủ Polycaprolactone + Calcium Stearate. - Kích cỡ: USP size 1. Kim CV300 tròn đầu tròn 1/2C dài 40mm. Chỉ dài 90cm 2. Tính năng, công nghệ: Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60-90 ngày, 70% sức căng trong vòng 14 ngày, 50% sức căng trong vòng 21 ngày, 10% sức căng trong vòng 28 ngày. Tiệt trùng EOt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO13485	Tép	1.200		
961	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi chất liệu Polyglycolic acid size 1, Kim tròn đầu tròn 1/2C dài 40mm, Chỉ dài 90cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate - Kích thước: số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 60 đến 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 60-75% sau 2 tuần, 40-50% sau 3 tuần, 25% sau 4 tuần - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	1.200		
962	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 1, dài 100 cm, kim tròn đầu tù, dài 65 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, được cấu thành từ một copolymer có thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide, được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate. - Kích thước: số 1, dài 100 cm, kim tròn đầu tù, dài 65mm, khâu gan. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 về tương thích sinh học: không gây độc tính tế bào, không gây kích ứng hay mẫn cảm dưới da, không gây sốt, không gây đột biến (gen) và không chứa độc tính di truyền. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde hoặc tương đương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, FDA 510(k) chứng minh tương đương Vicryl.	tép	480		
963	Chỉ Polypropylene số 1, dài 100 cm, kim tròn thân to 1/2C, dài 40 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tổng hợp polypropylene - Kích thước: số 1, dài 100 cm, kim tròn thân to 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình, đóng gói ngoài bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	1.488		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
964	Chỉ siêu bền	1. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu: chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bện của Polyester và UHMWPE giúp cho chỉ khâu siêu chắc chắn, linh hoạt và chống mài mòn, phù hợp cho các ca phẫu thuật chấn thương chỉnh hình. - Lõi chỉ được thiết kế riêng cho khả năng thao tác và chịu lực vượt trội. - Thân chỉ màu xanh dễ quan sát. - Chỉ dài 38inches liền kim 26,5mm hình dạng 1/2 vòng tròn. - Lực tải tại mức dịch chuyển 3mm là 46 lbf (tải trọng động), tương đương 204.6N. - Lực tải tối đa đạt 88Ib, tương đương 391.5Nm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	300		
965	Chỉ siêu bền 38inches liền kim 26,5mm, hình dạng 1/2 vòng tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: chỉ siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bện của Polyester và UHMWPE giúp cho chỉ khâu siêu chắc chắn, linh hoạt và chống mài mòn, phù hợp cho các ca phẫu thuật chấn thương chỉnh hình. - Lõi chỉ được thiết kế riêng cho khả năng thao tác và chịu lực vượt trội. - Thân chỉ màu xanh dễ quan sát. - Kích thước: Chỉ dài 38inches liền kim 26,5mm hình dạng 1/2 vòng tròn. - Lực tải tại mức dịch chuyển 3mm là 46 lbf (tải trọng động). - Lực tải tối đa đạt 88Ib. 2. Tính năng, công nghệ: Chỉ khâu đa sợi dùng trong nội soi khớp. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	500		
966	Chỉ siêu bền dùng trong nội soi khớp	1. Thống số kĩ thuật: - Chỉ siêu bền số 2, chất liệu UHMWPE, màu trắng/xanh, chiều dài 39 inch (99cm). Kim dạng 1/2 hình tròn (MO-6 hoặc tương đương), dài 26mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	40		
967	Chỉ silk số 3/0 không kim	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, không kim, dài 150 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, IS0 14001	Tép	2.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
968	Chỉ silk số 3/0, kim tròn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ không tan tự nhiên silk - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ chiết xuất từ kén tằm Bombyx Mori, có tráng phủ một lớp sáp (wax) hoặc silicon. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat hoặc tương đương, mũi kim UltraGlyde hoặc tương đương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, IS0 14001	Tép	1.800		
969	Chỉ tan chậm đơn sợi polydioxanone, số 2/0, dài 70cm, kim tròn đầu vuốt nhọn taper point 1/2C 26mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm đơn sợi polydioxanone - Kích thước: Số 2/0, dài 70cm, kim tròn đầu vuốt nhọn taper point 1/2C 26mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết mổ 60-90 ngày, tan hoàn toàn 180-210 ngày, sức căng còn lại sau 2 tuần 75%, sau 4 tuần 60%. Độ bền kéo nút thắt ≥37N. Lực tách kim và chỉ ≥30.3N. - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom 17-19%, Niken 8-10%, Cu 5-7%, Molypdenum 7%), phủ silicon. Đường kính kim 0,63 - 0,98mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE-MDR (Châu Âu).	Tép	3.630		
970	Chỉ tan chậm đơn sợi polydioxanone, số 3/0, dài 70cm, kim tròn đầu vuốt nhọn taper point 1/2C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm đơn sợi polydioxanone. - Kích thước: số 3/0, dài 70cm, kim tròn đầu vuốt nhọn taper point 1/2C 26mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết mổ 60-90 ngày, tan hoàn toàn 180-210 ngày, sức căng còn lại sau 2 tuần 75%, sau 4 tuần 60%. Độ bền kéo nút thắt ≥25.3N. Lực tách kim và chỉ ≥21.2N - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom 17-19%, Niken 8-10%, Cu 5-7%, Molypdenum 7%), phủ silicon. Đường kính kim 0,58 - 0,68mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE-MDR (Châu Âu).	Tép	6.894		
971	Chỉ tan chậm đơn sợi polydioxanone, số 4/0, dài 70cm, kim tròn đầu vuốt nhọn taper point 1/2C 20mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm đơn sợi polydioxanone. - Kích thước: số 4/0, dài 70cm, kim tròn đầu vuốt nhọn taper point 1/2C 26mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết mổ 60-90 ngày, tan hoàn toàn 180-210 ngày, sức căng còn lại sau 2 tuần 75%, sau 4 tuần 60%. Độ bền kéo nút thắt ≥16.5N. Lực tách kim và chỉ ≥14.7N - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom 17-19%, Niken 8-10%, Cu 5-7%, Molypdenum 7%), phủ silicon. Đường kính kim 0,43 - 0,68mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE-MDR (Châu Âu).	Tép	8.718		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
972	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	2.792		
973	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 2, dài 75 cm, kim tròn 1/2C dài 50 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 2, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 50 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	3.224		
974	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2C dài 26 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut, làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. - Kích thước: số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ vô trùng có tẩm muối Chrome, được làm từ sợi collagen thiên nhiên tinh khiết, giữ vết khâu tốt nhất trong vòng từ 14 đến 21 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (bởi tác động enzyme) trong vòng 90 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ - Duy trì sức căng: 50% sau 2 tuần. - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001, TCVN	Tép	14.720		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
975	Chỉ tan đơn sợi tổng hợp polydoxanone kháng khuẩn, số 1, dài 90cm, kim tròn dài 40mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tan tổng hợp đơn sợi kháng khuẩn phức hợp polydioxanone + triclosan với nồng độ ≤ 2360µg/m. - Chỉ số 1 dài 90cm, 1 kim tròn đầu tròn CT dài 40mm, 1/2 vòng tròn, phủ silicone ≥ 3 lớp giữ độ sắc bén ổn định sau 30 lần đâm kim, đường kính kim ≤ 1.14mm 2. Tính năng công nghệ: - Giảm chảy máu chân kim, giới hạn độ bền kéo hợp kim ≥ 2750 MPa chống cong gãy, thân kim dẹp, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giữ kim linh hoạt không xoay kim. - Diệt khuẩn gram dương và gram âm gồm cả chủng kháng kháng sinh E.coli, MRSA, MRSE, K. pneumoniae, S. aureus, S. epidermidis. - Lực giữ vết mổ 80% sau 2 tuần - 70% sau 4 tuần - 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Tép	1.440		
976	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi (Polyglactin 910) số 2/0, dài 90 cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 36 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 (90% glycolide và 10% L-lactide) phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate (1-5% tùy cỡ chỉ), số 2/0, dài 90 cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 36 mm, - Chỉ được nhuộm màu tím hoặc không nhuộm. 2. Tính năng, công nghệ: - Duy trì sức căng: 40-50% sau 1 tuần. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat hoặc tương đương, mũi kim UltraGlyde hoặc tương đương - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 7 đến 10 ngày. - Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) trong vòng 42 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Tép	4.000		
977	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi polyglycolic acid 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2C 36mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi polyglycolic acid phủ poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate. - Kích thước: chỉ số 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt 1/2C 36mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Sức căng còn lại đạt 40% sau 7 ngày. Tan hoàn toàn 42 ngày. Độ bền kéo nút thắt ≥51.2N. Lực tách kim và chỉ ≥45.5N. - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom 17-19%, Niken 8-10%, Cu 5-7%, Molypdenum 7%), phủ silicon. Đường kính kim từ 0.68-0.98mm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE-MDR (Châu Âu).	Tép	21.584		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
978	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglycolic Acid số 2/0, dài 90 cm, kim tròn 1/2C dài 37 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi polyglycolic acid, phủ Poly(epsilon-caprolactone) và Calcium Stearate - Kích thước: số 2/0, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 37 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 7 đến 10 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) trong vòng 42 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ. - Duy trì sức căng: 40-50% sau 1 tuần - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	6.880		
979	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid 100% 2 chất phủ, số 1 dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate, Lớp phủ ngoài (thấp hơn 0,5%) giúp sợi chỉ lướt qua mô dễ dàng - Kích thước: số 1, dài 90cm, kim tròn 1/2C 40mm 2. Tính năng, công nghệ: - Sức căng còn lại của chỉ trong cơ thể khoảng 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày kể từ sau khi cấy. Tan hoàn toàn tối thiểu 60 ngày và tối đa 90 ngày. Độ bền kéo nút thắt ≥78.4N. Lực tách kim và chỉ ≥35.2N. - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom 17-19%, Niken 8-10%, Cu 5-7%, Molypdenum 7%), phủ silicon. Đường kính kim từ 0.78mm - 1.28mm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE-MDR (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	52.660		
980	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid 100% 2 chất phủ, số 4/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 18mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate, Lớp phủ ngoài (thấp hơn 0,5%) giúp sợi chỉ lướt qua mô dễ dàng. - Kích thước: số 4/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C 18mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Sức căng còn lại của chỉ trong cơ thể khoảng 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày kể từ sau khi cấy. Tan hoàn toàn tối thiểu 60 ngày và tối đa 90 ngày. Độ bền kéo nút thắt ≥14.4N. Lực tách kim và chỉ ≥9.4N. - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom 17-19%, Niken 8-10%, Cu 5-7%, Molypdenum 7%), phủ silicon. Đường kính kim từ 0,58 - 0,78mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE-MDR (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	12.600		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
981	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid 100% 2 chất phủ, số 5/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 18mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate, Lớp phủ ngoài (thấp hơn 0,5%) giúp sợi chỉ lướt qua mô dễ dàng - Kích thước: số 5/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C 18mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Sức căng còn lại của chỉ trong cơ thể khoảng 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày kể từ sau khi cấy. Tan hoàn toàn tối thiểu 60 ngày và tối đa 90 ngày. Độ bền kéo nút thắt ≥9.7N. Lực tách kim và chỉ ≥6.5N. - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom 17-19%, Niken 8-10%, Cu 5-7%, Molypdenum 7%), phủ silicon. Đường kính kim từ 0,33 - 0,43mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE-MDR (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	5.920		
982	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid 100%, 2 chất phủ, số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate, Lớp phủ ngoài (thấp hơn 0,5%) giúp sợi chỉ lướt qua mô dễ dàng - Kích thước: số 2/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Sức căng còn lại của chỉ trong cơ thể khoảng 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày kể từ sau khi cấy. Tan hoàn toàn tối thiểu 60 ngày và tối đa 90 ngày. Độ bền kéo nút thắt ≥43.6N. Lực tách kim và chỉ ≥21.1N. - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom 17-19%, Niken 8-10%, Cu 5-7%, Molypdenum 7%), phủ silicon. Đường kính kim từ 0,68 - 1,28mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE-MDR (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	16.544		
983	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid 100%, 2 chất phủ, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate, Lớp phủ ngoài (thấp hơn 0,5%) giúp sợi chỉ lướt qua mô dễ dàng - Kích thước: số 3/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm 2. Tính năng, công nghệ: - Sức căng còn lại của chỉ trong cơ thể khoảng 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày kể từ sau khi cấy. Tan hoàn toàn tối thiểu 60 ngày và tối đa 90 ngày. Độ bền kéo nút thắt ≥25.1N. Lực tách kim và chỉ ≥14.4N. - Kim làm bằng thép không gỉ cho độ bền uốn cao và tính dẻo tốt, loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom 17-19%, Niken 8-10%, Cu 5-7%, Molypdenum 7%), phủ silicon. Đường kính kim từ 0,58 - 0,78mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE-MDR (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	16.184		
984	Chỉ thép điện cực, số 3/0, đóng gói 01 tép 2 sợi, 01 xanh + 01 trắng, dài 60cm, 02 đầu kim HR17	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép, kim phủ silicone - Kích cỡ: Số 3/0, đóng gói 01 tép 2 sợi, 01 xanh + 01 trắng, dài 60cm, 02 đầu kim HR17/GS65v	Tép	172		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
985	Chỉ thép dùng trong nha khoa	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ làm bằng Thép không gỉ. - Dùng trong nha khoa. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cuộn	698		
986	Chỉ thép không gỉ, loại khâu xương bánh chè, số 4 dài 45 cm, kim tròn đầu cắt 1/2C dài 48 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: số 4, 4 sợi x 45 cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 48 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	528		
987	Chỉ thép không gỉ, loại khâu xương bánh chè, số 5 dài 75 cm, kim tròn 1/2C dài 55 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: số 5, dài 75 cm, kim tròn trocar 1/2c, dài 55 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	434		
988	Chỉ thép không gỉ, loại khâu xương bánh chè, số 7 dài 60 cm, kim tam giác dài 120 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: số 7, dài 60 cm, kim tam giác 1/2c, dài 120 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ thép khâu xương bánh chè - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	1.038		
989	Chỉ thép không gỉ, loại khâu xương bánh chè, số 7 dài 60 cm, kim tam giác dài 120mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: số 7, dài 60 cm, kim tam giác 1/2c, dài 120 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ thép khâu xương bánh chè - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	1.256		
990	Chỉ thép phẫu thuật số 5 dài 45cm, kim tròn đầu cắt 48mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ thép được làm từ thép không gỉ 316L, đơn sợi, số 5, dài 45cm, kim tròn đầu cắt 48 mm, 1/2 vòng tròn, tép 4 sợi, được sử dụng để đóng xương ức, chỉnh hình, đóng thành bụng & sửa chữa thoát vị. Sức căng đạt 15.1 kgf. Lực tách kim đạt 9.96 kgf. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn, chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	1.157		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
991	Chỉ thép phẫu thuật số 7 dài 60cm, kim tam giác 120 mm, 1/2C	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ thép phẫu thuật được làm từ thép không gỉ 316L, đơn sợi, số 7, dài 60cm, kim tam giác ngược 120 mm, 1/2 vòng tròn, được sử dụng để đóng xương ức, chỉnh hình, đóng thành bụng & sửa chữa thoát vị. - Kim làm bằng thép X-alloy phủ silicone, khoan (LASER + EDM) và đánh bóng (EDM + AWJM + LAM), giúp tăng khả năng xuyên qua mô. 2. Tiêu chuẩn, chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Tép	1.066		
992	Chỉ thép số 5 dài 45cm, kim tròn đầu cắt KV-40, 1/2C, 48mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ chất liệu 316L. Kim phủ silicon ; - Kích cỡ: Số 5, 4 sợi dài 45cm, kim tròn đầu cắt, dài 48mm, cong 1/2 vòng tròn. 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ thép khâu xương; - Kim phủ theo công nghệ Nucoat, kim xoay Rotogip (hoặc kim có công nghệ tương đương) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Tép	2.440		
993	Chỉ thép số 7 dài 45cm, kim tròn đầu cắt KV-40, 1/2C, 48mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ chất liệu 316L đạt tiêu chuẩn ASTM F138 mức độ 2 về "Thanh thép và dây thép không gỉ cho các phẫu thuật cấy ghép" hoặc tương đương. Kim phủ silicon theo công nghệ Nucoat hoặc tương đương - Kích cỡ: Số 7 dài 45cm, kim tròn đầu cắt KV-40, 1/2C, 48mm	Tép	400		
994	Chỉ thép thép Caresteel số 7 khâu xương bánh chè, dài 60 cm, kim tam giác 1/2C dài 120 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: số 7, dài 60 cm, kim tam giác 1/2c, dài 120 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ thép khâu xương bánh chè - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	2.128		
995	Chỉ thép, loại khâu xương, số 1, chất liệu 316L chỉ dài 45 cm, tép 04 sợi, kim tròn 1/2C dài 37 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Thép 316L. - Kim phủ silicone số 1. - Chỉ dài 45cm, tép 04 sợi, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 37mm. - Giá trị trung bình lực căng kéo ≥ 4.76 Kgf 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tép	1.160		
996	Chỉ thép, loại khâu xương, số 1, chất liệu 316L chỉ dài 45 cm, tép 04 sợi, kim tròn 1/2C dài 37 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: số 1, 4 sợi x 45 cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 40 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. - Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 14001	Tép	344		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
997	Chỉ tiêu Polyglicolic acid 6/0, dài 45 cm, kim hình thang 3/8C, dài 6.5mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tiêu Polyglicolic acid 6-0 sợi tím bện 6-0, dài 45 cm - Kim hình thang dài 6.5mm - Độ cong 1/4 90° - Đường kính 0.24mm. 2. Tính năng công nghệ: - Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge hoặc tương đương). - Kim phủ silicon (gồm Nikel và Chrome). - Kim được tạo lỗ đột bằng công nghệ Laser. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Sợi	96		
998	Chỉ tiêu Polyglicolic acid 7/0, dài 30 cm, kim hình thang 3/8C, dài 6.5mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ tiêu Polyglicolic acid, sợi tím 7-0 dài 30 cm - Kim hình thang dài 6.5mm - Độ cong 3/8 135° - Đường kính 0.20mm. 2. Tính năng công nghệ: - Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge hoặc tương đương), - Kim phủ silicon (gồm Nikel và Chrome). - Kim được tạo lỗ đột bằng công nghệ Laser. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Sợi	96		
999	Chổi đánh bóng răng	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước 5cm. - Chất liệu: hợp kim, mút nỉ, sợi pony. 2. Tính năng, công nghệ: - Công dụng đánh bóng cạo vôi, làm sạch bề mặt răng khi sửa soạn gắn/dán với các vật liệu khác. - Chổi đánh bóng nha khoa được dùng để làm sạch và đánh bóng răng sau khi cạo vôi. - Đầu chổi được làm bằng các sợi lông tơ mềm. - Chổi cước có độ bền cao, có thể hấp tiệt trùng tái sử dụng đến khi sợi cước bị mòn. - Sản phẩm sử dụng kết hợp với đầu khuỷu của tay khoan chậm và sò đánh bóng cạo vôi.	Chiếc	8.494		
1000	Chổi lấy mẫu tế bào cổ tử cung	1. Tính năng, công nghệ: Chổi lấy mẫu tế bào cổ tử cung	Cái	2.000		
1001	Chổi rửa kênh ống soi	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài làm việc 180cm đến 230cm. - Đường kính ống ngoài 1.8mm. Đường kính chổi chải kênh dụng cụ 7mm. Đường kính chổi chải cổng/van 5mm và 12mm. Đường kính kênh tối thiểu 2.2mm. - Chổi chải kênh dụng cụ và chổi chải cổng/van. - Sử dụng một lần. Đóng gói vô trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	136		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1002	Chổi rửa kênh ống soi 2 đầu	1. Tính năng, công nghệ: Chổi rửa kênh sinh thiết ống soi mềm dùng 1 lần, 230cm.	Cái	2.105		
1003	Chốt thắt chỉ khâu sử dụng cho dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa	1. Thông số kỹ thuật: Chốt titan thắt chỉ khâu bao gồm: - Chốt có dạng hình nấm làm từ chất liệu titan y tế. - Móc cong cùn. - Một dây bẫy chỉ. 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng kết hợp với chỉ khâu polyester để thắt và cắt chỉ khâu trong phẫu thuật chung và phẫu thuật tim mạch. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	40		
1004	Clip (kẹp) cầm máu dùng trong nội soi, độ mở 12mm tương thích kênh dụng cụ ống soi ≥ 2.8mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chuôi nối dài xương đùi Titanium. Vít chốt bằng Titanium - Kích cỡ: + Độ mở clip: 12mm + Góc mở: 135 độ + Chiều dài: 2300mm + Độ mở clip: 12mm 2. Tính năng, công nghệ: Tương thích kênh dụng cụ ống soi ≥ 2.8mm - Dùng đánh dấu, kẹp cầm máu. Khả năng đóng - mở clip ≥ 10 lần trước khi đóng clip. - Tay gắn được thiết kế công thái học để điều khiển bằng 01 tay tạo điều kiện tái định vị hiệu quả và hiệu quả của clip. Thiết kế lõi đặc biệt, xoay 2 bên 360 độ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485	Cái	4.880		
1005	Clip (kẹp) cầm máu dùng trong nội soi, độ mở 12mm tương thích kênh dụng cụ ống soi ≥ 2.8mm	1. Thông số kỹ thuật: - Dùng đánh dấu, kẹp cầm máu 2. Tính năng, công nghệ: - Khả năng đóng - mở clip ≥ 10 lần trước khi đóng clip. - Tay gắn được thiết kế công thái học để điều khiển bằng 01 tay tạo điều kiện tái định vị hiệu quả và hiệu quả của clip. - Thiết kế lõi đặc biệt, xoay 2 bên 360 độ. - Độ mở clip: 12-16mm - Góc mở: 135 độ - Chiều dài: 2300mm - Tương thích kênh dụng cụ ống soi ≥ 2.8mm - Tiêu chuẩn sử dụng 1 lần. - Chụp được dưới cộng hưởng từ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	40		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1006	Clip (kẹp) cầm máu titan 2.08 x 2.87mm, cỡ nhỏ, Horizon cỡ SW hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: Chiều rộng của Clip 2.08mm, chhiều cao 2.87mm. 2. Tính năng, công nghệ: Clip titan kẹp mạch máu hình chevron, thân clip có rãnh nằm ngang ngăn mạch máu khỏi bị tuột. Thân clip có hình trái tim tạo lực giữ chắc mạch máu. Có cấu tạo đặc biệt ngăn ngừa vỡ mạch máu và tuột khi phẫu thuật. Phân loại kích cỡ theo màu sắc (S Wide - đỏ) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	1.180		
1007	Clip (kẹp) cầm máu titan, cỡ nhỏ, Horizon cỡ S hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: Chiều rộng của Clip 1.98mm, chiều cao của Clip 2.87mm 2. Tính năng, công nghệ: Clip titan kẹp mạch máu hình chevron, thân clip có rãnh nằm ngang ngăn mạch máu khỏi bị tuột. Thân clip có hình trái tim tạo lực giữ chắc mạch máu. Có cấu tạo đặc biệt ngăn ngừa vỡ mạch máu và tuột khi phẫu thuật. Phân loại kích cỡ theo màu sắc (S- Vàng) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	1.400		
1008	Clip (kẹp) cầm máu titan, cỡ siêu nhỏ, Horizon cỡ micro hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: Chiều rộng của Clip 1.91mm, chiều cao 1.91mm, chiều dài khi đóng Clip 2.24mm. 2. Tính năng, công nghệ: Clip titan kẹp mạch máu hình chevron, thân clip có rãnh nằm ngang ngăn mạch máu khỏi bị tuột. Thân clip có hình trái tim tạo lực giữ chắc mạch máu. Có cấu tạo đặc biệt ngăn ngừa vỡ mạch máu và tuột khi phẫu thuật. Phân loại kích cỡ theo màu sắc (Micro- Trắng) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	1.400		
1009	Clip (kẹp) cầm máu titan, cỡ trung bình, Horizon cỡ M hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: Chiều rộng của Clip 3.02mm, chhiều cao 4.68mm 2. Tính năng, công nghệ: Clip titan kẹp mạch máu hình chevron, thân clip có rãnh nằm ngang ngăn mạch máu khỏi bị tuột. Thân clip có hình trái tim tạo lực giữ chắc mạch máu. Có cấu tạo đặc biệt ngăn ngừa vỡ mạch máu và tuột khi phẫu thuật. Phân loại kích cỡ theo màu sắc (M - xanh dương) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	1.880		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1010	Clip (kẹp) Polymer kẹp mạch máu, các cỡ ML, L, XL	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polymer không tiêu đảm bảo độ tương thích sinh học cao, có chứa Tenac 5010 hoặc tương đương giúp tăng độ bền kéo của clip tới 72 MPa. - Kích cỡ: + Cỡ M chiều rộng clip 7.8mm, độ dầy clip 2.10mm, kẹp mạch từ 2mm - 7mm. + Cỡ ML chiều rộng clip 10.3mm, độ dầy clip 1.96mm, kẹp mạch từ 3-10mm. + Cỡ L chiều rộng clip 14.63mm, độ dầy clip 2.49mm, kẹp mạch từ 5mm - 13mm. + Cỡ XL chiều rộng clip 18.03mm, độ dầy clip 2.49mm, kẹp mạch máu từ 7mm - 16mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Cơ chế kẹp lạnh, không toả nhiệt đến các cấu trúc mô. - Có gai dọc thân kẹp chống trượt với chân bám 360 độ, có khóa an toàn. - Được chứng nhận dùng cho phẫu thuật robot. - Không làm ảnh hưởng đến CT, MRI, X-ray. - Tương thích với kìm kẹp clip cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	3.000		
1011	Clip (kẹp) Titan kẹp mạch máu, các cỡ S, M, ML, L	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: Kẹp được mạch máu cỡ 0,3 mm đến 7,5mm. Clip khi mở dài lần lượt 3.2 - 4.7 - 8.0 - 11.9mm, rộng 2.1 - 2.9 - 5.2-5.4mm. Clip khi đóng dài lần lượt 3.7 - 5.4 - 9.0 - 12.3mm 2. Tính năng, công nghệ: - Hình chữ V. Tương thích với kìm kẹp clip cỡ 0.59mm-1.42mm. Các vỉ clip được mã hóa màu sắc tương ứng với Kìm kẹp clip	Cái	7.000		
1012	Clip kẹp mạch máu titan cỡ lớn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium. - Độ mở clip 7,5mm, chiều dài clip khi đóng 12,26mm. - Dùng cho kìm kẹp cỡ trung bình - lớn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	500		
1013	Clip kẹp mạch máu titan cỡ trung bình	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium. - Độ mở clip 6,4mm, chiều dài clip khi đóng 8,99mm. - Dùng cho kìm kẹp cỡ trung bình - lớn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	1.500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1014	Clip kẹp mạch máu và mô Hem-o-lok	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Acetal Homopolymer Tenac 5010. - Cỡ M: chiều rộng clip 7.8mm, độ dày clip 2.10mm, kẹp mạch từ 2mm - 7mm - Cỡ ML: chiều rộng clip 10.3mm, độ dày clip 1.96mm, kẹp mạch từ 3mm - 10mm - Cỡ L: chiều rộng clip 14.63mm, độ dày clip 2.49mm, kẹp mạch từ 5mm - 13mm - Cỡ XL: chiều rộng clip 18.03mm, độ dày clip 2.49mm, kẹp mạch máu từ 7mm - 16mm 2. Tính năng, công nghệ: - Cơ chế kẹp lạnh, không toả nhiệt đến các cấu trúc mô. - Có gai dọc thân kẹp chống trượt với chân bám 360 độ, có khóa an toàn. - Được chứng nhận dùng cho phẫu thuật robot. - Không làm ảnh hưởng đến CT, MRI, X-ray. - Tương thích với kìm kẹp clip cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	10.200		
1015	Clip Titan kẹp mạch máu 2,5-4 mm	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium. - Kẹp được mạch máu cỡ 2,5 mm đến 4 mm. - Clip khi mở dài 8,0mm, rộng 5,2mm. - Clip khi đóng dài: 9,0mm. - Hình chữ V. - Tương thích với kìm kẹp clip cỡ 1,16mm - 1,32mm; các vỉ clip được mã hóa màu sắc tương ứng với Kìm kẹp clip.	Cái	300		
1016	Clip Titan kẹp mạch máu 3,5-7,5 mm	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium - Kẹp được mạch máu cỡ 3,5 mm đến 7,5 mm. - Clip khi mở dài 11,9mm, rộng 5,4mm. - Clip khi đóng dài 12,3mm. - Hình chữ V. - Tương thích với kìm kẹp clip cỡ 1,26mm - 1,42mm; các vỉ clip được mã hóa màu sắc tương ứng với Kìm kẹp clip.	Cái	300		
1017	Cọ bond dùng làm sạch keo trám răng	Thông số kỹ thuật: Cọ quét keo với đầu lông mịn, không rụng lông tơ khi sử dụng, không tan trong môi trường miệng hay dung môi trong vật liệu nha khoa.□	Cây	105.672		
1018	Co chữ T cai máy thở	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: Ống đựng oxy dài 15 cm để cung cấp oxy tạm thời, cổng cung cấp oxy có nắp: 6mm, cổng kết nối theo tiêu chuẩn ISO: 22/15mm và 22M 2. Tính năng, công nghệ: Hỗ trợ máy thở, với mục đích duy trì đường thở cho bệnh nhân	Cái	55.100		
1019	Co nối chữ Y	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Co nối chữ Y chất liệu Polycarbonate 2. Tính năng, công nghệ: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	600		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1020	Co nối chữ Y có hoặc không có khóa luer	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu nối chữ Y có khoá hoặc không khóa Luer Lock các cỡ; - Vật liệu Polycarbonate (PC); - Nắp không thông khí vật liệu HDPE (Nắp cho khoá luer lock). 2. Tính năng công nghệ: - Đóng gói tiệt trùng bằng E.O. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	550		
1021	Co nối thẳng 1/4 male có khóa luer lock hoặc co nối thẳng	1. Thông số kỹ thuật: - Co nối thẳng 2 nhánh 1/4 Male có khóa Luer-Lock hoặc Male-Male - Vật liệu Polycarbonate - Nút đậy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng gói vô trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	760		
1022	Co nối thẳng có hoặc không có khóa luer các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu nối chữ Y có khoá hoặc không khóa Luer Lock các cỡ; - Vật liệu Polycarbonate (PC); - Nắp không thông khí vật liệu HDPE (Nắp cho khoá luer lock). 2. Tính năng công nghệ: - Đóng gói tiệt trùng bằng E.O. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	160		
1023	Cone dùng trong nha khoa	Thông số kỹ thuật: - Độ thuôn 4%,5%, 6%. - Dùng cho ống tủy được sửa soạn với trâm tay.□	Hộp	1.066		
1024	Cuộn nút tắc mạch ngoại biên có sợi, thu lại	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: platinum,được gắn các sợi bằng chất liệu Nylon hoặc PGLA - Đường kính tối thiểu ≤2mm và tối đa ≥ 20mm, Chiều dài từ 2-50 cm. 2. Tính năng và công nghệ : - Mềm mại với điều hướng trơn tru - Hoàn toàn có thể thu lại sau khi triển khai toàn phần hoặc một phần, dễ dàng thay đổi vị trí bung. - Hệ thống cắt bằng cơ học (Detachable) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	30		
1025	Đai xương đòn, các số 2-9	1. Thông số kỹ thuật: - Mút bọc vải poly co giãn tốt, dây đai chằng, khoen tam giác. - Mút dày 18 mm, khoen tam giác 4cm dán xé, ngang 4cm, dài 52cm. 2. Tính năng công nghệ: Mút bọc vải poly co giãn tốt, dây đai chằng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	30.340		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1026	Dẫn lưu ngực ba buồng	1. Thông số kỹ thuật: - Hệ thống dẫn lưu ngực kín nước, sử dụng một lần. - Gồm ba buồng [buồng kín nước (1), buồng điều khiển hút (2), và buồng chứa dịch (3)] với thể tích chứa dịch 2500ml. - Mức nước yêu cầu cho buồng kín nước là 2cm và buồng kiểm soát hút là 20cmH2O. - Bình dẫn lưu có móc treo giường và giá đứng sàn. Có van giải áp lực âm và dương giúp bảo vệ bệnh nhân tối ưu. -Tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	400		
1027	Dao bào da cỡ 157mm x 18mm x 0.229mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Được làm từ thép không gỉ - Kích cỡ: 157mm (dài) x 18mm (cao) x 0.229mm (dày) 2. Tính năng, công nghệ: Tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma. Cạnh sắc bén giúp bào vết bỏng trơn tru và ngăn cho các ngón tay co lại 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Cái	524		
1028	Dao cắt cơ vòng	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu thuôn - Chiều dài làm việc 200cm - Chiều dài đầu tip 5mm - Có phủ lớp cách điện một phần dao cắt chiều dài 10mm; 12mm; 15mm - Chiều dài dao cắt 20mm, 25mm, 30 mm, vỏ ngoài đường kính 2.55/2.1 mm - Tương thích dây dẫn 0.035". - Phù hợp kênh làm việc đường kính tối thiểu 2.8mm - Đánh dấu vòng màu giúp dễ quan sát - Tiệt trùng. - Sử dụng 1 lần 2. Tính năng, công nghệ: để thăm dò hệ thống ống mật và tách nhú tá tràng lớn và bộ máy cơ vòng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	100		
1029	Dao cắt cơ vòng 3 kênh, 30mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ: Dao cắt cơ vòng oddi 3 kênh, chiều dài dây dẫn 195cm, đường kính 1,5-2.0mm, chiều dài dao cắt 30cm, đầu tip 6 mm 2. Tính năng, công nghệ: Dùng chung với dây dẫn 0,035"	Cái	80		
1030	Dao cắt cơ vòng 3 kênh, 30mm	1. Thông số kỹ thuật: - Loại Ultratome. Chiều dài dao 30mm. - Đường kính đầu dao 1.8mm. Chiều dài đầu tip = 5mm. - Đường kính dụng cụ 5.5Fr - Chiều dài dụng cụ 200cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Ngã luồn dây dẫn tương thích 0.035 inch. - Thiết kế ngã bơm và ngã luồn dây dẫn riêng biệt.	Cái	96		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1031	Dao cắt cơ vòng dạng kim 3 kênh	1. Thông số kỹ thuật: - Dao cắt cơ vòng dạng kim 3 kênh (kênh C, ngã bơm, ngã luồn dây dẫn). - Chiều dài dao kim: 5mm. - Đường kính dụng cụ 5,5Fr - chiều dài dụng cụ 200cm. - Ngã luồn dây dẫn 0,035 inch. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	130		
1032	Dao cắt đốt 2 nút bấm, 3 chấu (bao gồm cả tay dao và dây dao)	1. Thông số kỹ thuật: Dây nối dài 4m 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu gắn vào máy 3 chấu, tương thích với tất cả máy cắt đốt. Dây nối kèm đầu dao hình kiếm, Sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được, nhiệt độ hấp tối đa 138 độ C, tái sử dụng trên 50 lần.	Cái	434		
1033	Dao cắt dưới niêm mạc, hình kim đường kính 0,4 mm - dài 5 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Dao hình kim đường kính 0,4mm. - Dài 5mm, đầu tròn đường kính 2,3mm. - Đường kính dụng cụ 2,3mm, dài 185cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng cắt dưới niêm mạc trong điều trị ung thư sớm đường tiêu hóa. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Cái	1.080		
1034	Dao cắt dưới niêm mạc, hình kim đường kính 0,4 mm - dài 6 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Dao hình kim đường kính 0,4mm . - Dài 6mm. - Đường kính dụng cụ 1,6mm, dài 185cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Cái	1.080		
1035	Dao cắt hàn mạch (bao gồm cả tay dao và dây dao) đường kính 4mm, chiều dài 21 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài dụng cụ 21 cm. Hình dạng ngàm cong 40 độ. Chiều dài ngàm 21.6 mm. Chiều dài vùng cắt 19.8 mm. Chiều dài vùng hàn mạch 20.6 mm. Hàm rộng ở đỉnh 2 mm. Đường kính ngàm 4 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Ngàm dao được phủ lớp chống dính nano-coated. Hàn mạch/chia. Hàm thon mịn. Kích hoạt tay hoặc chân.	Cái	78		
1036	Dao cắt hàn mạch (bao gồm cả tay dao và dây dao) đường kính 5mm, chiều dài 37 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính 5mm, chiều dài 37cm - Chiều dài ngàm dao hàn mạch 20.3mm - Chiều dài ngàm dao cắt 18.5mm - Hình dạng ngàm dao cong 22 độ 2. Tính năng, công nghệ - Ngàm dao phủ lớp nano - coating - Hàm có kết cấu điểm chặn bằng sứ - Nhiệt độ ngàm dao dưới 60 độ C sau mỗi lần kích hoạt - Tương thích với các hệ thống máy Valleylab 3.Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ) 4. Xuất xứ: G7	Cái	328		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1037	Dao cắt hàn mạch dài 200mm, đầu tip cong 18 độ	1. Thông số kỹ thuật: - Dài 200mm, đầu tip cong 18 độ 2. Tính năng, công nghệ: - Tay dao hàn mạch máu, trơn nhẵn, bọc lớp cách điện, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được	Cái	50		
1038	Dao cắt hàn mạch, đường kính 5 mm, chiều dài 37 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Dao mổ điện lưỡng cực dùng trong mổ nội soi. - Chiều dài 37 cm. - Đường kính 5 mm. - Chiều dài lưỡi dao 20,3 mm. - Có lớp chống dính trên lưỡi dao, đầu cong 22 độ. - Kích thước mạch máu có thể hàn tối đa 7 mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	22		
1039	Dao cắt tiêu bản 80 x 8 x 0,25 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Thép, lớp ngoài phủ PTFE. - Kích thước: 80x8x0,25mm, góc nghiêng 34 độ. - Không bị mờ và xước khi cắt, cắt được tất cả các loại mô (mô cứng, mô mềm, …). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	3.000		
1040	Dao hàn mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Dùng hàn mạch loại ngàm cong. - Kích thước: ngàm 17mm,đường kính 5mm,dài 140mm, dây dài 4m. - Trục xoay đầu dao: 360 độ. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).	Cái	50		
1041	Dao hàn mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Dùng hàn mạch loại ngàm cong. - Kích thước: ngàm 17mm,đường kính 5mm,dài 200mm, dây dài 4m. - Trục xoay đầu dao: 360 độ. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).	Cái	50		
1042	Dao hàn mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Dùng hàn mạch loại ngàm cong. - Kích thước: ngàm 17mm,đường kính 5mm,dài 350mm, dây dài 4m. - Trục xoay đầu dao: 360 độ. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).	Cái	50		
1043	Dao nhãn khoa loại tạo đường hầm trong mổ phaco cỡ 2.2-3.2mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lưỡi dao bằng thép không gỉ - Kích cỡ: 2.2mm - 3.2mm 2. Tính năng, công nghệ: Dao tạo đường hầm trong mổ phaco, gập góc, hai mặt vát	Cái	1.644		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1044	Dao phẫu thuật các loại các số	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bằng thép không gỉ. - Kích thước: - Lưỡi dao số 10: chiều cao lưỡi: 5.2mm-6.5mm, độ dài lưỡi cong: 24.0mm-26.5mm, độ dài lưỡi: 38.0mm-40.5mm. - Lưỡi dao số 11: chiều cao lưỡi: 5.3mm-6.2mm; độ dài lưỡi vác: 19-19.5mm, độ dài lưỡi: 39.1mm - 41.5mm. - Lưỡi dao số 12: chiều cao lưỡi 8.0mm-11.1mm, độ dài lưỡi cong: 12.0mm-15.5mm, độ dài lưỡi: 35.0mm-37.2mm - Lưỡi dao số 15: chiều cao: 2.8mm-4.0mm, độ dài vác cong: 9.0mm-11.5mm; chiều dài lưỡi: 35.0-37.5mm. - Lưỡi dao số 20: chiều cao lưỡi: 7.6mm-9.1mm, độ dài vác cong: 27.0mm-28.5mm, độ dài lưỡi: 44.4mm - 46.4mm. - Lưỡi dao số 21: chiều cao lưỡi: 7.6mm - 9.2mm, độ dài vác cong: 32.0mm-34.1mm, độ dài vác cong: 50.1mm-52.1mm. - Độ dày: 0,38mm - Độ cứng: 680-740 HV - Góc đầu lưỡi dao: 22° cho lưỡi dao số 11 - Rãnh cán lưỡi dao: 17,75mm cho số 10, 11 & 15 - Đóng gói tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma. - Đóng gói : Nhôm và màng nhựa. 2. Tính năng, công nghệ: Tiệt trùng phương pháp chiếu xạ Gamma. Thiết kế cân đối, mềm dẻo, rất sắc bén, gắn vào cán dễ dàng. Thao tác thuận tiện cho các phẫu thật mắt, tai mũi họng, thẩm mỹ; tương thích với cán dao bằng tay. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Cái	309.900		
1045	Dao phẫu thuật nhãn khoa 15 độ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ. - Dao chọc 15 độ- Incision Knife Feather. - Lưỡi dao thẳng và siêu bén được mài giữa chính xác đến từng micro đơn vị giúp tối ưu hóa rạch semilaminar và rạch chọc tiền phòng vùng củng mạc và giác mạc. - Phương pháp tiệt trùng: Chiếu xạ gamma - Thiết kế có vị trí giúp chống trượt - Hộp đựng: Nhựa polystyrene - Cán dao: Nhựa ABS (Acrylonitrile butadiene styrene) - Chốt (pin): Nhựa polycarbonate - Chiều dài tay cầm: 113.5 mm - Độ dày: 0.1 mm - Chiều dài cán dao: 7 mm - Góc lưỡi dao: 15° - Độ cứng: 680–740 HV 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485.	Cái	3.094		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1046	Dao phẫu thuật nhãn khoa liền cán sử dụng một lần cỡ 2.2-3.2mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lưỡi dao bằng thép không gỉ - Lớp phủ: Silicone - Kích cỡ: Size: 2.2mm, 2.4mm, 2.75mm, 2.8mm, 3.0mm, 3.2mm, bề dày 0,14mm - Phương pháp tiệt trùng: Chiếu xạ gamma - Thiết kế: Có vị trí chống trượt - Hộp đựng: Nhựa polystyrene - Cán dao: Nhựa PBT (Poly Butylene Terephthalate) - Góc uốn: 45° - Góc lưỡi dao: 45° - Chiều dài tay cầm: 116.6 mm - Độ dày: 0.14 mm - Lưỡi vát một bên, mặt vát hướng lên trên - Độ cứng: Trên 580 Hv - Mài theo phương thẳng đứng - Sử dụng công nghệ đánh bóng điện và xử lý điện hóa, giúp đảm bảo độ sắc bén vượt trội và giảm thiểu độ nhám vi mô trên lưỡi dao,bề mặt lưỡi dao mịn hơn 2. Tính năng, công nghệ: - Loại dao này được sử dụng để chọc dò vùng rìa giác mạc trong phẫu thuật điều trị đục thủy tinh thể. - Sự kết hợp các đặc điểm về góc keratome (40,45,50 và 60 độ) và loại cạnh vát cho phép bác sĩ có thể thực hiện nhiều đường cắt khác nhau 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Cái	2.040		
1047	Dao phẫu thuật Phaco 15 độ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ độ cứng ≥ 500Hv, phủ silicon (gồm nikel và crom) - Dao thẳng, góc 15 độ - Độ dày 0.14mm, hai mặt vát. - Tay cầm nhựa PBT chịu nhiệt cao. - 2 vạch đánh dấu vị trí 1mm và 1.2mm đầu lưỡi dao. 2. Tính năng công nghệ: - Công nghệ chóng chói mặt trên lưỡi dao với tỉ lệ phản quang ≤6,5% - Mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge) hoặc tương đương. - Vỏ nhựa bảo vệ (chịu nhiệt cao). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	1.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1048	Dao phẫu thuật Phaco 2.2mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không gỉ độ cứng ≥ 500Hv, phủ silicon (gồm nikel và crom) - Kích thước lưỡi dao ngang: 2.2mm - Dày 0.14mm, hai mặt vát, gập góc 45 độ. - 2 vạch đánh dấu vị trí 1.5mm và 2mm đầu lưỡi dao. 2. Tính năng công nghệ: - Công nghệ chóng chói mặt trên lưỡi dao với tỉ lệ phản quang ≤6,5%. - Mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge) hoặc tương đương. - Tay cầm nhựa PBT chịu nhiệt cao. Vỏ nhựa bảo vệ (chịu nhiệt cao). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	1.000		
1049	Dao siêu âm dài 17cm, Harmonic Focus Plus hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Lưỡi dao bằng hợp kim titan TI-6AL-4V-ELI - Kích thước: + Chiều dài 17 cm + Chiều dài lưỡi dao 16 mm + Đầu dao cong, hàm mở 10.4mm - Có lớp chống dính Teflon FEP 100 hoặc tương đương trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn tối đa 5 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Phản hồi bằng âm thanh báo hiệu việc giảm thời gian kích hoạt dụng cụ trong thao tác cắt mô/ cầm máu - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện 2. Tính năng, công nghệ: - Dao mổ siêu âm dùng trong mổ mở, công nghệ thích ứng mô, tần số siêu âm 55.500 Hz 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	110		
1050	Dao siêu âm dài 23cm, Harmonic ACE Plus hoặc tương đương	1. Chất liệu: - Vật liệu trục dao: TC4. - Vật liệu hàm dao: 05Cr17Ni4CuNb. 2. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài trục dao 23cm. - Đường kính trục dao: 5mm. - Chiều dài hàm dao: 13mm. - Chiều dài miếng nhựa trắng: 15mm. - Nút xoay 360° 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Tay dao siêu âm loại dùng trong mổ mở. - Thiết kế nút kích hoạt năng lượng Min-Max trên tay súng. - Tương thích với hệ thống dao phẫu thuật siêu âm Ultraseal. 4. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	20		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1051	Dao siêu âm dài 36cm, Harmonic ACE Plus hoặc tương đương	1. Chất liệu: - Vật liệu trục dao: TC4. - Vật liệu hàm dao: 05Cr17Ni4CuNb. 2. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài trục dao: 36 cm. - Đường kính trục dao: 5mm. - Chiều dài hàm dao: 13mm. - Chiều dài miếng nhựa trắng: 15mm. - Nút xoay 360° 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Tay dao siêu âm loại dùng trong mổ nội soi. - Thiết kế nút kích hoạt năng lượng Min-Max trên tay súng. - Tương thích với hệ thống dao phẫu thuật siêu âm Ultraseal. 4. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	182		
1052	Dao siêu âm dài 9cm, Harmonic Focus Plus hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Dài 9cm 2. Tính năng, công nghệ: - Dao siêu âm Harmonic Focus Plus hoặc tương đương	Cái	290		
1053	Dao siêu âm không dây, đường kính 5 mm, lưỡi dao 14,5 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Tay dao siêu âm không dây. - Đường kính 5mm, lưỡi dao 14,5mm, kích thước từ 13cm, 26cm, 39cm. - Tương thích với bộ dao siêu âm không dây. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	44		
1054	Dao, lưỡi dao phẫu thuật 3,9-4,9 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài dây cắt 20mm - 30mm, kích thước đầu tip 3,9F, 4,4Fr, 4,9Fr, chiều dài đầu tip 5mm, có cản quang. - Chiều dài ống thông 200cm, tương thích dây dẫn hướng từ 0,018 inch -0,035 inch. 2. Tính năng, công nghệ: - Dao cắt 3 kênh, loại Truetome. - Chức năng kiểm soát, điều khiển được hướng đi. - Trên thân tay cầm điều khiển có các vạch đánh dấu và ghi khoảng cách. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	10.000		
1055	Đầu bút tiêm Insulin	1. Thông số kỹ thuật: - Kim bén 32G (0.23mm) × 4mm. - Đầu kim 3 mặt vát, phủ silicone, thành kim mỏng, kim ngắn có thể tiêm thẳng góc 90 độ, tiêm không đau, mau lành. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	8.300		
1056	Đầu điện cực hình cầu	1. Thông số kỹ thuật: Đầu điện cực hình cầu, thẳng, đường kính 3 mm, dài 110 mm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	50		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1057	Đầu dò siêu âm IVUS cơ 45 MHZ hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PVC - Thông số: Đường kính nhỏ 3,0F, chiều dài 135 cm, dây dẫn Asahi Intecc kích thước 0,026 inch 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu dò xoay tần số cao 45Mhz cho hình ảnh sắc nét, giúp đánh giá lòng mạch chính xác hơn - Dây dẫn Asahi Intecc tăng cường khả năng đẩy, đầu dò có lớp phủ ái nước GlyDx để tăng cường khả năng đẩy và điều khiển, đầu Tip mềm và linh hoạt cho phép dễ tiếp cận đoạn xa và dễ dàng đi vào những san thương phức tạp.	Cái	10		
1058	Đầu dò siêu âm kỹ thuật số mạch vành và ngoại biên, có đầu tip 2,5 mm	1. Thông số kỹ thuật: Đầu dò siêu âm cao tần kỹ thuật số mạch vành và ngoại biên: - Đầu dò mềm và nhọn (dạng tapered tip). - Có loại đầu dò (scanner/ transducer) cách đầu tip 2,5 mm (short tip) dài. - Chiều dài scanner 5 mm, đường kính ngoài của scanner lớn nhất 3,5 F. - Đầu dò có đường kính ngoài 0.019" giúp dễ đi vào các stent và san thương khó. - Thiết bị có 6 marker (chỉ dấu) gồm: 1 scanner đánh dấu vị trí scanner cách đầu tip 2,5 mm, có 3 marker đánh dấu phía sau scanner, cách marker scanner 14 mm, mỗi marker cách nhau khoảng 10 mm, marker có chiều dài 1 mm; 2 marker đánh dấu thân shaft với marker đầu xa cách đầu tip 100 cm. - Thân shaft đầu xa có lớp phủ lớp ái nước 24 cm GlyDx giúp dễ dàng đi đến vị trí sang thương. - Tương thích cả những dây dẫn 0,014 inch, ống thông nhỏ nhất 5F. - Chiều dài hữu dụng 150 cm. - Cung cấp hình ảnh siêu âm có tần số 20Hz, đường kính hình ảnh tối đa đến 20 mm, hình ảnh thang xám giúp chuẩn đoán chính xác tổn thương và hỗ trợ đặt stent chính xác. 2. Tính năng, công nghệ: - Có ứng dụng phần mềm ChromaFlo hiển thị hình ảnh dòng máu chảy trong lòng mạch, giúp đánh giá kích cỡ lòng mạch mà mức độ áp thành mạch của stent. - Dễ dàng sử dụng với chương trình Plug-and-Play (kết nối và sử dụng) giúp đơn giản thao tác, nhanh chóng sử dụng.	Cái	100		
1059	Đầu đo SpO2 (sensor)	1. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng đo nồng độ oxy trong máu trẻ sơ sinh - Đầu nối spo2 9 pin. - Quấn cố định bằng vải và keo. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	516		
1060	Đầu đo SpO2 (sensor), đường kính đầu nối 1/2"", 3/8"",1/4"" tương thích máy theo dõi độ bão hòa oxy và hematocrit Biotrend	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PVC - Thông số: Đường kính đầu nối 1/2"", 3/8"",1/4"" 2. Tính năng, công nghệ: Ống được phủ lớp heparine chống huyết khối. Tương thích máy theo dõi độ bão hòa oxy và hematocrit Biotrend 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	408		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1061	Đầu đốt cao tần lưỡng cực mũi cầu, dài 275 mm, đường kính 2,5 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thân và đầu mũi là thép không gỉ. Cách điện PA6T/6I-GF40. - Kích thước: Dài 275mm, đường kính 2,5mm 2. Tính năng, công nghệ: Đầu đốt mũi cầu cao tần lưỡng cực cho nội soi cột sống. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	20		
1062	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng (Locking Titanium Adapter for Peritoneal Dialysis catheter hoặc tương đương)	1. Tính năng, công nghệ: - Kết nối giữa bộ chuyển tiếp và catheter, Dụng cụ hỗ trợ thẩm phân phúc mạc, Vô khuẩn, không có chất gây sốt	Cái	340		
1063	Đầu nối chữ Y - Bộ van cầm máu	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số: Đường kính trong van 9Fr. Kim dài 10cm. Dây truyền với khóa luer có 03 cổng, dài 25cm, 02 cổng nối linh động 2. Tính năng, công nghệ: Đầu nối Y- Star dạng bấm và vặn, sử dụng trong thủ thuật chụp chẩn đoán và can thiệp mạch máu với cổng nối linh động giúp gắn thêm các kết nối phụ nhằm hỗ trợ tối đa trong quá trình phẫu thuật.	Bộ	1.620		
1064	Đầu nối chữ Y - Bộ van cầm máu, đường kính van 10 Fr	1. Thông số kỹ thuật: Đi kèm van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm màu vàng, đường kính lớn 10 Fr, dụng cụ lái dây dẫn, cây đẩy. 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng bằng EO. - Chịu được áp lực 500psi tương đương 3447 Kpa. - Set YOK0A: Van Y cầm máu, dụng cụ lái dây dẫn, cây đẩy. - Set YOK0E: Van Y cầm máu, dụng cụ lái dây dẫn, cây đẩy, ống dây nối. - Dài 18-20cm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu), CFS (tại các nước tham chiếu).	Cái	1.150		
1065	Đầu phun khí dung 67 x 48 x 25 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu phun khí dung màng rung dao động bằng điện (Vibronic). - Kích thước (cao x rộng x sâu): 67x48x25 mm. Cân nặng đầu phun: 13,5 g. Thể tích chứa thuốc: 6 mL. -Thông số hiệu quả hoạt động: Kích thước hạt trung bình: 3,1 µm. Tốc độ phun thuốc: > 0,2 mL/phút. Thể tích cặn thấp: < 0,1 ml khi phun 3ml thuốc. Độ ồn khi hoạt động: < 35 dB, đo ở khoảng cách 0,3m. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu phun sử dụng cho 1 bệnh nhân. - Sử dụng công nghệ màng phun dao động điện – màng rung đục 1000 lỗ nhỏ, dao động với tần số 128 000 lần/giây. - Kích thước hạt khí dung rất nhỏ, lắng đọng thuốc đến tận phế nang. - Không tăng nhiệt độ quá 10 độ C so với nhiệt độ bình thường. - Chỉ định sử dụng cho 1 bệnh nhân, tối đa 28 ngày không liên tục (chỉ định thông thường 4 lần/ngày), 7 ngày liên tục. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	21.800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1066	Đầu phun khí dung màng rung dao động bằng điện (Vibronic)	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu phun khí dung màng rung dao động bằng điện (Vibronic) - Kích thước (Cao x Rộng x Sâu): 67 x 48 x 25 mm - Trọng lượng đầu phun: 13,5 g - Thể tích chứa thuốc: 6 mL - Kích thước hạt khí dung trung bình: 3,1 µm - Tốc độ phun thuốc: > 0,2 mL/phút - Thể tích cặn sau khi phun 3 mL thuốc: < 0,1 mL - Độ ồn khi hoạt động: < 35 dB (đo ở khoảng cách 0,3 m) - Nhiệt độ dung dịch tăng thêm khi hoạt động: < 10°C - Sử dụng cho 1 bệnh nhân duy nhất, tối đa 28 ngày không liên tục (4 lần/ngày) hoặc 7 ngày liên tục. 2. Tính năng và công nghệ - Đầu phun sử dụng cho 1 bệnh nhân. - Sử dụng công nghệ màng rung dao động điện – màng rung đục 1000 lỗ nhỏ, dao động với tần số 128 000 lần/giây. - Kích thước hạt khí dung rất nhỏ, lắng đọng thuốc đến tận phế nang. - Không tăng nhiệt độ quá 10ºC so với nhiệt độ bình thường. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	60		
1067	Dây bơm áp lực cao 1200psi, chiều dài từ 25 - 155 cm. Đường kính trong: 1 - 5 mm, JENA hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PU cao cấp có bện xoắn. - Thông số: 1200psi, chiều dài từ 25 - 155 cm. Đường kính trong: 1 - 5 mm. 2. Tính năng, công nghệ: Dây nối áp lực cao 1200psi. Adaptor xoay được, dây trong suốt, dễ quan sát bằng mắt thường. Đầu nối hình côn (Luer) phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 80369-7:2016. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	3.950		
1068	Dây bơm áp lực cao, các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC - Thông số: + Áp lực tối đa dòng chảy 1200psi. + Chiều dài từ 30cm-150cm 2. Tính năng, công nghệ: - Cổng kết nối dạng luer lock hoặc dạng xoay. - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	100		
1069	Dây bơm nước dùng cùng máy bơm nội soi cột sống	1. Thông số kỹ thuật: Dài 5,5m. 2. Tính năng, công nghệ: Bộ dây bơm nước dùng cùng máy bơm nội soi cột sống. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	40		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1070	Dây cáp, đầu đo huyết áp xâm nhập (dome) các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu không có latex - Tương thích flush device 3ml/h 2. Tính năng, công nghệ: - Khớp nối khô ráo không có chất lỏng giữa cảm biến và màng dome. - Sử dụng trong đo áp lực IBP, đo áp lực nội sọ, lọc máu, thẩm phân, tiết niệu. - Tương thích với hệ thống đo áp lực SP844 DSA hoặc tương đương 3.Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	400		
1071	Dây cho ăn các cỡ (từ số 6 đến 18) dài 1,250 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). - Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. 2. Tính năng, công nghệ: Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Sợi	58.118		
1072	Dây cho ăn có nắp, dài 50cm, số 05Fr - 10Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane không chất DEHP (phthalate free) - Thông số: Dài 50cm, có chia vạch trên thân, số 05Fr ~ 10Fr 2. Tính năng, công nghệ: Dây cho ăn có nắp (feeding) dùng dài ngày (max. 4 tuần), có sợi cản quang	Sợi	6.564		
1073	Dây cho ăn dạ dày chất liệu Polyurethane dài 125 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Bằng nhựa PVC không chứa chất DEHP. - Ống dài 125 cm. 2. Tính năng công nghệ: - Đầu ống bo tròn; dây cản quang, có chia vạch từng 10cm. - Tiệt trùng bằng khí E.O - Đóng gói dây thẳng không cuộn tròn dây tránh gẫy gập. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	3.444		
1074	Dây cho ăn không nắp, số 6 - 20	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PVC y tế - Thông số: Số 6,8,10, 12, 14, 16, 18,20, Độ dài ống tối thiểu 50cm 2. Tính năng, công nghệ: Trong suốt, không có DEHP, khử trùng bằng khí Gas	Sợi	37.000		
1075	Dây cưa xương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích thước: dài 50cm. 2. Tính năng, công nghệ: Dây bền,3 vòng xoắn dễ sử dụng.	Sợi	3.560		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1076	Dây dẫn bào mảng xơ vữa lòng mạch dài 330 cm, đường kính 0,014 inch	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài: 330cm. - Đường kính: 0,014". - Có 2 loại: loại đầu cứng có chiều dài tip 2,8 cm, loại linh động có chiều dài tip 2,2cm. - Chất liệu bằng thép không gỉ 2. Tính năng, công nghệ: Dây dẫn và dụng cụ điều khiển dây dẫn của Hệ thống bào mảng xơ vữa.	Cái	70		
1077	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu Anguis hoặc tương đương, phủ lớp ái nước đường kính: 0,035", chiều dài: 45cm - 180cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nitinol. - Thông số: Đường kính: 0.035", Chiều dài khác nhau: 45cm - 180cm 2. Tính năng, công nghệ: Có 06 loại đầu tip khác nhau: Angled; Straight; 1.5J; 2.0J; 3.0J; Beak	Cái	700		
1078	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu Anguis hoặc tương đương, phủ lớp ái nước, đường kính 0,035", chiều dài 200 - 260cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nitinol. - Thông số: Đường kính: 0.035", chiều dài khác nhau: 200cm - 260cm 2. Tính năng, công nghệ: Có 06 loại đầu tip khác nhau: Angled; Straight; 1.5J; 2.0J; 3.0J; Beak	Cái	300		
1079	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu Anguis phủ lớp ái nước đường kính: 0.014", chiều dài các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây dẫn can thiệp mạch máu anguis phủ lớp ái nước hydrophilic. Cấu tạo Nitinol. - Thông số: Đường kính: 0.014". Có 02 kích thước chiều dài: 200cm - 300cm. 2. Tính năng, công nghệ: Có 03 loại đầu tip khác nhau: Angled; Straight; Douple Angled.	Cái	550		
1080	Dây dẫn can thiệp động mạch vành	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không rỉ Durasteel, bọc Polymer toàn thân, phủ lớp ái nước Hydrophilic - Thông số: Lực tải đầu (Tip load): bền, chịu lực 1.0g-1.2g, Đường kính ngoài: 0.014", Độ dài: 190 cm hoặc 300 cm 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế đầu: Core-to-tip (đầu liền thân), Kiểu đầu (Tip shape): đầu thẳng hoặc cong chữ J, mài nhẵn, bo tròn - Đặc điểm thiết kế: Thiết kế dây dẫn Guide Wire Whisper mềm để tránh tổn thương mạch máu, giúp dễ thao tác, dễ kiểm soát, an toàn khi đi qua sang thương ngoằn nghoèo.	Cái	210		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1081	Dây dẫn can thiệp động mạch vành, Hi-Torque Balance Middleweight Universal II hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lõi đoạn gần làm bằng DURASTEEL, phủ lớp chống thấm nước hydrophobic. Lõi đoạn xa làm bằng chất liệu ELASTINITE NITINOL phủ lớp Intermediate Polymer Sleeve và lớp ái nước hydrophilic (hydrophobic) ái nước bền. - Thông số: + Đầu chóp bằng vàng ở vị trí 4.5 cm + Chiều dài dây 190 cm và 300 cm + Đầu chóp được uốn trước (chữ J) hoặc thẳng + Độ cứng đầu chóp* (gf): 0,7 2. Tính năng, công nghệ: Điểm đánh dấu tùy chọn bằng Vàng/Tin	Cái	390		
1082	Dây dẫn can thiệp động mạch vành, Hi-Torque VersaTurn F hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đoạn gần làm bằng thép không gỉ 304 V (150 cm) và đoạn xa làm bằng NiTi (40 cm) - Thông số: Chiều dài dây dẫn: 190 cm. Đầu cong chữ J, đầu thẳng (Straight), bền, chịu lực 0.8g. Cuộn chắn bức xạ dài 3cm. 2. Tính năng, công nghệ: Thiết kế đầu liền thân (Core-to-tip). Lõi đồng trục. Lõi thuôn nhỏ dần, đáp ứng xoay 1:1. Đầu chóp đồng trục Nitinol	Cái	300		
1083	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên có lưới lọc, đường kính 0,014", chiều dài: 190cm, 300cm	1. Thông số kỹ thuật: - Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.014"", Phù hợp cho các mạch máu có đường kính khoảng từ 3.5 đến 5.5mm; - Chiều dài dây dẫn 190, 300 cm.; - Lớp phủ PTFE. Đường kính vượt tổn thương khoảng 3.2F (1.1 mm); - Đầu tip cản quang; - Chất liệu lưới lọc: Polyurethane, kích thước lỗ lưới siêu nhỏ khoảng 110 micron; - Vòng lọc chất liệu Nitinol. 2. Tính năng, công nghệ: - Kích thước lỗ lọc siêu nhỏ giúp lọc tốt mảng xơ vữa nhưng vẫn đảm bảo máu lưu thông liên tục; - Vòng lọc cản quang với thiết kế 360 độ; - Đầu tip dạng lò xo ngắn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	70		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1084	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 0,014", chiều dài: 182cm và 300cm	1. Thông số kỹ thuật: - Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 0.014"", chiều dài 182cm; 300 cm. Đoạn từ tính 74cm có đường kính thực có thể lên tới 0.015 inches (0.039mm); - Dây lõi nhọn đầu phía xa được bọc polymer 10cm hoặc 38cm và phủ lớp ái nước; - Loại đầu: đầu thẳng có thể uốn được và một đầu gấp khúc uốn được; - Chất liệu lõi Scitanium, 2 cm đầu xa của dây dẫn có phủ chất cản quang; - Đầu gần của dây dẫn được phủ polymer đã fluorin hoá; - Tip load 3gr, 6gr. 2. Tính năng, công nghệ: - Lõi giúp tiếp cận tổn thương dễ dàng và có thể tạo hình linh hoạt; - Có thể tùy chọn đầu thuôn ngắn và dài để tối ưu hóa độ cứng và khả năng dẫn đường, kiểm soát mô men xoắn giúp điều hướng hiệu quả tới tổn thương; - Lớp ái nước là Hydrophilc ICE hoặc tương đương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG - FDA (Hoa Kỳ).	Cái	430		
1085	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, đường kính 0,018", chiều dài: 110, 150, 200 và 300 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên. Đường kính 0.018 in, chiều dài lý thuyết 110, 150, 200 và 300 cm; - Chất liệu lõi Scitanium; - Đầu gần của dây dẫn được phủ bằng Polytetrafluoroetylen (PTFE); - Tip load 6gr, 8gr. Chiều dài đầu tip 8cm, 12 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu xa 2cm của dây dẫn có thể tạo hình linh hoạt. - Lõi giúp tiếp cận tổn thương dễ dàng. Đầu xa của dây dẫn chứa một dây lõi được bọc một loại polymer có cản quang và được phủ ICE Hydrophillic hoặc tương đương; - Lựa chọn linh hoạt hai loại tip load giúp cân bằng khả năng dẫn đường và độ linh hoạt ở đầu xa, chỉ định trong các tổn thương hẹp và tắc mạch. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG - FDA (Hoa Kỳ).	Cái	550		
1086	Dây dẫn can thiệp mạch não	1. Thông số kỹ thuật: - Vi dây dẫn ái nước chất liệu siêu hợp kim - Đường kính 0.014" - Chiều dài tối thiểu ≥ 205cm - Đầu tip thẳng , có thể uốn - Chiều dài cản quang ≤ 5cm - Lớp phủ hydrophilic dài 36cm 2. Tính năng, công nghệ: - Công nghệ cho momen xoắn cực đại thế hệ mới. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	80		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1087	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: thép không gỉ - Thông số: Đường kính 0.008", dài 200 cm. 2. Tính năng, công nghệ: Dùng với ống thông và chất tắc mạch dạng lỏng để làm các can thiệp AVM	Cái	20		
1088	Dây dẫn can thiệp mạch thần kinh đường kính 0.014"	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu thép không gỉ phủ lớp ái nước, Platinum đầu xa - Đường kính 0.014" - Dài 205cm 2. Tính năng công nghệ - Dây dẫn can thiệp mạch máu não - Tiệt khuẩn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Cái	200		
1089	Dây dẫn can thiệp ngoại biên dành cho tổn thương tắc nghẽn mạn tính dưới khớp gối 0,014 inch, đầu chóp 13g Hi-Torque Winn 200T hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: - Đầu chóp đồng trục DURASTEEL - Lõi thuôn không khớp nối DURASTEEL - Đoạn giữa tráng polymer ái nước - Phủ đoạn gần SMOOTHGLIDE Thông số: 0,014 inch. Đầu chóp: 13.0g. Chiều dài dây: 190 cm và 300 cm 2. Tính năng, công nghệ: Phần cuốn lò xo đầu chóp được để trần 5 mm	Cái	100		
1090	Dây dẫn can thiệp ngoại biên dành cho tổn thương tắc nghẽn mạn tính dưới khớp gối 0,014 inch, đầu chóp 4,8g Hi-Torque Winn 40 hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: - Đầu chóp đồng trục DURASTEEL - Lõi thuôn không khớp nối DURASTEEL - Đoạn giữa tráng polymer ái nước - Phủ đoạn gần SMOOTHGLIDE Thông số: 0,014 inch. Đầu chóp: 4.8 g. Chiều dài dây: 190 cm và 300 cm 2. Tính năng, công nghệ: Phần cuốn lò xo đầu chóp được để trần 5 mm	Cái	100		
1091	Dây dẫn can thiệp ngoại biên dành cho tổn thương tắc nghẽn mạn tính dưới khớp gối 0,014 inch, đầu chóp 9,7g Hi-Torque Winn 80 hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: - Đầu chóp đồng trục DURASTEEL - Lõi thuôn không khớp nối DURASTEEL - Đoạn giữa tráng polymer ái nước - Phủ đoạn gần SMOOTHGLIDE Thông số: 0,014 inch. Đầu chóp: 9.7g. Chiều dài dây: 190 cm và 300 cm 2. Tính năng, công nghệ: Phần cuốn lò xo đầu chóp được để trần 5 mm	Cái	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1092	Dây dẫn can thiệp ngoại biên dưới khớp gối 0,014 inch, đầu chóp 3,5g Hi-Torque Command ES hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Công nghệ kim loại kép, kết hợp những ưu điểm của Thép không gỉ và Nitinol, mang đến sự cân bằng tối ưu của kiểm soát và dễ dàng uốn lượn Thông số: Đầu chóp chịu lực: 3.5g. Loại dây dẫn hỗ trợ thêm. Chiều dài: 190 cm, 250 cm, 300 cm 2. Tính năng, công nghệ: Dây dẫn thông thường dạng lai được thiết kế cho khả năng bền và kiểm soát đầu chóp	Cái	100		
1093	Dây dẫn can thiệp phủ polymer 50-150-200 (các cỡ)	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Thép không gỉ Durasteel, bọc Polymer toàn thân, phủ lớp Hydrophilic ái nước trơn Thông số: Đường kính: 0.014", Chiều dài: 190cm hoặc 300cm, Lực tải đầu (Tip load): 1.5g; 2.7g; 4.1g. Đầu dây có điểm đánh dấu cản quang (Marker Band): 1.5mm, mạ vàng, Điểm đánh dấu duy nhất cách đầu dây dẫn 4,.cm 2. Tính năng, công nghệ: Thiết kế đầu: Core-to-tip (đầu liền thân), Kiểu đầu (Tip Shape): đầu cong chữ J hoặc đầu thẳng (Straight), mài nhẵn, bo tròn, Bao gồm 3 kích cỡ: Hi-Torque Pilot® 50, Hi-Torque Pilot® 150, Hi-Torque Pilot® 200	Cái	250		
1094	Dây dẫn can thiệp tim bẩm sinh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây dẫn làm từ thép không gỉ với lớp phủ PTFE bên ngoài - Thông số: Đường kính đầu tip: 7.5mm J- Tip, 1.5mm J- Tip, 6mm J - Tip, Đường kính dây dẫn: 0.035 inch, Chiều dài: 260cm, 300cm 2. Tính năng, công nghệ: Dây dẫn đường can thiệp Tim Bẩm Sinh	Cái	6		
1095	Dây dẫn chẩn đoán ái nước dài 150-260 cm, lõi Nitinol	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài dây dẫn: 150cm, 180cm, 220cm, 260cm. - Chiều dài phần đầu linh hoạt: 10, 30, 50, 80 mm. - Đường kính lõi dây: 0.34mm, 0.38mm, 0.50mm. - Đường kính ngoài: 0.018", 0.025", 0.032", 0.035". 2. Tính năng, công nghệ: - Lõi là hợp kim Nitinol tăng độ linh hoạt ở đầu xa và giảm chấn thương cho mạch máu. - Lớp phủ Polyurethane có chứa Tungsten cho phép khả năng cản quang. - Lớp phủ ái nước hydrophilic. - Hình dạng đầu tip tối thiểu có đầu thẳng, đầu cong dạng chữ J (Straight, Angled). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	350		
1096	Dây dẫn chẩn đoán tim mạch đường kính: 0.018-0.065", Chiều dài 80-260cm. Đầu tip Straight, Angled 1.5J, 3.0J, 6.0J, 15J	1. Thông số kỹ thuật: - Lõi có chất liệu thép không gỉ dùng trong chẩn đoán và hỗ trợ dẫn đường cho ống thông chụp mạch. - Các dạng lõi gồm: Fixed-Core, Movable-Core, Amplatz, Rosen. - Đường kính: 0.018", 0.025", 0.030", 0.032", 0.035", 0.038", 0.065". - Chiều dài: 80cm, 150cm, 175cm, 180cm, 220cm, 260cm. - Đầu tip dạng: Straight, Angled 1.5J, 3.0J, 6.0J, 15J. 2. Tính năng, công nghệ: Lớp phủ PTFE loại pre-coated giúp tăng độ hoàn thiện của bề mặt và giảm lực đẩy và kéo dây dẫn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1097	Dây dẫn cho đầu mũi khoan bào mảng xơ vữa	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài: 330cm. - Đường kính: 0,014". - Có 2 loại: loại đầu cứng có chiều dài tip 2,8 cm, loại linh động có chiều dài tip 2,2cm. - Chất liệu bằng thép không gỉ 2. Tính năng, công nghệ: Dây dẫn và dụng cụ điều khiển dây dẫn của Hệ thống bào mảng xơ vữa.	Cái	30		
1098	Dây dẫn chuẩn đoán mạch vành InQwire hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lõi làm bằng thép không gỉ - Thông số: Đầu dây dạng chữ J: 1.5; 3; 6; 15 mm. Đủ các kích cỡ 0.038"", 0.035”, 0.025”, 0.021"", 0.018” dài 80cm, 150cm, 180cm và 260cm 2. Tính năng, công nghệ: - Công nghệ phủ PTFE (pre-coating) giúp có thể di chuyển uốn khúc để tối ưu hóa độ linh hoạt của dây dẫn. - Lớp Heparin giúp giảm ngưng tập huyết khối (tùy mã sản phẩm) - Vòng flush giúp dễ dàng áo nước cho dây dẫn, cổng Flush xoay được giúp bảo vệ đầu típ	Cái	4.500		
1099	Dây dẫn chuẩn đoán mạch vành lõi Nitinol phủ lớp ái nước.	1. Thông số kỹ thuật: - Dây dẫn ái nước lõi Nitinol + Lớp phủ Polymer có chứa thành phần Tungsten tăng khả năng hiển thị + Lớp phủ Hydrophilic nâng cao khả năng di chuyển khi đi qua sang thương - Tỉ lệ moment xoắn 1:1 - Đường kính ngoài: 0.035" (0.89 mm) - Chiều dài: 150 cm và 260 cm 2. Tính năng công nghệ: - Cấu hình tiêu chuẩn, đầu tip cong - Có thể dùng kèm dụng cụ xoay SEADRAGON2 hoặc tương đương để nâng cao khả năng điều hướng của đầu tip 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	1.000		
1100	Dây dẫn dịch (dây bơm nước) dùng trong phẫu thuật nội soi chạy bằng máy, loại dùng một lần	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PVC/ Silicone 2. Tính năng, công nghệ: - Kiểu dây SUST (single use tubing set) có hai đầu dây cắm vào chai dịch dẫn nước vào tương thích với máy bơm có dải áp lực 10-150mmHg, dải lưu lượng 0.1-2.0 l/phút - Có đầu dò áp lực điều chỉnh lưu lượng nước để tiết kiệm nước, phù hợp với máy bơm áp lực PV-5201 hoặc tương đương, đầu kết nối phù hợp vớt tất cả các loại trocar. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	150		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1101	Dây dẫn dịch (dây bơm nước) dùng trong phẫu thuật nội soi dùng một lần cho máy bơm nước	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PVC/ Silicone - Thông số: Máy bơm có dải áp lực 10-150mmHg, dải lưu lượng 0.1-2.0 l/phút, Chiều dài 4,8m 2. Tính năng, công nghệ: - Dây bơm nước dùng trong nội soi khớp loại dùng một lần, tương thích với máy bơm PV-5201. Dây bơm nước có 2 kim đầu nhọn cắm vào bình đựng nước và nắp đậy đầu kim, 3 kẹp bấm, đầu nối với ống soi và nắp đậy đầu nối, Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide, Cung cấp kèm máy bơm nước PV-5201 khi sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	1.200		
1102	Dây dẫn dịch (dây bơm nước) dùng trong phẫu thuật nội soi khớp gối dài 255cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC dẻo, không Latex. - Kích thước: Dài 255cm 2. Tính năng, công nghệ: - Có hai đầu dẫn nươc vào và ra, có hai đầu cắm vào chai dịch, mỗi đầu có 2 khóa, đầu ra có 1 khóa. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	700		
1103	Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên 0,035 và 0,038 inch, Amplatz Super Stiff Guidewire hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ , phủ: PTFE - Thông số: Đường kính: 0,035 và 0,038 inch. Chiều dài: 75cm, 145cm, 180cm và 260cm. Loại đầu típ: Straight, J-tip. 2. Tính năng, công nghệ: Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên. Đầu tip linh hoạt, chống tổn thương, đầu xa có thể tạo hình 3cm.	Cái	200		
1104	Dây dẫn dùng cho ngoại biên, 0,018 inch, Hi-Torque Command 18 LT Guide Wire hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây dẫn thông thường dạng lai kết hợp những ưu điểm chính của Nitinol và Thép không gỉ. - Đường kính: 0.018 inch 2. Tính năng, công nghệ: - Loại Long-Tip đầu dài uốn dài - Cuốn lò xo đầu chóp cản quang 3 cm cho khả năng nhìn - Lõi thuôn đều được thiết kế với mài lõi không điểm nối cho kiểm soát xoay siêu việt - Bọc Polymer với phủ ái nước cho khả năng trơn và di chuyển trơn tru - Có hai loại: Dây dẫn đi xuyên với 10 cm Nitinol ở phía xa và Dây Uốn lượn với Nitinol dài 25 cm đầu xa	Cái	150		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1105	Dây dẫn dùng cho ngoại biên, 0,018 inch, Hi-Torque Command 18 ST Guide Wire hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật Chất liệu: Dây dẫn thông thường dạng lai kết hợp những ưu điểm chính của Nitinol và Thép không gỉ. Đường kính : 0,018 inch 3. Tính năng công nghệ: □ - Loại Short-Tip đầu uốn ngắn - Cuốn lò xo đầu chóp cản quang 3 cm cho khả năng nhìn - Lõi thuôn đều được thiết kế với mài lõi không điểm nối cho kiểm soát xoay siêu việt - Bọc Polymer với phủ ái nước cho khả năng trơn và di chuyển trơn tru - Có hai loại: Dây dẫn đi xuyên với 10 cm Nitinol ở phía xa và Dây Uốn lượn với Nitinol dài 25 cm đầu xa	Cái	150		
1106	Dây dẫn đường (guide wire) 0.032", dài 150cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nitinol chống xoắn - Thông số: Kích cỡ 0,032", dài 150cm 2. Tính năng, công nghệ: Dùng để hỗ trợ trong phẫu thuật nội soi, thiết lập đường dẫn. Tip: Đầu thẳng, mềm.	Cái	3.400		
1107	Dây dẫn đường (guide wire) chụp mạch vành	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây dẫn đường chụp mạch phủ lớp ái nước polymer hydrophilic, lớp lõi hợp kim Nickel titanium. Lớp ngoài là Polyurethane. - Thông số: đường kính 0.025", 0.032", 0.035".Dài 150cm, 180cm, 200cm. 2. Tính năng, công nghệ: Đầu tip siêu mềm dẻo, linh hoạt, độ trơn hoàn hảo. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	150		
1108	Dây dẫn đường (guide wire) dùng trong can thiệp tim bẩm sinh (các kích cỡ)	1. Thông số kỹ thuật: - Dây dẫn cứng sử dụng lõi thép không gỉ và phủ lớp PTFE. - Phần đầu hình J mềm không gây chấn thương điều khiển bằng cách xoay. - Cấu hình cứng kết hợp với đầu dây linh hoạt hơn, an toàn và dễ dàng. - Kích cỡ: đường kính 0.035 inch, chiều dài 260cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	65		
1109	Dây dẫn đường (guide wire) phủ PTFE cỡ 0.032", dài 150cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nitinol phủ PTFE, tip phủ Hydrophilic - Thông số: Kích cỡ 0.032", dài 150cm 2. Tính năng, công nghệ: Dùng để hỗ trợ trong phẫu thuật nội soi, thiết lập đường dẫn. Tip: Đầu thẳng, mềm.	Cái	200		
1110	Dây dẫn đường ái nước dùng cho can thiệp nội soi niệu, Hyguide Hydrophilic Guidewires hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phủ hydrophilic và lớp áo ngoài polyme - Thông số: Đường kính 0.035 inch, chiều dài 150cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Dây dẫn đường sử dụng để dẫn đường qua da vào mạch máu sử dụng kỹ thuật Seldinger hoặc cho nội soi - Phủ hydrophilic và lớp áo ngoài polyme được gắn vào cho phép việc lái qua các mạch máu ngoằn ngoèo trơn mượt - Trục chống xoắn. Thiết kế đầu thẳng	Cái	206		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1111	Dây dẫn đường can thiệp đường kính 0,014 inch và 0,018 inch, dài 135-190cm	Thông số kỹ thuật: - Dây dẫn hướng trong can thiệp mạch máu - Chất liệu: Với thiết kế đầu xa 38 cm của dây dẫn có dây lõi được bọc lớp polymer cản quang và được phủ lớp hydrophilic ICE hoặc tương đương. - Đầu xa 2 cm của dây dẫn có thể tạo hình được. - Phần gần đầu của dây dẫn được phủ Polytetrafluoroethylene (PTFE) - Kích cỡ: + Đường kính lý thuyết loại 0.014 inch có chiều dài 135cm, 165cm, 190cm + Đường kính lý thuyết loại 0.018 inch có chiều dài 135cm, 165cm.	Cái	60		
1112	Dây dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên	1. Thông số kỹ thuật: Cấu tạo dây dẫn: - Đầu vào với đoạn cong 5cm ±5% (0.035" ±5%) hoặc 1cm ±5% (0.018" ±5% và 0.014" ±5%). Đầu vào lõi nitinol (0.035" ±5%); Đầu vào lõi nitinol với 3cm ±5% cuộn vàng (0.018" ±5% và 0.014" ±5%) - 25cm ±5% đầu xa có cấu trúc lõi nitinol với vỏ ngoài polyurethane và tungsten với lớp phủ ái nước - Đầu gần: lõi nitinol cứng hơn với lớp phủ PTFE xoắn ốc dài 55cm ±5%; 235cm ±5% hoặc 275cm ±5% Kích cỡ: - Đường kính: 0.014" ±5%; 0.018" ±5%; 0.035" ±5% - Chiều dài: 180cm ±5%; 260cm ±5%; 300cm ±5% 2. Tính năng, công nghệ: - Đoạn giữa: kết hợp platinum và điểm đánh dấu cản quang là lõi nitinol cứng ở đầu tận cùng của đoạn gần; - Đầu gần và đầu xa nối liền mạch 3. Tiêu chẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA 510(k) (Premarket Notification)	Cái	10		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1113	Dây dẫn đường cho bóng và stent, cỡ 0,014" x 180cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Phần lõi: Nickel - Titanium mang lại độ linh hoạt và độ bền cao Đoạn đầu của lớp cuộn: Platinum Đoạn sau của lớp cuộn: Thép không gỉ + Lớp phủ: Cho lớp cuộn: Hydrophilic coating Cho đoạn gần và đoạn giữa: PTFE coating và Silicone coating - Thông số: + Kích thước: 0,014" x 180cm Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm Chiều dài phần đầu cản quang: 3 cm 2. Tính năng, công nghệ: - Cấu tạo trục mang lại khả năng điều khiển và truyền chuyển động xoay, không mối hàn. Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn: Floppy: không đánh dấu Extra Floppy: một dấu Hypercoat: hai dấu	Cái	5.500		
1114	Dây dẫn đường dùng cho sonde JJ	1. Thông số kỹ thuật: - Lõi cố định thẳng có đường kính từ 0.018-0.038 inch; chiều dài 150cm - Lõi cố định đầu J có đường kính 0.025-0.038; chiều dài 150cm; kích thước đầu cong: 3cm 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu thẳng hoặc đầu J cố định - Có lớp phủ PTFE	Cái	6		
1115	Dây dẫn đường đường kính 0,035 inch, dài 150 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lõi thép không gỉ phủ PTFE. - Kích thước: Đường kính 0,035 inch, dài 150 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đặt các dụng cụ phía trong đường tiết niệu trong quá trình chẩn đoán hoặc can thiệp. - Được thiết kế để đảm bảo tiếp cận nhanh chóng, dễ dàng tiến lên, tạo đường di chuyển trơn tru và tính tiện dụng tối đa. Chúng giúp duy trì sự kiểm soát chính xác ở mọi bước của quy trình. - Đảm bảo sự kết hợp phù hợp giữa mô-men xoắn, độ bôi trơn và khả năng hiển thị để có kết quả tốt nhất.	Cái	406		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1116	Dây dẫn đường lõi Nitinol phủ ái nước	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 180cm ±5%; 200cm ±5% - Đường kính: 0.012" ±5% ; 0.014" ±5%; 0.016" ±5% - Hình dạng đầu vào: Angled 45° x 4 mm (±5%); Angled 90° x 4 mm (±5%); Double Angled 90°+150° (±5%) 2. Tính năng, công nghệ: Cấu tạo đồng trục gồm: - Lõi Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài Polyurethane - Lớp phủ ái nước hydrophilic - Đầu xa có phần cuộn vàng dài 2cm ±5% tăng cường tính cản quang - Đầu xa linh hoạt dài, được vuốt thon 3. Tiêu chẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	200		
1117	Dây dẫn đường mật, dài 450 cm; đường kính 0.035”	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây dẫn hướng được làm bằng vật liệu Hydrophylic Nitinol, Lõi được làm bằng Nitinol, Lớp phủ lõi được làm bằng PTFE, Đầu tip được làm bằng Tungsten, Vật liệu bao bì: giấy Dupont 1059B với màng PE - Thông số: Chiều dài dây dẫn: 450 cm; đường kính: 0,035”, Kích thước bao bì: 340x240mm 2. Tính năng, công nghệ: - Dụng cụ sử dụng một lần, Dây dẫn có hai đầu thẳng, Đóng gói: Được đóng gói trong bao bì tiệt trùng bằng ethylene oxide (EO).	Cái	30		
1118	Dây dẫn đường mềm dùng cho can thiệp nội soi niệu, đường kính 0,025; 0,032; 0,035 inch, dài 150cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lõi Nitinol chống xoắn. Bên ngoài phủ lớp Hydrophilic - Thông số: Đường kính 0.025; 0.032; 0.035 inch, dài 150cm 2. Tính năng, công nghệ: - Dây dẫn đường sử dụng để tiếp cận đường niệu quản trong trường hợp khó. Siêu linh hoạt. Thiết kế đầu thẳng, hoặc cong	Cái	600		
1119	Dây dẫn đường phủ Hydrophilic	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây dẫn đường mềm Nitinol, phủ Hydrophilic - Thông số: Chiều dài 150cm, đường kính 0,035	Cái	2.000		
1120	Dây dẫn đường phủ Hydrophilic	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu lõi Nitinol; phủ Hydrophilic. 2. Tính năng, công nghệ: màu xám đen, đầu thẳng. - Các cỡ: 0.032"; 0.035", dài 150cm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1121	Dây dẫn đường phủ hydrophilic	1. Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ: 0.032", 0.035", 0.038" - Chiều dài : 150cm 2. Tính năng, công nghệ: - Chất liệu: lõi nitinol chống xoắn, phủ lớp Hydrophilic - Thiết kế linh hoạt đầu thẳng mềm - Hạn sử dụng: 60 tháng - Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng bằng EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	400		
1122	Dây dẫn đường sọc vằn	1. Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ: 0.032", 0.035" - Chiều dài: 150cm 2. Tính năng, công nghệ: - Chất liệu: Nitinol phủ PTFE, tip phủ Hydrophilic - Tip: Đầu thẳng, mềm - Thiết kế sọc vàng, đen chạy dài trên thân ống, giúp dễ quan sát trên X-quang - Hạn sử dụng: 60 tháng - Đóng gói đơn chiếc, tiệt trùng bằng EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	100		
1123	Dây dẫn đường tiết niệu, Zebra™ Guidewire hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lõi Nitinol chống xoắn, phủ lớp PTFE mềm mịn hạn chế gây tổn thương niệu quản. - Thông số: Kích cỡ 0.025; 0.032; 0.035; 0.038 inch, dài 150cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Thân có sọc xanh và trắng được thiết kế để cung cấp hình ảnh nội soi rõ ràng về chuyển động của dây. - Có 3 đầu loại: đầu thẳng, đầu góc và đầu 3mm "J". - Có điểm cản quang ở phía đầu dây dẫn giúp dễ dàng xác định vị trí dây dẫn.	Cái	350		
1124	Dây dẫn đường, đầu J, phủ PTFE, chiều dài 150cm, đường kính 0,035"	1. Thông số kỹ thuật: - Dùng dẫn đường cho ống thông chụp chẩn đoán. - Dây dẫn làm bằng thép không rỉ bao lớp PTFE, loại Fixed Core. - Đường kính đồng nhất từ đầu đến cuối, đầu dạng chữ J. Đường kính 0.035" độ dài 150cm. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu).	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1125	Dây dẫn đường, loại can thiệp mạch não, đường kính 0,014", 0,012", chiều dài 200cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Công nghệ Nitinol- stainless hypbrid, lớp vỏ là PTFE, đặc biệt đầu gần là PTFE mật độ cao giúp giảm ma sát, phủ Hydrophilic dài 200 cm trong đó chiều dài đầu xa là 40 cm với lõi là Nitinol - Thông số: Đường kính đầu gần 0,014 inches và đường kính đầu xa là 0,012 inches, chiều dài đầu xa có thể uốn được là 1,4cm 2. Tính năng, công nghệ: - Dây dẫn can thiệp mạch nã 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	200		
1126	Dây dẫn đường, loại cứng, phủ PTFE, chiều dài 150cm, đường kính 0,035"	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số: Chiều dài 150cm, đường kính 0,035" 2. Tính năng, công nghệ: - Dây dẫn đường phủ PTFE đầu thẳng	Cái	900		
1127	Dây dẫn đường,loại dùng cho catheter, chiều dài dây dẫn: 150cm, đường kính: 0,018"; 0,025"; 0,032"; 0,035"; 0,038"	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lõi Nitinol, phủ ái nước Hydrophilic M coat - Thông số: Chiều dài dây dẫn: 150cm, đường kính: 0.018"; 0.025"; 0.032"; 0.035"; 0.038" 2. Tính năng, công nghệ: - Kiểu đầu: Straight, Angled	Cái	2.480		
1128	Dây dẫn đường,loại dùng cho catheter, chiều dài dây dẫn: 260cm, đường kính: 0,018"; 0,025"; 0,032"; 0,035"; 0,038"	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lõi Nitinol, phủ ái nước Hydrophilic M coat - Thông số: Chiều dài dây dẫn: 260cm, đường kính: 0.018"; 0.025"; 0.032"; 0.035"; 0.038" 2. Tính năng, công nghệ: - Kiểu đầu: Straight, Angled	Cái	1.970		
1129	Dây dẫn hướng đường mật	1. Thông số kỹ thuật: - Dạng đầu thẳng, đầu cong - Chất liệu nitinol tráng Teflon giúp chống xoắn, có phủ lớp ái nước 5cm ở đầu - Đầu tip linh hoạt, chiều dài phần linh hoạt 5 cm - Chiều dài 450cm. - Đường kính 0.025", 0.035" - Có cản quang, dây dẫn sọc màu dễ quan sát - Tiệt trùng. - Sử dụng 1 lần 2. Tính năng, công nghệ: dùng để dẫn hướng các dụng cụ đến khu vực sẽ được điều trị 3. Tiêu chẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	50		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1130	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài dây nước tính từ máy là 16ft (khoảng 4.8 m). - Chiều dài dây nước tính từ bình dịch tới máy là 122 cm. Chiều dài dây nước tính từ máy tới bệnh nhân là 396 cm - Số lượng khóa dạng kẹp trên bộ dây nước: 3. Số lượng khóa dạng Luer-lock trên bộ dây nước: 1 2. Tính năng công nghệ: Dây dẫn bơm tưới hoạt dịch trường mổ ổ khớp, đóng gói tiệt trùng. Dây nước có thể tải lưu lượng tối thiểu 1.5L/phút, lưu lượng có thể tăng thêm từ 50% - 100%, bước tăng 10% 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	900		
1131	Dây dẫn tín hiệu cho máy tạo nhịp tim tạm thời có bóng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ - Thông số: Kích cỡ 5F, chiều dài 110 cm 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ dây tạo nhịp tạm thời có bóng	Sợi	165		
1132	Dây dẫn, dây truyền dịch kèm kim 22GX1.1/4 các loại, các cỡ.	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Làm bằng nhựa y tế. 2. Tính năng, công nghệ: Tiệt trùng bằng khí EO. Không độc, không gây sốt, cỡ kim 22GX1.1/4, định lượng giọt : 20 giot ~ 1ml, nắp thông khí có màng lọc khí.	Cái	126.048		
1133	Dây dao siêu âm	1. Thông số kỹ thuật: Dây kết nối dài 3m. 2. Tính năng, công nghệ: - Chuyển đổi năng lượng điện từ hệ thống máy chủ thành chuyển động cơ học với tần số rung siêu âm 55,5kHz. - Có chip gắn trong bộ chuyển đổi để đo số lần sử dụng của thiết bị, nhằm cung cấp thông tin cho máy chủ để đạt được khả năng chuyển đổi năng lượng hiệu quả vượt trội. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Cái	19		
1134	Dây điện cực có bóng dùng cho Máy tạo nhịp tạm thời, 5F, chất liệu tương thích sinh học.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu woven tương thích sinh học, mềm ở nhiệt độ cơ thể và thích ứng với màng trong tim - Bóng bằng latex có thể tích lên tới 1.5 ml, thiết kế của bóng hỗ trợ đặt dây dễ dàng không cần X-quang. - Kích thước thân tùy chọn 5F - Điện cực thứ nhất nằm ở đầu xa dây điện cực - Điện cực thứ hai cách điện cực thứ nhất khoảng 1cm. - Kèm theo kim, syringe, ECG adapter, Safety Adapter 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Dây	212		
1135	Dây đốt điện đơn cực dùng nội soi	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chiều dài: 3 - 5 m - Thông số: Dây đốt đơn cực cho máy cắt đốt cao tần (dao mổ điện cao tần) dùng trong hệ thống phẫu thuật nội soi	Cái	68		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1136	Dây đốt tĩnh mạch bằng sóng cao tần RFA	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: nhựa Polymer (Fluorinated ethylene propylene) - Ống thông cỡ: 6Fr, 7Fr. - Chiều dài đầu đốt tối thiểu ≤ 3 cm, tối đa ≥ 8 cm 2. Tính năng và công nghệ : - Dây đốt sử dụng năng lượng sóng cao tần để điều trị chính xác và có hiệu quả cho bệnh nhân mắc bệnh suy giãn tĩnh mạch có dòng trào ngược - Sử dụng phương pháp đốt phân đoạn cung cấp chính xác và đồng nhất năng lượng sóng cao tần ở mức nhiệt độ 120° C 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	40		
1137	Dây garo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thun cotton. 2. Tính năng, công nghệ: Có khóa nhựa. Dùng thắt mạch.	Cái	31.542		
1138	Dây garo	Thông số kỹ thuật: Dài 30cm	Sợi	38.325		
1139	Dây gây mê 2 nhánh dùng cho người lớn, trẻ em	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PP + EVA, co nối làm từ vật liệu PP, không DEHP. - Kích thước: Chiều dài dây sau khi giãn rộng 1600mm ± 10% - Không rò rỉ ở tốc độ quá 25 ml/phút ở áp suất 6 ± 0,3 kPa. không rò rỉ với tốc độ hơn 70ml/phút (người lớn), 40ml/phút (trẻ em). - Có co nối Y, Khủy nối chữ L 90 độ kích thước 22M/15F, co nối thẳng 22Fr. - Tất cả các co nối phải tuân thủ theo yêu cầu 22mm và 15mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 5356.	Cái	14.180		
1140	Dây gây mê 2 nhánh dùng cho người lớn, trẻ em, sơ sinh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa y tế, không latex. - Kích cỡ: Dài 1,5m. 2. Tính năng, công nghệ: - Dây gây mê kết hợp với thiết bị gây mê dùng trong cấp cứu, phẫu thuật. - Dây gây mê dạng sóng 2 nhánh, dài 1,5m.	Bộ	15.720		
1141	Dây hút đàm có nắp các số 5-18	1. Thông số kỹ thuật: - Các số: 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18. - Sản phẩm được kết cấu 02 phần. - Khóa van và dây dẫn. - Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc. - Đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. - Dây có độ dài ≥ 55 cm. - Khoá van chia nhiều màu dễ phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014 (tiệt trùng), ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	595.440		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1142	Dây hút đàm có van kiểm soát	1. Thông số kỹ thuật: - Dây hút nhớt là sản phẩm được sử dụng với mục đích hút đờm dãi bệnh nhân trong khoang miệng đến hầu, hốc mũi để thông tắc đường thở cho bệnh nhân. - Đặt đầu mềm luồn vào mũi bệnh nhân, đầu kia cắm vào máy hút dịch hoặc syringe hút. - Sản phẩm sử dụng một lần, không tái sử dụng ngăn ngừa nhiễm khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, được sản xuất tại Việt Nam.	Sợi	266.115		
1143	Dây hút đàm kín 72 giờ	1. Thông số kỹ thuật: - Dây hút đàm kín sử dụng 72h, có Van cách ly, có cổng súc rửa và cổng truyền thuốc (cổng MDI). - Chất liệu: + Catheter hút dịch PVC, Không Latex, không DEHP. + Vỏ bọc ngoài làm từ TPU trong suốt, dễ quan sát và bảo vệ nhân viên y tế khỏi tiếp xúc với đờm. + Phần cuối của ống hút được làm mềm, để tránh tổn thương niêm mạc khí quản. - Có đầy đủ kích cỡ cho trẻ em đến người lớn (6 - 16Fr; Dài 400 - 600mm). 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế góc 120°giúp giảm sức cản không khí trong quá trình thông khí. Có co nối xoay 2 chiều, chống xoắn dây thở. - Có quy định mã màu giúp nhận biết nhanh đường kính ngoài của dây hút. - Van hút (công tắc hút) có khóa để ngăn ngừa hút không chủ ý. - Catheter hút dịch có vạch đánh dấu, dễ quan sát để kiểm soát độ sâu khi đưa vào. - Tiệt trùng.	Bộ	29.190		
1144	Dây hút đàm nhớt có khóa kiểm soát	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Làm từ nhựa PVC. - Thông số: Co nối dài 4.5cm, Chiều dài ống tiêu chuẩn 50 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu ống có 2 lỗ vát, Loại đầu nối: Đầu nối có khóa kiểm soát dạng chữ T bằng ngón tay, Loại không cản quang. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, được sản xuất tại Việt Nam.	Sợi	37.796		
1145	Dây hút đàm nhớt không khóa	1. Thông số kỹ thuật: - Dây hút nhớt là sản phẩm được sử dụng với mục đích hút đờm dãi bệnh nhân trong khoang miệng đến hầu, hốc mũi để thông tắc đường thở cho bệnh nhân, Đặt đầu mềm luồn vào mũi bệnh nhân, đầu kia cắm vào máy hút dịch hoặc syringe hút. - Sản phẩm sử dụng một lần, không tái sử dụng ngăn ngừa nhiễm khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, được sản xuất tại Việt Nam.	Sợi	90.260		
1146	Dây hút dịch dẫn lưu(đơn/đôi)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC (Chuẩn y tế) - Thông số: Kích thước: dài 1.5m 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng 1 bệnh nhân, dùng cho máy Thopaz, đóng gói 2 lớp, Thiết kế dây đôi: 01 dây dẫn bệnh nhân, 01 dây đo áp lực, Đầu nối bình có lọc khuẩn và chống tràn, Có cổng lấy mẫu dịch	Cái	640		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1147	Dây hút dịch phẫu thuật	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC. - Thông số: Chiều dài dây: 2m ± 5%. Đường kính ngoài: 10 ± 1mm. Đường kính trong: 8 ± 1mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có 2 đầu nối bằng nhựa trong suốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	164.990		
1148	Dây hút dịch phẫu thuật dài 2 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC. - Kích thước: Chiều dài dây: 2m ± 5%; Đường kính ngoài: 10 ± 1mm; Đường kính trong: 8 ± 1mm; Đường kính trong: 8 ± 1mm. 2. Tính năng, công nghệ: Có 2 đầu nối bằng nhựa trong suốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng : ISO, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	84.152		
1149	Dây hút dịch phẫu thuật dài 4 m	1. Thống số kỹ thuật: - Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống 4m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. 2. Tính năng, công nghệ: - Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo 3. Tiêu chuẩn chất lượng -EN ISO 13485, EN ISO 11135: 2014, FDA	Bộ	1.424		
1150	Dây hút dịch sử dụng một lần, số 5-6-8-10-12-14-16-18, dài 500 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PVC nguyên sinh. - Thông số: Số 5-6-8-10-12-14-16-18. Độ dài 500 mm. - Không có nắp/Có nắp. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	86.067		
1151	Dây hút đờm kín 72 giờ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa y tế an toàn - Thông số: độ dài dây: 400mm(trẻ em), 600mm (người lớn). Đầu dây ống trơn, phần cuối ống mềm, hạn chế nguy cơ tổn thương đường thở, phần bảo vệ ống trong suốt. Có công tắc hút (van kiểm soát), giúp việc hút dễ dàng hơn 2. Tính năng, công nghệ: - Dây hút đàm kín các size từ trẻ em đến người lớn (6, 8, 10, 12, 14, 16); Thời gian sử dụng: 72h 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	1.034		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1152	Dây hút đờm, loại không khóa, các số 6-18	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: nhựa PVC không độc hại, không gây kích ứng da dùng trong y tế. - Các cỡ: 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18. - Chiều dài tiêu chuẩn: 50 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Được thiết kế để loại bỏ các chất nhớt được tiết ra từ miệng, khí quản và dịch phế quản. - Màu sắc: trong suốt hoặc mờ. - Đầu ống được mở ra với hai mắt bên. - Loại đầu nối đơn giản. - Dây hút đàm không khóa. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, được sản xuất tại Việt Nam.	Sợi	770		
1153	Dây hút huyết khối 12 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngoài 12 Fr. - Chiều dài hoạt động: 100, 115cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EU MDR, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	40		
1154	Dây hút huyết khối 7 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngoài: 7 Fr. - Chiều dài hoạt động: 130cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EU MDR, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	40		
1155	Dây nối áp lực cao 350psi chữ Y dài 150cm với 2 van một chiều dùng cho máy bơm tiêm cản quang	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC - Thông số: Chiều dài 150cm, áp lực 350psi 2. Tính năng, công nghệ: - Dây nối áp lực cao 350psi chữ Y bằng PVC trong suốt dài 150cm với 2 van một chiều bằng PC và đầu kết nối bằng PC, không chứa DEHP, dùng cho máy bơm tiêm cản quang CT. Dây nối có đường kính trong và ngoài lần lượt là 1.9mm và 3.35mm. Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	3.040		
1156	Dây nối áp lực cao dùng cho y tế	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane - Thông số: Dài 30cm 2. Tính năng, công nghệ: Chịu được áp lực đến 1200 psi	Cái	2.400		
1157	Dây nối bơm thuốc cản quang dài 75cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC, Không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn, không chứa latex - Kích thước: Đường kính trong: 3 mm. Đường kính ngoài: 4.1mm. Thể tích mồi: nhỏ hơn hoặc bằng 5.3 ml 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu nối Luer Lock. Tốc độ 6.3ml/m chịu được áp lực lớn hơn hoặc bằng 2 bar 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	31.080		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1158	Dây nối bơm tiêm điện	1. Thông số kỹ thuật: - Dây làm bằng PVC y tế, dài 1500mm, đường kính trong 1mm, đường kính ngoài 2.1mm. - Đầu nối spin lock vặn xoắn chống rò rỉ, thuận tiện kết nối 1 tay, chống xoắn dây, dây có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu, có màu đỏ phân biệt đầu ra đầu vô. - Thể tích mồi 1ml, chịu được áp lực nén 1.3kgf/cm2 (18.5psi), áp lực hút 450mmHg (8.7psi). - Hệ số dẫn truyền ánh sáng: trên 93%. - Non-Toxic, Non-Pyrogenic. - Tiệt trùng ETO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 11135:2014, ISO 14001:2015.	Cái	15.752		
1159	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: nhựa PVC y tế cao cấp. - Kích thước: Dây dài 140cm. 2. Tính năng, kỹ thuật: hai đầu dây là khóa dạng xoắn luer lock, Dây chống xoắn, chịu áp lực, Không có chất DEHP, Không chứa latex.	Cái	245.788		
1160	Dây nối bơm tiêm điện 150cm	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không chứa latex, Không có chất phụ gia DEHP - Kích thước: Dài 150cm, Đường kính trong: 1.0-3.0 mm, Đường kính ngoài 2.0-4.1mm	Cái	73.360		
1161	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Không chứa latex, Không có chất phụ gia DEHP. - Kích thước: Dài 75cm, Đường kính trong: 1.0 mm. Đường kính ngoài: 2.0mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	8.704		
1162	Dây nối bơm tiêm điện dài 140 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu bằng Polyvinyl chloride (có bảng vẽ kỹ thuật), không có chất phụ gia DEHP. - Thể tích mồi dịch 1ml. - Đường kính trong: 0,9 mm. Đường kính ngoài: 1,9mm. - Tốc độ 0,9ml/m. - Đường kính trong đầu nối Luer lock male & female: 1,9mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đầu nối Luer Lock, có khóa dừng, chịu được áp lực 2 bar. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	37.388		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1163	Dây nối bơm tiêm truyền dịch, các cỡ dài: 30cm, 75 cm, 140 cm, 150 cm	1. Thống số kỹ thuật: - Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong ≤0.9 mm - Đường kính ngoài ≤1.9mm - Chiều dài dây có đủ các cỡ 30,75,140,150cm - Tốc độ ≥ 0,9ml/phút; áp lực ≥ 2 bar - Phần đầu nối kết nối với bơm tiêm hoặc dây truyền dịch làm từ nhựa nguyên sinh chiều dài 20.2 ± 1mm, đường kinh trong để cắm dây 2.1 ± 1mm, khớp nối luerlock làm từ nhựa nguyên sinh có chiều dài 21.3 ± 1ml với đường kính trong cắm dây 2.1 ± 1mm - Có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) chiều dài 20 ± 1mm. 2. Tính năng công nghệ: - Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Cái	53.704		
1164	Dây nối bơm tiêm truyền dịch, các cỡ dài: 75 cm, 140 cm, 150 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong ≤0.9 mm. - Đường kính ngoài ≤1.9mm. - Chiều dài dây có đủ các cỡ 30,75,140,150cm. - Tốc độ ≥ 0,9ml/phút; áp lực ≥ 2 bar. - Phần đầu nối kết nối với bơm tiêm hoặc dây truyền dịch làm từ nhựa nguyên sinh chiều dài 20.2 ± 1mm, đường kinh trong để cắm dây 2.1 ± 1mm, khớp nối luerlock làm từ nhựa nguyên sinh có chiều dài 21.3 ± 1ml với đường kính trong cắm dây 2.1 ± 1mm. - Có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) chiều dài 20 ± 1mm. 2. Tính năng công nghệ: Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	63.510		
1165	Dây nối bơm tiêm tự động 150cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây làm bằng PVC y tế - Kích thước: Dây dài 1500mm, đường kính trong 1mm, đường kính ngoài 2.1mm. 2. Tính năng, kỹ thuật: Đầu nối vặn xoắn chống rò rỉ, thuận tiện kết nối 1 tay, chống xoắn dây, dây có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch, máu, có màu đỏ phân biệt đầu ra đầu vô. Tiệt trùng E.O. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	12.610		
1166	Dây nối dụng cụ lưỡng cực nội soi	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Dài 4.5m 2. Tính năng, kỹ thuật: Dây nối dụng cụ lưỡng cực nội soi	Cái	68		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1167	Dây nối kim luồn có 2 cổng tiêm an toàn không kim dùng để tiêm, truyền dịch, dài 15 cm, loại 2 nhánh, Rotating	1. Thông số kỹ thuật: - Dây nối kim luồn có cổng tiêm an toàn không kim dùng để tiêm truyền thuốc truyền dịch, 2 nhánh. - Dây bằng chất liệu PCV, không Latex và DEHP, dài 15cm, có 2 khóa kẹp chất liệu bằng Polyethylene đảm bảo không trào ngược máu. Đầu nối nối kim luồn dạng rotating. - 2 đầu tiêm truyền có chiều dài 3.2cm, lưu lượng dòng chảy 165ml/phút, bằng chất liệu Polycarbonat. Van 1 chiều bằng silincon, cơ chế đóng kín vách ngăn đôi (split septum), mặt van phẳng dễ sát trùng. Ống canula bên trong bằng chất liệu Polycarbonat. Kết nối được các dạng Luer/Lock bơm tiêm truyền. - Thể tích mồi của dây là 0.35mL, đầu nối tiêm truyền là 0.04mL. - Chịu áp lực tiêm truyền ≥ 400 psig. - Thời gian lưu khoảng 7 ngày, hoặc 700 lần sử dụng. - Tương thích môi trường MRI. - Tiệt trùng bằng chùm tia điện tử. - Tương thích với Lipid, thuốc, các chất sinh học và các chất sát khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	704		
1168	Dây nối máy bơm tiêm điện 140 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Dây dài 140cm, được làm từ vật liệu nhựa y tế PVC cao cấp mềm dẻo, trong suốt. - Hai đầu dây là khóa dạng xoắn luer lock. Dây chống xoắn. Thể tích mồi 0,9ml. - Đường kính dây ID 0,9mm x OD 1,9mm, chịu áp lực 3,5 bar. - Không có chất DEHP thay thế bằng DOTP an toàn. - Thử nghiệm hóa học lượng tồn dư kim loại nặng <1ppm, KMnO4≤0,6ml. - Chịu lực kéo dãn 15N. - Bao bì đóng gói thân thiện môi trường (một mặt dùng chất liệu CPP và một mặt giấy lọc khuẩn) có đánh dấu vị trí mở bao,an toàn trước sử dụng. Hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm. - Tiệt trùng bằng EO gas. - Sản phẩm phù hợp với ISO 8536-4. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN-ISO 13485:2016.	Cái	240.200		
1169	Dây nối ống thông hút huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: Dùng kết nối với máy bơm hút huyết khối, có công tắc on/off. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EU MDR, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	220		
1170	Dây nối oxy dùng một lần 2 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa y tế. - Kích thước: 2m. 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng để nối thêm dây thở oxy từ bình oxy y tế để đạt được độ dài mong muốn. - Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ trong từng túi.	Cái	72.608		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1171	Dây nước dùng trong nội soi khớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài 5,986m. Có khóa trên thân để điều chỉnh chiều dài dây. Đóng gói tiệt trùng sẵn. 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng trong phẫu thuật nội soi khớp 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	96		
1172	Dây oxy 2 nhánh (Màu trong suốt, Người lớn, Ngạnh cong)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây PVC nguyên sinh, mềm dẻo, không chứa độc tố DEHP, thay bằng DEHT/DOTP an toàn. (có giấy test kiểm định chứng nhận) - Kích thước: Dây thở oxy hai nhánh dành cho người lớn, ngạnh cong. Màu trong suốt. Dài > 1.8 - 2m. Đường kính ngoài ống oxy: 4 - 6 mm 2. Tính năng, kỹ thuật: - Cấu trúc lòng ống hình sao - Lưu lượng khí: ≤ 6L/phút - Tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015.	Bộ	136.088		
1173	Dây oxy 2 nhánh các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC. - Kích thước: Dây dài 2m. 2. Tính năng công nghệ: - Các cỡ người lớn, trẻ em, sơ sinh. - Tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: được sản xuất tại Việt Nam, ISO 13485.	Cái	190.414		
1174	Dây oxy 2 nhánh, dài 220cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC (màu xanh) - Kích thước: Dây dài 220 cm 2. Tính năng, kỹ thuật: - Các cỡ người lớn, trẻ em , sơ sinh. - Tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: được sản xuất tại Việt Nam, ISO 13485.	Cái	58.250		
1175	Dây thở 2 bẫy nước	1. Thông số kỹ thuật: - Khóa xoay luer lock 90 độ (22M/15F-15M): 01 chiếc. - Co nối Y có công lấy mẫu đo CO2 (22M/15F-22M): 01 chiếc. - Ống dây vật liệu PE-EVA đường kính 15mm; 22mm. Chiều dài 80cm: 04 đoạn hoặc 5 đoạn. - Co nối thẳng (22F-22M): 04 chiếc hoặc 06 chiếc (5 đoạn). - Co nối thẳng (22M-22M/15F): 01 chiếc (5đoạn). - Bẫy nước (22M): 02 chiếc. 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng cho trẻ em 4 đoạn hoặc 5 đoạn.	Cái	14.460		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1176	Dây thở có bẫy nước dài 180cm dùng cho người lớn	1. Thông số kỹ thuật: - Trở kháng đường thở vào/thở ra tại mức 60L/phút <1.8mbar, tại 30L/phút<0.5mbar, tại 15L/phút <0.2mbar; tại 5L/phút <0.1mbar, tại 2.5L/phút <0.1mbar. - Độ giãn nở tại 60mbar và 30mbar <0.9mL/mbar - Mức độ hở khí tại 60mbar <50mL/phút. - Co nối thẳng (22F-22M): 04 chiếc (4 đoạn). - Chất liệu: c máy mê giúp thở. - Bộ dây làm từ vật liệu PE, PP, EVA, TPE, SAN, POM, không chứa cao su, không chứa PVC hoặc DEHP. - Kích thước: chiều dài dây thở 180cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Dây máy thở hoặc máy mê dùng một lần cho người lớn. - Tích hợp cổng Luer-Lock - Khóa xoay luer lock 90 độ (22M/15F-15M): 01 chiếc - Bẫy nước (22M): 02 chiếc 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 80601-2-13, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Cái	4.000		
1177	Dây thở hai bẫy nước cho máy thở	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PP đầu nối vuông, đầu nối chữ Y, đầu nối cuối, bẫy nước, TPE: nắp Luer, PP + EVA: Ống dây - Đầu nối 22M/15F - Dây được cấu tạo từ các bộ phận sau: 01 đầu nối vuông góc 90° (kích thước 22mm đầu đực/15mm đầu cái); 01 nắp Luer có dây giữ; 01 đầu nối chữ Y; 04 đoạn dây dạng gợn sóng; 02 đầu nối cuối (kích thước 22mm, dạng đầu cái); 02 bẫy nước; 01 đoạn limb dài 600mm, Chiều dài tổng thể dây trừ đầu nối vuông: 1600 mm 2. Tính năng, kỹ thuật: Sản phẩm sử dụng một lần; đã được tiệt trùng bằng EO, Ống dây dạng gợn sóng 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	4.200		
1178	Dây thở hai bẫy nước cho máy thở / máy gây mê	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây thở: polyethylene (PE). Dây limb nối: PE. - Thông số: Gồm 5 đoạn, 4 đoạn dây 80cm mỗi đoạn. Dây limb nối dài 80cm. Đầu nối tiêu chuẩn 15 và 22 mm. Có co nối thẳng riêng 22mmM/22mmM, người lớn, dùng 1 lần. 2.Tính năng, công nghệ: 2 bẫy nước trong suốt, co khuỷu xoay được, co chữ y có hai cổng luer và nắp đậy cố định. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	244		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1179	Dây thở oxy 2 nhánh các cỡ (người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh)	1. Thống số kỹ thuật: - Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi; - Ống dây dẫn chính có chiều dài ≥2000mm, đường kính ngoài ≥5mm; - Ống dây nhánh có chiều dài ≥500mm; - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi, không có chất tạo màu; - Ống dây mềm, chống vặn xoắn, bề mặt trơn nhẵn; - Lòng ống có khía chống gập; - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	82.567		
1180	Dây thở oxy dùng một lần 2.5 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi. - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi, không có chất tạo màu. - Ống dây dẫn chính có chiều dài ≥2000mm, đường kính ngoài ≥5mm, lòng ống có khía chống gập. - Ống dây nhánh có chiều dài ≥500mm. - Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn. 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Bộ	53.520		
1181	Dây thở oxy hai nhánh người lớn dài 2 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu nhựa y tế PVC an toàn, mềm mại, dễ sử dụng, không gây các hiệu ứng phụ khi tiếp xúc với cơ thể bệnh nhân. - Size: người lớn (L). - Chiều dài: 2 m. - Tiệt trùng bằng trùm điện tử, không gây dị ứng cho bệnh nhân và thân thiện với môi trường.	Cái	14.800		
1182	Dây thở, gây mê 2 nhánh dùng cho máy gây mê, giúp thở	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu nối theo tiêu chuẩn 22mm và 15mm. 2. Tính năng, kỹ thuật: - Dây thở, gây mê 2 nhánh dùng 1 lần; - Kèm co chữ Y. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 5356-1	Cái	17.180		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1183	Dây truyền dịch (kim 2 cánh bướm) dài ≥ 1500mm	1. Thông số kỹ thuật: - Dây dẫn dài ≥ 1500 mm; Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 8,5 ml. - Chất liệu: Dây dẫn được làm từ nhựa nguyên sinh PVC, Bộ phận điều chỉnh dòng chảy làm từ nhựa nguyên sinh ABS, Kim xuyên nút chai làm từ nhựa ABS nguyên sinh. 2. Tính năng, công nghệ: - Dây dẫn mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng, Bộ phận điều chỉnh dòng chảy l gồm máng có thiết kế thêm kẹp khe giữ dây và con lăn di chuyển dễ dàng. - Bộ phận đấu nối có bầu cao su tiếp thuốc hoặc chạc chữ Y, Kim xuyên nút chai sắc, nhọn. - Van thoát khí (van lọc khí) có thiết kế màng lọc khi vô khuẩn. - Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, Kim cánh bướm các cỡ. - Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	288.500		
1184	Dây truyền dịch (kim 2 cánh bướm) dài ≥ 1500mm	1. Thông số kỹ thuật: - Dây dẫn dài ≥ 1950 mm; Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 8,5 ml. - Chất liệu: Dây dẫn được làm từ nhựa nguyên sinh PVC, Bộ phận điều chỉnh dòng chảy làm từ nhựa nguyên sinh ABS, Kim xuyên nút chai làm từ nhựa ABS nguyên sinh. - Bộ phận tiếp thuốc bằng chạc chữ Y. - Van thoát khí (van lọc khí) có thiết kế màng lọc khi vô khuẩn. - Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, Kim hai cánh bướm các cỡ 2. Tính năng, công nghệ: - Dây dẫn mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng, Bộ phận điều chỉnh dòng chảy gồm máng có thiết kế thêm kẹp khe giữ dây và con lăn di chuyển dễ dàng. - Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. - Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485, TCVN 6591-4: 2008	Bộ	214.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1185	Dây truyền dịch 180cm kèm kim tiêm 21Gx1.5 inch	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim tiêm thép không rỉ 1Cr18Ni9Ti. - Kích thước: Dây dài 180cm. Có van khí trên bầu đếm giọt: màng giấy lọc y tế kỵ nước, Có cổng bơm thuốc chữ Y, Kích thước lọc 15-20 µm, kích thước giọt 20 giọt/ml, bầu 10 mL. Có sẵn đầu nối Luer lock. 2. Tính năng, công nghệ: - Khả năng truyền dịch ≥ 1000 mL trong vòng 10 phút (NaCl 0,9%, áp suất tĩnh 1m), Không rò rỉ khí với áp suất 50 kPa không khí trong bộ truyền trong vòng 15 giây. Mỗi mối nối của một bộ truyền không bị bung ra ở lực 15N. Có sẵn kim tiêm 21Gx1.5 inch. - Đóng gói tiệt trùng EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Bộ	125.200		
1186	Dây truyền dịch an toàn, truyền thuốc và hóa chất màu cam dài 180cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PUR, không DEHP, không PVC, Không Latex. - Kích thước: dài 180cm, Đường kính trong dây: 3mm. đường kính ngoài 4,1mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Dây màu cam có khả năng tránh ánh sáng. - Có chức năng đuổi khí tự động và khóa dịch tự động. - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm. - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí. - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock . 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Cái	95.300		
1187	Dây truyền dịch bằng trọng lực cơ bản - dùng cho các loại dịch truyền dài 180cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP , thay thế bằng DEHT an toàn. - Kích thước: Chiều dài dây 180cm. Đường kính trong dây: 3 mm. đường kính ngoài 4,1mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm. - Độ chính xác khi truyền máy : sai số ± 5%. - Chịu được áp lực đến 2 bar. - Màng lọc tại van thông khí lọc vi khuẩn, vi rút. - Màng lọc dịch 15µm. - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. - Cửa chích thuốc chữ Y không latex. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu) hoặc CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	105.800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1188	Dây truyền dịch chống trào ngược máu	1. Thông số kỹ thuật: - Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. - Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 14ml, có màng lọc dịch ≤ 15µm. - Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; - Độ dài dây truyền ≥ 1800mm. - Có cổng chữ Y sử dụng xilanh không cần kim. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. - Có màng lọc một chiều ở cuối dây truyền để ngăn dịch, máu trào ngược gây tắc đường truyền. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Bộ	49.200		
1189	Dây truyền dịch dài >1550mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh chiều dài 57 ± 0.3mm. - Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Đường kính lỗ thoát khí 5 ± 0.05mm. - Bình đếm giọt làm từ nhựa PVC nguyên sinh thể tích ≥ 14ml, có màng lọc dịch ≤ 15µm. Đường kính trong 15.3 ± 0.1mm, chiều dài 61 ± 0.3mm, đường kính đầu côn 3.4 ± 0.05mm. - Van khóa điều chỉnh và bánh xe bằng nhựa ABS nguyên sinh, chiều dài van điều chỉnh 53.5 ± 0.3mm. - Ống dây dẫn làm từ nhựa PVC nguyên sinh đường kính ngoài 3.97 ± 0.05mm, tiết diện dây 0.6 ± 0.03mm. Độ dài dây truyền ≥ 1700mm. - Bầu cao su tiếp thuốc dài 45 ± 0.1mm, đường kính trong 3.06 ±0.02mm - Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485,TCVN 6591-4: 2008.	Cái	285.550		
1190	Dây truyền dịch dài ≥1550 mm	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Được làm từ nhựa nguyên sinh PVC cao cấp + silicon mềm. - Kích thước: Dài ≥ 1550mm, Bầu nhỏ giọt có đường kinh ngoài 14,2 - 14,5mm, chiều dài 45mm, có thành dày đều 0,9mm.	Cái	8.150		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1191	Dây truyền dịch dài 145±5cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim tiêm thép không rỉ 1Cr18Ni9Ti. - Kích thước: Dây dài 145±5cm. Có van khí trên bầu đếm giọt: màng giấy lọc y tế kỵ nước. Lọc 15-20µm, kích thước giọt 20 giọt/ml, bầu 6ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Có sẵn đầu nối Luer lock, Có bầu cao su hình nón tiêm thuốc. Khả năng truyền dịch ≥ 1000 mL trong vòng 10 phút (NaCl 0,9%, áp suất tĩnh 1m). Không rò rỉ khí với áp suất 50 kPa không khí trong bộ truyền trong vòng 15 giây, Mỗi mối nối của một bộ truyền không bị bung ra ở lực 15N. Có sẵn kim tiêm 21Gx1,5 inch. - Đóng gói tiệt trùng EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Bộ	101.000		
1192	Dây truyền dịch dài 160cm	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu ABS, Ống dây chất liệu PVC. - Kích thước: Buồng nhỏ giọt: Thể tích: 5.5 mL / dài 5 cm, Định lượng 20 giọt = 1ml ± 0,1ml, Bộ lọc phần tử: 15µm, Chiều dài dây: 160cm, Đường kính ống: 3,0 x 4,1mm. 2. Tính năng, kỹ thuật: - Dây truyền dịch có cổng tiêm chữ Y, không DEHP, Buồng nhỏ giọt mềm dẻo và trong suốt. - Ống dây mềm dẻo và trong suốt, chống gãy gập. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, sản xuất tại Việt Nam.	Cái	133.700		
1193	Dây truyền dịch dài 180 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn. - Chiều dài dây 180cm. - Đường kính trong dây: 3,0 mm. đường kính ngoài 4,1 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng- mềm. - Chịu được áp lực đến 2 bar. thể tích mồi dịch 23.140ml - Màng lọc dịch 15 µm. - Màng lọc tại van thông khí cấu tạo bằng sợi thủy tinh ,có chức năng lọc đến 99,99999% và virus đến 99,99964 % vi khuẩn và virus.Van thông khí chịu áp lực đến 0,2 bar đảm bảo hệ thống kín (có chứng nhận bên thứ 3 ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn) - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. - Bộ điều chỉnh tốc độ với rãnh chữ U, bánh xe/con lăn di chuyển dễ dàng với phạm vi hoạt động con lăn >=23,5 mm có thể chỉnh tốc độ nhỏ giọt thấp (6 lần nhỏ giọt / phút) dễ dàng. Có khe cài dây và cắm đầu nhọn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt tiêu chuẩn châu Âu CE MDR: CE 0123, EN ISO 8536, EN ISO 10993-1, ISO 11607-1, ASTM F2096, EN 556-1.	Cái	165.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1194	Dây truyền dịch dài 180 cm	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu PVC, không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn. - Chiều dài dây 180cm. - Đường kính trong dây: 3,0 mm. đường kính ngoài 4,1 mm. 2. Tính năng công nghệ: - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng- mềm. - Chịu được áp lực đến 2 bar. thể tích mồi dịch 23.140ml - Màng lọc dịch 15 µm. - Màng lọc tại van thông khí cấu tạo bằng sợi thủy tinh ,có chức năng lọc đến 99,99999% và virus đến 99,99964 % vi khuẩn và virus.Van thông khí chịu áp lực đến 0,2 bar đảm bảo hệ thống kín (có chứng nhận bên thứ 3 ngăn cản sự xâm nhập của vi khuẩn) - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. -Bộ điều chỉnh tốc độ với rãnh chữ U, bánh xe/con lăn di chuyển dễ dàng với phạm vi hoạt động con lăn >=23,5 mm có thể chỉnh tốc độ nhỏ giọt thấp (6 lần nhỏ giọt / phút) dễ dàng. Có khe cài dây và cắm đầu nhọn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu); EN ISO 8536, EN ISO 10993-1, ISO 11607-1	Cây	394.204		
1195	Dây truyền dịch dài 180cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây truyền dịch làm từ PVC (DEHP Free), được định lượng 20 giọt/ml. - Kích thước: Dây truyền dịch dài 180 cm, ID: 3mm OD: 4.1mm, không kim. Mũi trọc túi dịch đường kính 0.59 đến 0.63 inch. Cổng thông khí có đường kính từ 1.96 đến 2.4 inch. Buồng nhỏ giọt với màng lọc 15µm, thể tích mồi 7ml 2. Tính năng, công nghệ: Dây đầu nối Luer lock, được định lượng 20 giọt/ml, cổng tiêm Y needleless. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485: 2016; CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	687.800		
1196	Dây truyền dịch dài 180cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC y tế. - Kích thước: Dây dài 180cm, màng lọc 48 microns được đặt ở cuối đường dây, Đầu nối vặn xoắn xoay 360 độ, dây chịu được áp lực 200Kpa không rò rỉ. Đường kính trong 3mm, đường kính ngoài 4mm. 2. Tính năng, kỹ thuật: - Dây truyền dịch có cổng tiêm chữ Y, không DEHP. - Buồng nhỏ giọt mềm dẻo và trong suốt. - Ống dây mềm dẻo và trong suốt, chống gãy gập. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, sản xuất tại Việt Nam.	Cái	242.592		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1197	Dây truyền dịch đếm giọt có bầu pha thuốc 150ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC. - Kích thước: Bầu pha thuốc 150ml , Màng lọc khí lọc vi khuẩn 0,2µm và màng lọc dịch 15µm, Độ dài dây tiêu chuẩn: 150 cm, Đường kính ống: I Ø 3,0mm. & O Ø 4,1mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có dây treo burette trên cây dịch truyền. - Bầu pha thuốc 150ml trong suốt, mềm, hình trụ và hiệu chỉnh buồng đo khối lượng với quy mô đánh dấu đậm. Cổng tiêm thuốc cho phép truyền liên tục. - Tự động đóng van ngăn cản không khí bẫy trong dòng chất lỏng khi buồng khối lượng đo là trống rỗng, và nó cũng cho thấy mức độ của chất lỏng.	Sợi	137.344		
1198	Dây truyền dịch dùng cho máy truyền dịch chiều dài 213cm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polybutadience. Không chất DEHP và PVC. - Kích thước: (mắt) lưới lọc 40µm, tổng chiều dài: 213cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu cắm nhựa 1 lỗ, kiểu L. - Không có van thông khí. - 20 giọt/ml, đầu nối dạng trượt (Luer), tiệt trùng bằng khí EO.	Sợi	5.000		
1199	Dây truyền dịch dùng cho máy truyền tự động dài 329 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Dài 329cm. - Có cảm cảm biến tắc mạch trong đường ống. Tương thích với máy bơm dịch truyền làm mát Coolpoint pump hoặc tương đương. Tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Sợi	5.020		
1200	Dây truyền dịch kèm kim 22GX1.1/4	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế, khử vô trùng bằng khí EO. - Kích thước: Cỡ kim 22GX1.1/4. 2. Tính năng, công nghệ: Nắp thông khí có màng lọc khí, có 4 màng lọc dịch.	Sợi	15.000		
1201	Dây truyền dịch tự động ngắt dịch	1. Thông số kỹ thuật: - Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. - Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. - Buồng nhỏ giọt thể tích ≥ 14ml, có màng lọc dịch ≤ 15µm. - Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền ≥ 1800mm. Có cổng chữ Y sử dụng xilanh không cần kim. 2. Tính năng: - Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có màng lọc một chiều ở cuối dây truyền để ngăn dịch, máu trào ngược gây tắc đường truyền. - Bầu đếm giọt 2 ngắn cứng mềm, có màng lọc dịch có chức năng ngắt dịch tự động khi hết dịch truyền. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Bộ	16.800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1202	Dây truyền máu 150cm kèm kim 18G 11/2	1. Thông số kỹ thuật: - Dây truyền máu có kim 18G, dây dài 180cm. - Chất liệu: + Dây truyền bằng PVC trong suốt dễ quan sát, chống xoắn. không có chất DEHP, không Latex, + Kim 18G bằng thép không gỉ + Túi máu và con lăn từ nhựa ABS. + Lưới lọc bằng Polyester. - Có bầu 2 ngăn chiều dài bầu 110mm trong suốt, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml - Lưới lọc nằm ngăn trên với diện tích khoảng 11cm2 với lỗ lọc 200µm đảm bảo máu không bị vón cục khi truyền, 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu kim ống gắn kết với túi máu có nắp đậy đáp ứng mọi loại túi máu. - Khoá điều chỉnh giọt con lăn, trơn, mượt có vị trí treo dây. - Cổng tiêm chữ Y không chứa latex. - Dây chịu áp lực 50kPa, lực kéo 8.3Kgf, Kim loại nặng <1ppm, KMnO4 ≤2.00ml. - Kim tiêm sắc nhọn, thành mỏng, có nắp bảo vệ, đốc kim trong suốt. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN-ISO 13485:2016, ISO 1135-4	Sợi	26.502		
1203	Dây truyền máu dài 160±5 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Cổng tiêm thuốc an toàn chữ Y. - Lưới lọc bằng polyeste Dây dài 160±5cm. - Đường kính của dây dẫn 3,2x4,2mm. - Bầu nhỏ giọt 2 ngăn dài 110mm, có lưới lọc 200µm. - Kim tiêm 18G, vát 3 cạnh. - Tiệt trùng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Sợi	25.288		
1204	Dây truyền máu dài 165cm kèm kim tiêm 21Gx1.5 inch,	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ống P.V.C; Kim thép không rỉ 1Cr18Ni9Ti - Kích thước: Dây dài 165cm, Kích thước lỗ lọc 200µm. Đường kính sợi lọc: 0.1 - 0.01mm. Đường kính lỗ lọc 0.2 - 0.01 mm. Có sẵn kim tiêm 21Gx1,5 inch, 2. Tính năng, công nghệ: - Tỷ lệ tan máu < 5%, - Van thông khí có màng lọc giấy lọc y tế kỵ nước.và nằm tại bầu lọc, khóa điều chỉnh dòng chảy, - Bầu nhỏ giọt có phin lọc máu, - Khả năng lọc ≥ 80%, Dòng chảy dây truyền ≥ 500 mL trong 10 phút (Dịch đường gluco 40%, Áp suất tĩnh 1m). Dòng chảy dây truyền ≥ 500 mL trong 2 phút , - Không rò rỉ khí với áp suất 100 kPa khí trong bộ truyền máu trong vòng 2 phút và áp suất 50 kPa khí trong bộ truyền máu trong vòng 15 giây, - Mỗi mối nối của một bộ truyền không bị bung ra ở lực 15N, - Đóng gói tiệt trùng EO một mặt giấy, một mặt nilon 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Sợi	5.170		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1205	Dây truyền máu dài 180cm có bầu nhỏ giọt 20ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kẹp con lăn tuyến tính: chất liệu ABS, Ống dây chất liệu PVC (DINCH) - Kích thước: Buồng nhỏ giọt: thể tích: 20ml, định lượng 20 giọt, phần tử: 200µm, dây dài 180cm, đường kính ống: 3.0 x 4.1mm 2. Tính năng, công nghệ: - Dây truyền máu không có cổng air, không DEHP, không BPA, Buồng nhỏ giọt mềm dẻo, trong suốt, Đóng gói tiệt trùng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	10.056		
1206	Dây truyền máu dài 180cm có bầu nhỏ giọt 20ml	1. Thống số kỹ thuật: - Kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh màu trắng chiều dài 58.7 ± 0.3mm. - Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Đường kính lỗ thoát khí 4.8 ± 0.1mm - Bình đếm giọt làm từ nhựa PVC nguyên sinh thể tích ≥ 14ml, có màng lọc dịch. Đường kính trong 17.3 ± 0.1mm, chiều dài 107 ± 0.3mm, đường kính đầu côn 2.9 ± 0.03mm - Van khóa điều chỉnh và bánh xe bằng nhựa ABS nguyên sinh màu trắng, chiều dài van điều chỉnh 53.5 ± 0.3mm - Ống dây dẫn làm từ nhựa PVC nguyên sinh đường kính ngoài 3.97 ± 0.05mm, tiết diện dầy 0.6 ± 0.02mm. Độ dài dây truyền ≥ 1800mm. - Bầu cao su tiếp thuốc dài 45 ± 0.1mm, đường kính trong 5.5 ±0.02mm - Kèm kim cỡ 18Gx1 1/2' 2. Tính năng, công nghệ: - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. 3. Tiêu Chuẩn chất lượng Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	17.000		
1207	Dây truyền máu dùng cho lọc thận 1372 mm	Thông số kỹ thuật: - Độ kéo dãn không vượt quá 0,5cm. - Tổng chiều dài bộ dây 1372mm. - Có đầu kết nối với cổng dịch bù dài khoảng 1000mm. - Ống bơm kích thước 8mmx 12mmx 265mm. - Có phin lọc dịch. Bầu nối chắc chắn. - Tiệt trùng bằng hơi nước.	Bộ	400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1208	Dây truyền máu dùng cho lọc thận dây động mạch 3650 mm, dây tĩnh mạch 3200 mm	Thông số kỹ thuật: - Độ kéo dãn không vượt quá 2,3cm. - Tổng chiều dài bộ dây động mạch 3650mm. - Tổng chiều dài bộ dây tĩnh mạch 3200mm. - Ống bơm có kích thước: 8mmx 12mmx 265mm. - Có Pillow. - Có dây đo áp lực động mạch dài khoảng 30cm. - Có phin lọc bảo vệ áp lực động mạch, áp lực tĩnh mạch, áp lực trước màng. - Có dây đo áp lực trước màng lọc dài khoảng 30cm. - Có túi chứa nước thải. - Tiệt trùng bằng hơi nước.	Bộ	14.400		
1209	Dây truyền máu dùng dài 180cm	1. Thống số kỹ thuật: - Kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh chiều dài 58.5 ± 0.5mm. - Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Đường kính lỗ thoát khí 5.4 ± 0.1mm - Bình đếm giọt làm từ nhựa PVC nguyên sinh thể tích ≥ 14ml, có màng lọc dịch. Đường kính trong 19.5 ± 0.5mm, chiều dài 108 ± 1mm, đường kính đầu côn 3.4 ± 0.05mm - Van khóa điều chỉnh và bánh xe bằng nhựa ABS nguyên sinh, chiều dài van điều chỉnh 53.5 ± 0.3mm - Ống dây dẫn làm từ nhựa PVC nguyên sinh đường kính ngoài 4 ± 0.05mm, tiết diện dầy 0.6 ± 0.02mm. Độ dài dây truyền ≥ 1800mm. - Bầu cao su tiếp thuốc dài 44.75 ± 0.05mm, đường kính trong 3.06 ±0.01mm - Kèm kim cỡ 18Gx1 1/2' 2. Tính năng, công nghệ: - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. 3. Tiêu Chuẩn chất lượng Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	5.204		
1210	Dây truyền máu mắt lưới bộ lọc 175-210µ có kim 18G (1 1/2")	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây bằng chất liệu PVC, Đầu cắm bằng nhựa kiểu B, Kim phủ silincone - Kích thước: Lưới lọc có kích thước lỗ 175-210µ, Chiều dài dây 160cm, Tỉ lệ nhỏ giọt: 20 giọt/mL, kim 18G (1 1/2") 2. Tính năng, công nghệ: - Theo công nghệ của túi chứa máu TERUFLEX hoặc tương đương nên không làm ảnh hưởng hoặc giảm chất lượng máu trong quá trình truyền. Không sinh nhiệt trong quá trình truyền. Bầu nhỏ giọt trong suốt. Khóa kẹp dây bằng con lăn giúp điều chỉnh tốc độ dễ dàng, kim thành mỏng, phủ silicone, đốc kim trong suốt, đóng gói tiệt trùng: khí EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Bộ	54.500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1211	Đế dán túi hậu môn nhân tạo bằng keo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Hydrocolloid - Kích thước: 44mm, 57mm, 70mm 2. Tính năng, công nghệ: - Đế dán vào da có độ pH giống như da từ 4.0 - 5.5, giúp bảo vệ da xung quanh hậu môn nhân tạo và không gây dị ứng. - Với thành phần Hydrocolloid, có cấu trúc liên kết vật lý SIS (Styrene-Isoprene-Styrene), giúp đế dán đề kháng mạnh với các chất ăn mòn, tạo cấu trúc mềm dẻo, vững chắc và bền. Vì vậy đế dán sử dụng được cho các trường hợp hậu môn nhân tạo hồi tràng và niệu quản. - Thời gian sử dụng trung bình từ 3 đến 5 ngày, tối đa 7 ngày. - Đế có phần gắn kết với túi bằng cách lòn ngón tay vào trong và bấm lại, vì vậy không gây đau cho bệnh nhân. - Khi tháo đế ra không để lại chất keo dư thừa trên da bệnh nhân.Đế bằng cho người có hậu môn nhân tạo lồi, sử dùng kèm túi phân 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Bộ	3.214		
1212	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 100% gỗ thông. - Kích thước: 150x20x2mm; 2. Tính năng, công nghệ: - Có màu hơi ngà, có mủ của tinh dầu của gỗ thông tư nhiên. Không mục; mọt; mốc; nứt; bể gãy.	Que	870.700		
1213	Điện cực dán đo độ mê người lớn	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước:11” x 1.1” inch (khoảng: 27.94x2.794cm) - Chất liệu: Điện cực được làm từ bạc/ bạc chloride. - Cảm biến gồm 2 hoặc 4 điện cực. 2. Tính năng, công nghệ: - Đo lường hoạt động của não ở bệnh nhân trưởng thành được gây mê toàn thân hoặc dùng thuốc an thần. - Phân tích tín hiệu điện não đồ EEG thành chỉ số đánh giá độ sâu gây mê với dải hoạt động 0 - 100. - Phát hiện và loại bỏ nhiễu. - Thời gian duy trì Epoch: ≤ 2 giây, - Dải bộ khuyếch đại đầu vào: +/- 1 mV, tốc độ quét EEG: ≥ 25 mm/giây. - Cảm biến chứa một thiết bị thẻ nhớ điện thông minh giúp lưu trữ cấu hình và thông tin nhân dạng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1214	Điện cực thăm dò điện sinh lý tim, điện tâm đồ (điện cực tim)	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 4cm x 3.3 cm 2. Tính năng, công nghệ: - Là điện cực tim tự dính, không tiệt trùng, dùng một lần. Thiết kế nhỏ gọn, hình chữ nhật. Điện cực có một mặt gel dẫn điện, một lớp nhựa ABS được tráng bạc, và một đầu nối bằng kim loại dẫn tín hiệu điện tâm đồ (ECG) tốt từ da đến màn hình ECG. Nền foam kháng nước. Nền Gel dính keo dẫn điện an toàn, có độ dính tốt ngay cả trên bệnh nhân đổ mồ hôi, và hạn chế tối đa kích ứng da cho người bệnh. Được chứng minh lâm sàng về khả năng dính tốt trên da người bệnh lên đến 3 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	59.992		
1215	Điện cực thăm dò điện sinh lý tim, điện tâm đồ dùng để theo dõi tim của bệnh nhân (hình oval, gel khô)	1. Thông số kỹ thuật: - Thiết kế hình Oval, kích thước 36x50 mm; - Điện cực Polymer Glass-filled ABS - Ag/AgCl, đường kính 10 mm; - Loại Gel khô; - Thời gian sử dụng: 48 giờ. 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng được cho da nhạy cảm, chống khử rung tim; - Sản xuất bằng vật liệu đáp ứng tiêu chuẩn hạn chế các chất nguy hiểm trong các thiết bị điện và điện tử (RoHS Compliant); - Tuân thủ các quy định liên quan đến việc sử dụng các hóa chất độc hại, có ảnh hưởng đến con người và môi trường (REACH Compliant). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE (Châu Âu). 4. Xuất xứ: G7.	Cái	342.988		
1216	Dome đo huyết áp động mạch xâm lấn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu PVC, thân thiện môi trường, latex free. - Dòng chảy 3 cc/hr, áp lực hoạt động -30 -> 300mmHg, áp lực vượt sức chịu đựng: -700 đến 7,755mmHg. - Nhiệt độ hoạt động: 15-40 độ C. 2. Tính năng công nghệ: - Dùng đo huyết áp xâm lấn DT-XX. - Tiệt trùng bằng EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	750		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1217	Dù bảo vệ chống tắc mạch đoạn xa trong can thiệp mạch cảnh và mạch vành	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước: - Chiều dài sử dụng của Ống thông Dẫn truyền RX là 135 cm. - Ống thông Rút RX có chiều dài sử dụng là 139 cm,.Đường kính ngoài lớn nhất của đầu ở xa là 0,067 inch. - Đường kính lưới lọc: 5.0 mm cho mạch 2.5 mm- 4.8 mm; 7.2 mm cho mạch 4.0 mm- 7.0 mm 2. Tính năng, công nghệ: - ĐIỂM ĐÁNH DẤU PLATINUM TUNGSTEN - KHU VỰC KHÔNG CÓ LỖ 1 MM TẠI ĐẦU CHÓP PHÍA XA: Tránh lọt chất liệu tắc mạch trong dòng máu - GỜ DÂY DẪN BAREWIRE 0,019": Nhiệm vụ là điểm dừng đầu xa cho Thành phần lưới lọc - Có VẠCH ĐÁNH DẤU ĐẦU GẦN và VẠCH ĐÁNH DẤU ĐẦU XA - KHUNG NITINOL - THIẾT KẾ DÂY DẪN Ở GIỮA: Tránh lưới lọc khuynh hướng tác động lên thành mạch và cho phép bắt hiệu quả trong các loại mạch - KÍCH THƯỚC LỖ 120 MICROMET; CHẤT LIỆU LƯỚI LỌC NYLON ĐỘ KHỎE CAO; PHỦ ÁI NƯỚC KHÔNG GÂY HUYẾT KHỐI	Cái	2		
1218	Dù dạng lưới kim loại tự nở thế hệ mới loại 2 cánh, để bít các đường rò bất thường	Thông số kỹ thuật: - Tắc mạch khu vực đặt đa dạng. - Tắc mạch nhanh: Thiết kế lưới Nitinol nhiều cuộn, đa lớp mang đến tắc mạch nhanh trong lòng mạch. - Chính xác vị trí: Nhiều điểm tiếp xúc với thành mạch cho chính xác vị trí trong mạch có dòng chảy vừa và mạnh. - Tương thích ống thông can thiệp hoặc dụng cụ mở đường : Tương thích dụng cụ mở đường 4-7F hoặc ống thông can thiệp 5-9F tùy vào kích thước thiết bị. - Khoảng mạch điều trị được là: 2.0 -17 mm. - Đường kính dù: 3, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22 mm; Chiều dài khi không ép: 6, 7, 9, 10 , 12, 14, 16, 18 mm.	Cái	100		
1219	Dù đóng lỗ Thông liên Nhĩ phủ titanium 1 núm, kèm cáp thả dù tạo góc nghiêng 50 độ.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phủ Titanium cho ra màu vàng óng - Size 4-40mm (đặc biệt có size 7.5; 10.5; 13.5; 16.5; 19.5) 2. Tính năng, công nghệ: - Công nghệ đan bện 1 núm, không có núm nối phần nhĩ trái giảm thiểu vật liệu cấy ghép vào cơ thể. - Công nghệ đan bện độc đáo cho phép giảm thiểu đường kính của ống thông đến 20% (1-3F). - Cáp thả dù tạo góc nghiêng 50 độ. - Kèm cáp thả dù	Cái	25		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1220	Dù đóng ống động mạch, phủ Titanium, loại thân chuẩn và thân dài, 1 núm, có kèm cáp thả dù	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phủ Titanium cho ra màu vàng óng. - Công nghệ đan lưới từ vật liệu Nitinol - Size 5-18mm. Chiều dài 4.25->16mm 2. Tính năng, công nghệ - Công Nghệ đan bện không có núm nối nhô ra phần ngoài Động mạch chủ - Không cần kẹp giữ đầu xa để tránh bất cứ phần trung tâm nhô ra từ đĩa động mạch, làm giảm nguy cơ gây tổn thương khi cấy ghép và huyết khối trong lòng động mạch chủ. - Thân dù có dạng hình nón - Dụng cụ phổ biến ở 2 dạng thân (thân dài và thân chuẩn) - Lớp PET siêu mỏng đặt bên trong dù bảo đảm việc đóng lỗ thông được tối ưu - Kèm cáp thả dù	Cái	25		
1221	Dụng cụ bảo vệ ngoại vi	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lưới lọc: Nitinol, Miệng lưới lọc có 1 khung tròn chất liệu Vàng - Tungsten làm marker - Đường kính lưới lọc (filter) 3,4,5,6,7mm, độ dài dây đẩy 190cm và 320cm. - Đường kính vượt tổn thương(Crossing Profile): 3,2Fr 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ bảo vệ mạch được sử dụng trong can thiệp động mạch cảnh, động mạch vành và động mạch ngoại biên. Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi, Dây dẫn đường xoay và di chuyển theo chiều dọc độc lập với lưới lọc, giúp lưới lọc hoàn toàn ổn định trong suốt quá trình can thiệp.	Cái	74		
1222	Dụng cụ bảo vệ vết mổ các cỡ hoặc tương đương	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Được cấu tạo bởi lớp Film chất liệu PS-8011 Polyurethane chắc chắn gấp 3 lần Kích cỡ: Cỡ rất nhỏ kích thước 2-4cm; cỡ nhỏ kích thước 2.5-6cm 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ bảo vệ thành vết mổ Surgisleeve, trong suốt, giúp dễ quan sát, bảo vệ vết thương tốt hơn, phù hợp vết mổ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1223	Dụng cụ bắt giữ dị vật chống thuyên tắc mạch máu thiết kế RX, kích cỡ 4,5,6F. Kích thước các lỗ trên giỏ lọc: 100 micron	1. Thông số kỹ thuật: - Thiết kế Rapid-exchange gồm 8 thanh chống nitinol. - Chiều dài dây dẫn:180 cm. - Đường kính dây dẫn: 0.014". - Ống thông tương thích: 8F. - Sheath tương thích: 6F. - Kích thước lỗ trên lưới lọc: 100 micron. - Kích thước lưới lọc: 5, 6, 7, 8 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Vùng thả lưới lọc ngắn 15.4 mm tối ưu kiểm soát tốt 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA 510K.	Cái	10		
1224	Dụng cụ bung dù có valve vặn cầm máu, kết cấu lõi lưới kim loại, loader nén dù trong suốt kiểm soát bóng khí	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ống nong được làm bằng vật liệu trơn láng giảm thiểu ma sát. Ống thả bao gồm lớp bên ngoài trơn láng, lớp bên trong giảm ma sát, tăng cường bằng lớp đan bện kim loại tăng sự chịu lực và cản quang - Cỡ: 6F-14F 2. Tính năng, công nghệ: - Ống nong tương thích với dây dẫn 0.035" - Ống chứa dù trong suốt giúp kiểm tra bọt khí. - Ống nối chữ Y với van cầm máu, cho phép chống rò rỉ máu khi dây dẫn thả dù luồn qua. - Góc gấp 45 độ hoặc 180 độ	Bộ	5		
1225	Dụng cụ cắt bao quy đầu các cỡ 18-32 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ghim Titan không gỉ; Kèm vòng silicon cầm máu tốt. - Đường kính ngoài: 12, 16, 18, 22, 26, 28, 30, 32 mm. - Đường kính vòng hộp đạn: 13,1; 16,2; 18,2; 21,3; 27,3; 30,5; 32,5mm. - Chiều cao ghim: 2,7-3,0mm. - Số lượng ghim tương ứng: 10, 12, 13, 15, 18, 20, 22 ghim. 2. Tính năng công nghệ: Dụng cụ cắt bao quy đầu dùng một lần có thiết kế dạng cánh bướm với tay cầm bắn đôi, linh hoạt có thể sử dụng một tay khi bắn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	100		
1226	Dụng cụ cắt đốt điện sinh lý, 270 độ, dài 110 cm	1. Chất liệu: Đầu Platinum /Iridium. 2. Thông số kỹ thuật: Chiều dài 110 cm. đầu đốt loại 4mm. - Khoảng cách điện cực là 2-5-2mm. - Kích thước nhẫn là 1,55mm. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dụng cụ cắt đốt điện sinh lý. - Có thể bẻ cong 270 độ. - Nhiều độ cong, có cảm biến nhiệt đầu đốt. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	20		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1227	Dụng cụ cắt khâu bao quy đầu dùng 1 lần, các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: ZSR- DCA-12,Chiều dài: 128mm; Đường kính ngoài: 22.6mm; Đường kính trong: 16mm ZSR- DCA-14, Chiều dài: 135.7mm; Đường kính ngoài: 26mm Đường kính trong: 18mm ZSR- DCA-18, Chiều dài: 135.7mm; Đường kính ngoài: 30mm Đường kính trong: 22mm ZSR- DCA-22, Chiều dài: 135.7mm; Đường kính ngoài: 34mm; Đường kính trong: 26mm ZSR- DCA-26, Chiều dài: 135.7mm; Đường kính ngoài: 38mm Đường kính trong: 30mm ZSR- DCA-30A, Chiều dài: 135.7mm; Đường kính ngoài: 42mm Đường kính trong: 34mm ZSR- DCA-34, Chiều dài: 135.7mm; Đường kính ngoài: 46mm; Đường kính trong: 38mm	Cái	8		
1228	Dụng cụ cắt khâu nối dùng trong kỹ thuật Longo mổ trĩ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ghim titanium - Đường kính 33mm có 32 ghim. Chiều cao ghim 3,5mm và 4,8mm. 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ cắt khâu nối công nghệ DST, thiết kế đầu đe tháo rời, dùng trong kỹ thuật Longo khâu cắt, treo trĩ, sa trực tràng	Cái	218		
1229	Dụng cụ cắt khâu nối tròn đường kính tròn 21mm, 25mm, 28mm, 31mm, 33mm, EEA Autosuture Circular Stapler with DST Series Technology hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ghim titanium. - Đường kính tròn 21mm, 25mm, 28mm, 31mm, 33mm, chiều cao ghim khi mở là 3,5mm và 4,8mm. - Đường kính trong: 12,5mm, 16,6mm, 19,5mm, 22,5mm, 24,6mm 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ cắt khâu nối tròn kim titanium, hai hàng ghim, công nghệ định hướng ghim dập đúng chiều DST. Thân dụng cụ dài 22cm. Có vạch chỉ thị trước khi bắn băng đạn	Cái	174		
1230	Dụng cụ cắt nối tự động dạng vòng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Titanium. - Đường kính ngoài: 34 mm. - Đường kính dao cắt: 24.2 mm. - Số lượng ghim dập: 34 ghim. - Chiều cao của ghim: 3.8mm. - Chiều rộng của ghim (Đỉnh): 3.8mm. - Chiều cao ghim sau khi bấm (chữ B): 1.5mm. - Đường kính của ghim: 0.28mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Số vòng ghim bấm: 2 vòng tròn đồng tâm bên trong đầu dập kim. 3. Tiêu chuẩn, chất lượng: ISO 13485, EU-MDR, CFS (Châu Âu).	Cái	384		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1231	Dụng cụ cắt nối tự động sử dụng trong kỹ thuật Longo 33mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Ghim: Titanium. - Chất liệu đầu đe và lòng trong dụng cụ: Thép không gỉ. - Chất liệu Vỏ dụng cụ: Nhôm. Chất liệu Ống nong hậu môn: nhựa ABS kết hợp PC. - Chất liệu Tay cầm dụng cụ: nhựa ABS kết hợp PA - Đường kính ngoài 33mm, đường kính trong 25 mm, chứa 32 ghim Titanium cao 4,2 mm, rộng 4mm, đường kính ghim 0,3mm. Kích thước mô (chiều cao ghim đóng) từ 0,75-1,5mm 2. Tính năng, công nghệ: Chất liệu đóng gói: Tyvek/PET	Cái	545		
1232	Dụng cụ cắt vòng xoắn kim loại	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: đường kính 0.020" 2. Tính năng công nghệ: - Dụng cụ tách rời chuyên dụng cho cắt vòng xoắn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	10		
1233	Dụng cụ chọc tách huyết khối 0,055; 0,072 inch	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngoài đầu xa: 0,055; 0,072 inch. - Tổng chiều dài: 150, 175 cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EU MDR, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	40		
1234	Dụng cụ chọc tách huyết khối 0,072; 0,110 inch	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính đầu chia tách huyết khối 0,072; 0,110 inch. - Chiều dài tương ứng: 150, 190cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EU MDR, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	40		
1235	Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...) dùng trong phẫu thuật nội soi, chất liệu ghim tự tan	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu ghim: Tự tan, chất liệu PGLA (Polyglycolic Acid). - Hình dạng ghim: xoắn ốc; Đầu thẳng. - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ: 35,5 cm. * Đường kính nòng: 5 mm. * Chiều dài ghim: cao 4,1 mm; rộng 5,1 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...) dùng trong phẫu thuật nội soi. - Số lượng ghim: 15/dụng cụ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	664		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1236	Dụng cụ cố định lưới thoát vị dùng trong phẫu thuật nội soi, ghim xoắn ốc	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu ghim: Titan, đảm bảo thân thiện với cơ thể. - Kích thước: * Chiều dài thân dụng cụ: 35,5 cm. * Đường kính nòng: 5 mm. * Chiều dài ghim: 3,8 mm; rộng 4 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Dụng cụ cố định lưới thoát vị (thành bụng, bẹn...) dùng trong phẫu thuật nội soi. - Hình dạng ghim: xoắn ốc. - Đầu thẳng hoặc có khả năng gập góc 60 - 65 độ. - Số lượng ghim 30/dụng cụ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), FDA Hoa Kỳ).	Miếng	48		
1237	Dụng cụ cố định mạch vành	Thông số kỹ thuật: - Giác hút chân không mềm, dễ uốn. Xoay 360 độ. - Khớp nối động giúp định vị dễ dàng. - Dễ dàng quan sát chỗ nối mạch. - Có thể gắn với tất cả các loại banh xương ức.	Cái	50		
1238	Dụng cụ cố định nội khí quản có chống cắn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu hydrocolloid, - Kích thước ống cố định: từ 5.0mm đến 10.0mm 2. Tính năng công nghệ: - Hai miếng dán cố định hai bên má bệnh nhân, bằng chất liệu hydrocolloid có độ pH giống như da, không gây dị ứng. - Băng cố định vùng gáy. - Phần cố định nội khí quản, có thể di chuyển được. - Có bộ phận chống cắn ống nội khí quản. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	5.000		
1239	Dụng cụ đánh tan huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: - Dây cản quang với thiết kế S-wire dạng hình sin tương thích với nhiều đường kính lòng mạch máu, làm tan huyết khối bám trên thành mạch và giảm nguy cơ tổn thương nội mô. - Số vòng đánh 4000 vòng/phút. - Biên độ dây hình sin 9 mm, 15 mm. - Chiều dài khả dụng 65 cm, 135 cm. - Đường kính dây 0,035", 0,044". - Đường kính ngoài ống thông 6F, 7F. 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng pin lõi kép giúp tăng thời lượng và thời gian hoạt động, duy trì lực xoắn qua các khúc cong. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	40		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1240	Dụng cụ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường	1.Thông số kỹ thuật - Chất liệu: PVC. - Áp lực đo từ -30 đến 300mmHg, độ nhạy 5µv/v/mmHg. - Nhiệt độ hoạt động từ 15 - 40 độ C. - Trở kháng kích thích: >200 ohms. - Trở kháng tín hiệu đầu ra: <3000 ohms. - Đối xứng đầu dò: ±5%. - Lệch vị trí số không (Cân bằng Zero) :± 40mmHg. 2. Tính năng công nghệ: - Bộ dẫn truyền cảm ứng theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường 1DT-XX bằng PVC, đầu truyền dịch hình chữ J. - Có dây nối phụ phân biệt xanh (tĩnh mạch) đỏ (động mạch). - Độ chính xác: Sai số tối đa do tổng hiệu ứng của các biến thiên phi tuyến, độ trễ và độ nhạy sẽ không quá 2% số đọc hoặc ± 1 mmHg, tùy theo giá trị nào lớn hơn trong phạm vi hoạt động. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Bộ	50		
1241	Dụng cụ đóng lòng mạch máu kích cỡ 5-7F, chất liệu polyglycolic acid (PGA), hấp thụ từ 60 - 90 ngày	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ đóng mạch (bao gồm Nút bấm triển khai, Cổng quan sát, Hệ thống chỉ báo máu chảy ngược). - Chất liệu nút tắc là sợi polyglycolic acid (PGA) rất an toàn và có lịch sử lâu dài trong ứng dụng y tế. Khả năng phân hủy sinh học, được hấp thụ hoàn toàn từ 60 - 90 ngày. - Kích cỡ: 5F, 6F, 7F (Tương ứng với Sheath 5F, 6F, 7F có chiều dài lên đến 12cm). 2. Tính năng, công nghệ: - Dây chỉ báo Nitinol cung cấp phản hồi nhẹ nhàng và chính xác để đảm bảo vị trí đặt nút tắc cầm máu. - Thao tác dễ thực hiện, Nút tắc được giữ cố định chắc chắn tại vị trí bung nhờ vào các mô xung quanh. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA 510K.	Cái	40		
1242	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa	1. Thông số kỹ thuật: Bộ được cung cấp tiệt trùng bao gồm: - Dụng cụ thắt và cắt chỉ khâu loại ngắn có: + Chiều dài 17cm + Đường kính thân dụng cụ 4mm - Chốt titan thắt chỉ khâu bao gồm: + Chốt có dạng hình nấm làm từ chất liệu titan y tế. + Móc cong cùn. + Một dây bẫy chỉ. 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng kết hợp với chỉ khâu polyester để thắt và cắt chỉ khâu trong phẫu thuật chung và phẫu thuật tim mạch. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	70		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1243	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa	1. Thông số kỹ thuật: - Chỉ Monofilament Polypropylene, đường kính 0.0088", chiều dài tối thiểu 20" - Kim: Dòng thép không gỉ 300, đường kính 0.021" - Vỏ: Polyether Block Amide, đường kính 0.113", chiều dài 8.8" 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng mạch bằng chỉ tạo sẵn - Chỉ định cho sử dụng lỗ vào động mạch đùi 5F đến 21F; cho lỗ vào tĩnh mạch đùi 5F đến 24F '- Chỉ định cho lỗ vào động mạch 5-21F - Chỉ đơn polypropylene được tạo sẵn - Không cản trở tiếp cận trở lại sau khi sử dụng dụng cụ đóng mạch - Sửa chữa bằng chỉ có thể đánh giá và xác nhận ngay tại bàn - Có khả năng duy trì đường vào dây dẫn - Có báo cáo lâm sàng: Giảm yêu cầu truyền máu đến 80%, Giảm bị nhiễm trùng đến 41%, Giảm bị tử vong trong 30 ngày sau can thiệp đến 70%, Ở lại bệnh viện ngắn hơn đến 43%.	Cái	650		
1244	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa	1. Thông số kỹ thuật: - Có 18 băng chứa kim SEW-EASY hoặc tương đương - Có 12 rãnh đường viền, mỗi rãnh có một nút kẹp mềm tạo thành rãnh giữ chỉ khâu. - Có 24 lỗ neo để cố định dụng cụ vào khăn phẫu thuật, hoặc sử dụng miếng dán cố định được gắn sẵn. 2.Tính năng, công nghệ: Được sử dụng để sắp xếp và giữ chỉ khâu chắc chắn trong quá trình phẫu thuật. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	30		
1245	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa cỡ 6Fr và 8Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Cấu tạo gồm các thành phần sau: Dụng cụ đóng mạch 01 dây dẫn cỡ 0,035" hoặc 0,038" dài 70cm 01 dilator 01 sheath - Thông số: Cỡ 6Fr và 8Fr. Kim chọc dò loại 11G và 13G, dài 125mm 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ đóng mạch sử dụng cơ chế cầm máu kép với móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch, được giữ bởi chỉ tự tiêu giúp cố định tại vị trí cần đóng mạch. - Neo tự tiêu sinh học: được thiết kế phù hợp với thành động mạch, không gây xáo trộn dòng chảy mạch máu và hẹp mạch. - Collagen tự tiêu sinh học: thiết kế phù hợp với kỹ thuật chọc mạch. - Chỉ tự tiêu sinh học: kết nối neo và collagen, đảm bảo đóng mạch hiệu quả. - Các bộ phận lưu lại trong cơ thể đều có khả năng tự tiêu sinh học, được hấp thụ trong vòng từ 60 - 90 ngày.	Cái	804		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1246	Dụng cụ gài chỉ cong	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ gài chỉ gồm 8 cặp khe gài chỉ, gói 3 cái - Có miếng dán EZ-Peel hoặc tương đương 2. Tính năng, công nghệ: - Khe chỉ có đánh số A, B giúp sắp xếp và thứ tự chỉ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Bộ	40		
1247	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn liên nhĩ; liên thất, ống động mạch và lỗ tiểu nhĩ	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 5F, 6F, 7F, 8F, 9F 2. Tính năng, công nghệ: - Với ống đẩy gồm đầu tip cản quang, van plastic, cáp chuyển tải và dụng cụ tải, van cầm máu áp suất cao với khớp nối xoay. - Chống giập gẫy trong những giải phẫu sinh lý phức tạp. - Với thiết kế mới nhỏ nhất để thích ứng với dụng cụ tương ứng, ít xâm lấn và hiệu quả điều trị cao nhất.	Cái	25		
1248	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn liên thất, liên nhĩ và ống động mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Thiết kế đầu cong 45 độ, dài 60 hoặc 80cm. - Kích thước: 6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F, 13F 2. Tính năng, công nghệ: - Với ống đẩy gồm đầu tip cản quang, van plastic, cáp chuyển tải và dụng cụ tải, van cầm máu áp suất cao với khớp nối xoay. - Chống giập gẫy trong những giải phẫu sinh lý phức tạp.	Cái	25		
1249	Dụng cụ khâu cắt đa năng dùng trong phẫu thuật mổ nội soi Endo GIA Ultra Universal hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: dài trục 16cm. - Thiết kế gập góc 45 độ mỗi bên với 5 điểm gập góc mỗi bên và một điểm ở giữa, xoay băng đạn 360 độ. 2. Tính năng, công nghệ: - Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gập góc chủ động. - Tương thích với các loại băng đạn 3 hàng ghim với chiều cao ghim khác. nhau mỗi bên công nghệ Tri-Staple cùng hãng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	226		
1250	Dụng cụ khâu cắt nối dùng trong kỹ thuật Longo cỡ 32 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngoài 32 mm, Đường kính dao cắt 22,2 mm. - Số lượng ghim dập 32, chiều cao ghim 3,8 mm, chiều rộng ghim 3,8 mm. - Chiều cao ghim sau khi bấm (chữ B): 1,5 mm, Đường kính của ghim: 0,28 mm. - Số vòng ghim bấm: 2 vòng tròn đồng tâm bên trong đầu dập kim. - Trục đe cố định, bề mặt cắt có vòng đệm nylon trong đầu đe, có bộ hiển thị độ cao ghim và mô nén. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EU-MDR, CFS (Châu Âu).	Cây	295		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1251	Dụng cụ khâu cắt nối dùng trong kỹ thuật Longo cỡ 32-34 mm, 30-32 ghim	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ghim bằng Titanium. - Đường kính ngoài 32-34mm. - Số lượng ghim 30-32, chiều cao ghim 4,2mm, độ dập ép mô 0,8-1,5mm. 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ dùng chỉ định mổ áp dụng cho trĩ độ 3,4, trĩ có khối huyết, trĩ sa vòng, trĩ xuất huyết trầm trọng.	Cái	100		
1252	Dụng cụ khâu cắt nối dùng trong kỹ thuật Longo cỡ 33 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu đe: thép không gỉ 12Cr18Ni9; Tay cầm (phần kim loại): thép không gỉ 12Cr18Ni9; Băng đạn: nhựa ABS; Nút điều chỉnh: nhựa ABS; Phụ kiện kèm theo: nhựa ABS/PC; Lưỡi: thép không gỉ 12Cr18Ni9/20Cr13; Ghim khâu: TA1G/TA2G. - Thông số ghim: đường kính ngoài 33mm, đường kính trong 22mm, số ghim khâu 32 ghim, chiều cao ghim khâu 4,1 mm. 2. Tính năng công nghệ: - Dụng cụ phẫu thuật trĩ theo phương pháp Longo kỹ thuật PPH. - Bộ dụng cụ bao gồm: Dụng cụ cắt trĩ bao gồm băng đạn: 01bộ; Dụng cụ nong hậu môn - trực tràng: 01cái; Dụng cụ soi hậu môn - trực tràng: 01cái; Dụng cụ nong và khâu niêm mạc: 01cái; Dụng cụ móc chỉ khâu: 01cái. - Thiết kế vạch chỉ thị màu xanh cho tham chiếu, giúp người vận hành có thể điều chỉnh độ dày cắt theo tình trạng bị sa. Sai số thấp hơn 0,2mm. - Khe hở giữa đầu đe và băng đạn là tối thiểu để tránh tổn hại mô do quá áp lực. - Vị trí khâu có thể chịu áp lực > 3.6Kpa và không bị rò hoặc rách. - Có các điểm đánh dấu trên băng đạn làm rõ ràng độ sâu chèn vào. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	40		
1253	Dụng cụ khâu cắt nối dùng trong kỹ thuật Longo cỡ 33-34mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ghim bằng Titanium Gr1. - Cỡ 33 mm và 34 mm. - Đường kính lòng cắt 26 mm, 34 ghim. - Chiều cao ghim mở 3,8 mm, chiều cao ghim đóng từ 0,75- 1,5 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Dụng cụ mổ trĩ theo phương pháp Longo. - Thiết kế an toàn kép trước khi bắn. - Đầu đe không tháo rời. - Buồng chứa dịch trong suốt. - Ống nong hình tròn và ống nong hình cánh bướm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu) và FDA 510K (Premarket Notification - Hoa Kỳ).	Cái	990		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1254	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng	1. Thông số kỹ thuật: - Gập góc 45° liên tục không khấc mỗi bên, hai bên tổng 90°. - Có nút xoay 360°. 2. Tính năng, công nghệt: - Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng. - Sử dụng được 25 băng đạn trong một ca phẫu thuật. - Thao tác kẹp mô linh hoạt, đóng hàm băng đạn bằng cách bóp cò và mở hàm băng đạn bằng cách gạt ngược cò súng. - Dụng cụ tích hợp được với tất cả các loại băng đạn nội soi cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), có 2 CFS thuộc các nước tham chiếu cấp.	Cái	350		
1255	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng trợ lực dài 16 cm	1. Thông số kỹ thuật: Trục dài ≥ 16cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Dụng cụ cắt khâu nối đa năng có chức năng trợ lực dùng trong phẫu thuật nội soi - Công nghệ S3: Bánh răng đa tốc độ, dòng ghim bấm cao cấp, khớp vặn gập góc mượt mà - Tương thích với các loại băng đạn chiều cao ghim đồng đều, gồm đầu thẳng, đầu ngắn cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ) và CE (Châu Âu), TGA (Úc).	Cái	60		
1256	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng trợ lực dài 16 cm	1. Thông số kỹ thuật: Trục dài 16cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Dụng cụ cắt khâu nối đa năng có chức năng trợ lực dùng trong phẫu thuật nội soi - Công nghệ S3: Bánh răng đa tốc độ, dòng ghim bấm cao cấp, khớp vặn gập góc mượt mà - Tương thích với các loại băng đạn chiều cao ghim đồng đều, gồm đầu thẳng, đầu cong, đầu ngắn cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ) và CE (Châu Âu), TGA (Úc).	Cái	40		
1257	Dụng cụ khâu cắt nội soi tự động	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Tay cầm: Nhựa; Trục kim loại: Thép không gỉ. 2. Tính năng, công nghệ: - Gập góc 45° liên tục không khấc mỗi bên, hai bên tổng 90°. Có nút xoay 360° - Được kích hoạt bằng chip và nhận diện được thông số của băng đạn. - Nhận diện mô thông minh và đưa ra cảnh báo khi bắn thông qua tín hiệu đèn LED. - Sử dụng tối đa 15 băng đạn. - Pin sử dụng một lần và sử dụng trong 8h. - Thao tác bắn dụng cụ và mở hàm băng đạn chỉ bằng một lần chạm vào cò súng. - Thanh "Manual override" hỗ trợ mở hàm băng đạn bằng tay trong trường hợp dụng cụ ngưng hoạt động. - Dụng cụ tích hợp được với tất cả các loại băng đạn nội soi cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE (Châu Âu), có 2 CFS thuộc các nước tham chiếu cấp.	Cái	210		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1258	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng 75 mm dùng trong mổ mở	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thân cấu tạo bằng nhựa polycarbonate cho độ bền vững cao, thân có phủ lớp cao su xanh bằng chất liệu Styrene Block Copolymer chống trơn trượt. - Kích thước: Dụng cụ khâu cắt nối thẳng 75mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5-1,8-2,0mm. 2. Tính năng, công nghệ: Công nghệ kim 3D, Cơ chế khóa trung gian, cho phép phẫu thuật viên thao tác bằng 1 tay hoặc tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	90		
1259	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài lưỡi dao: 60mm và 80mm. Chiều dài hàng ghim: 64mm và 84mm. Chiều cao ghim: 3.8mm và 4.8mm. Chiều rộng ghim: 2.7mm và 2.98mm. Chiều cao ghim sau khi bấm: 1.5mm và 2.0mm. Độ dày mô yêu cầu: 1.5mm và 2.0mm. Đường kính ghim: 0.23mm. Số lượng ghim: 64 ghim và 84 ghim. 2. Tính năng, công nghệ: - Ghim làm bằng Titanium, được đặt thành 2 hàng so le nhau có thể thay ghim tới 7 lần và có thể bấm ghim tối đa 8 lần trong một ca phẫu thuật, có cần gạt an toàn, cắt và chia mô giữ hai hàng đôi, đường ghim dài hơn đường cắt 2mm ở cả đầu gần và đầu xa. Phía sau có bản lề hình chữ V. - Tự động khóa an toàn trên băng ghim sau khi bấm. Mã màu xanh dương cho băng ghim 3.8mm, màu xanh lá cho băng ghim 4.8mm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE MDR, CFS (Châu Âu).	Cái	24		
1260	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở cỡ 60mm, 80mm	1. Thông số kỹ thuật: Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở, các cỡ 60mm, 80mm 2. Tính năng, công nghệ: - Nút bắn được thiết kế điều chỉnh hai bên. - Nút tháo mở được thiết kế nhỏ gọn, thuận tiện cho việc tháo lắp. - Bề mặt chống trượt. - Chiều dài trục: 240mm, 260mm - Một tay súng có thể sử dụng cho ≥10 băng đạn. - Tích hợp với các băng đạn cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 510 (k) (Premarket Notification), CE (Châu Âu)	Cái	20		
1261	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong mổ mở GIA cỡ 60mm, 80mm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Tay cầm cao su - Cỡ: 60mm, 80mm, chiều cao ghim 3.8mm, 4.8mm 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ cắt nối tự động mổ hở GIA thiết kế tay cầm cao su điều khiển chắc chắn, đầu đe được bao bọc không gây tổn thương mô, công nghệ định hướng ghim gập đúng chiều DST giúp cầm máu tốt hơn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	66		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1262	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong phẫu thuật nội soi 60 mm gập góc, sử dụng pin	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đe và lưỡi làm bằng thép không gỉ. - Dụng cụ khâu cắt thẳng nội soi 60mm sử dụng pin, cán dài 34cm, đường kính 12mm, 6 hàng ghim. 2. Tính năng, công nghệ: Đầu gập góc mỗi bên 45 độ, xoay băn đạn 360 độ, thay thế băng đạn bắn tối đa 12 lần trong 1 cuộc phẫu thuật, công nghệ 3 điểm tiếp xúc, công nghệ giữ mô bề mặt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	50		
1263	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng trong phẫu thuật nội soi 60 mm gập góc, sử dụng pin	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ khâu cắt thẳng nội soi 60mm sử dụng pin, cán dài 34cm, đường kính 12mm, 6 hàng ghim, độ mở hàm >= 22mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu gập góc mỗi bên 55 độ điều chỉnh bằng pin, Cho phép điều chỉnh góc. - Gập ở bất kỳ điểm nào trong phạm vi thao tác theo từng góc nhỏ. - Xoay băn đạn 360 độ công nghệ 3 điểm tiếp xúc, công nghệ giữ mô bề mặt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	40		
1264	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở GIA các cỡ 60mm, 80mm.	1. Thông số kỹ thuật: Cỡ 60mm, 80mm, 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mổ mở, công nghệ Tri-Staple ba hàng ghim chiều cao khác nhau. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	146		
1265	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gập góc sử dụng trong kỹ thuật Doppler, dài 45mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đe và lưỡi làm bằng thép không gỉ - Dụng cụ khâu cắt thẳng nội soi 45mm, cán dài 34cm, đường kính 12mm, độ mở hàm 22mm chiều dài hàm 45mm, 6 hàng ghim 2. Tính năng, công nghệ: Đầu gập góc mỗi bên 45 độ, xoay băn đạn 360 độ, thay thế băng đạn bắn tối đa 12 lần trong 1 cuộc phẫu thuật, công nghệ 3 điểm tiếp xúc 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	60		
1266	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gập góc sử dụng trong kỹ thuật Doppler, dài 60mm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Đe và lưỡi làm bằng thép không gỉ - Dụng cụ khâu cắt thẳng nội soi 60mm, cán dài 34cm, đường kính 12mm, độ mở hàm 22mm chiều dài hàm 60mm, 6 hàng ghim 2. Tính năng, công nghệ: Đầu gập góc mỗi bên 45 độ, xoay băn đạn 360 độ, thay thế băng đạn bắn tối đa 12 lần trong 1 cuộc phẫu thuật, công nghệ 3 điểm tiếp xúc 3 Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	210		
1267	Dụng cụ khâu cắt nối tròn dùng khâu nối ống tiêu hóa cỡ 29 hoặc 32 có đầu đe nghiêng 90 độ	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều cao ghim trước khi đóng 4.8 mm/ 5.0 mm và sau khi đóng 2.0 mm/ 2.2 mm. Số lượng 24 ghim/ 30 ghim. - Chiều dài thân kim loại 212-213 mm và chiều dài tay cầm 247- 252 mm. - Đường kính ngoài 29 mm/ 32 mm. Đầu đe thiết kế nghiêng 90°, có thể tháo rời. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dụng cụ khâu cắt nối tròn dùng khâu nối ống tiêu hóa, có thiết kế an toàn kép tránh bắn nhầm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).	Cái	424		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1268	Dụng cụ khâu cắt nối trong mổ trĩ và băng ghim đường kính 34 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính 34mm. - Chiều cao ghim mở 3,5mm. - Chiều cao ghim đóng 0,75mm-1,5mm. - Thiết kế 3 hàng ghim, số lượng ghim 48 ghim, thể tích buồng chứa 14cc. - Ống nong hậu môn có chia vạch. 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ khâu cắt dùng trong mổ trĩ 3 hàng ghim. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 510K (Premarket Notification - Hoa Kỳ), CE (Châu ÂU).	Cái	60		
1269	Dụng cụ khâu cắt nối vòng và băng ghim	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ khâu cắt nối vòng 3 hàng ghim. - Chiều cao ghim mở: 4.5mm - Chiều cao ghim đóng có thể điều chỉnh được: 1.0mm-2.5mm. - Đường kính lòng cắt: 16mm, 17mm, 20mm, 21mm, 22mm. - Đường kính ngoài: 25mm, 26mm, 29mm, 31mm, 32mm. - Thiết kế 3 hàng ghim, số lượng ghim: 33, 36, 42. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA 510K (Premarket Notification - Hoa Kỳ), CE (Châu Âu).	Cái	40		
1270	Dụng cụ khâu cắt thẳng 55mm	1. Thông số kỹ thuật: Dụng cụ khâu cắt nối thẳng 55mm 2. Tính năng, công nghệt: Công nghệ kim 3D, điều chỉnh chiều cao kim đóng từ 1.5-2.0mm	Cái	90		
1271	Dụng cụ khâu nối ruột đầu nghiêng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ghim bấm: Titanium. - Chiều dài dụng cụ: 44,5 cm. - Độ dày đầu đe: 6,2 mm. - Đầu đe nghiêng, có thể tháo rời. - Đường kính ngoài: 29 mm. - Đường kính trong: 20 mm. - Số lượng ghim: 24 ghim. - Số vòng ghim bấm: 2. - Chiều cao ghim trước khi bấm: 4,8 mm. - Chiều cao khi dập (chữ B): 2,0 mm. - Đường kính ghim: 0,28 mm. - Chiều rộng của ghim: 3,8mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	24		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1272	Dụng cụ lấy dị vật (multi-snare) 3 vòng trong tim mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Trục và vòng xoắn được làm bằng Nitinol, đầu catheter cản quang. - Kích cỡ: 2-4 mm x 175cm, 4-8mm x 175cm, 6mm-10mm x 120cm, 9mm-15mm x 120cm, 12mm-20mm x 120cm, 18mm-30mm x 120cm, 27mm - 45mm x 120cm. - Chiều dài catheter: 150cm và 100cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Được thiết kế 3 vòng, sử dụng trong hệ thống tim mạch hoặc lỗ rỗng để lấy và thao tác với các vật lạ. - Ba vòng xoắn lại với nhau giúp tăng xác suất bắt dị vật và thêm lợi thế khác biệt khi làm trong những không gian hạn hẹp. - Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque. - Tiệt trùng bằng EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng:CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	35		
1273	Dụng cụ lấy dị vật (multi-snare) trong tim mạch 1 vòng, kích thước 2-35mm, One Snare hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Vòng Snare được phủ vàng trên nền Nitinol làm gia tăng khả năng cản quang, vật liệu Nitinol nhớ hình và đàn hồi tốt tránh tổn thương mạch máu nhiều nhất. - Đủ các kích cỡ của vòng từ 2,4,5,7,10,15,20,25,30,35 mm - Chiều dài 100 cm - Chiều dài của snare: 120 cm 2. Tính năng, công nghệt: - Thiết kế 1 vòng để gia tăng khả năng bắt dị vật. - Vòng Snare được thiết kế 90o giúp bắt dị vật chính xác - Có dải band marker cản quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác - Có thể dùng với catheter 2,3F, 3F, 4F, 6F phù hợp cho trẻ em và các mạch máu nhỏ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG - FDA (Hoa Kỳ).	Cái	40		
1274	Dụng cụ lấy dị vật (multi-snare) trong tim mạch 3 vòng kích thước lớn từ 6 đến 45mm	1. Thông số kỹ thuật: - Được thiết kế 3 vòng, sử dụng trong hệ thống tim mạch hoặc lỗ rỗng để lấy và thao tác với các vật lạ, loại Atrieve. - Trục và vòng xoắn được làm bằng Nitinol, đầu catheter cản quang. - Ba vòng xoắn lại với nhau giúp tăng xác suất bắt dị vật và thêm lợi thế khác biệt khi làm trong những không gian hạn hẹp, Kích cỡ : 6mm-10mm x 120cm, 9mm-15mm x 120cm, 12mm-20mm x 120cm, 18mm-30mm x 120cm, 27mm - 45mm x 120cm. Chiều dài catheter : 100cm. - Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu).	Cái	34		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1275	Dụng cụ lấy dị vật (multi-snare) trong tim mạch 3 vòng kích thước lớn từ 6 đến 45mm	1. Thông số kỹ thuật: - Được thiết kế 3 vòng, sử dụng trong hệ thống tim mạch hoặc lỗ rỗng để lấy và thao tác với các vật lạ, loại Atrieve. - Trục và vòng xoắn được làm bằng Nitinol, đầu catheter cản quang. - Ba vòng xoắn lại với nhau giúp tăng xác suất bắt dị vật và thêm lợi thế khác biệt khi làm trong những không gian hạn hẹp, Kích cỡ : 6mm-10mm x 120cm, 9mm-15mm x 120cm, 12mm-20mm x 120cm, 18mm-30mm x 120cm, 27mm - 45mm x 120cm. Chiều dài catheter : 100cm. - Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque. - Tiệt trùng bằng EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu).	Cái	4		
1276	Dụng cụ lấy dị vật (multi-snare) trong tim mạch 3 vòng kích thước nhỏ 2-8mm	1.Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Nitinol - Thước làm việc: 2-4mm, 4-8mm, - Chiều dài catheter: 150cm - Chiều dài của snare: 175 cm 2. Tính năng, công nghệ: - Dụng cụ bắt dị vật kích thước nhỏ - Ba dây cáp bằng Nitinol của En Snare xoắn lại với nhau - Có một dải Platinum liên kết chặt với các loop để tăng tính nhận biết - Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt, và độ xoắn được kiểm soát 1:1. - Có dải band marker cản quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác.	Cái	41		
1277	Dụng cụ lấy dị vật (vợt) nội soi tiêu hóa, khí phế quản	1. Thông số kỹ thuật: - Túi 15, 25, 35mm. - Dài 160 - 230cm. - Đường kính 1.8 - 2.3mm 2. Tính năng công nghệ: Dùng để lấy dị vật nội soi tiêu hóa. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	2		
1278	Dụng cụ mở đường can thiệp mạch máu ngoại biên với cấu tạo 3 lớp	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước: - Chiều dài: 45cm; 65cm; 90cm - Đường kính trong: 5Fr; 6Fr; 7Fr, 8Fr - Tương thích với dây dẫn 0.038" - Kiểu đầu: Straight - Cấu tạo 3 lớp gồm: lớp trong PTFE, cuộn thép không gỉ ở giữa và lớp ngoài nylon 2. Tính năng , công nghệ: - Lớp phủ ái nước tại đầu xa dài 35cm hoặc 60cm - Đầu vào không gây tổn thương thành mạch - 03 điểm đánh dấu cản quang: sheath, dilator và điểm đánh dấu bằng vàng (gold coil) - Van có thể tháo rời, gồm 2 loại: van kiểu Cross-cut và van Tuohy-Borst 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	10		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1279	Dụng cụ mở đường can thiệp mạch máu ngoại biên, cấu tạo 3 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Cấu tạo 3 lớp gồm: lớp trong PTFE, cuộn thép không gỉ ở giữa và lớp ngoài nylon - Lớp phủ ái nước tại đầu xa dài 35cm hoặc 60cm - 03 điểm đánh dấu cản quang: sheath, dilator và điểm đánh dấu bằng vàng (gold coil) - Kích cỡ: + Chiều dài: 45cm; 65cm; 90cm + Đường kính trong: 5Fr; 6Fr; 7Fr, 8Fr + Tương thích với dây dẫn 0.038" + Kiểu đầu: Straight 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu vào không gây tổn thương thành mạch - Van có thể tháo rời, gồm 2 loại: van kiểu Cross-cut và van Tuohy-Borst	Cái	15		
1280	Dụng cụ mở đường can thiệp mạch máu ngoại biên, chuyên dùng cho mạch cảnh với cấu tạo 3 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Cấu tạo 3 lớp gồm: lớp trong PTFE, cuộn thép không gỉ ở giữa và lớp ngoài nylon - Lớp phủ ái nước tại đầu xa dài 15cm - 03 điểm đánh dấu cản quang: sheath, dilator và điểm đánh dấu bằng vàng (gold coil) Kích cỡ: - Chiều dài: 90cm - Đường kính trong: 6Fr; 7Fr - Tương thích với dây dẫn 0.038" - Kiểu đầu: Multipurpose, Straight 2. Tính năng, công nghệ: - Van có thể tháo rời, gồm 2 loại: van kiểu Cross-cut và van Tuohy-Borst - Đầu vào không gây tổn thương thành mạch	Cái	40		
1281	Dụng cụ mở đường can thiệp mạch máu ngoại biên, chuyên dùng cho mạch cảnh với cấu tạo 3 lớp	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước: - Chiều dài: 90cm - Đường kính trong: 6Fr; 7Fr - Tương thích với dây dẫn 0.038" - Kiểu đầu: Multipurpose, Straight 2. Tính năng , công nghệ: - Cấu tạo 3 lớp gồm: lớp trong PTFE, cuộn thép không gỉ ở giữa và lớp ngoài nylon - Lớp phủ ái nước tại đầu xa dài 15cm - Đầu vào không gây tổn thương thành mạch - 03 điểm đánh dấu cản quang: sheath, dilator và điểm đánh dấu bằng vàng (gold coil) - Van có thể tháo rời, gồm 2 loại: van kiểu Cross-cut và van Tuohy-Borst 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	40		
1282	Dụng cụ mở đường can thiệp mạch thành mỏng Halo One™ Thin-Walled Guiding Sheath hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Sử dụng dây dẫn .018" và .035" - Dụng cụ mở đường (Sheath): 4F/5F/6F 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	20		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1283	Dụng cụ mở đường dùng trong can thiệp mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Bề mặt phủ lớp ái nước và đầu típ có đánh dấu cản quang. - Kích cỡ: Đường kính 5Fr, 6Fr, 7Fr. Chiều dài 11cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Sheath có thiết kế dạng cuộn dễ dàng uốn cong mà không bị xoắn vặn và phù hợp cho động mạch thận, mạch cảnh và thủ thuật xuyên vách. - Dụng cụ mở đường với tính năng chốt tự động, với cổng nằm phía bên/van cầm máu và kèm stopcock 3 ngã có dây dẫn 3. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CFG- FDA (Hoa Kỳ).	Cái	40		
1284	Dụng cụ mở đường mạch máu đùi các cỡ 4,5,6,7,8F chiều dài 23cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyethylene và Polypropylene. Guirewire làm bằng thép không rỉ. - Thông số: 4F, 5F, 6F, 7F, 8F dài 23cm. Guirewire đường kính 0,035” hoặc 0,038”, dài 80cm (tuỳ mã sản phẩm). 2. Tính năng, công nghệ: - Van cầm máu ngăn chặn máu rò rỉ. - Mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. - Có Guirewire kèm có đầu cong hình J - Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhẵn, độ mở lớn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	130		
1285	Dụng cụ nút mạch bằng dù	Thông số kỹ thuật: - Dùng nút mạch cho khu vực ngắn. - Thiết kế nhỏ gọn: Ý tưởng thiết kế lưới Nitinol một cuộn cho khu vực đặt ngắn. - Tương thích ống thông can thiệp hoặc dụng cụ mở đường: Tương thích với dụng cụ mở đường 4-6F hoặc ống thông can thiệp 5-8F tùy thiết bị. - Khoảng mạch điều trị được là: 2,5-12,5 mm. - Đường kính dù: 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16 mm. - Chiều dài khi không ép: 7, 8 mm.	Cái	100		
1286	Dụng cụ nút mạch bằng dù, tiết diện nhỏ	Thông số kỹ thuật: - Tắc mạch tiết diện nhỏ. - Tương thích ống thông chẩn đoán: Di chuyển đơn giản qua ống thông chẩn đoán tương thích với dây dẫn 0.038". - Nâng cao khả năng tiếp cận: Thiết kế tiết diện nhỏ và khả năng mềm dẻo hơn trên dây dẫn cho phép thiết bị đi qua cấu trúc mạch xoắn dễ dàng. - Khoảng mạch điều trị được là: 2,5 - 6,0 mm. - Đường kính dù: 4, 5, 6, 7, 8 mm. - Chiều dài khi không ép: 10, 10.5, 11, 12.5, 13.5 mm.	Cái	40		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1287	Dụng cụ phá van tĩnh mạch	1. Tông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dụng cụ phủ lớp ưa nước bên ngoài, phủ lớp silicon bên trong - Chiều dài làm việc 98cm, tổng chiều dài 110cm - Đường kính lưỡi dao mở từ 1.5mm - 6mm - Đường kính vòng định tâm tối đa: 9.5mm 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế vòng tự định cỡ, tự định tâm. Gồm 4 lưỡi dao có thể đóng lại trong quá trình luồn vào mạch - Đánh dấu độ sâu mỗi 10cm - Bộ kèm một dụng cụ cắt van tĩnh mạch	Cái	25		
1288	Dụng cụ phá van tĩnh mạch đầu hình nón, đường kính 2.0 - 5.0 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đầu và dây bằng nhựa - Đường kính: 2-5 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Dụng cụ phá van tĩnh mạch trong phẫu thuật bắc cầu. - Đầu (olive) nhựa hình nón giúp ngăn việc đi lệch vào nhánh phụ gây tổn thương màng trong mạch - Dụng cụ cắt: kỹ thuạt rạch van ít tổn thương và không gây rách - Dây GW bọc nhựa: linh hoạt, không có hiệu ứng nhớ nên không gây áp lực lên thành mạch - Đóng gói riêng lẻ, tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	100		
1289	Dụng cụ phẫu thuật trĩ	1. Tính năng, công nghệ: Dùng để cắt và khâu nối hậu môn/ trực tràng trong phẫu thuật cắt trĩ.	Cái	8		
1290	Dụng cụ phẫu thuật trĩ bằng phương pháp Longo	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu ghim Titanium - Có 3 hàng Ghim chứa 48 ghim cao 3,6mm, rộng 3,8mm. Chiều cao ghim đóng từ 0,75 - 1,6mm. - Đường kính ngoài 33,4 mm, đường kính lòng cắt 24 mm. 2. Tính năng, công nghệ: Tiệt trùng, sử dụng 1 lần	Cái	585		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1291	Dụng cụ phẫu thuật trĩ theo phương pháp longo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Đầu đe: Thép không gỉ 304 (06Cr19Ni10) + Lưỡi dao: Thép không gỉ (30Cr13) + Băng đạn: Nhựa (PC+20%GF) + Vỏ: Nhựa ABS + Ghim: Hợp kim Titanium TA1G + Hộp chứa ghim: PA66+60%GF + Nắp bảo vệ hộp chứa ghim: Nhựa ABS + Nút điều chỉnh: Nhựa ABS+5% GF + Khóa an toàn: PA66+40%GF + Tay cầm (Phần kim loại): Thép không gỉ 304 (06Cr19Ni10) + Tay cầm (Phần nhựa): Nhựa ABS+ 30% PC + Dụng cụ banh soi khâu: Nhựa ABS + Dụng cụ banh hậu môn: Nhựa PC + Dụng cụ nong hậu môn: Nhựa ABS + Que móc chỉ khâu: Nhựa ABS. - Có 2 màu: xanh và tím - Đường kính trong: 23, 25mm; chiều dài thân 394 mm. - Có 2 hàng ghim gồm 32 ghim. Chiều dài chân ghim khi đóng 0.8-1.5mm, đường kính ghim 0.3 mm, chiều cao ghim 4.0mm. - Đường kính ngoài trục: 32, 34mm. Thể tích hộp chứa 46, 54cc. 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ dụng cụ khâu cắt nối trĩ tự động theo Phương pháp Longo thiết kế an toàn kép. Gồm: 1 banh hậu môn, 1 ống nong, 1 dụng cụ soi khâu, 1 que móc chỉ khâu và 1 dụng cụ khâu cắt nối trĩ - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3.. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA 510K (Premarket Notification) 4. Xuất xứ: G20	Cái	1.970		
1292	Dụng cụ tập hít thở, đánh giá khả năng hồi phục phổi sau phẫu thuật, Spiro Ball hoặc tương đương	1. Thống số kỹ thuật: - Dung tích gồm tối thiểu các loại 2500ml, 4000ml, 5000ml. Có bộ lọc bụi và khí. 2. Tính năng, công nghệ: - Giúp bệnh nhân tập hít thở, đánh giá khả năng phục hồi phổi hoạt động sau phẫu thuật. - Có hai ngăn để đánh giá quá trình luyện tập. Một ngăn chứa để luyện tập ngay sau khi phẫu thuật, một ngăn chứa quả bóng màu vàng để tập luyện gắng sức. - Kỹ thuật tập luyện từ chậm đến nhanh theo mức độ nặng nhẹ của bệnh nhân, bước tăng dần là 250ml hoặc 500ml. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	1.720		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1293	Dụng cụ thả coil loại cắt coil điện tử	1. Thông số kỹ thuật: - Sử dụng kèm với kim từ 20G - 22G. 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ điều khiển cắt coil tương thích với ED Coil, nhận biết và chỉ ra điểm tách coil bằng tín hiệu âm báo, đèn ngay cả khi vị trí của marker thứ 2 của vi ống thông không hiển thị rõ dưới X-ray. - Bộ điều khiển kết nối có ED clip (nối với pusher) và Patient-side clip (sử dụng kèm với kim từ 20G - 22G để tiêm dưới da bệnh nhân). - Đèn đỏ của bộ điều khiển được bật khi ED clip được kết nối với pusher. - Đèn xanh được bật khi đoạn tách coil ra khỏi vi ống thông. Tiếp đó, nhấn 2 nút Detach đồng thời trên bảng điều khiển để tách coil. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), FDA510K (Premarket Notification)	Cái	70		
1294	Dụng cụ tháo ghim tay cầm bằng nhựa	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Tay cầm bằng nhựa y tế, đầu tháo ghim bằng thép y tế không gỉ	Cái	30		
1295	Dụng cụ thổi CO2 (blower) có đường bổ sung nước trong mổ mạch vành	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC và Silicon, đầu ống có thể uốn 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ thổi CO2 trong mổ mạch vành, có chức năng phun sương áp lực cao giúp bộc lộ mạch vành khi phẫu thuật 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	300		
1296	Dụng cụ thổi khí	1. Thông số kỹ thuật: - Tay cầm: Có núm điều chỉnh lưu lượng, dễ dàng điều chỉnh bằng một tay. - Thân dụng cụ: Làm bằng thép không gỉ, linh hoạt, dễ uốn, dễ dàng điều chỉnh hướng và hình dạng. - Đầu phun: Mềm, không gây tổn thương. - Dây dẫn: Dài khoảng 304,8 cm, có bộ phận lọc và kẹp khóa dạng con lăn. 2. Tính năng, công nghệ: - Ống nối có sẵn giúp dễ dàng kết nối với nguồn khí CO2 và túi đựng nước muối vô trùng. -Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide.	Cái	50		
1297	Dụng cụ thông mạch vành tạm thời các cỡ	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Đầu bằng silicon - Đầu hình nón các cỡ 1,25mm, 1,5mm, 1,75mm, 2mm. Trục dài 12mm 2. Tính năng, công nghệ: - Hình cây nến không đối xứng tạo điều kiện chuyển hướng đầu luồn vào dễ dàng hơn. - Mềm với cấu tạo hình học cân bằng giảm tiểu tổn thương nội mạc mạch trong quá trình luồn vào và rút ra. Trục không tắc cho phép máu chảy trực tiếp qua trục làm giảm sự hỗn loạn của dòng chảy.	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1298	Dụng cụ tuốt tĩnh mạch	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Dây Guide wire bọc nhựa, bện bằng nhiều sợi nhỏ - Đường kính đầu: 9,12 và 15 mm. 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ tuốt tĩnh mạch. Dùng kỹ thuật stripping - Dây Guide wire độ linh hoạt cao, không có hiệu ứng nhớ. Dùng để lột bỏ cả lớp trong và ngoài của tĩnh mạch bị hư. - Đầu cắt sắc bén, giảm thiểu tổn thương. Lột bỏ được mạch máu ở những vùng chấn thương nhỏ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	50		
1299	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối tự động sử dụng pin trong kỹ thuật Doppler, cỡ 23, 25, 29, 31mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ghim hợp kim Titanium Alloy (Ti3Al25v) - Đường kính 23, 25, 29, 31mm tương ứng với 20 ghim, 22 ghim, 26 ghim, 30 ghim 2. Tính năng, công nghệ: - Dụng cụ khâu cắt nối vòng dùng pin - Chiều cao ghim mở 5,2mm, chiều cao ghim đóng có thể điều chỉnh cho phù hợp với độ dày mô khác nhau 1,5-2,2mm. - Ghim được thiết kế dạng 3D, làm bằng hợp kim Titanium giúp lực phân bố đồng đều, chắn chắn - Bề mặt băng đạn có thiết kế công nghệ chống trượt GST hoặc tương đương - Dụng cụ được tích hợp pin để bắn băng đạn giúp ổn định đầu xa - Màn hình hiển thị chiều cao ghim đóng, kèm đèn chỉ thị khi quá trình bắn hoàn tất 3 Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	55		
1300	Dụng cụ, máy cắt, khâu nối vòng tự động sử dụng trong kỹ thuật Doppler, cỡ 21, 25, 29, 33mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim bằng titanium alloy (Ti-3Al-2,5V). - Kích thước: Cỡ 21, 25, 29, 33mm tương ứng với 16 ghim, 20 ghim, 24 ghim, 28 ghim. chiều dài cán 18cm 2. Tính năng, công nghệ: Dụng cụ khâu nối vòng. chiều cao ghim đóng điều chỉnh 1,5-2,2mm. Chiều cao ghim mở 5,2mm, 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	100		
1301	Dung dịch bôi trơn trong can thiệp bào mảng xơ vữa	1. Thông số kỹ thuật: - Dung dịch bôi trơn giúp giảm ma sát giữa dây dẫn dùng trong hệ thống máy bào mãng xơ vữa trong lòng mạch máu. - Chất liệu: Dầu ô liu, phospholipid, lòng đỏ trứng, sodium deoxycholate, L-histidine, disodium EDTA, sodium hydroxide, nước - Tiệt khuẩn 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	ml	50		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1302	Dung dịch bôi trơn trong can thiệp bào mảng xơ vữa	1. Thông số kỹ thuật: - Dung dịch bôi trơn giúp giảm ma sát giữa dây dẫn dùng trong hệ thống máy bào mãng xơ vữa trong lòng mach máu. - Thể tích: 20ml. - Thành phần: Dầu ô liu, phospholipid, lòng đỏ trứng, sodium deoxycholate, L-histidine, disodium EDTA, sodium hydroxide, nước. - Tiệt khuẩn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Lọ	30		
1303	Dung dịch Chloramin B sử dụng để làm sạch, khử khuẩn bề mặt	Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Bột Chloramin B trắng có kim tuyến. Trong cloramin B có 25% là clo hoạt tính. - Sử dụng để diệt khuẩn bề mặt, xử lý nước. - Hiệu quả tiêu diệt vi khuẩn phổ rộng, nha bào, nấm, virus lên đến 99,9%. - Độ tinh khiết tối thiểu 99 %. Clo hoạt tính ppm tối thiểu 24.5 %. - Giá trị PH 9-11%. - Sắt tối đa 5ppm%. Kim loại nặng tối đa 5ppm%.	Kg	9.311		
1304	Dung dịch cồn tuyệt đối Ethanol 99%	Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Ethanol 99%. - Sử dụng để sát khuẩn tay, dụng cụ trong gia dụng, y tế. - Có thể sử dụng nhiều lần trong ngày không làm hại da tay.	Lít	7.780		
1305	Dung dịch đa enzym sử dụng để làm sạch, khử khuẩn, và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: 12% v/v (Protease, Lipase, Amylase) + Chất hoạt động bề mặt, pH 7,4. 2. Tính năng công nghệ: Dung dịch đa enzyme, sát khuẩn, khử trùng dụng cụ, loại bỏ các mảng bám trên dụng cụ phẫu thuật, dụng cụ nội soi.	Lít	3.160		
1306	Dung dịch đánh gỉ và khử ố màu dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Axit Nitric (≥1–<5%) và Axit Phosphoric (≥15–<30%), chất hoạt động bề mặt, - Nồng độ: PH trong dung dịch 1% - 20% với nước khử khoáng: khoảng 2,2-1,1; Nồng độ sử dụng: 5-10% tại 60°C 2. Tính năng: Làm sạch sâu, loại bỏ các vết đốm, vết biến màu, gỉ sét, cặn silicat, cặn thạch cao, cặn hữu cơ. Tương thích vật liệu: Phù hợp với Thép không gỉ	Can	39		
1307	Dung dịch Hydrogen Peroxide 50%	1. Thông số kỹ thuật: Hàm lượng chính: H2O2 ≥ 50%.	Kg	300		
1308	Dung dịch khử khuẩn bề mặt Hydrogen peroxide 3 % w/w, Ion Ag 0,003 % w/w - Can 5 lít	1. Thông số kỹ thuật: Thành phần: Hydrogen Peroxide 3 % (w/w), Ion Ag 0,003 % (w/w). Can 5 lít. 2. Tính năng công nghệ: Dung dịch khử khuẩn bề mặt.	Lít	1.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1309	Dung dịch khử khuẩn bề mặt Hydrogen peroxide 3 % w/w, Ion Ag 0,003 % w/w - Chai 750 ml	1. Thông số kỹ thuật: Thành phần: Hydrogen peroxide 3 % (w/w), Ion Ag 0,003 % (w/w). Chai 750 ml. 2. Tính năng công nghệ: Dung dịch khử khuẩn bề mặt.	Chai 750ml	600		
1310	Dung dịch khử khuẩn bề mặt và vật dụng	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Didecyl dimethyl ammonium chloride, Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB), Ethanol. - Nồng độ: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 0,1% (w/w), Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB) 0,1 % (w/w), Ethanol 30% (w/w). 2. Tính năng, công nghệ: - Dung dịch pha sẵn, sử dụng trực tiếp không pha loãng. Khử khuẩn nhanh các bề mặt dụng cụ, trang thiết bị, vật dụng trong gia dụng và y tế: dụng cụ nha khoa, trang thiết bị phòng mổ, thiết bị chuẩn đoán, siêu âm, thiết bị vệ sinh, vật dụng chăm sóc bệnh nhân, giường bệnh, bàn ghế khám bệnh, xe cấp cứu, băng ca, máy tính, điện thoại... - Khô nhanh, không cần lau xả lại sau phun. Không làm hỏng các bề mặt và không để lại vết mờ ố sau khi phun. Dung dịch pha sẵn, thời gian tiếp xúc ngắn 1 phút. Chai 755ml. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Chai	3.191		
1311	Dung dịch khử khuẩn cho vệ sinh tay ngoại khoa	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4%, Cocamidopropyl amine oxide, Alkylpolyglycoside, Glycerin và Methyl glucosides. - pH = 5.5. - Chai 500ml. - Diệt virus HIV, Rotavius, HBV, HCV theo tiêu chuẩn EN 14476. - Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm trong vòng 6 tháng sau khi mở nắp 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, WHO: EN 12791, EN 14476.	Chai	1.833		
1312	Dung dịch khử khuẩn màng lọc thận nhân tạo	Thông số kỹ thuật: Thành phần: Peracetic acid: 4%, Hydrogen Peroxide: 26%, Acetic acid: 12%.	Can	948		
1313	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Glutaraldehyde - Nồng độ: 2% Glutaraldehyde, pH=6 2. Tính năng: Khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt, dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa. pH = 6 Diệt khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561, diệt nấm theo tiêu chuẩn EN 14562, diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476 +A1 và diệt Mycobacteria theo tiêu chuẩn EN 14563 trong 10 phút. Tái sử dụng trong 30 ngày	Lít	6.643		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1314	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ và ống nội soi	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: acid peracetic (được tạo ra từ acetylcaprolactam), không chứa acid acetic. - Nồng độ: 60% Acetylcaprolactam + 3,01% Hydrogen peroxyd. Dung dịch sau hoạt hoá thành Acid Peracetic 1000ppm - 2000ppm. 2. Tính năng, công nghệ: - Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. - Tái sử dụng trong vòng 14 ngày, có kèm test kiểm tra nồng độ acid peracetic. - Diệt virus, bào tử: 5 phút. - Có tài liệu chứng minh tương thích với ống nội soi hãng Olympus, Fujifilm, Pentax. - Đạt tiêu chuẩn CE và ISO 13485 và ISO 9001.	Lít	380		
1315	Dung dịch Khử khuẩn mức độ cao Ortho-Phthalaldehyde 0,55%	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần chính: Ortho-Phthalaldehyde 0,55%. 2. Tính năng, công nghệ: - pH: 6,8-7,2. - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu, có que thử, dùng được trên 6 tháng sau khi mở nắp bình. - Diệt khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561. - Diệt nấm theo tiêu chuẩn EN 14562. - Diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476 , EN17111. - Diệt lao theo tiêu chuẩn EN14563. - Diệt bào tử theo tiêu chuẩn EN 17126. - Có tài liệu chứng minh tương thích với ống nội soi hãng của các hãng Olympus/Fujifilm/Pentax/Karl Stozr. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu).	Lít	11.896		
1316	Dung dịch phun khử khẩn nhanh bề mặt dạng xịt	1. Thông số kỹ thuật: - Hoạt chất chính: 0,053% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,064 % Chlorhexidine digluconate kết hợp 22,6% Ethanol. - Dạng bào chế: Dung dịch - Hiệu quả diệt khuẩn, diệt nấm theo EN 13697 - Diệt virus (PRV, BVDV, HSV 1...) từ 1 phút theo tiêu chuẩn 14476+A1 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, CE (Châu Âu).	Lít	375		
1317	Dung dịch phun sương sử dụng để khử khuẩn bề mặt	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Hydrogen peroxide, Ion Ag - Nồng độ: Hydrogen peroxide 5 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w). 2. Tính năng, công nghệ: Dung dịch phun sương khử khuẩn bề mặt qua đường không khí 3. Tiêu chuẩn chất lượng: Vi khuẩn, nấm mốc: EN 13697, Mycobacterium EN 14348, Virus: EN 14476, bào tử: EN 13704	Lít	1.280		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1318	Dung dịch rửa vết thương	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Sodium Chloride (NaCl), Hypochlorous acid (HOCl), Sodium hypochlorite (NaOCl), Nước - Đóng gói: Chai dạng xịt - Dạng bào chế: Dung dịch không màu, pH trung tính 2. Tính năng, công nghệ: - Cơ chế hoạt động: Làm sạch vết thương theo cơ chế cơ học, phá vỡ thành tế bào vi khuẩn và gây osmolysis (vỡ tế bào) nhờ đặc tính nhược trương. - Đa năng: Tác dụng kháng khuẩn: diệt vi khuẩn Gram +/-, bao gồm MRSA, ORSA, VRSA, VRE,virus, nấm, bào tử. Dùng cho vết thương cấp/mạn tính, vết bỏng, vết thương phẫu thuật, các mô nhạy cảm (mô thần kinh, mắt, mũi, tai, miệng, gân, sụn và xương) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Chai	300		
1319	Dung dịch rửa vết thương các loại	1. Thông số kỹ thuật : - Dung dịch sát khuẩn da phẫu thuật, chứa 7,5% kl/kl povidone iodine (với nồng độ iodine tự do 10%). Chai 500ml 2. Tính năng, công nghệ: - Hiệu quả trên: - Diệt Vi khuẩn, nấm: EN 13727, EN 13624, AFNOR NF T 72-170 - Diệt vi khuẩn Lao: EN14348 - Diệt Virus Vacciniavirus: EN14476 - Diệt Virus HIV: DVV/RKI - AHEM: B. subtilits - Khử khuẩn tay thủ thuật: EN1500 - Khử khuẩn tay phẫu thuật: EN12791 3. Tiêu chuẩn chất lượng: Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001.	Chai	5.520		
1320	Dung dịch sát khuẩn màng lọc thận nhân tạo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Peracetic acid: 4%, Hydrogen Peroxide: 26%, Acetic acid: 10%	Can	1.270		
1321	Dung dịch sát khuẩn Povidin 10%	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: 10%w/v povidone iodine tương đương với 1% w/v iodine tự do - Nồng độ: 10% 2. Tính năng, công nghệ: Chai tròn 500ml,sử dụng trực tiếp không pha loãng, sát khuẩn da trong y tế(không dùng cho niêm mạc vết thương hở, diệt khuẩn sau một phút tiết xúc, tác dụng diệt 99.9% vi khuẩn S.Aureus, P.aeruginosa, S.flexneri, C.albicans, M.tuberculosis, Bacillus subtilis. Có phiếu kiểm định thành phần của cơ quan chức năng, phiếu khảo nghiệm viện vệ sinh dịch tễ trung ương.	Chai	12.082		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1322	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: 6,5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt. 2. Tính năng: - Làm sạch và khử nhiễm dụng cụ y tế. - pH trung tính, tương thích tốt với dụng cụ. - Thích hợp với nước cứng. - Ngăn hình thành màng biofilm theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5:2005. - Diệt vi khuẩn theo tiêu chuẩn EN 14561. - Diệt các chủng vi khuẩn đa kháng như MRSA, ESBL, VRE theo tiêu chuẩn EN 13727+A1 trong 15 phút. Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV, Vacinia theo tiêu chuẩn châu Âu EN 14476 + A1 trong 5 phút. - Nồng độ sử dụng 0,5%. 3. Tiêu chuẩn chất lượng ISO/TS 15883-5:2005.	Lít	3.805		
1323	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Chứa 0,55% w/w ortho-phthalaldehyd. Chất lỏng màu xanh nhạt, mùi đặc trưng. - Nồng độ: độ pH 7.0- 8.0. 2. Tính năng, công nghệ: Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ. - Cơ sở nước với chất đệm. - Chất chelate & chất ức chế ăn mòn. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu, diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, bao gồm cả vi khuẩn Mycobacterium bovis, pseudomonas aeruginosa- Kèm Test thử. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu), .	Can	4.931		
1324	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Dung dịch khử khuẩn. - Tiệt trùng dụng cụ y tế chứa 20% kl/kl Cocopropylene Diamine. Can 5L. 2. Tính năng, công nghệ: - Diệt vi khuẩn, nấm: DGHM 9.1, EN 13727 & EN 13624. - Diệt vi khuẩn Lao (M. terrae): DGHM 9.2, EN 14348. - Diệt virus Adenovirus: EN14476. - Diệt virus Vacciniavirus, HCV, Polyomavirus: DVV/RKI. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001, CE (Châu Âu).	Can 5 lít	1.648		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1325	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng trong phòng xét nghiệm, buồng mổ, buồng bệnh các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Dung dịch diệt khuẩn nhanh các bề mặt y tế, chứa: 50% kl/kl 1-propanol + 0.075% kl/kl Didecyl dimethyl ammonium chloride. Chai 1000ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Hiệu quả trên: _Diệt vi khuẩn, nấm: EN13697, EN13624, DGHM 1991 _Diệt virus Vacciniavirus, Rotavirus, adenovirus, Norovirus, HCV, HBV: DVV/RKI 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: EC và ISO13485, ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001	Chai	424		
1326	Dung dịch sử dụng để khử khuẩn bề mặt phòng mổ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Dạng sương mù khô chứa Hydrogen peroxide, Hợp chất Bạc, Alcohols C11-15 Secondary Ethoxylated - Nồng độ: Hydrogen peroxide (H2O2) ổn định trong dung dịch 6% (60ml/l), hợp chất Bạc 17 ppm, Alcohols C11-15 Secondary Ethoxylated 0,08% Nồng độ phun: 1ml/m3 2. Tính năng, công nghệ: Dung dịch phun khử khuẩn phòng mổ Phổ diệt khuẩn: diệt nấm, diệt vi rút, diệt nấm men, diệt lao, bào tử, diệt vi khuẩn…(Escherichia coli, Enterococcus hirae, Staphylococcus aureus, Pseudomonas Aeruginosa, Candida Albican, Aspergillus brasiliensis, Bacillus Subtilis, Clstridium Difficile, Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium, Phage P001, Phage P008, Adenovirus, Murine norovirus)	Lít	1.040		
1327	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn bề mặt	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Didecyldimethylammonium Chloride, Polyhexamethylene biguanide Chlorhydrate - Nồng độ: 0,05% Didecyldimethylammonium Chloride + 0,06% Polyhexamethylene biguanide Chlorhydrate 2. Tính năng: Dung dịch dùng để khử khuẩn nhanh các bề mặt, trang thiết bị phòng mổ, khu vực có nguy cơ cao, phòng thay băng, chăm sóc bệnh nhân, giường bệnh, băng ca, xe cấp cứu	Lít	265		
1328	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn bề mặt màng lọc thận nhân tạo	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Acetic acid, Active ingredient(s), Hydrogen peroxide, peracetic acid - Nồng độ: 7,83 % kl/kl Acetic acid; Active ingredient(s) + 26,53°/o kl/kl Hydrogen peroxide + 5% kl/kl peracetic acid 2. Tính năng,: Làm sạch, khử khuẩn bề mặt màng lọc thận nhân tạo, diệt khuẩn bề mặt dụng cụ y tế, thiết bị dùng trong gia dụng và y tế 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO9001:2015	Lít	4.090		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1329	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn bề mặt pha sẵn	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Didecyl dimethyl ammonium chloride, Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride, Ethanol. Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg2+, Ca2+: EDTA Tetrasodium. Chất chỉnh pH : Phosphoric acid, Citric Acid. - Nồng độ: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 0,1% (w/w), Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB) 0,1 % (w/w), Ethanol 30% (w/w). 2. Tính năng: Chất chống ăn mòn, hương liệu. Dung dịch pha sẵn, sử dụng trực tiếp không pha loãng. Khử khuẩn nhanh các bề mặt dụng cụ, trang thiết bị, vật dụng trong gia dụng và y tế: dụng cụ nha khoa, trang thiết bị phòng mổ, thiết bị chuẩn đoán, siêu âm, thiết bị vệ sinh, vật dụng chăm sóc bệnh nhân, giường bệnh, bàn ghế khám bệnh, xe cấp cứu, băng ca, máy tính, điện thoại... Khô nhanh, không cần lau xả lại sau phun. Không làm hỏng các bề mặt và không để lại vết mờ ố sau khi phun. Dung dịch pha sẵn, thời gian tiếp xúc ngắn 1 phút.	Chai 750ml	120		
1330	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn bề mặt pha sẵn	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Didecyl dimethyl ammonium chloride, Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB) . - Nồng độ: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 10% (w/w), Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB) 1,5% (w/w). 2. Tính năng: Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg2+, Ca2+: EDTA Tetrasodium. Chất chỉnh pH: Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, chất tạo màu và hương liệu.	Chai	270		
1331	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn bề mặt pha sẵn	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Didecyldimethylammonium chloride, Chlorhexidine Digluconate, Ethanol và các chất phụ gia vừa đủ 100%. Thểtích 750ml - Nồng độ: Didecyldimethylammonium chloride 0,1% (w/w); Chlorhexidine Digluconate 0,1% (w/w), Ethanol 30% (v/v) và các chất phụ gia vừa đủ 100%. 2. Tính năng, công nghệ: Dung dịch phun khử khuẩn nhanh bề mặt dụng cụ y tế	Chai	413		
1332	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn bề mặt pha sẵn	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Hợp chất amoni bậc 4, Polyhexa-methylene biguanide hydrochloride. - Nồng độ: 0,128% w/w hợp chất amoni bậc 4, 0,04% w/w Polyhexa-methylene biguanide hydrochloride 2. Tính năng: Dung dịch pha sẵn, tẩy rửa và khử khuẩn các bề mặt dụng cụ, vật dụng trong gia dụng và y tế: đèn mổ, trang thiết bị phòng mổ, lồng ấp sơ sinh, lồng ấp vận chuyển, hệ thống hồi sức sơ sinh cho trẻ sinh non và sơ sinh, các bộ phận cảm biến trong thiết bị chẩn đoán (máy siêu âm, máy đo đường huyết v.v.). Dung dịch không chứa cồn, pH trung tính, mùi dễ chịu Công thức đảm bảo khô nhanh sau khi phun	ml	180.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1333	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn bề mặt Sodium Dichloroisocyanurate 50%	1. Thông số kỹ thuật: Sodium Dichloroisocyanurate 50%w/w. 2. Tiêu chuẩn chất lượng : ISO 13485, ISO 9001.	Viên	18.000		
1334	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn bề mặt trong phòng xét nghiệm, buồng mổ, buồng bệnh	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Dung dịch chứa Benzethonium Chloride, Cetrimide, Polyaminopropyl biguanide - Nồng độ: 0,4%; 0,45%; 0,1% 2. Tính năng: Dung dịch làm sạch và khử khuẩn, dùng được cho bề mặt nhạy cảm. Có khả năng diệt khuẩn và nấm men trong vòng 1 phút, diệt SAR-COV-2 (COVID-19) trong vòng 30 giây.	Chai 750ml	1.044		
1335	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn máy móc, thiết bị	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: 30 % w/w Isopropyl alcohol, 0,25% w/w Polyhexa-methylene biguanide hydrochloride, 0,1 % w/w Didecyl dimethyl ammonium chloride. - Dung dịch pha sẵn, thời gian tiếp xúc ngắn 2,5-5 phút. - Dung dịch phun khử khuẩn nhanh bề mặt dụng cụ, trang thiết bị, tường sàn, vật dụng trong gia dụng và y tế: dụng cụ nha khoa, trang thiết bị phòng mổ, giường bệnh, bàn ghế khám bệnh, xe cấp cứu, băng ca, máy tính, điện thoại, máy photocopy… - Bề mặt khô nhanh, không để lại các dấu vết trên bề mặt, không cần rửa sạch lại sau khi phun. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Chai	186		
1336	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn máy móc, thiết bị y tế bằng enzym	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Hỗn hợp 5 enzyme: 1%-3% protease, 0,1%-0,5% lipase, 0,1%-0,5% amylase, 0,1%-0,5% mannanase, 0,1%-0,5% cellulase. - Dùng được cho máy rửa khử khuẩn và ngâm rửa thủ công. - pH 6,89-7,29. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 11930 (khả năng kháng khuẩn của sản phẩm), hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5.	Lít	2.760		
1337	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Các dẫn xuất của amoni bậc bốn hoặc các chất oxy hóa mạnh. - Phổ khử khuẩn rộng, thời gian tác dụng nhanh, không gây ăn mòn hoặc hư hại cho các bề mặt được khử khuẩn, bao gồm cả kim loại, nhựa và cao su. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Lít	570		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1338	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Enzyme Protease subtilisin Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate Chất bảo quản: Methylisothiazolinone Chất chống ăn mòn (1,2,3-benzotriazole) chất bảo quản, chất tạo màu, hương liệu - Nồng độ: Enzyme Protease subtilisin 5,0% (w/w) Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate 8 %(w/w) Chất bảo quản: Methylisothiazolinone 0,035 %(w/w). Chất chống ăn mòn (1,2,3-benzotriazole) chất bảo quản, chất tạo màu, hương liệu Nồng độ sử dụng: 0,5%, pH trung tính 7-8. 2. Tính năng: Dung dịch làm sạch và tẩy rửa trung tính có hoạt tính enzyme. Sử dụng bằng cách ngâm, bồn rửa siêu âm và máy rửa dụng cụ tự động. Dung dịch tẩy rửa, làm sạch các loại dụng cụ chịu nhiệt và không chịu nhiệt như dụng cụ phẫu thuật, nha khoa, ống nội soi cứng, ống nội soi mềm... trước khi đưa đi khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn. Dung dịch có khả năng tẩy rửa tốt và ít tạo bọt, không gây ra sự ăn mòn kim loại.	Can 5 lít	368		
1339	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Enzyme Protease subtilisin, lipase, amylase, mannanase, cellulase - Nồng độ: Enzyme Protease subtilisin 5,0 %(w/w), lipase 0,2 %(w/w), amylase 0,15 %(w/w), mannanase 0,05 %(w/w), cellulase 0,05 %(w/w) 2. Tính năng: Chất hoạt động bề mặt nonionic, chất ức chế ăn mòn, chất bảo quản, chất tạo mùi và màu	Can 5 lít	1.207		
1340	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Enzyme Protease subtilisin, lipase, amylase, mannanase, cellulase. - Nồng độ: Enzyme Protease subtilisin 5,0 %(w/w), lipase 0,2 %(w/w), amylase 0,15 %(w/w), mannanase 0,05 %(w/w), cellulase 0,05 %(w/w). 2. Tính năng: Chất hoạt động bề mặt nonionic, chất ức chế ăn mòn, chất bảo quản, chất tạo mùi và màu.	Lít	840		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1341	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Enzyme Protease, chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylat subtilisin, chất bảo quản: Methylisothiazolinon, chất chống ăn mòn (1,2,3-benzotriazole), chất bảo quản, chất tạo màu, hương liệu - Nồng độ: Enzyme Protease subtilisin 5,0% (w/w) Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate 8 %(w/w) Chất bảo quản: Methylisothiazolinone 0,035 %(w/w). Chất chống ăn mòn (1,2,3-benzotriazole) Chất bảo quản, chất tạo màu, hương liệu Nồng độ sử dụng: 0,5%, pH trung tính 7-8. 2. Tính năng, công nghệ: Dung dịch làm sạch và tẩy rửa trung tính có hoạt tính enzyme. Sử dụng bằng cách ngâm, bồn rửa siêu âm và máy rửa dụng cụ tự động. Dung dịch tẩy rửa, làm sạch các loại dụng cụ chịu nhiệt và không chịu nhiệt như dụng cụ phẫu thuật, nha khoa, ống nội soi cứng, ống nội soi mềm... trước khi đưa đi khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn. Dung dịch có khả năng tẩy rửa tốt và ít tạo bọt, không gây ra sự ăn mòn kim loại	Lít	4.114		
1342	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Ortho - Phthalaldehyde - Nồng độ: 0,55% 2. Tính năng: Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	Lít	294		
1343	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ - Dung dịch Glutaraldehyde 2,45 w/v	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: 2,45 w/v Glutaraldehyde IP. - pH khi có chất hoạt hóa 7,9; pH khi không có chất hoạt hóa 5,8. 2. Tính năng công nghệ: - Dung dịch khử khuẩn dụng cụ: tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu, diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút. - Thời gian tác động: Khử trùng với tốc độ cao 20 phút. - Có thể tái sử dụng dung dịch trong tối đa 14 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Can	820		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1344	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ mức độ cao chứa thành phần Glutaraldehyde 2,55 % (w/w)	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần:Glutaraldehyde, hệ đệm - Nồng độ: Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6. 2. Tính năng, công nghệ: Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Thời gian đổ ra chậu ngâm: Tối đa 30 ngày Tặng kèm test thử, nồng độ hoạt chất có tác dụng tối thiểu: 1,5%(w/w). Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, tiệt khuẩn dụng cụ nội soi, dụng cụ phẫu thuật, nha khoa và các dụng cụ không chịu nhiệt. Dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa, không gây hiện tượng ăn mòn dụng cụ, không gây ra độ đục quang học, thích hợp cho dụng cụ, thiết bị y tế bằng các vật liệu khác nhau: như dụng cụ phẫu thuật, nha khoa, ống nội soi, khớp nối	Lít	1.700		
1345	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ mức độ cao Glutaraldehyde 2%	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Glutaraldehyde - Nồng độ: Glutaraldehyde 2%, Thể tích 5L 2. Tính năng: Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	Lít	400		
1346	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ y tế	1. Thông số kỹ thuật: - Hỗn hợp 5 enzyme: 1%-3% protease, 0.1%-0.5% lipase, 0.1%-0.5% amylase, 0.1%-0.5% mannanase, 0.1%-0.5% cellulase. - Dùng được cho máy rửa khử khuẩn và ngâm rửa thủ công. - Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa). - pH = 6.89-7.29. - Thời gian: từ 5 phút. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 11930 (khả năng kháng khuẩn của sản phẩm), hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5.	Lít	4.576		
1347	Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn màng lọc thận nhân tạo	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Peracetic acid , Hydrogen Peroxide, Acetic Aci, Nước. - Nồng độ: Peracetic acid: 5%, Hydrogen Peroxide: 25%, Acetic Acid: 9%, Nước: 61%. 2. Tính năng: làm sạch và khử trùng màng lọc thận nhân tạo.	Lít	2.940		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1348	Dung dịch sử dụng để làm sạch, sát khuẩn vết thương chai 100 ml	1. Thông số kỹ thuật: - Dung dịch điện hóa công nghệ NEW có thành phần chính là: HClO, H2O, NaCl, O3, HO2,·OH, ClO2. - Thể tích: 100ml 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng để rửa sách vết thương ngoài da, rửa loại bỏ vi khuẩn, virus, nấm và hỗ trợ phòng ngừa viêm, loét. - Giảm đau rát, phù nề, tiết dịch đối với các tổn thương trên da bao gồm: vết thương ngoài da, vết thương do bỏng, các vết loét trên da do côn trùng, zona, thủy đậu, chân tay miệng... Làm sạch, loại bỏ dị nguyên, làm giảm đỏ và ngứa rát trong các trường hợp da bị kích ứng bao gồm cháy nắng, dị ứng với thời tiết, dị ứng, mề đay, hăm tã. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	ml	332.450		
1349	Dung dịch sử dụng để làm sạch, sát khuẩn vết thương chai 500 ml	1. Thông số kỹ thuật: - Dung dịch điện hóa có thành phần hoạt tính: Hypochlorous acid 0,035% (350 ppm). - Thành phần khác: Nước tinh khiết, NaCl, NaClO, ClO2, OH, O3. pH = 6,8 ± 0,2. - Thể tích: 500ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng để làm sạch, làm ẩm và khử trùng cho: + Vết thương cấp tính nhiễm trùng và không nhiễm trùng: vết thương do chấn thương (ví dụ như vết rách, vết cắn, vết cắt trên da hay vết thương dập nát); vết thương hậu phẫu. + Vết thương mạn tính không nhiễm trùng và nhiễm trùng, bao gồm loét do tì đè, loét tĩnh mạch, loét do đái tháo đường. + Vết thương do nhiệt và hóa chất: bỏng độ 1 và 2; bỏng hóa chất. + Vết thương sau xạ trị. + Lỗ rò và áp xe. + Lỗ vào của ống thông niệu quản, ống PEG/PEJ hoặc ống dẫn lưu. + Vùng da xung quanh lỗ mở hậu môn nhân tạo. - Để làm sạch và rửa vết thương trong khi phẫu thuật. - Tưới rửa kết hợp với liệu pháp hút áp lực âm. - Để làm ẩm băng gạc bị đóng cứng trước khi tháo. - Để làm sạch khoang miệng trong các tình trạng quá tải vi sinh vật, nhiễm khuẩn, nấm. - Làm sạch, chuẩn bị bề mặt và dự phòng nhiễm khuẩn trong sản phụ khoa. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	ml	206.400		
1350	Dung dịch sử dụng để làm sạch, sát khuẩn vết thương và ngăn ngừa hình thành màng biofilm	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Dung dịch chứa polyhexanide và betain - Nồng độ: polyhexanide 0.1% và betain 0.1% 2. Tính năng: Làm sạch vết thương, loại bỏ và ngăn ngừa hình thành màng biofilm	ml	37.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1351	Dung dịch sử dụng để làm sạch, sát khuẩn vết thương và ngăn ngừa hình thành màng biofilm	1. Thông số kỹ thuật: Thành phần PHClO, H2O, NaCl, H2O2, O3, HO2, ·OH, ClO2. 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng để rửa sạch vết thương bên ngoài da, rửa loại bỏ vi khuẩn, nấm và hỗ trợ phòng ngừa viêm, loét. - Diệt khuẩn, phá hủy màng Biofilm. - Điều hòa phản ứng viêm. - Cắt lọc mô hoại tử, xác bạch cầu, xác vi khuẩn. - Không đau xót, không độc mô mới.	ml	122.250		
1352	Dung dịch sử dụng để làm sạch, sát khuẩn vết thương và ngăn ngừa hình thành màng biofilm	1. Thông số kỹ thuật: Chứa 100% silicon. 2. Tính năng, công nghệ: Dung dịch xịt bảo vệ da phòng ngừa kích ứng, tổn thương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFS (Chứng nhận lưu hành tự do).	ml	10.000		
1353	Dung dịch sử dụng để làm sạch, sát khuẩn vết thương và ngăn ngừa hình thành màng biofilm	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Dung dịch chứa polyhexanide và betain - Nồng độ: 0,1%, 0,1% 2. Tính năng: Làm sạch vết thương, loại bỏ và ngăn ngừa hình thành màng biofilm	ml	44.000		
1354	Dung dịch sử dụng để làm sạch, sát khuẩn vết thương và ngăn ngừa hình thành màng biofilm dạng gel	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: polyhexanide, betain, glycerol, hydroxyethylcellulose, nước tinh khiết - Nồng độ: 0,1%; 0,1%; 2. Tính năng: Làm sạch vết thương, loại bỏ và ngăn ngừa hình thành màng biofilm	Chai	1.450		
1355	Dung dịch sử dụng để làm sáng bóng dụng cụ, loại bỏ vết mờ ố, gỉ sét chứa acid phosphoric	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Acid Phosphoric 52,5% - Nồng độ: 5% 2. Tính năng: Làm sáng bóng dụng cụ, loại bỏ vết mờ ố gỉ sét.Thời gian ngâm: 1-2 giờ (kiểm tra bề mặt dụng cụ mỗi 30 phút). Thay mới dung dịch ngâm tối thiểu 1 lần một ngày	Lít	66		
1356	Dung dịch sử dụng khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế Ortho-Phthalaldehyde 0,55%	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w). - pH =7-9. - Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. - Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2). - Sử dụng không pha loãng, không cần hoạt hóa. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate). - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, Trực khuẩn lao (kể cả Mycobacterium bovis). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EN 14561 (vi khuẩn), EN 14562 (nấm mốc), EN 14563 (trực khuẩn lao).	Lít	9.938		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1357	Dung dịch tẩy rửa trang thiết bị y tế	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Hỗn hợp 5 enzyme: 1%-3% protease, 0.1%-0.5% lipase, 0.1%-0.5% amylase, 0.1%-0.5% mannanase, 0.1%-0.5% cellulase - Dùng được cho máy rửa khử khuẩn và ngâm rửa thủ công - Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa). - pH = 6.89-7.29. - Thời gian: từ 5 phút. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 11930 (khả năng kháng khuẩn của sản phẩm), hiệu quả chống lại màng biofilm vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa theo tiêu chuẩn ISO/TS 15883-5.	Lít	1.462		
1358	Dung dịch xịt phòng ngừa loét do tì đè 20ml	1. Thông số kỹ thuật: - Thể tích: 20ml - Glycerid có độ oxy hóa cao của các acid béo cần thiết (a.linoleic 60%) Vitamin E + Hương hạt hồi.	Chai	3.708		
1359	Dùng kết nối với máy bơm hút huyết khối, có công tắc on/off	1. Thông số kỹ thuật: - Thiết kế gia vòng xoắn Nitinol. - Đường kính trong 0.025 inch. - Đường kính ngoài đầu xa/gần 2.6F/2.95F. - Chiều dài 150, 160cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EU MDR, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	220		
1360	Enzyme sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần, nồng độ: Enzyme Savinase 16 lex (protease) và < 5% chất hoạt động bề mặt chứa anion, < 5% chất hoạt động bề mặt không chứa ion, < 5% polycarboxylate, chất chống ăn mòn. 2. Tính năng, công nghệ: - Dung dịch làm sạch, tẩy rửa dụng cụ y tế; - Hạn chế sự phát triển của vi khuẩn, giảm 1.47log vi khuẩn ở nhiệt độ 40oC. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu); ISO13485; ISO 9001; ISO 14001; ISO 45001	Chai	1.640		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1361	Enzyme sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: N-(3-aminopropyl)-N- dodecylpropane-1,3-diamine: ≥5–<15% N,N,didecyl-N-methyl-poly(oxyethyl) ammoniumpropionate: ≥5–<15% Polyethylene glycol : ≥5–<15%; 2-hydroxy propionic acid : ≥5–<15% Chứa: ethanediol, d-glucopyranose, oligomers, decyl octyl glycosides, fatty alcohol ethoxylate, Limonene, Subtilisin - Nồng độ: pH của dung dịch 1% với nước khử khoáng: ~8.3, với nước máy: ~7.7 2. Tính năng: Dung dịch làm sạch có tác dụng khử khuẩn, phân huỷ vết bẩn ngay ở nhiệt độ phòng, - Thành phần hoạt tính bảo vệ người sử dụng Làm sạch cả với máu đông (fibrin) Tương thích vật liệu tốt, sản phẩm có thể được sử dụng để làm sạch/tiền làm sạch các thiết bị y tế khác nhau như dụng cụ phẫu thuật và dụng cụ nội soi mềm. Cũng có thể sử dụng để khử khuẩn lần cuối các dụng cụ không thiết yếu. Thích hợp sử dụng trong bể ngâm và bể siêu âm Đã được thử nghiệm sử dụng thực tế theo tiêu chuẩn được quốc tế công nhận và đạt các tiêu chí mới nhất của tiêu chuẩn EN 17111, CE, VAH, EN 14476, EN 14562 Không chứa Aldehyde Khả năng tương thích vật liệu cao, phù hợp với thép không gỉ, nhôm a nốt hoá, titan, kim loại màu, PA, PE, PVC, POM, PEI, PPSU, PEEK, PTFE (bao gồm cả Da Vinci) Nồng độ sử dụng: 0.5~2% Thời gian sử dụng: ngâm trong 5~30 phút 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN 17111, CE, VAH, EN 14476, EN 14562	Can	240		
1362	Enzyme sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Dung dịch kết hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mananase, Cellulase + chất hoạt động bề mặt - Nồng độ: Protease < 0,1%, Lipase < 0,1%, Amylase < 0,1%, Mannanase < 0,1%, Cellulase < 0,1%. pH trung tính ở nồng độ sử dụng. Nồng độ sử dụng: 0,1-0,5% 2. Tính năng công nghệ: Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế với 5 enzyme. Phù hợp với máy rửa dụng cụ. Ngăn hình thành màng biofilm. Ngăn ngừa sự nhiễm khuẩn. Hiệu quả với mọi loại nước. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO11930:2019	Can 5 lít	860		
1363	Enzyme sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Enzyme protease. - Nồng độ: Enzyme protease 7,5% 2. Tính năng: Enzyme protease 7,5%, nồng độ sử dụng 0,3-0,7%, pH trung tính 7,5. Dung dịch làm sạch và tẩy rửa trung tính có hoạt tính enzyme. Sử dụng bằng cách ngâm, bồn rửa siêu âm và máy rửa dụng cụ tự động. Dung dịch tẩy rửa, làm sạch các loại dụng cụ chịu nhiệt và không chịu nhiệt như dụng cụ phẫu thuật, nha khoa, ống nội soi cứng, ống nội soi mềm... trước khi đưa đi khử khuẩn hoặc tiệt khuẩn. Dung dịch có khả năng tẩy rửa tốt và ít tạo bọt, không gây ra sự ăn mòn kim loại.	Can 5 lít	624		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1364	Enzyme sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Enzyme Savinase và các chất hoạt động bề mặt - Nồng độ: Enzyme Savinase 16 lex (protease) và các chất hoạt động bề mặt. 2. Tính năng: Dung dịch làm sạch, tẩy rửa dụng cụ y tế. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Lít	1.210		
1365	Enzyme sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase - Nồng độ: Hỗn hợp 5 enzyme: Protease < 0,1%, Lipase < 0,1%, Amylase < 0,1%, Mannanase < 0,1%, Cellulase < 0,1%+ chất hoạt động bề mặt" 2. Tính năng công nghệ: Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế với 5 enzyme; Phù hợp với máy rửa dụng cụ; Ngăn hình thành màng biofilm, hiệu quả tẩy rửa được chứng minh qua các test ATPmetry, EN 15883; Ngăn ngừa sự nhiễm khuẩn theo tiêu chuẩn NF ISO 11930; Hiệu quả với mọi loại nước (nước mềm hoặc nước chưa xử lý); Công thức không chứa chất bay hơi, pH trung tính ở nồng độ sử dụng. Nồng độ sử dụng: 0,1-0,5%. 3. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 11930	Lít	495		
1366	Enzyme sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Protease enzyme proteins, Amylase enzymes, Lipase enzymes, Non-ionic surfactants, Anionic surfactants, Boric acid salt of ethanolamines - Nồng độ: Protease enzyme proteins ≤ 5%, Amylase enzymes ≤ 5%, Lipase enzymes ≤ 5%, Non-ionic surfactants ≤ 30%, Anionic surfactants ≤ 30%, Boric acid salt of ethanolamines ≤ 5% 2. Tính năng: Kết hợp 3 enzyme và chất hoạt động bề mặt. Không gây ăn mòn ngay cả với lớp phủ vật liệu nhạy cảm. Hiệu quả với cả máu khô. Tương thích với cả nước cứng. Phân hủy sinh học 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO9001:2015; ISO13485:2016	Lít	312		
1367	Enzyme sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ y tế	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Enzyme Protease subtilisin, lipase, amylase - Nồng độ: Enzyme Protease subtilisin 5,0 %(w/w), lipase 0,2 %(w/w), amylase 0,15 %(w/w), Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate 8 %(w/w; Chất bảo quản: Methylisothiazolinone 0,035 %(w/w); Chất chống ăn mòn (1,2,3-benzotriazole; Chất tạo màu, hương liệu 2. Tính năng: Dung dịch làm sạch dụng cụ y tế	Lít	544		
1368	Foam (băng xốp) dán vết thương tiết dịch cỡ 10cm x11cm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Màng film Polyurethane; lớp dính Silicon - Cỡ: 10x11 cm 2. Tính năng, công nghệ: Foam (băng xốp) dán vết thương tiết dịch. Cấu tạo: 3 lớp. Gồm: màng film Polyurethane bán thấm ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm); lớp foam giúp thấm hút và giữ lại dịch tiết; lớp dính Silicon mềm toàn phần 100% tinh khiết với công nghệ Safetac. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	3.344		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1369	Foam (băng xốp) dán vết thương tiết dịch cỡ 19cm x 22,2cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 14 x 17cm, tráng lớp keo tráng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%. - Cỡ: 19cm x 22,2cm (±0.5) 2. Tính năng, công nghệ: - Foam (băng xốp) dán vết thương tiết dịch. - Cấu tạo: 3 lớp. Gồm: màng film Polyurethane bán thấm ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm); lớp foam giúp thấm hút và giữ lại dịch tiết; lớp dính Silicon mềm toàn phần 100% tinh khiết với công nghệ Safetac. - Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cùng cụt - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 27nm, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85ml - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Tiệt khuẩn từng miếng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CFG - FDA (Hoa Kỳ) và CE (Châu Âu). 4. Xuất xứ: G7	Miếng	4.024		
1370	Gạc alginate 10cm x 10cm	1. Thông số kỹ thuật: 10cm x 10cm 2. Tính năng, công nghệ: Gạc vô khuẩn , siêu thấm hút, cấu tạo từ sợi alginate de calcium, tạo gel trong môi trường ẩm	Miếng	1.220		
1371	Gạc Alginate 10x10 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Gạc Calcium Alginate là miếng gạc thấm hút cấu tạo từ sợi alginate ưa nước có nguồn gốc từ rong biển. - Kích thước 10cmx10cm. - Miếng gạc hấp thụ nhanh lượng lớn dịch tiết ra và chuyển thành lớp gel mềm, cung cấp môi trường làm lành vết thương với độ ẩm tối ưu. - Hấp thu dịch (g/100cm2) là 69,76 trong 30 phút, và 75,87 trong 24 giờ. - Miếng gạc không dính, có thể lưu tới 7 ngày. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Miếng	2.100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1372	Gạc cầm máu tự tiêu có tính kháng khuẩn 10 x 20 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Được dệt từ cellulose tái hấp thụ (oxidized non- regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật. - Kích thước 10x20 cm. 2. Tính năng công nghệ: - Vật liệu tự tiêu dạng gạc tiệt trùng kỹ thuật xâm kim. - Hiệu quả cầm máu nhanh tối đa 1.5 phút. - Thời gian hấp thụ từ 4-14 ngày. - Có tính kháng khuẩn cao kháng được 36 chủng bao gồm các chủng vi khuẩn kháng sinh MRSA, PRSP, VRE, MRSE. - Độ pH từ 2.2 - 4.5. - Tiệt trùng bằng tia gamma (y): 18-32 kGy. - Độ căng sản phẩm theo chiều dọc khi ướt là 81,74 gram, khi khô là 50,38 gram. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Miếng	10.800		
1373	Gạc cầu sản khoa vô trùng	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu mềm mại: Làm từ vải không dệt cao cấp, tạo cảm giác êm ái và thoải mái khi sử dụng. - Có độ thấm hút cao: Hấp thụ nhanh chóng dịch sản dịch, giữ cho vùng kín luôn khô thoáng. - Kích thước phù hợp: Gạc hình cầu đặc biệt ôm khít vào cơ thể, ngăn ngừa tràn dịch ra ngoài. - Vô trùng: Qua quá trình hấp tiệt nghiêm ngặt, đảm bảo vệ sinh an toàn tuyệt đối.	Cái	49.000		
1374	Gạc cotton hút nước cỡ 3,5 x 75cm x 8 lớp	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton. Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố - Cỡ: 3,5cm x 75cm x 8 lớp 2. Tính năng, công nghệ: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Tốc độ hút nước < 5s - Có sợi cản quang - Đóng gói: 3 cái/gói, trong túi giấy dùng trong y tế đã tiệt trùng bằng khí EO-Gas hoặc tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	6.200		
1375	Gạc dẫn lưu cản quang tiệt trùng loại không thấm nước cỡ 2 cm x 30 cm x 6 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước 2cm x 30cm x 6 lớp. - Chất liệu: Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose. - Gạc dẫn lưu làm từ vải không dệt ngấm, có sợi cản quang. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO9001:2015, ISO 13485:2016.	Miếng	62.764		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1376	Gạc dẫn lưu cản quang tiệt trùng loại không thấm nước cỡ 2cm x 30cm x 6 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyester và Rayon hoặc Polyester và Viscose (hoặc hợp chất tương tự) - Cỡ: 2cm x 30cm x 6 lớp 2. Tính năng, công nghệ: Gạc dẫn lưu làm từ vải không dệt ngấm, được tiệt trùng bằng khí EO, có sợi cản quang 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Miếng	58.672		
1377	Gạc dẫn lưu tiệt trùng cản quang 5cm x 80cm x 4 lớp	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Dệt từ sợi cotton 100% - Cỡ: 5cm x 80cm x 4 lớp 2. Tính năng, công nghệ: Có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1, được tiệt trùng bằng khí EO, có sợi cản quang. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Miếng	16.900		
1378	Gạc dẫn lưu tiệt trùng hút nước 1 cm × 200 cm × 4 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Gạc không dệt hút nước và có độ thấm hút rất cao. - Kích thước: 1cm x 200cm x 4 lớp. 2. Tính năng công nghệ: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên. - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính. - Tốc độ hút nước < 5s. - Không có tinh bột và Dextrin. - Có sợi cản quang. - Tiệt trùng bằng khí EO-Gas. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cuộn	75.032		
1379	Gạc dẫn lưu tiệt trùng loại cotton hút nước cỡ 2 cm x 30 cm x 6 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Gạc hút nước 100% cotton. - Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. - Kích thước: 2cm x 30cm x 6 lớp. 2. Tính năng công nghệ: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên. - Độ ẩm: <8%. - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính. - Không có tinh bột hoặc Dextrin. - Các chất tan trong nước: 0,5%. - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi (18x26 sợi/inch). - Trọng lượng: 23g/m2. - Có sợi cản quang. - Tiệt trùng bằng khí EO-Gas. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Miếng	27.150		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1380	Gạc đặt xung quanh ống mở khí quản	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Viscose (kết hợp với keo dính acrylic), lớp thứ nhất được phủ nhôm, - Kích thước 8x9 cm 2. Tính năng công nghệ: - Sản phẩm được đóng gói riêng và vô trùng. - Cấu tạo gồm 3 lớp: + Lớp tiếp xúc với vết thương tạo độ nhẵn bóng, không dính vết thương, giúp dịch tiết nhanh chóng thấm vào lớp thứ 2. + Lớp thứ 2 hút dịch tiết và giữ lại. + Lớp thứ 3 là lớp vật liệu mỏng không dệt, tạo độ thoáng và thoát hơi. - Dùng cho ống mở khí quản có đường kính ống là 12 - 19mm (31 - 50Fr). 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Miếng	3.400		
1381	Gạc ép sọ não 2 x 8 cm x 4 lớp cản quang, vải không dệt, có dây, tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Làm từ vải không dệt thấm nước, màu trắng, không mùi, không lẫn tạp chất, có độ thấm hút rất cao, thành phần nguyên liệu là 30 % Polyester và 70% Viscose. - Kích thước: 2cm x 8cm x 4 lớp. 2. Tính năng, công nghệ: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên. - Đã tiệt trùng bằng khí EO, có sợi cản quang, có dây. - Công dụng: thấm máu và thấm dịch trong phẫu thuật. - Tốc độ chìm: 5s (theo DĐVN V). - Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính (Cả hai dung dịch không có màu hồng). - Chất tan trong ether: không quá 0,5%. - Chất tan trong nước: không quá 0,5%. - Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0%. - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, CE (Châu Âu).	Miếng	71.100		
1382	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x 15cm (±05%)	1. Thông số kỹ thuật: - Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 10cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate khoảng 10 - 15%, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 9 x 15cm (±05%) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt khoảng 15 - 25%, kích thước gạc (4-5) x 10cm 2. Tính năng công nghệ: - Khả năng kháng vi khuẩn/virut với đường kính >27nm, chống lại các vi sinh vật phổ rộng thường liên quan đến CRBSI - Hàng rào chống nước và dịch tiết - Tiệt khuẩn từng miếng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Miếng	7.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1383	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x25cm (±05%)	1. Thông số kỹ thuật: Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết thương, vết mổ < 20cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate 10 - 15%, cạnh mép bo tròn, kích thước nền băng 9 x 25cm (±05%) - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt 15 - 25%, kích thước gạc (4-5) x 20cm 2. Tính năng, công nghệ: - Khả năng kháng vi khuẩn/virut với đường kính >27nm, chống lại các vi sinh vật phổ rộng thường liên quan đến CRBSI - Hàng rào chống nước và dịch tiết - Tiệt khuẩn từng miếng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Miếng	8.000		
1384	Gạc gắn với băng dính vô khuẩn cỡ 150mm x 80mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nền băng Polyester đan không dệt (Elastic Non-woven fabric) định lượng vải 45-55g/m². - Gạc (rayon 80%, PET 20%) định lượng 210-230g/m². - Phủ keo Acrylic (thành phần chính gồm: Acrylic copolymer (49-53%); Acetic acid ethyl ester (15-24%); Naphtha (petroleum), hydrotreated light (10-20%); Propan -2- ol (10-20%). - Độ dính 580g/12mm ± 30g, độ bền kéo 3.0kg/12mm ± 300g. 2. Tính năng, công nghệ: - Băng 4 góc bo tròn tránh bung mép. - Gạc 5cm x 10cm, có lớp màng PE không dính vào vết thương. - Tiệt trùng từng miếng bằng E.O Gas. - Kích thước: 9cm x 15cm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	41.550		
1385	Gạc gắn với băng dính vô khuẩn cỡ 200mm x 100mm	1. Thông số kỹ thuật: - Lớp vải nền: Vải không dệt 50% viscose + 50% polyester. 2. Tính năng, công nghệ: - Lớp keo kết dính nóng chảy: Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa. - Lớp gạc thấm hút không dính, không phát xạ mạnh huỳnh quang màu xanh. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: Chứng nhận ISO 13485 - TUV (Châu Âu), CE (Châu Âu), có 02 CFS các nước tham chiếu.	Miếng	1.750		
1386	Gạc gắn với băng dính vô khuẩn cỡ 250mm x 100mm	1. Thông số kỹ thuật: - Lớp vải nền: Vải không dệt 50% viscose + 50% polyester. 2. Tính năng, công nghệ: - Lớp keo kết dính nóng chảy: Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa. - Lớp gạc thấm hút không dính, không phát xạ mạnh huỳnh quang màu xanh. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: Chứng nhận ISO 13485 - TUV (Châu Âu), CE (Châu Âu), có 02 CFS các nước tham chiếu.	Miếng	34.280		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1387	Gạc gắn với băng dính vô khuẩn cỡ 50mm x 70mm	1. Thông số kỹ thuật: - Lớp vải nền: Vải không dệt 50% viscose + 50% polyester. 2. Tính năng, công nghệ: - Lớp keo kết dính nóng chảy: Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa. - Lớp gạc thấm hút không dính, không phát xạ mạnh huỳnh quang màu xanh. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: Chứng nhận ISO 13485 - TUV (Châu Âu), CE (Châu Âu), có 02 CFS các nước tham chiếu.	Miếng	42.100		
1388	Gạc gắn với băng dính vô khuẩn vải không dệt, có gạc, size 53x70mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Băng dính làm từ vải không dệt (Polyester và rayon), màu trắng, co dãn tốt + Gạc được làm từ bông y tế (Polyester và rayon), kích thước gạc: 30 x 35 mm + Giấy lót làm từ vật liệu cấp độ y tế (≤ 200 g/m²) - Kích thước băng dính: 53 x 70 mm - Độ thoáng khí > 1000 mm/s (Áp lực thử: 100 Pa, diện tích thử: 20 cm²) - Lực bóc bám dính (180º) giữa băng dính/ thép: > 400 N/m - Lực bóc bám dính (180º) giữa băng dính/ vải phủ nhựa: > 250 N/m - Độ bền bám dính cao su / kim loại: > 130 N/m (tương đương > 1,30 N/cm) 2. Tính năng, công nghệ: - Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc - Lớp phủ Polyethylene không gây dính vào vết thương khi tháo băng. - Gạc kích ứng da không đáng kể - Keo dán Acrylic không gây kích ứng da. - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015.	Miếng	50.100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1389	Gạc gắn với băng dính vô khuẩn vải không dệt, có gạc, size 53x70mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước băng dính: 53 x 70 mm. - Băng dính làm từ vải không dệt (Polyester và rayon), màu trắng, co dãn tốt. - Gạc được làm từ bông y tế (Polyester và rayon), kích thước gạc: 30 x 35 mm. - Giấy lót làm từ vật liệu cấp độ y tế (≤ 200 g/m²). - Độ thoáng khí > 1000 mm/s (Áp lực thử: 100 Pa, diện tích thử: 20 cm² theo ISO 9237-1995). - Kích ứng da không đáng kể theo ISO 10993-10. - Lực bóc bám dính (180º) giữa băng dính/ thép: > 400 N/m (theo ASTM D903-98). - Lực bóc bám dính (180º) giữa băng dính/ vải phủ nhựa: > 250 N/m (theo ASTM D903-98). - Độ bền bám dính cao su / kim loại: > 130 N/m (tương đương > 1,30 N/cm, theo ASTM D 903-98). 2. Tính năng, công nghệ: - Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc - Lớp phủ Polyethylene không gây dính vào vết thương khi tháo băng. - Keo dán Acrylic không gây kích ứng da. (có test kiểm định) . - Bao bì đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015.	Miếng	7.500		
1390	Gạc hút dịch 10 x 10 cm	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: Gạc hút dịch thẳng đứng tạo thạch diệt trùng là sự kết hợp của 60% Carboxymethyl cellulose, 40% Tencell/Lyocell và bạc nano 1,1%. - Kích thước: 10x10 cm. 2. Tính năng công nghệ: - Giúp hút dịch vết thương thẳng đứng tạo thạch. - Có hoạt tính diệt khuẩn phổ rộng, bao gồm MRSA và VRE. - Làm sạch vết thương nhờ làm mềm các giả mạc và giữ lại trong thạch. - Bạc nano phóng thích tiêu diệt vi trùng trong 7 ngày. - Bạc dưới dạng nano cũng có độc tính cực thấp nên an toàn khi sử dụng lâu dài.	Miếng	93.300		
1391	Gạc hút nước 0.8m	1. Thông số kỹ thuật: Gạc khổ 0.8 2. Tính năng, công nghệ: Gạc y tế có độ thấm hút tốt 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Mét	855.100		
1392	Gạc Lipido-colloid với công nghệ TLC-NOSF hoặc tương đương, cỡ 10x10cm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Mắt lưới Polyester, tẩm NOSF (0.81 – 1.29 mg/cm2) - Kích thước 10cm x 10cm 2. Tính năng, công nghệ: Gạc lưới TLC-NOSF không dính, thay băng không đau, tẩm NOSF ức chế MMPs dư thừa và khôi phục tái phân bố mạch máu, vô khuẩn, lưu băng tối đa 7 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	360		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1393	Gạc loại đắp vết thương vô trùng cỡ 9 cm × 25 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Vải (30R/70T) và miếng hấp phụ 30% vải tổng hợp terylene/ 70% viscose. - Gạc vô trùng cỡ 9cm x 25cm. - Tiệt trùng bằng EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Miếng	5.000		
1394	Gạc lưới Lipido - Colloid có bạc sulphat, TLC-Ag 15cm x20cm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Gạc lưới lipido-colloid, Polyester, TLC-Ag, bạc sulphat 0.5 +/- 0.12mg/cm2 - Kích thước 15cm x 20cm 2. Tính năng, công nghệ: Vô trùng, tạo gel khi tiếp xúc với vết thương, thay băng không đau 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	2.260		
1395	Gạc lưới lipido colloid có bạc sulphat 10x12cm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Gạc lưới lipido-colloid, Polyester, TLC-Ag, bạc sulphat 0.5 +/- 0.12mg/cm2 - Kích thước 10cm x 12cm 2. Tính năng, công nghệ: Vô trùng, tạo gel khi tiếp xúc với vết thương, thay băng không đau 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	2.360		
1396	Gạc lưới lipido-colloid 10 x 10 cm	Thông số kỹ thuật: - Gạc lưới Lipido-Colloid mắt lưới nhỏ 0,5mm2, vô khuẩn. - Chất liệu: Polyester + Vaseline. - Kích thước: 10cm x 10cm. - Có khả năng co giãn.	Miếng	6.400		
1397	Gạc lưới lipido-colloid linh hoạt, ôm sát kích thước 10cm x 10cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ma trận Lipido-Colloid, màu trắng đến vàng được bảo vệ bởi hai lớp màng bảo vệ trong suốt - Kích thước: 10cmx10cm 2. Tính năng, công nghệ: - Linh hoạt và ôm sát vết thương nhờ không có lưới dệt, lưới thoáng khí có thể kéo giãn nhiều lần - Độ bền kéo - Hướng máy - Tải trọng tối đa≥ 30 cN/cm, - Độ bền kéo – Hướng ngang -biến dạng ở Tải trọng tối đa ≥ 300 % 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	4.700		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1398	Gạc lưới lipido-colloid linh hoạt, ôm sát kích thước 15cm x 15cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ma trận Lipido-Colloid, màu trắng đến vàng được bảo vệ bởi hai lớp màng bảo vệ trong suốt - Kích thước: 15cmx15cm 2. Tính năng, công nghệ: - Linh hoạt và ôm sát vết thương nhờ không có lưới dệt, lưới thoáng khí có thể kéo giãn nhiều lần - Độ bền kéo - Hướng máy - Tải trọng tối đa≥ 30 cN/cm, - Độ bền kéo – Hướng ngang -biến dạng ở Tải trọng tối đa ≥ 300 % 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	4.100		
1399	Gạc lưới lipido-colloid linh hoạt, ôm sát kích thước 15cm x 22cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 100% lipido-colloid. - Kích thước 15cm x 22cm 2. Tính năng, công nghệ: - Linh hoạt và ôm sát vết thương, tại các vị trí khó băng, xé được bằng tay, không dính găng tay, công nghệ Lipido-colloid - Độ bền kéo - Hướng máy -Tải trọng tối đa ≥ 30 cN/cm, - Độ bền kéo – Hướng ngang -Biến dạng ở tải trọng tối đa ≥ 300 % - Lưới thoáng khí có thể kéo giãn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	2.200		
1400	Gạc lưới lipido-colloid linh hoạt, ôm sát kích thước 20cm x 30cm	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Ma trận Lipido-Colloid, màu trắng đến vàng được bảo vệ bởi hai lớp màng bảo vệ trong suốt - Kích thước: 20cmx30cm 2. Tính năng, công nghệ: - Đặc tính: Linh hoạt và ôm sát vết thương nhờ không có lưới dệt, lưới thoáng khí có thể kéo giãn nhiều lần Độ bền kéo - Hướng máy - Tải trọng tối đa≥ 30 cN/cm, Độ bền kéo – Hướng ngang -biến dạng ở Tải trọng tối đa ≥ 300 % 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	1.480		
1401	Gạc lưới lipido-colloid, 10x10cm,và có khả năng co giãn	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Polyester + Vaseline - Kích thước 10cm x 10cm 2. Tính năng, công nghệ: Gạc lưới Lipido-Colloid mắt lưới nhỏ 0,5mm2, vô khuẩn. Có khả năng co giãn	Miếng	14.540		
1402	Gạc lưới lipido-colloid, 15x20cm,và có khả năng co giãn	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Polyester + Vaseline - Kích thước 15cm x 20cm 2. Tính năng, công nghệ: - Gạc lưới Lipido-Colloid mắt lưới nhỏ 0,5mm2, vô khuẩn. - Có khả năng co giãn	Miếng	19.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1403	Gạc mét	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Cotton 100%. - Trọng lượng: 23g/m2 ± 0,5. - Mật độ sợi : ngang 18 sợi/inch, dọc 26 sợi/inch; - Tri số sợi: 40/40 - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Tốc độ hút nước < 5 giây - Độ ẩm: <8%; - Các chất tan trong nước: 0,5% ; 2. Tính năng, công nghệ: Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; Không có tinh bột hoặc Dextrin; 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Mét	153.000		
1404	Gạc Phẫu thuật 10 x 10cm x 4 lớp vô trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%. - Kích thước: 10cm x 10cm x 4 lớp. - Gạc y tế có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1; không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi; màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng. - Trọng lượng: 32gam/1m²± 5%. - Tốc độ hút nước ≤ 10s. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	197.600		
1405	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng (10 cái/gói)	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100% - Kích thước: 10cm x 10cm x 8 lớp 2. Tính năng, công nghệ: Gạc y tế có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1. không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn. không mùi (không có mùi mốc hoặc mùi khác lạ, hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng, chỉ có sợi bông, không tạp chất, không có loại sợi nào khác, đã tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	3.841.960		
1406	Gạc phẫu thuật 40cm x 30cm x 8 lớp	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Gạc được dệt từ sợi 100% cotton - Gạc phẫu thuật 40x30x8lớp 2. Tính năng, công nghệ: Mật độ 19x20 sợi/inch. Tri số sợi CD 32/1. Trọng lượng 25.5 grams/m2. Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. Sợi cản quang được dệt trực tiếp trên bề mặt gạc. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Miếng	1.402.148		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1407	Gạc phẫu thuật 5cm x 6,5cm x 12lớp, tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Dệt từ sợi 100% cotton - Kích thước: 5cm x 6,5cm x 12lớp 2. Tính năng, công nghệ: Gạc phẫu thuật không ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi, màu trắng đồng nhất, không có độc tố. Chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1. Trọng lượng: 32g/m2 (± 5%) hoặc theo đơn hàng. Tốc độ hút nước ≤10s. Tiệt trùng bằng khí EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Miếng	1.568.960		
1408	Gạc phẫu thuật 6cm x 10cm x 8 lớp	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Gạc được dệt từ sợi 100% cotton - Kích thước: 6cm x 10cm x 8 lớp 2. Tính năng, công nghệ: Mật độ 19x20 sợi/inch. Tri số sợi CD 32/1. Trọng lượng 25.5 grams/m2. Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	2.087.400		
1409	Gạc phẫu thuật 7cm x 11cm x 12 lớp vô trùng (10 cái/gói)	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Gạc được dệt từ sợi 100% cotton - Gạc phẫu thuật 7x11x12 lớp 2. Tính năng, công nghệ: Mật độ 19x20 sợi/inch. Tri số sợi CD 32/1. Trọng lượng 25.5 grams/m2. Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	3.132.448		
1410	Gạc phẫu thuật cản quang 20cm x 40cm x 8 lớp	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Được dệt từ sợi cotton 100% - Kích thước: 20cm x 40cm x 8 lớp 2. Tính năng, công nghệ: Gạc y tế có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1; không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi; màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng; . Tốc độ hút nước ≤ 10s; có sợi cản quang 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	118.324		
1411	Gạc phẫu thuật cỡ 10 x 10cm x 8 lớp, cản quang vô trùng	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: 100% cotton, có sợi cản quang. - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Tốc độ hút nước < 5 giây - Độ ẩm: <8%; - Các chất tan trong nước: 0,5% ; - Trọng lượng: 23g/m2 ± 0,5. - Mật độ sợi : ngang 18 sợi/inch, dọc 26 sợi/inch; - Tri số sợi: 40/40 - Kích thước: 10 x 10cm x 8 lớp 2. Tính năng, công nghệ: - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Miếng	213.120		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1412	Gạc phẫu thuật cỡ 30 x 30cm x 4 lớp, cản quang không vô trùng	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: 100% cotton, có sợi cản quang. - Tốc độ hút nước < 5 giây, độ ẩm: < 8%; - Các chất tan trong nước: 0,5%; trọng lượng: 23g/m2 ± 0,5; - Mật độ sợi : ngang 18 sợi/inch, dọc 26 sợi/inch, tri số sợi: 40/40 - Kích thước: 30 x 30cm x 4 lớp 2. Tính năng, công nghệ: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	200.000		
1413	Gạc phẫu thuật có cản quang 30cm x 30cm x 4 lớp, tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Gạc được dệt từ sợi 100% cotton - Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 30cm x 4 lớp 2. Tính năng, công nghệt: Mật độ 19x20 sợi/inch. Tri số sợi CD 32/1. Trọng lượng 25.5 grams/m2. Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố. Sợi cản quang được dệt trực tiếp trên bề mặt gạc. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Miếng	45.940		
1414	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vô trùng	1.Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Vải không dệt hút nước và có độ thấm hút rất cao - Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp 2. Tính năng, công nghệ: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ ẩm: <8%; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Các chất tan trong nước: 0,5% ; - Trọng lượng: 38g/m2. - Đóng gói: 10 cái/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Miếng	743.660		
1415	Gạc phẫu thuật tiệt trùng cản quang 14 cm x 20 cm x 6 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gạc phẫu thuật được dệt từ sợi cotton 100%. - Kích thước: 14cm x 20cm x 6 lớp. Có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1. - Tiệt trùng bằng khí EO, có sợi cản quang. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	207.200		
1416	Gạc phẫu thuật tiệt trùng cản quang 20 cm x 40 cm x 8 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Được dệt từ sợi cotton 100%. - Kích thước: 20cm x 40cm x 8 lớp. - Gạc y tế có chỉ số sợi dọc 32s/1 và chỉ số sợi ngang 32s/1; không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi; màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng. - Trọng lượng: 32gam/1m²± 5%. - Tốc độ hút nước ≤ 10s. - Tiệt trùng bằng khí EO, có sợi cản quang. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	262.700		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1417	Gạc Polyacrylate, công nghệ TLC-Ag , 10cmx10cm	1.Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Lipido-Colloid , chất nền lành thương bám dính nhẹ TLC-Ag (Technology Lipido-Colloid tẩm bạc) và công nghệ nhiệt giúp kết dính các sợi polyacrylate - Kích thước 10cm x 10cm 2. Tính năng, công nghệ: Gạc thấm hút và loại bỏ mảnh hoại tử, có ion bạc (0.36 - 0.81 mg/cm2). Được chứng minh lâm sàng trong điều trị vết thương, và thay băng không đau. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Miếng	20.200		
1418	Gạc Polyacrylate, công nghệ TLC-Ag , 15cmx20cm	1.Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Lipido-Colloid , chất nền lành thương bám dính nhẹ TLC-Ag (Technology Lipido-Colloid tẩm bạc) và công nghệ nhiệt giúp kết dính các sợi polyacrylate - Kích thước 15cm x 20cm 2. Tính năng, công nghệ: Gạc thấm hút và loại bỏ mảnh hoại tử, có ion bạc (0.36 - 0.81 mg/cm2). Được chứng minh lâm sàng trong điều trị vết thương, và thay băng không đau. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Miếng	3.120		
1419	Gạc Polyester không thấm nước phủ vaseline 18 x 10 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải lưới từ Polyester không thấm nước. - Dung dịch vaseline đặc. - Kích thước: 18x10cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giúp hỗ trợ lành thương bằng phương pháp lành thương trong môi trường ẩm. - Duy trì độ ẩm cho vết thương. - Không dính vào vết thương, hạn chế tổn thương mô hạt trong giai đoạn hình thành, giảm đau. - Tạo điều kiện cho dịch tiết ra từ vết thương thông qua những mắt lưới có kích thước tối ưu của gạc polyester. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Miếng	10.960		
1420	Gạc tẩm cồn Alcohol Pads (vải không dệt)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt có tẩm 70% cồn Isopropyl. - Kích thước: 30 x 65 mm x 2 lớp/gói. 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói riêng từng miếng trong bao nhôm giấy. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, được sản xuất tại Việt Nam.	Miếng	90.350		
1421	Gạc thấm nước khổ 0,9m	1. Thông số kỹ thuật: Gạc khổ 0,9 2. Tính năng, công nghệ: Gạc y tế có độ thấm hút tốt 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Mét	98.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1422	Gạc vaselin 65 mm x 190 mm	Thông số kỹ thuật: - Gạc Vaseline là một sản phẩm gồm 02 thành phần: + Gạc hút nước,được dệt từ sợi bông 100% cotton đã tẩy trắng và được xử lý để đạt tính hút nước.Tốc độ hút nước max 10 giây + Vaseline thuộc dược dụng được tẩm vào từng lớp gạc. - Gạc Vaseline được gấp lại theo kích cỡ: 65mm x 190 mm. - Trọng lượng Vaseline trong sản phẩm ít nhất là 40% và không quá 60% đối với toàn thể khối lượng sản phẩm không kể bao bì.	Miếng	64.550		
1423	Gạc vết thương Polyester phủ gel siêu oxy hóa 18 x 10 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Gạc vết thương polyester phủ gel siêu oxy hóa. - Kích thước: 18x10cm 2. Tính năng, công nghệ: - Kháng khuẩn bằng cách oxy hóa, phá hủy cầu nối di-sul-fur của protein trên vách tế bào, protein nội bào và DNA của vi khuẩn. - Điều chỉnh các cytokin, điều hòa phản ứng viêm tại chỗ của vết thương. - Giãn mạch nhẹ tại chỗ, cải thiện vi tuần hoàn xung quanh vết thương và giảm sự hình thành sẹo. - Thúc đẩy quá trình lên mô hạt. Cấu tạo bởi sợi polyester, mắt lưới đồng đều, không gây bít tắc, không làm tổn thương mô hạt mới hình thành. - Chống dính, giảm đau khi thay băng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Miếng	2.200		
1424	Gạc xốp Lipido- colloid vi bám dính, 10cm x 12cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane thấm hút và lớp lipido-colloid vi bám dính, hydrocolloid - Kích thước 10cm x 12cm 2. Tính năng, công nghệ: Gạc xốp thấm hút nhanh giúp dẫn lưu dịch tiết, bảo vệ vùng da xung quanh không bị hầm bí	Miếng	1.260		
1425	Gạc xốp Lipido-colloid thấm hút với công nghệ TLC-NOSF, 10cm x 10cm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Polyurethane vi bám dính, tẩm NOSF (0.83 – 1.73 mg/cm2) - Kích thước 10cm x 10cm 2. Tính năng, công nghệ: Gạc xốp siêu thấm hút , công nghệ TLC-NOSF, thay băng không đau, tẩm NOSF ức chế MMPs dư thừa và khôi phục tái phân bổ mạch máu, vô khuẩn, lưu băng tối đa 7 ngày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	2.000		
1426	Gạc y tế tiệt trùng 5cm x 6cm x 8 lớp	Thông số kỹ thuật: - Gạc 2 lớp có đệm bông xơ tự nhiên, không dệt. - Chất liệu vải ngoài 100% cotton tự nhiên không độc tố, không gây dị ứng, mềm mại, khô thoáng giúp vết thương nhanh lành, không mưng mủ.	Cái	129.700		
1427	Gạc y tế tiệt trùng 8cm x 9cm x 8 lớp	Thông số kỹ thuật: - Gạc 2 lớp có đệm bông xơ tự nhiên, không dệt. - Chất liệu vải ngoài 100% cotton tự nhiên không độc tố, không gây dị ứng, mềm mại, khô thoáng giúp vết thương nhanh lành, không mưng mủ.	Cái	104.500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1428	Găng cao su các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Găng tay cao su được chế tạo từ hỗn hợp latex tự nhiên - Kích cỡ : XS, S, M, L; Độ rộng găng tay : 70 ± 10 (size XS) mm; 80 ± 10 (size S) mm; 95 ± 10 (size M) mm; 111 ± 10 (size L) mm . Chiều dài: 240mm. Độ dày: 0.10 (mm) min (ngón tay); 0.08(mm) min (lòng bàn tay) 2. Tính năng, công nghệ: Găng tay cao su được chế tạo từ hỗn hợp latex tự nhiên, để thuận tiện cho việc đeo găng, bên trong găng được phủ một lớp bột bắp chống dính, găng thuận cả hai tay, không phân biệt tay trái, phải 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, ISO 22000, FDA 510K (Premarket Notification).	Đôi	2.753.880		
1429	Găng kiểm tra dùng trong y tế không bột các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Găng tay sạch không bột, các cỡ S, M, L. - Chiều dài găng tay: ≥ 230 mm. - Độ giãn dài tối thiểu trước khi già hóa ≥ 500%. - Độ giãn dài tối thiểu sau khi già hóa ≥ 400%. 2. Tính năng, công nghệ: - Chất liệu: 100% nitrile (Acrylonitrile - Butadiene). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 50001, CE-MDR, FDA 510(k) (Premarket Notification).	Đôi	786.800		
1430	Găng sản khoa (Găng khám sản)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sản xuất từ latex cao su thiên nhiên, màu trắng tự nhiên của cao su, phủ bột ngô chống dính - Kích thước: + Bề dày: min 0,15mm + Chiều dài: 490 ±10 mm + Chiều rộng lòng bàn tay: Size 7: 89±5mm; Size 71/2: 95±5mm - Cơ lý tính: - Lực kéo đứt + Trước lão hóa: min 12,5N + Sau lão hóa: min 9,5N - Độ giãn dài khi đứt: + Trước lão hóa: min 700% + Sau lão hóa: min 550% - Lỗ thủng: AQL 1.5 " 2.Tính năng, công nghệ: Hấp được, mềm mại, độ bền cao, sử dụng một lần, chưa tiệt trùng, công dụng: Dùng trong khám bệnh sản phụ khoa, các ca bệnh bị nhiêm HIV tránh lây nhiễm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Đôi	41.836		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1431	Găng tay cao su có bột dài 280 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Cao su thiên nhiên, phủ bột bắp chuẩn USP. - Trọng lượng 6,2 - 7,7gr ± 0,2gr. - Độ dày tối thiểu 0,1mm. - Gồm các size: XS, S, M, L. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 22000, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Đôi	3.559.900		
1432	Găng tay hút đàm tiệt trùng	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyethylen - Độ dài nhỏ nhất: 240mm, độ dài lớn nhất: 280mm 2. Tính năng, công nghệ: Thiết kế các ngón tay thẳng, phù hợp với người thuận tay trái hoặc tay phải, các mép đảm bảo kín. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	Cái	617.380		
1433	Găng tay khám size S, M, L	1. Chất liệu: Cao su tự nhiên, loại cao cấp, có phủ bột chống dính, bột ngô theo tiêu chuẩn USPXX1 2. Thông số kỹ thuật: Chiều ngang lòng bàn tay (± 3mm): Size XS: 76mm, S: 84mm, M: 94mm, L: 105mm, XL: 113 - Độ dày: Ngón tay: 0,10mm ± 0.02, lòng bàn tay: 0,10mm ± 0.02 - Lượng bột: Max 10mg/dm2 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Thiết kế thuận cho cả 2 tay, mịn và có viền ở cổ tay. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, ISO 22000, FDA	Đôi	4.024.640		
1434	Găng tay khám y tế có bột	1. Thông số kỹ thuật: - Găng tay cao su tự nhiên, có bột dùng trong thăm khám. - Chất liệu và đặc tính : Mủ cao su tự nhiên, Găng có bề mặt nhám hoặc trơn nhẵn, thuận cả hai tay. - Màu sắc: Trắng. - Chiều dài: 240mm ±5. - Chiều rộng (mm): 75 ± 5 (cỡ XS)/85 ± 5 (cỡ S)/95 ± 5 (cỡ M)/105 ± 5 (cỡ L)/115 ± 5 (cỡ XL). - Độ dày (mm): ≥0.09 (lòng bàn tay), ≥ 0.11 (đầu ngón tay). - Lực kéo đứt trước lão hóa: tối thiểu 7N. - Lực kéo đứt sau lão hóa: tối thiểu 6N. - Độ dãn dài khi đứt trước lão hóa: tối thiểu 650%. - Độ dãn dài khi đứt sau lão hóa: tối thiểu 500%. - Hàm lượng bột: Tối đa 10 mg/dm². - Hàm lượng Protein hòa tan: Tối đa 200 µg/dm². 2. Tiêu chuẩn chất lượng: - ASTM D3578, TCVN 6343:2007, EN 455 Part 1,2,3,4. - Đã được chứng minh tương thích sinh học: ISO 10993-5: 2009 (E); ISO 10993-10: 2010 (E). - Đạt tiêu chuẩn CE MDR 2017/745.	Đôi	682.288		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1435	Găng tay latex phẫu thuật tiệt trùng, có bột	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao, có phủ bột chống dính. - Kích cỡ: 6,0; 6,5; 7; 7,5; 8,0; 8,5. - Chiều dài găng tay (mm): 280 ± 10 min. - Chiều rộng lòng bàn tay (mm): 77 ± 5, 83 ± 5, 89 ± 5, 95 ± 5, 102 ± 6, 108 ± 6. - Độ dày tối thiểu: Ngón tay: ≥ 0,19 mm, Lòng bàn tay ≥ 0,15 mm, Cổ tay ≥ 0,12 mm. - Lực kéo đứt tối thiểu trước khi già hóa nhanh ≥ 15N , Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước khi già hóa nhanh ≥ 700%, Lực kéo tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh ≥ 12N, Độ giãn dài tối thiểu khi đứt sau khi già hóa nhanh ≥ 600%, Lực kéo tối đa tại độ giãn dài 300% trước khi già hóa nhanh ≤ 2N. - Hàm lượng bột ≤ 10mg/dm². - Hàm lượng protein tan trong nước: ≤20µg/dm2. 2. Tính năng, công nghệ: - Có khả năng chống tĩnh điện: Điện trở suất khối > 10^13 Ω.cm. Điện trở suất mặt: > 5 x 10^13 Ω. Chịu được mức điện áp trên 80V và dưới 100V - Thiết kế găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, bề mặt nhám, se viền cổ tay. - Có phân biệt tay trái, phải. - Chỉ tiêu vi sinh: Âm tính với tụ cầu khuẩn, liên cầu khuẩn, vi khuẩn hiếu khí, nấm men và nấm mốc. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, ISO 37, ISO 23529, ISO 10993-23:2021 (E), CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	**Đôi**	6.113.200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1436	Găng tay latex phẫu thuật tiệt trùng, có bột	1. Thông số kỹ thuật: - Găng tay cao su tự nhiên, tiệt trùng, có bột dùng trong thủ thuật, phẫu thuật. - Chất liệu và đặc tính: Mủ cao su tự nhiên. Nhám lòng bàn tay và ngón tay. Có phân biệt tay trái/phải, cổ tay có se viền, có bột. - Bao gói đạt chuẩn y tế ISO 11607, không có thành phần gây độc hại theo chuẩn châu Âu REACH 1907/2006 . Có hiển thị phân biệt tiệt trùng bằng màu cản quang trên từng đôi gang. - Găng có phủ bột chuẩn dược điển (USP), sản phẩm được kiểm tra 100% trước khi đóng gói. - Màu sắc: Trắng. - Chiều dài: tối thiểu 270mm. - Chiều rộng (mm): 83 ± 6 (cỡ 6.5)/89 ± 6 (cỡ 7.0)/95 ± 6 (cỡ 7.5)/102 ± 6 (cỡ 8.0). - Độ dày (mm): ≥0.14 (lòng bàn tay), ≥ 0.16 (đầu ngón tay). - Lực kéo đứt trước lão hóa: Tối thiểu 12.5N. - Lực kéo đứt sau lão hóa: Tối thiểu 9.5N. - Độ dãn dài khi đứt trước lão hóa: 700%. - Độ dãn dài khi đứt sau lão hóa: 550%. - Hàm lượng bột: Tối đa 10 mg/dm2. - Hàm lượng Protein hòa tan: Tối đa 200 µg/dm2. 2. Tính năng, công nghệ: - Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...) tiệt trùng bằng khí EO. - Găng loại có phủ bột, bề mặt nhẵn hoặc nhám. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - ASTM D3577, TCVN 6344-2007. - Được Kiểm tra độ vô khuẩn theo Dược điển việt Nam. - Hàm lượng tồn dư EO<4mg/sản phẩm. - Hàm lượng tồn dư ECH < 9mg/sản phẩm. - Đã được chứng minh tương thích sinh học 10993-1-7-10-11-23, Ngoài ra, sản phẩm còn được kiểm tra tồn dư khí EO theo ISO 10993-7.	Đôi	1.122.350		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1437	Găng tay latex phẫu thuật tiệt trùng, không bột	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu chính: Mủ cao su tự thiên cô đặc - Loại: Găng tay tiệt trùng không bột dùng trong các thủ thuật/ phẫu thuật. - Màu sắc: trắng tự nhiên - Kích cỡ : Số 6; 6,5; 7; 7,5 - Độ dài găng tay tối thiểu khoảng: 290 ± 10 mm, độ dày lòng bàn tay 0.15 ± 0.03mm, chiều rộng từ 77 ± 5 mm đến 95 ± 5mm - Độ bền kéo tối thiểu trước khi sử dụng: 24MPa; sau khi sử dụng: 18 MPa. - Độ giãn dài tối thiểu trước khi sử dụng: tối thiểu 750%, sau khi sử dụng: 560% - Hàm lượng protein gây dị ứng ≤ 50mcg/dm² - Có khả năng chống tế bào/virut xâm nhập (ASTM F1671), khả năng chống thấm đối với thuốc hoá trị (ASTM D6978) - Tiệt khuẩn bằng phương pháp chiếu xạ Gamma, đóng gói từng đôi 2. Tính năng, công nghệ: - Găng tay không bột, tiệt trùng bằng phương pháp chiếu xạ Gamma. - Phủ một lớp polymer để tạo ra bề mặt mịn màng để hỗ trợ người sử dụng, được thiết kế các ngón tay thẳng mượt, phù hợp hình dáng bàn tay người sử dụng, viền gân ở cổ tay. - Độ nhạy cảm xúc giác vượt trội - Phủ một lớp polymer để tạo ra bề mặt mịn màng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng CE (Châu Âu); ISO 9001 :2015 và ISO 13485: 2016, FDA 510K	Đôi	249.840		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1438	Găng tay latex phẫu thuật tiệt trùng, không bột	1. Thông số kỹ thuật: - Găng tay cao su tự nhiên, tiệt trùng, không bột dùng trong thủ thuật, phẫu thuật. - Chất liệu và đặc tính: Mủ cao su tự nhiên, Nhám ngón tay và lòng bàn tay, có phân biệt tay trái/phải, cổ tay có se viền, không bột. - Bao gói đạt chuẩn y tế ISO 11607, không có thành phần độc hại theo tiêu chuẩn châu Âu REACH (EC) 1907/2006, có hiển thị phân biệt tiệt trùng bằng màu cản quang trên từng đôi gang. - Găng có phủ polymer để dễ dàng sử dụng, sản phẩm được kiểm tra 100% trước khi đóng gói. - Màu sắc: Trắng. - Chiều dài: tối thiểu 270mm. - Chiều rộng (mm): 83 ± 6 (cỡ 6.5)/89 ± 6 (cỡ 7.0)/95 ± 6 (cỡ 7.5)/102 ± 6 (cỡ 8.0). - Độ dày (mm): ≥0.14 (lòng bàn tay), ≥ 0.16 (đầu ngón tay). - Lực kéo đứt trước lão hóa: Tối thiểu 12.5N. Lực kéo đứt sau lão hóa: Tối thiểu 9.5N. - Độ dãn dài khi đứt trước lão hóa: 700%; Độ dãn dài khi đứt sau lão hóa: 550%. - Hàm lượng bột: Tối đa 2 mg/dm2. Hàm lượng Protein hòa tan: Tối đa 200 µg/dm2. 2. Tính năng, công nghệ: - Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên chất lượng cao (đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng...) tiệt trùng bằng khí EO. - Găng loại không phủ bột, bề mặt nhẵn hoặc nhám. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - ASTM D3577, TCVN 6344-2007. - Đã được Kiểm tra độ vô khuẩn theo Dược điển việt Nam. - Hàm lượng tồn dư EO<4mg/sản phẩm. - Hàm lượng tồn dư ECH < 9mg/sản phẩm. - Đã được chứng minh tương thích sinh học 10993-1-7-10-11-23 Ngoài ra, sản phẩm còn được kiểm tra tồn dư khí EO theo ISO 10993-7.	Đôi	257.450		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1439	Găng tay latex y tế có bột	1. Thông số kỹ thuật: - Găng tay cao su tự nhiên, có bột dùng trong thăm khám. - Chất liệu và đặc tính: Mủ cao su tự nhiên, Găng có bề mặt nhám hoặc trơn nhẵn, thuận cả hai tay. - Màu sắc: Trắng. - Chiều dài: 240mm ±5. - Chiều rộng (mm): 75 ± 5 (cỡ XS)/85 ± 5 (cỡ S)/95 ± 5 (cỡ M)/105 ± 5 (cỡ L)/115 ± 5 (cỡ XL). - Độ dày (mm): ≥0.09 (lòng bàn tay), ≥ 0.11 (đầu ngón tay). - Lực kéo đứt trước lão hóa: tối thiểu 7N. - Lực kéo đứt sau lão hóa: tối thiểu 6N. - Độ dãn dài khi đứt trước lão hóa: tối thiểu 650%. - Độ dãn dài khi đứt sau lão hóa: tối thiểu 500%. - Hàm lượng bột: Tối đa 10 mg/dm². - Hàm lượng Protein hòa tan: Tối đa 200 µg/dm². 2. Tính năng, công nghệ: - Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột ngô biến tính chống dính, thẩm thấu được, không gây kích ứng da, đàn hồi tốt. Chưa tiệt trùng. - Không phân biệt tay trái tay phải, sử dụng được cho cả hai tay, bền, không rách, không lủng, có se viền mép, bề mặt trơn hoặc nhám, đầu ngón tay nhám, ôm sát lòng bàn tay, dễ thao tác khi sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - ASTM D3578, TCVN 6343:2007, EN 455 Part 1,2,3,4. - Đã được chứng minh tương thích sinh học: ISO 10993-5: 2009 (E); ISO 10993-10: 2010 (E). - Đạt tiêu chuẩn CE MDR 2017/745.	Đôi	2.791.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1440	Găng tay latex y tế có bột 290mm	1. Thông số kỹ thuật: - Găng tay cao su tự nhiên, có bột dùng trong thăm khám. - Chất liệu và đặc tính : Mủ cao su tự nhiên, Găng có bề mặt nhám hoặc trơn nhẵn, thuận cả hai tay. - Màu sắc: Trắng - Chiều dài: tối thiểu 270mm. - Chiều rộng (mm): 75 ± 5 (cỡ XS)/85 ± 5 (cỡ S)/95 ± 5 (cỡ M)/105 ± 5 (cỡ L)/115 ± 5 (cỡ XL). - Độ dày (mm): ≥0.11 (lòng bàn tay), ≥ 0.13 (đầu ngón tay). - Lực kéo đứt trước lão hóa: tối thiểu 7N. - Lực kéo đứt sau lão hóa: tối thiểu 6N. - Độ dãn dài khi đứt trước lão hóa: tối thiểu 650%. - Độ dãn dài khi đứt sau lão hóa: tối thiểu 500%. - Hàm lượng bột: Tối đa 10 mg/dm². - Hàm lượng Protein hòa tan: Tối đa 200 µg/dm². 2. Tính năng, công nghệ: - Găng tay sạch có bột, dùng trong thăm khám, chăm sóc người bệnh, các cỡ. - Thiết kế găng tay có các ngón thẳng, phù hợp với hình dáng bàn tay của người sử dụng, se viền cổ tay, nhám ở đầu ngón tay, sử dụng được cho cả 2 tay, không phân biệt tay trái, phải. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - ASTM D3578, TCVN 6343:2007. - Đã được chứng minh tương thích sinh học: ISO 10993-5: 2009 (E); ISO 10993-10: 2010 (E). - Đạt tiêu chuẩn CE MDR 2017/745.	Đôi	413.966		
1441	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao. - Loại có bột: từng tay riêng biệt; bề mặt nhám; xe viền cổ tay; màu trắng tự nhiên.	Cái	549.480		
1442	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: Dài 275mm 2. Tính năng, công nghệ: Găng tay y tế chưa tiệt trùng đầu ngón tay trơn, sử dụng được cho cả hai cổ tay, cổ tay se viền 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 22000; FDA 510K (Premarket Notification).	Đôi	1.596.500		
1443	Găng tay vô trùng 1 chiếc dùng trong thủ thuật các cỡ	Thông số kỹ thuật: - Cao su tự nhiên mềm mại, độ bền cao. - Tiệt trùng, đóng gói từng chiếc. - Có phủ bột ngô chống dính.	Chiếc	23.500		
1444	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: Dài 280mm, kích cỡ 6.5, 7.0, 7.5 2. Tính năng, công nghệ: Găng tay phẫu thuật tiệt trùng, có bột. Tiệt trùng bằng khí EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, ISO 22000,CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Đôi	1.203.232		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1445	Găng tay y tế có bột size M	1. Thông số kỹ thuật: - Găng tay y tế có bột, dài 24 cm. - Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên. - Hàm lượng bột: ≤10mg /dm2. - Nồng độ Protein: Protein tách chiết trong nước: 200ug/g hoặc thấp. - Màu sắc: Màu cao su tự nhiên. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, ISO 22001.	Cái	130.300		
1446	Găng tay y tế có bột size S	1. Thông số kỹ thuật: - Găng tay y tế có bột, dày 24 cm. - Nguyên liệu: Mủ kem (latex) ly tâm tự nhiên. - Hàm lượng bột: ≤10mg /dm2. - Nồng độ Protein: Protein tách chiết trong nước: 200ug/g hoặc thấp hơn lượng công bố này. - Màu sắc: Màu cao su tự nhiên. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, ISO 22000.	Cái	81.300		
1447	Găng tay y tế có bột, không tiệt trùng, các cỡ dài 240mm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Cao su tự nhiên - Kích cỡ: Chiều dài tổng thể tối thiểu tất cả các số 240mm. - Chiều rộng: cỡ XS (76mm ± 3); S (84mm ± 3); M (94mm ± 3); L (105mm ± 3); XL (113mm ± 3). 2. Tính năng, công nghệ: Độ dày đầu ngón tay (min 0.08mm); độ dày lòng bàn tay (min 0.08mm); độ giãn dài tối thiểu trước lão hóa (650%) và độ dãn dài tối thiểu sau lão hóa (500%). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, ISO 22000, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Đôi	5.296.400		
1448	Gel bôi trơn âm đạo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyethylene glycol (PEG), Glycerin, Sodium hydroxide, 4-Hydroxybenzoic acid esters, Carbomer - Quy cách đóng gói: 82 g/tuýp 2. Tính năng, công nghệ: - Thuộc dạng tan trong nước, được dùng trong nội so dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn ống thông tiểu, thông hậu môn, bôi trơn âm đạo, ... Độ pH: 5.0 – 7.0 Tiêu chuẩn ISO, EC.	Gam	279.879		
1449	Gel bôi trơn âm đạo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sản xuất từ nước, hydroxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzoate - Quy cách đóng gói: 82 g/tuýp (80 ml/tuýp) 2. Tính năng, công nghệ: - Thuộc dạng tan trong nước, được dùng trong nội so dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn ống thông tiểu, thông hậu môn, bôi trơn âm đạo, ... - Màu sắc: không màu. - Hạn sử dụng: 36 tháng từ ngày sản xuất	Gam	274.481		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1450	Gel bôi vết thương	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Deionizde water, Carbomer, Silver Nitrate ≥ 0.2 mg/L, Triethanol amine. - Nồng độ: pH 5.5 ~ 8.0 2. Tính năng: làm mềm mảng hoại tử khô, thúc đẩy lên mô hạt nhanh chóng, cung cấp môi trường ẩm và giúp kháng khuẩn vết thương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	Tuýp	1.624		
1451	Gel bôi vết thương Zinc-Hyaluronate 0,1%	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Gel Zinc-hyaluronate 0,1%. - Gel không màu, trong suốt.	Tuýp	1.064		
1452	Gel điện não	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyoxyethylene 20 Cetyl Ether, Water, Glycerin, Calcium Carbonate, 1,2 Propanediol, Potassium Chloride, Gelwhite, Sodium Chloride, Polyxyethylene 20 Sorbitol, Methylparaben, Propylparaben. - Trọng lượng: 8oz (228g). - Màu sắc trắng; Dạng gel. - Tăng độ nhạy trong đo dẫn truyền thần kinh. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Lọ	427		
1453	Gel dùng cho máy ECMO	Tính năng, công nghệ: Gel không vô trùng dùng cho máy ECMO, tan trong nước và không màu.	Tuýp	22		
1454	Gel siêu âm	1. Thông số kỹ thuật: - Độ nhớt 80.000cp (80.000 RPMS). - Tốc độ truyền nhanh (1.48). - Thể tích đóng gói bình 5 kg. 2. Tính năng công nghệ: Gel hòa tan không chứa muối, không dính nhầy, đảm bảo độ đậm đặc đồng dạng đồng màu, dẫn truyền tín hiệu tốt và sử dụng với tất cả các loại máy siêu âm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Bình	1.749		
1455	Gel siêu âm	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Dạng Gel , Thể tích Can 5 lít 2. Tính năng: Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, Không có formaldehyde, Vô khuẩn, không phát hiện vi khuẩn Staphyloccus, Pseudomonas aeruginosa, Tổng số vi sinh vật khi hiếu <10 CFU/g, tổng số nấm <10 CFU/g. Không gây mẩn cảm hoặc rát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5.	Lít	4.553		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1456	Gel siêu âm	1.Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Thành phần chính : Water, Propylen glycol, Hydroxyl ethyl cellulose,glycerin, sodium benzoate - Độ pH : 6,5 ± 0,75 2. Tính năng, công nghệ: - Ngoại quan : Gel trong suốt, không màu hoặc màu xanh, không mùi. Độ tan trong nước: Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Giới hạn nhiễm khuẩn : Mẫu thử không có sự hiện diện của các vi sinh sau : Staphylococcus aureus Pseudomonas aeruginosa, Tổng số nấm trong 1g(ml) mẫu thử, nhỏ hơn 10^1 (CFU/g hoặc CFU/ml) Tổng số vi sinh vật hiếm khí trong 1g(ml): nhỏ hơn 102 (CFU/g hoặc CFU/ml) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO13485:2016, CE (Châu Âu)	Lít	10.356		
1457	Gel siêu âm mắt	1. Tính năng, công nghệ: - Được sản xuất với nước lọc tia UV. - Dựa trên công thức kiềm vi khuẩn và giảm dị ứng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Chai	25		
1458	Gel siêu âm, màu trắng	Thông số kỹ thuật: Thành phần: Hydro ethyl cellulo 2%, Carbomer 1%, Methyl paraben 0,2%, Propyl paraben 0,02%, PEG 400 1%, Glycerin 0,5%, nước tinh khiết	Lít	400		
1459	Gel tẩy da Nuprep hoặc tương đương dùng cho điện cơ, điện não	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Nước, Aluminum Oxide, 1,2 Propanediol, Sodium Polyacrylate, Methylparaben, Propylparaben, FD&C Blue 1, FD&C Red 40, FD&C Yellow 5. - Trọng lượng: 114g (4oz). - Màu sắc xanh ngọc bích; Dạng gel. - Dùng tẩy da, giảm trở kháng giúp độ dẫn truyền điện cực theo dõi điện não tốt hơn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tuýp	100		
1460	Gel vết thương Hemin gel	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu, thành phần: Purified water, Sodium chloride, Hypochlorous acid, Sodium hypochloride, Ozone, Hydroperoxyl, Singlet oxygen, Polyacrylate Crosspolymer-6, EDTA. 2. Tính năng, công nghệ: + Làm sạch vết thương hở cấp và mạn tính. + Tăng cường loại bỏ Biofilm tại vết thương nhiễm trùng, thúc đẩy vết thương nhanh lành. + Giảm phản ứng viêm quá mức, rút ngắn thời gian lành thương, giảm các biến chứng sau lành thương. + Tạo độ ẩm phù hợp cho vết thương, thúc đẩy tăng sinh mô hạt nhanh chóng. + Giảm đau, giảm kết vảy cứng, giảm tạo sẹo xấu. + Thúc đẩy quá trình tự cắt lọc mô tổn thương và khử mùi hôi tại vết thương hoại tử.	Hộp	5.388		
1461	Ghim khâu da (Stapler)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa y tế, thép không gỉ. - Có hai loại kích thước: 6.4mm x 4.0mm x 0.57mm; 5.6mm x 3.8 mm x 0.57mm.	Cái	3.200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1462	Giá đỡ (stent) niệu quản, cỡ 5F-8F, dài 10-30cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane với lớp phủ Hydroplus. - Cỡ 5F-8F, dài 10-30cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có hai vòng giữ bàng quang, 1 đầu màu xanh dương cứng giúp giữ stent đứng, 1 đầu stent màu trắng mềm không gây kích ứng lên bàng quang. - Đường kính ngoài của tent nhỏ với lumen bên trong lớn, cải thiện tỷ lệ ID/OD. - Vật liệu được thiết kế tương thích với cơ thể lên đến 365 ngày.	Cái	30		
1463	Giá đỡ ống soi mềm phủ hydrophilic, có đầu bằng platinum, các cỡ.	Thông số kỹ thuật: - Ống nong niệu quản tạo đường hầm (Giá đỡ ống soi mềm) dùng tạo ống dẫn bên trong niệu quản, trong các thủ thuật nội soi tiết niệu. - Ống dẫn được thiết kế gia cố chống gấp khúc với 10 cm đầu trên cùng trong suốt giúp quan sát tránh bỏ sót bất kỳ tổn thương nào. Đầu trên làm bằng Platinum giúp định vị chính xác dưới X-quang. Đầu Luer có phễu để giữ chặt và cố định vào vị trí mong muốn. Vỏ và đầu nong được phủ một lớp vật liệu hydrophilic giúp đặt ống vào dễ dàng. - Đường kính ngoài 11 Fr/14 Fr, đường kính trong 9.5 Fr/12 FR, dài 24 cm/26 cm/28 cm/30 cm/32 cm/34 cm/35 cm/36 cm/38 cm/40 cm/42 cm/44 cm/45 cm/46 cm/48 cm/50 cm/52 cm/54 cm. - Đóng gói tiệt trùng.	Cái	20		
1464	Giá đỡ vừa tán vừa hút dùng trong phẫu thuật ống soi mềm	1. Thông số kỹ thuật - Kích thước: các cỡ 2. Tính năng, công nghệ: - Có khả năng hút sỏi. - Ưu điểm: + Giảm áp lực thận + Ngăn chặn việc sót sỏi + Tăng khả năng trường nhìn, cải thiện tầm quan sát + Giảm sử dụng các vật tư khác 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	120		
1465	Giác hút hỗ trợ sanh Silicone đường kính 50mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicone y tế - Đường kính 50mm, kèm dây nối 1,5m 2. Tính năng, công nghệ: Bề mặt ngoài nhẵn, có rãnh hướng trục giúp nhân viên y tế quan sát được hướng xoay. Mặt trong của giác hút có gai cho phép không khí khuếch tán đều, đảm bảo áp lực giữa giác hút và đầu của trẻ sơ sinh. Tiệt trùng: Hấp tiệt trùng được ở nhiệt độ cao 134 độ C 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	8		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1466	Giác hút hỗ trợ sanh Silicone đường kính 60mm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Silicone y tế - Đường kính 60mm, kèm dây nối 1,5m 2. Tính năng, công nghệ: Bề mặt ngoài nhẵn, có rãnh hướng trục giúp nhân viên y tế quan sát được hướng xoay. Mặt trong của giác hút có gai cho phép không khí khuếch tán đều, đảm bảo áp lực giữa giác hút và đầu của trẻ sơ sinh. Tiệt trùng: Hấp tiệt trùng được ở nhiệt độ cao 134 độ C 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	158		
1467	Giấy điện tim	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Giấy điện tim. - Kích thước: 90 mm x 90 mm x 400P. 2. Tính năng, công nghệ: Phù hợp sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp Schiller AT1.	Xấp	300		
1468	Giấy điện tim 3 cần 63x30	1. Thông số kỹ thuật: kích thước 63mm x 30m 2. Tính năng, công nghệ: Giấy điện tim 3 cần	Cuộn	21.037		
1469	Giấy điện tim 3 cần 80mm x 20m	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Chất liệu giấy tốt - Giấy điện tim 3 cần 80mm x 20m 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng trên các máy đo điện tim, máy đo điện tim gắng sức, dùng để in kết quả sau đo	Cuộn	10.395		
1470	Giấy điện tim 50mm x 30m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu giấy tốt - Kích thước 50mm x 30m 2. Tính năng, công nghệ: Có sọc, độ nhạy cao cho kết quả sắc nét, dễ dàng đọc khi chẩn đoán.	Cuộn	790		
1471	Giấy điện tim 6 cần 110mm x 140m -143 tờ	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Chất liệu giấy tốt - Kich thước 110mm x 140mm x 143 tờ 2. Tính năng, công nghệ: Độ nhạy cao cho kết quả sắc nét, dễ dàng đọc khi chẩn đoán. Giấy trắng không sọc.	Xấp	5.116		
1472	Giấy điện tim 6 cần sử dụng cho máy kích thước 110 mm x 140 mm x 200 tờ	Thông số kỹ thuật: - Giấy điện tim kích thước 110x140mm; 200 tờ. - Độ nhạy cao cho kết quả sắc nét, dễ dàng đọc khi chẩn đoán. - Giấy trắng không sọc. - Tương thích máy Nihon Koden hoặc tương đương.	Xấp	9.860		
1473	Giấy in nhiệt	1. Thông số kỹ thuật: Giấy in nhiệt 57mm, 50mm 2. Tính năng, công nghệ: dạng cuộn, không sọc lưới	Cuộn	6.047		
1474	Giấy in nhiệt	Thông số kỹ thuật: Kích thước 80*297mm	Cuộn	692		
1475	Giấy in siêu âm 110mm x 20m	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước 110mm x 20m 2. Tính năng, công nghệ: Giấy in ảnh kết quả siêu âm được tráng UV, bề mặt có độ bóng cao, độ kháng nước hoàn hảo và mật độ quang học cao.	Cuộn	15.814		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1476	Giấy monitor sản khoa 152mm x 150mm x 200 tờ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu giấy tốt - Kích thước 152mmx150mm x 200tờ 2. Tính năng, công nghệ Độ nhạy cao cho kết quả sắc nét, dễ dàng đọc khi chẩn đoán	Xấp	5.658		
1477	Giấy monitor sản khoa 50 mm x 100 mm x 300 tờ	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước 50mmx100mm; 300 tờ. - Giấy trắng không sọc. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Xấp	404		
1478	Giấy monitor sản khoa, 152mm x 90mm x 150 sheets	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu giấy tốt - Kích thước 152mmx90mm x 150tờ 2. Tính năng, công nghệ: - Độ nhạy cao cho kết quả sắc nét, dễ dàng đọc khi chẩn đoán 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Xấp	30		
1479	Giày thông dụng tiệt trùng	1.Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Vải PP không dệt 2. Tính năng, công nghệ: Dây thun cổ giày chắc chắn, co giãn tốt. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói 1 đôi/gói 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001	Đôi	506.240		
1480	Giấy y tế	1. Chất liệu: Giấy y tế; dùng để thấm lót và vệ sinh cá nhân sau khi sử dụng gel siêu âm 2. Thông số kỹ thuật: Kích thước 40cm x 50cm.	Kg	8.184		
1481	Giấy y tế 40cm x 50cm	1. Chất liệu: Giấy y tế 2. Thông số kỹ thuật: Kích thước 40cm x 50cm. 3. Tính năng: Dùng để thấm lót và vệ sinh cá nhân, lau chùi trong phòng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Kg	10.470		
1482	Gói thay băng lớn	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 100% bông xơ tự nhiên - Bông gạc đắp vết thương 15*20cm và Bông hút nước 3*3cm 2. Tính năng, công nghệ: Gói thay băng	Gói	414.600		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1483	Gói xỏ lỗ tai vô trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Bông hút nước: 6 miếng - Kim xỏ lỗ: 2 cái - Chỉ nhỏ: 2 sợi - Que tăm nhựa: 2 que. 2. Tính năng, công nghệ: - Ngoại quan: Mẫu màu trắng, đồng nhất, không mùi lạ, không lẫn tạp chất nhìn thấy bằng mắt thường. - Tốc độ hút nước: < 5s. - Khả năng hút nước: ≥ 20 g nước/g bông (tương đương ≥ 100 g nước/5g bông. - Hàm lượng chất tan trong nước: ≤ 0.5 %. - Giới hạn acid và kiềm: Đạt trung tính. - Hàm lượng clorid: < 0.005 %. - Hàm lượng tro sulfat: ≤ 0.01 %. - Hàm lượng chất béo: ≤ 0.3 %. - Chất màu: Dịch chiết không màu. - Độ ẩm: ≤ 8 %. - Chất tăng trắng huỳnh quang (phát quang): Không có. - Kích thước que nhựa: 7,5cm. 1 bộ/gói, Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: TCVN ISO 9001:2015, TCVN ISO 13485:2017, ISO 11135:2014.	Gói	18.120		
1484	Hạt nút mạch gan bằng phương pháp trộn thuốc	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu chính: amilomer, DSM (Degradable Starch Microphéres/ Hạt vi cầu tinh bột có thể phân hủy) 35/50. - Hạt vi cầu tự phân hủy sinh học, thời gian bán hủy của hạt nút mạch chỉ 30-40 phút. 2. Tính năng, công nghệ - Là liệu pháp bổ trợ kết hợp với các thuốc kìm tế bào trong điều trị động mạch các khối u gan không thể phẫu thuật, từ đó tối ưu hóa sự tích lũy thuốc trong khối u. - Khi sử dụng, lưu lượng máu trong cơ quan/phần cơ quan chứa khối u chậm lại tối ưu và như mong muốn, có thể được ghi lại trên từng bệnh nhân bằng cách theo dõi chụp mạch. Nếu có nhiều ổ khối u ở cả hai thùy gan và/hoặc nếu các phương pháp điều trị lặp lại ngắn hạn được lên kế hoạch, hệ thống cổng động mạch cũng có thể được sử dụng. - Hóa trị tại chỗ có thể được thực hiện trong nhiều chu kỳ kéo dài vài ngày với khoảng thời gian từ 2 - 6 tuần.	Lọ	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1485	Hạt vi cầu tắc mạch tải thuốc điều trị ung thư gan, kích thước hạt 70-500 µm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Hạt vi cầu Hydrogel được tạo từ Polyvinyl Alcohol. - Kích thước hạt vi cầu từ 70-500µm gồm các size 70-150µm; 100-300µm; 300-500µm. 2. Tính năng, công nghệ: - Có khả năng tắc mạch máu trong khối u ác tính và truyền hóa chất Doxorubicin, Irrinotecan điều trị ung thư biểu mô tế bào gan nguyên phát hoặc thứ phát do khối u đại trực tràng di căn gan. - Hạt vi cầu tắc mạch tải hóa chất PVA (Polyvinylalcohol) được nhuộm xanh để hỗ trợ trực quan trong quá trình chuẩn bị và tải thuốc. - Kích thước hạt khi ngậm thuốc được kiểm soát, thời gian tải thuốc trong khoảng 30-90 phút tùy kích thước hạt khi tải với Doxorubicin 25mg/ml đảm bảo ≥ 98% các hạt được tải thuốc. Kiểm soát việc phóng thích thuốc trong quá trình điều trị. - Hạt sau khi tải doxorubicin bảo quản trong nhiệt độ 2-8 độ C có thể giữ được tới 14 ngày hoặc 7 ngày nếu đã trộn cản quang. - Khả năng ngậm thuốc doxorubicin lên đến 37,5mg/ml hạt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Lọ	120		
1486	Hệ thống cảm biến đo độ mê sâu	1. Thông số kỹ thuật: - Số kênh hoạt động: 4 kênh - Số điện cực: 06 - Thời gian sử dụng: 24 giờ - Tương thích với thiết bị của hãng Masimo hoặc tương đương 2. Tính năng, công nghệ: - Cảm biến dùng một lần để theo dõi liên tục không xâm lấn độ mê sâu cho trẻ em/người lớn. - Có thể kết hợp với cảm biến đo ôxy tại não/mô rSO2 - Thiết kế an toàn, không chứa cao su thiên nhiên (latex-free) - Khớp nối: Polycarbonat; Mạch dẫn chứa AgCI và mực - Chất liệu điện cực: gel ướt MultiChlorua cho độ dẫn tốt, bám dính ổn định - Miếng xốp điện cực: Polyethylene - Tạo độ êm và cố định chắc chắn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1487	Hệ thống cảm biến đo oxy tại Não/Mô (rSO2)	1. Thông số kỹ thuật: - Dùng cho bệnh nhân có trọng lượng ≥ 5kg - Vị trí đặt cảm biến: vùng trán và các vùng phù hợp khác - Bước sóng: 04 bước sóng - Thời gian sử dụng: 72 giờ - Độ bão hoà ôxy mô não rSO2: 4% - Xu hướng rSO2 vùng não/mô: 3% - Tương thích với thiết bị của hãng Masimo hoặc tương đương 2. Tính năng, công nghệ: - Cảm biến dùng một lần để theo dõi độ bão hoà ôxy mô/não cho trẻ em/người lớn - Cho phép theo dõi rSO2 và xu hướng thay đổi với độ sai số thấp - Thiết kế an toàn, không chứa cao su thiên nhiên (Latex free) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	200		
1488	Hệ thống cảm biến đo oxy tại Não/Mô (rSO2) dùng một lần cho trẻ em- loại không dính	1.Tính năng, công nghệ: Phương pháp đo không xâm lấn an toàn cho bệnh nhân, kỹ thuật phân tích tín hiệu và dò tìm tín hiệu cho kết quả chính xác sử dụng ≥ 2 đầu phát và ≥ 2 đầu thu đảm bảo kết quả thu nhận chính xác, ngay khi có sự thay đổi về sự tưới máu, cảm biến sẽ thu nhận được nhanh chóng ≤ 1,5 giây, độ chính xác so với phương pháp xâm lấn ≥ 5,4% hoặc tương đương 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	15		
1489	Hệ thống kim sinh thiết tự động Achieve hoặc tương đương, nhiều kích cỡ.	1. Thông số kỹ thuật: Kích cỡ kim sinh thiết: + Độ dài của kim: 6cm, 9cm, 11cm, 15cm, 20cm + Độ lớn của kim: 14G, 16G, 18G, 20G. 2. Tính năng, công nghệ: Hệ thống kim sinh thiết tự động dùng trong thủ thuật sinh thiết mô mềm như thận, gan, tuyến tiền liệt, lá lách, hệ bạch huyết và các khối mô mềm khác. Ba chế độ lấy mẫu: Tự động, Bán tự động, Thủ công. Trọng lượng nhẹ. Thiết kế dùng 1 tay dễ dàng.	Cái	40		
1490	Hóa chất sử dụng để khử khuẩn dùng trong ngoại khoa	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Dung dịch xà phòng chứa Chlorhexidine digluconate - Nồng độ: 4%; 2. Tính năng: Dung dịch xà phòng khử khuẩn dùng trong vệ sinh tay ngoại khoa, dung dịch tắm bệnh nhân trước phẫu thuật	Chai	2.344		
1491	Hóa chất sử dụng để làm sạch và sát khuẩn da - 0,25% Didecyl dimethyl ammonium chloride + 0,1% Chlorhexidine gluconate w/w - Chai 550ml	1. Thông số kỹ thuật: Thành phần: 0,25% w/w Didecyl dimethyl ammonium chloride + 0,1% w/w Chlorhexidine gluconate. 2. Tính năng công nghệ: pH trung tính. Không chứa cồn, không gây cháy, an toàn cho da. Dạng bọt khuyếch tán nhanh trên tay. Không cần rửa lại, không cần nước, không cần khăn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Chai	580		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1492	Hóa chất sử dụng để làm sạch và sát khuẩn da - Chlorhexidine gluconate 0,5%, Ethanol 70% w/v	1. Thông số kỹ thuật: Thành phần: Chlorhexidine gluconate 0,5%, Ethanol 70% chất dưỡng ẩm bảo vệ da (Glyxeril 0,5%, Hydroxyethyl cellulose 0,5%), chất hoạt động bề mặt (Ceteareth-60 miristyl glycol, Isopropyl alcohol, Lauramine oxide, nước tinh khiết). 2. Tính năng công nghệ: Sát khuẩn tay. Diệt hoàn toàn các vi sinh vật Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Mycobacterium tuberculosis, Bacillus subtilis, và Candida albicans sau 30 giây tiếp xúc. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Chai 500ml	4.800		
1493	Hóa chất sử dụng để làm sạch và sát khuẩn da Chlorhexidine Gluconate 2,5%	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Chlorhexidine Gluconate IP 2,5% v/v tương đương với Chlorhexidine Gluconate 0,5% w/v, Ethanol 70%. - pH 5,5. - Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dùng trong khám bệnh. - Chất dưỡng ẩm, không gây khô da, không gây kích ứng da, có mùi dễ chịu. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Chai	150		
1494	Hóa chất sử dụng để làm sạch và sát khuẩn da có chứa cồn dạng gel dùng rửa tay thường quy, vệ sinh tay ngoại khoa	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Dung dịch dạng gel Ethanol + Propanol-2-ol, không chứa chất tạo màu, không mùi, không chứa chất gây dị ứng da - Nồng độ: 70% +1,74%; Thể tích 500ml 2. Tính năng: Dung dịch vệ sinh tay chứa cồn dùng trong vệ sinh tay thường quy, vệ sinh tay ngoại khoa. Diệt vi khuẩn (bao gồm MRSA, ESBL...), diệt nấm, diệt vi khuẩn lao trong 30 giây. Diệt virus HIV, Rotavirus, H1N1, virus gây bệnh tay chân miệng, SARS trong 30 giây	Chai	640		
1495	Hóa chất sử dụng để làm sạch và sát khuẩn da dùng rửa tay thường quy, thủ thuật và phẫu thuật	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Isopropanol, Polyhexa-methylene biguanide hydrochloride, Vitamin E. - Nồng độ: 30% w/w Isopropanol, 0,25% w/w Polyhexa-methylene biguanide hydrochloride, Vitamin E. 2. Tính năng: Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh hiệu quả có chứa chất bảo vệ, làm ẩm, mềm da và chất tái tạo da (Vitamin E). Thích hợp cho rửa tay thường quy, thủ thuật và phẫu thuật. Không chứa chất gây dị ứng da và có phổ diệt khuẩn, diệt nấm, diệt virus, diệt vi khuẩn lao trong 30 giây. Sử dụng an toàn cho trẻ em từ 3 tháng tuổi. Thời gian tác dụng kéo dài hơn 3 giờ.	Lít	1.224		
1496	Hóa chất sử dụng để làm sạch và sát khuẩn tay	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Cocamidopropyl betaine, Sodium C14-17 alkyl sulfonate,chất làm ẩm và mềm da. Không chứa chất tạo màu, tạo mùi 2. Tính năng: Dung dịch sát khuẩn tay thường quy trong bệnh viện. Chống sự nhiễm khuẩn trong 15 tuần kể từ ngày mở nắp chai với các vi khuẩn Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Candida albicans.	Lít	160		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1497	Hóa chất sử dụng để làm sạch và sát khuẩn tay	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Dung dịch chứa Sodium lauryl ether sunphate, Coconut fatty acid, Diethanol Amide; Cocamido propyl betain 2. Tính năng: Dung dịch xà phòng rửa tay trung tính.	Chai 1 lít	308		
1498	Hóa chất sử dụng để làm sạch và sát khuẩn tay	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần, nồng độ: Ethanol 70%,Iso- propanol (2- Propanol/ Propan- 2- ol) 2%, Chlorhexidine gluconate 0,5%,vitamin và các tá dược dưỡng da tay. 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm trong vòng 6 tháng sau khi mở nắp. - Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay thường quy, ngoại khoa theo yêu cầu của Bộ Y tế Việt Nam và EN 1500, EN 12791. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Chai	17.064		
1499	Hóa chất sử dụng để làm sạch và sát khuẩn tay nhanh	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Ethanol, Isopropanol, Chlorhexidine digluconate. - Nồng độ: Ethanol 73,5% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng da, chất bảo vệ: Glycerine (0,2%w/w), Glyceryl cocoate (0,2% w/w), Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters..., chất tạo màu, hương liệu, nước tinh khiết vừa đủ 100%. 2. Tính năng: Có tác dụng sát khuẩn với phổ rộng, hiệu quả diệt khuẩn cao (>99,99%) với các vi khuẩn gram(-), Gram(+), nấm, trực khuẩn lao... Dùng trong sát khuẩn tay thường quy, sát khuẩn tay ngoại khoa, dung dịch sát trùng tay trước khi thăm khám, trước phẫu thuật hoặc làm thủ thuật trong y tế. Sát khuẩn tay nhanh không cần rửa lại, không cần nước, không cần khăn, nhẹ nhàng với da.	Lít	8.840		
1500	Hóa chất sử dụng để làm sạch và sát khuẩn tay nhanh, có cồn	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Dung dịch chứa Ethanol, Chlorhexidine Gluconate , Glyceryl Cocoate, Glycerine - Nồng độ: Ethanol 70%, Chlorhexidine Gluconate 0,5%, Glyceryl Cocoate 0,2%, Glycerine 0,2%; 2. Tính năng, công nghệ: Sát khuẩn tay nhanh không cần rửa lại, không cần nước, không cần khăn, nhẹ nhàng với da. 3. Tiêu chuẩn chất lượng ISO9001:2015; ISO13485:2017	Lít	676		
1501	Hóa chất sử dụng để làm sạch và sát khuẩn tay nhanh, có cồn	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Dung dịch chứa Ethanol, Chlorhexidine Gluconate , Glyceryl Cocoate, Glycerine. - Nồng độ: Ethanol 70%, Chlorhexidine Gluconate 0,5%, Glyceryl Cocoate 0,2%, Glycerine 0,2%; 2. Tính năng: Sát khuẩn tay nhanh không cần rửa lại, không cần nước, không cần khăn, nhẹ nhàng với da. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO9001:2015; ISO13485:2016	ml	14.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1502	Hóa chất sử dụng để làm sạch và sát khuẩn thường quy, sát khuẩn tay ngoại khoa, trước khi thăm khám, thủ thuật hoặc phẫu thuật	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Ethanol, Isopropanol, Chlorhexidine digluconate. - Nồng độ: Ethanol 73,5% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng da, chất bảo vệ: Glycerine (0,2%w/w), Glyceryl cocoate (0,2% w/w), Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters..., chất tạo màu, hương liệu, nước tinh khiết vừa đủ 100%. 2. Tính năng: Có tác dụng sát khuẩn với phổ rộng, hiệu quả diệt khuẩn cao (>99,99%) với các vi khuẩn gram(-), Gram(+), nấm, trực khuẩn lao.... Dùng trong sát khuẩn tay thường quy, sát khuẩn tay ngoại khoa, dung dịch sát trùng tay trước khi thăm khám, trước phẫu thuật hoặc làm thủ thuật trong y tế. Sát khuẩn tay nhanh không cần rửa lại, không cần nước, không cần khăn, nhẹ nhàng với da.	Chai 500ml	5.988		
1503	Hóa chất sử dụng để làm sạch, khử khuẩn bề mặt	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Ethanol 76%, Chlorhexidine gluconate 0,5%, Alpha terpineol 0,5%, vitamin và tá dược dưỡng da. - Thể tích chai 500ml. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Chai	868		
1504	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Ethanol, Isopropanol, Chlorhexidine gluconat, chất bảo vệ, dưỡng da và hương liệu - Nồng độ: Ethanol 80%, Isopropanol 7,2%, Chlorhexidine gluconat 0,5% 2. Tính năng: Dung dịch rửa tay sát khuẩn	Chai	1.328		
1505	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn	Thông số kỹ thuật: - Thành phần:Water, Sodium Laureth Sulfate, Laureth-9, Cocamide DEA, Decyl Glucoside, Lauramidopropyl Betaine, Sorbitol, Glycerin, Aloe Vera Leaf Extract, Sodium Benzoate, Disodium EDTA, Citric acid, Fragrance	Chai	160		
1506	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn Chlorhexidine digluconate 1% (w/w)	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Chlorhexidine Digluconate và các chất phụ gia (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, …) - Nồng độ: Chlorhexidine Digluconate 1% (w/w) và các chất phụ gia (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, …) vừa đủ 100%. 2. Tính năng: Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn thường quy dùng trong y tế	Chai	24		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1507	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn Chlorhexidine digluconate 2%	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Chlorhexidine digluconate, Acetic acid Glacial, - Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: C8-16 fatty alcohol glucoside, Coconut fatty acid diethanolamide (fatty acid diethanolamide) (CDE), Lauryl Alcohol Ethoxylates, Cocamidopropyl betaine (CAB), Polysaccharides. - Nồng độ: Chlorhexidine digluconate 2,0 % (w/w) (tương đương dung dịch Chlorhexidine 11,3g/l), Acetic acid Glacial (<1%) 2. Tính năng công nghệ: Sát khuẩn tay thường quy, hiệu quả diệt khuẩn cao, phổ rộng. Dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	Chai 500ml	770		
1508	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn Chlorhexidine digluconate 4% (w/w)	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Chlorhexidine digluconate, Isopropanol, acid glacial acetic, Hydroxyethylcellulose, tinh chất lô hội.... - Nồng độ: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w),Isopropanol (<10%), acid glacial acetic (1%), Hydroxyethylcellulose 0,5%, tinh chất lô hội.... 2. Tính năng: Hệ dưỡng ẩm Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt C8-16 fatty alcohol glucoside. Laury Alcoho Ethoxylates, CDE, CAB. Polysaccharides. Dung dịch sát khuẩn tay phẫu thuật, phổ rộng. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO9001:2015; ISO13485:2016	Chai 500ml	11.508		
1509	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn Chlorhexidine digluconate 4% (w/w)	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Chlorhexidine digluconate, Isopropanol, acid glacial acetic, Hydroxyethylcellulose, tinh chất lô hội.... - Nồng độ: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w),Isopropanol (<10%), acid glacial acetic (1%), Hydroxyethylcellulose 0,5%, tinh chất lô hội.... 2. Tính năng, công nghệ:Hệ dưỡng ẩm Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt C8-16 fatty alcohol glucoside. Laury Alcoho Ethoxylates, CDE, CAB. Polysaccharides. Dung dịch sát khuẩn tay phẫu thuật, phổ rộng. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO9001:2015; ISO13485:2016	Lít	1.090		
1510	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn Chlorhexidine gluconate 4% (w/v)	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần, nồng độ: 20% v/v chlorhexidine gluconate IP dung dịch tương đương với 4% w/v chlorhexidine gluconate, hương liệu, các chất hoạt động bề mặt không ion. PH trung tính thân thiện với da. 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Đạt tiêu chuẩn dùng trong vệ sinh tay thường quy, ngoại khoa theo yêu cầu của Bộ Y tế Việt Nam và có chỉ định tắm cho bệnh nhân trước phẫu thuật. - Khả năng kháng khuẩn của sản phẩm trong vòng 6 tháng sau khi mở nắp. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Chai	2.240		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1511	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Chất lỏng. - Nồng độ: Ethanol 56% (w/w), Isopropanol 18% (w/w), Chlorhexidine Digluconate 0,5 % (w/w) Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Myristil alcohol. Polysaccharides...Chất tạo màu, Hương liệu. 2. Tính năng: dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	Chai	336		
1512	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Chlorhexidine gluconate, Cetearech-60 Miristyl glycol, Isopropyl Alcohol, Lauramine oxide, hương liệu, nước tinh khiết vừa đủ. - Nồng độ: Chlorhexidine gluconate 2%; 2. Tính năng: Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	Lít	800		
1513	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Chlorhexidine gluconate, Cetearech-60 Miristyl glycol, Isopropyl Alcohol, Lauramine oxide, hương liệu, nước tinh khiết vừa đủ. - Nồng độ: Chlorhexidine gluconate 4%; 2. Tính năng: Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	Chai 500ml	920		
1514	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Chlorhexidine gluconate, Cetearech-60 Miristyl glycol, Isopropyl Alcohol, Lauramine oxide, hương liệu, nước tinh khiết vừa đủ. - Nồng độ: Chlorhexidine gluconate 4%; 2. Tính năng: Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	Lít	674		
1515	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Ethanol, Isopropanol 28%, Chlorhexidine digluconate 0,5% . - Nồng độ: Ethanol 50% (w/w), Isopropanol 28% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). 2. Tính năng: Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters… Chất tạo màu, hương liệu. Thích hợp cho rửa tay thường quy, thủ thuật và phẫu thuật. Không chứa chất gây dị ứng da và có phổ diệt khuẩn, diệt nấm, diệt vi khuẩn lao trong thời gian tiếp xúc 30 giây. Sử dụng an toàn với thời gian tác dụng kéo dài.	Chai	544		
1516	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Povidone Iodine, Isopropanol , nước tinh khiết vừa đủ - Nồng độ: 10%, 10%; Thể tích 500ml 2. Tính năng: Dung dịch sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	Chai	600		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1517	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn dùng trong khám bệnh, thực hiện phẫu thuật, thủ thuật, xét nghiệm các loại	Thông số kỹ thuật: - Thành phần: 70% kl/tt Ethanol + 0,5% kl/tt Chlorhexidine gluconate + Hương liệu phụ gia vừa đủ	Can 5 lít	184		
1518	Hóa chất sử dụng để rửa tay sát khuẩn nhanh	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Ethanol, Chlorhexidine gluconate, Alpha-Terpineol - Nồng độ: Ethanol 76% + Chlorhexidine gluconate 0,5% + Alpha-Terpineol 0,5% 2. Tính năng: Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh. Thể tích chai 500ml	Chai	2.940		
1519	Hóa chất sử dụng để rửa tay tiệt khuẩn	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Alpha terpineol, Vitamin và tá dược dưỡng da. - Nồng độ: Alpha terpineol 0,3%, Vitamin và tá dược dưỡng da. Thể tích chai 500ml. 2. Tính năng: Dung dịch rửa tay diệt khuẩn (Xà bông rửa tay diệt khuẩn). Duy trì hiệu quả diệt khuẩn ≥ 15 tuần sau khi mở nắp. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485:2016	Chai	13.244		
1520	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế 1,5 lít	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PE, PVC chính phẩm. - Dung tích 1,5 lít. - Chiều dày (mm): 1,0 ± 0,2; chiều dài đáy (mm): 99 ± 2; chiều rộng đáy (mm): 99 ± 2; chiều cao bình (mm): 192 ± 2. - Nắp bình (mm) (đường kính x chiều cao): Nắp trong (90 x 7,8) ±2; Nắp ngoài (94 x 7,2) ±2. - Hộp bằng nhựa PE chắc chắn màu vàng, có nắp màu đỏ đựng các vật sắc nhọn trong y tế không bị rò rỉ, vừa đủ cứng để không bị thủng hay rơi vãi rác thải rắn khi sử dụng. - Trên thân và nắp bình có logo cảnh báo độc hại, theo đúng quy định của Bộ Y tế. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	41.456		
1521	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế 1,5 lít	Thông số kỹ thuật: - Màu sắc: Màu vàng Y tế. - Dung tích: 1,5 lít. - Có vạch giới hạn mức độ đầy. - Kích thước: 10 x 10 x 20 cm. - Chất liệu: Nhựa HDPE. - Có nắp đậy chắc chắn, có thể kết hợp với xe tiêm.	Cái	5.770		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1522	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế 5 lít	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu là carton ép. Mặt ngoài hộp không thấm nước. - Thành hộp dầy 1,5mm ± 2%. có mầu vàng. - Dung tích 5 lít. 2. Tính năng, công nghệ: - Có một lỗ để nhét bơm kim tiêm. Lỗ này phải có nắp đậy. - Khi nhét bơm kim tiêm vào trong hộp, nắp đậy vẫn giữ nguyên được để tránh việc thò tay vào bên trong. - Hộp phải có tay cầm để có thể xách bằng một tay. - Dễ dàng dùng mồi lửa để thiêu huỷ mà không cần sử dụng đến nguồn năng lượng khác. - Có các hướng dẫn bằng ảnh vẽ về cách gập hộp, cách sử dụng và huỷ bỏ hộp. Các hướng dẫn đơn giản, dễ hiểu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	7.406		
1523	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế 5 lít	1. Thông số kỹ thuật: - Giấy Duplex cán màng PE chống thấm nước và kháng thủng. - Kích thước 150 x 120 x 270 mm. - Màu vàng. - Dung tích 5 lít. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	5.792		
1524	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế 6,8 lít	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PE , PVC chính phẩm. - Dung tích 6,8 lít. - Chiều dày (mm): 1,0 ± 0,2; chiều dài đáy (mm): 227 ± 2; chiều rộng đáy (mm): 136 ± 2; chiều cao bình (mm): 310 ± 2. - Nắp bình (mm) (đường kính x chiều cao): Nắp trong: (90 x 7,8) ±2; Nắp ngoài (94 x 7,2) ±2. - Hộp bằng nhựa PE chắc chắn màu vàng, có nắp màu đỏ đựng các vật sắc nhọn trong y tế không bị rò rỉ, vừa đủ cứng để không bị thủng hay rơi vãi rác thải rắn khi sử dụng. - Trên thân và nắp bình có logo cảnh báo độc hại, theo đúng quy định của Bộ Y tế. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	7.694		
1525	Kem chống xì	1. Thông số kỹ thuật: Pectin, Carboxymethylcellulose và alcohol, kích cỡ: 60g. 2. Tính năng, công nghệ: Màu nâu sáng, dạng sệt hơi nhạt, ẩm, có chứa cồn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tuýp	100		
1526	Kềm gắp dị vật 3 chấu	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ngàm bằng thép không gỉ. - Tay cầm bằng nhựa Ergonomic. - Đường kính thân 1,8mm hoặc 2,3mm, độ mở ngàm 6,3mm hoặc 8,1mm. - Chiều dài làm việc 120cm. - Đường kính ngàm 2,3mm hoặc 5,6mm. - Tương thích với kênh làm việc 2,0mm hoặc 2,8mm.	Cái	28		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1527	Kềm gắp dị vật 3 chấu, 230cm, SD nhiều lần	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây dẫn kim loại bọc nhựa - Độ mở >25mm. Dây dẫn đường kính 2,5mm dài 230cm 2. Tính năng, công nghệ: Dùng lấy dị vật. Đầu mở 3 chấu, giúp bám dị vật chắc chắn hơn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485:2016	Cái	16		
1528	Kềm gắp dị vật khí phế quản	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính 1,8 - 2,3mm. - Chiều dài 180cm. - Kềm gắp dị vật khí phế quản. - Thân kềm có phủ tím. - Ngoàm cá sấu, răng chuột, cá sấu dài. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	94		
1529	Kềm sinh thiết	1. Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ: 1,8mm, 280cm. - Kềm Clotest có lỗ giải áp, tay cầm Ergo. - Có răng hoặc không răng, có hoặc không có vỏ bọc tìm. - Có kim hoặc không kim.	Cái	290		
1530	Kềm sinh thiết	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngàm 1 mm - Chiều dài làm việc 286cm - Tương thích kênh làm việc 1.2 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kềm sinh thiết siêu nhỏ, dùng lấy mẫu sinh thiết đường mật - Tương thích ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	4		
1531	Kềm sinh thiết cỡ 1,7mm, 160cm	1. Thông số kỹ thuật: Đường kính 1,7mm dài 160cm 2. Tính năng, công nghệ: Kềm sinh thiết dạ dày	Cái	640		
1532	Kềm sinh thiết cỡ 2,3mm, 160cm	1. Thông số kỹ thuật: Đường kính 2,3mm dài 160cm 2. TÍnh năng, công nghệ Kềm sinh thiết dạ dày	Cái	200		
1533	Kềm sinh thiết cỡ đường kính 1,8 mm, dài 280 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính 1,8mm. - Chiều dài 280cm. - Kềm Clotest có lỗ giải áp, tay cầm Ergo. - Có răng hoặc không răng, có hoặc không có vỏ bọc tìm. - Có kim hoặc không kim. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	260		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1534	Keo bonding sử dụng trong nha khoa, Keo dán 1 bước Single Bond Universal hoặc tương đương	Tính năng: Loại keo dán đa năng - một bước, kết hợp giữa tự xoi mòn, xoi mòn với acid và xoi mòn chọn lọc với tính linh hoạt độc đáo, dán tốt với tất cả các bề mặt, gồm men, ngà, sứ thủy tinh, sứ zirconia, hợp kim quý và bán quý, và vật liệu composite - mà không cần primer bổ sung. Kết hợp với chất kích hoạt lưỡng trùng hợp Single Bond DCA, keo dán tương thích với tất cả các loại xi măng nhựa, vật liệu tái tạo cùi và thậm chí cả vật liệu composite tự trùng hợp. Độ bền dán ổn định trên cả ngà ẩm và khô sau khi xoi mòn. Hầu như không gây ê buốt sau khi trám. Khít sát thành xoang tuyệt vời cho phục hồi thẩm mỹ cao.	ml	906		
1535	Keo dán da	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: N - butyl - 2 - cyano acrylat, màu xanh tím. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu), ISO 13485.	Ống	25		
1536	Kéo đầu cong có đốt điện đơn cực	1. Thông số kỹ thuật: - Hàm kéo: + Chất liệu: thép không gỉ (SUS303) + Màu sắc: xám + Lưỡi dài 17 mm + Chiều dài hệ thống 330mm - Trục: + Chất liệu: Fluorinated Ethylene Propylene + Màu sắc:đen + Đường kính: 5mm - Tay cầm: + Chất liêu: Polyamide + Glass fiber/Copper + Màu sắc: trắng đục + Tương thích với cáp Storz và Aesculap 2. Tính năng, công nghệ: - Kéo phẫu tích đơn cực đầu cong có đốt điện để cắt và cầm máu sử dụng một lần. Kéo có hàm hoạt động đôi bằng thép không gỉ 303, với góc mở rộng khoảng 15° – 20°. Lưỡi dao cong 15° – 20° về bên trái để trực quan hóa đầu lưỡi dao. Vỏ ngoài cách điện và nhiệt. - Tay cầm công thái học bằng nylon và glass fibre/copper, cung ngón tay lớn phía trước, có đầu xoay 360°. Vị trí cổng điện nhiệt được đổi thành - cổng điện cực phân đôi "split pin" 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).	Cái	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1537	Keo sinh học chống dính 1,5ml	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần, nồng độ: + Poloxamer 407: 15 ~ 16%. + Poloxamer 188: 17 ~18%. + Glycerol: 10%. + Chitosan: 0.3%. + Gelatin: 0.05%. + Acetic acid: 0.02%. + Nước vô trùng: 55.63 ~ 57.63%. - Dạng Sol-Gel nhạy cảm nhiệt. - Bộ gồm 1 bơm tiêm chứa 1,5ml vật liệu chống dính, catheter. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Ống	20		
1538	Keo sinh học chống dính 3ml	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần, nồng độ: + Poloxamer 407: 15 ~ 16%. + Poloxamer 188: 17 ~18%. + Glycerol: 10%. + Chitosan: 0.3%. + Gelatin: 0.05%. + Acetic acid: 0.02%. + Nước vô trùng: 55.63 ~ 57.63%. - Dạng Sol-Gel nhạy cảm nhiệt. - Bộ gồm 1 bơm tiêm chứa 3ml vật liệu chống dính, catheter. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Ống	20		
1539	Keo sinh học chống dính 5ml	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần, nồng độ: + Poloxamer 407: 15 ~ 16%. + Poloxamer 188: 17 ~18%. + Glycerol: 10%. + Chitosan: 0.3%. + Gelatin: 0.05%. + Acetic acid: 0.02%. + Nước vô trùng: 55.63 ~ 57.63%. - Dạng Sol-Gel nhạy cảm nhiệt. - Bộ gồm 1 bơm tiêm chứa 5ml vật liệu chống dính, catheter. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Ống	20		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1540	Kẹp cầm máu 210 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu thép không rỉ có lớp phủ bên ngoài. - Chiều dài làm việc 210cm. - Đường kính kênh 2,6mm. - Độ mở clip 11mm đến 15mm. - Clip cầm máu sử dụng 1 lần ung trong nội soi tiêu hóa, tay cầm lắp sẵn. - Xoay được 360 độ, clip có thể đóng mở nhiều lần trước khi bắn giúp định vị chính xác vị trí bung clip. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	1.900		
1541	Kẹp cầm máu clip sử dụng 1 lần, độ mở clip 9-16mm, dài 2300mm	1. Thông số kỹ thuật: độ mở clip 9-16mm, dài 2300mm 2. Tính năng, công nghệ: Kẹp clip không vỏ sử dụng 1 lần. Clip gắn sẵn với tay cầm. - Độ mở clip 9-16mm. - Xoay được 360 độ. - Clip có thể đóng mở nhiều lần. - Đường kính dụng cụ 2,5mm hạn chế ma sát, tốt hơn cho kênh sinh thiết, dài 230cm. - Dùng được cho dạ dày và đại tràng	Cái	1.870		
1542	Kẹp cầm máu xoay 360 độ, loại đóng mở nhiều lần, dài 195 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Tay cầm bằng nhựa y tế có xỏ ngón. - Vỏ bọc kim loại và nhựa bên ngoài. - Độ mở 11 -17 mm, góc hàm: 90-135 độ. 2. Tính năng công nghệ: - Sử dụng can thiệp trong nội soi ống mềm, tương thích kênh làm việc: 2,8mm. - Dùng trong cầm máu dạ dày và đại tràng. - Có thể xoay được 360 độ, đóng mở nhiều lần, tay cầm lắp sẵn. - Hàm Clip to chắc khoẻ, có khả năng định vị cố định vào vị trí dự định trước khi bắn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	10		
1543	Kẹp catheter	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Polypropylene 2. Tính năng, công nghệ: Dùng để kẹp ống thông khi thay bộ chuyển tiếp. Vô khuẩn.	Cái	540		
1544	Kẹp đốt cầm máu	1. Thông số kỹ thuật: Đường kính 2,4mm, chiều dài 2300mm. 2. Tính năng, công nghệ Dùng để cầm máu xuất huyết đường tiêu hóa. Ngàm kẹp có răng cưa - cấu trúc chống trượt độc đáo giúp cho phép nắm bắt các điểm chảy máu một cách an toàn để nhanh hơn và cầm máu đáng tin cậy hơn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	10		
1545	Kẹp hàn mạch máu nội soi , đường kính 5 mm, tip không dính, có cửa sổ, dài 340 mm		Cái	50		
1546	Kẹp hàn mạch máu nội soi, Maryland, đường kính 5 mm, tip không dính, dài 340 mm		Cái	50		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1547	Kẹp mạch máu chất liệu Polymer cỡ ML; L; XL	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polymer không tiêu - Kẹp được mạch máu cỡ 3 mm đến 10 mm, Chiều dài chân clip ngoài: 9,5mm, Độ dày chân clip: 0,83mm, đường kính phần lồi của Clip khi đóng: 1,1mm, khi mở: 7,5mm 2. Tính năng, công nghệ: Clip thiết kế hình cung giúp giữ được nhiều mô hơn, Có khóa đóng nhanh, hiệu quả, an toàn tạo phản hồi xúc giác cho phẫu thuật viên khi đóng clip, Bản lề động, Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô, Hạn chế tối đa nhiễu khi chụp CT, không cản quang trong chụp X-quang và sự an toàn tuyệt vời không gây nhiễu ảnh trong kết quả MRI	Cái	2.560		
1548	Kẹp mạch máu chất liệu Titanium cỡ L	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Titanium - Kẹp được mạch máu cỡ 3,5 mm đến 7,5 mm, Clip khi mở dài 11,9mm, rộng 5,4mm, Clip khi đóng dài 12,3mm 2. Tính năng, công nghệ: Hình chữ V, Tương thích với kìm kẹp clip cỡ 1,26mm - 1,42mm, Các vỉ clip được mã hóa màu sắc tương ứng với Kìm kẹp clip	Cái	200		
1549	Kẹp mạch máu chất liệu Titanium cỡ ML	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Titanium - Kẹp được mạch máu cỡ 2,5 mm đến 4 mm, Clip khi mở dài 8,0mm, rộng 5,2mm. Clip khi đóng dài: 9,0mm 2. Tính năng, công nghệ: Hình chữ V. Tương thích với kìm kẹp clip cỡ 1,16mm - 1,32mm, Các vỉ clip được mã hóa màu sắc tương ứng với Kìm kẹp clip	Cái	200		
1550	Kẹp rốn	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: nhựa PP nguyên sinh 2. Tính năng, công nghệ: độ trơn láng cao. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016	Cái	55.596		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1551	Kẹp túi phình mạch máu não - Clip titanium các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Titanium a) Kẹp túi phình có lỗ cửa sổ - Đường kính lỗ cửa sổ có tối thiểu các cỡ 3.5mm và 5.0mm - Có tối thiểu các loại: mini, tiêu chuẩn, siêu ngắn - Chiều dài lưỡi có nhiều cỡ trong khoảng 3.0 - 16mm - Độ mở tối đa trong khoảng 3.0 - 10mm, có tối thiểu 3.2, 9.1mm - Lực đóng trong khoảng 100 - 200g, có tối thiểu 110, 150g b) Kẹp túi phình không lỗ cửa sổ - Có tối thiểu 2 loại: mini, tiêu chuẩn - Chiều dài lưỡi trong khoảng 5.0 - 12mm, có tối thiểu các cỡ 5.0, 6.4, 11.0, 12.0mm - Độ mở tối đa trong khoảng 3.0 - 11mm, có tối thiểu các cỡ 3.5, 4.0, 6.8, 8.8, 10.2mm - Lực đóng trong khoảng 100 - 200g, có tối thiểu 110, 180g c) Kẹp túi phình tạm - Chiều dài lưỡi có tối thiểu các cỡ 9.0 và 11.0mm - Độ mở tối đa trong khoảng 7.0mm - 8.0mm - Lực đóng trong khoảng 80 - 100g Tiệt trùng 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	30		
1552	Kẹp xanh (kẹp dây túi dịch khi thay dịch dùng trong thẩm phân màng bụng)	1. Thống số kỹ thuật: Chất liệu: Polyoxymethylene 2. Tính năng, công nghệ: Kẹp dây dẫn dịch thẩm phân phúc mạc. Dụng cụ hỗ trợ thẩm phân phúc mạc	Cái	1.320		
1553	Khăn (săng) mổ tiệt trùng 50 x 50 cm	Thông số kỹ thuật: - Kích thước 50 x 50 cm. - Tiệt trùng bằng khí Oxide Ethylene - Sử dụng 1 lần.	Cái	18.620		
1554	Khăn (săng) mổ tiệt trùng 60 x 80 cm	Thông số kỹ thuật: - Kích thước 60 x 80 cm. - Trùng bằng khí Oxide Ethylene. - Sử dụng 1 lần.	Cái	9.570		
1555	Khăn lau khử khuẩn bề mặt thiết bị y tế mức độ trung bình	1. Thông số kỹ thuật: Thành phần: 17% kl/kl 1- propanol, 0,23% kl/kl Didecyldimethylammonium chloride. 2. Tính năng công nghệ: Khăn lau sát khuẩn, dùng được cho các bề mặt nhạy cảm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EN 16615, EN 14476, CE (Châu Âu).	Miếng	1.200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1556	Khăn lau khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế mức độ trung bình, WIP'ANIOS EXCEL hoặc tương đương	1. Thống số kỹ thuật: - Thành phần: Didecyldimethylammonium chloride, chất hoạt động bề mặt và thành phần khác. - Nồng độ: 0.3% N,N-Didecyl-N,N-Dimethylammonium chloride. - Chất hoạt động bề mặt: Amines, N-C12-14-Alkyltrimethylenedi-,0.002% Alcohols, C8-10, Ethoxylated. 2. Tính năng, công nghệ: - Khăn lau khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế và ống nội soi, chất liệu 100% sợi viscose phân hủy sinh học, dung dịch không tẩm màu, không mùi an toàn cho người sử dụng. - Diệt virus HIV, HBV, HCV, Vaccinia virus, Rotavirus trong 1 phút EN 14476 - Diệt vi khuẩn, nấm EN 16615 trong 2 phút - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, ISO 9001 - Ổn định trong 3 tháng kể từ ngày mở túi.	Gói	14.680		
1557	Khăn lau sát khuẩn	Thông số kỹ thuật: Khăn lau được thấm với 300 g dung dịch: 17 g Propan-1-ol, 0,23g Didecydimethylamoni clorua, Tá dược: <5% các chất hoạt động bề mặt không ion, nước tinh khiết.	Cái	13.600		
1558	Khăn lót sản 0,4mx0,6m chưa tiệt trùng	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lớp dưới là nylon PE chống thấm tuyệt đối, lớp giữa là hạt thấm Giấy tẩm hạt gel siêu thấm , lớp trên là vải không dệt cho nước đi qua - Kích thước 40 x 60cm 2. Tính năng, công nghệ: Giấy tẩm Hạt gel siêu thấm, siêu mỏng Định lượng 125g/m2, lượng hạt gel thấm trong 1 tấm là 6 gram – khả năng hút chất lỏng > 800 ml	Cái	96.148		
1559	Khăn tiệt trùng 100cm x 100cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 100% Polypropyle - Kích thước 100 x 100 cm 2. Tính năng, công nghệ Màu xanh dương, không mùi, vô khuẩn dùng trong phẫu thuật	Cái	2.540		
1560	Khăn tiệt trùng 60cm x 60cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 100% Olefin hoặc Polypropylen - Kích thước 60x60cm 2. Tính năng, công nghệ: Màu xanh dương, không mùi, vô khuẩn, dùng trong phẫu thuật	Cái	9.000		
1561	Khăn tiệt trùng 80cm x 80cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 100% Olefin hoặc Polypropylen - Kích thước 80cm x 80cm 2. Tính năng, công nghệ: Màu xanh dương, không mùi, vô khuẩn, dùng trong phẫu thuật	Cái	14.100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1562	Khẩu trang 3 lớp chưa tiệt trùng	1. Chất liệu: Thành phần của khẩu trang gồm: 2 lớp ngoài bằng vải không dệt (mặt ngoài và mặt trong khẩu trang) là vải không dệt không thấm nước: 100% Polypropylene; 1 lớp giữa là giấy lọc: màng vi lọc 2. Thông số kỹ thuật: Khẩu trang 3 lớp 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Dây đeo: làm bằng thun: kích thước 18cm, gọng nhựa. Hiệu suất lọc không nhỏ hơn 90%, Trở lực hô hấp không lớn hơn 9 mmH2O; Chưa tiệt trùng, đóng gói: Hộp/50 cái. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Cái	438.000		
1563	Khẩu trang 3 lớp kháng khuẩn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu: vải PP không dệt. Không độc tố, không gây kích ứng. * Lớp 1: Vải không dệt PP Spunbond trắng, thấm nước. * Lớp 2: Vải không dệt PP Spunbond, xanh, không thấm nước * Lớp giữa: Giấy lọc - Thanh tựa mũi: bằng nhựa PP định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa), an toàn khi sử dụng. Dây thun mềm, đàn hồi tốt. - Kích thước: 17,5 x 9cm (± 5mm) 2. TÍnh năng, công nghệ: - Hiệu suất lọc khuẩn (Bacterial Filtration Efficiency - BFE): kết quả thử nghiệm của Nelson Lab Hoa Kỳ (ASTM 2101) >95%. - Thoáng khí (độ chênh áp suất Delta P ≤ 5 mmH-2O/ cm2, kết quả thử nghiệm của Nelson Lab Hoa Kỳ) , mềm mại, thoải mái. - Không gây kích ứng. Bảo đảm an toàn cho người sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001.	Cái	164.000		
1564	Khẩu trang 3 lớp tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Khẩu trang 3 lớp: 2 lớp ngoài bằng vải không dệt (mặt ngoài và mặt trong khẩu trang) là vải không dệt không thấm nước: 100% Olefin hoặc Polypropylene; 1 lớp giữa là giấy lọc: màng vi lọc 2. Tính năng, công nghệ: Dây đeo: làm bằng thun: kích thước 17cm -> 18cm, gọng nhựa. Hiệu suất lọc không nhỏ hơn 90%, Trở lực hô hấp không lớn hơn 9 mmH2O; Được tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2017	Cái	2.357.380		
1565	Khẩu trang 3 lớp tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Khẩu trang giấy kháng khuẩn 3 lớp, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn : EN ISO 13485:2016; ISO 9001 :2015. - Đóng túi 1 cái/1 túi, tiệt trùng kín bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; ISO 9001 :2015.	Cái	385.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1566	Khẩu trang 3 lớp tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Lớp ngoài: vải không dệt. - Lớp giữa: Meltblown (98%) - Lớp trong: vải không dệt PP. - Dây đeo: dây thun - Thanh nẹp mũi: nhựa - Khẩu trang 3 lớp 2. Tính năng, công nghệ: Tiệt trùng: Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	348.000		
1567	Khẩu trang 4 lớp kháng khuẩn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: vải PP không dệt - Khẩu trang 4 lớp 2, Tính năng, công nghệ: Khẩu trang y tế 4 lớp kháng khuẩn có gọng mũi, thun đeo tai	Cái	2.644.988		
1568	Khẩu trang sử dụng một lần 3 lớp màu xanh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 1 lớp vải không dệt, 1 lớp giấy lọc kháng khuẩn Melblown 99%, 1 lớp vải không dệt siêu mịn - Kích thước: 95 x 180mm màu xanh 2. Tính năng, công nghệ: - Thun đeo co giãn (17cm), có thanh nẹp mũi cố định. - Hiệu quả lọc vi khuẩn BFE: > 99% - Hiệu suất lọc đối với sương dầu không nhỏ hơn 90% - Trở lực hô hấp (DP) không lớn hơn 6mmH_2O - Hiệu suất lọc bụi PFE > 95%	Cái	838.000		
1569	Khẩu trang than hoạt tính 4 lớp	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: 4 lớp: lớp 1: Vải không dệt PP spunbond màu trắng thấm nước , lớp 2: Vải lọc cao cấp , lớp 3: Vải than hoạt tính, lớp 4: vải trắng PP spunbond màu trắng không thấm nước 2. Tính năng, công nghệ: thanh tựa mũi, dây thun đeo tai hai bên có độ co giản tốt , mềm mại, cỡ 18x 9 cm	Cái	1.198.400		
1570	Khẩu trang y tế (N95)	1. Thông số kỹ thuật: - Khẩu trang gồm 5 lớp: + Vải không dệt 50G màu trắng. + Màng lọc kháng khuẩn 25G, hiệu quả lọc khuẩn BFE >95%. + Tâm lọc không dệt 50G, tăng cường hiệu quả lọc. + Màng lọc kháng khuẩn 25G, hiệu quả lọc khuẩn BFE >95%. + Vải không dệt 25G màu trắng. - Dây đeo đàn hồi. - Thanh nẹp mũi: Lõi thép mạ kẽm bọc nhựa giúp định hình sản phẩm, giúp sản phẩm áp sát da mặt vùng sống mũi. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), EN 149:2001+A1:2009.	Cái	138.204		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1571	Khẩu trang y tế 3 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: nẹp mũi nhựa Polyetylen mềm mại dễ uốn nắn - Lớp ngoài: lớp vải không dệt không hút nước. - Lớp trong cùng: Lớp vải không dệt không hút nước. - Thanh nẹp mũi bằng nhựa 100% PE, mềm mại, dễ uốn nắn. - Kích thước: Dài 17,5 cm x Rộng 9 cm (+/-0,5 cm) (Độ bung 16,5 cm) 2. Tính năng, công nghệ: - Cấu tạo khẩu trang gồm: 3 lớp, có dây thun móc tai và nẹp mũi nhựa. Lớp ngoài. Lớp giữa: Lớp giấy vi lọc, giấy lọc khuẩn chuyên dụng Meltblown, độ lọc (BFE ≥ 95%; PFE ≥ 95%; Delta P < 5 mmH2O/cm2; trở lực hô hấp <= 9mmH2O). Lớp trong cùng. - Dây thun móc tai: màu trắng, dây thun tròn/dẹt, co giãn tốt - Đóng gói: 50 cái/hộp	Cái	150.000		
1572	Khẩu trang y tế 4 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: được cấu tạo bởi 4 lớp vải: 2 lớp vải không dệt chống thấm nước ở ngoài cùng, lớp vi lọc, và lớp hút ẩm chống mốc ở bên trong. - Lớp ngoài cùng bằng vải không dệt có các nếp gấp giúp chống thấm nước ngăn không cho giọt bắn và các bụi bẩn xâm nhập vào trong - Lớp vải không dệt giúp tăng cường tính chống thấm và bảo vệ hệ hô hấp. - Lớp vi lọc - đây là phần quan trọng nhất của khẩu trang y tế, tạo sự khác biệt so với những chiếc khẩu trang y tế thông thường. Với điểm đặc biệt của lớp vi lọc là thấu khí nhưng không thấm nước, cho chức năng lọc bụi, vi khuẩn. - Lớp cuối cùng là một lớp vải không dệt có khả năng hút ẩm mạnh ngăn dịch mũi, miệng của người đeo khi nói, ho, hắt hơi,... không phát tán ra môi trường xung quanh. - Dây đeo và thanh nẹp mũi giúp cố định khẩu trang ôm sát vào gương mặt, làm tăng hiệu quả bảo vệ của khẩu trang y tế. - Cấu tạo 4 lớp 2. Tính năng, công nghệ: Khẩu trang y tế 4 lớp màu xanh/ trắng bảo vệ hệ hô hấp tránh sự xâm nhập của các tác nhân gây bệnh trong môi trường không khí như vi khuẩn, virus, khói bụi, ô nhiễm môi trường - Bảo vệ hệ hô hấp, chống tia UV, bảo vệ da mặt hạn chế tác hại từ ánh nắng mặt trời Khẩu trang y tế 4 lớp được sản xuất từ nguồn nguyên liệu chất lượng cao - Khẩu trang y tế 4 lớp cho khả năng bảo vệ và lọc vi khuẩn, bụi bẩn vượt trội hơn. - Nguồn nguyên liệu và sản phẩm đạt chuẩn - Quy cách đóng gói tiện lợi và gọn nhẹ, dễ sử dụng có thể mang theo mọi lúc mọi nơi, để trong túi xách, cốp xe hoặc tại nơi làm việc. - Tuyệt đối an toàn cho da, không gây dị ứng - Dây đeo thun có chức năng đàn hồi tốt, không gây đau tai. - Nẹp mũi được thiết kế để khẩu trang ôm vừa vặn với khuôn mặt Quy cách đóng gói Hộp 50 cái	Cái	542.480		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1573	Khẩu trang y tế 4 lớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải PP không dệt - Khẩu trang y tế 4 lớp kháng khuẩn có gọng mũi, thun đeo tai. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	543.800		
1574	Khóa 3 chạc có dây nối 25cm	1. Thông số kỹ thuật: - Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock. - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. Đường kính ngoài dây 3.93 - 4.02 mm, độ dày dây 0.58 - 0.62mm ,có khóa chặn dòng chiều dài 23 ± 0.5mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3.Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Cái	176.106		
1575	Khóa 3 ngã có dây 25cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Khóa làm bằng nhựa dẻo y tế trong suốt. - Dây dài 25cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Không nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch hay các loại thuốc. - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch. Khóa nhựa dẻo y tế trong suốt, giúp cho việc quan sát được rõ ràng hơn.	Cái	21.750		
1576	Khóa ba chạc (kèm hoặc không kèm dây nối)	1. Thông số kỹ thuật: - Cho áp suất lên tới 4,5 bar. - Xoay 360 độ. 2. Tính năng, công nghệ: - Các đầu khóa trong suốt. - Mũi tên trên tay cầm giúp xác định hướng dòng chảy. - Các đầu nối vát 6% bảo đảm không rò rỉ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: tiêu chuẩn tại Việt Nam, ISO.	Cái	1.700		
1577	Khóa ba chạc chống nứt gãy	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Vật liệu Polyamide. - Chịu áp lực dưới 2 bar. - Dây nối dài 25cm. - Thể tích mồi 1,6ml. - Thời gian sử dụng 96h. 2. Tính năng, công nghệ: - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc. - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch. - Dây nối không có chất phụ gia DEHP , thay thế bằng DEHT an toàn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: hãng sản xuất đạt tiêu chuẩn tại Việt Nam, ISO.	Cái	16.500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1578	Khóa ba ngã	1. Thông số kỹ thuật: Khóa ba ngã dùng truyền dịch nhiều lần - Thân khóa làm từ: Polycarbonate; Tay xoay: HDPE - Chịu áp suất lên đến 4.5 bar (65 psi) - Thể tích đuổi khí 0.23ml 2. Tính năng, công nghệ: - Khối lượng mồi nhỏ đảm bảo truyền chính xác, ít hao hụt - Mũi tên chỉ hướng dòng chảy - Khóa xoay Luer Lock - Xoay 360˚ - Khóa đực xoay, 2 đầu khóa cái kết nối - Để tránh rò rỉ nên kết nối thấp hơn 6% luer (theo chuẩn quốc tế) - Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	4.000		
1579	Khóa ba ngã chống nứt gãy có dây nối dài 25cm	1. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu các bộ phận gồm PVC, Polycarbonate, Polypropylene. - Dây nối dài 25cm không DEHP OD 4,1mm, ID 2,8mm, đầu dây có khóa male luer tapper 6%. 2. Tính năng công nghệ: - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc. - Chịu áp lực lên tới 4 bar. - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch. - Góc xoay đa chiều linh hoạt điều chỉnh 360 độ và có tín hiệu hãm cho các nấc xoay 45 độ trong sử dụng, không bị trờn trong quá trình sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cây	94.376		
1580	Khóa ba ngã chống nứt gãy có dây nối dài 25cm	1. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu các bộ phận gồm PVC, Polycarbonate, Polypropylene. - Dây nối dài 25cm không DEHP OD 4,1mm, ID 2,8mm, đầu dây có khóa male luer tapper 6%. 2. Tính năng, công nghệ: - Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo hay các loại thuốc. - Chịu áp lực lên tới 4 bar. - Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch. - Góc xoay đa chiều linh hoạt điều chỉnh 360 độ và có tín hiệu hãm cho các nấc xoay 45 độ trong sử dụng, không bị trờn trong quá trình sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	16.000		
1581	Khóa ba ngã kèm dây dẫn các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Các cỡ: 10-25-50-100cm. - Khóa chia ba, đi kèm dây dẫn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Sợi	50.560		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1582	Khóa chạc ba dịch truyền không dây nối	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Làm từ chất liệu Polycarbonate, HDPE, PP. - Thể tích mồi 0,2ml - 0,25ml. 2. Tính năng, công nghệ: đầu nối côn luer 6%, tiệt trùng E.O; kháng lipid và không kháng lipid.	Cái	6.030		
1583	Khung giá đỡ đường niệu quản - Ureteral Stent (URS)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phủ polyme - Hình dạng: Tròn, không có neo + Đường kính: 15mm + Chiều dài: 50, 60 hoặc 80mm 2. Tính năng, công nghệ: - Lớp phủ polyme độc đáo được thiết kế để ngăn ngừa quá trình tăng trưởng lớp niêm mạc, giảm sự đóng cặn, hình thành sỏi và vôi hóa. - Lực hướng tâm thay đổi dọc theo thân của stent cung cấp cố định stent tuyệt vời và khả năng thích ứng với giải phẫu bệnh nhân. - Vị trí dễ dàng và định vị chính xác được kích hoạt bằng hình ảnh trực tiếp, cũng như marker cản quang ở đầu xa và đầu gần của stent. - Loại bỏ dễ dàng và an toàn bằng cách kéo stent ra ngoài giống như 1 sợi chỉ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	10		
1584	Kiềm sinh thiết (dạ dày)	1. Thông số kỹ thuật: Đường kính kiềm 2,3mm, dài 180cm 2. Tính năng, công nghệ: Kềm sinh thiết ngàm loại dùng 1 lần	Cái	424		
1585	Kiềm sinh thiết (đại tràng)	1. Thông số kỹ thuật: Đường kính kiềm 2,3mm, dài 230cm 2. Tính năng, công nghệ: Kềm sinh thiết ngàm loại dùng 1 lần	Cái	329		
1586	Kim bướm Thận nhân tạo 17G dài 25mm	1. Thông số kỹ thuật: Kim được phủ silicone; 1 kim 17G dài 25mm Gồm có: -1 kim có thành siêu mỏng, được phủ silicone để ngăn chặn máu đông tụ. -1 cánh mã màu giúp phân biệt kích thước kim, loại cánh xoay. -1 kẹp khóa -1 đầu nối phù hợp với mọi bộ dây chạy thận -1 ống dây dài 30cm -1 khe hở (backeye) ngay đầu kim, ngăn chặn bất ổn và tổn thương mô, có điểm đánh dấu mặt vát kim. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene oxide 2. Tính năng, công nghệ: 1 đầu nối phù hợp với mọi bộ dây chạy thận	Cái	903.000		
1587	Kim cánh bướm 23G	1. Thông số kỹ thuật: - Kim bằng vật liệu thép không gỉ. - Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥30cm, đường kính ngoài 2.2 ± 0.05mm, tiết diện 0.3 ± 0.02mm , không DEHP. - Đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. 2. Tính năng, công nghệ: Bao bì có tính năng thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu) , ISO 11135, EN ISO 13485.	Cái	242.740		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1588	Kim cánh bướm cỡ 23G	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu làm dây truyền tĩnh mạch: nhựa PVC. - Kích cỡ: 23G. - Khử trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	205.900		
1589	Kìm cắt vòng xoắn kim loại bít phình túi mạch	1. Thông số kỹ thuật:: Kìm cắt tách vòng xoắn kim loại bằng xung điện. Dễ thao tác, nhanh và chính xác. Đã được tích điện sẵn. 2. Tính năng, công nghệ: Tương thích với coil MicroVention hoặc tương đương.	Cái	60		
1590	Kim cấy chỉ tiệt trùng dùng một lần	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, có khả năng chống ăn mòn tốt -Kích cỡ: 0.8x55mm 2. Tính năng, công nghệ:: Kim cấy chỉ bao gồm thân kim, lõi kim được làm từ thép y tế không gỉ 12Crl8Ni9. Giá lót lõi, giá đỡ kim và ống bảo vệ kim được làm từ nhựa PP chuyên trong y tế. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485,CFS	Cái	33.000		
1591	Kim châm cứu các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật:: Chất liệu: - Cán kim (đốc kim): được cuốn bằng sợi thép không gỉ. - Thân kim châm cứu được chế tạo bằng sợi thép không gỉ. Kích cỡ: - Đường kính thân kim: 0,16 mm ~ 45 mm. - Độ dài thân kim : 13 mm ~ 75 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Độ cứng thân kim 460 HV 0,2 kg. Bề mặt thân kim nhẵn bóng không có những khuyết điểm như xước, vạch và đường vân rõ ràng, giá trị Ra (tham số độ thô ráp) ≤ 0,63 µm. - Mũi kim: tròn, cân, không dẹt, không có gờ ráp, và các khuyết điểm như cong vẹo ...đáp ứng quy định về lực và sức ép độ cứng tiếp xúc với đầu mũi kim lực ép đầu mũi kim 0,5 N, lực châm 0,8 N. Sự liên kết giữa thân kim và đốc kim phải cố định chắc chắn, lực kéo 14N - Kim châm cứu dùng một lần là sản phẩm vô trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu) và ISO 13485	Cái	8.120.304		
1592	Kim châm cứu các size 0,3x25mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim sử dụng dây thép không gỉ 304 (06Cr19Ni10). Size 0,3x25mm 2. Tính năng, công nghệ:: Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu) và ISO 13485	Cái	2.722.600		
1593	Kim châm cứu các size 0,3x40mm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim sử dụng dây thép không gỉ 304 (06Cr19Ni10). Size 0,3x40mm 2. Tính năng, công nghệ:: Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu) và ISO 13485	Cái	537.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1594	Kim châm cứu các size 1.2.3.4.5.6.7.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim sử dụng dây thép không gỉ 304 (06Cr19Ni10). Kim châm cứu các size 1.2.3.4.5.6.7 2. Tính năng, công nghệ:: Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu) và ISO 13485	Cái	4.856.600		
1595	Kim châm cứu số 7	1. Thông số kỹ thuật: - Kim số 7 kích thước 0.30x75mm (tương đương kim 10 Việt Nam). - Cán (tay cầm): 30mm. - Phần mũi kim châm: 75mm. - Đường kính: 0.30mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2012+ AC:2012, CE (Châu Âu).	Test	61.000		
1596	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Sợi đồng không gỉ Kích cỡ: Đường kính thân kim 0,14mm- 0,50mm, độ dài thân kim từ 7mm-150mm. 2. Tính năng, công nghệ: Kim có độ cứng : 460 HV 0,2 ~ 650 HV0. Bề mặt thân kim nhẵn và sạch giá trị Ra(tham số độ thô ráp) ≤ 0,63 µm. - Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo.…Lực ép đầu mũi kim 0,5 N, lực châm 0,8 N - Sự liên kết cố định giữa thân kim và đốc kim: lực kéo 15N - Kim châm cứu dùng một lần là sản phẩm vô trùng 3.Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485:2016; CE (Châu âu)	Cây	2.171.000		
1597	Kim châm cứu vô trùng dùng 01 lần	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sợi đồng không gỉ - Đường kính thân kim 0,14mm- 0,50mm, độ dài thân kim từ 7mm-150mm. - Kim có độ cứng : 460 HV 0,2 ~ 650 HV0. Bề mặt thân kim nhẵn và sạch giá trị Ra(tham số độ thô ráp) ≤ 0,63 µm. - Mũi kim: tròn, cân, không có các khuyết điểm như dẹt, không có gờ ráp, cong vẹo.…Lực ép đầu mũi kim 0,5 N, lực châm 0,8 N - Sự liên kết cố định giữa thân kim và đốc kim: lực kéo 15N 2. Tính năng, công nghệ:: Kim châm cứu dùng một lần là sản phẩm vô trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE (Châu Âu).	Cây	2.115.300		
1598	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần 0,3 x 25 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước 0,3x25mm. - Chất liệu: Kim sử dụng dây thép không gỉ 304 (06Cr19Ni10). - Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	650.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1599	Kim chạy thận nhân tạo cỡ 16G, 17G	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim làm bằng thép không gỉ. - Thành phần chính của sản phẩm được làm từ PVC, PP, PE và một số các vật liệu đại phân tử tiêu chuẩn - Kích thước 16G, 17G. Chiều dài kim: 25±2mm; 32±2mm Đường kính ID Ø3,2-OD Ø: 5,0 2. Tính năng, công nghệ: - Cánh có thể xoay hoặc cố định. - Thành ống mảnh và mượt, giúp đâm xuyên dễ dàng, không gây tổn thương và đau đớn. - Ống mềm trong suốt, trơn, và không bị gập, 2 cánh có độ cứng vừa phải, khóa kẹp đóng mở đơn giản, dễ sử dụng. - Tiệt trùng hoàn toàn bằng khí Ethylene Oxide, vô trùng không gây sốt.	Cái	525.360		
1600	Kim chích cầm máu đại tràng, dạ dày	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đầu kim loại - Đường kính 2,3mm - Chiều dài: 230cm - Dài kim: 4mm. - Đường kính kim: 0,7mm 2. Tính năng, công nghệ: Kim chích cầm máu NET vỏ ngoài trong suốt Đầu kim loại bám kim chắc, tiếp xúc an toàn.	Cái	1.260		
1601	Kim chích tĩnh mạch đùi 2 nhánh, cỡ 1220	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter bằng chất liệu Polyurethan. - Đường kính ngoài 12 Fr, chiều dài 20cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G11, G11, Chiều dài (Inch) 8", Ống thông ngoài-ø (mét.) 4,00mm, Chiều dài dây dẫn 50cm, Bên ngoài-ø của dây dẫn 0,89 mm, với dây dẫn chống xoắn. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim dẫn chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí. - Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn. - Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. kèm xylanh 5ml - Đầu nối catheter có valve 2 chiều Safsite, tránh nhiễm khuẩn. - Tốc độ dòng chảy :230/230 (ml/min) - Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG. 3. Tiêu chuẩn chất lượng : CE (Châu Âu).	Cái	1.110		
1602	Kim chọc dò cuống sống 15G	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phần cán được làm bằng nhựa, phần còn lại được làm bằng thép AISI 3. - Kích thước: 8G, 11G và 13G. 2. Tính năng, công nghệ: Kim chọc dò, đầu kim có dạng vát hoặc dạng nhọn. Phần cán có hệ thống khóa chống xoay. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	40		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1603	Kim chọc dò cuống sống cột sống thắt lưng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ và polymer (nhựa y tế) - Chiều dài 150mm - Gồm hai phần: phần kim bên ngoài với đường kính 4,191mm và nòng bên trong với đường kính 3,175mm - Kim được thiết kế với 2 đường kính: phía mũi đường kính nhỏ và phía sau đường kính lớn hơn, giúp dễ dàng đưa kim vào thân đốt sống qua cuống sống. 2. Tính năng, công nghệ: Tay cầm có khóa có thể tháo rời, có vạch chia trên thân dụng cụ	Cái	1.275		
1604	Kim chọc dò đẩy xi măng vào thân vít rỗng nòng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Hợp kim y tế Medi - Chiều dài 175mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim đẩy xi măng Bone Cement Cannula CTS-5.5 MIS - Kim chọc dò vào thân vít rỗng nòng rỗng và có 1 cây lõi bên trong để đẩy xi măng. - Kim được cố định với vít rỗng và có một lỗ nhỏ để tăng áp xuất cho việc bơm xi măng và thân vít rỗng, có thể kéo dài nòng bơm gấp đôi. - Nòng rỗng của kim có thể chứa 1,2ml hỗn hợp xi măng cho 1 lần bơm xi măng. - Dùng để nhồi xi măng vào vít bơm xi măng, tránh xi măng trào ngược - Kim được dùng chung với xi măng và vít rỗng lòng hoặc vít rỗng lòng qua da.	Cái	275		
1605	Kim chọc dò dùng trong bộ dụng cụ đổ xi măng tạo hình thân đốt sống	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim chọc dò (thép nguyên chất, đầu kim cương),xi măng (polymetyl - metaacrylat), bộ bơm xi măng (được chế tạo bằng vật liệu không có cao su Latex tương thích với súng bơm). - Chiều dài 125mm, có 2 kích cỡ 11G và 13G. - Kim chọc dò đốt sống có nòng rỗng và có cây lõi bên trong, mũi vát, dùng để dùi chân cung và bơm xi măng. Sản phẩm đóng gói tiệt trùng sẵn. Sử dụng tương thích với xi măng Spine Fix (hoặc tương đương). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	200		
1606	Kim chọc dò ổ bụng 16G - 5,25inch	Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ: 16G - 5,25inch có ống thông được làm bằng vật liệu ống thông polymer FEP. - Thiết kế thành mỏng và đầu nhọn để giúp đầu kin sắc bén và luồn kim được dễ dàng.	Cái	200		
1607	Kim chọc dò tạo đường dẫn xi măng, tương thích bộ dụng cụ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống qua da	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Tay cầm bằng nhựa. - Đầu kim vát, các cỡ : 9, 11, 13, 15 Gauge, độ dài 120, 150mm 2. Tính năng, công nghệ: Kim chọc dò tạo đường dẫn xi măng, tương thích bộ dụng cụ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống qua da	Cái	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1608	Kim chọc dò tủy sống G18-G27	1. Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ G18-G27. - Đã tiệt khuẩn, sử dụng 1 lần. - Không giòn, đảm bảo độ cong, vát và độ sắc của mũi kim. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	8.780		
1609	Kim chọc dò tủy sống G29 X 3 1/2"	1. Thông số kỹ thuật: Đầu kim 3 mặt vát dài 3 1/2"" G29 2. Tính năng, công nghệ: Chuôi kim trong suốt, có phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra	Cái	2.400		
1610	Kim chọc dò, gây tê tủy sống các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đốc kim Polypropylene (PP) - Đường kính ngoài của kim ngoài 1,25mm - 0,41mm, thành kim mỏng cho dòng chảy tốt, Chiều dài mặt vát từ 3,41-4,39 mm- 1,23-1,68 mm - Đường kính ngoài của kim thông nòng 0,9mm - 0,22mm 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng - Đốc kim trong suốt dễ quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn - Có khoang trống giữa que thông nòng và thành kim, đốc kim trong suốt giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra - Tiệt trùng EO - Mã code theo màu sắc dễ chọn lựa 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	52.736		
1611	Kim chọc động tĩnh mạch, 18G, dài 70mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: thép không gỉ. - Đường kính 18G (1,3 mm), dài 70 mm. Dây dẫn có đường kính 0,035” (0,089 mm). 2. Tính năng, công nghệ: Thiết kế đầu chọc thon nhọn, giúp dễ dàng luồn vào lòng kim. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	1.100		
1612	Kim chọc mạch đùi	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: thép không gỉ - Đường kính: 18G, 19G; Chiều dài: 40mm,50mm,70mm,90mm 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế với tay cầm tối ưu và đầu kim bén để dễ dàng thao tác - Phần hub cơ động với điểm tham chiếu để xác định hướng góc xiên 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	1.900		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1613	Kim chọc mạch siêu nhỏ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chọc siêu âm: thép không rỉ. Các điểm cản quang bằng Palladium hay Platinum. Dây dẫn làm bằng chất liệu thép không rỉ hoặc nitinol mềm dẻo, đầu tip bọc vàng. - Kích cỡ kim: 21 gage. Chiều dài kim: 7cm, 4cm. Sheath có kích cở: 4,0Fr, 5,0Fr, dài 7cm hoặc 10cm và Guide Wire có đường kính 0,018 inch và chiều dài 40cm. 2. Tính năng, công nghệ: Kim có kích cỡ nhỏ có thể mở đường vào các động mạch như động mạch đùi, động mạch quay, động mạch khoeo, động mạch mu bàn chân cũng như các động mạch kích cỡ nhỏ khác dễ dàng. Chọc siêu âm giúp bác sĩ dễ thao tác và chắc chắn, bền bỉ. Ống thông nòng có cấu tạo mềm, mảnh do đó không gây phản ứng co mạch khi tiến hành chọc mạch máu để mở đường	Bộ	200		
1614	Kim chọc tủy xương các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Kim: Mũi kim còi, kiểm soát độ sâu bằng vít trượt với thang đo milimet - Ống thông: Thép không gỉ, đầu kim còi. - Stylet: thép không gỉ, đầu còi rút được. - Gồm các cỡ: + 14Gx(05-30mm)/43mm-(22-47mm)/60mm-(35-60MM)/73mm. + 15Gx(05-30mm)/43mm-(22-47mm)/60mm-(35-60MM)/73mm. + 16Gx(05-30mm)/43mm-(22-47mm)/60mm-(35-60MM)/73mm. + 18Gx(05-30mm)/43mm-(22-47mm)/60mm-(35-60MM)/73mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng 1 lần, tiệt trùng bằng khí EO, không progenic, không latex. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	85		
1615	Kim chọc vách liên nhĩ, dài 71 cm - 98 cm, bằng thép không gỉ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, - Kim chọc vách dài 71 - 98 cm 2. Tính năng, công nghệ: mũi tên trên lá chắn kim cho thấy hướng của đường cong kim, ngăn chặn kim chọc vách tiến quá xa (khoảng 3 mm), tương thích với ống thông dẫn đường xuyên vách Swartz	Cái	2		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1616	Kim đánh dấu u vú (dành cho sinh thiết kim lõi)	1. Thông số kỹ thuật: a) Kích thước: - Chiều dài tổng 240.6mm - Ống thông: chiều dài 100.5mm, đường kính bên ngoài 2.07mm - Nút số 1: độ sâu 22.6mm - Nút số 2: chiều dài 11mm, đường kính bên ngoài: 8mm - Đầu đánh dấu: chiều dài 6mm, đường kính bên ngoài: 1.83mm, 1.85mm b) Chất liệu: - Ống thông: thép không gỉ 304, Heptane, Polydimethylsiloxan - Kim thăm: thép không gỉ 304, Heptane, Polydimethylsiloxan - Đầu đánh dấu (marker tip) - Thân: Cao su Silicon (Silicone elastomer), Sắc tố xanh lam (chất tạo màu), Bari sulfate - Pin: Titanium - Lẫy (handle): Polycarbonate - Nút 1,2: Polycarbonate, Sắc tố xanh lam (chất tạo màu) 2. Tính năng công nghệ: Đánh dấu vị trí u vú sau khi sinh thiết 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	100		
1617	Kim đánh dấu u vú (dành cho sinh thiết kim lớn)	1. Thông số kỹ thuật: a) Kích thước: + Chiều dài tổng 466.9mm + Ống thông: chiều dài 326.8mm, đường kính bên ngoài 2.55mm + Nút số 1: độ sâu 22.6mm + Nút số 2: chiều dài 11mm, đường kính bên ngoài: 8mm + Nút đẩy: chiều dài 307mm, chiều dài ống thông 10.2mm + Đầu đánh dấu: chiều dài 6mm, đường kính bên ngoài: 1.83mm, 1.85mm b) Chất liệu: - Applicator: + Ống thông: thép không gỉ 304, Heptane, Polydimethylsiloxan + Kim thăm: thép không gỉ 304, Heptane, Polydimethylsiloxan - Đầu đánh dấu (marker tip) + Thân: Cao su Silicon (Silicone elastomer), Sắc tố xanh lam (chất tạo màu), Bari sulfate + Pin: Titanium - Lẫy (handle) : Polycarbonate - Nút 1,2: Polycarbonate, Sắc tố xanh lam (chất tạo màu) 2. Tính năng công nghệ : - Đánh dấu vị trí u vú sau khi sinh thiết 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1618	Kim đẩy chỉ vô trùng dùng một lần	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Thân kim được làm bằng sợi thép y tế không gỉ, có khả năng chống ăn mòn tốt -Kích cỡ: 0,30*33mm; 0,35*45mm 2. Tính năng, công nghệ:: Kim đẩy chỉ gồm phần đẩy chỉ đầu bằng và phần cán. Kim châm cứu dùng một lần là sản phẩm vô trùng. Được cung cấp cho điều trị cấy chỉ do bác sĩ chuyên nghành sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	537.100		
1619	Kim đẩy xi măng dùng cho vít nắn trượt, bơm xi măng và bắt vít qua da	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Titanium 2. Tính năng, công nghệ:: đóng gói tiệt trùng sẵn. Sử dụng tương thích với kim đẩy xi măng dùng cho vít nắn trượt, bơm xi măng, bắt vít qua da. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	30		
1620	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần	1. Thông số kỹ thuật: - Kim: Thép không rỉ. - Cảm biến: Ag. - Chất cách điện: Epoxy. - Chuôi kim: Copolymer of Acrylonitrile, Butadiene, and Styrene (ABS). - Đầu nối bằng đồng/ mạ vàng, loại kết nối: 0,9 Pin dài 25 - 75mm. - Đường kính kim 0,30 - 0,65mm, chuẩn 30G - 23G, diện tích ghi 0,02 - 0,07 mm^2. - Đầu nối kết nối: 0,9 Pin. - Tiệt trùng bằng phương pháp E -bean. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cây	600		
1621	Kim định vị tuyến vú	1. Thông số kỹ thuật: - Tương thích với hệ thống sinh thiết vú chân không ATEC Sapphire của Hologic, Inc hoặc tương đương. 2. Tính năng kỹ thuật - Khối lượng (của cả tay cầm và kim): 204g - Kích thước tay kim: + Chiều dài: 26.83 cm + Chiều rộng: 4.22 cm - Kích cỡ đầu kim kim: 9G - Chiều dài kim: 12cm - Đường kính ngoài: 4mm - Đường kính trong: 3mm - Chiều dài bộ dây: 3.66m - Thời gian cắt: 4.5 giây - Có hệ thống bơm rửa nước muối khép kín trong quá trình sinh thiết. - Có van chữ Y để tiêm thuốc tê trong quá trình sinh thiết. - Tiệt trùng - Kim sinh thiết có khả năng làm dưới hướng dẫn siêu âm và X-quang vú kỹ thuật số 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1622	Kim đốt sóng cao tần	1.Thông số kỹ thuật: - Thân kim dài 10cm, 14,4cm, 15cm, 20cm, 25cm. - Chiều dài đầu điện cực 0,7cm, 1cm, 2cm, 3cm 2.Tính năng, công nghệ:: Kim đốt đầu lạnh RFA đơn cực thế hệ mới E series tương thích với máy đốt cao tần RFA Cooltip, đầu kim thẳng và nhọn. Làm mát bằng hệ thống nước lạnh tuần hoàn trong thân kim. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ) 4. Xuất xứ: G7	Cái	100		
1623	Kim đốt sóng cao tần (Bộ đốt nhiệt) điều trị khối u gồm kim đốt nhiệt và dây nối	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính kim đốt tối thiểu có: 20G, 19G, 18G, 17G, 16G, 15G - Chiều dài kim đốt tối thiểu có: 70mm, 170mm, 200mm, 300mm, 350mm, 400mm, 500mm - Chiều dài đoạn sinh nhiệt tối thiểu có: 3mm, 5mm, 7mm, 10mm, 20mm, 30mm, 40mm, 50mm 2. Tính năng công nghệ: - Bộ đốt nhiệt (electrode) điều trị khối u sử dụng sóng cao tần gồm bộ đầu đốt và dây dẫn tín hiệu. - Có bộ phận làm mát kim đốt bằng nước 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	100		
1624	Kim gây tê đám rối thần kinh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim được lớp phủ cách điện. - Các cỡ: 21G x 100mm; 22G x 50mm. - Đầu kim có góc vát 20 độ. - Dây truyền thuốc chiều dài 30cm, có thể kết nối và tháo rời thông qua khóa luer-lock. - Dây cáp điện, chiều dài 60cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu kim thiết kế phản âm trên toàn bộ thân kim giúp dễ dàng quan sát vị trí mũi kim dưới siêu âm. - Có vạch đánh dấu các khoảng 1 cm trên thân kim, hỗ trợ xác định độ sâu khi chọc dò. - Chuôi kim trong suốt có các rãnh chống trượt giúp dễ thao tác và quan sát quá trình bơm thuốc. - Tương thích với máy kích thích thần kinh STIMPLEX HNS12 hoặc tương đương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13486:2016, CE (Châu Âu).	Cái	924		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1625	Kim gây tê đám rối thần kinh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim gây tê đám rối, thân bằng thép không rỉ, phủ lớp polymer Parylene cực mỏng để giảm sức cản, đầu kim để trần không phủ polymer, chuôi kim bằng nhựa tritan, đi kèm dây bơm thuốc bằng polycarbonate. - Thông số: Đầu kim được vát thêm 2 mặt bên, vạch cản âm được khắc trên toàn bộ 20mm đầu của thân kim để hiển thị thân kim tối ưu dưới siêu âm (Phản âm 360 độ) - Kích cỡ: 22Gx100mm hoặc 22Gx50mm hoặc 21Gx100mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim gây tê được phủ lớp polymer parylene theo công nghệ NanoLine hoặc tương đương - Đóng gói tiệt khuẩn EO. Không chứa latex, không chứa chất gây sốt, không chứa phthalate 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu) 4. Xuất xứ: Tây Âu	Cái	2.536		
1626	Kim gây tê đám rối thần kinh 30, 22G X 2, 0.70 X 50	1. Thông số kỹ thuật: Kim G22 dài 50mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Cách điện, thân kim có chia vạch. - Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh dễ cầm khi chích, có dây nối để bơm thuốc. - Dùng được với máy kích thích thần kinh Stimuplex. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	5.904		
1627	Kim gây tê tuỷ sống có lăng kính phản quang có các cỡ	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Thép không gỉ, polycarbonat, polypropylen và chất dính UV. - Các cỡ size 18G,20G,22G,25G,27G 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu kim Quinke 3 mặt vát dài sắc bén - Chuôi kim trong suốt, có lăng kính phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra.	Cái	25.160		
1628	Kim gây tê tủy sống đầu tù (bút chì) có cánh cầm khi chọc các số 25, 27G	1. Thông số kỹ thuật: - Kim gây tê tủy sống đầu bút chì, có kim dẫn đường, chiều dài đầu kim 1.2 - 2.2mm, kích thước lỗ bơm thuốc 1.0 - 1.5mm; - Kích cỡ : đủ các size chẵn lẻ từ 18G - 27G, chiều dài 90mm (3 1/2"); - Chất liệu: Kim và nòng kim bằng thép không gỉ SUS 304, chuôi kim: Polycarbonate. 2. Tính năng, công nghệ: - Chuôi kim trong suốt đảm phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra, mã hóa màu theo kích cỡ; - Kim không chứa chất gây sốt (pyrogenic) - Tiệt trùng EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu). 4. Xuất xứ: Nhóm nước OECD.	Cái	22.588		
1629	Kìm kẹp clip đơn nội soi dùng cho lip titan cỡ lớn	1. Thông số kỹ thuật: Kìm kẹp clip đơn nội soi Ligaclip dùng cho clip cỡ lớn, chiều dài cán 35,56cm, tương thích với clip LT400. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	4		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1630	Kìm kẹp clip đơn nội soi dùng cho lip titan cỡ trung bình/lớn	1. Thông số kỹ thuật: Kìm kẹp clip đơn nội soi Ligaclip dùng cho clip cỡ trung bình-lớn, chiều dài cán 35,56cm, tương thích với clip LT300. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	4		
1631	Kìm kẹp clip Polymer nội soi các cỡ ML, L, XL	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: làm từ thép không gỉ chất lượng cao - Dài 33cm, đường kính từ 0,5cm - 1cm 2. Tính năng, công nghệ: Được mã hóa theo màu sắc phù hợp với clip, cán xoay 360 độ	Cái	1.400		
1632	Kìm kẹp clip/ Kìm tháo clip kẹp mạch máu và mô dùng trong mổ hở	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liêu: Thép không gỉ. - Chiều dài: 20.32cm, 27.94cm. - Hàm cong hoặc vuông góc. - Tương thích với clip Hemolok cùng hãng sản xuất. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	4		
1633	Kìm kẹp clip/ Kìm tháo clip kẹp mạch máu và mô dùng trong mổ nội soi	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liêu: Thép không gỉ. - Chiều dài: 20.32cm, 27.94cm. - Hàm cong hoặc vuông góc. - Tương thích với clip Hemolok cùng hãng sản xuất. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	8		
1634	Kim lấy máu Lancet	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: kim bằng kim loại không gỉ 2. Tính năng, công nghệ: - Đâm lấy mẫu máu làm xét nghiệm. - Sắc bén và không gây kích ứng	Cây	2.798.248		
1635	Kim lấy máu Lancet	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không rỉ, đầu nhọn sắc bén 2. Tính năng, công nghệ: Kim chích lấy máu bệnh nhân	Cây	214.800		
1636	Kim lấy máu Lancet	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu kim bằng kim loại không gỉ. 2. Tính năng công nghệ: Đâm lấy máu làm xét nghiệm. Sắc bén và không gây kích ứng	Cây	60.900		
1637	Kim lấy máu, lấy thuốc	1. Thông số kỹ thuật: - Vành có ngạnh khóa , kim làm bằng thép không rỉ, đầu kim cắt vát 11±2°C - Chuôi làm bằng nhựa Polypropyle - Tiệt trùng EtO, không độc, không gây sốt, kim phủ silicone - Các số 18Gx1,5”; 19Gx1,5”; 20G x1,5”; 21Gx1,5”; 22Gx1,25”; 23Gx1,25”; 24Gx1”; 25Gx5/8”; 26Gx1/2”; 27Gx3/4” 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	736.796		
1638	Kim lấy thuốc, lấy máu 18G	1. Thông số kỹ thuật: - Kim lấy thuốc cỡ kim: 18G (38,1mm). - Tiệt trùng tbằng khí E.O. - Được sử dụng để lấy máu, lấy thuốc và lắp vào bơm tiêm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cây	624.796		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1639	Kim lọc thận nhân tạo (kim chạy thận)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim làm bằng thép không gỉ. - Thành phần chính của sản phẩm được làm từ PVC, PP, PE và một số các vật liệu đại phân tử tiêu chuẩn y tế khác. - Cỡ 16G dùng trong kỹ thuật chích buttonhole. Mặt vát có rãnh, có lỗ sau (back eye), tráng silicon bảo vệ cầu nối mạch máu tối đa. Chiều dài tubing 300mm, chiều dài kim 25.4mm. 2. Tính năng, công nghệ: Kim xoay được. Kẹp có đánh dấu màu. Đóng gói Tiệt trùng từng cái bằng tia Gamma. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE (Châu Âu)	Cái	87.800		
1640	Kim lọc thận nhân tạo (kim chạy thận)	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim được phủ silicone. - Một bộ gồm có: + 1 kim có thành siêu mỏng, được phủ silicone để ngăn chặn máu đông tụ. + 1 cánh mã màu giúp phân biệt kích thước kim, loại cánh xoay. + 1 kẹp khóa. + 1 đầu nối phù hợp với mọi bộ dây chạy thận. + 1 ống dây dài 30cm. + 1 khe hở (backeye) ngay đầu kim, ngăn chặn bất ổn và tổn thương mô, có điểm đánh dấu mặt vát kim. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide.	Cái	166.400		
1641	Kim luồn an toàn có cánh, có cửa tiêm thuốc cỡ: G18, G20, G22	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Cathether: FEP-Teflon. - Đầu catheter không vượt quá mặt vát kim và khoảng cách 0.6 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau. Đầu kim 3 mặt vát. có thiết kế mặt cắt sau, tạo vết cắt hình chữ V, nhanh lành và giảm đau cho bệnh nhân khi chích, đầu bảo vệ bằng kim loại tự động kích hoạt khi rút kim.. Cathether có 4 đường cản quang ngầm. Màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. Kim luồn có cánh, có cửa. - Có tấm đệm/ giá đỡ trên catheter để thuận tiện thao tác 1 tay và xác định mặt vát kim. - Cổng tiêm thuốc có nắp đậy bằng PE-LD tương thích và an toàn với tất cả các thuốc. Có van sillicone chống trào ngược. Cổng tiêm được thiết kế công thái học, thích hợp trong trường hợp tiêm thường và tiêm tĩnh mạch nhanh (IV bolus). Có thiết kế chống bật nắp bảo vệ cổng tiêm do vô tình trong thời gian lưu kim: nắp bảo vệ có khả năng xoay 180 độ, lực mở khi xoay nắp cao hơn hướng ban đầu - Kim có các cỡ: 18G, 20G và 22G. - Chịu được bơm tốc độ cao với áp lực đến 325 PSI 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016, CE (Châu Âu); ISO 10555-5, CE 0123	Cái	328.254		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1642	Kim luồn an toàn có cánh, có cửa tiêm thuốc cỡ: G18, G20, G22	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Cathether: FEP-Teflon. - Đầu catheter không vượt quá mặt vát kim và khoảng cách 0.6 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau. Đầu kim 3 mặt vát. có thiết kế mặt cắt sau, tạo vết cắt hình chữ V, nhanh lành và giảm đau cho bệnh nhân khi chích, đầu bảo vệ bằng kim loại tự động kích hoạt khi rút kim.. Cathether có 4 đường cản quang ngầm. Màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền. Kim luồn có cánh, có cửa. - Có tấm đệm/ giá đỡ trên catheter để thuận tiện thao tác 1 tay và xác định mặt vát kim. - Cổng tiêm thuốc có nắp đậy bằng PE-LD tương thích và an toàn với tất cả các thuốc. Có van sillicone chống trào ngược. Cổng tiêm được thiết kế công thái học, thích hợp trong trường hợp tiêm thường và tiêm tĩnh mạch nhanh (IV bolus). Có thiết kế chống bật nắp bảo vệ cổng tiêm do vô tình trong thời gian lưu kim: nắp bảo vệ có khả năng xoay 180 độ, lực mở khi xoay nắp cao hơn hướng ban đầu - Kim luồn 18G tốc độ chảy 96ml/phút, tốc độ chảy 5760 ml/giờ, đường kính và độ dài catheter: 1.3mm x 45mm. Thể tích Còn lại sau mồi dịch : 0.146ml - Kim luồn 20G tốc độ chảy 61ml/phút, Tốc độ chảy 3660 ml/giờ, đường kính và độ dài catheter: 1.1mm x 33mm. Thể tích còn lại sau mồi dịch : 0.126ml - Kim luồn 22G tốc độ chảy 36ml/phút, Tốc độ chảy 2160 ml/giờ, đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm. Thể tích còn lại sau mồi dịch : 0.115ml - Chịu được bơm tốc độ cao với áp lực đến 325 PSI 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016, CE (Châu Âu); ISO 10555-5, CE 0123	Cái	78.400		
1643	Kim luồn an toàn có cánh, có cửa tiêm thuốc cỡ: G18, G20, G22	1. Thông số kỹ thuật: - Kim luồn mạch máu an toàn, có cánh, có cổng. - Kim bằng thép không gỉ, phủ silicone, đầu kim 3 mặt vát, sắc bén. Có đầu bảo vệ bằng nhựa. - Catheter chất liệu bằng Fluorinated Ethylene Propylene (FEP), có 4 đường ngầm cản quang. - Kích cỡ: + Kim 16G: kích thước 1.7mm x 45mm, tốc độ 200ml/ phút, màu xám. + Kim 17G: kích thước 1.5mm x 45mm, tốc độ 140ml/ phút, màu trắng. + Kim 18G: kích thước 1.2mm x 45mm, tốc độ 100ml phút, màu xanh lá. + Kim 20G: kích thước 1.0mm x 32mm, tốc độ 64ml/ phút, màu hồng. + Kim 22G: kích thước 0.8mm x 25mm, tốc độ 38ml/ phút, màu xanh dương. + Kim 24G: kích thước 0.7mm x 19mm, tốc độ 22ml/ phút, màu vàng. 2. Tính năng, công nghệ: - Tương thích với các đầu nối của dây truyền, dây nối. - Đóng gói tiệt khuẩn EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	174.632		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1644	Kim luồn mạch máu	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter có cánh có cổng chất liệu ETFE. Phủ silicone toàn bộ chiều dài kim. Cánh có các ô vuông tạo bề mặt nhám chống trượt khi cầm. - Nòng kim làm bằng SUS 304, phủ silicone KF -0813. - Chiều dài/Đường kính ngoài /Tốc độ dòng chảy: + 16G: dài 50mm /1.65-1.774mm /180ml/min. + 18G: dài 45mm 32m /1.25-1.349mm /90ml/min. + 20G: dài 32mm/ 1.05-1.149 mm/ 61 ml/min. + 22G: dài 25mm/ 0.85-0.949mm/ 36ml/min. + 24G: dài 19mm /0.65-0.749mm/ 23ml/min. - Chịu được áp lực cao lên đến 300-330kPa. - Van 1 chiều chất liệu Silicone Rubber ngăn máu chảy ngược. Có nút chặn khóa ren cuối kim. - Buồng chứa máu làm từ Polypropylene(PP) phát hiện máu chảy nhanh. - Tiệt trùng Gamma. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).	Cái	48.120		
1645	Kim luồn mạch máu có cánh có cửa 16-24G	1. Thông số kỹ thuật: - Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh có cửa bơm thuốc, có đầu bảo vệ kim loại có dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo. - Chất liệu : FEP, lưu giữ trong mạch máu ≥72h. - Có ≥ 3 dòng cản quang tương phản trong thân ống thông, được sử dụng để chụp MRI, màng kị nước ngăn máu tràn ra khi thiết lập đường truyền, công nghệ không dùng keo - Kim thép không gỉ được mài và phủ silicon với góc vát 3 cạnh, 1 mặt vát trên 2 mặt vát dưới tạo thành hình chữ V. - Size: 16G (O.D: 1,8 x 45 mm, 215ml/min). - Size: 18G (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min). - Size: 20G (O.D: 1,1 x 32 mm, 61ml/min). - Size: 22G (O.D: 0.9 x 25 mm, 36ml/min). - Size: 24G (O.D: 0.7 x 19mm, 22ml/min). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 10993-5, MDR-EU, CE (Châu Âu), MDSAP.	Cái	621.704		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1646	Kim luồn mạch máu có cổng có cánh 16-24G	1. Thông số kỹ thuật: - Cannula chất liệu PUR có cản quan ngầm; đầu thon đôi; thân cannula có phủ dịch thuốc - Kim 3 mặt vát được silic hóa, sắc, nhọn, chất liệu thép không rỉ. - Gồm các cỡ: + Kim 16G dài 45mm, đường kính ngoài 1,80mm, tốc độ dòng chảy 200ml/ phút. + Kim 18G dài 45mm, đường kính ngoài 1,30mm, tốc độ dòng chảy 90ml/ phút. + Kim 20G dài 32mm, đường kính ngoài 1,10mm, tốc độ dòng chảy 60ml/ phút. + Kim 22G dài 25mm, đường kính ngoài 0,92mm, tốc độ dòng chảy 36ml/ phút. + Kim 24G dài 19mm, đường kính ngoài 0,72mm, tốc độ dòng chảy 20ml/ phút. - Kim luồn tĩnh mạch 18G, 20G, 22G, 24G 3 mặt vát, có cánh có cổng tiêm thuốc, đầu kim được silic hóa. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	51.000		
1647	Kim luồn tĩnh mạch an toàn	1. Thông số kỹ thuật: - Kim luồn an toàn có cánh (không cổng) chất liệu FEP có 4 cản quang trên ống thông, đảm bảo hiển thị trên tia X ở mọi góc độ. - Có đầu bịt an toàn bằng kim loại gồm 2 cánh tay đòn ôm lấy đầu kim khi rút kim ra khỏi catheter. - Cho phép sử dụng trong chụp MRI. - Cánh kim có lỗ khâu. - Khoảng cách tối ưu giữa ống thông và điểm vát đầu kim < 0.3 mm. - Thể tích mồi: 0,08 ml. - Đầu kim hình côn cắt mặt sau, vát 2 cấp, làm bằng thép không gỉ 304 tráng silicon để giảm đau. - Cơ cấu dòng phụt máu ngược Kép, máu phụt ngược dọc theo thân catheter, dễ quan sát bằng mắt. - Chịu được áp lực tới 350 psi và dòng chảy cực đại tới 5-19ml/s. - Chuôi kim có khoang chứa máu dài 34,5±1 mm có thiết kế vuông bốn cạnh dàng thao tác. - Có tấm màng vi lọc kháng nước dày 3,9mm. - Thời gian lưu kim trong lòng mạch tới 96 giờ. - Cỡ kim: + Số 24G (O.D: 0.7 x 19 mm, 22 ml/min): màu vàng. + Số 22G (O.D: 0.9 x 25 mm, 35 ml/min): màu xanh nước biển. + Số 20G (O.D: 1,1 x 32 mm, 60 ml/min): màu hồng. + Số 18G (O.D: 1,3 x 45 mm, 105 ml/min): màu xanh lá cây. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE MDR, FDA 510 (k).	Cái	12.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1648	Kim luồn tĩnh mạch an toàn	1. Thông số kỹ thuật: - Kim luồn an toàn có cánh có cánh chất liệu FEP có 4 vạch cản quang trên ống thông, đảm bảo hiển thị trên tia X ở mọi góc độ. - Cánh kim có lỗ khâu - Cho phép sử dụng trong chụp MRI -Có đầu bịt an toàn bằng kim loại gồm 2 cánh tay đòn ôm lấy đầu kim khi rút kim ra khỏi catheter. - Khoảng cách tối ưu giữa ống thông và điểm vát đầu kim < 0.3 mm - Đầu kim hình côn cắt mặt sau, vát 2 cấp, làm bằng thép không gỉ 304 tráng silicon để giảm đau - Cơ cấu dòng phụt máu ngược Kép, máu phụt ngược dọc theo thân catheter, dễ quan sát bằng mắt - Có tấm màng vi lọc kháng nước microporous hydrophobic dày 3,9mm. - Thời gian lưu kim trong lòng mạch 96 giờ - Cỡ kim: + Số 24G (O.D: 0.7 x 19 mm, 22 ml/min): màu vàng; + Số 22G (O.D: 0.9 x 25 mm, 35 ml/min): màu xanh nước biển; + Số 20G (O.D: 1,1 x 32 mm, 60 ml/min): màu hồng; + Số 18G (O.D: 1,3 x 45 mm, 105 ml/min): màu xanh lá cây 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE MDR, FDA 510 (k).	Cái	12.000		
1649	Kim luồn tĩnh mạch an toàn cỡ 20G, 1,1 x 32MM-AP	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon - Cỡ 20G. Đường kính và độ dài catheter: 1,1mm x 32mm 2. Tính năng, công nghệ: - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa - Màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 60ml/phút, 3600ml/giờ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016 ; CE (Châu Âu); ISO 10555-5; FDA 510(k)	Cái	20.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1650	Kim luồn tĩnh mạch an toàn cỡ 22G, độ dài 0,9 x 25 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu FEP-Teflon. - Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm, Đầu catheter không vượt quá mặt vát kim và khoảng cách không vượt quá 0.4mm; - Cỡ 22G,. Đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm. 2. Tính năng công nghệ: - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau; - Đầu kim 3 mặt vát (1 mặt vát trên hai mặt vát dưới tạo độ sắc và tạo vết cắt trên da hình chữ V giúp mau lành vết đâm); - Màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền; - Kim luồn G22 có cánh, không cửa. Chịu được áp lực đến 325psi. - Có cơ chế trào máu 2 lần (double flash back) giúp xác định chính xác kim và ống thông vào đúng mạch máu . 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016 ; CE (Châu Âu); ISO 10555-5; FDA 510K (Premarket Notification).	Cái	85.550		
1651	Kim luồn tĩnh mạch an toàn cỡ 24G, độ dàu 0,7 x 19 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu FEP-Teflon. - Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm, Đầu catheter không vượt quá mặt vát kim và khoảng cách không vượt quá 0.4mm; - Cỡ 24G. Đường kính và độ dài catheter: 0,7mm x 19mm. 2. Tính năng công nghệ: - Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau; - Đầu kim dẫn đường 3 mặt vát (1 mặt vát trên hai mặt vát dưới tạo độ sắc và tạo vết cắt trên da hình chữ V giúp mau lành vết đâm); - Màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền; - Kim luồn G24 có cánh, không cửa. Chịu được áp lực đến 325psi; - Có cơ chế trào máu 2 lần (double flash back) giúp xác định chính xác kim và ống thông vào đúng mạch máu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016 ; CE (Châu Âu); ISO 10555-5; FDA 510K (Premarket Notification).	Cái	209.450		
1652	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh (không cổng) G24	1. Thông số kỹ thuật: - Cỡ kim 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 2. Tính năng, công nghệ: - Có tấm xốp vi lọc cuối chuôi kim. - Công nghệ không keo. - Kim an toàn có đầu bịt bằng hộp nhựa kín ôm kín đầu kim và máu khi rút ra, có cánh (KHÔNG cổng bơm thuốc), chất liệu FEP, Lưu kim tới 96h. 3 vạch cản quang ở thân catheter. Có thể sử dụng khi chụp MRI. - Tiệt trùng EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	16.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1653	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cổng có cánh các số G18, G20, G22	1. Thông số kỹ thuật: - Cỡ kim 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu xanh nước biển; 20G x 1- ¼" (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng; 18G x 1-¾" (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây; 16G x 1-¾" (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám; 14G x 1-¾" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam; 2. Tính năng, công nghệ: - Kim an toàn có đầu bịt bằng hộp nhựa kín ôm kín đầu kim và máu khi rút ra, có cánh có cổng bơm thuốc, chất liệu FEP, Lưu kim tới 96h. 3 vạch cản quang ở thân catheter. Có thể sử dụng khi chụp MRI. - Có tấm xốp vi lọc cuối chuôi kim. - Tiệt trùng EO. - Công nghệ không keo. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu)	Cái	41.392		
1654	Kim luồn tĩnh mạch các số	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Kim làm bằng thép không gỉ. Ống catheter làm từ chất liệu PTFE nhựa y tế. - Cỡ/ Kích thước (đường kính x chiều dài mm)/ tốc độ dòng: + 18G; Ø (1,3 x 45) mm; Flow/ Rate 85ml/ min. + 20G; Ø (1,1 x 33) mm; Flow/ Rate 55ml/ min. + 22G; Ø (0,9 x 25) mm; Flow/ Rate 33ml/ min. + 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min. 2. Tính năng, công nghệ: đầu kim có 3 mặt vát. Ống catheter có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim. Kim có cổng bơm thuốc bổ xung, nắp đây bật rễ dàng. Khoang báo máu thiết kế trong suốt. Khử trùng bằng khí EO. Thời gian lưu kim 96 giờ.	Cái	377.600		
1655	Kim luồn tĩnh mạch cỡ 14G, 16G	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: atheter bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetrafluorethylene) - Size: 14G x 2" (51mm); 16G x 2" (51mm) 2. Tính năng, công nghệ: - Kim luồn loại không cánh không cửa. Đầu kim sắc bén do cắt vát 2 lần. - Catheter thuôn mượt ôm sát thân kim, thành mỏng lòng rộng cho lưu lượng dòng chảy cao. Khoang chứa máu trong suốt giúp người sử dụng dễ dàng phát hiện khi kim đã ở vị trí thích hợp. - Thời gian lưu kim 72h. - Tiệt trùng bằng phương pháp điện tử (R - Radura). Có cản quang.	Cây	5.050		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1656	Kim luồn tĩnh mạch cỡ 18G, 20G	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: catheter bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetrafluorethylene) - Size: 18G x 2" (51mm); 20G x 1 1/4" (32mm) 2. Tính năng, công nghệ: - Kim luồn loại không cánh không cửa. Đầu kim sắc bén do cắt vát 2 lần. Catheter thuôn mượt ôm sát thân kim, thành mỏng lòng rộng cho lưu lượng dòng chảy cao. Khoang chứa máu trong suốt giúp người sử dụng dễ dàng phát hiện khi kim đã ở vị trí thích hợp. - Thời gian lưu kim 72h. - Tiệt trùng bằng phương pháp điện tử (R - Radura). Có cản quang.	Cây	15.650		
1657	Kim luồn tĩnh mạch có cánh số 24G	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Ống thông làm từ chất liệu PTFE/ FEP, Có 3 đường cản quang; Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén. - Kim luồn 24G (màu vàng) I.D ống 0,5mm - O.D ống 0,7mm; Chiều dài ống 19mm; Tốc độ dòng chảy 20 ml/ phút. 2. Tính năng, công nghệ: Kim luồn tĩnh mạch: - Có cánh, có cổng bơm thuốc, Đầu khóa Leur Lock. - Thời gian lưu kim tối đa 10 ngày. - Khử trùng bằng khí Ethylene Oxide. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	29.000		
1658	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng bơm thuốc các cỡ 14G, 16G, 17G, 18G, 20G, 22G, 24G	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: FEP - Size kim - lưu lượng chảy - 10701: 16G: 1,7x45mm - 200ml/min - 10703: 18G: 1,3x45mm - 90ml/min - 10705: 20G: 1,1x32mm - 56ml/min - 10706: 22G: 0,9x25mm - 36ml/min - 10707: 24G: 0,7x19mm - 23ml/min 2. Tính năng, công nghệ: - Kim luồn tĩnh mạch, có cánh, có cửa - Có 4 đường cản quang - Catheter kháng xoắn ống, chắn bức xạ đặc biệt để dễ truyền với lưu lượng tối ưu. - Kim bén với ba mặt vát - Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, đến 72h - Catheter ôm sát thân kim tránh tè và đùn khi đi xuyên qua da - Bơm thuốc, có van một chiều chất lượng cao tránh xì rỉ dịch,máu. Tiệt trùng bằng khí EO.	Cây	410.364		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1659	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng và công nghệ báo máu sớm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catheter: PTFE. - Cổng tiêm, đốc kim, buồng báo máu làm bằng chất liệu Polypropylene; - Nòng kim làm bằng thép không rỉ. - Van làm bằng Methyl vinyl polysiloxane - Đường kính và tốc độ dòng chảy của kim các cỡ kim: + 22G: dài 25mm, tốc độ dòng chảy: 31 ml/phút; + 20G: dài 32mm, tốc độ dòng chảy: 54 ml/phút + 18G: dài 45mm, tốc độ dòng chảy: 80 ml/phút 2. Tính năng, công nghệ: Phương pháp tiệt khuẩn: Ethylen oxide	Cây	15.500		
1660	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cửa 24G	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PTFE / FEP, Kim làm bằng thép không gỉ - Cỡ 24G 2. Tính năng, công nghệ: Kim luồn có cánh, có cửa; Sử dụng một lần; Tiệt trùng EO	Cái	16.000		
1661	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, không cổng tiêm thuốc số 24	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Chất liệu FEP/PUR/PTFE/ETFE - Chiều dài ống thông: 18G (45mm+/-0.5mm); 20G (32mm+/-0,5mm); 22G (25mm+/-0,5mm), 24G (19mm+/-0,5mm); đường kính ngoài 18G (1,3+/-0,5mm); 20G (1,1+/-0,05mm), 22G (0,9+/-0,04mm), 24G (0,72+/-0,03mm) 2. Tính năng, công nghệ: Côn luer 6%, Lưu lượng dòng 15 - 270ml/phút, thời gian lưu kim tối đa 72h, 3 đường ngầm cản quang 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	20.000		
1662	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, không cửa số 24	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Catheter được sản xuất từ vật liệu tương hợp sinh học cao (PTFE/FEP/PUR). - Catheter đường kính nhỏ 0,65mm-0,75mm (23ml/min) 2. Tính năng, công nghệ: Kim sắc bén, 3 mặt vát, có rãnh gần đầu kim với thiết kế phần lõm đặc biệt của công nghệ mới Adva Tech nâng cao khả năng thành công trong lần chích kim đầu tiên, phản hồi nhanh ngay lập tức xác nhận lấy máu tĩnh mạch thành công (Máu chảy ra tức thời khi chích vào đúng tĩnh mạch). Xác nhận tức thì lưu lượng máu dọc theo Catheter tiếp cận thành công tĩnh mạch. Lực đâm tổng thể của kim thấp khi đâm. phù hợp và an toàn với tĩnh mạch nhũ nhi. Ống Catheter kháng xoắn, ôm sát thân kim vừa đủ chống tè đầu Catheter và rò rỉ dịch, đồng thời giúp thao tác rút kim dễ dàng bằng 1 tay, Catheter có 2 hoặc 3 đường cản quang ngầm.	Cái	42.300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1663	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, không cửa số 26	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Catheter được sản xuất từ vật liệu tương hợp sinh học cao (PTFE/FEP/PUR) - Catheter đường kính nhỏ 0,55mm-0,65mm (17ml/min) 2. Tính năng, công nghệ: Kim sắc bén, 3 mặt vát, có rãnh gần đầu kim với thiết kế phần lõm đặc biệt của công nghệ mới Adva Tech nâng cao khả năng thành công trong lần chích kim đầu tiên, phản hồi nhanh ngay lập tức xác nhận lấy máu tĩnh mạch thành công (Máu chảy ra tức thời khi chích vào đúng tĩnh mạch). Xác nhận tức thì lưu lượng máu dọc theo Catheter tiếp cận thành công tĩnh mạch. Lực đâm tổng thể của kim thấp khi đâm. phù hợp và an toàn với tĩnh mạch nhũ nhi. Ống Catheter kháng xoắn, ôm sát thân kim vừa đủ chống tè đầu Catheter và rò rỉ dịch, đồng thời giúp thao tác rút kim dễ dàng bằng 1 tay. Catheter có 2 hoặc 3 đường cản quang ngầm.	Cái	144.800		
1664	Kim luồn tĩnh mạch có cổng và có cánh 24G	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: FEP/PUR/PTFE/ETFE - Côn luer 6%; chiều dài ống thông: 24G (19mm+/-0,5mm); đường kính ngoài 24G (0,72+/-0,03mm) 2. Tính năng, công nghệ: 3 đường ngầm cản quang. Lưu lượng dòng 15 - 270ml/phút, thời gian lưu kim tối đa 72h	Cái	484.500		
1665	Kim luồn tĩnh mạch có cửa bơm thuốc các số	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: FEP/PUR/PTFE/ETFE - Côn luer 6%; chiều dài ống thông: 14G,16G,17G,18G (45mm+/-0,5mm); 20G (32mm+/-0,5mm); 22G (25mm+/-0,5mm), 24G và 26G (19mm+/-0,5mm); đường kính ngoài 14G (2,1+/-0,5mm), 16G (1,8+/-0,5mm), 17G (1,5+/-0,5mm), 18G (1,3+/-0,5mm); 20G (1,1+/-0,05mm), 22G (0,9+/-0,04mm), 24G (0,72+/-0,03mm), 26G (0,6+/-0,03mm) 2. Tính năng, công nghệ: 3 đường ngầm cản quang. Lưu lượng dòng 15 - 270ml/phút, thời gian lưu kim tối đa 72h	Cây	39.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1666	Kim luồn tĩnh mạch có cửa có cánh 14-26G	1. Thông số kỹ thuật: - Kim luồn có cánh, có cửa bơm thuốc. - Catheter được làm bằng chất liệu FEP với 2 vạch cản quang trên thân catheter. - Kim làm bằng thép không gỉ được cắt vát 3 lần. - Khoang máu phụt ngược dễ dàng nhìn thấy máu chảy ra. - Có thể lưu kim tới 96h. - Cổng bơm thuốc được trang bị van silicon chống trào ngược. - Gồm các cỡ với các màu khác nhau: + 26G (O.D: 0,6 x 19 mm): dòng chảy 17ml/phút: màu tím. + 24G (O.D: 0,7 x 19 mm): dòng chảy 23ml/phút: màu vàng. + 22G (O.D: 0,9 x 25 mm): dòng chảy 36ml/phút: màu xanh nước biển. + 20G (O.D: 1,1 x 32 mm): dòng chảy 61ml/phút: màu hồng. + 18G (O.D: 1,3 x 45 mm): dòng chảy 90ml/phút: màu xanh lá cây. + 16G (O.D: 1,7 x 45 mm): dòng chảy 200ml/phút: màu xám. + 14G (O.D: 2,0 x 45 mm): dòng chảy 305ml/phút: màu cam. - Tiệt trùng bằng công nghệ EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	66.000		
1667	Kim luồn tĩnh mạch có cửa có cánh các số G14-G24	1. Thông số kỹ thuật: - Số 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu xanh nước biển; 20G x 1- ¼" (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng; 18G x 1-¾" (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây; 16G x 1-¾" (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám; 14G x 1-¾" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam; 2. Tính năng, công nghệ: - Kim có cánh có cổng bơm thuốc, chất liệu FEP, Lưu kim tới 96h. 3 vạch cản quang ở thân catheter. - Có thể sử dụng khi chụp MRI. - Công nghệ không keo. - Có tấm xốp vi lọc cuối chuôi kim. - Tiệt trùng EO. - Công nghệ không keo. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	28.000		
1668	Kim luồn tĩnh mạch ngoại biên, có cánh, có cửa, size 14G, 16G, 17G, 18G, 20G, 22G, 24G	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: ống thông: vật liệu Polyurethane, màng lọc PTFE - Cỡ 14G, 16G, 17G, 18G, 20G, 22G, 24G 2. Tính năng, công nghệ: Kim luồn tĩnh mạch ngoại biên, có cánh, có cửa. Có 4 đường cản quang. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide.	Cây	123.800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1669	Kim luồn tĩnh mạch nhi, sơ sinh (Có cánh, không cổng) G24, G26	1. Thông số kỹ thuật: - Số 26G x 3/4" (O.D: 0.64 x 19 mm, 19 ml/phút; 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 2. Tính năng, công nghệ: - Kim có cánh (Không cổng bơm thuốc), chất liệu FEP, Lưu kim tới 96h. 3 vạch cản quang ở thân catheter. - Có thể sử dụng khi chụp MRI. Công nghệ không keo. Có tấm xốp vi lọc cuối chuôi kim. - Tiệt trùng EO. Công nghệ không keo. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu); EN ISO 13485:2016.	Cái	16.600		
1670	Kim luồn tĩnh mạch số: 18G, 20G, 22G	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: PTFE / FEP - Cỡ 18G, 20G, 22G, Kim luồn có cánh, có cửa. 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng một lần; Tiệt trùng EO	Cái	404.000		
1671	Kim luồn tĩnh mạch, có cánh các số: 16G, 18G, 20G, 22G, 24G	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Ống thông làm từ chất liệu PTFE/ FEP, Có 3 đường cản quang; Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén. - Kim luồn 18G (màu xanh lá) I.D ống 0,9mm - O.D ống 1,3mm; Chiều dài ống 45mm; Tốc độ dòng chảy 90 ml/ phút. - Kim luồn 20G (màu hồng) I.D ống 0,8mm - O.D ống 1,1mm; Chiều dài ống 32mm; Tốc độ dòng chảy 60 ml/ phút. - Kim luồn 22G (màu xanh da trời) I.D ống 0,6mm - O.D ống 0,9mm; Chiều dài ống 25mm; Tốc độ dòng chảy 33 ml/ phút. - Kim luồn 24G (màu vàng) I.D ống 0,5mm - O.D ống 0,7mm; Chiều dài ống 19mm; Tốc độ dòng chảy 20 ml/ phút. 2. Tính năng, công nghệ: Kim luồn tĩnh mạch: - Có cánh, có cổng bơm thuốc, Đầu khóa Leur Lock. - Thời gian lưu kim tối đa 10 ngày. - Khử trùng bằng khí Ethylene Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	268.925		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1672	Kim nha dài, ngắn 27G	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Kim làm bằng thép không gỉ SUS 304 - Cỡ 27G - Đường kính ngoài của kim 0,4-0,42 mm. Đường kính trong của kim 0,184 mm. Chiều dài mặt vát 1,8-2,2 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Kim 3 mặt vát, thành mỏng, bén nhưng vẫn chắc chắn giúp xuyên mượt mà không gây tổn thương. - Kháng lực xuyên da ≤ 55gf - Có ký hiệu trên đốc kim giúp định hướng mặt vát - Mã màu sắc dễ chọn lựa - Răng khóa được thiết kế chắc chắn khi vặn kim vào - Tiệt trùng EO/ EOG 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	138.706		
1673	Kim nha ngắn 27G	1. Thông số kỹ thuật: - Cỡ 27G - Kim nha ngắn 27G x 13/16" (0,40 x 21mm) 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cây	37.680		
1674	Kim rút thuốc	1. Thông số kỹ thuật: 18G, 20G, 21G, 22G, 23G, 24G, 25G, 26G	Cái	2.322.600		
1675	Kim rút thuốc	1. Thông số kỹ thuật: 30G	Cái	44.000		
1676	Kim rút thuốc	1. Thông số kỹ thuật: 34G, 4cm	Cái	153.500		
1677	Kìm sinh thiết 1,2 m	1. Thông số kỹ thuật: - Kìm sinh thiết đa dạng về chủng loại, thiết kế có kim hoặc không kim, có vỏ bọc hoặc không vỏ bọc. - Chiều dài làm việc 1,2m. - Đường kính 1,8mm, 2,3mm, 3,0mm	Cái	164		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1678	Kim sinh thiết bán tự động có kim dẫn đường Ultimate Set, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Mã hóa màu theo các kích cỡ kim 14G (Ø=2,1mm), 16G(Ø=1,6mm), 18G (Ø=1,27mm), 20G (Ø=0,9mm) tương ứng với các cỡ chiều dài 7-25cm 2. Tính năng, công nghệ: Hệ thống sinh thiết tru-cut bán tự động, cơ chế an toàn với hai độ sâu thâm nhập 10-20mm. - Stylet đầu tip trocar sắc nhọn, ống cannula whistle sắc sảo. - Trên thân ống có vạch chia độ rõ ràng cách nhau 1cm, có nút đánh dấu độ sâu. Có đánh dấu echogenic tăng khả năng hiển thị dưới siêu âm - Có kim dẫn đường có hub luer lock tương thích các cỡ kim	Cái	500		
1679	Kim sinh thiết khí phế quản	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính 1,8mm. - Chiều dài 120cm. 2. Tính năng, công nghệ: Ngoàm oval không phủ	Cái	28		
1680	Kim sinh thiết mô mềm bán tự động Temno Evolution hoặc tương đương dùng trong thủ thuật sinh thiết vú, gan, phổi, thận, tuyến giáp, nhiều kích cỡ	1. Thông số kỹ thuật: Kích cỡ kim sinh thiết: + Độ dài của kim: 11cm, 15cm, 20cm. + Độ lớn của kim: 20G, 18G, 16G, 14G. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim sinh thiết mô mềm bán tự động Temno Evolution dùng trong thủ thuật sinh thiết vú, gan, phổi, thận, tuyến giáp. - Thiết kế nhỏ gọn, nhẹ cho phép thao tác bằng 1 tay dễ dàng. - Hai kích thước rãnh 10mm hay 20mm cung cấp khả năng lấy mẫu chính xác. - Những điểm đánh dấu theo centimet. - Điểm phản xạ trên ống thông và kim cắt cung cấp khả năng hiển thị dưới máy siêu âm. - Đầu tip vát 4 cạnh sắc bén giúp tiếp cận mô dễ dàng, nhanh chóng.	Cái	50		
1681	Kim sinh thiết mô mềm bán tự động Temno hoặc tương đương dùng trong thủ thuật sinh thiết vú, gan, phổi, thận, tuyến giáp, nhiều kích cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Độ dài của kim: 6cm, 9cm, 11cm, 15cm, 20cm. - Độ lớn của kim: 22G, 20G, 18G, 16G, 14G. 2. Tính năng, công nghệ: - Kim sinh thiết mô mềm bán tự động Temno dùng trong thủ thuật sinh thiết vú, gan, phổi, thận, tuyến giáp. - Thiết kế nhỏ gọn, nhẹ. - Rãnh lấy mẫu 20mm. - Những điểm đánh dấu theo centimet	Cái	50		
1682	Kim sinh thiết tự động	1. Thông số kỹ thuật: - Kim sinh thiết tự động được thiết kế để lấy mẫu lý tưởng từ nhiều loại mô mềm như gan, thận, phổi, vú, tuyến bạch huyết, tuyến tiền liệt,… - Chất liệu không được chứa Phthalates, DEHP, hoạt chất y học, chất gây ung thư, hóa chất độc hại, Latex, các chất có nguồn gốc động vật liên quan BSE/TSE, PVC	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1683	Kim tiêm lấy thuốc các số	1. Thông số kỹ thuật: - Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1". - Vỉ đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. 2. Tính năng, công nghệ: Kim chích lấy máu bệnh nhân. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 11135: 2014, ISO 13485.	Cái	2.166.030		
1684	Kim tiêm số 18G, 20G, 23G, 25G, 26G	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: không gỉ sét - Cỡ 18G, 20G, 23G, 25G, 26G 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng lấy thuốc và máu độ dài kim từ 36 đến 39mm, độ vát mũi kim góc khoảng 12°. - Chất liệu tốt trơn láng không gây kích ứng, không gây tổng thương mô. - Các cỡ kim được phân biệt bởi màu sắc vỉ đựng kim. - Không chứa độc tố DEHP.	Cái	576.696		
1685	Kim tiêm sử dụng một lần	1. Thống số kỹ thuật: - Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vỉ đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. 2. Tính năng, công nghệ: - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 11135: 2014, ISO 13485.	Cái	1.100.496		
1686	Kim tiêm sử dụng một lần 18-26G	Thông số kỹ thuật: - Các cỡ kim: 18G, 20G, 23G, 25G, 26G. - Dùng lấy thuốc và máu độ dài kim từ 36 đến 39mm, độ vát mũi kim góc khoảng 12 độ. - Chất liệu tốt trơn láng không gây kích ứng, không gây tổng thương mô. - Các cỡ kim được phân biệt bởi màu sắc vỉ đựng kim. - Không chứa độc tố DEHP.	Cái	70.300		
1687	Kim truyền buồng tiêm dưới da an toàn MiniLoc	1. Chất liệu: Kim làm bằng thép không gỉ, có tráng silicone 2. Thông số kỹ thuật: - Kim có kích cỡ 19G, 20G, 22G. - Chiều dài kim: 12.7 mm, 19 mm, 25 mm, 38 mm - Thể tích mồi: 0.4ml 3. Tính năng, công nghệ: - Có cơ chế an toàn tác động kép bảo vệ mũi kim và khóa kim vào đúng vị trí sau khi tháo ra giúp phòng ngừa chấn thương do kim đâm - Được thiết kế giúp lực đâm kim và lực xuyên thấu thấp - Diện tiếp xúc bề mặt nhỏ gọn, cánh bướm tiện dụng dễ thao tác, tương thích buồng tiêm 2 ngăn - Thời gian sử dụng lên đến 7 ngày - Có nhánh chữ Y tiêm thuốc - Tương thích MRI 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	2.500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1688	Kim truyền cánh bướm các số	1.Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 18G 1,2 x19 mm, 20G 0,9 x19 mm, 21G 0,8 x19 mm, 22G 0,7 x19 mm,23G 0,6 x19 mm, 24G 0,55 x19 mm, 25G 0,5 x19 mm, 26G 0,45 x19 mm, 27G 0,4 x19 mm, 2. Tính năng, công nghệ - Kim cắt vát, thành mỏng, phủ silicon, Ống dây nối 30cm nhựa y tế, tiệt trùng EO, Dòng chảy ≥ 1000 mL trong vòng 10 phút (Dịch NaCl 0,9% tại áp suất tĩnh 1 mét), - Không dò rỉ nước với 27,5 N áp lực trục dọc bên trong ống dây trong vòng 5s và lực xoắn ít hơn 0,1 N.m, góc 90 dưới áp suất thủy lực 300 Kpa, Không dò khí với áp suất khí 50 Kpa trong ống dây trong vòng 15s . Không bị bong tách mối nối ở Áp suất tĩnh 15N 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	42.250		
1689	Kim truyền tĩnh mạch cánh bướm 23G	1. Thông số kỹ thuật: - Kim cánh bướm sử dụng 1 lần, được khử trùng bằng khí E.O. - Kim chất lượng cao, sắc nhọn hạn chế cảm giác đau cho bệnh nhân khi luồn kim. - Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh + Silicon, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gập vô trùng - không độc - không gây sốt.	Cái	8.000		
1690	Kim y tế dùng trong thẩm mỹ cỡ 34G x 4mm	1. Thông số kỹ thuật: Kích cỡ: - Độ dài: 4mm hoặc 6mm hoặc 8mm - Đường kính ngoài: 0.20mm - Đường kính trong: 0.10 mm - Cỡ kim: 34G 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu kim sử dụng công nghệ đánh bóng Micro hoặc tương đương, đường kính trong rộng, thành kim mỏng, thân kim nhỏ	Cái	3.000		
1691	Kìm, kẹp (clip, clamp) đơn nội soi dùng cho lip titan cỡ trung bình hoặc lớn	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài cán 35,56 cm - Dùng cho clip cỡ trung bình - lớn. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	1.000		
1692	Lammen xét nghiệm 22mm x 22mm	1. Chất liệu: Tất cả các lammen được làm bằng chất liệu đặc biệt của Hydrolytical mà không có bất kỳ sai sót, mặt cắt chính xác. 2. Thông số kỹ thuật: Kích thước: 22mm x 22mm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	Miếng	39.200		
1693	Lentulo trong nha khoa số 25-30 dài: 21 mm, 25 mm, 29 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài 21, 25, 29mm. - Gồm các size có màu đặc trưng riêng: 25, 30, 35, 40 (màu đỏ, màu xanh biển, màu xanh lá, màu đen). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cây	4.064		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1694	Lọc đo chức năng hô hấp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: vỏ lọc: Polypropylen - Hiệu quả lọc: - Lọc vi khuẩn (BVF) <99.9995%* lên tới 0,027 µm - Lọc vi rút VFE <99.9994%* lên tới 0,027 µm. 2. Tính năng, công nghệ: - Phương pháp lọc: Tĩnh điện - Sợi lọc: Sợi tổng hợp tĩnh điện - Lọc có đầu kết nối với máy hình tròn. Một đầu bệnh nhân ngậm hình oval, tiện lợi khi sử dụng. 3. Tiêu chuẩn: CE (Châu Âu)	Cái	3.000		
1695	Lọc đo chức năng hô hấp	1. Thông số kỹ thuật: - Lọc vi khuẩn,vi rút có đường kính ngoài 30mm, 33mm, 34mm, 48mmĐầu ngậm hình Oval (elip) - Hiệu quả lọc khuẩn > 99,999%. - Hiệu quả lọc vi rút >99,99%. - Khoảng chết thấp: 45ml. - Trở kháng dòng thấp: 0.75cm H2O tại 14 lít/giây và 0.66 cmH2O tại 12 lít/giây. - Màng lọc tĩnh điện. Không latex, không PVC, không DEHP. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	5.000		
1696	Lọc đo chức năng hô hấp dùng cho máy	1. Thông số kỹ thuật: - Filter lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp - Được thiết kế với đầu dẹt - Chất liệu: nhựa PP y tế Co nối 30F/30M 2. Tính năng, công nghệ: - Hiệu suất lọc vi khuẩn: > 99.9999% - Hiệu suất lọc vi rút: > 99.9999% - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	200		
1697	Lọc đo chức năng hô hấp dùng cho máy	1.Thông số kỹ thuật: - Phin lọc khuẩn, lọc vi rút đo chức năng hô hấp. - Kích thước: ID 30mm/OD 33mm. - Hiệu quả lọc vi khuẩn 99,999% kích cỡ 0.5microns. - Hiệu quả lọc vi rút 99,99% kích cỡ 0.027microns. - Vật liệu vỏ ngoài ABS, màng lọc cotton tĩnh điện. - Trở kháng <30pa tại 30L/min; <60pa tại 60L/min. - Khoảng chết 80ml. Trọng lượng 56g. 2. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Cái	5.500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1698	Lọc khí thở ra sơ sinh	Thông số kỹ thuật: - Hiệu quả lọc Virrus ≥99,99%; Hiệu quả lọc vi khuẩn≥ 99,999%. - Chênh lệch (giảm) áp suất ≤3,0 cm H2O với 30 l/min. - Thể tích bên trong (bao gồm bẫy nước và đầu nối) 110 ml. - Cổng kết nối đầu vào 22 mm male conical. - Lưu lượng dòng khí 1,0 to 30 l/min. - Thể tích khí thở 2 to 315 ml. - Lượng khí rò rỉ 10ml/min với 100 cmH2O. - Lượng thất thoát (phương pháp ISO 23328-1) ≤0,3% với dòng khí 30 l/min.	Cái	810		
1699	Lọc không khí cho máy AIRVO2 (khí nén vào trong máy)	1. Thông số kỹ thuật: - Hiệu quả lọc khuẩn chuẩn HEPA: >99.9997% vi khuẩn, >99.99% vi rút - Sản phẩm không chứa mủ cao su tự nhiên hoặc phthalates (DEHP, DBP, BBP) - Quy chế sản xuất: không vô trùng, không xâm lấn, được sản xuất trong môi trường có kiểm soát 2. Tính năng và công nghệ - Thời hạn sử dụng: tối đa 3 tháng hoặc 1000 giờ, hoặc khi có dấu hiệu đổi màu - Thiết bị tương thích: thiết bị thở HFNC Airvo2 (F&P) - Lọc không khí đầu vào, đảm bảo khí nén vào máy đạt độ sạch và an toàn cao, bảo vệ thiết bị và bệnh nhân. - Hiệu quả lọc khuẩn chuẩn HEPA giúp loại bỏ gần như hoàn toàn vi khuẩn và vi rút trong không khí. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	100		
1700	Lọc khuẩn (lọc giữ ẩm cho ống mở khí quản/ nội khí quản)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng lọc bằng giấy - Có thể xoay 360 độ 2. Tính năng, công nghệ: - Làm ấm, làm ẩm và làm sạch không khí. - Lọc hình chữ T. - Sử dụng với bất kỳ ống mở khí quản với đầu nối - Có cổng nối oxy hỗ trợ (có thể thao rời đầu kết nối).	Cái	5.740		
1701	Lọc khuẩn 3 chức năng HMEF	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Foam PU tĩnh điện tổng hợp - Hiệu suất lọc vi khuẩn: > 99,9995% - Hiệu suất lọc vi rút: > 99,9995% - Hiệu suất lọc đối với hạt muối kích thước 0,3µm ở tốc độ dòng 30 L/p ≥ 98,98% - Khoảng chết: < 51 ml - Pyrogenicity < 0,25 Eu/ml - Độ ẩm của khí ở ngõ ra (với VT =500ml) ≥ 33mg/L 2. Tính năng, công nghệ: Có giấy kiểm định hiệu quả lọc của Nelson – Hoa Kỳ 3. Tiêu chuẩn: CE (Châu Âu)	Cái	124.360		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1702	Lọc khuẩn Hepa	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu lọc Polypropylene - Hiệu quả lọc vi khuẩn BFE 99,99998% - Hiệu quả lọc vi rút VFE 99,99985% - Trở kháng @ 30L/min: 156 Pa - Trở kháng @ 60L/min: 326 Pa - Trở kháng @ 90L/min: 508 Pa - Thể tích lưu thông: 27,34 cm2 - Hiệu quả vùng lọc: 99,971% - Khoảng chết :≤ 52 ml - Cổng kết nối : 22M/15F - 22F/15M - Pyrogenicity <0,25 Eu/ml - Khối lượng ≤40 g 2. Tính năng, công nghệ: - Phương pháp lọc HEPA cơ học - Cổng trích khí : Có - Cổng trích khí kiểm tra có khóa: Có	Cái	1.200		
1703	Lọc khuẩn làm ấm, ẩm mở khí quản có cổng nối oxy hỗ trợ	1. Thông số kỹ thuật: - Làm ấm, làm ẩm và làm sạch không khí - Sử dụng với bất kỳ ống mở khí quản với đầu nối 15mm - Có cổng nối oxy hỗ trợ - Có thể xoay 360 độ	Cái	1.200		
1704	Lọng cắt Polyp ống tiêu hóa hình oval, chiều dài 240 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Thọng lọng hình oval, chiều dài 240cm, độ mở snare D:15mm đến 30mm, tay cầm xoay được. - Thòng lọng được sử dụng để cắt mô tế bào như polyp với tần số dòng điện cao tần. - Loại ống kép ống ngoài trong suốt có thể nhìn thấy đầu thòng lọng bên trong, không có lực đẩy đột ngột khi mở thòng lọng và có thể dự đoán được dựa vào tay cầm. - Sử dùng 01 lần. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	1.000		
1705	Lọng cắt Polyp ống tiêu hóa hình thoi, chiều dài 230 cm	Thông số kỹ thuật: - Đường kính 2,3mm, chiều dài 2300mm. - Size thòng lọng: 10mm, 20mm, 30mm. - Thòng lọng cắt polyp hình thoi sử dụng 1 lần. - Xoay được 360 độ. - Tay cầm có đánh dấu.	Cái	2.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1706	Lọng cắt Polyp ống tiêu hóa, tay cầm lắp sẵn.	1.Thông số kỹ thuật: Độ mở loop từ 15mm đến 40mm, chiều dài dây dẫn 2300mm. Đường kính dây dẫn 2,1mm , tương thích với đường kính kênh sinh thiết ống soi tối thiểu 2,8mm. 2. Tính năng, công nghệ: Được sử dụng để điều trị nội soi thủng đường tiêu hóa, hỗ trợ ESD/EMR, kiểm soát chảy máu và thắt polyp. Lọng thắt Polyp tay cầm lắp sẵn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	600		
1707	Lót chống thấm nước dùng băng bó bột cố định chân dài	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải PP kết hợp sợi chỉ bạc Ag. - Kích thước: 10cm x 200cm. 2. Tính năng công nghệ: Chống ngứa, kháng khuẩn tốt và có thể tắm được và tự khô bằng thân nhiệt Không bị ảnh hưởng khi chụp Xquang. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Gói	400		
1708	Lót chống thấm nước dùng băng bó bột cố định chân ngắn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải PP kết hợp sợi chỉ bạc Ag. - Kích thước: 10cm x 120cm. 2. Tính năng công nghệ: Chống ngứa, kháng khuẩn tốt và có thể tắm được và tự khô bằng thân nhiệt Không bị ảnh hưởng khi chụp Xquang. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Gói	300		
1709	Lót chống thấm nước dùng băng bó bột cố định tay dài	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải PP kết hợp sợi chỉ bạc Ag. - Kích thước: 7,5cm x 120cm. 2. Tính năng công nghệ: Chống ngứa, kháng khuẩn tốt và có thể tắm được và tự khô bằng thân nhiệt Không bị ảnh hưởng khi chụp Xquang. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Gói	400		
1710	Lót chống thấm nước dùng băng bó bột cố định tay ngắn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải PP kết hợp sợi chỉ bạc Ag. - Kích thước: 7,5cm x 80cm. 2. Tính năng công nghệ: Chống ngứa, kháng khuẩn tốt và có thể tắm được và tự khô bằng thân nhiệt Không bị ảnh hưởng khi chụp Xquang. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Gói	300		
1711	Lưỡi bào dùng cho nội soi khớp	1. Thông số kỹ thuật: Có chiều dài 130mm, các đường kính là 3mm, 4mm và 5mm. 2. Tính năng, công nghệ: Lưỡi bào khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Dùng 1 lần, bào cắt lọc mô xơ, thiết kế rỗng nòng để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1712	Lưỡi bào khớp các cỡ	1. Thông số kỹ thuật - Vật liệu: Đầu lưỡi bào bằng hợp kim không gỉ - Đường kính lưỡi bào: 3.8mm, 4mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài 13cm. - Có đánh dấu bằng laser độ sâu trên thân lưỡi bào, mỗi vạch cách nhau 5mm, độ sâu tối đa 35mm - Thiết kế: lưỡi cắt dạng răng bên trong (dài 7.4mm, 7.5mm, 7.6mm tùy loại) và lưỡi cắt dạng răng bên ngoài dài 7.5mm 2. Tính năng công nghệ: Tốc độ sử dụng tối đa: 8,000 vòng/phút. Đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần. Sử dụng cho mô mềm diện rộng, sụn chêm, cắt bỏ hoạt dịch khớp gối, chóp xoay khớp vai. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), FDA (Hoa Kỳ).	Cái	1.000		
1713	Lưỡi bào khớp đường kính 2,9/ 3,5/ 4,5/ 5,5 mm dùng một lần	#NAME?	Cái	600		
1714	Lưỡi bào khớp đường kính các cỡ, các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Lưỡi bào khớp đường kính 2.9mm , 3.4mm , 4.2mm và 5.3mm, chiều dài 89mm, 124mm, 127.5mm và 133mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng 1 lần. Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	40		
1715	Lưỡi bào mài khớp đường kính các cỡ, các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Lưỡi mài khớp đường kính 5.5mm, chiều dài 126mm, 128.5mm và 131mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng trong phẫu thuật nội soi khớp 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	60		
1716	Lưỡi bào xương ngược, các loại, các cỡ	- Đường kính lưỡi bào: 3.8mm, 4mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài 13cm.	Cái	220		
1717	Lưỡi bào xương, các cỡ	- Có đánh dấu bằng laser độ sâu trên thân lưỡi bào, mỗi vạch cách nhau 5mm, độ sâu tối đa 35mm	Cái	400		
1718	Lưỡi cắt bào, luồn mô khớp vai loại Easy Pass hoặc tương đương	- Thiết kế: lưỡi cắt dạng răng bên trong (dài 7.4mm, 7.5mm, 7.6mm tùy loại) và lưỡi cắt dạng răng bên ngoài dài 7.5mm	Cái	440		
1719	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio	2. Tính năng công nghệ:	Cái	200		
1720	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio	Tốc độ sử dụng tối đa: 8,000 vòng/phút. Đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần.	Cái	900		
1721	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio các cỡ	Sử dụng cho mô mềm diện rộng, sụn chêm, cắt bỏ hoạt dịch khớp gối, chóp xoay khớp vai.	Cái	800		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1722	Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF	1. Thông số kỹ thuật: Phần dây hút nước dài 35cm. Phần dây điện kết nối với tay cầm dài 4m. Có các loại đầu đốt cong 90º và cong 45º, chiều dài 150mm. 2. Tính năng, công nghệ: Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF gồm phần tay cầm có nút bấm có thể tái sử dụng nhiều lần, phần thân (lưỡi đốt) dùng một lần. Có chức năng hút nước. Sử dụng cho phẫu thuật nội soi khớp háng, khớp gối và khớp vai. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	200		
1723	Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu đốt bằng sóng Radio frequence, chiều dài 173mm, có cổng hút nước. Đầu mũi nghiêng 90° hoặc 50° 2. Tính năng, công nghệ: - Có tính năng ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại. Có nút bấm điều khiển trên tay cầm - Đóng gói tiệt trùng sẵn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	100		
1724	Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số: Chiều dài làm việc 130mm, đường kính 3.4mm, 4.2mm và 5.5mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lưỡi bào dùng trong nội soi khớp - Lưỡi bào có nhiều dạng hình học khác nhau. - Được đánh dấu hiệu giúp định hướng, Lưu ý không dùng để đo lường. - Tương thích với nhiều hệ thống tay shaver của các nhà sản xuất khác nhau như Linvatec và Arthrex - Lưỡi bào có sẵn ở cả hai phiên bản: tiệt trùng sẵn và có thể tái sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	40		
1725	Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF	3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), FDA (Hoa Kỳ).	Cái	400		
1726	Lưỡi cắt đốt bằng sóng RF (Radio frequence) dùng trong nội soi khớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thân đầu đốt được làm bằng thép không rỉ 304, điện cực được làm bằng thép không rỉ 316L, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer HIPS PH88 và phần hút bọt phẫu thuật được làm bằng Ceramic - Chiều dài 160mm, đường kính 3,75mm 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng công nghệ sóng radio lưỡng cực (Bipolar RF) giúp cắt và cầm máu mô mềm nhanh chóng. Đầu đốt 90 độ giúp dễ dàng tiếp cận mô một cách nhanh chóng. Dễ dàng sử dụng và điều khiển bằng tay. Chỉ một mặt điện cực hoạt động nên cho phép thời gian sử dụng bền. Có 6 cổng để hút một cách hiệu quả, loại bỏ bọt nước trong phẫu thuật. Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại giúp tránh hỏng dụng cụ và tai biến trong phẫu thuật. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	700		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1727	Lưỡi cắt đốt đơn cực loại cong 90 °	1. Thông số kỹ thuật: Độ gập góc 30, 45,70, 90 2. Tính năng, công nghệ: Cung cấp tốc độ cắt lớn nhất với lượng mô lớn trong nội soi khớp vai, gối, khớp nhỏ, có nhiều lỗ hút nước ra giúp trường quan sát tốt. Bề mặt điện cực lớn giúp loại bỏ tốt các phần mô mềm cần loại bỏ, và cầm máu trong ổ khớp.	Cái	380		
1728	Lưỡi dao bào da	1. Thông số kỹ thuật: - Độ dày: 0,23 mm - Chiều rộng: 78 mm - Chiều sâu: 18 mm 2. Tính năng, công nghệ: dùng tương thích cho máy bào da Desoutter	Cái	166		
1729	Lưỡi dao mổ các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Thép carbon không gỉ. - Đóng gói trong lớp giấy bạc chống gỉ. - Tiệt trùng bằng phương pháp chiếu xạ Gamma. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	144.858		
1730	Lưỡi dao mổ các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Thép carbon không gỉ. 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói trong lớp giấy bạc chống gỉ, tiệt trùng bằng phương pháp chiếu xạ Gamma. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	174.900		
1731	Lưỡi dao mổ điện đơn cực dây nối dài 3m (bao gồm cả tay dao và dây dao)	1. Thông số kỹ thuật: Dây kết nối dài 3m (10ft) 2. Tính năng, công nghệ: Cho phép truy cập vào chế độ ValleylabTM. Lưỡi điện cực tráng EDGETM. Chế độ cắt, đốt và ValleylabTM. Cho phép kết nối với các đầu dao chuẩn 2,4mm (3/32 inch). Có bao ngoài. Kiểm soát nguồn điện trường. Thiết bị kết nối dây dẫn	Cái	2.800		
1732	Lưỡi dao phẫu thuật dùng cho máy xay mô	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính: 4,8mm. - Chiều dài làm việc: 360mm. 2. Tính năng, công nghệ: Vật tư tiêu hao dùng cho máy xay mô. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	80		
1733	Lưỡi dao phẫu thuật số 11	1. Thông số kỹ thuật: Dao được chế tạo bằng thép hợp kim mạ niken với độ dày đạt tiêu chuẩn bám chắc vào thân giúp chống ăn mòn, gỉ sét.	Que	16.960		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1734	Lưỡi dao rạch vi phẫu cho mắt 15 độ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ. - Dao chọc 15 độ- Incision Knife Feather. - Lưỡi dao thẳng và siêu bén được mài giũa chính xác đến từng micro đơn vị giúp tối ưu hóa rạch semilaminar và rạch chọc tiền phòng vùng củng mạc và giác mạc. - Phương pháp tiệt trùng: Chiếu xạ gamma - Thiết kế có vị trí giúp chống trượt - Hộp đựng: Nhựa polystyrene - Cán dao: Nhựa ABS (Acrylonitrile butadiene styrene) - Chốt (pin): Nhựa polycarbonate - Chiều dài tay cầm: 113.5 mm - Độ dày: 0.1 mm - Chiều dài cán dao: 7 mm - Góc lưỡi dao: 15° - Độ cứng: 680–740 HV 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485.	Cái	1.260		
1735	Lưỡi đèn đặt nội khí quản	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: - Lưỡi đèn được làm hoàn toàn bằng thép không gỉ. - Bề mặt lưỡi đèn được mạ crôm 2. Tính năng, công nghệ: - Số lượng sợi dẫn quang > 6.000 sợi. - Đường kính bó sợi quang ≤ 4.4mm. - Hấp tiệt trùng ≥ 4.000 lần ở nhiệt độ 134 độ C - Mức sáng còn lại tối thiểu ≥ 1.000 lux sau 4.000 lần hấp - Bề rộng của tất cả các lưỡi ≤ 16 mm - Tương thích với tất cả các tay cầm theo tiêu chuẩn xanh ISO 7376. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	136		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1736	Lưới điều trị thoát vị	1. Chất liệu: - Polypropylene đơn sợi - Lớp chống dính có các thành phần: Sodium Hyaluronate (HA), Carboxymethylcellulose (CMC), Polyethylene glycol (PEG), Polyglycolic acid (PGA) 2. Thông số kỹ thuật - Hình dạng: tròn - Kích thước: 20.3 cm - Trọng lượng: 213 g/m2 - Trọng lượng sau khi tan lớp chống dính: 51 g/m2 - Khả năng chịu lực: 379.5 N - Kích cỡ mắt lưới: 0.25 mm2 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật - Cấu tạo tấm lưới cho phép cắt mà không bị tháo lớp - Lớp chống dính tự tan trong vòng 30 ngày sau khi đặt 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	314		
1737	Lưới điều trị thoát vị	1. Chất liệu: - Polypropylene đơn sợi. - Lớp chống dính có các thành phần: Sodium Hyaluronate (HA), Carboxymethylcellulose (CMC), Polyethylene glycol (PEG), Polyglycolic acid (PGA). 2. Thông số kỹ thuật: - Hình dạng: tròn. - Kích thước: 15.2 cm. - Trọng lượng: 213 g/m2. - Trọng lượng sau khi tan lớp chống dính: 51 g/m2 . - Khả năng chịu lực: 379.5 N. - Kích cỡ mắt lưới: 0.25 mm2. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Cấu tạo tấm lưới cho phép cắt mà không bị tháo lớp. - Lớp chống dính tự tan trong vòng 30 ngày sau khi đặt. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	290		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1738	Lưới điều trị thoát vị bẹn	1. Chất liệu: Polypropylene đơn sợi, nhớ hình 2. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: có nhiều kích thước tấm lưới khác nhau: 8.5 cm x 13.7 cm; 10.8 cm x 16.0 cm; 12.4 cm x 17.3 cm. - Trọng lượng: 137.1 g/m2. - Khả năng chịu lực: 75.4 Ibf. - Kích cỡ mắt lưới: 0.55 mm2. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Lưới thoát vị 3D được thiết kế dạng hình học 3 chiều phù hợp cấu trúc giải phẫu, thích hợp cho mổ nội soi TAPP, TEP và TAPP robot. - Có đánh dấu hướng về trục giữa của cơ thể giúp xác định vị trí đặt chính xác - Có thể không cần cố định lưới. - Tùy chọn cho thoát bị bẹn bên phải hoặc bên trái. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: - Tiêu chuẩn: ISO, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	480		
1739	Lưới điều trị thoát vị bẹn	1. Chất liệu: Polypropylene đơn sợi, nhớ hình. 2. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: có nhiều kích thước tấm lưới khác nhau: 7.9 cm x 13.4 cm; 10.3 cm x 15.7 cm; 12.2 cm x 17 cm. - Trọng lượng: 42.2 g/m2. - Khả năng chịu lực: 30.4 Ibf. - Kích cỡ mắt lưới: 6.5 mm2. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Lưới thoát vị 3D nhẹ được thiết kế dạng hình học 3 chiều phù hợp cấu trúc giải phẫu, thích hợp cho mổ nội soi TAPP, TEP và TAPP robot. - Có đánh dấu hướng về trục giữa của cơ thể giúp xác định vị trí đặt chính xác. - Có thể không cần cố định lưới. - Tùy chọn cho thoát bị bẹn bên phải hoặc bên trái. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: - Tiêu chuẩn: ISO, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	230		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1740	Lưới điều trị thoát vị siêu nhẹ, siêu mỏng; kích thước 06 x 11 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lưới đơn, sợi khâu khóa móc, chất liệu monofilament polypropylene có màng film polypropylene trong phúc mạc. - Kích thước: 15 x 15 cm. - Kích thước lỗ lưới: 1,65 mm, độ rỗng: 89%, độ dày 0,38 mm. - Trọng lượng: 39 g/m2. - Đường kính sợi lưới: 0,12 mm. - Khả năng chịu lực tối đa: 179,17 ± 10,2 N. - Khả năng chịu lực 42,2 N/cm ± 3,16 theo chiều dọc, 20,74 N/cm ± 2,3 theo chiều ngang. 2. Tính năng, công nghệ: Lưới điều trị thoát vị trọng lượng nhẹ, trong suốt, có sọc xanh giúp dễ định vị, dùng trong phẫu thuật mở hoặc nội soi, dùng một lần, không tiêu. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Sản phẩm không có Latex, không Phthalate, không Pyrogenic. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).	Miếng	600		
1741	Lưới điều trị thoát vị siêu nhẹ, siêu mỏng; kích thước 10 x 15 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lưới đơn, sợi khâu khóa móc, chất liệu monofilament polypropylene có màng film polypropylene trong phúc mạc. - Kích thước: 10 x 15 cm. - Kích thước lỗ lưới: 1,65 mm, độ rỗng: 89%, độ dày 0,38 mm. - Trọng lượng: 39 g/m2. - Đường kính sợi lưới: 0,12 mm. - Khả năng chịu lực tối đa: 179,17 ± 10,2 N. - Khả năng chịu lực 42,2 N/cm ± 3,16 theo chiều dọc, 20,74 N/cm ± 2,3 theo chiều ngang. 2. Tính năng, công nghệ: - Lưới điều trị thoát vị trọng lượng nhẹ, trong suốt, có sọc xanh giúp dễ định vị, dùng trong phẫu thuật mở hoặc nội soi, dùng một lần, không tiêu. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Sản phẩm không có Latex, không Phthalate, không Pyrogenic. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).	Miếng	340		
1742	Lưỡi mài xương dùng cho nội soi cột sống đường kính 4,5 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thân thép không gỉ, mũi phủ kim cương. - Kích thước: Dài 265mm, đường kính thân 4,5mm, mũi cầu 4,4mm. - Lưỡi mài xương kim cương thô cho nội soi cột sống 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1743	Lưỡi mài xương nội soi, đường kính 4-5,5 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đầu lưỡi mài bằng hợp kim không gỉ, Đầu mài dạng Oval. - Có các loại đường kính 4 mm và 5mm với 8 rãnh răng, 5,5mm với 12 rãnh răng, chiều dài làm việc 130mm. - Có đánh dấu bằng laser độ sâu trên thân lưỡi bào, mỗi vạch cách nhau 5mm, độ sâu tối đa đo được là 35mm. - Được thiết kế để mài xương nhanh chóng, tích cực trong các thủ thuật tạo hình và giải áp xương đòn, cơ delta. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	100		
1744	Mạch máu nhân tạo thẳng, không có vòng xoắn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: ePTFE (khoảng cách các hạt: 20 +/– 10 µm) - Độ dày thành mạch 0,63mm. Đường kính trong 6mm, Dài 50cm - Sức chịu kéo chỉ khâu: min. 300 grams. - Sức chịu nén trung bình tối thiểu (+/- SD) : 218 +/– 31 psi 2.Tính năng: sử dụng để thay thế các mạch máu bị hư hỏng, tắc nghẽn hoặc bắc cầu động tĩnh mạch trong lọc máu, chạy thận nhân tạo 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	30		
1745	Máng dán điện cực dùng cho máy cắt đốt sử dụng 1 lần	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Tấm đệm PE, màng nhôm, hydrogel, lớp lót PET với mặt tiếp xúc phủ silicon - Kích thước: Diện tích dẫn điện: bản cực đơn 139cm2, bản cực đôi 130cm2 2. Tính năng, công nghệ: - Lớp hydrogel tiếp xúc trực tiếp với da.	Cái	1.104		
1746	Màng phẫu thuật 28 × 30 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Màng phẫu thuật 28x30cm. - Không gây dị ứng da, độ dính tốt. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	250		
1747	Mask gây mê 0 - 5	1.Thông số kỹ thuật: - Mặt nạ gây mê có nhiều cỡ khác nhau từ sơ sinh đến người lớn. Các cỡ được phân biệt bởi màu của vòng bao quanh. - Các cỡ từ 0-6. - Có mùi dâu, bạc hà, bubble gum giúp hạn chế phản ứng nôn ói khi gây mê. - Vòng đệm khí có thể thay đổi áp lực nhờ bóng bơm 2 chiều đi kèm để bơm căng hoặc giảm phồng tùy theo khuôn mặt, giúp cố định kín và dễ chịu cho bệnh nhân. - Mặt nạ có in sẵn cỡ, tích hợp sẵn hook ring có code màu riêng cho từng cỡ. - Mặt nạ làm bằng vật liệu PVC không chứa DEHP và cao su, hoạt động tốt trong môi trường nhiệt độ 10 - 40 độ C, độ ẩm 10 - 90%. Bảo quản trong môi trường nhiệt độ từ -20 độ đến 60 độC, độ ẩm 10 - 90% - Có các chứng chỉ tương thích với máy mê máy thở 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	27.100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1748	Mask thanh quản 1 nòng có silicon	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicone y tế - Kích cỡ từ số 1,0-5,0 tương ứng cân năng từ <5kg đến > 70kg 2. Tính năng, công nghệ: Mask thanh quản 1 nòng, bóng silicone mềm vừa kít cổ họng.giảm thiểu máu đông. Sử dụng một lần.	Cái	296		
1749	Mask thanh quản 2 nòng các số 1-5	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Loại 2 nòng silicon tương thích sinh học, latex free. Bóng silicone 2 lớp. Ống khí có lò xo bằng thép ngăn ngừa cắn và xoắn - Có các size từ trẻ em đến người lớn:1,0/1,5/2,0/2,5/3,0/4,0/5,0, trọng lượng từ <5kg đến 70kg, thể tích bơm bóng 4/7/10/14/20/30/40ml 2. Tính năng, công nghệ - Bóng mềm, trên lưng bóng có khí đệm bảo vệ thanh quản vừa kít cổ họng - Ống khí có các size 3,0 trở lên có kèm theo stylet - Trên thân ống có in rõ ràng đầy đủ các thông tin size cỡ, thể tích bơm bóng, khối lượng, số lần sử dụng - Sử dụng nhiều lần	Cái	592		
1750	Mask thanh quản sử dụng nhiều lần	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Silicone - Các số 1; 1,5; 2; 2,5; 3; 4; 5, mã hoá màu theo size. 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng nhiều lần, tiệt trùng sử dụng được khoảng 40 lần, co nối 15mm M 4. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	144		
1751	Mask thở oxy có túi người lớn, trẻ em các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Được làm từ nhựa PVC. - Size: SX, S,M,L,XL. - Dây dẫn có chiều dài ≥2.1 m. 2. Tính năng, công nghệ: - Có túi hơi dự trữ oxy. - Ống hơi được mở an toàn. - Mặt nạ với dây treo đàn hồi. Kẹp mũi điều chỉnh được, ống 2.1m, được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ.	Cái	55.185		
1752	Mask thở Oxy điều chỉnh lưu lượng thở, có 6 van điều chỉnh các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Mask làm bằng vật liệu PVC - Ống dẫn khí không xoắn dài 2m 2. Tính năng, công nghệ: Mask làm ẩm trong quá trình truyền khí oxy có tốc độ chảy cao hơn 4 LPM hoặc truyền khí oxy trực tiếp vào khí quản - Venturi có sẵn 6 van pha loãng 24%, 28%, 31%, 35%, 40%, 50% khí oxy. - Không chứa chất DEHP. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	3.100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1753	Mặt nạ (mask) gây mê các số	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Mặt nạ gây mê PVC có van Horizontal, không chứa latex, không DEHP. - Khớp nối mặt nạ có đường kính tiêu chuẩn 22/15mm - Gồm các size: 0, 1 , 2, 3, 4, 5, 6 tương đương với các kích cỡ chiều dài: 45mm±5, 55mm±5, 65mm±5, 75mm ±5, 90mm±5, 100mm±5, 102mm±11. 2. Tính năng, công nghệ: Mã hóa màu theo size, sử dụng cho người lớn, trẻ em, trẻ nhỏ và trẻ sơ sinh. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 5356-1.	Cái	1.124		
1754	Mặt nạ khí dung (mask phun khí dung)	1. Thống số kỹ thuật, tính năng công nghệ: - Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥2.1m, lòng ống có khía chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khía đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. 2. Tính năng, công nghệ: - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) 3. Tiêu chuẩn chất lượng - EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Bộ	101.820		
1755	Mặt nạ khí dung (mask phun khí dung)	1. Thông số kỹ thuật, tính năng công nghệ: - Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài ≥2.1m, lòng ống có khía chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khía đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. 2. Tính năng, công nghệ: Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Cái	11.810		
1756	Mặt nạ khí dung người lớn ,trẻ em, sơ sinh, sinh non.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PVC y tế mềm. - Dây oxy dài 1,8 m - 2,1 m 2. Tính năng, công nghệ: Mask người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh. - Liều lượng cố định (dùng với venturies) - Không sắc nhọn, vô trùng, có bầu chứa thuốc, có kẹp cố định mũi.	Cái	59.964		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1757	Mặt nạ thanh quản số 4	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu PVC y tế, bóng mềm mịn khít với cổ họng; - Thể tích bơm từ 4ml-40ml; - Size cỡ 1.0; 1.5; 2.0; 2.5; 3.0; 4.0; 5.0, trọng lượng từ <5kg đến >70kg. 2. Tính năng, công nghệ: - Mặt nạ thanh quản 1 nòng - Tiệt trùng EO, sử dụng 1 lần.	Cái	1.316		
1758	Mặt nạ thở (dùng với máy thở CPAP, BiPAP)	1. Thông số kỹ thuật: Mặt nạ thở dùng với máy thở không xâm nhập chuyên dụng. Miếng đệm silicone dùng nhiều lần, khóa đeo dây bằng từ, dễ tháo lắp. Dây đeo mềm mại giúp bệnh nhân thoải mái khi đeo mặt nạ. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	4.020		
1759	Mặt nạ thở (dùng với máy thở đa chức năng)	1. Thông số kỹ thuật: Mặt nạ dùng với máy thở đa chức năng. Miếng đệm silicone hai lớp tăng độ kín khí, dùng nhiều lần. Thanh đỡ trán dạng cánh cho cảm giác nhẹ nhàng. Dây đeo mềm mại giúp bệnh nhân thoải mái khi đeo mặt nạ. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	4.760		
1760	Mặt nạ thở (dùng với máy thở đa chức năng), dùng 1 bệnh nhân	1. Thông số kỹ thuật: Loại mặt nạ mũi miệng, dùng một bệnh nhân. Thiết kế dây đeo đầu 3 điểm đơn giản, giúp đeo vào bệnh nhân và tinh chỉnh sao cho kín khít một cách nhanh chóng. Dễ dàng tháo lắp. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	8.600		
1761	Mặt nạ thở (Mask thở oxy) các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Mặt nạ thở không xâm lấn (dạng mũi-miệng). - Có lỗ thông khí, dùng cho dây thở 1 nhánh và có van chống ngạt. - Khoảng chết <325cm3. - Áp lực: 4-25cm H2O. - Trở kháng tại 50 L/phút là 0,26 cm H2O; tại 100 L/phút là 0,63 cm H2O. - Sử dụng cho 1 bệnh nhân tối đa 14 ngày. - Dùng cho bệnh nhân >30 kg. - Có 4 size: XS, S, M, L. 2. Tính năng, công nghệ: - Công nghệ TubeFit: Cho phép đặt ống xông mũi/miệng vào vị trí mà vẫn đảm bảo mặt nạ bo kín vào mặt. - Công nghệ RollFit: Giúp mặt nạ bo kín với mặt, đặc biệt ở mũi, bằng vật liệu silicon dịu nhẹ và hạn chế tổn thương tỳ đè, đem lại sự dễ chịu cho bệnh nhân thở NIV. - Công nghệ ErgoFit2: Dây cố định đầu có thể điều chỉnh, vật liệu mềm, thông thoáng giúp giảm áp lực lên sống mũi. - Công nghệ SizeMe: Thước hướng dẫn kích thước mặt nạ thở có mã màu để giúp chọn lựa kích thước mặt nạ phù hợp với từng đối tượng bệnh nhân.	Cái	7.576		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1762	Mặt nạ thở không xâm lấn (dạng mũi-miệng)	1. Thông số kỹ thuật: - Loại không có lỗ thông khí, dùng cho máy thở 2 nhánh - Khoảng chết: < 325 cm^3 - Áp lực: 4–25 cmH_2O - Trở kháng: tại 50 L/phút là 0.07 cmH_2O; tại 100 L/phút là 0.33 cmH_2O - Sử dụng cho 1 bệnh nhân tối đa 14 ngày - Dùng cho bệnh nhân > 30 kg - Có 4 size: XS, S, M, L 2. Tính năng và công nghệ - Công nghệ TubeFit hoặc tương đương: cho phép đặt ống xông mũi/miệng vào vị trí mà vẫn đảm bảo mặt nạ bo kín vào mặt. - Công nghệ RollFit hoặc tương đương: giúp mặt nạ bo kín với mặt, đặc biệt ở mũi, bằng vật liệu silicon dịu nhẹ, hạn chế tổn thương tỳ đè, đem lại sự dễ chịu cho bệnh nhân thở NIV. - Công nghệ ErgoFit2 hoặc tương đương: dây cố định đầu có thể điều chỉnh, vật liệu mềm, thông thoáng giúp giảm áp lực lên sống mũi. - Công nghệ SizeMe hoặc tương đương: thước hướng dẫn kích thước mặt nạ thở có mã màu giúp chọn lựa kích thước phù hợp với từng đối tượng bệnh nhân. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	200		
1763	Mặt nạ thở Oxy cỡ M, L, XL	1. Thông số kỹ thuật: - Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài ≥2,1 m, lòng ống có khía chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khía đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. 2. Tính năng, công nghệ: - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). 3 Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	42.744		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1764	Mặt nạ thở Oxy cỡ M, L, XL	1. Thông số kỹ thuật: - Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài ≥2.1m, lòng ống có khía chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có khía đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. 2. Tính năng, công nghệ: - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) 3 Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	3.360		
1765	Mặt nạn thở không xâm lấn (dạng mũi-miệng)	1. Thông số kỹ thuật: - Khoảng chết: < 200 cm^3 - Áp lực: 4 – 40 cmH_2O - Sử dụng cho bệnh nhân > 30 kg - Thời hạn sử dụng tối đa 14 ngày cho người bệnh / 1 lần sử dụng - Nhiều lựa chọn dạng VENT hoặc NON-VENT - Loại NON-VENT (dùng cho dây thở 1 nhánh và có van chống ngạt) - Loại NON-VENT (dùng cho dây thở 2 nhánh) - Loại VENT (dùng cho dây thở 1 nhánh) - Có 3 size: A, B, C 2. Tính năng và công nghệ - Cho phép đặt ống xông mũi/miệng vào vị trí mà vẫn đảm bảo mặt nạ bo kín vào mặt. - Giúp mặt nạ bo kín với mặt, đặc biệt loại bỏ áp lực lên sống mũi, bằng vật liệu silicon mềm dịu nhẹ, hạn chế tổn thương tỳ đè và đem lại sự dễ chịu cho bệnh nhân thở NIV. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	100		
1766	Máy đo huyết áp cơ (kèm ống nghe)	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ống dẫn, quả bóp chất liệu cao su latex, vòng bít chất liệu vải. - Đồng hồ áp kế 20-300mmHg. - Dùng cho người lớn. - Độ chính xác ± 3mmHg.	Bộ	3.289		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1767	Miếng cầm máu mũi - Loại tiêu chuẩn, có dây hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Miếng cầm máu mũi - Loại tiêu chuẩn, có dây - Vật liệu: Xốp PVA (Polyvinyl alcohol), - Hình dạng thuôn dài, nén mỏng màu trắng, các cạnh được bo tròn, mềm mại, ít gây ma sát và kích ứng mũi. - Các lỗ có kích thước siêu nhỏ và đồng nhất để hạn chế sự bám dính mô. - Cho phép giãn nở khi ngâm trong dung dịch lỏng để tạo nên một cấu trúc mềm, xốp - Hiệu quả cầm máu nhanh, thấm hút tốt. - Dây làm bằng chỉ không tiêu (Polyamid 6/66/ Silk,...) - Kích thước (dài x rộng x cao): 80 mm x 20 mm x 15 mm - Tỉ lệ thấm hút lớn hơn 26 lần về khối lượng giữa trạng thái khô và ướt - Tốc độ thấm thụ chất lỏng: tối thiểu 3 giây. Kích thước lỗ: 200 - 1400µm - Không có vi khuẩn và nấm mốc - Tồn dư EO, ECH: Không vượt quá 60 mg / sản phẩm 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng gói 2 cấp độ: 1miếng / bao nhôm, hút chân không và mid-seal /1 bao gói. Bao sơ cấp đạt về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC - Sản phẩm được tiệt trùng bằng Ethylene Oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015.	Cái	8.710		
1768	Miếng cầm máu tự tiêu bằng Gelatin 7x5x1cm	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Được làm từ Gelatin không độc - Vật liệu gelatin được tiệt trùng bằng tia gamma, Cầm máu nhanh, thấm hút gấp ít nhất 45 lần trọng lượng lúc khô, tự tiêu 3-4 tuần. Kích thước: 7x5x1cm 2. Tính năng, công nghệ: không gây dị ứng, không cần điều kiện bảo quản đặc biệt, đóng gói tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	3.820		
1769	Miếng cầm máu tự tiêu bằng Gelatin 80x30mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Được làm từ Gelatin không độc - Vật liệu gelatin được tiệt trùng bằng tia gamma - Cầm máu nhanh, thấm hút gấp ít nhất 45 lần trọng lượng lúc khô, tự tiêu 3-4 tuần. Kích thước: 8x3 cm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	2.910		
1770	Miếng cầm máu tự tiêu cellulose, oxy hóa tái tổng hợp, 10cm x 20cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dạng lưới mềm tự tiêu, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose) - Kích thước 10 x 20cm, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2,4) 2. Tính năng, công nghệ: Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, lưới mềm, bám tốt vào bề mặt không bằng phẳng, tự tiêu sau 7 - 14 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	1.220		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1771	Miếng dán cảm biến theo dõi mức máu trong bể chứa	1. Thông số kỹ thuật: Miếng dán cảm biến 2. Tính năng, công nghệ: Miếng dán cảm biến theo dõi mức máu trong bể chứa, tương thích với cảm biến của máy System 1 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Miếng	20		
1772	Miếng dán cầm máu làm từ Chitosan liên kết ngang với glutaraldehyde, kích thước 2 x 3cm	1. Thông số kỹ thuật - Miếng dán cầm máu được làm từ chitosan liên kết ngang với glutaraldehyde - Có thiết kế cấu trúc xốp tăng cường tỉ lệ hấp thụ, khả năng tương thích sinh học tuyệt vời, dễ dàng sử dụng và tháo bỏ - Có thể dùng để cầm máu ở động mạch quay và động mạch đùi - Được tiệt trùng bằng bức xạ gamma và không tái sử dụng - Thời gian tiếp xúc của miếng dán cầm máu trên bề mặt vết thương < 24 giờ - Kích thước: 2 x 3cm 2. Tính năng, công nghệ: - Sản phẩm được chỉ định sử dụng để cầm máu vết thương, giúp kiểm soát và hấp thụ nhanh chóng máu chảy, hoạt động như một hàng rào bảo vệ ngăn ngừa vết thương khỏi việc nhiễm khuẩn. Sản phẩm được chỉ định cho các loại vết thương gồm vết rách da, vết trầy xước, lọc máu và vị trí chọc kim cho các thủ thuật mạch máu Tiêu chuẩn CE (Châu Âu)	Cái	10.480		
1773	Miếng dán điện cực	1. Thông số kỹ thuật: - Thiết kế hình tròn, kích thước 50 mm. - Điện cực Polymer Glass-filled ABS - Ag/AgCl, đường kính 10 mm - Loại Gel khô - Thời gian sử dụng: 72 giờ 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng được cho da nhạy cảm. - Sản xuất bằng vật liệu đáp ứng tiêu chuẩn hạn chế các chất nguy hiểm trong các thiết bị điện và điện tử (RoHS Compliant). - Tuân thủ các quy định liên quan đến việc sử dụng các hóa chất độc hại, có ảnh hưởng đến con người và môi trường (REACH Compliant). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu). 4. Xuất xứ: G7	Miếng	29.060		
1774	Miếng dán điện cực hỗ trợ công nghệ từ tính và công nghệ dòng điện cho hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D	1. Thông số kỹ thuật: - Miếng dán điện cực hỗ trợ công nghệ từ tính và công nghệ dòng điện cho hệ thống lập bản đồ điện sinh lý tim 3D. - Bộ 06 miếng (3 miếng dán trên ngực và 3 miếng dán sau lưng). - Có chứa cảm biến thu nhận tín hiệu từ trường và dòng điện từ các điện cực trên catheter, từ đó cung cấp dữ liệu để lập bản đồ điện sinh lý tim. - Kết nối với Patch Unit (Bộ phận kết nối miếng dán). - Có 02 cổng kết nối chính, cổng màu xanh lá sẽ kết nối với 03 miếng dán sau lưng và cổng màu vàng sẽ kết nối với 03 miếng dán trước ngực. - Thành phần: Polyethylene và Vinyl ether. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016; CE (Châu Âu); CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	2.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1775	Miếng dán điện cực trung tính	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lớp gel PolyhesiveTM hydrogel. - Diện tích 21,25 in/37cm2 và độ dày 0,050 in/0,127cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Miếng điện cực dán trung tính: Lớp có độ ẩm cao, tán nhiệt hiệu quả cho bệnh nhân. - Tấm điện cực được thiết kế theo chiều ngang tạo diện tích tiếp xúc lớn, tối thiểu nhiệt tác động lên bệnh nhân. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	19.096		
1776	Miếng dán điện cực trung tính (dạng đôi)	1. Thông số kỹ thuật: - Tấm điện cực trung tính, hình oval - Kích thước: 176 x 122 mm - Tổng diện tích tiếp xúc: 169 cm2 - Tổng diện tích dẫn điện: 110 cm2 - Trong 60 giây, nhiệt độ tăng < 5°C/350mA - Vật liệu nền: foam, chất kết dính: Hydrogel dẫn điện 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng cho cả người lớn và trẻ em - Thiết kế hai tấm dẫn điện đan xen vào nhau, giảm sự tập trung điện tích hạn chế gây bỏng. - Sản xuất bằng vật liệu đáp ứng tiêu chuẩn hạn chế các chất nguy hiểm trong các thiết bị điện và điện tử (RoHS Compliant). - Tuân thủ các quy định liên quan đến việc sử dụng các hóa chất độc hại , có ảnh hưởng đến con người và môi trường (REACH Compliant) - Đóng gói tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu). 4. Xuất xứ: G7	Cái	2.000		
1777	Miếng dán điện cực, hình chữ nhật, cỡ 3.3 x (3.7 - 4.0)cm	1. Thông số kỹ thuật: Miếng dán điện cực dùng trong đo ECG, Holter, theo dõi điện tim của người bệnh qua monitor - Điện cực có một mặt gel dẫn điện có 100% keo acrylate, 10-20% Propylen glycol, một cảm biến phân tử được tráng bạc, đầu nối thép không gỉ dẫn tín hiệu điện tâm đồ (ECG) tốt từ da đến màn hình ECG - Kích cỡ: 3.3 x (3.7 - 4.0) cm 2. Tính năng, công nghệ: Hình chữ nhật, góc bo tròn, gel sử dụng ít chloride, nút điện cực có nắp bảo vệ - Đảm bảo hiệu suất đo tối đa đến 3 ngày - Đáp ứng tiêu chuẩn EU RoSH về nồng độ các chất nguy hại (Pb, Hg, Cd, Cr, PBB, PBDE) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 và CFG - FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu).	Cái	514.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1778	Miếng dán phẫu thuật cỡ 30cm x 40cm	1. Thông số kỹ thuật: - Miếng dán phẫu thuật kháng khuẩn dùng che chắn phẫu trường. - Chất liệu: Màng polyurethane (8-15%), bảo vệ vết thương và ngăn cản các tác nhân bên ngoài khác xâm nhập vào vết thương (vi khuẩn ø >27nm); được phủ lớp keo acrylic <30%. - Kích thước tối thiểu 30cm x 40cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485.	Miếng	30.850		
1779	Miếng dán sát khuẩn 10x15cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane film, Bi- component/polyester fibers,viscose fibres, Silicone - Kishc thước: 10x15cm, Diện tích thấm hút: 50cm2 2. Tính năng, công nghệ: 4 lớp. Gồm: màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn, lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate có những đường cắt chữ Y với công nghệ Flex Cut hoặc tương đương, lớp điều hướng dịch tiết, lớp dính Silicon mềm toàn phần 100% tinh khiết với công nghệ Safetac hoặc tương đương.	Miếng	1.000		
1780	Miếng dán sát khuẩn 10x20cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane film, Bi- component/polyester fibers,viscose fibres, Silicone - Kích thước:10 x 20cm. Diện tích thấm hút: 75 cm2 2. Tính năng, công nghệ: 4 lớp. Gồm: màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn, lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate có những đường cắt chữ Y với công nghệ Flex Cut hoặc tương đương, lớp điều hướng dịch tiết, lớp dính Silicon mềm toàn phần 100% tinh khiết với công nghệ Safetac hoặc tương đương.	Miếng	1.300		
1781	Miếng dán sát khuẩn 10x25cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane film, Bi- component/polyester fibers,viscose fibres, Silicone - Kích thước: 10 x 25cm. Diện tích thấm hút: 100 cm2 2. Tính năng, công nghệ: 4 lớp. Gồm: màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn, lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate có những đường cắt chữ Y với công nghệ Flex Cut hoặc tương đương, lớp điều hướng dịch tiết, lớp dính Silicon mềm toàn phần 100% tinh khiết với công nghệ Safetac hoặc tương đương.	Miếng	704		
1782	Miếng dán sát khuẩn 15cm x 20cm (Kích thước băng dính 10cm x 20cm)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodine hàm lượng 0,117 -> 0,197 mg/cm² kháng khuẩn phổ rộng, keo Acrylate phủ bên dưới màng phim, lớp giấy lót. - Kích thước băng dính : 10cm x 20cm, kích thước tổng thể (15cm x 20cm) 2. Tính năng, công nghệ: - Lớp film mỏng, thông thoáng, co giãn tốt, dính chặt trên da và rìa vết mổ, cung cấp phẫu trường vô khuẩn, có tính kháng khuẩn phổ rộng, tăng hiệu quả ngăn ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. - MIC và MBC có thể đạt được ở 1500µm dưới bề mặt da, Có khả năng kháng khuẩn kể cả với MRSA - Tiệt khuẩn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu), ISO 13485:2016.	Miếng	9.100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1783	Miếng dán sát khuẩn 40cm x 45cm (Kích thước băng dính 35cm x 40cm)	1. Thông số kỹ thuật: - Màng mổ tẩm iod vô trùng. - Màng film Polyester resin phủ Iodophor kháng khuẩn, ngăn ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. - Kích thước màng: 40cm x 45cm. - Kích thước băng dính: 35cm x 40cm. - Đóng gói vô trùng từng miếng - Sau phẫu thuật, lấy màng mổ ra khỏi vùng da bệnh nhân một cách dễ dàng.	Miếng	1.200		
1784	Miếng dán sát khuẩn 6x8cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane film, Bi- component/polyester fibers,viscose fibres, Silicone - Kích thước: 6 x 8cm, Diện tích thấm hút: 15cm2 2. Tính năng, công nghệ: Cấu tạo: 4 lớp. Gồm: màng bán thấm trong suốt chống nước và vi khuẩn, lớp lưu dịch siêu thấm hút polyacrylate có những đường cắt chữ Y với công nghệ Flex Cut hoặc tương đương, lớp điều hướng dịch tiết, lớp dính Silicon mềm toàn phần 100% tinh khiết với công nghệ Safetac hoặc tương đương.	Miếng	504		
1785	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật phủ Iodophur 34cm x 35cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodine hàm lượng 0.117 -> 0.197 mg/cm² kháng khuẩn phổ rộng, keo Acrylate phủ bên dưới màng phim, lớp giấy lót. - Kích thước băng dính : 34 cm x 35cm (± 05%), tổng thể 44 x 35cm (± 05%) 2. Tính năng, công nghệ: Lớp film mỏng, thông thoáng, co giãn tốt, dính chặt trên da và rìa vết mổ, cung cấp phẫu trường vô khuẩn, có tính kháng khuẩn phổ rộng, tăng hiệu quả ngăn ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. - MIC và MBC có thể đạt được ở 1500µm dưới bề mặt da, Có khả năng kháng khuẩn kể cả với MRSA. - Chứng minh được khả năng hạn chế sự tái nhiễm khuẩn tại vị trí vết mổ trong suốt thời gian sử dụng. - Tiệt khuẩn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu), ISO 13485:2016.	Miếng	700		
1786	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật phủ Iodophur 56 cm x 45cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodine hàm lượng 0.117 -> 0.197 mg/cm² kháng khuẩn phổ rộng, keo Acrylate phủ bên dưới màng phim, lớp giấy lót. - Kích thước băng dính : băng 56 x 45cm (± 05%), tổng thể: 66 x 45cm (± 05%) 2. Tính năng, công nghệ: Lớp film mỏng, thông thoáng, co giãn tốt, dính chặt trên da và rìa vết mổ, cung cấp phẫu trường vô khuẩn, có tính kháng khuẩn phổ rộng, tăng hiệu quả ngăn ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. - MIC và MBC có thể đạt được ở 1500µm dưới bề mặt da, Có khả năng kháng khuẩn kể cả với MRSA. - Chứng minh được khả năng hạn chế sự tái nhiễm khuẩn tại vị trí vết mổ trong suốt thời gian sử dụng. - Tiệt khuẩn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu), ISO 13485:2016.	Miếng	6.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1787	Miếng dán silicone mờ sẹo 3,5 cm x 15 cm x 0,1 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane film, silicone (Dimethylvinylpolydimethylsiloxane, Dimethylvinyltrimethylsiloxane, Polymethylhydrogensiloxane), HA-04C (Vinyl-terminated Dimethyl polysiloxane, Modified chloroplatinic acid Methyldivinyldisiloxane). - Kích thước: 3.5cm x 15cm x 0.1cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Miếng dán silicone y tế tự dính, ngăn ngừa hình thành sẹo sau chấn thương, phẫu thuật. - Có thể cắt nhỏ theo nhu cầu, có thể rửa và tái sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	400		
1788	Miếng dán silicone mờ sẹo 5 cm x 6 cm x 0,1 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane film, silicone sheet: REMS 1500 (Dimethylvinylpolydimethylsiloxane, Dimethylvinyltrimethylsiloxane, Polymethylhydrogensiloxane), HA-04C (Vinyl-terminated Dimethyl polysiloxane, Modified chloroplatinic acid Methyldivinyldisiloxane). - Kích thước: 5cmx6cmx0,1cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Miếng dán silicone y tế tự dính, ngăn ngừa hình thành sẹo sau chấn thương, phẫu thuật. - Có thể cắt nhỏ theo nhu cầu, có thể rửa và tái sử dụng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	260		
1789	Miếng điện cực dán trung tính	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lớp gel PolyhesiveTM hydrogel - Diện tích 21,25 in/37cm2 và độ dày 0,050 in/0,127cm 2. Tính năng, công nghệ: Miếng điện cực dán trung tính: Lớp có độ ẩm cao, tán nhiệt hiệu quả cho bệnh nhân. Tấm điện cực được thiết kế theo chiều ngang tạo diện tích tiếp xúc lớn, tối thiểu nhiệt tác động lên bệnh nhân.	Cái	504		
1790	Mỏ vịt khám phụ khoa	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh. 2. Tính năng, công nghệ: Độ trơn láng cao. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, EN ISO 11135.	Cái	87.964		
1791	Mũi khoan răng	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Mũi mài kim cương 2. Tính năng, công nghệ: Mũi mài các loại: Thô, mịn.Vĩ 5 mũi	Cây	6.588		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1792	Mũi khoan sọ não tự dừng, sử dụng 1 lần, đường kính trong/ngoài từ 6/9 mm - 8/11 mm 11/14mm, sử dụng trên hộp sọ dày 2,0 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ: + Sử dụng được trên xương sọ có độ dày tối thiểu 1.0, 2.0 và 3.0mm + Đường kính trong/ngoài tùy chọn 6/9 mm hoặc 8/11mm hoặc 11/14mm tùy theo loại hình phẫu thuật. - Tốc độ hoạt động: 800 - 1.200 vòng/phút. - Phần đầu mũi khoan làm bằng thép không gỉ tiêu chuẩn y tế, phần chuôi kết nối mũi khoan cho phép tùy chọn bằng thép và nhựa chịu lực, tùy theo loại hình phẫu thuật.. 2. Tính năng, công nghệ: - Mũi khoan sọ tự dừng dùng trong phẫu thuật thần kinh. - Cơ cấu nhả khóa an toàn tối thiểu tổn thương cho màng cứng nhờ tạo ra lớp đệm xương, thích hợp cho cả xương phẳng và xương không bằng phẳng; - Đầu cắt có mũi trung tâm chống trượt; cho phép tái khởi động sau khi dừng. - Tương thích với các máy khoan chuẩn Hudson phổ biến trên thị trường. - Dùng được cho cả người lớn và trẻ em. - Chuôi cắm có quy định mã màu khác nhau giúp nhận biết nhanh kích thước mũi khoan. - Đóng gói: Đóng gói tiệt trùng, sử dụng 01 lần. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu) hoặc CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	340		
1793	Mũi khoan tự dừng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: thép không gỉ, kim loại, nhôm và polymer. - Gồm 3 lưỡi cắt. Đường kính trong tối thiểu có kích thước: 6mm, 7mm, 9mm, 11mm. Đường kính ngoài tối thiểu có kích thước: 9mm, 11mm, 13mm, 14mm. Mỗi đường kính có loại dành cho xương sọ dày từ 1mm và loại dành cho xương sọ dày từ 3mm 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu định vị chính xác, chống trượt khi khoan. - Cơ chế tự động dừng giúp ngăn tổn thương màng cứng. - Hình dạng lưỡi cắt độc đáo cho phép việc khoan mở sọ chính xác,hiệu quả và nhẹ nhàng, lỗ khoan được khoan tạo ra nhanh chóng và dễ dàng. - Khớp nối đa năng: khớp nối Hudson tiêu chuẩn. -Được thiết kế dùng một lần, luôn bảo đảm độ sắc bén và tiệt trùng tuyệt đối. 3. Tiêu chuẩn chất lượng : CE (MDR), ISO 13485	Cái	15		
1794	Mũi khoan tự dừng phân biệt màu đỏ 6mm	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu, thông số, đặc tính kỹ thuật: Có đánh dấu màu phân biệt.. Tương thích với vít 2.0. Dài 52mm và 72mm, đường kính 1.6mm, tự dừng 6mm	Cái	140		
1795	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Nắp đóng bằng nhựa chứa povidon - iod 2. Tính năng, công nghệ: Nắp đóng được sử dụng để bảo vệ đầu khoá nối của bộ chuyển tiếp	Cái	80.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1796	Nắp gắn đầu ống soi 9-15 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Cỡ 9-15 mm. - Khoảng cách làm việc 4 mm. 2. Tính năng, công nghệ: Đầu gắn ống soi dùng trong nội soi tiêu hóa. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	400		
1797	Nạy khuỷu nhổ răng phải trái	1. Thông số kỹ thuật: - Dụng cụ làm từ chất liệu thép không gỉ. 2. Tính năng, công nghệ: - Nạy có tác dụng làm đứt dây chằng, làm cho răng và chân răng lung lay, làm giãn rộng xương ổ răng và huyệt ổ răng.	Cái	104		
1798	Nẹp Mini thẳng 20 lỗ; dày 1,0 mm; dài 109,0 mm	1. Thông số kỹ thuật: Nẹp Mini thẳng 20 lỗ; chất liệu Titanium ASTM F67; dày 1,0 mm; dài 109,0 mm; dùng với vít có đường kính 2,0 mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	400		
1799	Nhiệt kế thủy ngân	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thủy tinh. - Thang đo -10 đến 250 độ C, vạch chia 1 độ C. 2. Tính năng, công nghệ: Dài 300mm.	Cây	15.314		
1800	Nón phẫu thuật nữ tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt là 100% Olefin hoặc Polypropylen; - Vải không có mùi; Giá trị pH: 6 ÷ 8; không thấm nước. - Đã tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	955.006		
1801	Nón phẫu thuật nữ tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vải không dệt Polypropylen - Vải không có mùi, không thấm nước. - Định lượng 15gsm. - Được tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	388.350		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1802	Nòng ngoài trocar	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính 5/10/12mm, dài 100mm. - Chất liệu polycarbonate, polyurethane nhiệt dẻo và polyethylene mật độ cao. 2. Tính năng, công nghệ: - Cannula trong suốt có 2 loại: + Cannula có bóng và đĩa, trong suốt, đường kính ghi trên thân, có van xả khí. + Cannula có rãnh cố định, trong suốt, có đánh dấu chắn xạ, đường kính ghi trên thân, có van xả khí, có lỗ thoát khí giảm áp suất khi rút trocar + Có 2 van giữ khí: 1 van bịt khí và 1 van 4 mảnh mỏ vịt kép. + Cánh nắp của size 10mm và 12mm mở rộng 3,55mm. + Van bịt khí chuyển động nhẵn cầu ở lối vào của cannula và có màng nhựa plastic bảo vệ chống rách. + Tỉ lệ rò khí từ ≤ 0.2L/phút. + Chiều dài đầu nối khí: 10.4mm ± 2%. - Tương thích với các loại dụng cụ phẫu thuật với đường kính: + 5mm: 4.7mm đến 5.5mm. + 10mm: 4.7mm đến 11.5mm. + 12mm: 4.7mm đến 12.9mm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Cái	2.224		
1803	Nút chặn đuôi kim luồn (có hoặc không có heparin) các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: ABS trong suốt - Nút chặn đuôi kim luồn có cổng bơm thuốc, dài 23mm, khóa maler luer 6% - Tiệt trùng bằng EO, đóng gói riêng từng cái. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, được sản xuất tại Việt Nam.	Cái	645.890		
1804	Nút tắt mạch platinum tách nhiệt điện (tại đoạn PVA), coil ghi nhớ hình dạng thấp, chiều dài lên tới 50 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: platinum, - Kích cỡ: 0.010 inch, 0.012 inch, 0.014 inch. - Đường kính vòng 1-20 mm, dài 1 - 50 cm. - Chiều dài dây đẩy 187 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Công nghệ dây lượn sóng SR bên trong làm đầy không gian trống và tối thiểu khả năng vi ống thông bị giật lùi ra khỏi túi phình hoặc công nghệ tương đương. - Đa dạng mức độ mềm của coil: SilkySoft, ExtraSoft, Soft, MediumSoft, Standard hoặc các mức độ mềm tương đương - Tương thích bộ điều khiển cắt coil điện tử EDG v4. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 510K (Premartket Notification), CE (Châu Âu).	Cái	260		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1805	Ống chèn/chẹn phế quản bơm tự động	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bóng chèn sillicon áp suất thấp, thể tích cao làm giảm tổn thương niêm mạc khí quản - Có size phù hợp từ trẻ sơ sinh (5Fr), trẻ nhỏ (7Fr), người lớn (9Fr) 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế góc độc đáo, phù hợp với giải phẫu cơ thể người, dễ dàng đưa vào - Bóng dự trữ khí cho phép bơm lượng khí tiêu chuẩn vào bóng chèn chỉ bằng một tay - Sử dụng kết hợp với ống nội khí quản, giảm thiểu tổn thương khi không phải thay ống lần 2 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Bộ	100		
1806	Ống dẫn lưu dịch hoặc khí từ khoang bụng cỡ 28Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính 28 Fr. - Dẫn lưu dịch hoặc khí từ khoang bụng, giúp giảm áp lực và ngăn ngừa nhiễm trùng. - Ống dẫn lưu silicon làm từ chất liệu nhựa PVC an toàn trong y tế. Chiều dài 420mm. Đường kính bên trong x đường kính bên ngoài: 7mmx10mm (Dùng cho người lớn), 5mm x 7mm (Dùng cho trẻ em). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cây	8.940		
1807	Ống dẫn lưu màng phổi 8-36 FG có co nối	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC, thân ống phủ silicone. - Size cỡ 8-36 FG. - Chiều dài 450mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu ống gắn mũi dẹp giúp dễ luồn. - Ống dẫn lưu màng phổi dùng để dẫn lưu hiệu quả sau phẫu thuật tim-lồng ngực. - Đầu nối có kích thước phù hợp để dễ dàng kết nối với hệ thống dẫn lưu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	594		
1808	Ống dẫn lưu màng phổi có trocar các số 8-24	1. Thông số kỹ thuật: - Ống dẫn lưu màng phổi làm từ PVC mềm, đục chống gãy gập, không gây sốt. - Các cỡ: 8-36 FG, mỗi cỡ tăng 2FG; - Chiều dài khi có Trocar: 16cm (8FG), 18cm (10,12FG), 20cm (14,16,18FG), 35cm (tương ứng với các cỡ 20-36FG); - Số lỗ khi có Trocar: 2 lỗ. 2. Tính năng, công nghệ: - Lỗ mở đầu xa tròn mềm mịn không gây tổn thương; - Có cản quang chia vạch mỗi 2cm tính từ lỗ cuối cùng; - Tương thích đa số các hệ thống dẫn lưu. - Tiệt trùng bằng EO.	Cái	1.532		
1809	Ống dẫn lưu màng phổi, lồng ngực các số	1. Thông số kỹ thuật : -Vật liệu: nhựa PVC y tế. Có vạch chia mỗi 2cm, có đường cản quang, đầu dẹp, co nối đi kèm, kích cỡ 12Fr-32Fr. 2. Tiêu chuẩn chất lượng : ISO	Cái	186		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1810	Ống dẫn lưu màng phổi, lồng ngực có co nối đi kèm, các số	1. Thông số kỹ thuật : -Vật liệu: nhựa PVC y tế. Có vạch chia mỗi 2cm, có đường cản quang, đầu dẹp, co nối đi kèm, kích cỡ 12Fr-32Fr. 2. Tiêu chuẩn chất lượng : ISO	Cái	640		
1811	Ống dẫn lưu màng phổi, lồng ngực có co nối đi kèm, các số	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: PVC 2. Tính năng, công nghệ: - Có đường cản quang chạy dọc thân ống, có nhiều lỗ giúp dẫn lưu tối đa. - Đầu ống gắn mũi dẹp giúp dễ luồn. Có co nối đi kèm. - Đầy đủ kích cỡ: 12F-36F	Cái	440		
1812	Ống dẫn lưu penrose	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không mùi, màu sắc tự nhiên, không gây dị ứng. - Dùng để dẫn lưu dịch trong cơ thể ra ngoài. - Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái	6.200		
1813	Ống dẫn lưu vết mổ silicon các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicone - Loại tròn hoặc dẹt. Có các chiều dài: 60cm, 102cm, 120cm và 125cm.	Cái	3.200		
1814	Ống dẫn lưu vết mổ Silicone loại xẻ rãnh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu silicone - Loại xẻ rãnh tròn hoặc dẹt, các cỡ - Các kênh mở để tăng lưu lượng dẫn lưu, giảm thiểu đông máu - Cải thiện diện tích tiếp xúc với các mô - Tương thích bình dẫn lưu vết mổ 450ml-200ml-100ml 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	800		
1815	Ống đặt nội khí quản có bóng thể tích lớn áp lực thấp, chuyên đặt khó, các số 6,5; 7; 7,5; 8.	1. Thông số kỹ thuật: - Ống nội khí quản trong suốt, làm bằng PVC y tế; - Bóng chèn thể tích lớn áp lực thấp, thành bóng mỏng (0.12mm ± 5%), vạch đánh dấu cách bóng 3cm; - Các cỡ từ 5-9.5, OD từ 6.7-12.7mm, chiều dài ống từ 265-325mm, đường kính bóng từ 22-28mm; - Thông số các size thường dùng: 7.0 (OD 9.2mm, đường kính bóng 26mm ± 5%, dài ống 320mm ± 5%), 7.5 (OD 10.0mm, đường kính bóng 26mm ± 5%, dài ống 325mm ± 5%), 8.0 (OD 10.7mm, đường kính bóng 28mm ± 5%, dài ống 325mm ± 5%), 2. Tính năng, công nghệ: - Tương thích với nhiệt độ cơ thể, có đường cản quang đậm chạy dọc thân, thân có vạch đánh dấu chiều dài, chiều dài ống có thể thay đổi. - Van bơm bóng có in thông tin kích thước ống và thông tin đường kính bóng chèn; - Sử dụng < 30 ngày; 3. Xuất xứ: G7	Cái	57.262		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1816	Ống đặt nội phế quản có bóng phủ silicon trái phải các số	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: PVC silicone nhạy cảm nhiệt ban đầu cứng dễ luồn nhưng trong nhiệt độ cơ thể sẽ mềm mại, an toàn cho bệnh nhân. Không DOP, không Latex. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu ống tròn hạn chế tổn thương, mối nối bóng mềm mại. Pilot ballon được đánh dấu. sumi (22-xx22, 21-xx22) - Nòng trái/ phải, bóng thể tích lớn - áp lực thấp, màu xanh có cấu tạo hình chữ S, đường cản quang dọc thân ống. Gồm 4 ống hút có van điều khiển + bộ ống nối chữ Y, số 28, 32, 35, 37, 39, 41 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	580		
1817	Ống ghép mạch máu chữ Y tráng bạc kháng khuẩn (các cỡ)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu sợi polyester (polyethylene terephthalate/ pegoterate) Kích cỡ: đường kính 14 x 7 mm, 16 x 8 mm, 18 x 9 mm, 20 x 10 mm; chiều dài 40 cm 2. Tính năng, công nghệ: - Cấu trúc nhung đôi đảm bảo làm lành đoạn ghép tốt - Được ngâm tẩm với Gelatin bò biến tính (polygelin) có thể hấp thụ được làm giảm độ xốp ban đầu đến 0 ml/min/cm^2, - Bề mặt ngoài ống ghép phủ một lớp kim loại bạc ngăn ngừa sự bám dính của vi sinh vật, - Thành phần bạc có nồng độ .0.07 – 0.16 mg/cm^2. Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	140		
1818	Ống hút điều kinh tiệt trùng	1. Thông số kỹ thuật: Có các số: 4, 5, 6, 7 2. Tính năng, công nghệ: Tiệt trùng bằng khí O.E. 1 cái/ gói	Cái	34.600		
1819	Ống hút huyết khối đường kính 0,07"	Thông số kỹ thuật: Kích thước 6F, đường kính trong 0,07 inches, tổng chiều dài 125cm (Trong đó chiều dài đầu xa là 19cm, chiều dài gần là 106cm) hoặc 131 cm (Trong đó chiều dài đầu xa 19cm và chiều dài đầu gần là 112cm). Đầu xa thẳng.	Bộ	310		
1820	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Thông số kỹ thuật: Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F, đường kính trong đầu xa: 0,072"; 0,068"... Đường kính ngoài đầu xa 2,16mm. Chiều dài 132 cm. Có nhiều đoạn chuyển tiếp.	Cái	270		
1821	Ống hút phẫu thuật bằng nhựa	1. Thông số kỹ thuật: - Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. - Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. - Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. 2. Tính năng, công nghệ: Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485, EN ISO 11135: 2014, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	167.100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1822	Ống hút trong tim các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: chất liệu PVC và silicon. - Kích thước: + 12Fr (4mm) với 10 lỗ hút ở đầu hút, chiều dài 12" (30,5cm). + 20Fr (6,7mm) chiều dài 15" (38,1cm). - Đầu nối 1/4" (0,64cm). 2. Tính năng, công nghệ: Cannula thân mềm, đầu tiếp hình mũi khoan mềm giúp giảm tổn thương mô, đầu hút nhiều lỗ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	316		
1823	Ống mở khí quản có bóng	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: PVC không chứa latex 2. Tính năng, công nghệ: Bề mặt ống trơn láng, đầu ống được bo tròn (hình mũi trâu), độ cong phù hợp với đường cong phế quản, bên trong ống có đường cản quang, bóng có thể tích lớn áp lực nhỏ (HVLP), có 02 điểm chia báo vị trí đặt NKQ an toàn, đóng gói bằng giấy Tyvek bóng tráng lớp nylon mỏng chống thấm. Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	764		
1824	Ống mở khí quản hai nòng có bóng chèn, không có cửa sổ, các cỡ	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: PVC, silicon,… Kích cỡ: - Kích thước của sản phẩm tương đương với đường kính trong của ống - Sau khi gắn nòng trong vào thì bề dày của thành ống luôn ≤ 3.8mm 2. Tính năng, công nghệ: - Miếng đệm cổ và nòng trong được mã hóa màu để phân biệt giữa có hay không có cửa sổ - Miếng đệm cổ cong và có thể di chuyển theo chiều dọc và chiều ngang. - Có tối thiểu 2 nhãn phụ trong mỗi sản phẩm - Có 2 nòng trong để thay thế khi cần.	Cái	566		
1825	Ống mở khí quản hai nòng, có bóng chèn, có cửa sổ các size	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: nhựa Polyurethane(PU) - Các size 4,5,6,7,8,9,10 tương đương với đường kính trong, ngoài: 4,0-7,2; 5,0-8,6; 6,3-9,2; 7,3-10,4; 8,0-11,4; 9,0-12,5; 10,0-13,8. 2. Tính năng, công nghệ: - Phần đệm cổ di chuyển theo chiều dọc và chiều ngang. Giúp bệnh nhân cử động thoải mái đầu và cổ mà không tỳ đè lên khí quản. - Thiết kế nhiều cửa sổ hiệu quả trong việc tập nói. Giảm thiểu tối đa sự phát triển của mô và hạn chế rủi ro khi hút ống thông.	Bộ	1.604		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1826	Ống nẵng (Catheter mount)	1. Thông số kỹ thuật: - Được làm từ các nhựa (EVA + PP)/PP cấp độ y tế - Đầu nối ống: Đầu nối PP / SBC, kích thước 22 - Bao gồm: đoạn ống thở, đầu nối ống, cổng nội soi và hút dịch có nắp, co nối xoay chữ T linh hoạt xoay đôi double swivel, xoay 360º linh hoạt, kích thước 22M / 15F - Chiều dài dây 15 cm - Kích thước đầu kết nối (phía máy - phía bệnh nhân): 22F - 22M/15F - Chiều dài đầu nối ống: ≥ 21 mm - Độ bền kết nối: 45 N 2. Tính năng, công nghệ: - Ống nối dây máy thở cao tần, loại đa hướng - Đóng gói riêng biệt từng sản phẩm, 1 bộ / 1 túi. - Bao sơ cấp đạt tiêu chuẩn về chỉ tiêu hàm lượng kim loại nặng theo chuẩn 94/62/EC - Tiệt trùng Ethylene oxide 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, ISO 14001:2015	Cái	51.300		
1827	Ống nẵng (Catheter mount) nối dây máy thở (đoạn nối mềm) dài 15cm	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước: - Chiều dài 15cm. - Đầu nối dây thở 22F. - Đầu nối ĐNKQ 15F/22M - Đầu xoay 360º - Trở kháng giới hạn 0.2kPa ở dòng 30 lít /phút 2. Tính năng, công nghệ: - Đoạn nối mềm co dãn. Sử dụng 1 lần	Cái	15.230		
1828	Ống ngậm/thổi đo chức năng hô hấp	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Ống ngậm nhựa PE 2.Tính năng công nghệ - Ống ngậm nhựa PE có độ tuyến tính thấp dùng một lần, tránh lây nhiễm chéo cho bệnh nhân - Tương thích với máy đo chức năng hô hấp ndd/ Chest 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	84.600		
1829	Ống ngậm/thổi đo chức năng hô hấp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Giấy y tế. - Kich thước: đường kính khoảng 30mm, chiều dài khoảng 60mm hoặc tương đương. 2. Tính năng, công nghệ: Ống ngậm dùng một lần, phù hợp sử dụng cho máy đo chức năng hô hấp Schiller SP1.	Cái	32.000		
1830	Ống nội khí quản có bóng các cỡ, sử dụng một lần	Thông số kỹ thuật: Ống nội khí quản chất liệu PVC có bóng, các cỡ.	Cái	22.308		
1831	Ống nội khí quản có bóng, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu, thông số, đặc tính kỹ thuật: Ống nội khí quản chất liệu PVC có bóng, các cỡ	Sợi	74.350		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1832	Ống nội khí quản có hút dịch trên bóng chèn	1. Thông số kỹ thuật: - Ống nội khí quản loại có dây hút đàm trên bóng* Bóng hình phễu dễ gom dịch tiết, bóng nhung mềm, thành mỏng (0.06mm ± 5%), đường kính lớn (số 7 trở lên có đường kính bóng ≥ 30mm). - Vạch đánh dấu cách bóng 3.5cm (size 6.0, 6.5, 7.0, 7.5), 4cm (size 8.0, 8.5, 9.0). - Dây bơm bóng có in thông tin ID ống và đường kính bóng. - Các cỡ: 6-9, OD từ 9.1-13mm, chiều dài ống từ 290-330mm, đường kính bóng từ 23-30mm. - Một số size thường dùng: số 7.0 (OD 10.4mm, đk bóng ≥30mm), số 7.5 (OD 11.3mm, đk bóng ≥30mm), số 8.0 (OD 11.8mm, đk bóng ≥30mm). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CFS (Châu Âu).	Cái	3.530		
1833	Ống nội khí quản cong đường miệng chữ U các cỡ 2,5-9,0	1. Thông số, tính năng kỹ thuật: - Chất liệu: PVC y tế. - Đầu ống mềm được bo tròn, lỗ Murphy lớn. - Gồm các số 2,5 đến 9,0. - Có đường cản quang dọc tube và đánh 2 vạch cản quang quanh tube tại vị trí dây thanh âm, đánh dấu khoảng cách rõ ràng bắt đầu tại 7cm cho các cở 2,5 đến 4,5mm ID; 9cm cho cỡ 5,0mm ID và 11cm cho cỡ từ 5,5mm đến 9,0mm ID. 2. Tính năng, công nghệ: - Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. - Cong miệng hình chữ U. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	1.510		
1834	Ống nội khí quản cong đường mũi chữ Z các cỡ từ 2,5-9,0	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC y tế. - Đầu ống mềm được bo tròn, lỗ Murphy lớn. - Gồm các số 2,5 đến 9,0. - Có đường cản quang dọc tube và đánh 2 vạch cản quang quanh tube tại vị trí dây thanh âm, đánh dấu khoảng cách rõ ràng bắt đầu tại 7cm cho các cở 2,5 đến 4,5mm ID, 9cm cho cỡ 5,0mm ID và 11cm cho cỡ từ 5,5mm ID đến 9,0mm ID. - Dây bơm xã bóng màu xanh. 2. Tính năng, công nghệ: - Độ cong sinh lý chuẩn, bóng mềm, thể tích cao, áp lực thấp hoặc thể tích standard áp lực thấp. - Cong mũi hình chữ Z. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	5.050		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1835	Ống nội khí quản cong thông đường mũi các số 4,0; 4,5; 5,0; 5,5; 6,0; 6,5; 7,0	1. Thông số kỹ thuật: Công dụng: Được sử dụng để phẫu thuật đặt nội khí quản mũi. - Size: 4, 4.5, 5, 5.5, 6, 6.5, 7, 7.5, 8. 2. Tính năng công nghệ: - Được sản xuất từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt mềm mại hạn chế tổn thương. - Có bóng, có đường cản quang dọc thân ống. - Tiệt trùng, đóng gói riêng lẻ từng túi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485	Cái	140		
1836	Ống nội khí quản không bóng	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC không chứa latex có độ nhạy cảm nhiệt cao, - Kích cỡ: số 2,0 đến 7,0, không bóng 2. Tính năng, công nghệ: Ống cong theo đường cong khí quản; mũi đầu ống bo tròn lại (hình mũi trâu) có dây cản quang trên thân ống, có chia vạch, trên thân có 2 vạch đen gần đầu mũi. Tiệt trùng	Cái	23.742		
1837	Ống nội khí quản không bóng các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt, không chứa Latex. - Kích thước: Các cỡ: số 2,0-10,0; OD từ 2,9-13,3 mm; chiều dài ống từ 145 - 330 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Ống nội khí quản không bóng - Ống có đường cản quang, 1 vạch dày đậm ở đầu xa, các vạch đánh dấu dọc thân cách nhau 1 cm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	430		
1838	Ống nội khí quản lò xo có bóng tròn các cỡ	1. Thông số, tính năng kỹ thuật: - Chất liệu: Ống làm từ nhựa PVC y tế, không có cao su, lò xo làm bằng thép không gỉ - Bóng hoa tiêu có thể tích cao, áp lực thấp (HVLP), - Đầu ống mềm được bo tròn lại, lỗ Murphy, - Có đường cản quang dọc thân ống, có 2 vạch gần đầu ống báo hiệu vị trí an toàn khi đặt ống nội khí quản, trong thành lòng ống được gia cố lò xo - Có thể uốn được 360 độ, - Ống không bị gẫy gập và luôn giữ đường thở không bị tắc nghẽn. - Tiệt trùng bằng khí EO, -Không độc không gây sốt. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	6.220		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1839	Ống nội khí quản lò xo với thân ống phủ silicon an toàn, bóng thể tích lớn áp lực thấp, các số 3-9, không chứa DEHP	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ống làm bằng nhựa PVC không latex, không DOP, nhạy nhiệt, phủ silicone, lò xo làm bằng thép không gỉ - ID/OD của ống tương ứng các size 3,0/4,8mm; 3,5/5,4mm; 4,0/6,0mm; 4,5/6,9mm; 5,0/7,5mm; 5,5/8,2mm; 6,0/8,8mm; 6,5/9,7mml; 7,0/10,2mm; 7,5/11,0mm; 8,0/11,6mm; 8,5/12,3mm; 9,0/12,9mm. Đường kính bóng tương ứng các size 8,0/10,0/10,0/12,0/14,0/17,0/20,0/20,0/23,0/25,0/26,0/27,0/29,0/29,0/32,0mm 2. Tính năng, công nghệ: Có bóng áp lực thấp thể tích lớn, Lò xo chống xoắn cong mũi, miệng. Thân ống có vạch đánh dấu rõ ràng, co nối tiêu chuẩn, có/không có styet 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	125		
1840	Ống nội phế quản (trái, phải) silicon	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: được làm hoàn toàn bằng silicon, thân ống mềm, dễ đưa vào nội khí quản. - Đường kính ID ống: số 32 (4,1±0,3mm), số 35 (4,5±0,4mm), số 37 (4,9±0,4mm), số 39 (5,3±0,4mm) - Đường kính minimum O.D ống: số 32 (9,5±0,3mm), số 35 (10,0±0,4mm), số 37 (10,5±0,4mm), số 39 (11,0±0,4) 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu ống có lò xo tránh việc gập đầu ống. - Bóng chèn áp lực thấp giảm tổn thương bề mặt nội khí quản. - Thân ống có gạch cản quang. - Đi kèm 2 dây hút dịch, co nối, cây dẫn đường 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	680		
1841	Ống nong mô não hai nòng dùng một lần	1. Chất liệu: Polycarbonate (PC), Ti6Al4V, 06Cr19Ni10 2. Thông số kỹ thuật: Gồm 3 thành phần: một ống ngoài, một ống trong và một ống có lõi. Ống ngoài và Ống có lõi tối thiểu có đường kính 10mm và 15mm, chiều dài từ 40mm đến 110mm. Ống trong có đường kính: 4.3mm, 6.3mm 2. Tính năng, công nghệ:Dùng cho các trường hợp: xuất huyết não do tăng huyết áp và tụ máu trong não; tụ máu trong não thất và khối u; khối u nhỏ nằm sâu trong não; có thể sử dụng với nội soi não thất. Thiết kế hai lòng ống: có lợi cho vi phẫu thuật phức tạp bằng hai tay và tránh sự đan xen lẫn nhau giữa trợ cụ phẫu thuật và nội soi - Ống có lõi được thiết kế rỗng cho phép đầu dò điều hướng đi qua, có lỗ đường kính 2mm cho phép dịch não tủy hoặc máu lỏng chảy ra. - Thiết kế hình trụ tròn giúp mô não được kéo và đẩy đều. Ống có thể xoay khi đưa vào, rất linh hoạt khi đặt vào. - Thiết kế ống thẳng không có vành co đảm bảo đầu ra của vùng phẫu thuật không chiếm không gian hoạt động. Có 6 lỗ dọc theo lớp ngoài - Thang đo trên thành ống dùng để kiểm soát độ sâu của ống nong khi đưa vào não. - Tiệt trùng sẵn bằng ethylene oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1842	Ống silicone cầm máu thực quản - dạ dày	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Stylet dẫn đường làm bằng thép không gỉ, - Trên ống có vạch đánh dấu độ sâu từ 25cm đến 50cm. Bóng chèn dạ dày dài 60mm, thể tích 30ml. Bóng chèn thực quản dài 140mm, áp lực khuyến cáo sử dụng 4,0 kPa(30mmHg), áp suất bóng khi đường kính ngoài 32mm(áp suất tối đa) 5,3 kPa (40mmHg). Chiều dài ống 950mm. 2. Tính năng, công nghệ: Ống silicone cầm máu thực quản dạ dày: 03 nhánh có 02 bóng chèn, van cho bóng chèn thực quản, van cho bóng chèn dạ dày, bóng Pilot. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	60		
1843	Ống silicone nối lệ quản	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicon dài 40 mm. - Kích thước: Đường kính lỗ: 0,64mm; đầu nút: 2mm. - Ống silicone nối lệ quản. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	10		
1844	Ống soi	1. Thông số kỹ thuật: - Hướng quan sát nhìn thẳng - Trường quan sát 120 độ - Đường kính đầu ống soi 3.5 mm - Đường kính thân ống soi 3.6 mm - Đường kính kênh làm việc 1,2 mm - Khả năng uốn cong từ 30 độ - Chiều dài làm việc 214 cm - Dụng cụ đi kèm: 1 cổng chữ Y. 2. Tính năng, công nghệ: Tay cầm bao gồm 3 cổng - Một cổng kênh làm việc để dẫn đường các phụ kiện - Một cổng hút để loại bỏ chất lỏng qua kênh làm việc tùy chọn - Một cổng tưới để bơm các dung dịch tưới thông qua hai kênh tưới rửa chuyên dụng - Ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng, hiển thị hình ảnh trực tiếp khi được kết nối với bộ xử lý hình ảnh. - Bao gồm tay cầm điều khiển và phần thân ống soi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	20		
1845	Ống Soi Mềm	1. Thông số kỹ thuật - Kênh làm việc: 3.6Fr - Trường nhìn: 90 độ - Đường ngắm 0 độ - Vùng khả kiến: 3 - 50 mm - Chiều dài làm việc: 650mm - Độ rộng của ống chèn: 9.2Fr - Chiều rộng tối đa của đầu xa: 9.0Fr - Góc uốn cong: - 270 độ, + 270 độ	Cái	360		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1846	Ống Soi Mềm	1. Thông số kỹ thuật: - Độ phân giải: 160K. - Kênh làm việc: 3.6Fr. - Trường nhìn: 90 độ. - Đường ngắm 0 độ. - Vùng khả kiến: 3 - 50 mm. - Chiều dài làm việc: 650mm. - Độ rộng của ống chèn: 9.2Fr. - Chiều rộng tối đa của đầu xa: 9.0Fr. - Góc uốn cong: - 270 độ, + 270 độ . - Đạt tiêu chuẩn: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	60		
1847	Ống soi mềm bàng quang	1. Thông số kỹ thuật: * Đô phân giải: ≥ 12 Lp/mm + Trường nhìn: 90 độ + Độ sâu trường ảnh: 3-80mm * Phần chèn + Góc lệch: - 210 độ; + 210 độ + Đường kính: 5.0mm + Chiều dài làm việc: 380mm * Kênh làm việc: + Đường kính kênh dụng cụ: ≥6.9Fr + Kênh dụng cụ: lối vào kép"	Cái	160		
1848	Ống Soi Mềm cỡ 9.2Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Trường nhìn: 120 độ - Đường ngắm: 0 độ - Độ phân giải: 400 x 400 pixels (160K pixels) - Góc uốn: -275 độ; +275 độ - Đường kính kênh làm việc: 5.1 Fr - Đường kính ngoài: 9.2Fr - Đường kình đầu xa: 9.2 Fr - Chiều dài làm việc: 650mm - Tương thích với bộ xử lý hiệu Pusen, model PV300, UTV100 hoặc tương đương 2. Tính năng, công nghệ: - Có hai nút chụp hình và quay video trên tay cầm, có khóa vị trí góc uốn tự động, có đầu nối hút kết nối với thiết bị tạo áp suất âm (máy hút) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	60		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1849	Ống thông (Catheter) ái nước chụp tạng, mạch não, mạch ngoại biên	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cấu tạo 3 lớp - Lớp ngoài polyurethane - Lớp giữa là lớp bện đơn SUS - Lớp trong giàu nylon - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) dài 40cm. - Kích cỡ: 5Fr (đường kính trong 1,10mm). Chiều dài: 100cm 2. Tính năng, công nghệ: Kiểu đầu: Yashiro; Mani	Cái	30		
1850	Ống thông (catheter) cắt đốt điện sinh lý tự động khóa độ cong 2 chiều, 7F, đầu điện cực 4mm - 8mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Đầu điện cực 4 - 8 mm, 7F, khoảng cách điện cực 2-5-2, dài 115 cm 2. Tính năng, công nghệ: Tay cầm điều khiển tự động khóa làm giảm chuyển động của catheter, lái chuyển hướng hai chiều, giám sát nhiệt độ với cặp cảm biến Thermocouple và Thermistor, tay cầm ComfortGrip (hoặc tương đương)	Cái	30		
1851	Ống thông (catheter) chẩn đoán 10 điện cực, 5F , dài 65 hoặc 120 cm, độ cong CSL, điện cực dài 1mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Catheter chẩn đoán 10 điện cực, 5F , độ cong CSL, điện cực dài 1mm, nhiều khoảng cách điện cực, dài 65 cm hoặc 120 cm 2. Tính năng, công nghệ: Phần thân dạng bện kiểm soát tốt lực xoắn và đẩy, đầu catheter mềm không bện giúp giảm nguy cơ thủng tim	Cây	30		
1852	Ống thông (catheter) chẩn đoán 10 điện cực, dài 115cm, khoảng cách giữa các điện cực đa dạng, độ cong điều khiển được, kích thước 5F-6F-7F	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Các cỡ 6Fr - 7Fr - Chiều dài: 95 cm hoặc 115 cm. 2. Tính năng, công nghệ: Catheter chẩn đoán lái chuyển hướng 10 điện cực, tay cầm điều khiển trợ lực và tự động khóa độ cong, nhiều cấu hình độ cong, nhiều khoảng cách điện cực	Cái	5		
1853	Ống thông (catheter) chẩn đoán 4 điện cực, 5F - 6F, dài 120 cm, độ cong cố định, điện cực dài 1mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Điện cực dài 1 mm, nhiều khoảng cách điện cực, dài 120 cm. 2. Tính năng, công nghệ: Catheter chẩn đoán 4 điện cực, 5F - 6F, độ cong cố định, phần thân dạng bện kiểm soát tốt lực xoắn và đẩy, đầu catheter mềm không bện giúp giảm nguy cơ thủng tim, nhiều độ cong.	Cây	30		
1854	Ống thông (catheter) chẩn đoán chụp tim, mạch vành, chụp mạch não, mạch ngoại biên các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: Cấu tạo: 3 lớp - Chất liệu: Lớp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan. Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm). Chiều dài 80cm. 2. Tính năng, công nghệ: Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi. Kiểu đầu: Cobra I; Cobra II; Simmons3; Vertebral	Cái	450		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1855	Ống thông (catheter) chẩn đoán tim mạch đuôi heo 2 và 20 marker, kích cỡ 4F, 5F dài 65cm, 100cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nylon pebax - Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 65cm, 100cm. Tương thích với guide wire 0.035 inch - Chịu áp lực dòng chảy 1190-1192 PSI/kgf/cm2 (loại 4F), 1142/80, 1190/84, 1196/84 PSI/kgf/cm2 (loại 5F). 2. Tính năng, công nghệ: - Ống thông chẩn đoán đuôi heo có 20 marker: - Chất liệu Nylon pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng. - Có 2 và 20 marker để xác định khoảng cách chính xác (1-2cm), marker bằng chất liệu Platinum - Có các lỗ trên thân ống thông giúp phát tán thuốc cản quang nhanh vào mạch máu.	Cái	45		
1856	Ống thông (catheter) cổ hầm cỡ 14.5 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: catheter bằng polyurethane, có cản quang. - Chiều dài từ đầu tip đến cuff là 15-42 cm, đường kính 14.5Fr, đường kính gập cong trung bình là 1.04 inch. Tốc độ dòng chảy lên đến 500 ml/phút. - Các bộ phận đi kèm: 01 thông luồn catheter 15Fr có van khóa khí tự động, 01 cây nong 10-12Fr, 01 stylet (tùy chọn), 01 cây tạo đường hầm, 02 nắp đậy, 01 cây nong 8Fr, 01 dây guidewire 0.038"", 01 kim dò 18G và 02 băng gạc 2x2 inch. 2. Tính năng, công nghệ: Bộ catheter đường hầm dùng trong lọc máu dài hạn. Đầu catheter thiết kế xoắn ốc hạn chế sự tái lọc, tỷ lệ tái lọc bằng hoặc dưới 1%, trên 6 lỗ bên; van khóa khí tự động ngăn ngừa thuyên tắc khí và máu trào ngược. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	690		
1857	Ống thông (catheter) động mạch đùi có cảm biến áp lực và nhiệt độ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Được làm bằng Polyurethane - Kích thước: Đường kính vòng ngoài: 5F, Chiều dài sử dụng: 200mm, Đặc tính và chiều dài của dây dẫn: Đường kính 0.53 mm/ chiều dài 600mm, Đường kính và chiều dài của cannul: Đường kính 18G/ chiều dài 80 mm, Đường kính 20G/ chiều dài 55 mm, Que nong mạch: Đường kính ngoài 1.8 mm 2. Tính năng, công nghệ: Được dùng để theo dõi huyết động học ít xâm lấn, Thiết bị gồm một đầu cảm biến nhiệt tại đầu catheter dùng trong phương pháp pha loãng nhiệt qua phổi, Có nòng thứ hai để đo huyết áp động mạch	Bộ	85		
1858	Ống thông (catheter) động mạch quay	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane - Kích thước: 1 Catheter 2.5Fr / 3Fr, chiều dài 60mm, 1 dây dẫn đầu J nguyên liệu bằng Nitinol 250mm, 1 kim chọc 22G/20G dài 400mm, 1 nút chặn, thể tích mồi 0.08ml, dòng chảy 12.4/24ml/phút 2. Tính năng, công nghệ: Catheter động mạch quay 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Bộ	860		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1859	Ống thông (catheter) hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại vi	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Trục bện kép bằng thép không gỉ. Kính thước: - Tương thích sheath 4Fr; dây dẫn 0.035"/0.89mm. - Chiều dài: 65cm , 90cm, 135cm và 150cm. - Ba điểm đánh dấu cản quang: điểm đánh dấu đầu tiên cách đầu xa 1mm; hai điểm đánh dấu tiếp theo cách dải đánh dấu trước đó 40mm và 60mm (1 điểm đánh dấu cản quang gắn chìm và 2 điểm đánh dấu cản quang đúc). - Lớp phủ ái nước hydrophilic 400mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Trục giúp truyền lực hiệu quả, tăng cường khả năng xoay và chống xoắn. - Đường kính đầu vào nhỏ và vuốt thon 12mm đầu tip giúp chuyển tiếp mượt mà giữa dây dẫn và catheter giúp dễ tiếp cận và vượt qua tổn thương. - Kiểu đầu thẳng và cong 30 độ cho phép lái qua các mạch máu phân nhánh.	Cái	10		
1860	Ống thông (catheter) lấy huyết khối trong lòng mạch máu	1. Thông số kỹ thuật: Đường kính trong đầu xa 0.035". Đường kính ngoài đầu xa 3,8F. Đường kính ngoài đầu gần 4,7F. Chiều dài làm việc 153cm.	Cái	80		
1861	Ống thông (catheter) trong lọc máu (chạy thận nhân tạo)	1. Thông số kỹ thuật: - Catheter được làm bằng chất liệu TPU (Thermoplastic Urethane), có đường cản quang 2 nhánh thẳng - Cỡ 12FR, dài 15-20 cm - Dây dẫn chữ J 0,035" x 72cm, làm bằng hợp kim Nitinol - Kim hình chữ Y 18Gx7cm - Dao mổ # 11 - Bơm tiêm 5ml - Que nong (stepped dilator) : 1 cái 12Fr-15cm - Nắp ống tiêm: 2 cái 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 : 2016	Bộ	150		
1862	Ống thông (catheter) trong lọc máu (chạy thận nhân tạo)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane - Kích thước: Dài 19, 24, 27cm 2. Tính năng, công nghệ: - Carbothane tương thích sinh học làm cho catheter mềm dẻo ở nhiệt độ cơ thể, chống xoắn vặn, không bị thay đổi tính chất khi tiếp xúc các dung môi khử trùng thông dụng như iodine, alcohol. Thiết kế nòng đôi chữ D, duy trì tính ổn định của dòng chảy và áp lực. - Đầu xa thiết kế dạng nấc thang, giảm hiện tượng tái tuần hoàn, giảm dính thành mạch; mềm mại hạn chế tổn thương thành mạch. - Có Cuff đặc biệt, kích thích tăng mô hạt và cố định catheter. - Có băng dán cố định Catheter không cần khâu chỉ.	Bộ	410		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1863	Ống thông (catheter) trong lọc máu (chạy thận nhân tạo) cỡ 12 Fr x 20 cm, 2 nòng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane. - Kích thước: Cỡ 12Fr x20cm; 2 nòng 12Fx15cm và 10Fx15cm; Dây dẫn đường 0,035x60cm; ống tiêm 5ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ gồm có: 1 catheter 2 nòng với nắp đậy van khóa 1 chiều needle free connector; Kim dẫn chữ Y, 2 nòng; 1 Kim tiêm; 1 Dây dẫn đường; 1 Dao mổ, 1 Ống tiêm; Băng vết thương, chỉ khâu, không latex, có mã màu giúp xác định đầu ống dễ dàng. - Tốc độ truyền: Động mạch: 265ml/phút; tĩnh mạch: 270ml/phút.	Cái	450		
1864	Ống thông (dây đốt) laser	1. Thông số kỹ thuật: - Phát xạ một dải tỏa tròn xuyên tâm chiều dài đến 4 mm. - Chiều dài dây: 2,5 m. - Đường kính dây 400 µm và 600 µm. - Đường kính đầu phát tia 1,3 mm; 1,6 mm và 1,8 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Ống thông (dây đốt) dùng trong điều trị suy giãn tĩnh mạch. - Tương thích với máy NeoV1470 - 1940 hoặc tương đương.	Cái	104		
1865	Ống thông (dây đốt) tĩnh mạch Corona 360	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu típ phát quang phóng tia tỏa tròn 360° góc lệch 60 độ so với trục sợi quang. - Chiều dài tiêu chuẩn: 2.5m - Đường kính lõi sợi quang: 400 µm và 600 µm. - Đường kính ngoài (đầu sợi): 1,3 mm; 1,6 mm và 1,8 mm. - Bước sóng 1470 nm 2. Tính năng, công nghệ: - Ống thông (dây đốt) dùng trong điều trị suy giãn nội tĩnh mạch cho tĩnh mạch hiển lớn và tĩnh mạch hiển bé. - Tương thích với máy NeoV1470 hoặc tương đương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA 510 (k) (Premarket Notification)	Cái	40		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1866	Ống thông bóng nong phá mảng vôi hóa nội mạch vành (IVL)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu bóng: Pebax và Nylon 12 - Đường kính bóng: 2.0mm - 4.0mm - Chiều dài bóng: 12mm và 15mm - Áp suất điều trị: 6 atm - Áp suất danh định: 8 atm - Áp suất vỡ danh định: 20 atm - Đầu xa có hai điểm đánh dấu cản quang và lớp phủ ưa nước từ đầu xa đến cổng đổi dây dẫn. - Tương thích dây dẫn 0.014" và ống thông 5F 2. Tính năng, công nghệ - Ống thông có bóng tích hợp điện cực sóng xung kích giúp phá hủy các mảng vôi hóa để điều trị trước và nong mạch bằng bóng các tổn thương vôi hóa động mạch vành nặng. - Chế độ hoạt động: 1 xung/1 giây, tối đa 10 xung liên tiếp trong một chu kỳ, mỗi ống thông tối đa 8 chu kỳ. - Chiều dài hoạt động: 1420 mm	Cái	40		
1867	Ống thông can thiệp chẩn đoán mạch máu tạng và ngoại biên các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép không gỉ giảm thiểu sự xoắn nút trong mạch máu - Kích thước: 4; 5 F. Chiều dài: 65cm; 70cm; 80 cm; 100 cm và 125cm 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu xa ống thông được thiết kế linh hoạt chuyên cho mạch máu tạng và ngoại biên. - Mức độ xoay cao - Độ cản quang dưới màn hình soi huỳnh quang cao - Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép không gỉ giảm thiểu sự xoắn nút trong mạch máu	Cái	450		
1868	Ống thông can thiệp chẩn đoán mạch máu não, mạch máu tạng và ngoại biên các cỡ 70cm, 80cm và 100cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép - Kích thước: 4; 5; 6 F. Chiều dài: 70cm; 80cm; 100cm 2. Tính năng, công nghệ: Ống thông can thiệp chẩn đoán rainbow có các hình dạng chuyên cho mạch máu não, mạch máu tạng (gan, phổi, phế quản) và ngoại biên. Mức độ xoay cao 1:1. Đầu xa ống thông được thiết kế linh hoạt. Tốc độ dòng chảy tối ưu. Độ cản quang cao	Cái	500		
1869	Ống thông can thiệp cỡ 5, 6, 7, 8Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lớp áo ngoài bằng chất liệu Vest-Tech Nylon, Lòng ống sử dụng sợi dẹt đan kép nằm giữa 2 lớp polime. - Kích thước cỡ 5,6,7,8 Fr. Đường kính trong của cỡ 5F là 0.058", 6F là 0.071", 7F là 0.081", 8F là 0.09". Chiều dài 90cm &100cm. 2. Tính năng, công nghệ: Kỹ thuật đan lưới lòng ống giúp lòng ống rộng hơn và ống di chuyển linh hoạt. Lớp áo ngoài giúp tăng khả năng bắt cản quang.	Cái	2.550		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1870	Ống thông can thiệp mạch máu	1. Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ/ Đường kính trong: 5F/0.056inch, 6F/0.070inch, 7F/0.078inch, 8F/0.088inch, 9F/0.098inch. 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế cấu trúc bện Hybrid gồm 1 dây dẹt và 1 dây lõi tròn thép không gỉ phản hồi mô-men xoắn 1:1. - Công nghệ TRUELUMEN trơn mượt, giữ nguyên đường kính trong liên tục từ đầu tip đến tay cầm để dễ dàng vận chuyển thiết bị. - Lớp lót trong PTFE, phần đầu phủ Nylon. Thân ống thiết kế các vùng chuyển tiếp linh hoạt. - Chiều dài ống: Các size cho mạch cánh tay = 90 cm, mạch đùi (5F, 6F, 7F, 8F = 100 cm), size 9F = 98cm. - Đầu tip cản quang dài 16mm với Long BRITE TIP™ (size 5F) và 2,5mm cho các size còn lại. - Các shape: JL, JCL, AL, XB, XBLAD, XBC, JR, JCR, AR, XBR, XBRCA, NR, Hockey Stick, DRC, MPA, MPB, JFL, JFR, RB, RBL, BARBEAU, LCB, RCB. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	200		
1871	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh các cỡ 6F	1. Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ 6F. Đường kính trong lớn loại 0.070" và 0.088". Chiều dài loại 0.070": 95cm, 105cm; Chiều dài loại 0.088": 80cm; 90cm; Loại đầu thẳng hoặc đầu MP. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 088", đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 070" . 2. Tính năng, công nghệ: Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp mạch	Cái	610		
1872	Ống thông can thiệp mạch thần kinh có đường kính trong 0,058", 0,072"	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu não có phần khung cấu tạo bởi các vòng tròn, dẹt, kéo dài suốt thân ống bằng nitinol; có lớp lót bằng PTFE trong lòng ống và lớp phủ nhựa polymer bên ngoài ống, marker đầu xa được tạo thành bởi sợi Platinum - Ống thông có 2 đường kính 5F với đường kính trong 0,058" và 6F với đường kính trong 0,072", ống thông có đường kính ngoài là 0,070", 0,084 ", chiều dài làm việc là 95 cm, 105 cm, 115 cm, 125 cm, 130 cm, dây dẫn 0,035/0,038 in, chiều dài xa 8 cm. 2. Tính năng, công nghệ: lớp polime kết dính để liên kết với các lớp, sợi dẹp nitinol chạy vòng quanh ống để giúp duy trì hình dạng lòng ống thông, đầu gần chắc chắn, đầu xa linh động. Lớp trong cùng là PTFE dễ dàng đưa vi ống thông và các dụng cụ can thiệp. Marker đầu xa được tạo thành bởi sợi Platinum cuộn tròn quanh đầu ống	Cái	20		
1873	Ống thông can thiệp mạch vành phủ PTFE đa dạng thẳng, đường kính 5-6-7Fr	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lớp trong bằng PTFE, lớp lưới thép không gỉ phẳng ở giữa, lớp vỏ ngoài mềm mại và có tính cản quang cao ở đoạn xa. - Chiều dài 100cm; Đường kính: 5Fr; 6Fr; 7Fr 2. Tính năng, công nghệ: Kiểu đầu: Amplatz Left, Back up Left, Ikari Left, Ikari Right, Judkins Left, Judkins Right, Internal Mammary, Multipurpose, Tiger Right.	Cái	1.100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1874	Ống thông can thiệp mạch vành phủ PTFE, dạng thẳng (Straight), đường kính 5Fr	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lớp trong bằng PTFE, lớp lưới thép không gỉ phẳng ở giữa, lớp vỏ ngoài mềm mại. - Chiều dài 120cm; Đường kính: 5Fr 2. Tính năng, công nghệ: Kiểu đầu: Straight	Cái	5		
1875	Ống thông can thiệp mạch thần kinh có đường kính trong 0,017", 0,027",0,0445"	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ống thông can thiệp mạch máu não có phần khung làm bằng thép không gỉ, lòng ống phủ lớp lót chống ma sát, bên ngoài ống phủ nhựa polymer - Ống thông có rất nhiều đường kính khác nhau Đường kính trong: 0,017 " (0,43 mm); 0,027" (0,69mm); 0,0445" (1,13 mm). Đường kính ngoài đầu gần: 0,029 " (2,2F); 0,040" (3,1F); 0,061" (4,7 F). Đường kính ngoài đầu xa: 0,024" (1,8F); 0,036 " (2,8F); 0,055" (4.2F) 2. Tính năng, công nghệ: Các hình dạng dầu : đầu thẳng, đầu gập chữ J, gập 45, gập 90	Cái	8		
1876	Ống thông can thiệp với đường viền henka cỡ 6,7 - 8 Fr	1. Thông số kỹ thuật : - Các cỡ: 6F (1,80mm/ 0,071"), 7F (2,05mm/ 0,081"), 8F (2,28mm/ 0,090") được phủ lớp PTFE. - Đường kính ngoài: 2,09; 2,4; 2,7mm (6, 7, 8 F). - Chiều dài: 100cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế ống Hyper chống biến dạng ống dưới nhiệt độ, độ ẩm cao. - Công nghệ Henka được bện từ các dây làm bằng thép không gỉ có độ cứng ống giảm dần từ đoạn gần tới đầu tip. - Đầu tip viền tròn, mềm dẻo làm từ urethane hiển thị tốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	500		
1877	Ống thông chẩn đoán 4-5 Fr chiều dài 100 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ; 2 lớp nylon giàu polyurethane. - Đường kính: 4Fr (lòng rộng 1.03mm); 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng JR, JL… - Giới hạn áp lực: 4Fr: 750psi, 5Fr-6Fr: 1000psi. 2. Tính năng, công nghệ: - Có công nghệ chống xoắn. - Thành cực mỏng, tạo chu vi lòng rộng. - Khả năng tương thích guidewire 0.038". 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	200		
1878	Ống thông chẩn đoán cỡ 5F-6F, dài 100cm và 110 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: lớp trong và lớp ngòai ống thông: Polyacetal / Polycarbonate- Nylon, đầu shape bằng : Polyamide - Đủ các loại kích cỡ: 5F-6F, dài 100cm và 110cm, đường kính (trong/ngoài) : 1.10mm/1.67mm loại 5F và 1.3mm/2.0mm loại 6F. 2. Tính năng, công nghệ: Ống thông chụp mạch vành có cấu trúc lưới kép, Có các loại : JL, JR, AL, AR, IMA, PT, ... đặc biệt loại Pig-tail., Tương thích guidewire 0.035" và 0.038" 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	150		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1879	Ống thông chẩn đoán đường ĐÙI	1. Thông số kỹ thuật: - Nguyên liệu bằng nylon, trục linh hoạt thiết kế 3 lớp, lớp trong và ngoài nylon, lớp giữa sợi bện, đầu típ 2 lớp mềm có cản quang. - Chịu được áp lực cao 1050 psi, dạng JR, JL, APR, APL, Pitail các số 4.2Fr, 5Fr, 6 Fr, dài 100cm, 110cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485,CFS (tại các nước tham chiếu).	Cái	1.300		
1880	Ống thông chẩn đoán đường QUAY	1. Thông số kỹ thuật: - Nguyên liệu bằng nylon, trục có 3 lớp, lớp trong và ngoài nylon, lớp giữa sợi bện, đầu típ 2 lớp mềm có cản quang - Chịu được áp lực cao 1050 psi, dạng Radial 3.5 và 4.0, hai số 4.2F, 5Fr, dài 100cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFS (tại các nước tham chiếu).	Cái	1.850		
1881	Ống thông chẩn đoán kiểu Yashiro, Mani phủ lớp ái nước, đường kính 5fr , chiều dài 70cm -100cm hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 3 lớp: lớp ngoài polyurethane, lớp giữa là lớp bện đơn SUS, Lớp trong giàu nylon, đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) - Kích cỡ: 5Fr (đường kính trong 1,10mm); Chiều dài: 70cm, 100cm. M Coat dài 25cm hoặc 40cm 2. Tính năng, công nghệ: Vì có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) giúp ống thông di chuyển mượt mà ngay cả với những tổn thương xoắn vặn. Kiểu đầu: Yashiro, Mani	Cái	200		
1882	Ống thông chẩn đoán mạch máu	1. Thông số kỹ thuật: - Kích cỡ: 4F, 5F, 6F. - Đường kính trong của ống: 0.042”/1.07mm (4F), 0.047”/1.19mm (5F), 0.057”/1.45mm (6F). - Áp suất tối đa 1200 PSI. - Cấu trúc nylon 3 đoạn tăng cường khả năng chống xoắn, giảm hiện tượng bị giựt. - Thân ống được bện từ các sợi thép không gỉ và bọc chất liệu chống đông máu. - Đầu tip cản quang mềm hạn chế chấn thương, tăng độ hiển thị. - Tốc độ dòng chảy: + 4F: 16.7 ml/s (Loại chọn lọc), 16.6 ml/s (Loại đuôi heo). + 5F: 21.3 ml/s (Loại chọn lọc), 19.8 ml/s (Loại đuôi heo). + 6F: 35.0 ml/s (Loại chọn lọc), 32.6 ml/s (Loại đuôi heo). - Dây dẫn tương thích 0.035 inch, 0.038 inch. - Chiều dài ống: 65, 80, 100, 125cm. - Các dạng đầu cong: JL, JR, AL, AR, DRC, SRC, MPA 2, MPB 2, SON, BARBEAU, RBL, RBL-TG, RBL-JK, PIG, LCB, RCB, IM. 2. Tính năng, công nghệ: - Công nghệ TRUELUMEN đảm bảo đường kính trong duy trì từ đoạn tay cầm đến đầu tip. - Công nghệ Thermocool duy trì nhiệt độ ổn định, giữ nguyên hình dạng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA 510K.	Cái	300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1883	Ống thông chẩn đoán mạch vành 2 bên các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Nylon Pebax có bện sợi thép không gỉ - Đường kính trong lớn 0.046"/1.17mm loại 5F giúp tối ưu dòng chảy - Đầu bumper tip loại Ultimate 1, có 1 lỗ bên. Chiều dài đầu tip: 2.0 cm - Dùng được với guide wire 0.038” - Chiều dài: 100cm 2. Tính năng công nghệ: - Ống thông chẩn đoán mạch vành dùng qua đường mạch quay để chụp cho cả mạch vành trái và phải - Giúp tối ưu lực xoắn vặn, lực đẩy và độ ổn định theo chiều dọc ống thông. - Chịu được áp lực dòng chảy cao, đầu tip nhớ hình tốt 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	400		
1884	Ống thông chẩn đoán mạch vành các loại đường kính trong lớn nhất 1,07mm (4F)/1,17mm (5F)/1,37mm (6F)	1. Chất liệu: - Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng, đầu tip nhớ hình tốt. - Có đường viền bện (wire -braided) thân bằng chất liệu thép không gỉ giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái, khả năng nhớ hình đầu típ tốt. - Thân ống thông có dải đánh dấu được sử dụng để đo giải phẫu và tip làm bằng chất liệu cản quang và đầu tip có tính cản quang. 2. Thông số kỹ thuật: - Có các loại JL, JR, AL, AR. - Đủ các kích cỡ 4F, 5F, 6F dài 100cm/125cm. - Đường kính trong 0,042"/1,07mm loại 4F, 0,046"/1,17mm loại 5F, 0,054"/1,37mm loại 6F. - Dùng được với guide wire 0,035”/0,038”. - Chịu áp lực dòng chảy cao tối đa 1200 psi/ 81,6 bar. 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Ống thông chẩn đoán mạch vành. - Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CFG - FDA (Hoa Kỳ).	Cái	1.650		
1885	Ống thông chẩn đoán tim đa năng, đường kính 4Fr (lòng rộng 1,03mm) -5Fr (lòng rộng 1,20mm), chiều dài 80cm, 100cm	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 3 lớp: Lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan. Lớp giữa đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng MP. Chiều dài 80cm, 100cm. 2. Tính năng, công nghệ: Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.	Cái	150		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1886	Ống thông chẩn đoán tim mạch chất liệu nylon bện loại thẳng, cong 145o/155o, các cỡ 4F, 5F, 6F	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu nylon nhẵn trơn - Các kích cỡ 4F, 5F, 6F dài 80cm, 90cm, 110cm, 125cm. Đủ các loại thẳng, cong 145o, cong 155o 2. Tính năng, công nghệ: Ống thông chẩn đoán mạch vành dạng đuôi heo, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng. Có đường viền bện giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái. Đầu típ cản quang tốt, khả năng nhớ hình tốt. Dùng được với guide wire 0.035”/0.038”. Chịu áp lực 1200 PSI (81.6 Bar)	Cái	80		
1887	Ống thông chụp chẩn đoán tim, mạch vành, chụp mạch não, mạch ngoại biên đường kính 4Fr, 5Fr	1. Thông số kỹ thuật: Chiều dài 110cm, Đường kính: 4Fr; 5Fr 2. Tính năng, công nghệ: Cấu tạo 3 lớp, Tương thích guidewire 0.038". Kiểu đầu: Angled Pigtail; Straight Pigtail	Cái	100		
1888	Ống thông chụp mạch máu não có lớp ái nước kiểu Renal; Shapered Hock; Vertebral dài 65cm, 80cm, 100cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ (SUS). Bề mặt phủ lớp polyamide - Kích thước: 5Fr (đường kính trong 0,043"). Chiều dài 65cm, 80cm, 100cm 2. Tính năng, công nghệ: Lớp SUS cho khả năng đẩy tốt. Đầu tip bo tròn, cấu trúc đồng trục. Kiểu đầu: Renal; Shapered Hock; Vertebral; N.H.I. Bề mặt cản quang. Tương thích guidewire 0,038". Giới hạn áp lực 1000psi (6895kPa)	Cái	200		
1889	Ống thông chụp mạch não có cấu tạo 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ, bề mặt polyamide, đường kính 5Fr (đường kính trong 0.043"), chiều dài 100cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ (SUS). - Bề mặt phủ lớp polyamide 2. Tính năng, công nghệ - Lớp SUS cho khả năng đẩy tốt. - Đầu tip bo tròn, cấu trúc đồng trục. - Kích thước: 5Fr (đường kính trong 0.043"). Chiều dài 100cm. - Bề mặt cản quang. - Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 1000psi (6,895kPa)	Cái	200		
1890	Ống thông chụp mạch, đường kính 4Fr (lòng rộng 1,03mm) - 5Fr (lòng rộng 1,20mm), chiều dài 100cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 3 lớp: Lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan. Lớp giữa đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Đường kính 4Fr (lòng rộng 1,03mm) - 5Fr (lòng rộng 1,20mm), dạng JR, JL… Chiều dài 100cm 2. Tính năng, công nghệ: Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0,038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.	Cái	3.800		
1891	Ống thông chụp tim, mạch vành, mạch não, mạch ngoại biên	1. Thông số kỹ thuật: Chiều dài: 80cm; 100cm; 110cm; 120cm 2. Tính năng, công nghệ: Thành ống mỏng. Tương thích guidewire 0.038"	Cái	4.900		
1892	Ống thông dạ dày các cỡ	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PVC nguyên sinh - Các cỡ 5, 6,8,10,12,14,16,18 2. Tính năng, công nghệ: Ống thông dạ dày 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015	Sợi	27.755		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1893	Ống thông dài 71cm loại điều khiển được độ cong 2 chiều, 8,5F	1. Thông số kỹ thuật: Dài 71cm, 8,5F 2. Tính năng, công nghệ: Đầu ống thông thiết kế cản bức xạ, thân ống thông dạng bện kiểm soát lực đẩy và xoắn, van Utimum cầm máu hiệu quả, bít kín khi sử dụng dây dẫn đường 0,014 inch tránh bọt khí lọt vào, lái chuyển hướng 2 chiều	Cái	1		
1894	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) trong can thiệp mạch máu cỡ 0,025", 0,035"	1. Thông số kỹ thuật: Cấu tạo gồm: Kim chọc mạch, mini plastic guide wire, bơm tiêm, introducer sheath, dilator (que nong) - Chất liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene) - Thông số: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 7cm, 10cm. Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G. Mini plastic guide wire cỡ 0,025", 0,035", dài 45cm. Bơm tiêm 2,5ml 2. Tính năng, công nghệ: Đặc điểm có van cầm máu hình chữ thập kiểu Cross-Cut, thiết kế chống xoắn, giảm kháng lực khi chọc mạch.	Cái	1.014		
1895	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) trong can thiệp mạch máu cỡ 0,035" hoặc 0,038"	1. Thông số kỹ thuật: Cấu tạo gồm: Cấu tạo gồm mini plastic guide wire, introducer sheath, dilator (que nong) - Chất liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene) - Thông số: cỡ 5F, 6F, 7F dài 25cm. Mini plastic guide wire cỡ 0,035" hoặc 0,038", dài 80cm. 2. Tính năng, công nghệ: Đặc điểm có van cầm máu hình chữ thập kiểu Cross-Cut, thiết kế chống xoắn, giảm kháng lực khi chọc mạch.	Cái	40		
1896	Ống thông dẫn đường các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: Đoạn phủ hydrophilic dài 5cm/15cm, kích thước ống thông: 6F, 7F, 8F (Bộ ống thông là 4F, 5F, 6F tương ứng) Đường kính trong của bộ ống thông: 1.80mm/0.071" (4Fr), 2.05mm/0.081" (5Fr), 2.28mm/0.090" (6Fr) Đường kính ngoài của bộ ống thông: 2.09mm (6Fr), 2.40mm (7Fr), 2.70mm (8Fr) Chiều dài khả dụng: 80, 90, 100, 110 cm 2. Tính năng, công nghệ: Thân ống cân bằng, tăng độ cứng giúp ổn định quy trình, tối ưu hóa lực đẩy, bộ ống thông với dilator đính kèm thay sheath giúp giảm kích thước tại vị trí đâm kim	Cái	540		
1897	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch não đường kính ngoài: 6 Fr, đường kính trong: 0,070 in	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lớp lót bên trong phủ PTFE, hỗ trợ bổ sung 27% so với Ống thông dẫn đường ENVOY® hoặc tương đương. Đầu xa mềm với công nghệ BRITE TIP hoặc tương đương - Chiều dài: 90cm, 100cm, đường kính: ngoài 6Fr, trong 0.070inch 2. Tính năng, công nghệ: Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não, có 6 hình dạng đầu tip: Straight, MPC, MPD, modified cerebral, headhunter 1, Simmons 2 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	10		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1898	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp động mạch đường kính: 4F, 5F, 6F, chiều dài: 45cm, 65cm, 90cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polymer tăng cường vòng xoắn Stainless Steel, lớp trong PTFE - Đường kính: 4F, 5F, 6F, chiều dài: 45cm, 65cm, 90cm, Dây dẫn: 0.035" 2. Tính năng, công nghệ: Hình dạng ống thông: đầu cong và đầu thẳng, lớp phủ: Hydrophobic (30cm đầu xa, chỉ 5F và 6F), Marker: Platinum (thấy rõ dưới cản quang)	Cái	500		
1899	Ống thông dẫn đường loại cứng, lõi đan dải kim loại, đầu cong 6F (lumen rộng 0,070")	1. Thông số kỹ thuật: Ống thông trợ giúp can thiệp động mạch vành (Guiding Catheter) mặt trong phủ lớp PTFE - Chất liệu: + Lớp trong: Làm bằng chất liệu PTFE + Lớp giữa: Lõi đan bằng dải kim loại 2x4 + Lớp ngoài: Làm bằng hỗn hợp polymer - Kích cỡ: Loại 6F, Có Lumen rộng 0.070"". Đường kính trong 1.7mm, đường kính ngoài 2.2mm. - Đầu cong các loại: AL, CLS, FL, JL, KL, LBU, QC, VL, ART, AR, FR, HS, JR, KR, MP, RC, WRP, Brachial, Kimny, MIM, Radial, IMC, IM, LCB, RCB, ML, FCL, FCR,... 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu) và CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	500		
1900	Ống thông dẫn lưu nước tiểu dài 26 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: polyurethane - Cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr. Chiều dài: 26cm 2. Tính năng, công nghệ: Gồm: Ống thông J và cây đẩy. Có lỗ 2 bên, có vạch chia chiều dài, tương thích với guide wire 0.035".	Cái	3.860		
1901	Ống thông dẫn lưu nước tiểu dài 26 cm	1. Thông số kỹ thuật: Phủ hydrophilic. Các cỡ 5,6,7Fr. Chiều dài 26cm. 2. Tính năng, công nghệ: Gồm: Ống thông J và cây đẩy. Có lỗ 2 bên, có vạch chia chiều dài. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	670		
1902	Ống thông dẫn lưu nước tiểu dài 26 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane. - Cỡ 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr. - Chiều dài: 26cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Ống thông J và cây đẩy. - Có lỗ 2 bên, có vạch chia chiều dài, tương thích với guide wire 0.035".	Cái	400		
1903	Ống thông động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catheter chất liệu PVC - Dài 37cm, cỡ 3,5 Fr - Tốc độ dòng truyền dịch >6ml/ phút 2. Tính năng, công nghệ: Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc.	Cái	1.300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1904	Ống thông động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PUR - Dài 30cm, cỡ 2.5 Fr. Tốc độ dòng truyền dịch >2ml/ phút 2. Tính năng, công nghệ: Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc.	Cái	50		
1905	Ống thông đốt tĩnh mạch bằng sóng cao tần Closurefast	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: nhựa Polymer (Fluorinated ethylene propylene) Kích cỡ: ống thông: 6Fr, 7Fr. Chiều dài đầu đốt tối thiểu ≤ 3 cm, tối đa ≥ 8 cm 2. Tính năng và công nghệ : Dây đốt sử dụng năng lượng sóng cao tần để điều trị chính xác và có hiệu quả cho bệnh nhân mắc bệnh suy giãn tĩnh mạch có dòng trào ngược Sử dụng phương pháp đốt phân đoạn cung cấp chính xác và đồng nhất năng lượng sóng cao tần ở mức nhiệt độ 120° C 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	10		
1906	Ống thông Double J, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane - Các cỡ từ 3Fr đến 8Fr, chiều dài 26cm. 2. Tính năng, công nghệ: Gồm xông JJ , bộ phận kẹp giữ sonde, que đẩy và sợi chỉ chuyên dụng	Cái	2.010		
1907	Ống thông Double J, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Ống thông JJ niệu quản số 3Fr, 4Fr, 5FR, có dây dẫn đường - Chiều dài: 10cm, 12cm, 15cm, 20cm, 22cm 2. Tính năng công nghệ: - Chất liệu: chất liệu nhựa nhiệt dẻo Polyurethane TPU, 2 đầu cong, có 2 lỗ mở, vạch định vị, có cản quang, thời gian đặt lưu bên trong cơ thể ≥ 6 tháng - Que đẩy: chất liệu bằng PA 12, dài 40cm không trùng màu máu, - Dây dẫn đường chất liệu bằng thép không gỉ phủ PTFE dài 150cm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	16		
1908	Ống thông dùng trong can thiệp mạch nội sọ	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: + Đường kính trong: .071". + Đường kính ngoài: 6F. - Chiều dài: 95cm – 115cm. - Dạng đầu tip: thẳng, MP - Chất liệu: Gia cố bằng thép không gỉ. Thiết kế lai phẳng/tròn. 2. Tính năng công nghệ: Có 10 đoạn vật liệu chuyển đổi giúp truyền lực hiệu quả. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	40		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1909	Ống thông foley 2 nhánh (số 12, 14, 16, 18, 20, 22)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: cao su tự nhiên, phủ silicon màu vàng trong và ngoài ống - Chiều dài dây 42 cm, số 12-30fr có dung tích bóng là 10-30cc, từ số 06fr – 10fr có dung tích bóng là 3-5cc 2. Tính năng, công nghệ: Hai mắt đối diện nhau, dây mềm, bề mặt dây trơn láng, được tiệt trùng bằng khí EO , không độc, không gây sốt, không gây kích ứng khi sử dụng. Đóng gói từng cái bằng giấy Dialysis (giấy thẩm tách y tế) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	106.402		
1910	Ống thông foley 2 nhánh (số 12, 14, 16, 18, 20, 22)	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su tự nhiên, phủ silicon màu vàng trong và ngoài ống. - Chiều dài dây 42 cm,. - Số 12-30fr có dung tích bóng là 10-30cc; từ số 06fr – 10fr có dung tích bóng là 3-5cc. 2. Tính năng, công nghệ: - Hai mắt đối diện nhau, dây mềm, bề mặt dây trơn láng. - Tiệt trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt, không gây kích ứng khi sử dụng. - Đóng gói từng cái bằng giấy thẩm tách y tế. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	21.390		
1911	Ống thông hậu môn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC, không độc hại, không gây kích ứng. - Ống thông có cản quang hoặc không cản quang để xác định vị trí chụp X-Quang. - Thân ống mềm mại, trong suốt. - Chiều dài: 40cm. - Tiệt trùng bằng khí OE. - Kích thước: Số 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30. - Đóng gói tiệt trùng từng sợi theo đơn vị nhỏ nhất. 2. Tính năng, công nghệ: Thông trực tràng cho bệnh nhân theo chỉ định của bác sĩ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	5.600		
1912	Ống thông hậu môn các số 22-28	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa PVC nguyên sinh. - Gồm các số: 22, 24, 26, 28. - Dây dẫn dài 400mm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 , EN ISO 11135	Cái	6.922		
1913	Ống thông hậu môn, PVC không chứa DEHP cỡ 18-28	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC đã loại DEHP. - Gồm các cỡ: CH18-CH28. - Dây cản quang dài 36cm. 2. Tính năng công nghệ: - Bề mặt trơn, không độc hại, sử dụng được tối đa 4 tuần. - Đầu ống bo tròn không gây chọc thủng niêm mạc. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	5.186		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1914	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đầu xa phủ hydrophilic, thân catheter và hub trong suốt - Đường kính khoảng 0.014"; 0.018"; 0.035". Chiều dài khoảng: 90cm 135cm, 150cm. Catheter có 3 loại tương thích với dây dẫn: 0.014"; 0.018"; 0.035". Chiều dài: 65, 90, 135, 150 cm 2. Tính năng, công nghệ: Lớp phủ ái nước giúp tăng độ trơn láng. Đầu tip màu tía, thon dần	Cái	505		
1915	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên sử dụng dây 0,014, 0,018 và 0,035 inch	1. Thông số kỹ thuật: - Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên, sử dụng dây dẫn 0.014", 0.018" và 0.035". - Dây dẫn 0.014" phù hợp với chiều dài catheter 135cm, 150cm. - Dây dẫn 0.018" phù hợp với chiều dài catheter 90cm ,135cm, 150 cm. - Dây dẫn 0.035" phù hợp với chiều dài catheter 65cm, 90cm, 135cm, 150 cm. - Sử dụng dụng cụ mở đường 4F,5F tùy thuộc vào dây dẫn tương thích. - Tối ưu hóa khả năng đẩy và khả năng đo chiều dài tổn thương một cách độc đáo. Mỗi vạch trắng và đen trên trục của ống thông cách nhau 1 cm, mỗi 10 cm có 1 vạch kép. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	500		
1916	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu đầu tip: Polyaminde. - Chất liệu trục xa: Polytetrafluoroethylene, polyamide, có chiều dài 25cm. - Chất liệu trục gần: Polytetrafluoroethylene, thép không gỉ. 2. Tính năng, công nghệ: - Tương thích ống thông 6F, đường kính lòng trong dạng ST là 1.33mm & dạng EL là 1.43mm. - Độ dài ống thông145cm, lớp phủ ái nước: 16cm. Có điểm đánh dấu độ sâu 90cm và 100cm tính từ đầu tip, dây dẫn tương thích: 0.014 inch. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFS (tại các nước tham chiếu).	Cái	350		
1917	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành độ dài ống thông 145 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu đầu tip: Polyaminde. Chất liệu trục xa: Polytetrafluoroethylene, polyamide, có chiều dài 25cm. Chất liệu trục gần: Polytetrafluoroethylene, thép không gỉ. - Tương thích ống thông 6F, đường kính lòng trong dạng ST là 1.33mm & dạng EL là 1.43mm. - Độ dài ống thông145cm, lớp phủ ái nước: 16cm. Có điểm đánh dấu độ sâu 90cm và 100cm tính từ đầu tip, Dây dẫn tương thích: 0.014 inch 2 .Tiêu chuẩn nhà sản xuất: ISO 13485. 3. Xuất xứ: G7	Cái	140		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1918	Ống thông hỗ trợ nối dài dùng trong can thiệp mạch vành và mạch ngoại biên	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ, nhựa PTFE. -Đường kính trong: 5,5F, 6F, 7F, 8F (0,052; 0,057; 0,063; 0,072 inch) - Đường kính ngoài: 0.064; 0.068; 0.076; 0.086 inch. - Chiều dài khả dụng: 150cm. 2. Tính năng, công nghệ: Thiết kế trục ống với công nghệ dây dẫn kép với đầu vào hình dáng loe (flared). - Lõi thân ống gia cố tăng cường độ cứng để dễ dàng đi qua các tổn thương canxi hoá cao. - Được chỉ định có thể dùng để truyền dịch 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	100		
1919	Ống thông hút huyết khối	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Polyamide và polyethylene - Tráng phủ Hydrophilic (30cm từ đầu típ) đảm bảo ống thông trơn trượt khi vào lòng mạch máu. - Chiều dài nòng guidewire ngắn (10mm) - Chiều dài khả dụng Catheter: 140cm 2. Tính năng, công nghệ: - Công nghệ thiết kế đầu típ đặc biệt với lòng lõi wire được gia cố ở đầu - Phần mặt cắt đầu ống xiên + lòng đầu hút lớn, tròn	Bộ	70		
1920	Ống thông hút huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ống hút huyết khối có phần khung làm từ Nitinol - đường kính trong 0.068" và 0.071", đường kính ngoài 0.0855", chiều dài: 132cm 2. Tính năng, công nghệ: Ống hút huyết khối, thiết kế dạng vòng xoắn lò xo kết hợp lưới đan	Cái	350		
1921	Ống thông hút huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài ống thông: 85/110/135 cm - Được thiết kế để điều trị các đường kính mạch máu: 3-12 mm - Đường kính ngoài của ống thông: 2 mm, 2 ⅔ mm, 3 ⅓ mm - Số vòng quay: 40.000 - 60.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa (lượng máu mất tối đa): 45-130 ml/phút. - Cỡ: 6F/8F/10F - Một bộ bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn bọc vô trùng và túi gom 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng để loại bỏ qua da các chất huyết khối hoặc thuyên tắc huyết khối mới từ các tĩnh mạch. - Được chỉ định cho các mạch máu tự nhiên hoặc mạch máu có lắp giá đỡ, đoạn ghép giá đỡ hoặc bắc cầu tự nhiên hoặc nhân tạo. Chống chỉ định cho các mạch máu thuộc hệ thống tuần hoàn tim phổi , mạch vành và não - Tốc độ bóc tách vật chất gây tắc khỏi lòng mạch là 1cm/giây 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	20		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1922	Ống thông hút huyết khối	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài ống thông: 85/110/135 cm - Được thiết kế để điều trị các đường kính mạch máu: 3-12 mm - Đường kính ngoài của ống thông: 2 mm, 2 ⅔ mm, 3 ⅓ mm - Số vòng quay: 40.000 - 60.000 vòng/phút - Khả năng hút tối đa (lượng máu mất tối đa): 45-130 ml/phút. - Cỡ: 6F/8F/10F - Một bộ bao gồm: ống thông, dây dẫn, màn bọc vô trùng và túi gom 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng để loại bỏ qua da các thuyên tắc huyết khối và huyết khối xơ vữa từ các tắc nghẽn cấp, bán cấp và mạn tính của các động mạch. - Được chỉ định cho các mạch máu tự nhiên hoặc mạch máu có lắp giá đỡ, đoạn ghép giá đỡ hoặc bắc cầu tự nhiên hoặc nhân tạo. Chống chỉ định cho các mạch máu thuộc hệ thống tuần hoàn tim phổi , mạch vành và não - Tốc độ bóc tách vật chất gây tắc khỏi lòng mạch là 1cm/giây 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	40		
1923	Ống thông hút huyết khối 6 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngoài đầu gần/xa: 6F/6F. - Chiều dài 135 cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EU MDR, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	40		
1924	Ống thông hút huyết khối 8 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính ngoài đầu gần/xa: 8F/8F. - Chiều dài 85 cm và 115 cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: EU MDR, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	50		
1925	Ống thông hút huyết khối mạch não	1. Thông số kỹ thuật: - Ống thông hút huyết khối chất liệu nitinol, thiết kế dạng coil dệt - Đường kính trong ≤ 0.055" và ≥ 0.071" - Đường kính ngoài đầu xa ≥ 0.066" và ≤ 0.082" - Chiều dài hoạt động tối thiểu: 115,125,131cm - Chiều dài lớp phủ ≥ 60cm - Chiều dài đầu xa ≤ 15cm - Đầu tip định hình 2cm 2. Tính năng, công nghệ: - Ống hút có đi kèm dây nối với máy hút 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	40		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1926	Ống thông hút mảng xơ vữa và huyết khối, dài 120 → 135cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài ống thông: 120cm, 135cm - Guidewire tương thích: 0.014” - Đường kính đầu tip: 2.1 / 3.0mm và 2.4 / 3.4mm 2. Tính năng, công nghệ: - Hệ thống ống thông hút mảng xơ vữa và huyết khối các loại - các cỡ - Sheath tương thích nhỏ nhất: 7F 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	40		
1927	Ống thông hút mảng xơ vữa và huyết khối, dài 145cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài ống thông: 145cm - Guidewire tương thích: 0.014” - Đường kính đầu tip: 1.6mm, 1.85mm 2. Tính năng, công nghệ: - Hệ thống ống thông hút mảng xơ vữa và huyết khối các loại - các cỡ - Sheath tương thích nhỏ nhất: 7F 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	20		
1928	Ống thông JJ size 6,7 dài 26cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: polyurethan không latex - Dài 26cm, size: 6, 7Fr 2. Tính năng, công nghệ: Ống trơn láng, đầu JJ tròn O, ôm sát quả thận, không gây kích ứng, không gây chảy máu, radiopaque.	Cái	566		
1929	Ống thông lập bản đồ điện sinh lý tim mật độ cao dạng lưới, 16 điện cực trên lưới và 2 điện cực trên thân, lái chuyển hướng hai chiều, dài 110 cm, kích thước lưới 13x13 mm2	1. Thông số kỹ thuật: dài 110 cm, kích thước lưới 13x13 mm2 2. Tính năng, công nghệ: Ống thông lập bản đồ điện sinh lý tim mật độ cao dạng lưới, khoảng cách cực cách đều 3mm cho phép ghi nhận các sóng lưỡng cực mật độ cao theo phương dọc và ngang qua các trục để giúp lập bản đồ và tính toán định hướng, độ cong DF, có 16 điện cực trên lưới và 2 điện cực trên thân ống thông, lái chuyển hướng hai chiều	Cái	4		
1930	Ống thông lập bản đồ điện sinh lý tim vòng lặp cố định lệch hướng 180 độ, dài 115cm, 7,5F, có cảm biến, lái chuyển hướng 1 chiều	1. Thông số kỹ thuật: dài 115cm, thân 7,5F 2. Tính năng, công nghệ: Ống thông lập bản đồ vòng lặp lệch hướng 180 độ, lái chuyển hướng một chiều với bộ cảm biến cho phép điều hướng và tạo mô hình chính xác với trở kháng và từ trường ổn định, tạo mô hình giống như chụp CT, vòng lặp cố định 4F có 10 điện cực và 2 điện cực trên thân	Cái	4		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1931	Ống thông Laser điều trị tĩnh mạch hiển lớn, đường kính dây 600µ và 400µ	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu đốt laser nội mạch gồm sợi quang học Ringlight radial fiber với đường kính Catheter 600 µm, 400 µm. - Chiều dài của ống thông 2,5 m. 2. Tính năng, công nghệ: - Máy có Thẻ SmarterCard Lưu trữ thông tin bệnh nhân (ngày can thiệp, họ tên Bệnh nhân, giới tính, chân can thiệp, tĩnh mạch hiển lớn hoặc tĩnh mạch nhỏ, tổng năng lượng đốt cho bệnh nhân). - Máy sử dụng thẻ MasterCard để kích hoạt máy và lưu trữ thông tin bệnh nhân trong thẻ từ 10 đến 30 lần can thiệp. - Tương thích với máy Endotherme ™ 1470 hoặc tương đương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	504		
1932	Ống thông lấy huyết khối dùng trong can thiệp mạch máu	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính mạch tối thiểu: 1.5mm - Chiều dài hoạt động: 145cm - Đường kính ống tối đa: 4F (3F Distal) - Kiểu dây dẫn: OTW - Dây dẫn tương thích: 0.014 in - Ống dẫn tương thích đường kính trong: 6F (>= 0.070 in) - Phủ hydrophilic: Có - Thời gian hoạt động tối đa được đề xuất (phút) + Tổng thời gian hoạt động: 10 phút + Thời gian hoạt động trực tiếp với máu: 5 phút 2. Tính năng, công nghệ: - Ống thông hút huyết khối được chỉ định sử dụng cùng Bảng điều khiển để phá vỡ và loại bỏ huyết khối có trong: + Động mạch ngoại biên chi trên và chi dưới và + Để sử dụng để kiểm soát và truyền có chọn lọc các chất lỏng nhất định được bác sĩ chỉ định, bao gồm các chất làm tan huyết khối, vào hệ mạch máu ngoại biên. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Bộ	10		
1933	Ống thông lọc màng bụng dạng cuộn dài 63cm	1.Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Nhựa silicone mờ, trong lòng ống có chứa dải cản quang 2. Tính năng, công nghệ: Catheter để vô dịch ổ bụng	Cái	280		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1934	Ống thông mở rộng đi sâu vào động mạch vành có chiều dài 25cm và 40cm,	1. Thông số kỹ thuật: Ống thông mở rộng đi sâu vào động mạch vành (ống thông mở rộng để đưa dụng cụ qua nối với dây dẫn) - Chất liệu: Platinum Iridium; - Có chiều dài hệ thống 150 cm. Kích cỡ đầu tiếp cận: 6F, 7F, 8F và 6F dài; - Ống thông dài 25cm và 40cm; - Phủ lớp ái nước Z-glide hoặc tương đương. Lõi đan dải kim loại 1×1 2. Tính năng, công nghệ: - Đoạn chuyển tiếp dạng ống ngắn, phủ lớp ái nước, cổ có dạng xoắn ốc (Helical Collar) cản quang. - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu); CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	140		
1935	Ống thông Mono J mở bàng quang qua da, 100% Silicon, size 14, 16 Fr dài 40 cm, có bóng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 100% Silicon. - Kích thước: Đường kính 14Fr, 16Fr; dài 40cm. 2. Tính năng công nghệ: - Dùng để mở bàng quang qua da. - Đầu Pigtail có bóng 5ml/cc và 10ml/cc. - Có in mã vạch trên bao bì sản phẩm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	20		
1936	Ống thông mũi khoan có núm xoay dài 135 cm các cỡ 1,25-2,5 mm	1. Thông số kỹ thuật: Ống thông có mũi khoan đính kim cương và dụng cụ đẩy bao gồm: - Mũi khoan hình elip gắn ở đầu 1 dây lái linh hoạt của hệ thống bào mảng xơ vữa, tích hợp nút on/off trên dụng cụ đẩy lắp sẵn ống thông, được phủ tinh thể kim cương từ 2000 - 3000 ở bề mặt đầu xa, bề mặt đầu gần của mũi khoan nhẵn mịn; - Các cỡ đầu khoan: 1.25; 1.5; 1.75; 2; 2.15; 2.25; 2.38; 2.50mm; - Đầu khoan tương thích với ống thông: 1.25 & 1.5 mm (6Fr), 1.75 mm (7Fr), 2.0 & 2.15 mm (8Fr), 2.25 & 2.38 mm (9F), 2.5 mm (10F); - Chiều dài ống thông 135cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu) và CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	50		
1937	Ống thông niệu quản	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: chất liệu nhựa y tế - Kích thước: 6 Fr, Dài 70cm 2. Tính năng, công nghệ: Dùng để hỗ trợ phẫu thuật dẫn lưu nước tiểu từ thận xuống bàng quang. Loại: có 1 cổng kết nối	Cái	540		
1938	Ống thông niệu quản cỡ 6, 7 Fr dài 26 cm	Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Đường kính 6Fr, 7Fr; dài 26cm. - Loại mềm Soft Green hoặc tương đương; không dây dẫn đường. - Có vạch chia chiều dài; thân màu xanh nhạt; đầu mở. - Có sticker để lưu hồ sơ bệnh án. - Thời gian đặt lưu bên trong cơ thể đến 12 tháng.	Cái	1.700		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1939	Ống thông niệu quản cỡ 6Fr, 7Fr, dài 26cm	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 100% Silicone - dài 26cm, đường kính 6Fr, 7Fr. Cung cấp bao gồm: 01 ống thông, 01 cây đẩy (đường kính 2mm, dài 40 cm) 2. Tính năng, công nghệ: Dùng để đặt trong đường tiết niệu từ thận xuống bàng quang với nhiều kích cỡ để lựa chọn phù hợp với nhu cầu sử dụng. Ống thông màu vàng có móc loại O/O, thân có vạch chia đánh dấu, có lỗ 2 bên thân, tương thích với guidewire 0,035". Tiệt trùng, đặt trong cơ thể tối đa 12 tháng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015, ISO 13485:2016, CE (Châu Âu)	Cái	480		
1940	Ống thông niệu quản cỡ 6Fr, 7Fr, dài 30cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane (2363-80-A, filler: 30% BaSO4), màu Xanh nhạt, tạo bề mặt mịn, ít thô ráp, tạo tối đa sự thoải mái cho bệnh nhân do vật liệu siêu mềm. Khả năng hiển thị tia X-quang cao - Kích cỡ 6F,7F, có chiều dài A bao gồm đuôi heo 30cm, có chiều dài B không bao gồm đuôi heo 26cm, 2. Tính năng, công nghệ: - Có 4 tem (sticker) ghi rõ số lô (batch), ngày sản xuất được đính kèm trên bao bì của sản phẩm, để dán trên hồ sơ của bệnh án, bảo hiểm, hồ sơ xuất viện nhằm theo dõi sond trong thời gian lưu. Thời gian lưu ống thông JJ 12 tháng. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485:2012, CE (Châu Âu).	Cái	500		
1941	Ống thông niệu quản dùng cho can thiệp nội soi niệu các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính từ 3Fr đến 7Fr - Chiều dài ống thông: 70cm 2. Tính năng, công nghệ: Đượcc sử dụng cho dẫn lưu nước tiểu từ niệu quản và cho phép vận chuyển chất cản quang - Ống thông niệu quản cản quang và có vạch đánh dấu cm - Ống thông niệu quản được cung cấp kèm adapter	Cái	460		
1942	Ống thông niệu quản phủ hydrophilic loại đầu thon, có lỗ mở ở đầu, các cỡ.	Thông số kỹ thuật: - Ống thông niệu quản dùng thoát nước tiểu từ bể thận ra ngoài xuyên qua niệu đạo hoặc có thể được dùng để duy trì dẫn lưu, truyền chất cản quang và nong niệu quản. - Ống thông được làm bằng polyurethane loại cứng giúp làm giãn phần cứng hoặc tổn thương của niệu quản, cản quang, linh hoạt, chống gấp khúc. Ống có lớp phủ hydrophilic mà khi được kích hoạt, sẽ hút và giữ nước và các chất lỏng khác trên bề mặt của ống thông, tạo ra một bề mặt ma sát thấp. Vật liệu được sử dụng trong lớp phủ hydrophilic được thiết kế đặc biệt cho ống thông tiết niệu. - Đường kính bên trong mở, đầu thon, mở, thân cứng màu xanh. Đánh dấu vạch mỗi 5 cm dọc theo ống. Các cỡ 03 Fr/04 Fr/05 Fr/06 Fr/07 Fr/08 Fr, dài: 70 cm. - Đầu nối ống thông dùng để lấy mẫu hoặc tiêm thuốc cản quang/trị liệu. - Nòng bên trong được làm bằng kim loại hoặc polyme dễ dàng rút ra, cho phép duỗi thẳng ống thông để đưa vào dễ dàng hơn. - Bộ bao gồm: Ống thông niệu quản phủ lớp hydrophilic; Đầu nối với ống thông; Cây nòng đơn.	Cái	80		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1943	Ống thông niệu quản sonde JJ các số (lưu < 12 tháng)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ống thông Carbothane TPU, que đẩy PP, dây dẫn đường PTFE. - Bộ gồm: Sonde JJ (3Fr, 4Fr, 4,8FR, 6F; 7Fr, dài 8-30cm); que đẩy (3Fr, 4Fr, 4,8FR, 6F; 7Fr, dài 45-70-75-90cm ± 0,5 cm); dây dẫn đường (0.018"-0.038" dài 80-150cm ±5cm). - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tính năng, công nghệ: - Ống thông niệu quản dùng để dẫn lưu tạm thời từ niệu đạo đến bàng quang. - Thiết kế xoắn hai đầu J, 2 lỗ mở, có chỉ thị màu đen trên thân ống, có chỉ ở đầu xa. - Thời gian đặt <12 tháng.	Cái	20		
1944	Ống thông nội khí quản, có bóng số 3.0-8.5	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: Ống thông nội khí quản cho sử dụng một lần chủ yếu được làm bằng nhựa PVC y tế 2. Tính năng, công nghệ: Sản phẩm được khử trùng bởi E.O. Ống nội khí quản có bóng sử dụng một lần các số	Cái	22.650		
1945	Ống thông nội phế quản Blue Line 2 nòng trái/phải với bóng thể tích lớn áp lực thấp ác số 28-41F và 4 dây hút đàm chuyên nội phế quản đi kèm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC - Chiều dài ống nội phế quản và đường kính 2 bóng lần lượt: - Nội phế quản phải: 28 x 23/13mm; 32 x 24/13mm; 35 x 26/21mm; 37 x 28/21mm; 39 x 29/21mm; 41 x 31/21mm. - Nội phế quản trái: 28 x 23/12mm; 32 x 24/13mm; 35 x 26/18mm; 37 x 28/18mm; 39 x 29/23mm; 41 x 31/23mm. 2. Tính năng, công nghệ: Bóng Soft-Seal thể tích lớn áp lực thấp an toàn khi lưu lâu, hạn chế tổn thương. Bóng phế quản hình quả đậu màu xanh chứa chất cản quang giúp xác định chính xác đầu ống, cố định tốt tại vị trí đầu xa. Độ cong tương thích giải phẫu, có đường cản quang xanh đậm dọc ống, co nối vuông góc 90 độ giúp kết nối dễ và chắc chắn. Đóng gói có 4 dây hút nhớt chuyên phế quản đi kèm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	744		
1946	Ống thông phổi không trocar, có co nối đi kèm các cỡ 12-36 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Các cỡ: 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36 Fr. - Đường kính trong: 2,9-8,5 mm. - Đường kính ngoài: 4,4-12,0 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Ống dẫn lưu màng phổi dài 45cm, làm bằng PVC tương thích sinh học, không độc hại, không gây sốt, không chưa DEHP. - Có đường cản quang màu xanh trên trục, có vạch chia độ sâu mỗi 2cm tính từ lỗ cuối đầu xa. - Phụ kiện: Co nối từng nấc bằng ABS. - Tiệt trùng bằng khí EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	240		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1947	Ống thông phổi không trocar, có co nối đi kèm; các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PVC, thân ống phủ silicone - Size cỡ 8FG-36FG. Chiều dài 450mm. 2. Tính năng, công nghệ: * Đầu ống gắn mũi dẹp giúp dễ luồn. * Ống dẫn lưu màng phổi dùng để dẫn lưu hiệu quả sau phẫu thuật tim-lồng ngực Đầu nối có kích thước phù hợp để dễ dàng kết nối với hệ thống dẫn lưu 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	3.200		
1948	Ống thông siêu âm nội mạch tần số 40MHz	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu dò siêu âm mạch vành tần số 40MHz - Chất liệu dây cáp bằng thép không gỉ, có phủ lớp ái nước Bio-Slide hoặc tương đương. - Có tần số hoạt động 40MHz cho hình ảnh sắc nét, chiều dài hệ thống 135cm - Độ phân giải trục là 38µm - Độ phân giải bên (Lateral resolution): 80 - 200µm 2. Tính năng, công nghệ - Tương thích ống thông có kích thước từ 5Fr - Tiệt khuẩn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	20		
1949	Ống thông siêu âm nội mạch tần số 60MHz	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu dây cáp bằng thép không gỉ, phủ lớp ái nước Bio-Slide hoặc tương đương - Chiều dài sử dụng: 135cm - Tần số hoạt động 60MHz - Đường kính vượt qua tổn thương 3.1F; đường kính đầu vào 0.026" - Độ phân giải trục là 22 µm. Độ phân giải bên 50 - 140 µm - Độ sâu thâm nhập mạch máu 6mm. - Tương thích ống thông từ 5Fr trở lên 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt khuẩn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	20		
1950	Ống thông tạo đường truyền tĩnh mạch trung tâm từ ngoại biên -1Fr/28G	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PUR - Cỡ 1Fr /28G, dài 20 cm. Tốc độ truyền dịch 0,7ml/phút	Cái	520		
1951	Ống thông tạo đường truyền tĩnh mạch trung tâm từ ngoại biên -24G/2Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicone - Chiều dài 30cm, Cỡ 24G/2Fr 2. Tính năng, công nghệ: Tốc độ truyền dịch 3,0ml/phút	Cái	120		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1952	Ống thông tiểu 1 nhánh 8-18 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu PVC y tế, màu trắng đục và thân trơn dễ luồn. - Chiều dài 40cm. - Các cỡ/ Đường kính OD (mm): 8Fr/2,65; 10Fr/3,35; 12Fr/4,0; 14Fr/4,65; 16Fr/5,35; 18Fr/6,0. 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế 6 gờ kết hợp lõm ở tay cầm giúp tháo rút thuận lợi ngay cả khi mang găng tay. - Có co nối túi nước tiểu. - Đầu bo an toàn với niêm mạc, có 2 lỗ bên so le lệch nhau 0,5cm giúp tăng hệu quả dẫn lưu và giảm nguy cơ tắc nghẽn. - Mã hóa các cỡ theo màu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Sợi	4.950		
1953	Ống thông tiểu 2 nhánh (Foley) số 12-22 Fr	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su thiên nhiên, tráng phủ silicon. Van nhựa hoặc van cao su. - Màu được mã hóa để xác định kích thước Fr 12 đến Fr 22. - Chiều dài: 400mm. - Dung tích bóng: 10cc/30cc.	Cái	118.760		
1954	Ống thông tiểu 2 nhánh (Foley) số 6-10 Fr	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su thiên nhiên, tráng phủ silicon. Van nhựa hoặc van cao su. - Màu được mã hóa để xác định kích thước Fr 06 đến Fr 10. - Chiều dài: 270mm. - Dung tích bóng: 3cc/5cc.	Cái	8.130		
1955	Ống thông tiểu Foley 3 nhánh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su tự nhiên, phủ silicon màu vàng trong và ngoài ống. - Chiều dài dây 42 cm. - Dung tích bóng là 30cc. 2. Tính năng, công nghệ: - Hai mắt đối diện nhau, dây mềm, bề mặt dây trơn láng. - Không độc, không gây sốt, không gây kích ứng khi sử dụng. - Đóng gói vô khuẩn từng cái. 3. Tiêu Chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	2.220		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1956	Ống thông tiểu Silicone 2 nhánh các cỡ 6-10 Fr (3-5cc) và 12-26 Fr (10-30cc), chiều dài 42 cm, có các rãnh dọc thân ống giảm tiếp xúc ma sát	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 100% silicone. - Van được làm bằng nhựa cứng và được mã hóa màu cho từng số. - Chiều dài: 42cm. - Hai mắt đối diện, từ số 6-10fr có dung tích bóng 3 -5cc, từ số 12-26fr có dung tích bóng 10-30cc. 2. Tính năng công nghệ: - Đầu ống và dọc thân ống có đường cản quang. - Tiệt trùng bằng khí EO, không độc, không gây sốt, không gây kích ứng khi sử dụng. - Đóng gói riêng biệt từng cái bằng giấy thấm tách y tế. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	1.384		
1957	Ống thông tiểu silicone hai nhánh có cảm biến nhiệt độ các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Foley 2 nhánh, được làm từ 100% silicone y tế. Có tích hợp cảm biến nhiệt độ để theo dõi nhiệt độ bàng quang của bệnh nhân, điện thế đầu vào 5V. - Dãy nhiệt độ đo 25oC-45oC, độ chính xác ±0,1oC. - Có cáp nối tương thích với monitor của các hãng GE, Philips, Nihon Kohden, HP, Siemens. - Thân catheter có đường đánh dấu cản quang, kích cỡ 8-24Fr, tương thích MRI. - Thể tích bóng 5-10ml. Ống thông có thể lưu đến 29 ngày. - Tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), FDA 510K (Premarket Notification).	Cái	300		
1958	Ống thông tiểu silicone tiệt trùng 2 nhánh các cỡ, các số	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: ống thông 100% silicone, van 1 chiều làm bằng nhựa ABS. - Đường kính ngoài - đường kính trong ống thông: 12Fr-2.17mm, 14Fr-2.63mm, 16Fr-3.05mm, 18Fr-3.51mm, 20Fr-3.92mm, 22Fr-4.36mm, 24Fr-4.79mm. Dung tích bóng: 3ml(8Fr-10Fr), 10ml(12Fr-24Fr). 2. Tính năng, công nghệ: Ống thông tiểu Silicone tiệt trùng 2 nhánh lòng ống rộng, dẫn lưu tốt, đầu ống cản quang, trên ống thông có đường cản quang.	Cái	700		
1959	Ống thông tiểu Silicone tiệt trùng 2 nhánh các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Ống được làm bằng silicone, van làm bằng nhựa: ABS, Silicone. - Ống thông tiểu Silicone tiệt trùng 2 nhánh dung tích bóng 10ml, chiều dài ống 430mm, thời gian đặt ống 30 ngày. 2. Tính năng, công nghệ: Ống thông tiểu Silicone tiệt trùng. Bóng silicone bền bỉ và tròn đều, chống rò rỉ nước và dẫn lưu hiệu quả. Đầu ống thông cản quang, thiết kế đầu ống đến bóng ngắn để tránh gây kích ứng bàng quang và giảm lượng nước tiểu động lại trong bàng quang. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	4.640		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1960	Ống thông tiểu Silicone tiệt trùng 3 nhánh các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Ống thông tiểu 3 nhánh - Chất liệu ống 100% silIcone, bóng cố định tròn đều - Van bơm/xả bằng nhựa ABS - Kich cỡ: 14 - 24Fr (tối thiểu 06 cỡ), dung tích bóng 15 -20- 30ml (tối thiểu 03 mức dung tích) - Nhánh chảy rửa có nắp đậy - Chiều dài ống 430mm 2. Tính năng, công nghệ: - Đặc điểm: đầu ống cản quang, thời gian đặt ống 30 ngày, phân biệt kích cỡ theo mã màu - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	840		
1961	Ống thông tiểu số 6 đến 16, 18 đến 24	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu PVC. - Chiều dài 40cm +/-1cm. Đường kính ngoài: 6FG(2.0+/-0.1mm), 8FG(2.67+/-0.1mm), 10FG(3.33+/-0.15mm), 12FG(4.00+/-0.15mm), 14FG(4.67+/-0.2mm), 16FG(5.33+/-0.2mm), 18FG(6.0+/-0.2mm), 20FG(6.67+/-0.20mm), 22FG(7.30+/-0.20mm), 24FG(8.0+/-0.2mm). 2. Tính năng, công nghệ: Ống thông tiểu qua đường niệu đạo.	Cái	20.186		
1962	Ống thông tĩnh mạch đùi đa tầng	1. Thông số kỹ thuật: - Cấu tạo có ít nhất 6 lỗ dẫn lưu được gia cố bằng kim loại giúp dẫn lưu tối ưu. - Chiều dài ống thông là 28.75 in (73 cm) với chiều dài nòng là 38.19 in (97 cm), độ sâu đặt vào tổng cộng của ống thông là 24 in. (61 cm), tiệt trùng 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng dẫn máu tĩnh mạch trong phẫu thuật tim ít xâm lấn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	40		
1963	Ống thông tĩnh mạch trung tâm 2 nhánh, cỡ 7Fr x 20cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catheter 2 đầu chất liệu polyurethane, nắp tiêm phủ silicon. - Kích thước: 7Fr x 20cm. 2. Tính năng, công nghệ: Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nhánh, vật liệu không chứa latex. Đầu ống thông đánh dấu mã màu giúp xác định đầu ống dễ dàng. Kèm bộ dụng cụ phẫu thuật chèn ống thông.	Cái	650		
1964	Ống thông tĩnh mạch trung tâm loại 2 nhánh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Catheter làm từ vật liệu Thermoplastic polyurethane, đầu nong bằng polypropylene. Guide wire bằng thép không gỉ. - Đường kính catheter: 7Fr. Chiều dài catheter: 20cm. Đường kính đầu nong: 8F, chiều dài 10 cm. Guide wire đường kính 0,035", chiều dài 60cm. Kim dẫn đường chữ Y/ thẳng, đường kính 18Ga. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016; CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	630		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1965	Ống thông tưới máu não có chọn lọc	1. Thông số kỹ thuật: - Ống thông silicon có trang bị một bóng silicon để sử dụng trong phẫu thuật động mạch chủ. - Thể tích bơm bóng tối đa 3,5ml. - Chiều dài hiệu dụng 270mm, - Kích cỡ 12Fr, 14Fr và 16Fr, 2. Tính năng, công nghệ: - Bóng cho phép cải thiện độ bám/giảm tuột từ động mạch mục tiêu nhờ có các gân trên bề mặt bóng. - Ống thông được trang bị kênh đo áp lực giúp kiểm soát áp lực trong quá trình tưới máu, - Có hai kiểu kết nối dạng đầu nối luer hoặc đầu nối hình côn, - Dùng để tưới máu não có chọn lọc xuôi dòng trong phẫu thuật động mạch chủ - Tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: MHLW (Nhật Bản)	Cái	40		
1966	Ống, dây cho ăn các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Ống cho ăn thông mũi dạ dày lưu dài ngày - Chất liệu ống 100% silicone 2. Tính năng công nghệ: - Kích cỡ: 6 - 20Fr (tối thiểu 08 cỡ), đường kính trong: 1.1 - 4.1mm - Chiều dài ống 50 - 70 - 95cm - Đặc điểm: 4 lỗ truyền dinh dưỡng/giảm áp dạ dày, đầu ống có nút chặn tròn và có cản quang, thời gian đặt ống 30 ngày, có 2 nắp đậy, trên ống có đường cản quang và vạch đánh dấu độ sâu - Tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Cái	2.000		
1967	Oxy già 30%	1. Thông số kỹ thuật: Dung dịch Oxy già 30% 2. Tính năng, công nghệ: Trong suốt, tinh khiết cho phân tích, tính ăn mòn cao.	ml	2.900		
1968	Oxy già 30%	1. Thông số kỹ thuật: Thành phần: Hydrogen Peroxide nồng độ 30%. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001:2015.	Chai	41.260		
1969	Phim chụp laser 20 x 25 cm (8 x 10 inch)	1. Thông số kỹ thuật: - Độ tương phản: Từ 0,6 đến 2,0. - Độ nhạy tối đa: từ 3,00 ±0,10 đến 3,30 ±0,10. - Độ nhạy tối thiểu: từ ≤ 0,28 đến ≤ 0,29 - Phim có nền xanh với nền Polyester dày 7 mm. - Kích thước: 20x25cm (8x10inch). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tấm	190.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1970	Phim chụp laser 35 x 43 cm (14 x 17 inch)	Thông số kỹ thuật: - Độ tương phản: Từ 0,6 đến 2,0 - Độ nhạy tối đa: từ 3,00 ±0,10 đến 3,30 ±0,10. - Độ nhạy tối thiểu: ≤0,28 đến ≤0,29. - Phim có nền xanh. với nền Polyester dày 7 mil. - Kích thước: 35x43cm (14x17inch). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Tấm	56.000		
1971	Phim khô laser cỡ 35x43cm	1. Thông số kỹ thuật - Kích cỡ: 35cm x 43cm; - Cấu tạo phim 4 lớp; + Lớp trên: 86% gelatin độ dày: 2,3 µm; + Lớp nền xanh: 100% polyethylene terephthalate; độ dày: 170 µm; + Lớp nhạy: 36% light sensitive agents; độ dày: 10,6 µm ; + Lớp dưới: 88% gelatin độ dày: 3,5 µm; Hoặc phim có cấu tạo tương đương, tương thích với các dòng máy in Drypix series & tự động nhận diện được số lượng phim. 2. Tính năng, công nghệ: - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser; 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. 4. Xuất xứ: G7.	Tấm	332.700		
1972	Phim X Quang 30 x 40cm	1. Chất liệu: Polyethylene Terephthalate (Pet): 85-95%, Gelatine: 1-10%, Silver halides: 1-10%, Additives: 1-10%, Bao gói: màng nhôm. 2. Thông số kỹ thuật: Kích thước 30cm x 40cm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Phim X quang ướt siêu nhạy, tráng phim bằng hóa chất, phòng tối. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485, EC	Tấm	13.000		
1973	Phim X Quang Laser	Kích cỡ: 25x30cm	Tấm	220.000		
1974	Phim X-quang khô laser 10 x 12 inch (25 x 30cm)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyethylene terephthalate 90%-99%; additives <1%; binding agents <1%, - Kích cỡ 25 x 30cm 2. Tính năng công nghệ: Sử dụng được trong ánh sáng ban ngày. Có thể sử dụng cho máy in kỹ thuật số Konica Drypro model 832 / 873, 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tấm	172.648		
1975	Phim X-quang khô laser 8 x 10 inch (20 x 25cm)	1. Chất liệu: Polyethylene terephthalate 90%-99%; additives <1%; binding agents <1%, 2. Thông số kỹ thuật: Kích cỡ 20x25cm 3. Tính năng kỹ thuật: Sử dụng được trong ánh sáng ban ngày Có thể sử dụng cho máy in kỹ thuật số Konica Drypro model 832 / 873, 4. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tấm	526.248		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1976	Phim X-quang khô laser cỡ 14 x 17 inch (35 x 43cm);	1. Thông số kỹ thuật: - Phim X-quang khô laser phục vụ nhu cầu in ấn trong y khoa : - Phim được thiết kế trên nền Polyethylene terephthalate (PET). Thành phần chính polyethylene terephthalate (PET) 85-95%, polymers 1-10%, organic silver 1-10%, additives 0.1-15%, silver halides 0.05-0.1%. - Kích thước: 14 x 17 inch (tương đương 35 x43 cm) 2. Tính năng, công nghệ: - Tương thích với Máy in phim Drypro 873/832 (Hãng sản xuất: Konica Minolta) hoặc tương đương	Tấm	256.600		
1977	Phim X-Quang khô laser cỡ 20x25cm	1. Thông số kỹ thuật - Kích cỡ: 20cm x 25cm; - Cấu tạo phim 4 lớp; + Lớp trên: 86% gelatin độ dày: 2,3 µm; + Lớp nền xanh: 100% polyethylene terephthalate; độ dày: 170 µm; + Lớp nhạy: 36% light sensitive agents; độ dày: 10,6 µm ; + Lớp dưới: 88% gelatin độ dày: 3,5 µm; Hoặc phim có cấu tạo tương đương, tương thích với các dòng máy in Drypix series & tự động nhận diện được số lượng phim. 2. Tính năng, công nghệ: - Phim khô kỹ thuật số công nghệ in laser; 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương. 4. Xuất xứ: G7.	Tấm	813.200		
1978	Phim X-Quang khô laser cỡ 25x30cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PET: 85-95%; Polymers: 1-10%; Organic silver: 1-10%; Gelatine: 1-10%; Additives 0;1-15%; Silver halides: 0;05-1% - Kích cỡ: 25x30 cm, - Công nghệ in: khô; laser 2. Tính năng, công nghệ: Tương thích với máy in phim khô model: Drypix 4000/6000/7000; Drypix Plus; Drypix Smart; Drypix Edge.	Tấm	458.168		
1979	Phim X-Quang khô nhiệt 20x25cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PET: 85-95%; Polyvinyl alcohol: 1-10%; Color former: 1-10%; Additives: 1-10%; Pigments: 0,1-5% - Kích thước: 20x25cm 2. Tính năng, công nghệ: Tương thích với máy in phim nhiệt model: DryPix 2000; Drypix Lite.	Tấm	127.248		
1980	Phim X-Quang khô nhiệt 25x30cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PET: 85-95%; Polyvinyl alcohol: 1-10%; Color former: 1-10%; Additives: 1-10%; Pigments: 0,1-5% - Kích thước: 25x30cm 2. Tính năng, công nghệ: Tương thích với máy in phim nhiệt model: DryPix 2000; Drypix Lite	Tấm	20.496		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1981	Phim X-Quang khô nhiệt 26x36cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PET: 85-95%; Polyvinyl alcohol: 1-10%; Color former: 1-10%; Additives: 1-10%; Pigments: 0,1-5% - Kích thước: 26x36cm 2. Tính năng, công nghệTương thích với máy in phim nhiệt model: DryPix 2000; Drypix Lite.	Tấm	44.400		
1982	Phim X-quang số hóa 20x25cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phim được phủ nền Polyester 7-mil - Kích thước 20x25 cm 2. Tính năng, công nghệ Có thể nạp phim theo khay dưới ánh sáng thường, Phim chuẩn được nhuộm màu xanh, Phim có độ nhiễu thấp và mật độ đồng đều, Phù hợp với Máy in laser Trimax, Có thể lưu trữ phim được trên 100 năm	Tấm	368.500		
1983	Phim X-quang số hóa 35x43cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phim được phủ nền Polyester 7-mil, - Kích thước 35x43 cm 2. Tính năng, công nghệ Có thể nạp phim theo khay dưới ánh sáng thường, Phim chuẩn được nhuộm màu xanh, Phim có độ nhiễu thấp và mật độ đồng đều, Phù hợp với Máy in laser Trimax, Có thể lưu trữ phim được trên 100 năm	Tấm	370.000		
1984	Phim X-quang y tế 14x17inch (35x43cm)	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước 14x17 inch (35x43cm), PET dày 168µm, hạn sử dụng phim ≥ 24 tháng, đậm độ quang học ≥ 3,1 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng công nghệ in phim kỹ thuật số trực tiếp, phủ muối bạc và lớp chống trầy xước và chống ẩm. Có thể sử dụng được cho máy in AGFA	Tấm	19.600		
1985	Phim X-quang y tế 8x10inch (20x25cm)	1. Thông số kỹ thuật: 8x10 inch (20x25cm), PET dày 168µm, hạn sử dụng phim ≥ 24 tháng, đậm độ quang học ≥ 3,1 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng công nghệ in phim kỹ thuật số trực tiếp, phủ muối bạc và lớp chống trầy xước và chống ẩm. Có thể sử dụng được cho máy in AGFA	Tấm	182.400		
1986	Phin lọc cai máy thở	1. Thông số kỹ thuật: - Khoảng chết 12 ml. - Trở kháng 30LMP (0,7 cmH2O). - Độ ẩm VT500ml: 26 mgH2O/l không khí. 2. Tính năng, công nghệ: - Cung cấp không khí nóng và ẩm cho bệnh nhân thở tự nhiên thông qua ống thông khí quản hoặc ống nội khí quản. - Sử dụng 1 lần, không latex, không DEHP. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	3.420		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1987	Phin lọc khuẩn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu lọc khuẩn là sợi polypropylene - Hiệu quả trên 99,9%@30L/phút - Trở kháng dưới 2.5cmH20 @ 50L/phút - Thể tích khí lưu thông 150-1500ml - Khoảng chết ≤ 33ml - Hiệu suất lọc vi khuẩn, vi rút >99,999% - Độ trở kháng 30l/phút 8mm H20 - 60l/phút 17mm H2O - 90l/phút 27mm H2O - Trọng lượng 19 gram 2. Tính năng, công nghệ: Tương thích cho các máy thở và máy gây mê. Phin lọc khuẩn người lớn có cổng trích khí Pressure Drop 30LPM	Cái	65.700		
1988	Phin lọc khuẩn	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính trong (ID): 29,5mm. - Đường kính ngoài (OD): 33,5mm. - Hiệu quả lọc khuẩn: ≥ 99,99% . - Trở lực dòng khí: ≤ 1,3cm H2O ở 60L/phút. - Sử dụng cho người lớn và trẻ em. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: 93/42/EEC.	Cái	13.850		
1989	Phin lọc khuẩn (ba chức năng)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lọc làm bằng vật liệu polypropylene - Ẩm độ đầu ra tại thể tích 500ml: ≥ 34,6mgH2O/lít - Thể tích khí lưu thông hoạt động : 150 - 1500ml - Sức cản dòng tại lưu lượng 30L/phút: ≤1,3mbar - Sức cản dòng tại lưu lượng 60L/phút: ≤ 3 mbar - Thể tích khoảng chết: ≥ 46,5ml; ≤55ml - Kết nối chuẩn 22M/15F-22F/15M - Khối lượng : ≤ 20g 2. Tính năng, công nghệ: - Lọc hoạt động theo nguyên lý tĩnh điện với hiệu quả lọc khuẩn lên đến 99,999% - Màng lọc làm ấm làm ẩm làm từ vật liệu giấy dập nếp - Cổng trích khí kiểm tra có khóa nghiêng 45 độ: Có 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	26.320		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1990	Phin lọc khuẩn (đo chức năng hô hấp)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Có vỏ nhựa polystyrene. - Màng lọc bằng technostat modocrylic polypropylene, không chứa cao su. - Đường kính trong 45mm, đường kính ngoài 48,5mm. - Thể tích bên trong lọc 50ml, hiệu suất lọc 99,9%. - Khoảng chết thấp 53 ml. 2. Tính năng công nghệ: - Tiệt trùng bằng khí EO, sử dụng 1 lần. - Tương thích cho máy KoKo hoặc tương đương. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	3.428		
1991	Phin lọc khuẩn có cổng CO2	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu màng lọc : sợi tổng hợp pha trộn - Hiệu suất lọc vi khuẩn: ≥ 99,999% - Hiệu suất lọc vi rút: ≥ 99,999% - Hiệu suất lọc đối với hạt muối kích thước 0,3µm ở tốc độ dòng 30 L/p ≥ 98,95% - Khoảng chết: ≤ 25 ml - Khối lượng: ≤ 12,5g - Nội độc tố vi khuẩn < 0,25 Eu/ml 2. Tính năng, công nghệ: Phin lọc khuẩn có cổng CO2 nghiêng 45 độ 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	200		
1992	Phin lọc vi khuẩn	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Lọc làm bằng vật liệu PP, đĩa lọc làm bằng PTFE kỵ nước Kích cỡ: Đĩa lọc nặng 10,5g - Co nối 8mm/12mm - Khả năng lọc: 0,2micorn. Hiệu quả lọc BFE và VFE 99,999% 2. Tính năng, công nghệ: Lọc vi khuẩn/ vi rút	Cái	420		
1993	Phin lọc vi khuẩn có khóa CO2 dành cho người lớn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vỏ nhựa PP(polypropylen) - Trở kháng 30LPM: 0,3cmH2O; 60LPM: 0,7cmH2O; 90LPM: 1,25 cmH2O - Hiệu quả lọc vi khuẩn 99,99998%, vi virus 99,9998% - Trọng lượng 16,8gr - Khoảng chết 94,l - Thể tích dòng khí (Tidal Volume) 150ml-500ml 2. Tính năng, công nghệ: Lọc vi khuẩn, vi rút có cổng lấy mẫu khí đo CO2, lọc tĩnh điện. Đóng gói vô trùng. Sử dụng 1 lần 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	12.296		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1994	Phin lọc vi khuẩn loại 3 chức năng dùng cho người lớn	1. Thông số kỹ thuật: - Màng lọc: Làm từ Polypropylene - Thể tích khí lưu thông: 200-1500ml. - Khoảng chết cơ học: 18 ml. - Hiệu quả lọc vi khuẩn đạt 99%-99.999% - Hiệu quả lọc virus đạt 99%-99.999% - Thiết kế có cổng lấy mẫu khí đo CO2 tiện lợi. - Kết nối (phía máy – phía bệnh nhân): 22F / 15M – 22M / 15F - Độ sụt áp: 30 L / phút (LPM): 1,2 hPa; 60 L / phút (LPM): 2,7 hPa; 90 L / phút (LPM): 4,6 hPa - Kết nối (phía máy – phía bệnh nhân): 22F / 15M – 22M / 15F 2. Tính năng, công nghệ: - Phin lọc khuẩn loại 3 chức năng, dùng cho người lớn (lọc khuẩn, giữ ấm, giữ ẩm) được làm từ nhựa y tế SBC. - Lọc theo cơ chế cơ học và tĩnh điện (electrostatic), lọc 2 chiều - Lớp giấy y tế Medical paper giữ ẩm và giữ ấm. - Tiệt trùng: Ethylen Oxide. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015.	Cái	109.540		
1995	Phin lọc vi khuẩn tương thích với bộ điều áp hút	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polypropylene, polyester. - Kích thước màng lọc: Đường kính 50 mm, độ dày 0,47 mm. - Hiệu suất màng lọc: Mật độ 100 g/m2, chỉ số lọc DEHS 5,3 cm/s, lọc các hạt đường kính 0,3 µm, hiệu suất lọc >99,97%. - Kích thước dây silicon: 7x13mm. 2. Tính năng công nghệ: - Lọc với một đầu dài gắn với ống, một đầu ngắn, bên trong có màng lọc vi sinh điều áp hút. - Đầu ngắn lọc vi sinh: Kết nối với bình chống tràn của điều áp hút. - Đầu dài lọc vi sinh: Gắn với dây thở silicon dẫn dịch hút từ bệnh nhân. - Tương thích với bộ điều áp hút đang sử dụng tại Bệnh viện. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	8.310		
1996	Phin lọc vi khuẩn và virus không DEHP, có tích hợp cổng đo C02	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lọc làm bằng vật liệu polypropylene - Trở kháng tại 2.5 l/phút là ≤ 0.3mbar; 5 l/phút là ≤ 0.3mbar; 15 l/phút là ≤ 0.6mbar; 30 l/phút là ≤ 0.9mbar; 60 l/phút là ≤ 2mbar; 90L/phút là ≤ 3.5mbar. Độ rò rỉ khí tại 70mbar là ≤ 15 ml/ phút. - Kết nối chuẩn 22M/15F-22F/15M - Khoảng chết: 35ml - Khối lượng : ≤ 16.8g 2. Tính năng, công nghệ: Khả năng lọc ≥ 99.999% vi khuẩn, ≥ 99.999% - Cổng trích khí kiểm tra có khóa nghiêng 45 độ: Có 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 14644-1:1999, ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
1997	Phụ kiện cắt cuộn nút mạch não	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vỏ bằng chất dẻo - Sử dụng để cắt được khoảng 20 coils liên tục 2. Tính năng, công nghệ: dạng hình trụ, dễ thao tác, động tác đơn giản, nhanh, an toàn	Cái	40		
1998	Phun khí dung co T	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu PVC y tế, không latex, không phthalate (DEHP) - Co nối T đường kính 22M - Ống dây nối chống xoắn dài 2m 2. Tính năng, công nghệ:: - Bầu chứa thuốc 8ml. Tốc độ phun tối đa 3ml/10 phút. Áp lực tối đa 1-2bar. Kích thước hạt 3-7,5mm. - Tiệt trùng EO 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	19.720		
1999	Povidine 10%	Thông số kỹ thuật: Povidine 10%.	ml	6.995.180		
2000	Quả dẫn lưu dịch áp lực âm loại 1	1. Thông số kỹ thuật: - Bao gồm: + Bình áp lực lò xo thể tích: 200ml; + Dây dẫn PVC; + Kết nối chữ Y; + Dây xả và kim chọc (Troca). 2. Tính năng, công nghệ: Đóng gói tiệt trùng; 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Quả	200		
2001	Quả dẫn lưu dịch áp lực âm loại 2	1. Thông số kỹ thuật: - Bao gồm: + Bình áp lực lò xo thể tích: 400ml; + Dây dẫn PVC; + Kết nối chữ Y; + Dây xả và kim chọc (Troca). 2. Tính năng, công nghệ: - Đóng gói tiệt trùng; 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Quả	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2002	Quả hấp phụ Bilirubin	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: PP, vật liệu hấp phụ: các hạt Resin trao đổi anion bản chất là Styrendivinyl Benzen Copolymer được xử lý bằng công nghệ Crosslinking kép nên có tính tương đồng sinh học cao 330 ml. - Thể tích khoang máu: 160 ml. - Diện tích hấp phụ: 104.000 m2. - Nội trở: ≤ 4 kPa. - Lưu lượng máu tối đa: 50 ml/phút. - Áp suất chịu đựng: 100kPa; độ chịu lực của hạt: 8,1N; tỷ lệ hấp phụ tĩnh sau 2h trên in vivo: Total Bilirubin: 52,8-64,1%, Total Bile Acid: 62,2-80,5%. - Dùng trong điều trị các bệnh tăng Bilirubin và tăng Axit mật…. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Quả	105		
2003	Quả hấp phụ máu một lần thể tích 130ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu:Vật liệu vỏ: PC, vật liệu hấp phụ: Resin trung tính phổ rộng bản chất là chất đồng trùng hợp Styrene divinyl Benzen được Crosslinking 2 lần, vật liệu màng bọc hạt hấp phụ: Collodion - Thể tích hấp phụ: 130ml, thể tích khoang máu :114ml, diện tích hấp phụ: 52.000m2, nội trở: ≤ 4kPa, lưu lượng máu tối đa: 200-250ml/ phút, áp suất chịu đựng: ≤ 100kPa, độ chịu lực của hạt: 8,1N, dải hấp phụ: 5-30kDa, tỷ lệ hấp phụ tĩnh sau 2h trên invivo: IL-6: 21,8%~31,5% 2. Tính năng, công nghệ: Phương thức khử trùng: Tia Gamma, Nguồn nhiệt: Không pyrogen, Dùng trong điều trị các biến chứng của bệnh nhân lọc máu chu kỳ...	Quả	300		
2004	Quả hấp phụ máu một lần thể tích 230ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu vỏ: PC, vật liệu hấp phụ: Resin trung tính phổ rộng bản chất là chất đồng trùng hợp Styrene divinyl Benzen được Crosslinking 2 lần, vật liệu màng bọc hạt hấp phụ: Collodion - Thể tích hấp phụ: 230ml, thể tích khoang máu :145ml, diện tích hấp phụ: 70.000m2, nội trở: ≤ 4kPa, lưu lượng máu: 200 - 250ml/ phút, áp suất chịu đựng: ≤ 100kPa, cường độ hạt hấp phụ: 8,1N, dải hấp phụ: 500-10kDa, tỷ lệ hấp phụ tĩnh sau 2h trên invivo: Paraquat: 80,4%, Pentobarbital: 92,9%, Dichlorvos: 51,5%, Antipsychotic: 87,9% 2. Tính năng. công nghệ: Phương thức khử trùng: tia Gamma, Nguồn nhiệt: không pyrogen. Chỉ định tuyệt đối: ngộ độc Paraquat, thuốc diệt chuột...Chỉ định tương đối: các loại ngộ độc khác	Quả	345		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2005	Quả hấp phụ máu một lần thể tích 280 ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu vỏ: PC; Vật liệu hấp phụ: Resin trung tính phổ rộng bản chất là chất đồng trùng hợp Styrene divinyl Benzen được Crosslinking 2 lần; Vật liệu màng bọc hạt hấp phụ: Collodion. - Thể tích hấp phụ: 280 ml. - Thể tích khoang máu: 160 ml. - Diện tích hấp phụ: 91.000 m2. - Lưu lượng máu: 200-250 ml/phút. - Độ chịu lực của hạt: 8,1 N. - Dải hấp phụ: 15-100 kDa. - Tỷ lệ hấp phụ tĩnh sau 2h trên in vivo: IL-6: 21,8%-31,5%, TNF-α: 44,2%, IgA: 48,3%, IgG: 53,6%. 2. Tính năng công nghệ: - Dùng trong điều trị các bệnh tự miễn… - Tiệt trùng bằng tia Gamma. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Quả	105		
2006	Quả hấp phụ máu một lần thể tích 330ml	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu vỏ: PC, Vật liệu hấp phụ: Resin trung tính phổ rộng bản chất là chất đồng trùng hợp Styrene divinyl Benzen được Crosslinking 2 lần, Vật liệu màng bọc hạt hấp phụ: Collodion - Thể tích hấp phụ: 330ml, Thể tích khoang máu :185ml, Diện tích hấp phụ: 104.000m2, Lưu lượng máu: 200 - 250ml/ phút, Độ chịu lực của hạt: 8,1N, Dải hấp phụ: 20-200kDa, Tỷ lệ hấp phụ tĩnh sau 2h trên invivo: Total Bilirubin : 16%, Total Bile Acid: 45%, Ammonia : 30,5% - 60% (báo cáo lâm sàng), Endotoxin : 37,7% - 56,3% (báo cáo lâm sàng) 2. Tính năng, công nghệ: Dùng trong điều trị các bệnh viêm gan virus, viêm gan không do virus, suy gan do ngộ độc thuốc, bệnh não gan, tăng bilirubin máu…Phương thức khử trùng: Tia Gamma, Nguồn nhiệt: Không pyrogen	Quả	135		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2007	Quả hấp phụ một lần thể tích 130 ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vỏ PC; Hấp phụ Resin trung tính phổ rộng bản chất là chất đồng trùng hợp Styrene divinyl Benzen được Crosslinking 2 lần; Màng bọc hạt hấp phụ: Collodion. - Thể tích hấp phụ: 130 ml. - Thể tích khoang máu: 114 ml. - Diện tích hấp phụ: 52000 m2. - Nội trở: ≤ 4 kPa. - Lưu lượng máu tối đa: 200-250 ml/phút. - Áp suất chịu đựng: ≤ 100 kPa. - Độ chịu lực của hạt: 8,1 N. - Dải hấp phụ: 5-30 kDa. Tỷ lệ hấp phụ tĩnh sau 2h trên invivo: + IL-6: 21.8%-31.5%. 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng bằng tia Gamma. - Nguồn nhiệt không pyrogen.	Quả	505		
2008	Quả hấp phụ một lần thể tích 130 ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vỏ Polycarbonate(PC); - Hấp phụ Resin trung tính phổ rộng bản chất là chất đồng trùng hợp Styrene divinyl Benzen được Crosslinking 2 lần; Màng bọc hạt hấp phụ: Collodion. - Thể tích hấp phụ: 130±2%ml. - Thể tích khoang máu: 114 ml. - Diện tích hấp phụ: 52000 m2. - Nội trở: ≤ 4 kPa. - Lưu lượng máu tối đa: ≥450 ml/phút. - Độ chịu lực của hạt: 8,1 N. - Dải hấp phụ: 5-30 kDa. - Hấp phụ: độc tố ure trọng lượng phân tử trung bình và độc tố urê gắn với protein. - Tiệt trùng bằng tia Gamma. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Quả	400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2009	Quả hấp phụ một lần Thể tích 230 ml	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vỏ: PC; Hấp phụ Resin trung tính phổ rộng bản chất là chất đồng trùng hợp Styrene divinyl Benzen được Crosslinking 2 lần; Màng bọc hạt hấp phụ: Collodion. - Thể tích hấp phụ: 230 ml. - Thể tích khoang máu: 145 ml. - Diện tích hấp phụ: 70000 m2. - Nội trở: ≤ 4 kPa. - Lưu lượng máu tối đa: 200-250 ml/phút. - Áp suất chịu đựng: ≤100 kPa. - Cường độ hạt hấp phụ 8,1N. Dải hấp phụ: 500-10kDa. Tỷ lệ hấp phụ tĩnh sau 2h trên in vivo: Paraquat: 80.4%; Pentobarbital: 92.9%; Dichlorvos: 51.5%; Antipsychotic: 87.9%. 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng bằng tia Gamma. - Nguồn nhiệt không pyrogen.	Quả	200		
2010	Quả lọc an toàn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Fresenius Polysulfone ® (Polysulfone) - Diện tích màng: 2,2 (m2), Thông số lọc: 5mL/min mm HG (3,75L/min bar; max, 2 bar) 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Quả	6.916		
2011	Quả lọc dịch thẩm tách siêu sạch	Tính năng, công nghệ: - Màng Polysulfone khả năng hấp thụ cao. - Có khả năng loại bỏ vi khuẩn và nội độc tố >106 IU/ml. - Tuổi thọ màng lọc: 150 lần chạy thận/ khoảng 900 giờ. - Có tính ổn định cao tương thích với máy Dialog Plus hoặc tương đương.	Quả	800		
2012	Quả lọc Highflux; diện tích màng 1,4 m2	1. Thông sô kỹ thuật: - Chất liệu màng: Helixone Plus - Diện tích màng: 1,4m2 - Thể tích mồi: 74ml - Hệ số siêu lọc: 47 ml/giờ/mmHg. - Vỏ quả lọc: Polypropylene. - Hệ số sàng lọc: β2-Microglobulin: 0,9; Albumin: <0,001. - Áp lực xuyên màng: 600 mmHg - Tiệt trùng: hơi nước inline. - Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min) +Ure: 271ml/min + Creatinine: 252ml/min. + Phosphate: 237ml/min. + Vitamin B12: 175ml/min. - Tiệt trùng bằng hơi nước 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Quả	3.900		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2013	Quả lọc Highflux; diện tích màng 1,8 m2	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu, thông số kỹ thuật: Chất liệu màng: Helixone Plus - Diện tích màng: 1,8m2 - Thể tích mồi: 95ml - Hệ số siêu lọc: 64 ml/giờ/mmHg. - Vỏ quả lọc: Polypropylene. - Hệ số sàng lọc: β2-Microglobulin: 0,9; Albumin: <0,001. - Áp lực xuyên màng: 600 mmHg - Tiệt trùng: hơi nước inline. - Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min) + Ure: 280ml/min + Creatinine: 261ml/min. + Phosphate: 248ml/min. + Vitamin B12: 190ml/min. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Quả	17.404		
2014	Quả lọc máu kèm hệ thống dây dẫn máu trong lọc máu liên tục	1. Thông số kỹ thuật: Màng lọc diện tích: 1.6m2 ; Độ thanh thải: Urea: 280ml/phút, Cytochrome C: 90ml/phút, S.C của Inulin = 0.001 KoA urea (QB=300ml/phút): 1415 2. Tính năng, công nghệ: Một bộ gồm: Dây dẫn động mạch có các dây dẫn phụ chứa citrate/heparin, cổng chọc kim để lấy mẫu và đầu nhọn - Dây dẫn tĩnh mạch kèm túi chứa 2L chất thải dịch mồi - Dây dẫn dịch thẩm tách kèm túi làm ẩm - Dây dẫn dịch thải, dây dẫn dịch bù - Túi dịch thải 7L - Màng lọc OMNIfilter - Transducers 0.2µm	Bộ	248		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2015	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin cho người trên 30 kg	1. Thông số kỹ thuật: - Màng lọc cấu tạo 3 lớp: + Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer): giúp hấp phụ các Cytokine. + PolyethyleneImine (PEI): giúp hấp phụ Nội độc tố. + Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m2). - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG - Kích thước: 2cm x 8cm x 4 lớp. - TMP tối đa (mmHg/kPa): 450/60. - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6. - Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 193 ml. - Diện tích màng: 1,5 m2. - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240 µm. - Độ dày thành sợi lọc: 50 µm. - Tốc độ máu: 100 - 450 ml/phút. - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg. 2. Tính năng, công nghệ: - Kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine; loại bỏ nội độc tố; lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết). - Tiệt trùng bằng khí EO.	Quả	500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2016	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin cho người trên 30kg	1Thông số kỹ thuật: - Màng lọc cấu tạo 3 lớp: - Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer): giúp hấp phụ các Cytokine - PolyethyleneImine (PEI): giúp hấp phụ Nội độc tố - Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m2) - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG - Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66;6 - Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 193 ml - Diện tích màng: 1,5m2 - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Tốc độ máu: 100 - 450 ml / phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg 2. Tính năng, công nghệ - Kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine; loại bỏ nội độc tố; lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết)	Bộ	490		
2017	Quả lọc máu tim phổi dùng trong phẫu thuật tim cho người lớn, diện tích màng lọc 0.9m²	1. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu sợi: polyethersulfone - Diện tích màng lọc 0.9m² - Đường kính trong sợi lọc 200µm - Độ dày sợi lọc 30µm - Thể tích dịch mồi: ≤ 57ml - Áp suất xuyên màng tối đa 600mmHg - Kèm dây dẫn và túi thải: thể tích 2000ml 2. Tính năng, công nghệ: Quả lọc máu rút nước được sử dụng trong tuần hoàn ngoài cơ thể để rút nước và các chất hòa tan ở những bệnh nhân bị rối loạn ure huyết, rối loạn điện giải liên quan đến bệnh thận cấp tính, phù não và/hoặc phù phổi, bệnh tim, sốc nhiễm trùng và bỏng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2018	Quả lọc tách huyết tương và bộ dây dẫn	Thông số kỹ thuật: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml ±10%. - Diện tích màng hiệu dụng 0,35 m2. - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene. - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt) 330 µm. - Độ dày thành sợi lọc 150 µm. - Thể tích máu trong sợi lọc 41 ml ±10%. - Tốc độ máu tối thiểu 100 ml/phút. - Tốc độ máu tối đa 400 ml/phút. - Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn.	Bộ	520		
2019	Quả lọc thận 1.5 Lowflux	1. Thông số kỹ thuật: - Màng lọc 1.5 Lowflux, chất liệu Polyethersulfone. - TMP Max 500mm Hg. - Diện tích màng 1.5m². - Độ thanh thải ở lưu lượng 300ml/phút: Urea 260, Creatinine 246, Phosphate 239, Vitamin B12 147. - Hiệu suất siêu lọc (KUF/UFR): 22 ml/hr/mmHg. - Thể tích mồi: 96ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Vỏ và nắp làm bằng nhựa PC (Polycarbonate), độ bền cao, không thấm khí. - Độ dày màng: 40 um; Đường kính màng: 200 um. - Tiệt trùng bằng tia Gamma. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Quả	1.000		
2020	Quả lọc thận 1.7 Lowflux	1. Thông số kỹ thuật: - Màng lọc 1.7 Lowflux, chất liệu Polyethersulfone. - TMP Max 500mm Hg. - Diện tích màng 1.7m². - Độ thanh thải ở lưu lượng 300ml/phút: Urea 267, Creatinine 257, Phosphate 249, Vitamin B12 161. - Hiệu suất siêu lọc (KUF/UFR): 25 ml/hr/mmHg. - Thể tích mồi: 108ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Vỏ và nắp làm bằng nhựa PC (Polycarbonate), độ bền cao, không thấm khí. - Độ dày màng: 40 um; Đường kính màng: 200 um. - Tiệt trùng bằng tia Gamma. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Quả	1.000		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2021	Quả lọc thận high flux, diện tích màng 1,8 m2	1. Thông số kỹ thuật: - Màng: Micro-undulated Polysulfone - Vỏ: Polycarbonate; - Đầu quả lọc: Polyurethane - Diện tích màng: 1,8 m2 - Hệ số siêu lọc là 58 (ml/hr*mmHg) - Thể tích mồi: 105 ml - Với tốc độ bơm máu 300ml/min: thì hệ số lọc: Urea: ≥270; Creatinine: ≥245 Phosphate:≥236; Vitamin B12: ≥170, Inulin:≥121 - Độ dày thành >= 40 µm; đường kính sợi >=200 µm, - Phương pháp tiệt trùng: hơi nước 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Quả	10.780		
2022	Quả lọc thận low flux 1,6m2	1. Thông số kỹ thuật: - Màng : Micro-undulated Polysulfone - Vỏ: Polycarbonate - Đầu quả lọc: Polyurethane 2.Tính năng, công nghệ: - Diện tích màng 1;6 m2 - Hệ số siêu lọc (ml/hr*mmHg) 24;7 - Thể tích mồi: 86 ml - Với tốc độ bơm máu 300ml/phút thì hệ số lọc: Urea: 268; Creatinine: 240; Phosphate: 219; Vitamin B12: 141; Inulin: 88 - Độ dày thành 40 µm; đường kính sợi 200 µm, - Phương pháp tiệt trùng: chiếu tia Gamma	Quả	25.180		
2023	Quả lọc thận middleflux 15 (sợi Polynephron)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron (Polyethersulfone); không chứa Bisphenol-A(BPA); không DEHP - Diện tích: 1.5 m2, - Hệ số siêu lọc: KUF: 20 (mL/giờ/mmHg), - Độ thanh thải (Với Qb: 300ml/min; Qd: 500ml/min): - Ure: 264 ml/min - Creatinine : 244 ml/min - Phosphate: 211 ml/min - Vitamin B12: 134 ml/min, - Tiệt khuẩn bằng tia Gamma	Cái	12.500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2024	Quả lọc thận middleflux 17 (sợi Polynephron)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng lọc làm từ sợi Polynephron (Polyethersulfone); không chứa Bisphenol-A(BPA); không DEHP, - Diện tích: 1,7 m2, - Hệ số siêu lọc: KUF: 22 (mL/giờ/mmHg), - Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min; Qd: 500ml/min): - Ure: 270 ml/min - Creatinine : 251 ml/min - Phosphate: 221 ml/min - Vitamin B12: 143 ml/min, - Tiệt trùng: Tia Gamma	Cái	18.300		
2025	Quả lọc thận middleflux 19 (sợi Polynephron)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron (Polyethersulfone); không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP - Diện tích: 1,9 m2, - Thể tích mồi: 115mL, - Hệ số siêu lọc: KUF: 25 (mL/giờ/mmHg)	Quả	100		
2026	Quả lọc thận nhân tạo	1. Thông số kỹ thuật: - Màng: Polyethersulfone - Vỏ và nắp quả lọc: Nhựa PP (Polypropylene) (không chứa DEHP và BPA) 2. Tính năng, công nghệ: - Độ dày thành: 40um - TMP Max 500mm Hg - Diện tích màng1.6m² - Độ thanh thải ở lưu lượng 200ml/phút; Urea 192, Creatinine 185, Phosphate 186, Vitamin B12 124, - Hiệu suất siêu lọc (UFR): 23 ml/hr/mmHg, - Thể tích mồi: 98ml, - Tiệt trùng bằng tia Gamma - Không giãn nở khi tiếp xúc với máu và hóa chất bảo quản, không gây dị ứng	Quả	4.500		
2027	Qủa lọc thận nhân tạo	1. Thông số kỹ thuật: - Diện tích màng: 1,8m2. - Chất liệu màng: Polyethersulfone. - KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc): 26. - Thể tích mồi: 110 ml. - Độ dày màng (µm): 40. - Đường kính trong (µm): 200. - Áp suất xuyên màng tối đa (mmHg): 500. - Qb = 200 ml/phút, Qd = 500 ml/phút, độ thanh thải (ml/phút): 10ml/phút, Urea: 193, Creatinine: 186, Phosphate: 184, Vitamin B12: 130. - Tiệt trùng: Gamma Rays. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Quả	6.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2028	Quả lọc thận nhân tạo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng lọc: Polyethersulfone, Vỏ và nắp làm bằng nhựa PC (Polycarbonate), độ bền cao, không thấm khí. - TMP Max 500mm Hg. - Diện tích màng 1.8m². - Độ dày màng: 40 um; Đường kính màng: 200 um. - Độ thanh thải ở lưu lượng 300ml/phút: Urea 278, Creatinine 260, Phosphate 269, Vitamin B12 185, inulin 140. - Hiệu suất siêu lọc (KUF/UFR): 60 ml/hr/mmHg. - Thể tích mồi: 109ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Hệ số sàng lọc: Inulin: 1.0±0.1, β2- microglobulin: ≥ 0.7, Myoglobin: 0.55±0.1, Albumin: ≤ 0.01. - Tiệt trùng bằng tia Gamma. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Quả	2.000		
2029	Quả lọc thận nhân tạo	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng lọc: Polyethersulfone, Vỏ và nắp làm bằng nhựa PC (Polycarbonate), độ bền cao, không thấm khí, không chứa BPA và DEHP. - Độ dày màng: 40 um. - Đường kính màng: 200 um. - TMP Max 500mm Hg. - Diện tích màng 1.6m². - Độ thanh thải ở lưu lượng 300ml/phút. - Urea 251. - Creatinine 228. - Phosphate 26. - Vitamin B12 130. - Hiệu suất siêu lọc (KUF/UFR): 23 ml/hr/mmHg. - KoA Urea: 836. - Thể tích mồi: 98ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng bằng tia Gamma. - Không giãn nở khi tiếp xúc với máu và hóa chất bảo quản, không gây dị ứng, phản ứng sốt, rét. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Quả	1.500		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2030	Quả lọc thận nhân tạo 1.5 Highflux	1. Thông số kỹ thuật: - Màng lọc 1.5 Highflux, chất liệu Polyethersulfone - TMP Max 500mm Hg. - Diện tích màng 1.5m². - Độ thanh thải ở lưu lượng 300ml/phút: Urea 269, Creatinine 248, Phosphate 254, Vitamin B12 166. Hệ số sàng lọc: - Inulin: 1.0±0.1. - β2- microglobulin: ≥ 0.7. - Myoglobin :0.55±0.1. - Albumin: ≤ 0.01. - Hiệu suất siêu lọc (KUF/UFR): 54 ml/hr/mmHg. - Thể tích mồi: 98ml. 2. Tính năng, công nghệ: - Vỏ và nắp làm bằng nhựa PC (Polycarbonate), độ bền cao, không thấm khí. - Độ dày màng: 40 um; Đường kính màng: 200 um. - Tiệt trùng bằng tia Gamma. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Quả	1.000		
2031	Quả lọc thận nhân tạo chất liệu helixone; diện tích màng 1,8 m2 tiệt trùng bằng hơi nước inline	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu màng: Helixone - Diện tích màng: 1,8m2 - Thể tích mồi: 95ml - Hệ số siêu lọc: 14 ml/giờ/mmHg. - Vỏ quả lọc: Polypropylene. - Bề dày thành sợi/ đường kính sợi: 35/185 µm - Áp lực xuyên màng: 600 mmHg- Tiệt trùng: hơi nước inline. - Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min) + Ure: 261ml/min + Creatinine: 231ml/min. + Phosphate: 210ml/min. + Vitamin B12: 138ml/min. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Quả	57.068		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2032	Quả lọc thận nhân tạo diện tích màng 1,4 m2	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu màng: Helixone - Diện tích màng: 1,4m2 - Thể tích mồi: 74 ml - Hệ số siêu lọc: 12 ml/giờ/mmHg. - Vỏ quả lọc: Polypropylene. - Bề dày thành sợi/ đường kính sợi: 35/185 µm - Áp lực xuyên màng: 600 mmHg - Tiệt trùng: hơi nước inline. - Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min) + Ure: 254ml/min + Creatinine: 225ml/min. + Phosphate: 194ml/min. + Vitamin B12: 120ml/min. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Quả	6.200		
2033	Quả lọc thận nhân tạo highflux diện tích màng 1,4 m2	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng: Helixone Plus; Vỏ bọc: Polypropylene. - Diện tích màng: 1,4 m2. - Thể tích mồi: 74 ml. - Áp lực xuyên màng (TMP): 600 mmHg. - Độ thanh thải (ở tốc độ máu 300 ml/phút): Urea: 271; Phosphate: 237; Creatinine: 252; Inulin: 116; Cytocrome C: 96. - Hệ số siêu lọc (được đo trên máu người): 47 (ml/h x mmHg). - Hệ số sàng lọc: Beta2-microglobulin= 0,9; Albumin <0,001. - Tiệt trùng bằng hơi nước.	Quả	1.200		
2034	Quả lọc thận nhân tạo highflux, diện tích màng 1,6 m2	1. Thông số kỹ thuật: Màng Highflux - Chất liệu màng: Helixone. - Diện tích màng: 1,6m2. - Chất liệu vỏ bọc: Polypropylene. - Thể tích mồi: 95 ml. - Độ thanh thải với Qb=300ml/phút, Tốc độ dịch Qd= 500ml/phút : Urea 285, Creatinin 271, Phosphate 257, Vitamin B12: 204, Cytochrome C: 131, KoA Urea: 1,148. - Hệ số siêu lọc (được đo trên máu người): 46 (ml/h x mmHg). - Hệ số sàng lọc: Beta2 - microglobulin= 0,9, Albumin <0,001. - Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước trong lòng sợi (Inline steam). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Quả	1.200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2035	Quả lọc thận nhân tạo highflux, diện tích màng 1,7 m2	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP; Vỏ quả lọc: Polypropylene. - Diện tích: 1,7 m2. - Thể tích mồi: 102 ml. - Độ dày thành sợi: 40 µm. - Hệ số siêu lọc: KUF: 67 (mL/giờ/mmHg). - Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min): Ure: 285 ml/min; Creatinine: 270 ml/min; Phosphate: 255 ml/min; Vitamin B12: 195 ml/min; Myoglobin: 116 ml/min; β2-Microglobulin= 1; Inulin= 1; Albumin= 0.0024. - Tiệt trùng bằng tia Gamma . 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu).	Cái	3.600		
2036	Quả lọc thận nhân tạo highflux, diện tích màng 1,7 m2	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP; Vỏ quả lọc: Polypropylene. - Diện tích: 1,7 m2. - Thể tích mồi: 105 ml. - Độ dày thành sợi: 40 µm - Hệ số siêu lọc: KUF: 74 (ml/giờ/mmHg). - TMP: 500 mmHg. - Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min): Ure: 285 ml/min; Creatinine: 268 ml/min; Phosphate: 254 ml/min; Vitamin B12: 190 ml/min. - Tiệt trùng bằng tia Gamma. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu).	Cái	100		
2037	Quả lọc thận nhân tạo highflux, diện tích màng 1,8 m2	Thông số kỹ thuật: - Màng lọc thận High Flux. - Chất liệu: Helixone Plus; Vỏ bọc Polypropylene. - Diện tích màng: 1,8 m2. - Thể tích mồi: 95 ml. - Áp lực xuyên màng (TMP): 600 mmHg. - Độ thanh thải (ở tốc độ máu 300 ml/phút): Urea: 280; Phosphate: 248; Creatinine: 261; Inulin: 127; Cytocrome C 11. - Hệ số siêu lọc (được đo trên máu người): 64 (ml/h x mmHg). - Hệ số sàng lọc: Beta2-microglobulin= 0,9; Albumin <0,001. - Tiệt trùng bằng hơi nước.	Quả	1.960		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2038	Quả lọc thận nhân tạo HightFlux Cellulose Triacetate 1,5 - 1,6m2	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu màng: Polyester - Polymer Alloy - Diện tích màng: 1,5m2-1,8m2 - KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc) : 50-57 - Thể tích mồi: 91ml - 108ml - Độ dày màng (µm): 30 - Đường kính trong (µm): 210 - Độ thanh thải (ml/phút): Ure: 190-192; Creatinine: 183-186; Phosphate: 177-178; Vitamin B12: 142-155, - Tiệt trùng: Gamma Rays	Cái	8.400		
2039	Quả lọc thận nhân tạo HightFlux Polyethersulfone	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng lọc chất liệu Polyethersulfone. Chất liệu vỏ quả lọc: nhựa PC (Polycarbonate) - Diện tích màng: 1,6 m2. Hệ số siêu lọc (UFR): 55 ml/hr/mmHg. Thể tích khoang máu (Blood Compartment Volume): 88 ml. Test ở điều kiện QD: 500ml/min, QF: 10ml/min, độ thanh thải ở lưu lượng (QB) 200 ml/min: Urea: 195 ml/min, Creatinine: 185 ml/min, Phosphate: 181 ml/min, Vitamin B12: 155 ml/min 2. Tính năng, công nghệ: Quả lọc thận Highflux. Tiệt trùng bằng tia Gamma	Quả	2.260		
2040	Quả lọc thận nhân tạo Lowflux	1. Thông số kỹ thuật: - Màng lọc Lowflux, chất liệu Polysulfone, sợi màng lượn sóng (Micro- wave fiber) - Diện tích màng 1.6m²; - Độ thanh thải ở lưu lượng (QB= 200ml/phút) - Urea: 195 ml/phút - Creatinine: 179 ml/phút, - Phosphate: 162 ml/phút, - Vitamin B12: 113 ml/phút, - Hiệu suất siêu lọc (UFR): 20 ml/hr/mmHg, - Thể tích mồi (khoang máu): 80 ml, - KoA urea(ml/min): 902 ml/phút - Tiệt trùng bằng phương pháp bức xạ (Radiation); - Vỏ màng làm bằng nhựa Polycarbonate, - Vật liệu vòng đệm: cao su silicon y tế - Độ dày thành màng/ Đường kính trong sợi màng: 40/200 µm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Quả	4.960		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2041	Quả lọc thận nhân tạo LowFlux + MiddleFlux Cellulose Triacetate 1,5 - 1,6 m2	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu màng: Cellulose Triacetate - Diện tích màng: 1,5m2 - 1,9m2 - KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc) : 20,5 - 26 - Thể tích mồi: 90 ml - 115ml - Độ dày màng (µm): 15 - Đường kính trong (µm): 200 - Độ thanh thải (ml/phút): Ure: 191-196; Creatinine: 181-188; Phosphate: 169-179; Vitamin B12: 121-135, - Tiệt trùng: Gamma Rays	Cái	24.400		
2042	Quả lọc thận nhân tạo lowflux diện tích màng 1,8 m2	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng: Helixone; Vỏ bọc: Polypropylene. - Diện tích màng: 1,8 m2. - Độ dày thành sợi/ đường kính sợi (micromet): 35/185. - Thể tích mồi: 95 ml. - Áp lực xuyên màng (TMP): 600 mmHg. - Hệ số siêu lọc (được đo trên máu người): 14 (ml/h x mmHg). - Tiệt trùng bằng hơi nước.	Quả	5.920		
2043	Quả lọc thận nhân tạo LowFlux Polyethersulfone 1,9 m2	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng lọc Lowflux, chất liệu Polyethersulfone. Vỏ quả lọc làm bằng nhựa PC (Polycarbonate). - Diện tích màng 1.9m²; độ thanh thải ở lưu lượng 200ml/phút; Urea 195, Creatinine 191, Phosphate 193, Vitamin B12 139, hiệu suất siêu lọc (UFR): 28 ml/hr/mmHg, thể tích mồi: 123ml 2. Tính năng, công nghệ: Màng lọc Lowflux.	Quả	100		
2044	Quả lọc thận nhân tạo lowflux, diện tích màng 1,6 m2	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng lọc làm từ sợi Polyethersulfone. - Diện tích màng lọc: ≥ 1,6m2. - Thể tích mồi: 98 ml. - Hệ số siêu lọc: KFU 23 (ml/giờ/mmHg). - BPA Free (loại bỏ nguy cơ rối loạn nội tiết gây ra bởi Bisphenol A).	Quả	2.200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2045	Quả lọc thận nhân tạo Middleflux	1. Thông số kỹ thuật: - Màng lọc Middle flux, chất liệu Polysulfone,sợi màng lượn sóng (Micro- wave fiber) - Diện tích màng 1.6m²; - Độ thanh thải ở lưu lượng (QB= 200ml/phút) - Urea :195 ml/phút, - Creatinine: 183 ml/phút , - Phosphate 176 ml/phút, - Vitamin B12: 120ml/phút, - Hiệu suất siêu lọc (UFR): 25 ml/hr/mmHg, - Thể tích mồi (khoang máu): 81ml, - KoA urea (ml/min): 916 ml/phút - Tiệt trùng bằng phương pháp bức xạ (Radiation); - Vỏ màng làm bằng nhựa Polycarbonate, - Vật liệu vòng đệm: cao su silicon y tế - Độ dày thành màng/ Đường kính trong sợi màng: 40/200 µm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Quả	4.200		
2046	Quả lọc thận nhân tạo, diện tích màng 1,6 m2	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Chất liệu màng : Micro-undulated Polysulfone, Chất liệu vỏ: Polycarbonate, Chất liệu đầu quả lọc: Polyurethane - Diện tích màng 1,6 m2, Hệ số siêu lọc (ml/hr*mmHg) 53, Thể tích mồi: 86 ml, TVới tốc độ bơm máu 300ml/phút: Urea 264, Creatinine 234, Phosphate 225,Vitamin B12 157, Inulin: 110, Độ dày thành 40 µm, đường kính sợi 200 µm 2. Tính năng, công nghệ: Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước	Quả	6.400		
2047	Quả lọc thận nhân tạo, diện tích màng 1,8 m2	1. Thông số kỹ thuật: - Diện tích màng:≥ 1,8m2. - Chất liệu màng: Polyethersulfone, chất liệu vỏ PC. - KUF mL/h/mmHg (Hệ số siêu lọc) : ≥75. - Thể tích mồi: ≤96 ml. - Độ dày màng (µm): 30. - Đường kính trong (µm): 200. - Áp suất xuyên màng tối đa (mmHg): 600. - Qb = 300 ml/phút, Qd = 500 ml/phút, độ thanh thải (ml/phút): Ure: 273, Creatinine: 248, Phosphate: 238, Vitamin B12: 170. - Tiệt trùng: Gamma Rays. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE (Châu Âu).	Quả	3.000		
2048	Quả lọc thận nhân tạo, diện tích màng 2,2 m2	Thông số kỹ thuật: - Diện tích màng: 2,2 m2. - Chất liệu: Màng lọc Polysulfone; Vỏ bọc: Polypropylene. - Màng lọc dịch, gắn sau máy thận tạo dịch lọc siêu sạch.	Quả	1.082		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2049	Quả lọc, màng lọc máu và hệ thống dây dẫn trong lọc máu định kỳ, màng polysulfone, diện tích màng 1,4 m2, túi chứa dịch thải thể tích 10 lít	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng: Polysulfone. - Diện tích màng: 1,4 m2. - Túi chứa dịch thải thể tích 10 lít. - Bộ kit dùng trong lọc máu liên tục gồm: 1 quả siêu lọc tiệt trùng bằng hơi nước, 1 bộ cassette, 1 bộ dây dịch lọc có túi làm ấm, 1 bộ dây dịch bù có túi làm ấm, túi chứa dịch thải và đầu kết nối male luer-lock. - Tiệt trùng bằng hơi nước. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	20		
2050	Quả lọc, màng lọc, hệ thống dây dẫn đi kèm trong lọc máu, diện tích màng 0,6 m2	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng: Polysulfone. - Diện tích màng 0,6 m2. - 1 bộ Kit dùng trong lọc huyết tương gồm: 1 quả lọc Plasma, 1 bộ cassette, 1 bộ dây dịch bù MPS, 1 túi thải 10 lít. - Tiệt trùng bằng hơi nước. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Kit	10		
2051	Que đè lưỡi	1. Tính năng, công nghệ: Khám họng , răng hàm mặt	Que	2.109.000		
2052	Que đè lưỡi 150 mm x 20 mm x 2 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Tiệt trùng bằng khí EO. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Que	1.050.300		
2053	Que gỗ Spatula	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gỗ thông đã trích nhựa dùng để lấy tế bào và niêm dịch cổ tử cung, phát hiện sớm ung thư cổ tử cung nhanh và chính xác. - Không làm tổn thương cổ tử cung của bệnh nhân. - Thao tác sử dụng dễ dàng. - Tiệt trùng bằng tia Gamma.	Que	22.104		
2054	Rọ lấy sỏi	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Rọ 4 dây và trục dây nitinol chống xoắn, vỏ bọc linh hoạt polyimide/PTFE mềm dẻo; không chứa cao su tự nhiên (latex). - Kích cỡ: 1.9Fr; độ mở rọ: 12 và 16mm; chiều dài: 120cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu không nhọn (zero tip) có thắt nút ngăn chặn dây chuyển động, đầu rọ phẳng giảm tiếp xúc và không gây tổn thương mô. - Rọ nhỏ gọn cung cấp khả năng lưu thông nước và tăng khả năng quan sát. - Tay cầm có thể tháo rời gắn qua một đầu nối khóa luer để mở và đóng rọ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	60		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2055	Rọ lấy sỏi	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài dụng cụ 286 cm - Độ mở rọ 15 - 20 mm - Đường kính dụng cụ 1mm nên kênh làm việc tương thích 1,2 mm - Độ mở rọ: 15mm có thể bắt được sỏi từ 3-10mm - Chất liệu: 8 dây nitinol với vỏ bọc cho phép mở ngay cả ở những vị trí nhỏ và quanh co như ống dẫn trong gan, nang hoặc tuyến tụy 2. Tính năng, công nghệ: - Rọ kéo sỏi siêu nhỏ, dùng lấy sỏi đường mật - Tương thích ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	4		
2056	Rọ lấy sỏi 3 dây 1.9Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Cấu tạo: Rọ, bộ ống ngoài, tay cầm và đầu dẫn hướng - Rọ lấy sỏi được cấu tạo từ chất liệu hợp kim niken-titan - Bộ ống ngoài cấu tạo từ polytetrafluoroethylen, thép không gỉ 304 và polyimide - Tay cầm được làm bằng polytetrafluoroethylene và copolyme acrylonitrile-butadiene-styrene - Đầu dẫn hướng làm từ Polycanonate - Kích cỡ: 1.9 Fr, đầu rọ tròn, 3 dây - Chiều dài: 1300mm 2. Tính năng và công nghệ: - Hỗ trợ phẫu thuật nội soi tiết niệu dùng để gắp sỏi, dị vật ở niệu quản - bể thận 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	200		
2057	Rọ lấy sỏi 4 dây, mở 25-30mm, có ngã guidewire, sử dụng nhiều lần	1. Thông số kỹ thuật: - Rọ 4 dây xoắn, thích hợp cho tán sỏi. - Ngã bơm thuốc cản quang, ngã luồn dây dẫn có khóa, hướng guidewire ra hướng chính giữa rọ - giúp rọ có thể lên đến nhánh gan. - Độ mở 25/40mm và 30/45mm. - Loại rọ diamond shape. - Dây xoắn. - Guidewire tương thích 0,035 inch. - Đường kính dây dẫn 2,6mm - dài 215cm. - Sử dụng nhiều lần. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	110		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2058	Rọ lấy sỏi dùng cho niệu quản, đường kính từ 11mm đến 14mm	1. Thông số kỹ thuật: - Rọ có loại 3,4,5 dây đôi. - Đường kính ngoài (OD) 11 và 14mm. - Đường kính ngoài (OD) Sheath 2,4 và 3F. - Đầu tip không đầu nhọn hoặc đầu tip dài 5cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế dây xoắn ốc đôi. Cấu hình dây đôi được thiết kế để mở chắc chắn và giữ hình dạng xoắn ốc khi thực hiện thủ thuật trong niệu quản. - Thiết kế để bắt và giữ chắc chắn sạn và các mảnh đá nhỏ. Cấu trúc sợi dây của lồng rọ tròn giúp hạn chế tổn thương khi gắp sỏi. Sản phẩm không chứa cao su.	Cái	30		
2059	Rọ lấy sỏi đường niệu quản, 4 dây, đường kính ngoài 12 mm, CH 2,7	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: được làm từ Nitinol - Rọ: đường kính ngoài (OD) 12 mm, chiều dài 25 mm - Sheath: đường kính ngoài (OD) CH 2.7, chiều dài 90 cm 2. Tính năng, công nghệ: Thiết kế dây xoắn ốc. - Cấu hình được thiết kế để mở chắc chắn và giữ hình dạng xoắn ốc khi thực hiện thủ thuật trong niệu quản, bắt và giữ chắc chắn sạn và các mảnh đá nhỏ. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485:2012, CE (Châu Âu)	Cái	20		
2060	Rọ Lấy Sỏi kích cỡ: 2,5 Fr, dài 120cm.	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nitinol chống xoắn - Kích cỡ: 2,5Fr , Dài: 120cm, loại 4 dây 2. Tính năng, công nghệ: Dùng để gắp và loại bỏ các vật thể lạ ở niệu quản - thận trong quá trình nội soi, Tay cầm có thể tháo lắp được	Cái	1.280		
2061	Rọ lấy sỏi niệu	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: làm bằng chất liệu Nitinol, cung cấp khả năng chống xoắn và thiết kế linh hoạt - Kích thước rọ: 2,4Fr, 3Fr, 4Fr - Chiều dài: 90cm, 120cm 2. Tính năng, công nghệ: Sử dụng thông qua kênh nội soi để loại bỏ sỏi thận, sỏi niệu quản. Tay cầm có thể tháo dời.	Cái	268		
2062	Rọ lấy sỏi thận lõi bằng Nitinol; 2,4Fr, lồng 4 dây dạng thẳng, không đầu nhọn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây lồng làm bằng vật liệu Nitinol - 4 dây, đường kính dây lồng 0,6 mm, đường kính lồng mở rộng 10 mm, chiều dài lồng 25 mm, đường kính thân rọ 2,4 Fr, chiều dài thân rọ 120 cm. 2. Tính năng, công nghệ: Rọ lấy sỏi niệu quản- thận dùng lấy sỏi từ niệu quản hoặc thận. Tương thích sinh học, dễ vận hành. Lực mở lớn giúp chống lại sức cản của lòng niệu quản. Các dây lồng có cạnh tròn hạn chế tổn thương. Thân rọ có vỏ mềm và có kích thước nhỏ, dễ dàng đưa vào bên trong ống soi mềm. Tay cầm có thể tháo rời với thân rọ. Rọ loại lồng dạng thẳng, không có đầu. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	830		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2063	Rọ lấy sỏi, đường kính 12-16 mm	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nitinol - Kích cỡ rọ 1,9F-3F 2. Tính năng, công nghệ: Đầu rọ được thiết kế rọ trơn nhẵn tiếp cận viên sỏi dễ dàng và tránh làm tổn thương niệu quản. Đầu rọ được thắt nút chắc chắn, ngăn chặn chuyển động dây giúp cho việc bắt rọ chắc chắn hơn. Thiết kế linh hoạt cho toàn bộ phạm vi. Thiết kế vỏ bọc có độ ma sát thấp	Cái	68		
2064	Rọ tán sỏi đường mật	1. Thông số kỹ thuật: - Tương thích tay cầm tán sỏi loại I, III - Rọ tán sỏi loại 4 dây bện - Chiều dài dây dẫn 195cm - Đường kính dây dẫn 2.6mm; 2.9mm - Tương thích với đường kính catheter 2.6; 3.3mm - Kích thước rọ 40x20mm, 50x25mm, 60x30mm, 70x35mm. - Tổng chiều dài hoạt động 400 cm - Tiệt trùng. - Sử dụng 1 lần 2. Tính năng, công nghệ: Dùng tán sỏi theo kế hoạch và tán sỏi cấp cứu 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	40		
2065	Sáp cầm máu xương 2,5g	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: 80% sáp ong + 20% Isopropyl Palmitate. - Sáp cầm máu xương 2,5 g. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Miếng	10.104		
2066	Sáp Parafin	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Hợp chất của Parafin tinh khiết và Polymers. - Độ dày lát cắt giảm xuống còn 2 µm. - Hình dạng viên ngọc trai tiện lợi. 2. Tính năng, công nghệ: - Sáp parafin dùng trong vật lý trị liệu, đúc mô. - Không có dimethyl sulfoxide (DMSO). - Mang lại khả năng cắt mịn, giảm thiểu đứt đoạn hay nhăn lát cắt tế bào. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	kg	2.144		
2067	Sáp xương 2,5g	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Sáp ong trắng (85%), Isopropyl Palmitate (15%) - Miếng sáp cầm máu xương 2,5 gram 2. TÍnh năng, công nghệ: - Đóng gói tiệt trùng bằng tia gama từng miếng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Tép	11.740		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2068	Shunt tạm trong bắc cầu mạch vành	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicone - Kích thước: Đường kính từ 1.0-3.0mm chiều dài 14mm 2. Tính năng, công nghệ: Ống dẫn nội mạch dùng trong phẫu thuật bắc cầu mạch vành, 2 đầu ống được thiết kế thuôn bầu được đánh dấu cản quang. Thân ống được buộc bằng 2 sợi chỉ với thẻ đánh dấu cản quang ghi cỡ ống dẫn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	75		
2069	Shunt trong lòng động mạch cảnh, các cỡ 8F, 9F	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: shunt (Polyurethane), bóng (cao su) - Dài 31 cm 2. Tính năng, công nghệ: Cổng chữ T có van khóa. Van khóa, bóng động mạch cảnh chung, lumen phồng động mạch được mã hóa theo màu sắc. Có vạch đánh dấu độ sâu theo centimet. Vỏ bọc an toàn, bóng an toàn	Cái	50		
2070	Sợi truyền quang	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: lõi thạch anh, truyền quang tốt - Kích cỡ: 272µm; 550µm. Chiều dài: 2.5m 2. Tính năng, công nghệ: Vật tư tiêu hao dùng cho Máy Tán Sỏi Laser. Dây mảnh, phát quang tốt, truyền dẫn mạnh, hiệu suất cao	Sợi	120		
2071	Sonde niệu quản (sonde JJ)	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Làm bằng chất liệu Polyurethane mềm - Đường kính từ 4,7Fr đến 7Fr - Chiều dài từ 16cm đến 30cm - Tương thích với guidewire: size 4,7Fr-5Fr tương thích với dây guidewire 0,035". Size 6Fr-7Fr tương thích với dây guidewire 0,038" 2. Tính năng, công nghệ: Được sử dụng để dẫn nước tiểu từ thận xuống bàng quang - Xu hướng đóng cặn thấp tạo điều kiện rút stent dễ dàng - Lòng ống rộng giúp dẫn lưu tốt - Stent cản quang để cho phép định vị chính xác - Có vạch đánh dấu cm	Cái	4.610		
2072	Stent niệu quản Percuflex™ Plus Ureteral Stent/ Percuflex™ Plus Ureteral Stent	1. Chất liệu: Polyurethane với lớp phủ Hydroplus.	Cái	300		
2073	Tăm bông lấy mẫu bệnh phẩm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đầu tip Flocked Nylon + thân nhựa ABS - Chiều dài tăm bông: 150±2mm, Đầu thu mẫu dài 20±2mm, Đường kính đầu bông: 3mm, Khoảng cách từ đầu que đến khắc bẻ 80mm 2. Tính năng, công nghệ: Không chứa DNAse, RNase, DNA người, chất ức chế PCR, Tiệt trùng từng cái, hạn dùng: 3 năm 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	13.930		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2074	Tăm bông vô trùng	1.Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đầu bông làm từ 100% bông xơ tự nhiên, thân que làm từ nhựa nguyên sinh - Kích thước Ø15mm. Tiệt trùng bằng khí EO-Gas	Que	79.568		
2075	Tăm bông vô trùng 150 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Que nhựa dài 150 mm 1; Đầu gòn đường kính 3 mm. - Đựng trong ống nghiệm PP,có nhãn ghi thông tin. Tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cây	160.400		
2076	Tăm bông vô trùng dài 15 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Đầu bông từ 100% bông xơ tự nhiên, thân nhựa - Đầu gòn nhỏ 3mm, thân nhựa dài 15cm±0,5 2. Tính năng, công nghệ: bông xơ thiên nhiên, đã được loại bỏ chất béo và được tẩy trắng. Tốc độ chìm không quá 8 giây. Khả năng hút nước g>100, pH 5,0÷8,0. Vô khuẩn	Que	724.990		
2077	Tăm bông vô trùng lấy mẫu bệnh phẩm nam (ngắn 6 cm)	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Bông xơ tự nhiên, nhựa. - Tăm bông vô trùng lấy mẫu bệnh phẩm nam (ngắn 6cm), đường kính 5mm.	Que	25.000		
2078	Tăm bông vô trùng lấy mẫu bệnh phẩm nữ dài 16 cm	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: bông xơ tự nhiên, nhựa. - Tăm bông vô trùng lấy mẫu bệnh phẩm nữ (dài 16cm), đường kính 5mm.	Que	74.000		
2079	Tăm bông vô trùng lấy mẫu bệnh phẩm tỵ hầu	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thân que bằng nhựa ABS, Đầu bằng lông nylon. - Kích thước: Chiều dài: 150mm; Đường kính thân que: 2,5mm; Đầu thu mẫu dài: 22mm, đường kính 3 mm. - Tiệt trùng từng cái. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Que	8.000		
2080	Tấm dán hạ thân nhiệt các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Tấm dán gồm có 3 lớp, có cách nhiệt với bên ngoài - Tuổi thọ miếng dán: 5 ngày, lên đến 120 giờ/1 miếng - Tốc độ dòng chảy: Lên tới 5 lít/phút 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng cho bệnh nhân từ 16kg đến 100kg 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Bộ	36		
2081	Tấm điện cực trung tính dán, sử dụng 1 lần	1. Tính năng, công nghệ: Tấm điện cực trung tính dán sử dụng 1 lần, có vòng đẳng thế, diện tích tiếp xúc 85 cm2 ±5%, diện tích vòng đẳng thế 23 cm2±5%, có thể dán mọi hướng với phẫu trường, có thể sử dụng cho trẻ em và người lớn,được làm từ vật liệu tương thích sinh học với da	Cái	10.672		
2082	Tấm trải y tế vô trùng 65 x 135 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng nylon PE. - Kích thước: 65cm x 135 cm. - Màu trắng trong, đóng gói tiệt trùng từng cái. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	41.128		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2083	Tạp dề y tế 80cm x 120cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Nhựa Polyethylene - Kích thước 0,8 x 1,2m 2. Tính năng, công nghệ: Màu trắng sữa, có đủ độ đàn hồi và có tính đồng nhất ở mọi vị trí, vô khuẩn	Cái	283.612		
2084	Tất áp lực y khoa	1. Chất liệu: Cấu tạo từ sợi Microfilament chất lượng cao và sợi Lycra y tế (Polyamide & elastane) 2. Thông số kỹ thuật: Kích thước size: 1,2,3,4,5,6,7. - Tất áp lực cao dạng tất đùi. - Khả năng thoáng khí, co giãn mềm mại dễ dàng mang vào và tháo ra. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và CE.	Đôi	50		
2085	Tay cầm điều khiển bơm/ tán sỏi tích hợp	1. Thông số kỹ thuật: - Tương thích với Rọ lấy sỏi đường mật Trapezoid hoặc tương đương 2. Tính năng, công nghệ: Có thể sử dụng được trong 2 trường hợp: - Tán sỏi mật cơ học theo cơ chế lắp trực tiếp vào rọ tán không cần cắt rọ. Chống tình trạng kẹt sỏi. - Dùng bơm bóng nong thực quản, đường mật cơ vòng các loại. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	4		
2086	Tay cầm dụng cụ cắt - khâu mô nội soi đa năng trợ lực dài 16cm	1. Thông số kỹ thuật: Trục dài 16cm. 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: - Dụng cụ cắt khâu nối nội soi đa năng trợ lực. - Công nghệ S3. - Tương thích với các loại băng đạn chiều cao ghim đồng đều cùng hãng sản xuất. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	60		
2087	Tay dao cắt đốt 2 nút bấm sử dụng một lần	1. Thông số kỹ thuật: Dây dài 3m. 2. Tính năngg, công nghệ: Tay dao 2 nút bấm, đầu gắn vào máy 3 chấu, tương thích với tất cả máy cắt đốt kèm đầu dao hình kiếm. Sử dụng 1 lần, tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	2.100		
2088	Tay dao hàn mạch mổ mở 21cm	1. Thông số kỹ thuật: - Ngàm dao được phủ lớp chống dính nano-coated - Hàn mạch/chia - Chiều dài dụng cụ 21 cm - Hàm thon mịn - Kích hoạt tay hoặc chân - Hình dạng ngàm cong: 40 độ - Chiều dài ngàm: 21.6 mm - Chiều dài vùng cắt: 19.8 mm - Chiều dài vùng hàn mạch: 20.6 mm - Hàm rộng ở đỉnh: 2 mm - Đường kính ngàm: 4 mm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	120		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2089	Tay dao hàn mạch mổ mở chiều dài thân dao 23cm	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính 5mm, chiều dài 23cm - Chiều dài ngàm dao hàn mạch 20.3mm - Chiều dài ngàm dao cắt 18.5mm - Hình dạng ngàm dao cong 22 độ 2. Tính năng, công nghệ - Ngàm dao phủ lớp nano - coating - Hàm có kết cấu điểm chặn bằng sứ - Nhiệt độ ngàm dao dưới 60 độ C sau mỗi lần kích hoạt - Tương thích với các hệ thống máy Valleylab hoặc tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	80		
2090	Tay dao mổ điện đơn cực	1. Thông số kỹ thuật: Dây dài 3 m 2. Tính năng, công nghệ: Dao mổ điện đơn cực, phím điều khiển dạng nút bấm	Cái	2.400		
2091	Tay dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật nội soi	1. Thông số kỹ thuật: - Lưỡi dao bằng hợp kim titan TI-6AL-4V-ELI - Kích thước: + Chiều dài 36 cm + Chiều dài lưỡi dao 15 mm + Đầu dao cong, hàm mở 10 mm - Có lớp chống dính Teflon FEP 100 hoặc tương đương trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn tối đa 5 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Phản hồi bằng âm thanh báo hiệu việc giảm thời gian kích hoạt dụng cụ trong thao tác cắt mô/ cầm máu - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện 2. Tính năng, công nghệ: - Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, công nghệ thích ứng mô, tần số siêu âm 55.500 Hz 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2092	Tay dao siêu âm, dùng trong phẫu thuật nội soi, mổ mở	1. Thông số kỹ thuật: - Lưỡi dao bằng hợp kim titan TI-6AL-4V-ELI - Kích thước: * Chiều dài 23 cm * Chiều dài lưỡi dao 15 mm * Đầu dao cong, hàm mở 10 mm - Có lớp chống dính Teflon FEP 100 hoặc tương đương trên lưỡi dao - Kích thước mạch máu có thể hàn tối đa 5 mm - Kèm dụng cụ cố định lưỡi dao - Phản hồi bằng âm thanh báo hiệu việc giảm thời gian kích hoạt dụng cụ trong thao tác cắt mô/ cầm máu - Tương thích máy hàn cắt siêu âm GEN 11 tại Bệnh viện 2. Tính năng, công nghệ: - Dao mổ siêu âm dùng trong mổ nội soi, công nghệ thích ứng mô, tần số siêu âm 55.500 Hz 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	100		
2093	Thiết bị cắt bao quy đầu, kích thước 12mm, 15mm, 18mm, 21mm, 26mm, 30mm, 36mm	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước: 12mm, 15mm, 18mm, 21mm, 26mm, 30mm, 36mm 2. Tính năng, công nghệ: - Thiết kế dạng pistol, dễ sử dụng, linh hoạt dùng 1 tay. - Đinh khâu tự động, không phải khâu truyền thống - Không có vòng cao su nhằm tránh nhiễm trùng	Cái	360		
2094	Thông (sonde) các loại, các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Polyurethane - Cây đẩy đi kèm theo ống thông có chiều dài 40cm 2. Tính năng, công nghệ: Ống thông niệu quản Polyurethane (dạng cơ bản, hai đầu xoắn): Đa dạng về kích thước các ống thông. Ống thông 2 đầu mở có chỉ gắn ở 01 đầu ống. Ống thông có tính cản quang tốt và có khả năng chống gập ống. Ống thông được phủ lớp chống bám dính trong và ngoài ống, thiết kế 2 vòng trên mỗi đầu J có thể thay đổi chiều dài giữa 2 đầu J để phù hợp với từng bệnh nhân	Cái	4.103		
2095	Thông (sonde) foley 2 nhánh cỡ 14, 16 và 18	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây làm bằng Cao su tự nhiên, phủ silicone, van nhựa. - Kích cỡ: Từ số 12-30FR có dung tích bóng: 10-30ml/cc; từ số 6-10FR có dung tích bóng: 5-10ml/cc. - Chiều dài 42 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Ống mềm, bề mặt ống trơn láng, van làm bằng nhựa, được mã hóa màu từng số. - Không độc không gây sốt, không gây dị ứng khi sử dụng. - Đóng gói vô khuẩn từng cái. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE (Châu Âu).	Cái	61.958		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2096	Thông (sonde) Foley 3 nhánh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: cao su tự nhiên, phủ silicon màu vàng trong và ngoài ống - Chiều dài dây 42 cm, dung tích bóng là 30cc 2. Tính năng, công nghệ: hai mắt đối diện nhau, dây mềm, bề mặt dây trơn láng. Không độc, không gây sốt, không gây kích ứng khi sử dụng. Đóng gói vô khuẩn từng cái 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	1.780		
2097	Thông (sonde) loại malecot, cỡ từ 16-36 Fr, dài từ 38 đến 40 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chấy liệu: Cao su tự nhiên, không chứa latex. - Kích cỡ: 16Fr-36Fr. - Dài 38-40cm. 2. Tính năng công nghệ: - Không có độc tính, không gây sốt, không kích ứng khi đặt dẫn lưu trong cơ thể. - Đầu ống hình quả bí có 3 lỗ thông. - Đóng gói tiệt khuẩn riêng từng cái. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Sợi	950		
2098	Thông (sonde) tiểu 1 nhánh	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su (latex) - Kích cỡ CH8 đến CH18, dài 40cm 2. Tính năng, công nghệ: Đầu ống bo tròn dễ luồn; lỗ thông tiểu to. Đóng gói tiệt khuẩn riêng từng cái 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	12.804		
2099	Thông (sonde) tiểu 1 nhánh các size	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Làm từ nhựa PVC y tế không độc hại, không gây kích ứng, phthalate free - Kích thước: Size 6,8,10,12,14,16,18,20FG với 2 kích thước, chiều dài 400mm, 200mm 2. Tính năng, kỹ thuật: - Dùng dẫn lưu nước tiểu một lần cho bệnh nhân, Có đường cản quang dọc thân ống, Đầu xa với lỗ bên và đầu gần có co nối dạng phễu, để thoát nước tối đa và dễ dàng kết nối với túi đựng nước tiểu, Đầu nối mã hóa màu, Vô trùng EO, đóng gói riêng lẻ 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE (Châu Âu)	Cái	2.944		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2100	Thông JJ dẫn lưu nước tiểu bể thận - bàng quang, phủ hydrophilic, có dây, kèm dây dẫn, các cỡ	Thông số kỹ thuật: - Thông dẫn lưu niệu quản dạng hai đầu cong dùng dẫn lưu nước tiểu tạm thời từ bể thận xuống bàng quang. - Làm bằng polyurethane cản quang, phủ hydrophilic, tương thích sinh học, mềm hơn ở nhiệt độ cơ thể, phù hợp với cấu trúc giải phẫu của niệu quản. - Thông dạng hai đầu cong có lực giữ đầu cong cao giúp giảm nguy cơ di chuyển, mở hai đầu, thiết kế thành mỏng, nhiều lỗ thoát nước bên giúp cải thiện hiệu quả dẫn lưu nước tiểu, có dây. Thời gian lưu: 90 ngày. - Các cỡ: 3 Fr/3.6 Fr/4 Fr/4.7 Fr/4.8 Fr/5 Fr/6 Fr/7 Fr/8 Fr. - Dài 12 cm/14 cm/16 cm/18 cm/20 cm/22 cm/24 cm/26 cm/28 cm/30 cm/32 cm. - Cây đẩy ống thông đồng trục được kết nối với đầu dưới nên có thể kiểm soát hoàn toàn ống thông để đẩy hoặc rút nếu đưa vào quá mức. - Dây được thêm vào đầu bàng quang trong một số trường hợp có thể được sử dụng để tránh nhu cầu soi bàng quang lần thứ hai để tháo ống thông chủ yếu ở phụ nữ. Đóng gói gồm: + Thông JJ phủ hydrophilic, có dây. + Cây đẩy đồng trục + Dây dẫn lõi nitinol phủ hydrophilic cỡ 0.021", 0.028", 0.035"/0.038", dài 150 cm.	Cái	180		
2101	Thông JJ dẫn lưu nước tiểu bể thận - bàng quang, phủ hydrophilic, kèm dây dẫn, các cỡ	Thông số kỹ thuật: - Thông dẫn lưu niệu quản dạng hai đầu cong dùng dẫn lưu nước tiểu tạm thời từ bể thận xuống bàng quang. Làm bằng polyurethane cản quang, phủ hydrophilic, tương thích sinh học, mềm hơn ở nhiệt độ cơ thể, phù hợp với cấu trúc giải phẫu của niệu quản. - Thông dạng hai đầu cong có lực giữ đầu cong cao giúp giảm nguy cơ di chuyển, mở hai đầu, thiết kế thành mỏng, nhiều lỗ thoát nước bên giúp cải thiện hiệu quả dẫn lưu nước tiểu. Thời gian lưu: 90 ngày. - Các cỡ: 3 Fr/3.6 Fr/4 Fr/4.7 Fr/4.8 Fr/5 Fr/6 Fr/7 Fr/8 Fr. - Dài 12 cm/14 cm/16 cm/18 cm/20 cm/22 cm/24 cm/26 cm/28 cm/30 cm/32 cm. - Cây đẩy ống thông đồng trục được kết nối với đầu dưới nên có thể kiểm soát hoàn toàn ống thông để đẩy hoặc rút nếu đưa vào quá mức. - Đóng gói gồm: + Thông JJ phủ hydrophilic + Cây đẩy đồng trục + Dây dẫn lõi nitinol phủ hydrophilic cỡ 0.021", 0.028", 0.035"/0.038", dài 150 cm.	Cái	80		
2102	Thông JJ số 5/6/7 Fr dài 24/26cm.	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Làm bằng polyurethane cản quang - Các size số 5/6/7 Fr, dài 24/26 cm, mở hai đầu. 2. Tính năng, công nghệ: Thông dẫn lưu niệu quản dạng hai đầu cong dùng dẫn lưu nước tiểu tạm thời từ bể thận xuống bàng quang. Làm bằng polyurethane cản quang, tương thích sinh học, mềm hơn ở nhiệt độ cơ thể, phù hợp với cấu trúc giải phẫu của niệu quản.	Cái	2.226		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2103	Thòng lọng cắt	1. Thông số kỹ thuật: - Chiều dài dụng cụ 286 cm - Độ mở thòng lọng 9 mm - Kênh làm việc tương thích 1.2 mm - Chất liệu: 2 dây nitinol, với vỏ bọc cho phép mở ngay cả ở những vị trí nhỏ và quanh co như ống dẫn trong gan, nang hoặc tuyến tụy 2. Tính năng, công nghệ: - Thòng lọng cắt polyp loại nhỏ, dùng cắt polyp, lấy stent đường mật - Tương thích ống nội soi đường mật loại nhỏ qua ống soi nghiêng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	2		
2104	Thòng lọng cắt polyp ống tiêu hóa loại sử dụng một lần	1. Thông số kỹ thuật: - Cấu trúc dây bện 7 sợi thành 1 khối, đường kính ngoài của dây: 0,0165 inch - Hình dạng: hình tròn - Cấu trúc: cắt lạnh - Đường kính 10mm 2. Tính năng, công nghệ: Dùng cắt Polyp - Dây thiết kế thông minh: bám khối polyp và dễ điều khiển 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	1.000		
2105	Thòng lọng cắt Polyp, mở các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Dây xoắn, độ mở 10-15-20-25-30mm. - Đường kính dây dẫn 2.3mm dài 230cm. 2. Tính năng, công nghệ: Hình oval. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	1.400		
2106	Trâm nội nha các loại	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích cỡ: Số 30, 35, 40 2. Tính năng, công nghệ: - Mặt cắt hình vuông - Dùng mở rộng, nạo thành ống tủy. - Nút chặn cao su phù hợp với chiều dài và hình dáng từng file. - Mũi sắc đem lại khả năng cắt tốt ưu - Khả năng chống ăn mòn và độ bền cao	Vỉ	100		
2107	Troca dùng trong nội soi khớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Troca nhựa - Kích cỡ 6mm I.D. x 7 cm/ 7mm x 7cm/ 8,25mm x 7cm 2. Tính năng, công nghệ: - Ống troca dẫn đường có ren xoắn trong suốt cho phép trực quan dụng cụ và chỉ khâu đi qua trong nội soi khớp. - Có cổng bên có thể được sử dụng cho dòng tưới dịch chảy ra, nếu cần. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2108	Troca nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi khớp	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: nhựa - Được thiết kế với màu sắc kích thước khác nhau đường kính 6,5mm và 8mm. 2. Tính năng, công nghệ: Dùng trong phẫu thuật nội soi khớp vai. Bao gồm một troca bằng nhưa và một ống troca trong suốt có van khóa đường kính 0,6mm để kiểm soát dòng chảy. Kiểm soát dòng chảy với thiết kế van kín và trong suốt. Phân biệt kích cỡ theo màu.	Cái	500		
2109	Troca nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực	1. Thông số kỹ thuật: - Trocar nội soi nhựa, không dao dài 70mm. - Chất liệu: PC và silicone - Đường kính: 6mm,11mm, 13mm và 15mm dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực - Chiều cao ren ≥ 0,8 mm, khoảng cách ren ≥ 7,2 mm. Ren xoay theo chiều kim đồng hồ để đưa vào. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	200		
2110	Troca nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi thành bụng, đường kính: 5 mm, 11mm,12mm	1.Thông số kỹ thuật: - Đường kính: 5 mm, 11mm,12mm - Chiều dài: 100mm - Đường kính trong : 5.92mm, 11.47mm, 12.95mm - Đường kính ngoài: 8.46mm, 13.97mm, 15.52mm 2 Tính năng, công nghệ: Trocar nhựa không dao dùng trong nội soi - Van tròn bên ngoài, bên trong van hai lá tăng cường giúp giữ khí tốt - Vỏ troca trong suốt làm tăng khả năng quan sát tất cả các lớp mô - Đầu lõi đâm hình mũi cá heo giúp đặt troca mượt hơn	Cái	206		
2111	Troca nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi, có dao		Cái	100		
2112	Troca nhựa dùng trong phẫu thuật nội soi, không dao, các cỡ 5 mm, 10 mm, 12 mm, 15 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: nhựa. Trocar nhựa không dao dùng trong nội soi, tách cơ không cắt cơ các cỡ: - Đường kính: 5 mm, 10 mm, 12 mm và 15mm. - Chiều dài: 100mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu típ trong suốt giúp nhìn thấy các lớp mô, tránh tình trạng chọc mù khi đưa trocar vào khoang bụng. - Có 2 lớp van khóa khí: + Van phía trong giúp chóng rò khí khi đưa và lấy dụng cụ ra khỏi trocar, hỗ trợ trong việc lấy các mẫu bệnh phẩm có kích thước nhỏ ra ngoài. + Van phía ngoài có thể điều chỉnh để phù hợp với đường kính của dụng cụ đưa vào. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	20.486		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2113	Troca nội soi	1. Thông số kỹ thuật: - Ống Troca dẫn đường có ren xoắn trong suốt cho phép trực quan dụng cụ và chỉ khâu đi qua trong nội soi khớp. - Có cổng bên có thể được sử dụng cho dòng tưới dịch chảy ra, nếu cần. - Thiết kế: Chặn dịch kép. - Chặn ngoài giúp phân tán áp lực giảm thiểu tối đa tràn dịch. Chặn trong giúp duy trì áp lực cho phẫu trường dễ nhìn. - Kích cỡ có 5 loại: 8.25mm x 7cm, 8.25mm x 9cm, 7mm x 7cm, 6mm x 7cm, 6mm x 9cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	200		
2114	Troca nội soi khớp loại mềm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Silicone. - Thiết kế đầu chặn kép tránh thoát nước khi phẫu thuật. - Có 16 loại: + Đường kính 6mm có 4 loại chiều dài 2cm, 3cm, 4cm, 5cm. + Đường kính 8mm có 5 loại chiều dài 2cm, 3cm, 4cm, 5cm, 6cm. + Đường kính 10mm có 4 loại chiều dài 2cm, 3cm, 4cm, 5cm. + Đường kính 12mm có 3 loại chiều dài 3cm, 4cm, 5cm. - Đóng gói tiệt trùng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	50		
2115	Troca Silicone nội soi khớp	1. Thông số kỹ thuật: - Troca Silicone nội soi khớp - Chất liệu: Silicone - Kích thước: Φ8 x 30mm / Φ8 x 40mm 2. Tính năng, công nghệ: - Cổng dẫn đường dụng cụ trong phẫu thuật nội soi khớp vai, khớp gối - Thiết kế: nhỏ gọn tối ưu hóa với khoang khớp, vật liệu mềm dẻo, linh hoạt tránh tổn hại mô mềm. Độ bền kéo của vật liệu silicon ≥700Psi, độ giãn dài khi đứt ≥400% và độ bền xé ≥150Ppi - Đóng gói tiệt trùng, dùng một lần 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	80		
2116	Trocar dẫn lưu màng phổi	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: chiều dài 8cm ; cỡ 8Fr, 10Fr chia vạch từng cm, có 1 lỗ ở mặt bên. - Chất liệu: Ống thông bằng nhựa PVC trong suốt có đường cản quang, trocar bằng thép không gỉ. 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng để mở đường vào khoang màng phổi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	196		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2117	Trocar không dao Endopath Xcel hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Troacar nhựa trong suốt. không màu - Đường kính 5mm, 10mm, 11mm, 12mm, thân dài 100mm 2. Tính năng, công nghệ: - Trocar nội soi nhựa, không dao, thân ngoài có rãnh cố định. - Van giữ khí 4 mảnh. Đường vào hình phễu. - Đầu trocar có đánh dấu cản quang. - Khóa xoay 180 độ, thuận tiện cho cả hai tay để bơm và xả khí. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	206		
2118	Trocar nhựa không dao đường kính 12,5mm	1. Thông số kỹ thuật: Đường kính 12.5mm, chiều dài làm việc 110mm 2. Tính năng, công nghệ: Giảm thiểu chấn thương thành bụng và mạch máu	Cái	20		
2119	Trocar nhựa không dao đường kính 5,5mm	1. Thông số kỹ thuật: Đường kính 5.5mm, chiều dài làm việc 100mm 2. Tính năng, công nghệ: Giảm thiểu chấn thương thành bụng và mạch máu	Cái	20		
2120	Trocar nhựa không dao, mềm, dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực, dài 60mm, đường kính 5mm, 12mm	1. Thông số kỹ thuật: - Trocar nội soi nhựa, không dao dài 60mm, mềm, - Đường kính 5mm, 12mm dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực, - Cung cấp đầy đủ các kích cỡ theo yêu cầu. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	50		
2121	Trocar nhựa, đầu trong suốt dùng cho camera nội soi, đường kính 5mm, 10mm, 12mm được đánh dấu trên thân	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Trocar nhựa - Đường kính 5, 10, 12 mm, dài 100 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Trocar nhựa không dao, chất liệu polycarbonate, polyurethane nhiệt dẻo và polyethylene mật độ cao có đầu trong suốt dùng cho camera nội soi, tách cơ không cắt cơ, có khóa giữ camera. - Bộ gồm 1 trocar và 1 cannula - Cannula trong suốt có 2 loại: + Cannula có bóng và đĩa, trong suốt, đường kính ghi trên thân, có van xả khí. + Cannula có rãnh cố định, trong suốt, có đánh dấu chắn xạ, đường kính ghi trên thân, có van xả khí. - Có 2 van giữ khí: 1 van bịt khí và 1 van 4 mảnh mỏ vịt kép. Van bịt khí chuyển động nhãn cầu ở lối vào của cannula và có màng nhựa plastic bảo vệ chống rách. Tỉ lệ rò khí từ ≤ 0.2L/phút. Chiều dài đầu nối khí: 10.4mm ± 2% - Tương thích với các loại dụng cụ phẫu thuật với đường kính: + 5mm: 4.7mm đến 5.5mm + 10mm: 4.7mm đến 11.5mm + 12mm: 4.7mm đến 12.9mm 3.Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu) 4. Xuất xứ: G7	Cái	3.872		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2122	Trocar nội soi 5mm, 2 ống ngoài	1. Thông số kỹ thuật: - Trocar nội soi nhựa không dao, đường kính 5mm, thân trocar dài 75mm và 100mm. - Thiết kế 1 nòng trong và 2 ống ngoài, chất liệu polycarbonate. - Đầu trocar trong suốt, có rãnh cố định trên thân giúp tăng khả năng cố định trocar trên thành bụng. Van giữ khí bền, chất liệu cao su EPDM. 2. Tính năng: Thiết kế đóng gói có 2 ống ngoài, giúp tiết kiệm chi phí. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Cái	200		
2123	Trocar nội soi dùng một lần, cỡ 10mm, dài 100mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính 10 mm dài 100mm - Thiết kế tháo rời hoàn toàn 4 phần, hỗ trợ việc lấy mẫu bệnh phẩm và xả khí nhanh trong quá trình phẫu thuật 2. Tính năng, công nghệ: - Gioăng kép, không chứa Latex, được thiết kế đảm bảo kín khí - Có nhiều màu sắc để phân biệt các kích thước - Van xoay 180 độ giúp thao tác thuận tiện bằng cả hai tay để kiểm soát việc bơm khí và xả khí - Thiết kế ren chống trượt giúp cố định chắc chắn vào thành bụng - Được đóng gói tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	250		
2124	Trocar nội soi dùng một lần, cỡ 11mm, dài 100mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính 11 mm dài 100mm - Thiết kế tháo rời hoàn toàn 4 phần, hỗ trợ việc lấy mẫu bệnh phẩm và xả khí nhanh trong quá trình phẫu thuật 2. Tính năng, công nghệ: - Gioăng kép, không chứa Latex, được thiết kế đảm bảo kín khí - Có nhiều màu sắc để phân biệt các kích thước - Van xoay 180 độ giúp thao tác thuận tiện bằng cả hai tay để kiểm soát việc bơm khí và xả khí - Thiết kế ren chống trượt giúp cố định chắc chắn vào thành bụng - Được đóng gói tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	250		
2125	Trocar nội soi dùng một lần, cỡ 12mm, dài 100mm	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính 12 mm dài 100mm - Thiết kế tháo rời hoàn toàn 4 phần, hỗ trợ việc lấy mẫu bệnh phẩm và xả khí nhanh trong quá trình phẫu thuật 2. Tính năng, công nghệ: - Gioăng kép, không chứa Latex, được thiết kế đảm bảo kín khí - Có nhiều màu sắc để phân biệt các kích thước - Van xoay 180 độ giúp thao tác thuận tiện bằng cả hai tay để kiểm soát việc bơm khí và xả khí - Thiết kế ren chống trượt giúp cố định chắc chắn vào thành bụng - Được đóng gói tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2126	Trocar nội soi dùng một lần, cỡ 5mm, dài 100mm	1. Thông số Kỹ thuật: - Đường kính 5 mm dài 100mm - Thiết kế tháo rời hoàn toàn 4 phần, hỗ trợ việc lấy mẫu bệnh phẩm và xả khí nhanh trong quá trình phẫu thuật 2. Tính năng, công nghệ: - Gioăng kép, không chứa Latex, được thiết kế đảm bảo kín khí - Có nhiều màu sắc để phân biệt các kích thước - Van xoay 180 độ giúp thao tác thuận tiện bằng cả hai tay để kiểm soát việc bơm khí và xả khí - Thiết kế ren chống trượt giúp cố định chắc chắn vào thành bụng - Được đóng gói tiệt trùng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	250		
2127	Trocar nội soi hỗ trợ đóng lỗ trocar	1. Thông số kỹ thuật: - Trocar nội soi nhựa không dao, đường kính 10mm, 12mm, thân trocar dài 75mm và 100mm. - Trên thân dụng cụ trocar có 4 lỗ tạo hình chữ X giúp đưa dụng cụ gắp chỉ hoặc kim đóng cân thành bụng qua để đóng lỗ trocar giúp ngăn ngừa thoát vị, phù hợp với thành bụng dày từ 18mm-30mm. - Đầu trocar trong suốt, có rãnh cố định trên thân và van giữ khí gồm nhiều mảnh. 2. Tính năng, công nghệ: Trên thân dụng cụ trocar có 4 lỗ tạo hình chữ X giúp đưa dụng cụ gắp chỉ hoặc kim đóng cân thành bụng qua để đóng lỗ trocar giúp ngăn ngừa thoát vị. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE (Châu Âu).	Cái	200		
2128	Trocar nội soi khớp	1. Thông số kỹ thuật: - Đường kính từ 6mm đến 8.25mm, chiều dài từ 72 mm 2. Tính năng, công nghệ: - Ống thông cứng, thân ống trong suốt cho phép quan sát dụng cụ hoặc chỉ khâu đi qua - Hệ thống hai van silicon ngăn rò rỉ chất lỏng - Van kiểm soát lưu lượng tích hợp - Bao gồm đầu bịt hình nón - Đóng gói vô trùng, sử dụng một lần, 5 cái mỗi hộp 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	60		
2129	Túi cuộn tiệt trùng 150mmx100m	1. Thông số kỹ thuật: 150mmx100m 2. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Túi cuộn tiệt trùng loại phồng.	Cuộn	193		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2130	Túi cuộn tiệt trùng cỡ 250mmx100m	1. Thông số kỹ thuật: - Loại phồng 250mm x 100m - Chất liệu: Giấy y tế, nhựa plastic PET/PP 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 121 -140oC. - Chất chỉ thị có hình chữ nhật hoặc hình bình hành, chỉ thị màu Hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO. - Chỉ thị màu Xanh chuyển sang màu Xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121oC-134oC.	Cuộn	300		
2131	Túi cuộn tiệt trùng dùng hấp tiệt trùng loại dẹp 300 mm x 200 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch; Nhựa plastic PET/PP. - Kích thước: Loại ép dẹp 300 mm x 200 m. 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 121-140 độ C. - Chất chỉ thị màu hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO; chỉ thị màu xanh chuyển sang màu xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121-134 độ C.	Cuộn	254		
2132	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 100mmx200m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 100mmx200m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	124		
2133	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 150mmx200m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 150mmx200m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	24		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2134	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 200mmx200m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 200mmx200m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	24		
2135	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 250mmx200m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 250mmx200m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	48		
2136	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 300mmx200m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 300mmx200m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	24		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2137	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 350mmx200m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 350mmx200m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	12		
2138	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 400mmx200m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 400mmx200m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	6		
2139	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 50mmx200m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 50mmx200m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	12		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2140	Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 75mmx200m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại dẹp 75mmx200m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	12		
2141	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 100mmx100m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 100mmx100m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	6		
2142	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 150mmx100m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 150mmx100m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	6		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2143	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 200mmx100m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 200mmx100m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	6		
2144	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 250mmx100m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 250mmx100m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	6		
2145	Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 400mmx100m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi cuộn tiệt trùng loại phồng 400mmx100m - Cấu tạo: Có 03 đường hàn nhiệt chạy dọc theo mép túi. gồm: một lớp giấy y tế (dày ≥ 60 gr) và một lớp phim trong suốt (dày ≥ 52 µm), không thấm nước, không độc hại. Túi có vạch chỉ thị màu, chuyển màu sau khi hấp. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ cao - Tiệt trùng bằng hơi nước đến nhiệt độ ≥ 134 ºC (280 °F) và có thể được tiệt trùng bằng 2 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí EO. - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	6		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2146	Túi cuộn tiệt trùng Tyvek 100 mm x 100 m	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 100mm x 100m. - Gồm: 1 lớp màng film phẳng trong suốt PET/PE; 1 lớp giấy chống thấm màu trắng dùng trong y tế được thiết kế đặc biệt để đảm bảo độ vô trùng cao. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi hấp tiệt trùng sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng khí Hydrogen Peroxide theo công nghệ Plasma. - Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu sau khi tiếp xúc bằng khí Hydrogen Peroxide. - Mép túi có ba đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Chất liệu không chì, không có kim loại nặng, không gây kích ứng.	Cuộn	72		
2147	Túi cuộn tiệt trùng Tyvek 100 mm x 70 m	1. Thông số kỹ thuật - Vật liệu 2 lớp: * 1 lớp làm từ sợi polyolefin ≥ 74,6 gr/m2 1073B * 1 lớp làm từ polyethylene và Polyester ≥ 12/50µ, ≥ 65 g/m2 Độ thẩm thấu khí: ≥ 572 lm/min Độ thẩm thấu hơi ẩm: ≥ 615 g/m2 - Độ bền kéo hướng dọc: ≥ 196 N/2.54 cm - Độ bền kéo hướng ngang: ≥ 200 N/2.54 cm - Độ chịu áp lực: ≥ 1213 kPa - Độ đâm thủng ≥ 8756 J/m2 - Nhiệt độ hàn: 120 - 130oC - Kích thước: 100mm x 70m 2. Tính năng, công nghệ - Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide (H202) Plasma và phương pháp tiệt khuẩn Ethylene Oxide (EO) - Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất, rõ sau khi tiệt khuẩn - Mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung và tái nhiễm - Mối hàn không bị bung sau tiệt khuẩn - Tuân thủ tiêu chuẩn EN-865-5 và ISO 11607-1 - Chứng nhận ISO 13485 và EU (MDR) - Chứng nhận lưu hành tự do tại EU	Cuộn	96		
2148	Túi cuộn tiệt trùng Tyvek 250 mm x 100 m	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: 250mm x 100m. - Gồm: 1 lớp màng film phẳng trong suốt PET/PE; 1 lớp giấy chống thấm màu trắng dùng trong y tế được thiết kế đặc biệt để đảm bảo độ vô trùng cao. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi hấp tiệt trùng sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng khí Hydrogen Peroxide theo công nghệ Plasma. - Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu sau khi tiếp xúc bằng khí Hydrogen Peroxide. - Mép túi có ba đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. - Chất liệu không chì, không có kim loại nặng, không gây kích ứng. - Có hỗ trợ máy ép kèm theo.	Cuộn	208		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2149	Túi đo máu sau sinh	1. Thông số kỹ thuật - Chất liệu: Màng nhựa PE trong. - Kích thước: Đáy lớn 100 cm; Đáy nhỏ 80 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Hình thang vuông 2 lớp, cạnh xiên được ép nhựa. - Có vạch chia để đo dung tích máu sau sinh (từ 50 ml đến 2000 ml). - Tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016.	Cái	72.508		
2150	Túi đựng chất thải 5 lít	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex Dung tích chứa 5 lít . 2. Tính năng, công nghệ: Dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT . Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn (Ø 8 mm) để làm nơi dẫn lưu.	Túi	1.090		
2151	Túi đựng chất thải cỡ 1000ml	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: nhựa Vinyl với tấm đỡ bằng polyethylene Dung tích chứa 1 lít 2. Tính năng, công nghệ: Dùng cho máy hút áp lực âm SUPASORB CNP P3, kèm dây nối hút dịch, kẹp đường ống. Có phin lọc kháng khuẩn, khử mùi, chất gel tạo đông. Cảm biến báo khi dịch đầy. Vô khuẩn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	160		
2152	Túi đựng dịch xả 15 lít	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Nhựa Polyethylene Dung tích chứa 15 lít 2. Tính năng, công nghệ: Có thể chứa dịch xả máy Homechoice	Cái	640		
2153	Túi đựng dung dịch xả thể tích 7000ml	1. Thông số kỹ thuật: - Dung dịch: 7000ml; 2. Tính năng, công nghệ: - Tương thích Quả lọc kèm dây dẫn máu OMNIset hoặc tương đương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Túi	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2154	Túi đựng hoặc đo lượng chất thải tiết, dịch xả 2 van 1 chiều	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Dây dẫn và túi chứa bằng PVC/PP; Khoang chứa và ống đo bằng Styrene acrylonitrile; Không chứa latex. - Kích thước: Ống đo 40ml chia vạch đo từng 1 ml, khoang hình hộp 500 ml đo từng 5ml tăng dần lên trong mức đo từ 45 ml đến 500 ml; có 2 van 1 chiều chống trào ngược nước tiểu, trên túi có màng lọc khuẩn 5 micron, dây dài 1,2 m. 2. Tính năng, công nghệ: - Có móc và dây treo bộ đo nước tiểu. - Đóng gói tiệt trùng bằng giấy Tyvek từng bộ. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Cái	1.200		
2155	Túi đựng mẫu bệnh phẩm	1. Thông số kỹ thuật: - Phim X-quang nha rửa liền Hộp/25 tờ +100ml chai hóa chất hòa tan +12g bột đông đặc - Chất lượng tốt, độ sắc nét cao. Phù hợp với hầu hết các loại máy chụp X-Quang nha khoa trên thị trường 2. Tính năng, công nghệ: - Tốc độ D & Hệ thống xử lý phơi sáng. - Phim rửa liền ngoài sáng (không cần buồng tối). 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	4.000		
2156	Túi đựng máu đơn, chứa chất chống đông máu CPDA-1 (Citrate-Phosphate-Dextrose-Adenine), dung tích 350ml	1. Thông số kỹ thuật: - Hệ thống túi máu dùng một lần bằng PVC, hàn liền khối, các góc được bo tròn có khả năng thu thập được 350ml máu toàn phần. - Túi chứa sẵn 49 ml dung dịch chống đông CPDA -1 để bảo quản máu toàn phần tới 35 ngày ở 4 độ C ±2 độ C. - Kim lấy máu cỡ 16G . - Dây lấy máu dài 980± 40 mm, đường kính trong 3,0 ± 0,1 mm, đường kính ngoài 4,4 ± 0,1 mm (tương ứng với độ dày thành ống = (đường kính ngoài - đường kính trong)/2 là 0,7mm), có 12 đoạn mã số, mã số được in bằng laser. 2. Tính năng, công nghệ: Túi có khả năng chịu lực ly tâm 5000g trong 10 phút, chịu áp lực 0,7kg/cm2 trong 10 phút, bền nhiệt độ trong khoảng -80 độ C tới 37 độ C ± 2 độ C.	Cái	6.266		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2157	Túi đựng nước tiểu van xả thẳng có dây	1. Thông số kỹ thuật: - Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. 2. Tính năng, công nghệ: - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	132.654		
2158	Túi đựng nước tiểu, dung tích chứa 2000 ml	1. Thông số kỹ Thuật: - Dây dẫn dài từ 0.75m, Dung tích: ≥ 2000ml - Chiều dài: 248±5mm, chiều rộng 175mm ±5mm, dày 2 lớp. Có khóa, van xả 1 chiều 2. Tính năng, công nghệ: - Tiệt trùng bằng EO gas. - Không gây độc hại không gây kích ứng các vạch chia dung tích 100ml đều rõ ràng, chống trào ngược có móc (lỗ) treo 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001 : 2015; ISO 13485 : 2016	Cái	102.062		
2159	Túi đựng thức ăn, đựng dung dịch nuôi dưỡng, dung tích chứa 1200 ml	1. Thông số kỹ thuật: Chất liệu: PVC; Dung tích: 1200ml. 2. Tính năng công nghệ: - Có dây treo bằng nhựa PVC trong suốt, có vạch chia từ 50-1200ml, vô khuẩn, chỉ sử dụng 1 lần. - Túi có một đầu có nắp đậy, ống dẫn có bầu nhỏ giọt, khóa điều chỉnh và đầu ống cắm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	70.850		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2160	Túi ép tiệt trùng cỡ 150mm x 200m loại dẹp, chất liệu chất liệu PET & PP	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp film: Polyethylene Terephthalate (PET) với độ dày 10-15 µm và Polypropylene (PP) có độ dày 35-45µm. + Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm. - Kích thước: 150mm x 200m. 2. Tính năng, công nghệ: - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 µm (Pa.s). - Áp lực rách giấy: 230-350 kPa; Áp lực rách giấy khi ướt: 90-150 kPa. - Khả năng chống thấm: 20-35s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m2. - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng ngang): 1.0 - 1.1 kN/m. - Độ pH: 7.5. - Hàm lượng Chloride: 0.01%, hàm lượng Sunfat: 0.01%;. - Chỉ thị hóa học: mực nước. - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: hơi nước, EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, ISO 9001, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, EN 868-5, EU MDR.	Cuộn	349		
2161	Túi ép tiệt trùng cỡ 200mm x 200m loại dẹp, chất liệu chất liệu PET & PP	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp film: Polyethylene Terephthalate (PET) với độ dày 10-15 µm và Polypropylene (PP) có độ dày 35-45µm. + Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm. - Kích thước: 200mm x 200m. 2. Tính năng, công nghệ: - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 µm (Pa.s). - Áp lực rách giấy: 230-350 kPa; Áp lực rách giấy khi ướt: 90-150 kPa. - Khả năng chống thấm: 20-35s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m2. - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng ngang): 1.0 - 1.1 kN/m. - Độ pH: 7.5. - Hàm lượng Chloride: 0.01%, hàm lượng Sunfat: 0.01%. - Chỉ thị hóa học: mực nước. - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: hơi nước, EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, ISO 9001, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, EN 868-5, EU MDR.	Cuộn	769		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2162	Túi ép tiệt trùng cỡ 200mm x 200m loại dẹp, chất liệu chất liệu PET & PP	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp film: Polyethylene Terephthalate (PET) với độ dày 10-15 µm và Polypropylene (PP) có độ dày 35-45µm. + Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm. - Kích thước: 200mm x 200m. 2. Tính năng, công nghệ: - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 µm (Pa.s). - Áp lực rách giấy: 230-350 kPa; Áp lực rách giấy khi ướt: 90-150 kPa. - Khả năng chống thấm: 20-35s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m2. - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng ngang): 1.0 - 1.1 kN/m. - Độ pH: 7.5. - Hàm lượng Chloride: 0.01%, hàm lượng Sunfat: 0.01%. - Chỉ thị hóa học: mực nước;. - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: hơi nước, EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, ISO 9001, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, EN 868-5, EU MDR.	Cuộn	574		
2163	Túi ép tiệt trùng cỡ 250mm x 200m loại dẹp, chất liệu chất liệu PET & PP	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp film: Polyethylene Terephthalate (PET) với độ dày 10-15 µm và Polypropylene (PP) có độ dày 35-45µm. + Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm. - Kích thước: 250mm x 200m. 2. Tính năng, công nghệ: - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 µm (Pa.s). - Áp lực rách giấy: 230-350 kPa; Áp lực rách giấy khi ướt: 90-150 kPa. - Khả năng chống thấm: 20-35s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m2. - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng ngang): 1.0 - 1.1 kN/m. - Độ pH: 7.5. - Hàm lượng Chloride: 0.01%, hàm lượng Sunfat: 0.01%. - Chỉ thị hóa học: mực nước; - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: hơi nước, EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, ISO 9001, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, EN 868-5, EU MDR.	Cuộn	249		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2164	Túi ép tiệt trùng cỡ 300mm x 200m loại dẹp, chất liệu chất liệu PET & PP	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp film: Polyethylene Terephthalate (PET) với độ dày 10-15 µm và Polypropylene (PP) có độ dày 35-45µm. + Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm. - Kích thước: 300mm x 200m. 2. Tính năng, công nghệ: - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 µm (Pa.s). - Áp lực rách giấy: 230-350 kPa; Áp lực rách giấy khi ướt: 90-150 kPa. - Khả năng chống thấm: 20-35s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m2. - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng ngang): 1.0 - 1.1 kN/m. - Độ pH: 7.5. - Hàm lượng Chloride: 0.01%, hàm lượng Sunfat: 0.01%. - Chỉ thị hóa học: mực nước. - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: hơi nước, EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, EN 868-5, EU MDR.	Cuộn	167		
2165	Túi ép tiệt trùng cỡ 75mm x 200m loại dẹp, chất liệu chất liệu PET & PP	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp film: Polyethylene Terephthalate (PET) với độ dày 10-15 µm và Polypropylene (PP) có độ dày 35-45µm. + Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm. - Kích thước: 75mm x 200m. 2. Tính năng, công nghệ: - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 µm (Pa.s). - Áp lực rách giấy: 230-350 kPa; Áp lực rách giấy khi ướt: 90-150 kPa. - Khả năng chống thấm: 20-35s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m2. - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng ngang): 1.0 - 1.1 kN/m. - Độ pH: 7.5. - Hàm lượng Chloride: 0.01%, hàm lượng Sunfat: 0.01%. - Chỉ thị hóa học: mực nước. - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: hơi nước, EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, ISO 9001, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, EN 868-5, EU MDR.	Cuộn	132		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2166	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 150mmx70m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 150mmx70m - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch và nhựa plastic PET/PP - Vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. Chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu tím chuyển sang màu hồng. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ thấp. Chịu nhiệt 40ºC-58ºC - Tiệt trùng bằng plasma (H2O2) - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	6		
2167	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 200mmx70m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 200mmx70m - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch và nhựa plastic PET/PP - Vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. Chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu tím chuyển sang màu hồng. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ thấp. Chịu nhiệt 40ºC-58ºC - Tiệt trùng bằng plasma (H2O2) - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	6		
2168	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 250mmx70m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 250mmx70m - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch và nhựa plastic PET/PP - Vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. Chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu tím chuyển sang màu hồng. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ thấp. Chịu nhiệt 40ºC-58ºC - Tiệt trùng bằng plasma (H2O2) - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	6		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2169	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 300mmx70m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 300mmx70m - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch và nhựa plastic PET/PP - Vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. Chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu tím chuyển sang màu hồng. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ thấp. Chịu nhiệt 40ºC-58ºC - Tiệt trùng bằng plasma (H2O2) - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	6		
2170	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 350mmx70m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 350mmx70m - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch và nhựa plastic PET/PP - Vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. Chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu tím chuyển sang màu hồng. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ thấp. Chịu nhiệt 40ºC-58ºC - Tiệt trùng bằng plasma (H2O2) - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	6		
2171	Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 75mmx70m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi ép tiệt trùng loại Tyvek 75mmx70m - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch và nhựa plastic PET/PP - Vị trí chữ in: hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. Chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu tím chuyển sang màu hồng. 2. Tính năng, công nghệ: - Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn, ở nhiệt độ thấp. Chịu nhiệt 40ºC-58ºC - Tiệt trùng bằng plasma (H2O2) - Đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	6		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2172	Túi ép tiệt trùng 200mm x 50mm x 100m loại phồng, chất liệu chất liệu PET & PP	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp film: Polyethylene Terephthalate (PET) với độ dày 10-15 µm và Polypropylene (PP) có độ dày 35-45µm. + Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm. - Kích thước: 200mm x 50mm x 100m. 2. Tính năng, công nghệ: - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 µm (Pa.s). - Áp lực rách giấy: 230-350 kPa; Áp lực rách giấy khi ướt: 90-150 kPa. - Khả năng chống thấm: 20-35s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m2. - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng ngang): 1.0 - 1.1 kN/m. - Độ pH: 7.5. - Hàm lượng Chloride: 0.01%, hàm lượng Sunfat: 0.01%. - Chỉ thị hóa học: mực nước. - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: hơi nước, EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, ISO 9001, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, EN 868-5, EU MDR.	Cuộn	37		
2173	Túi ép tiệt trùng 250mm x 65mm x 100m loại phồng, chất liệu chất liệu PET & PP	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp film: Polyethylene Terephthalate (PET) với độ dày 10-15 µm và Polypropylene (PP) có độ dày 35-45µm. + Giấy y tế: trọng lượng 57-63g/m², độ dày 78-88µm. - Kích thước: 250mm x 65mm x 100m. 2. Tính năng, công nghệ: - Hiệu suất không khí: 11.1-11.5 µm (Pa.s). - Áp lực rách giấy: 230-350 kPa; Áp lực rách giấy khi ướt: 90-150 kPa. - Khả năng chống thấm: 20-35s; khả năng hút nước trong 60s: 15-20 g/m2. - Độ bền kéo lúc ướt (Hướng dọc): 1.1-2.1 kN/m; Độ bền kéo lúc ướt (Hướng ngang): 1.0 - 1.1 kN/m. - Độ pH: 7.5. - Hàm lượng Chloride: 0.01%, hàm lượng Sunfat: 0.01%. - Chỉ thị hóa học: mực nước. - Tương thích với các phương pháp tiệt khuẩn: hơi nước, EO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), ISO 13485, ISO 9001, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, EN 868-5, EU MDR.	Cuộn	34		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2174	Túi ép tyvek dùng cho hấp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp kích thước 200mm x 70m	1. Thông số kỹ Thuật: Kích thước: 20cm x 70m - Chất Liệu: Một mặt được làm bằng giấy Tyvek ≥ 74,6 gr/m2, một mặt được làm từ vật liệu đa màng PET/PE 12/50µ, ≥65 g/m2. 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide (H202) Plasma và phương pháp tiệt khuẩn Ethylene Oxide (EO) - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng.Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ HỒNG sang màu VÀNG chứng tỏ đạt. - Nhiệt độ hàn: 120 - 130oC 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - CE (Châu Âu), ISO 11607-1	Cuộn	100		
2175	Túi ép tyvek dùng cho hấp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp kích thước 250mm x 70m	1. Thông số kỹ Thuật: - Kích thước: 25cm x 70m - Một mặt được làm bằng giấy Tyvek ≥ 74,6 gr/m2, một mặt được làm từ vật liệu đa màng PET/PE 12/50µ, ≥65 g/m2. 2. Tính năng, công nghệ: - Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide (H202) Plasma và phương pháp tiệt khuẩn Ethylene Oxide (EO) - Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng.Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ HỒNG sang màu VÀNG chứng tỏ đạt. - Nhiệt độ hàn: 120 - 130oC 3. Tiêu chuẩn chất lượng: - CE (Châu Âu), ISO 11607-1	Cuộn	100		
2176	Túi hấp tiệt trùng 100mm x 100m, chất liệu Tyvek 1073B, không chứa CMR	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m2, độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-550 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m2, rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210 N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220 N/ inch. + Lớp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 100mm x 100m (± 05%). 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn. - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách. - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202, E.O. - Không chứa các chất CMR. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11140-1, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, EN 868-5, EN ISO 14971, EN ISO 15223-1, UNI EN ISO 13485:2021, UNI EN ISO 9001, EU MDR, UDI-DI.	Cuộn	72		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2177	Túi hấp tiệt trùng 150mm x 100m, chất liệu Tyvek 1073B, không chứa CMR	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m2, độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-550 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m2, rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210 N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220 N/ inch. + Lớp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 150mm x 100m (± 05%). 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn. - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách. - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202, E.O. - Không chứa các chất CMR. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11140-1, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, EN 868-5, EN ISO 14971, EN ISO 15223-1, UNI EN ISO 13485:2021, UNI EN ISO 9001, EU MDR, UDI-DI.	Cuộn	290		
2178	Túi hấp tiệt trùng 150mm x 100m, chất liệu Tyvek 1073B, không chứa CMR	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m2, độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-550 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m2, rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210 N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220 N/ inch. + Lớp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 150mm x 100m (± 05%). 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn. - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách. - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202, E.O. - Không chứa các chất CMR. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11140-1, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, EN 868-5, EN ISO 14971, EN ISO 15223-1, UNI EN ISO 13485:2021, UNI EN ISO 9001, EU MDR, UDI-DI.	Cuộn	44		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2179	Túi hấp tiệt trùng 200mm x 100m, chất liệu Tyvek 1073B, không chứa CMR	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m2, độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-550 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m2, rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210 N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220 N/ inch. + Lớp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 200mm x 100m (± 05%). 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn. - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách. - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202, E.O. - Không chứa các chất CMR. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11140-1, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, EN 868-5, EN ISO 14971, EN ISO 15223-1, UNI EN ISO 13485:2021, UNI EN ISO 9001, EU MDR, UDI-DI.	Cuộn	24		
2180	Túi hấp tiệt trùng 250mm x 100m, chất liệu Tyvek 1073B, không chứa CMR	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m2, độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-550 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m2, rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210 N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220 N/ inch. + Lớp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 250mm x 100m (± 05%). 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn. - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách. - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202, E.O. - Không chứa các chất CMR. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11140-1, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, EN 868-5, EN ISO 14971, EN ISO 15223-1, UNI EN ISO 13485:2021, UNI EN ISO 9001, EU MDR, UDI-DI.	Cuộn	24		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2181	Túi hấp tiệt trùng 300mm x 100m, chất liệu Tyvek 1073B, không chứa CMR	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m2, độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-550 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m2, rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210 N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220 N/ inch. + Lớp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 300mm x 100m (± 05%). 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn. - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách. - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202, E.O. - Không chứa các chất CMR. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11140-1, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, EN 868-5, EN ISO 14971, EN ISO 15223-1, UNI EN ISO 13485:2021, UNI EN ISO 9001, EU MDR, UDI-DI.	Cuộn	24		
2182	Túi hấp tiệt trùng 350mmx200m	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP - Kích thước 350mm x 200m, 2. Tính năng, công nghệ: Chịu nhiệt 121 -140oC. Chất chỉ thị có hình chữ nhật hoặc hình bình hành, chỉ thị màu hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO. Chỉ thị màu xanh chuyển sang màu xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121oC-134oC	Cuộn	543		
2183	Túi hấp tiệt trùng 400mmx200m	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP - Kích thước 400mm x 200m 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 121 -140oC.	Cuộn	31		
2184	Túi hấp tiệt trùng 50mmx200m	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP Kích thước 50mm x 200m 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 121 -140oC.	Cuộn	34		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2185	Túi hấp tiệt trùng 75mm x 100m, chất liệu Tyvek 1073B, không chứa CMR	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lớp giấy được làm từ Tyvek, trọng lượng 74-75 g/m2, độ dày 199-200 µm, độ tách lớp: 1.8-3.6 N, tính thấm khí 530-550 mL/min, độ đâm thủng 9600-9700 J/m2, rào chắn vi khuẩn ≥ 4 LRV, độ mờ 92-93%, Độ bền kéo hướng dọc: 190-210 N/ inch; Độ bền kéo hướng ngang: 208-220 N/ inch. + Lớp nylon được làm từ: Oriented polyamide và Polyethylene độ dày 70-80µm. - Kích thước: 75mm x 100m (± 05%). 2. Tính năng, công nghệ: - Chỉ thị hóa học sau khi tiệt khuẩn: chuyển màu đúng hướng dẫn trên túi ép và màu phân biệt được túi ép trước - sau tiệt khuẩn. - Sau tiệt khuẩn: mối hàn còn nguyên vẹn (không bung), giấy và màng ép không thấm nước, không rách. - Tương thích phương pháp tiệt khuẩn nhiệt độ thấp bằng H202, E.O. - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại và các chất CMR. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), EN ISO 11140-1, EN ISO 11607-1, EN ISO 11607-2, EN 868-5, EN ISO 14971, EN ISO 15223-1, UNI EN ISO 13485:2021, UNI EN ISO 9001.	Cuộn	72		
2186	Túi hấp tiệt trùng 75mmx200m	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP - Kích thước 75mm x 200m.chịu nhiệt 121 -140oC 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 121 -140oC - Chất chỉ thị: có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO. - Chỉ thị màu xanh chuyển sang màu xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121oC-134oC	Cuộn	480		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2187	Túi hấp tiệt trùng loại dẹp cỡ 250 mm x 200 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng film gồm 2 lớp PET + PP và Giấy y tế. - Kích cỡ: 250mm x 200m, - Lớp PET + PP: + Độ giãn dài đến khi đứt theo phương dọc là >150%; + Độ giãn dài đến khi đứt theo phương ngang là >135% + Độ thẩm thấu hơi nước ≥ 12 g/m²/24h theo + Độ thẩm thấu oxy ≥ 130 cc/m²/24h theo + Độ bền đường hàn > 1.5n/15mm - Giấy y tế: + Độ dày ≥ 83µm, + Hiệu suất không khí ≥ 11.1 (µm) Pa.s, + Tính chống thấm nước ≥ 20 giây, khả năng hút nước trong 60s: ≥ 15g/m2 , + Độ bền chịu bục: ≥ 230 kPa, độ chịu bục khi ướt ≥ 90 kPa, + Độ pH: 7.5, hàm lượng Chloride ≤ 0.01%, Sunfat ≤ 0.01%. - Chỉ thị hóa học bằng mực nước. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN 868-5, UNI EN ISO 11607-1, UNI EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, ISO 13485, ISO 9001, CE (Châu Âu). 3. Xuất xứ: G7	Cuộn	526		
2188	Túi hấp tiệt trùng, cỡ 200mm x 200m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng film gồm 2 lớp PET + PP và Giấy y tế. - Kích cỡ: 200mm x 200m, - Lớp PET + PP: + Độ giãn dài đến khi đứt theo phương dọc là >150%; + Độ giãn dài đến khi đứt theo phương ngang là >135% + Độ thẩm thấu hơi nước ≥ 12 g/m²/24h theo + Độ thẩm thấu oxy ≥ 130 cc/m²/24h theo + Độ bền đường hàn > 1.5n/15mm - Giấy y tế: + Độ dày ≥ 83µm, + Hiệu suất không khí ≥ 11.1 (µm) Pa.s, + Tính chống thấm nước ≥ 20 giây, khả năng hút nước trong 60s: ≥ 15g/m2 , + Độ bền chịu bục: ≥ 230 kPa, độ chịu bục khi ướt ≥ 90 kPa, + Độ pH: 7.5, hàm lượng Chloride ≤ 0.01%, Sunfat ≤ 0.01%. - Chỉ thị hóa học bằng mực nước. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN 868-5, UNI EN ISO 11607-1, UNI EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, ISO 13485, ISO 9001, CE (Châu Âu). 3. Xuất xứ: G7	Cuộn	1.137		
2189	Túi hậu môn nhân tạo	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: phần đế làm từ hydrocolloid - Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, đế có kích thước cắt tối đa 70mm 2. Tính năng, công nghệ: - Túi xả, màu da, túi mềm mại, không chứa latex/PVC, không chứa phtalate/(DEHP)	Cái	2.610		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2190	Túi hậu môn nhân tạo đế bằng 70 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Hydrocolloid, có cấu trúc liên kết vật lý SIS (Styrene-Isoprene-Styrene và nhựa polymer/copolyme - Kích cỡ: 70mm - Thời gian sử dụng trung bình từ 3 đến 5 ngày, tối đa 7 ngày. 2. Tính năng, công nghệ: - Độ pH giống như da từ 4,0 - 5,5, giúp bảo vệ da xung quanh hậu môn nhân tạo và không gây dị ứng. - Đế có phần gắn kết với túi bằng cách lòn ngón tay vào trong và bấm lại, vì vậy không gây đau cho bệnh nhân. - Đề kháng mạnh với các chất ăn mòn, tạo cấu trúc mềm dẻo, vững chắc và bền. - Sử dụng được cho các trường hợp hậu môn nhân tạo hồi tràng và niệu quản. - Khi tháo đế ra không để lại chất keo dư thừa trên da bệnh nhân. - Đế bằng cho người có hậu môn nhân tạo lồi, sử dụng kèm túi. - Có thể sử dụng để dán hầu hết loại túi hậu môn nhân tạo. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485.	Túi	3.910		
2191	Túi hậu môn nhân tạo loại kín	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: phần đế làm từ hydrocolloid, có lớp màng nhựa chống mùi - Kích cở: 1 mảnh, đế có kích thước cắt tối đa 70mm 2. Tính năng, công nghệ: - Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, túi kín, túi mềm mại, có thanh khử mùi, thoát khí	Cái	110		
2192	Túi hậu môn nhân tạo loại xả	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: phần đế làm từ hydrocolloid - Kích cỡ: 1 mảnh, đế có kích thước cắt tối đa 70mm 2. Tính năng, công nghệ: - Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, túi xả, trong suốt, túi mềm mại	Cái	4.210		
2193	Túi hậu môn nhân tạo loại xả, đường kính từ 20mm đến 60mm	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: Plastic - Loại xả với đường kính 20mm đến 60mm, trong suốt 2. Tính năng, công nghệ: Hydrocolloid hình hoa thích hợp cho nếp gấp da, độ bám dính tốt, an toàn, bảo vệ da. Túi mềm mại. Thanh lọc khử mùi, không phồng. Khóa cuốn	Cái	1.160		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2194	Túi hậu môn nhân tạo túi phân 70 mm, lọc khí, khóa cuốn	1. Thông số kỹ thuật: Túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh, có khóa cuốn, có bộ lọc khí - Sản phẩm được làm từ nhựa polymer/copolyme và vải không dệt. - Đường kính vòng gắn 70mm, chiều dài túi 30cm - Lưu lượng thông khí khoảng 300mm2 - Túi chứa loại trong, gồm 4 lớp: lớp trong giúp gắn kết các lớp, lớp ngăn mùi, lớp dính giúp các lớp dính vào nhau, lớp chống ồn 2. Tính năng, công nghệ: - Đặc điểm: có khóa cuốn, có bộ lọc khí, giúp thoát khí dễ dàng nhưng mùi hôi bị giữ lại, bộ lọc khí không thấm nước. - Vòng gắn khớp với đế dán và không gây đau cho người bệnh - Sử dụng tương thích hầu hết các loại đế dán 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485.	Túi	4.100		
2195	Túi hơi huyết áp kế (cao su màu đen 21,5 x 11,5 cm)	Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cao su. - Kích thước: 21,5 x11,5 cm.	Cái	6.725		
2196	Túi tạo áp lực dùng đo huyết áp động mạch xâm lấn loại 500ml	1. Thông số kỹ Thuật: Túi bơm áp lực 500ml, van áp suất thiết lập đến 300mmHg - Áp lực 300 - 450mmHg 2. Tính năng, công nghệ: - Dùng cho truyền nhanh, có quai treo lên cây truyền dịch, 1 khóa 3 đường dùng đóng mở tăng hoặc giảm áp lực, có van xả áp lực ngăn ngừa các túi bị nổ	Túi	2.534		
2197	Túi tiệt trùng 200 mm x 70 m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi ép tiệt trùng kích cỡ: 200mmx70m - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP, chịu nhiệt 40ºC-58ºC. 2. Tính năng, công nghệ: - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 10993-5:2009, ISO 9001, DIN 58953-6: 2016, ISO 13485	Cuộn	172		
2198	Túi tiệt trùng 200mm x 200m	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Một mặt được làm bằng giấy y tế 60g/m2, một mặt được làm từ vật liệu PET/PE màu xanh 12/40µ, 65 g/m2 - Kích thước 200mm x 200m 2. Tính năng, công nghệ: Túi ép sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng hơi nước, Ethylen Oxide (EO) và Formaldehyde. Được hàn cả 2 bên, mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung trong quá trình sử dụng. Nhiệt độ hàn 170 - 210oC. Chất chỉ thị hóa học sẽ đổi màu từ xanh da trời sang màu đen chứng tỏ đạt 3.Tiêu chuẩn chất lượng: CE(Châu Âu).	Cuộn	795		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2199	Túi tiệt trùng 350mmx70m	1. Thông số kỹ thuật: - Túi ép tiệt trùng kích cỡ: 350mmx70m - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP, chịu nhiệt 40ºC-58ºC. 2. Tính năng, công nghệ: - Chứng nhận đạt tiêu chuẩn cho phép đối với các chất SVHC gây ung thư, gây đột biến gen, độc hại cho sinh sản, tích tụ sinh học... của Cơ quan Hóa chất Châu Âu (ECHA) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 ISO 10993-5:2009, ISO 9001, DIN 58953-6: 2016, * Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cuộn	115		
2200	Túi tiệt trùng 75mm x 100m với chỉ thị hóa học	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Giấy y tế (Medical Kraft paper) màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP -Kích cỡ: 75mmx100m 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 40ºC-58ºC. - Vị trí chữ in hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. - Chất chỉ thị có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu xanh chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng plasma	Cuộn	58		
2201	Túi tiệt trùng dùng cho tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma, cỡ 150 mm x 100m	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: Giấy y tế (Medical Kraft paper) màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP - Kích thước 150mmx100m 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 40ºC-58ºC. Vị trí chữ in hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. Chất chỉ thị có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu xanh chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng plasma	Cuộn	448		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2202	Túi tiệt trùng dùng cho tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma, cỡ 150 mm x 70m	1. Thông số kỹ thuật - Vật liệu 2 lớp: * 1 lớp làm từ sợi polyolefin ≥ 74,6 gr/m2 1073B * 1 lớp làm từ polyethylene và Polyester ≥ 12/50µ, ≥ 65 g/m2 Độ thẩm thấu khí: ≥ 572 lm/min Độ thẩm thấu hơi ẩm: ≥ 615 g/m2 - Độ bền kéo hướng dọc: ≥ 196 N/2.54 cm - Độ bền kéo hướng ngang: ≥ 200 N/2.54 cm - Độ chịu áp lực: ≥ 1213 kPa - Độ đâm thủng ≥ 8756 J/m2 - Nhiệt độ hàn: 120 - 130oC - Kích thước: 150mm x 70m 2. Tính năng, công nghệ - Sử dụng cho hấp tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide (H202) Plasma và phương pháp tiệt khuẩn Ethylene Oxide (EO) - Chỉ thị hóa học chuyển màu đồng nhất, rõ sau khi tiệt khuẩn - Mép túi có 3 đường hàn tránh bị bung và tái nhiễm - Mối hàn không bị bung sau tiệt khuẩn - Tuân thủ tiêu chuẩn EN-865-5 và ISO 11607-1 - Chứng nhận ISO 13485 và EU (MDR) - Chứng nhận lưu hành tự do tại EU	Cuộn	72		
2203	Túi tiệt trùng dùng cho tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma, cỡ 300 mm x 100m	1. Thông số kỹ Thuật: - Chất liệu: Giấy y tế (Medical Kraft paper) màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP - Kích thước: 300mmx100m 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 40ºC-58ºC. - Vị trí chữ in hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. - Chất chỉ thị có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu xanh chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng plasma	Cuộn	65		
2204	Túi tiệt trùng dùng cho tiệt trùng nhiệt độ thấp Plasma, cỡ 350 mm x 100m	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Giấy y tế (Medical Kraft paper) màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP - Kích thước 350mmx100m 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 40ºC-58ºC. - Vị trí chữ in hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. - Chất chỉ thị có hình chữ nhật hoặc hình bình hành: chỉ thị màu xanh chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng plasma	Cuộn	423		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2205	Túi tiệt trùng loại dẹp cỡ 100 mm x 200 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch; Nhựa plastic PET/PP. - Kích thước: 100 mm x 200 m. 2. Tính năng, công nghệ: - Chịu nhiệt 121-140 độ C. - Chất chỉ thị màu hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO; chỉ thị màu xanh chuyển sang màu xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121-134 độ C.	Cuộn	733		
2206	Túi tiệt trùng loại dẹp cỡ 150 mm x 200 m	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Màng film gồm 2 lớp PET + PP và Giấy y tế. - Kích cỡ: 150mm x 200m, - Lớp PET + PP: + Độ giãn dài đến khi đứt theo phương dọc là >150%; + Độ giãn dài đến khi đứt theo phương ngang là >135% + Độ thẩm thấu hơi nước ≥ 12 g/m²/24h theo + Độ thẩm thấu oxy ≥ 130 cc/m²/24h theo + Độ bền đường hàn > 1.5n/15mm - Giấy y tế: + Độ dày ≥ 83µm, + Hiệu suất không khí ≥ 11.1 (µm) Pa.s, + Tính chống thấm nước ≥ 20 giây, khả năng hút nước trong 60s: ≥ 15g/m2 , + Độ bền chịu bục: ≥ 230 kPa, độ chịu bục khi ướt ≥ 90 kPa, + Độ pH: 7.5, hàm lượng Chloride ≤ 0.01%, Sunfat ≤ 0.01%. - Chỉ thị hóa học bằng mực nước. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: UNI EN 868-5, UNI EN ISO 11607-1, UNI EN ISO 11607-2, ISO 11140-1, ISO 13485, ISO 9001, CE (Châu Âu). 3. Xuất xứ: G7	Cuộn	533		
2207	Túi tiệt trùng loại phồng cỡ 100 mm × 100 m	1. Thông số kỹ thuật: - Giấy y tế (Medical Kraft paper) màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch; Nhựa plastic PET/PP. - Kích thước: 100 mm x 100 m. 2. Tính năng công nghệ: - Chịu nhiệt 40-58 độ C. - Vị trí chữ in hai bên mép dán túi, bên mặt giấy, mực in màu xanh. - Chất chỉ thị màu xanh chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng Plasma. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cuộn	211		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2208	Túi tiệt trùng, cỡ 200mm x 100m	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Giấy y tế màu trắng, không mùi, không độc, không tơ sợi, đã được tẩy sạch, và nhựa plastic PET/PP Kích cỡ: Túi cuộn loại dẹp 200mm x 100m 2. Tính năng, công nghệ: Chịu nhiệt 121 -140oC. Chất chỉ thị có hình chữ nhật hoặc hình bình hành. Chỉ thị màu hồng chuyển sang màu nâu nếu tiệt trùng bằng khí EO. Chỉ thị màu xanh chuyển sang màu xanh đậm nếu tiệt trùng bằng hơi nước từ nhiệt độ 121oC-134oC	Cuộn	153		
2209	Van dẫn lưu khí (thuộc bộ dẫn lưu ngực)	1. Thông số kỹ thuật: - Đầu nối kiểu Luer lock cho ống có đường kính 6.8mm - Đầu nối tiếp hợp đa bậc đường kính 6.8mm - Đầu nối dạng phễu màu cam cỡ 16FR - Khoang đệm với van chống trào ngược - Ống PVC 3.55x5.65mm Độ cứng 65A - Ống PVC 4.8x6.8mm Độ cứng 75A - Ống PVC 6.0x8.8mm Độ cứng 70A 2. Tính năng, công nghệ: Hoạt động như van một chiều để dẫn lưu khí, máu và các chất dịch khác khỏi khoang màng phổi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	10		
2210	Van dẫn lưu khí (thuộc bộ dẫn lưu ngực)	1. Thông số kỹ Thuật: Gồm 1 đoạn ống cao su đặt trong 1 ống plastic. 2. Tính năng, công nghệ: Tích hợp cố định 1 tiếp hợp catheter dẫn lưu đa bậc và 1 van lọc khí.	Cái	2.180		
2211	Van dẫn lưu nhân tạo dịch não tủy, kèm theo dây thoát dịch và dây dẫn lưu	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vỏ van bằng polysulfone. - Kích cỡ: Van Có 08 mức lực từ 30 - 50 - 70 - 90 -110 - 140 -170 - 200mm H2O. Đường kính van 16mm. Kèm theo: - Dây thoát dịch não thất, dài 23 cm; đường kính trong 1,3 mm đường kính ngoài 2,5mm - Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài 110 cm; đường kính trong 1,1 mm đường kính ngoài 2,5mm 2. Tính năng, công nghệ: - Cơ chế hoạt động van dạng bóng trong ống dẫn hình côn và lo xo phẳng. - Vỏ van trong suốt cho phép nhìn thấy áp lực van trước khi cấy ghép. - Có thể đọc trực tiếp áp lực van thông qua la bàn bộ điều chỉnh hoặc qua phim X quang.	Bộ	2		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2212	Van dẫn lưu nhân tạo não thất - ổ bụng 35x7 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Lớp nền bằng polypropylene và acetalplastic, lớp vòm bằng silicone. Catheter được phủ Barium. - Kích thước: Có 5 mức áp lực: 0,5; 1,0; 1,5; 2,0; 2,5. Kích thước van là 35 x 13 x 7mm. Catheter có đường kính trong là 1,3mm. Đường kính ngoài là 2,5mm. Chiều dài catheter não thất 23cm. Chiều dài catheter ổ bụng: 90cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Phần vòm có in mũi tên đánh dấu cản quang bằng tantalum chỉ hướng dòng chảy. - Van điều chỉnh chuẩn bao gồm hệ thống bóng và van áp lực hình nón, màng kiểm soát siphon. - Tương thích với Hệ thống chụp cộng hưởng từ (MRI) lên đến 3.0 Tesla (hoặc tương đương). - Van có nút ấn để kiểm tra khả năng nghẹt van trước và sau khi đặt Shunt. - Van có thể điều chỉnh mức áp lực sau mổ bằng dụng cụ ngoài bộ điện tử hoặc nam châm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), ISO 13485	Bộ	44		
2213	Van dẫn lưu từ não thất xuống ổ bụng có điều chỉnh áp lực và có khóa chống từ trường	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước van: ≥58mm x 17mm x 9mm (có 2 occluder) hoặc ≥49mm x 15mm x 8mm (có 1 occluder). - Catheter silicone được phủ barium có đường kính trong là 1.3mm; đường kính ngoài là 2.5mm. Chiều dài catheter não thất: 23cm, catheter ổ bụng: 90cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Van có thể điều chỉnh mức áp lực không xâm lấn, được thiết kế bổ sung chìa khóa và vách ngăn chuyên biệt giữa các mức áp lực, để chống lại tác động có thể làm thay đổi mức áp lực không mong muốn của từ trường, bao gồm MRI lên đến 3.0 Tesla và các thiết bị điện tử thông thường. Bao gồm 5 mức điều chỉnh áp lực: 0.5; 1.0; 1.5; 2.0; 2.5. - Bộ điều chỉnh áp lực được thiết kế bổ sung công cụ chỉ dẫn so với van điều chỉnh áp lực thông thường, đi kèm thao tác đặc biệt được hướng dẫn để đảm bảo chìa khóa nằm ở khoang giữa hai vách ngăn, giúp ngăn ngừa trường hợp dẫn lưu quá ít hoặc tắc van. - Công cụ chỉ thị và công cụ điều chỉnh được thiết kế với mức từ tính cao, có thể đọc chính xác và điều chỉnh mức áp lực ở khoảng cách lên đến 9.6mm so với van. - Có khoang kiểm soát hiện tượng siphon khi thay đổi tư thế đứng - nằm. - Van dẫn lưu từ não thất xuống ổ bụng có điều chỉnh áp lực và có khóa chống từ trường. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Bộ	25		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2214	Vật liệu cầm máu	1. Chất liệu: Cellulose 2. Thông số kỹ thuật: - Gạc cầm máu tự tiêu Non Oxidized, kích thước 10cm x 10cm; tăng sự ổn định của cục máu đông. - Tồn tại trong vết thương ở dạng ổn định tới 24-36 giờ. Tiêu hoàn toàn trong vòng 7 ngày. - Tác dụng cầm máu nhanh trong vòng 3-5 phút, hấp thu được lượng máu bằng 2500% so với trọng lượng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu).	Miếng	25		
2215	Vật liệu cầm máu (cellulose oxi hóa tái tổ hợp) tự tiêu, kích thước 2,5 x 5,1 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (Oxidized regenerated cellulose) dạng bông xốp tự tiêu, nguồn gốc thực vật, chứa nhóm cacboxyl (COOH) 18%-24%. - Kích thước: 2.5cm x 5.1cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giới hạn nitrogen (USP) ≤ 0.5%. Có tính kháng khuẩn đối với 38 chủng vi khuẩn, kể cả MRSA, VRE, MRSE, PRSP. - Cầm máu hiệu quả trong 1-2 phút, nhờ pH thấp (2-4), tự tiêu trong 7-14 ngày. - Bám tốt vào mô chảy máu, có thể tách nhiều lớp. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu).	Miếng	1.325		
2216	Vật liệu cầm máu (cellulose tái tổ hợp) tự tiêu, có tính kháng khuẩn, kích thước 10 × 20 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Cellulose tái tổ hợp dạng dệt thoi có pH 4.0-4.5, có tính kháng khuẩn (MRSA, MRSE, VRE, PRSP). - Kích thước: 10 x 20 cm. - Hiệu quả cầm máu 2-4 phút, tự tiêu sau 4-6 ngày. 2. Tính năng công nghệ: Vật liệu cầm máu tự tiêu dùng trong tất cả phẫu thuật. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Miếng	4.380		
2217	Vật liệu cầm máu (gelatin) tự tiêu, 8x5x1cm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Gelatin tinh khiết Kích thước: 8x5x1cm. 2. Tính năng, công nghệ: Cầm máu trong vòng 2-3 phút; tự tiêu hoàn toàn trong vòng 3 ngày (mô ướt), tối đa là 4 tuần, thấm hút gấp 45-50 lần trọng lượng sản phẩm, độ phồng lên sau thấm hút là 10% so với kích thước sản phẩm, độ pH = 7. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE(Châu Âu)	Miếng	3.060		
2218	Vật liệu cầm máu (gelatin) tự tiêu, kích thước 7 x 5 x 1 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Gelatin. - Kích thước: 7x5x1 cm. 2. Tính năng, công nghệ: Hiệu quả cầm máu 2-4 phút, có thể sử dụng chung với thuốc kháng sinh, hóa chất y tế hay thrombin, thời gian tái hấp thu 4-6 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu).	Miếng	12.286		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2219	Vật liệu cầm máu các loại (sáp)	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: 80% sáp ong + 20% Isopropyl Palmitate, LUBW Kích cỡ: 2,5gr 2. Tính năng, công nghệ: Sáp cầm máu xương 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	3.300		
2220	Vật liệu cầm máu dạng bông xốp dệt dày tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hoá tái tổ hợp, kích thước 2,5 x 5,1cm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Vật liệu cầm máu dạng bông ép sợi dài tự tiêu, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật. Kích thước: 2,5 x 5,1cm. 2. Tính năng, công nghệ: Tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4). Giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, thích hợp trong phẫu thuật nội soi, tự tiêu sau 7 - 14 ngày. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA(Châu Âu)	Miếng	2.172		
2221	Vật liệu cầm máu dạng bông xốp dệt dày tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hoá tái tổ hợp, kích thước 5,1 x 10,2cm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Vật liệu cầm máu dạng bông ép sợi dài tự tiêu, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật. Kích thước: 5,1 x 10,2cm, có tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4). Tự tiêu sau 7 - 14 ngày. 2. Tính năng, công nghệ: Tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4). Tự tiêu sau 7 - 14 ngày. Giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu, dễ dàng dịch chuyển mà không bị dính vào dụng cụ, thích hợp trong phẫu thuật nội soi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA(Châu Âu)	Miếng	3.892		
2222	Vật liệu cầm máu dạng bông xốp tự tiêu, có tính diệt khuẩn cỡ 2.5x5.1cm	1. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu cầm máu cellulose thực vật được oxi hóa tái tổ hợp - Kích thước 2,5 x 5,1 cm, dạng bông nhiều lớp (10 - 12 lớp) 2. Tính năng công nghệ: - Chất liệu sợi rayon cellulose thực vật được oxi hóa tái tổ hợp, tự tiêu sau 7 -14 ngày. - Đường kính sợi rayon 20 - 21µm, trọng lượng 26.3mg/cm2 ±1% - Độ pH thấp 2.2 - 2.4 diệt khuẩn gram dương và gram âm. - Lượng carboxyl 18-21% với độ hao hụt khi sấy khô < 8% giúp tương thích sinh học mô. - Hiệu quả cầm máu nhanh < 2 phút. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2223	Vật liệu cầm máu dạng bông xốp tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), kích thước 5,1 x 10,2cm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Vật liệu cầm máu dạng bông xốp sợi ngắn tự tiêu, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), nguồn gốc thực vật. Kích thước: 5,1 x 10,2cm. 2. Tính năng, công nghệ: Tính kháng khuẩn, độ pH thấp (2.4). Tự tiêu sau 7 - 14 ngày Giúp co mạch tại chỗ, đẩy nhanh quá trình hình thành nút tiểu cầu, dạng bông gòn có nhiều lớp, có thể tách ra nhiều lớp, cắt, xé, cuộn lại để đưa vào các vị trí nhỏ, bám tốt vào mô chảy máu như một lớp gel mỏng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA(Châu Âu)	Miếng	342		
2224	Vật liệu cầm máu gelatin 7cm x 5cm x 1cm	1. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu cầm máu gelatin tinh khiết, dạng bọt xốp, - Kích thước: 7cm x5cm x1cm 2. Tính năng công nghệ: - Vật liệu cầm máu gelatin tinh khiết, dạng bọt xốp. - Tự tiêu hoàn toàn sau 4-6 tuần. - Thời gian cầm máu trong khoảng 2-10 phút. - Thấm hút được lượng máu tối đa 40-50 lần trọng lượng của miếng cầm máu. - Đóng gói tiệt trùng từng miếng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Miếng	700		
2225	Vật liệu cầm máu loại cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose) tự tiêu, 10x 20cm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: 100% Oxy hóa Cellulose tái sinh Kích cỡ: 10x20cm 2. Tính năng, công nghệ: Cầm máu nhanh trong vòng 2-3 phút, và tiêu hoàn toàn 7 tới 14 ngày. Có thể cắt, khâu sử dụng trong các phẫu thuật khác nhau. Đóng gói tiệt trùng từng miếng, kháng khuẩn tốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE(Châu Âu)	Miếng	750		
2226	Vật liệu cầm máu tự tiêu 2,5 x 2,5 cm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose) Kích thước: 2,5x 2,5cm. Số lớp: 6 lớp. 2. Tính năng, công nghệ: Tự tiêu 100% trong vòng 7-14 ngày. Lượng máu bị mất trước khi được cầm máu rất ít : ≥ 0,130g. Thời gian đạt được sự cầm máu: 64s Vật liệu cầm máu dạng lưới tự tiêu dùng cho Phẫu thuật thần kinh. Kết cấu không dệt nhiều lớp với cơ chế tự tiêu giúp cầm máu nhanh chóng	Miếng	1.100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2227	Vật liệu cầm máu tự tiêu 5,0 x 5,0 cm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), Kích thước 5x 5cm. Số lớp: 6 lớp. 2. Tính năng, công nghệ: Tự tiêu 100% trong vòng 7-14 ngày. Lượng máu bị mất trước khi được cầm máu rất ít : ≥ 0,130g. Thời gian đạt được sự cầm máu: 64s Vật liệu cầm máu dạng lưới tự tiêu dùng cho phẫu thuật thần kinh, kết cấu không dệt nhiều lớp với cơ chế tự tiêu giúp cầm máu nhanh chóng.	Miếng	100		
2228	Vật liệu cầm máu tự tiêu 9,0 x 8,0cm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose) Kích thước: 9,0x8cm. Số lớp: 6 lớp. Tự tiêu 100% trong vòng 7-14 ngày. Lượng máu bị mất trước khi được cầm máu rất ít : ≥ 0,130g. Thời gian đạt được sự cầm máu: 64s 2. Tính năng, công nghệ: Tự tiêu 100% trong vòng 7-14 ngày. Lượng máu bị mất trước khi được cầm máu rất ít : ≥ 0,130g. Thời gian đạt được sự cầm máu: 64s Vật liệu cầm máu dạng lưới tự tiêu dùng cho phẫu thuật thần kinh, kết cấu không dệt nhiều lớp với cơ chế tự tiêu giúp cầm máu nhanh chóng.	Miếng	400		
2229	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng bông xốp, 5.1cm x 10.2cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (Oxidized regenerated cellulose) dạng bông xốp tự tiêu, nguồn gốc thực vật, chứa nhóm cacboxyl (COOH) 18%-24%. - Kích thước: 5.1cm x 10.2cm 2. Tính năng, công nghệ: - Giới hạn nitrogen (USP) ≤ 0.5%. Có tính kháng khuẩn đối với 38 chủng vi khuẩn, kể cả MRSA, VRE, MRSE, PRSP. - Cầm máu hiệu quả trong 1-2 phút, nhờ pH thấp (2-4), tự tiêu trong 7-14 ngày. - Bám tốt vào mô chảy máu, có thể tách nhiều lớp. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE	Miếng	704		
2230	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng lưới, 10cm x 20cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (Oxidized regenerated cellulose) dạng lưới mềm tự tiêu, nguồn gốc thực vật, chứa nhóm cacboxyl (COOH) 18%-24%. - Kích thước: 10cm x 20cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Giới hạn nitrogen (USP) ≤ 0.5%. Có tính kháng khuẩn đối với 38 chủng vi khuẩn, kể cả MRSA, VRE, MRSE, PRSP. - Cầm máu hiệu quả trong 1-3 phút, nhờ pH thấp (2-4), tự tiêu trong 7-14 ngày. - Cấu trúc liên kết mỏng nhẹ, dễ gấp và dễ cắt. Bám tốt vào bề mặt không bằng phẳng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE	Miếng	1.804		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2231	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng vải mềm, 2.5cm x 5.1cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (Oxidized regenerated cellulose) dạng vải mềm tự tiêu (bông ép, sợi dài), nguồn gốc thực vật, chứa nhóm cacboxyl (COOH) 18%-24%. - Kích thước: 2.5cm x 5.1cm 2. Tính năng, công nghệ: - Giới hạn nitrogen (USP) ≤ 0.5%. Có tính kháng khuẩn đối với 38 chủng vi khuẩn, kể cả MRSA, VRE, MRSE, PRSP. - Cầm máu hiệu quả trong 1-2 phút, nhờ pH thấp (2-4), tự tiêu trong 7-14 ngày. - Dễ trải rộng, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE	Miếng	704		
2232	Vật liệu cầm máu tự tiêu dạng vải mềm, 5.1cm x 10.2cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp (Oxidized regenerated cellulose) dạng vải mềm tự tiêu (bông ép, sợi dài), nguồn gốc thực vật, chứa nhóm cacboxyl (COOH) 18%-24%. - Kích thước: 5.1cm x 10.2cm 2. Tính năng, công nghệ: - Giới hạn nitrogen (USP) ≤ 0.5%. Có tính kháng khuẩn đối với 38 chủng vi khuẩn, kể cả MRSA, VRE, MRSE, PRSP. - Cầm máu hiệu quả trong 1-2 phút, nhờ pH thấp (2-4), tự tiêu trong 7-14 ngày. - Dễ trải rộng, bọc được tạng và giữ được chỉ khâu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE	Miếng	404		
2233	Vật liệu cầm tự tiêu, có tính diệt khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), kích thước 10.2 x 20.3cm	1. Thông số kỹ thuật: - Vật liệu cầm máu cellulose thực vật được oxi hóa tái tổ hợp dạng lưới. - Kích thước 10.2cm x 20.3cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chất liệu sợi cellulose thực vật được oxi hóa tái tổ hợp, tự tiêu sau 7-14 ngày. đường kính đồng nhất 20µm, trọng lượng 6.2 mg/cm2. - Độ pH thấp 2.2-2.4 diệt khuẩn gram dương và gram âm. - Cầm máu nhanh ≤ 3 phút. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Miếng	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2234	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Polyurethane Kích cỡ: - Băng bọt xốp cỡ trung (Size M: 16,0 x 12.5 x 3,0 cm). - Đầu nối, vật liệu Silicone Elastomers - Ống dẫn, vật liệu Silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính 2.5mm, tốc độ hút dịch 22m/s - Đầu nối và ống dẫn liền khối tăng sự lưu kín khi hút dịch - Băng dán, vật liệu Polyurethane Film và Acrylic Adhesive (1 tấm 35 x 35 cm) 2. Tính năng, công nghệ: Kích thước lỗ xốp nhỏ 400-600 micromet đồng nhất giúp phân bố lực hút đồng đều, tối ưu hoá quá trình phát triển mô hạt và hạn chế tổn thương thứ cấp khi thay băng xốp - Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ trung, dùng với máy hút dịch áp lực âm chế độ liên tục & chu kỳ. - Đầu hút dịch và dây dẫn dịch được thiết kế liền khối bảo đảm sự lưu kín của áp lực âm khi hút dịch - Đầu hút dịch được tích hợp băng dán giúp tiện dụng khi thực hiện thao tác - Đóng gói ép chân không - Được tiệt khuẩn trước khi đóng gói 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE(Châu Âu)	Bộ	432		
2235	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ lớn (gồm: miếng băng bọt xốp, đầu nối, dây dẫn dịch, băng dán cố định)	1. Thông số kỹ thuật: Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ lớn, dùng với máy hút dịch áp lực âm chế độ liên tục & chu kỳ, gồm: - Băng bọt xốp cỡ lớn (Size L: 260 x 150 x 30 mm): Vật liệu Polyurethane, kích thước lỗ xốp nhỏ 400-600 micromet. - Đầu hút dịch: Vật liệu Silicone Elastomers. - Dây dẫn dịch: Vật liệu Silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính bên trong 2,5 mm, tốc độ hút dịch 22,9m/s. - Đầu hút dịch liền khối và tích hợp băng dán trên đầu hút dịch để tăng sự lưu kín của áp lực âm khi hút dịch, hạn chế rò rỉ khí. - Băng dán: Vật liệu Polyurethane Film và Acrylic Adhesive, Polyethylene (2 miếng 350 x 350 mm). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2236	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ nhỏ (gồm: miếng băng bọt xốp, đầu nối, dây dẫn dịch, băng dán cố định)	1. Thông số kỹ thuật: Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ nhỏ, dùng với máy hút dịch áp lực âm chế độ liên tục & chu kỳ, gồm: - Băng bọt xốp cỡ nhỏ (Size S: 100 x 75 x 30 mm): Vật liệu Polyurethane, kích thước lỗ xốp 400-600 micromet. - Đầu hút dịch: Vật liệu Silicone Elastomers. - Dây dẫn dịch: Vật liệu Silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính bên trong 2,5mm, tốc độ hút dịch 22,9m/s. - Đầu hút dịch liền khối và tích hợp băng dán trên đầu hút dịch để tăng sự lưu kín của áp lực âm khi hút dịch, hạn chế rò rỉ khí. - Băng dán: Vật liệu Polyurethane Film và Acrylic Adhesive, Polyethylene (1 miếng 350 x 350 mm). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	200		
2237	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ trung bình (gồm: miếng băng bọt xốp, đầu nối, dây dẫn dịch, băng dán cố định)	1. Thông số kỹ thuật: Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ trung, dùng với máy hút dịch áp lực âm chế độ liên tục & chu kỳ, gồm: - Băng bọt xốp cỡ trung (Size M: 160 x 125 x 30 mm): Vật liệu Polyurethane, kích thước lỗ xốp 400-600 micromet. - Đầu hút dịch: Vật liệu Silicone Elastomers. - Dây dẫn dịch: Vật liệu Silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính bên trong 2,5mm, tốc độ hút dịch 22,9m/s. - Đầu hút dịch liền khối và tích hợp băng dán trên đầu hút dịch để tăng sự lưu kín của áp lực âm khi hút dịch, hạn chế rò rỉ khí. - Băng dán: Vật liệu Polyurethane Film và Acrylic Adhesive, Polyethylene (1 miếng 350 x 350 mm). 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	920		
2238	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, kích thước 15 x 10 x 1cm	1. Thông số kỹ thuật: - Xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, chịu được áp lực âm 300mmHg, kích thước 15 x 10 x 1cm. - Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl có 4 lỗ gồm 1 lỗ trung tâm hút dịch và 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí. - Miếng bọc phẫu thuật 68x70. - Miếng màng bọc vết thương dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate, chống thấm nước và chống vi khuẩn xâm nhập, kích thước 10cm x 25 cm. 2. Tính năng công nghệ: - Bộ vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm dùng theo máy SUPASORB CNP P3 hoặc tương đương. - Tiệt khuẩn. Hỗ trợ đặt máy. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Bộ	880		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2239	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, kích thước 15 x 10 x 3 cm	1. Thông số kỹ thuật: - 01 Xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, chịu được áp lực âm khoảng 300mmHg, kích thước 15 x 10 x 3cm. - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyvinyl với ống hút có 4 lỗ gồm 1 lỗ trung tâm hút dịch và 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương. - Miếng màng bọc vết thương dạng film bằng Polyurethane, phủ lớp keo polyacrylate. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Bộ	80		
2240	Vật liệu sử dụng trong điều trị tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm, kích thước 25 x 15 x 3 cm	1. Thông số kỹ thuật: - 01 Xốp phủ vết thương bằng Polyurethane dạng tổ ong, chịu được áp lực âm 300 mmHg, kích thước 25x15x3 cm. - 01 Miếng lót với ống hút bằng polyviny với ống hút bằng polyvinyl có 4 lỗ trong đó 1 lỗ trung tâm hút dịch 3 lỗ làm nhiệm vụ thông khí để cảnh báo áp lực hút tại vết thương, kẹp đường ống, đầu nối có chốt khóa đóng mở. - 05 Miếng bọc phẫu thuật 68x70,5 màng bọc vết thương dạng film 10x25 cm 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Bộ	60		
2241	Vật liệu trám cản quang dành cho răng Fuji 9 hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - 15g bột + 8g nước. - Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer cản quang dành cho răng. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	490		
2242	Vật liệu trám composite đặc màu A3,5 dùng trong nha khoa	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vật liệu composite quang trùng hợp. - Màu: A3,5 2. Tính năng, công nghệ: mang lại những lợi thế đáng kể về tính thẩm mỹ, khả năng đánh bóng, khả năng chống mài mòn và độ bền gãy.	Ống	475		
2243	Vật liệu trám răng composite lỏng, màu A3	1. Thông số kỹ thuật: màu A3 2. Tính năng, công nghệ: Vật liệu trám composite lỏng, bền, bề mặt cực mịn, dễ dàng tra vào những vị trí phức tạp 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Tuýp	485		
2244	Vật liệu xi măng trám răng	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Vật liệu trám Glass Ionomer dành cho răng sau có cản quang. - Chất trám thẩm mỹ thay thế silicate, có khả năng giải phóng fluoride trên nền strontium, có sự giãn nở theo nhiệt tương tự như cấu trúc răng. - Màu A3 và A3.5. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Hộp	502		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2245	Vi dây dẫn can thiệp có lõi cứng đường kính 0,014 inch	1. Thông số kỹ thuật: - Sức tải đầu tip: 0.6g, 1g, 2g. - Đường kính dây dẫn: 0.014 inch. - Chiều dài tối thiểu có: 185cm, 300cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Chất liệu dây dẫn làm từ thép không gỉ 304V, lõi Nitinol với lớp phủ PTFE bên ngoài. - Kiểu lõi: Lõi đến đầu hoặc có dải định hình. - Lớp phủ ái nước ở đầu xa. - Đầu dây thẳng hoặc hình chữ J có dãy dây bạch kim cản quang. - Dùng được trong tổn thương tắc nghẽn toàn bộ (CTO) phức tạp và mãn tính. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	300		
2246	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu não	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Thép không gỉ - Kích thước: + Lớp phủ ái nước trên nền polymer dài 170 - 180 cm. + Đường kính 0,008 inch, 0,018 inch: Chiều dài 200 cm. + Đường kính 0,010 inch, 0,014: Chiều dài 200 cm, 300 cm. 2. Tính năng, công nghệ: Công nghệ độc quyền ACTONE với cấu trúc vòng xoắn kép duy trì hình dạng đầu tip, phản hồi momen xoắn tốt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu); FDA 510k.	Cái	490		
2247	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: - Lõi thép bằng chất liệu Platinum - Bề mặt phủ áo PU và ái nước Hydrophilic có độ trơn và độ bền cao Kích cỡ: - Đường kính 0.016 inch - Chiều dài cản quang: 5cm - Phủ lớp ái nước dài 177cm và 162cm - Chiều dài lần lượt : 180cm và 165cm 2. Tính năng, công nghệ: - Vi dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên m-lead có hình dạng đầu thẳng, khả năng phục hồi cao - Đi kèm bộ dụng cụ: Torque, dụng cụ chèn, que định hình	Cái	180		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2248	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên, phủ lớp PTFE, đường kính 0,014 inch	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: + Lưới lọc: Polyurethane; + Lớp phủ PTFE; + Vòng lọc: Nitinol. - Kích cỡ: + Vi dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.014"; + Chiều dài dây dẫn 190, 300 cm. + Đường kính vượt tổn thương khoảng 3.2F (1.1 mm); + Kích thước lỗ lưới siêu nhỏ khoảng 110 micron. 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu tip cản quang dạng lò xo xoắn. - Lọc tốt mảng xơ vữa nhưng vẫn đảm bảo máu lưu thông liên tục. - Vòng lọc cản quang với thiết kế 360 độ. - Phù hợp cho các mạch máu có đường kính khoảng từ 3.5 đến 5.5mm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	20		
2249	Vi dây dẫn can thiệp mạch vành, tip load từ 0,3 - 20 gf, chiều dài: 180, 190, 300 cm	1. Thông số kỹ Thuật: - Lõi dây hình trụ tròn chất liệu thép không gỉ - Chất liệu: Lớp phủ: silicon, SLIP-COAT hoặc SLIP-COAT trên nền polymer hoặc các loại lớp phủ tương đương, - Kích cỡ: Chiều dài: 180, 190, 300, 330 cm 2. Tính năng, công nghệ: - Tip load từ 0.3 - 12 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. - Dây dẫn đơn lõi/đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giựt hoặc tương đương. - Đầu tip: thẳng, J, định hình sẵn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA 510K (Premarket Notification).	Cái	260		
2250	Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên 0,014" & 0,018" với cấu trúc vòng xoắn kép ACT ONE hoặc tương đương, tip load 1 - 40 gf	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Lớp phủ: hydrophilic/hydrophilic trên nền polymer. Kích cỡ: - Đường kính dây 0,014inch; 0,018inch - Chiều dài 180cm, 190cm, 200cm, 235cm, 300cm 2. Tính năng, công nghệ: - Dây dẫn có tip load từ 1,0 - 40gf, đầu tip nhọn hoặc tù - Dây dẫn đơn lỏi one-piece core. - Dây dẫn đa lõi theo công nghệ ACT ONE hoặc tương đương tăng khả năng truyền moment xoắn và độ bền đầu tip cao 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu âu)	Cái	200		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2251	Vi dây dẫn can thiệp Toce gan, mạch máu tạng và ngoại biên Đường kính: 0,016",Chiều dài: 135cm, 165cm, 180cm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Lõi bằng thép không rỉ được bao phủ bằng polyurethane resin và lớp polyvinyl pyrrolidone. Đầu tip làm từ hợp kim bạch kim - volfram. Kích cỡ: Đường kính: 0.016", chiều dài đầu cản quang 3cm, đầu thuôn bút chì 40cm. Các chiều dài: 135cm, 165cm, 180cm. Lớp ái nước bao phủ toàn bộ chiều dài dây dẫn, tương ứng: 135cm, 165cm, 180cm. 2. Tính năng, công nghệ: Đầu tip có thể tái tạo hình, chiều dài cho phép tái tạo hình 30mm tính từ đầu xa. Khả năng tạo hình và tái tạo hình cao do đầu tip được xử lý cấu tạo theo kiểu Ribbon. Độ cứng vừa đủ, tăng khả năng uốn. Đi kèm dụng cụ định hình; torque; inserter. Tiệt trùng: ETO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: PMDA	Cái	150		
2252	Vi dây dẫn đường (micro guide wire) can thiệp mạch máu 50-150-200	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Nền thép không rỉ Durasteel, bọc Polymer toàn thân, phủ lớp Hydrophilic ái nước trơn. Kích cỡ: - Đường kính: 0,014". - Chiều dài: 190cm hoặc 300cm. - Lực tải đầu (Tip load): 1,5g; 2,7g; 4,1g. - Đầu dây có điểm đánh dấu cản quang (Marker Band): 1,5mm, mạ vàng. - Điểm đánh dấu duy nhất cách đầu dây dẫn 4,5cm. - Bao gồm 3 kích cỡ. 2. Tính năng, công nghệ: Thiết kế đầu: Core-to-tip (đầu liền thân). - Kiểu đầu (Tip Shape): đầu cong chữ J hoặc đầu thẳng (Straight), mài nhẵn, bo tròn. Bao gồm 3 kích cỡ: 50-150-200	Cái	150		
2253	Vi dây dẫn đường can thiệp mạch vành có đường kính 0,014 inch, chiều dài: 180 cm / 150, 165 cm	1. Thông số kỹ Thuật: - Lõi dây hình trụ tròn chất liệu thép không gỉ - Chất liệu: Lớp phủ ái nước SLIP-COAT hoặc tương đương. - Đường kính: 0.014 inch. Chiều dài: 165, 180, 190, 300 cm 2. Tính năng, công nghệ: - Tip load: 0.5 gf, 0.7gf - Dây dẫn đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giựt hoặc tương đương. - Đầu tip: thẳng, J. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA 510K (Premarket Notification).	Cái	1.850		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2254	Vi dây dẫn đường kích thước 0,014 inch x 180 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Phần lõi: Nickel - Titanium mang lại độ linh hoạt và độ bền cao; Đoạn đầu của lớp cuộn: Platinum; Đoạn sau của lớp cuộn: Thép không gỉ. - Lớp phủ: Lớp cuộn: Hydrophilic coating (M coat); Đoạn gần và đoạn giữa: PTFE coating và Silicone coating. - Kích thước: 0,014" x 180 cm. - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm. - Chiều dài phần đầu cản quang: 3 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Cấu tạo trục với công nghệ nối trực tiếp DuoCore, không mối hàn mang lại khả năng điều khiển và truyền chuyển động xoay. - Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn: Floppy: không đánh dấu; Extra Floppy: một dấu; Hypercoat: hai dấu. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	3.350		
2255	Vi ống gắn bóng thông dùng trong can thiệp mạch	1. Thông số kỹ thuật: a) Bóng: - Chất liệu: Silicone y tế. - Kích cỡ: Chiều dài từ ≤ 7mm đến ≥15 mm. b) Vi ống thông: - Chất liệu: PTFE, thép không gỉ, PE-BAX. - Kích cỡ Chiều dài: 110cm; 130cm; 150cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Vi ống thông có kèm bóng được chỉ định để sử dụng cho mạch ngoại vi và mạch thần kinh. Giúp làm tắc mạch tạm thời, ngăn chặn hoặc kiểm soát dòng máu một cách có chọn lọc. - Trên thân vi ống thông có lớp Phủ ái nước hydrophilic. - Gồm 02 đoạn đánh dấu cản quang ở đầu xa và đầu gần của bóng dài 0.7 mm. - Tương thích với dây dẫn 0.014"; 0.016"; 0.018", ống thông chẩn đoán 5Fr và tất cả các kích cỡ hạt vi cầu ≤ 700 µm. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	Cái	30		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2256	Vi ống thông	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: - Lớp ngoài trục: Nhựa urethane, nhựa Polyamide và bên trong là nhựa Fluoro và lớp bện tăng cường Tungsten. Bề mặt phủ lớp ái nước tôi ưu (nhựa Maleic). - Cản quang bằng hợp kim Platinum. Kích cỡ: - Chiều dài khả dụng 110cm, 130cm và 150cm. Với hình dạng đầu tip thẳng. - Đường kính ngoài tại vị trí của marker 2.7Fr, đầu xa 2.7Fr, đầu gần 2.8Fr. - Đường kính trong là 0.70mm. Tương thích với dây dẫn có đường kính tối đa là 0.54mm. 2. Tính năng công nghệ: - Khả năng cân bằng và độ mượt mà từ đầu tip xa đến đầu tip gần của thân ống thông được cải tiến hơn nhằm tăng cường khả năng đẩy tốt hơn. - Áp lực truyền tối đa là 1000 psi, chiều dài 110cm đạt 4.7ml/sec, chiều dài 130cm đạt 4.2ml/sec, chiều dài 150cm đạt 3.4ml/sec (chất cản quang lopamidol 300). - Bộ đi kèm: vi ống thông, ống tiêm 2.5ml, dụng cụ định hình. - Tiệt trùng ETO. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, PMDA (Nhật Bản).	Cái	120		
2257	Vi ống thông (micro-catheter) can thiệp mạch máu	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Nylon 12 copolymer và Polytetrafluoroethylene Kích cỡ: Đường kính đầu típ: 1,4Fr/ 0,46mm (Fx) -1,5Fr/ 0,49mm (Standard). Chiều dài khả dụng Catheter 135 - 150cm 2. Tính năng, công nghệ: - Tráng phủ Hydrophilic bên ngoài. - Lòng trong Catheter tráng phủ Fluoro- resin + gia cố với lõi dây bện. - Đa dạng về độ cứng và linh hoạt ở đầu xa, phù hợp với nhiều loại tổn thương khác nhau.	Cái	120		
2258	Vi ống thông (micro-catheter) can thiệp mạch máu não	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: PTFE, lớp ngoài phủ hydrophilic Kích cỡ: Đường kính trong từ 0,017, 0,021 và 0,027 inches. Đường kính ngoài đầu gần từ 2,4F; 2,5F; 3,1F. Đường kính ngoài đầu xa là 1,7F; 2,0F và 2,6F . Chiều dài sử dụng là 150 cm và 156cm, trơn và linh hoạt 2. Tính năng, công nghệ: Vi ống thông nhỏ headway lớp trong cùng PTFE (Polytetrafluoroethylene), lớp ngoài cùng có phủ Hydrophilic. Có nhiều hình dạng đầu khác nhau: Đầu thẳng, 45 độ, 90 độ và hình chữ J. Có hai markers đầu xa.	Cái	20		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2259	Vi ống thông (micro-catheter) can thiệp mạch máu tạng (tiết niệu, sinh dục, gan, lách, thận) và mạch máu ngoại biên	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Bọc Tungstent xuyên suốt chiều dài vi ống thông; lớp lót PTFE bên trong, đầu tip Marker Platinum, phủ lớp ái nước Hydrophilic Kích cỡ: - Phủ lớp ái nước dài: 60cm; 80cm; 110cm. - Đường kính ngoài đầu gần: 2,7F - 2,8F - Đường kính ngoài đầu xa: 1,7F - 1,9F - Tương thích vi dây dẫn: 0,014""; 0,016""; 0,018"" - Chiều dài: 110cm; 125cm; 135cm; 150cm. - Kèm theo vi dây dẫn có đường kính 0,016", chiều dài cản quang 5cm 2. Tính năng, công nghệ: Đầu xa siêu nhỏ, dành cho mạch máu chọn lọc.	Bộ	200		
2260	Vi ống thông (micro-catheter) can thiệp mạch ngoại biên	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: đầu tip kim loại Kích cỡ: - Đầu tip kim loại bền vững tiết diện thâm nhập 0,020 inch, đoạn ống 100mm từ đầu tip có độ hỗ trợ cao. -Đường kính ngoài (tip/ distal): 1,5F/2,3F -Dây dẫn tương thích 0,014 inch -Lớp phủ ái nước 23, 30, 70, 115cm -Chiều dài khả dụng: 60, 90, 135, 150 cm 2. Tính năng, công nghệ: Thiết kế ống Shinka cho phép xoay cả hai chiều thông qua tổn thương khó.	Cái	100		
2261	Vi ống thông (micro-catheter) can thiệp mạch thần kinh đường kính trong 0,013", chiều dài sử dụng 165cm	1. Thông số kỹ Thuật: Kích cỡ: Đường kính trong 0,013", đường kính ngoài 2,7 - 1,5Fr. Chiều dài sử dụng 165cm, chiều dài đầu xa 25cm, tương thích với dây dẫn lớn nhất 0,01" 2. Tính năng, công nghệ: Được sử dụng trong can thiệp mạch thần kinh	Cái	20		
2262	Vi ống thông (micro-catheter) can thiệp mạch thần kinh, đường kính trong 0,015"; 0,017"; 0,021" và 0,027"	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Thép không gỉ có lớp áo hydrophilic bao bề mặt ngoài, lớp PTFE lót lòng trong cùng của vi ống thông, lớp nhựa Pebax Kích cỡ: Đường kính ngoài gần-xa là 2,3Fr-1,7Fr; 1,4Fr-1,9Fr; 2,7Fr-2,4Fr và 2,8Fr-2,8Fr. Đường kính trong 0,015"; 0,017"; 0,021" và 0,027" chiều dài là 130 cm và 153cm 2. Tính năng, công nghệ: - Vi ống thông là những sợi thép không gỉ quấn vòng quanh thân, đầu ngoại vi của ống thông mềm và thẳng, - Tương thích DMSO có thể sử dụng với hệ thống bơm chất tắc mạch dạng lỏng. - Ống thống còn sử dụng trong can thiệp mạch máu não bằng coils và đẩy stent mạch mão.	Cái	850		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2263	Vi ống thông (micro-catheter) can thiệp mạch vành	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Polyamide resin và Polyimide Kích cỡ: Lòng trong nòng: 0,42mm. - Đầu tip thuôn siêu nhỏ 0,45mm - Có thể sử dụng trong ống thông can thiệp 6Fr. 2. Tính năng, công nghệ: Vi ống thông có hai nòng RX và OTW hoạt động độc lập, chuyên dụng cho can thiệp tổn thương đoạn gần phân nhánh và CTO. - Tráng phủ Hydrophilic TR2 - Đầu ra nòng OTW tạo góc 5 độ với nòng RX. Hai dấu cản quang 1mm hai bên cổng ra nòng OTW	Cái	90		
2264	Vi ống thông (micro-catheter) can thiệp tim mạch	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Lõi stainless steel Kích cỡ: Đường kính ngoài (tip/ distal): 1,5/ 2,5 - 3,3 F. Chiều dài: 145 cm. - Chiều dài từ đầu tip tới OTW port dài 6.5 mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Lớp phủ: L coating. - Thiết kế ống hình bầu dục. - Ống thông 2 nòng (1 nòng OTW và 1 nòng RX dài 20 cm) thích hợp cho mạch nhánh và tổn thương CTO. - Ống thông gồm 2 lõi stainless steel chống xoắn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE(Châu Âu)	Cái	80		
2265	Vi ống thông (micro-catheter) có marker, đường kính trong 0,025", chiều dài: 150cm, 160cm	1. Thông số kỹ Thuật: Kích cỡ: Đường kính trong 0,025". Đường kính ngoài đầu xa 2,6F đầu gần 2,95F. Chiều dài: 150cm, 160cm 2. Tính năng, công nghệ: Vi ống thông siêu nhỏ đầu có nhiều hình dạng.	Cái	20		
2266	Vi ống thông (micro-catheter) đường kính trong 0,0165" và 0,021"	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Lớp phủ ưa nước, lớp lót PTFE Kích cỡ: Đường kính trong: 0,0165""; 0,021"". Chiều dài: 155 cm 2. Tính năng, công nghệ: - Vi ống thông có lớp phủ ưa nước hai lớp cho độ trơn và độ bền vượt trội, có khả năng cuộn, xoắn vặn chịu lực tốt. - Đầu ống thông linh hoạt và trục ổn định giúp điều hướng chính xác và hiệu quả. - Lớp phủ PTFE trong lòng ống giảm ma sát giúp vận chuyển các chất, dụng cụ an toàn, dễ kiểm soát. - Có 2 điểm marker ở đầu giúp thả coil, đặt stent hiệu quả 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE(Châu Âu)	Cái	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2267	Vi ống thông (micro-catheter) hỗ trợ thả coil	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Coil bọc Tungsten chống vặn xoắn; lớp lót PTFE bên trong, phủ lớp ái nước Hydrophilic Kích cỡ: - Chiều dài: 130cm và 150cm - Phủ lớp ái nước dài: 60cm và 110cm - Đường kính trong: 0,021"" - Đường kính ngoài đầu gần/ đầu xa: 2,8F/1,9F - Tương thích vi dây dẫn: 0,018" 2. Tính năng, công nghệ: - Vi ống thông hỗ trợ thả coil - Đầu tip 2 marker Platinum tạo điều kiện thuận lợi giúp định vị nhanh, chính xác và hỗ trợ việc thả coil	Cái	60		
2268	Vi ống thông các cỡ	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Đường kính trong 0,0165", 0,021", 0,027", 0,039". - Đường kính ngoài đầu xa-gần là 1,9F/ 2,1F; 1,9F/ 2,3F; 2,2F/ 2,6F; 2,4F/ 2,5F; 3,0F/ 3,1F; 4,0F/ 4,1F. - Chiều dài khả dụng 125 cm, 135 cm, 145 cm, 155 cm, 160 cm, 167 cm. - Đầu ống thẳng có thể định hình, số dấu cản quang ở đầu ống là 1 với ống 0,027", 0,039" và 2 với ống 0,0165", 0,021". 2. Tính năng, công nghệ: - Vi ống thông can thiệp mạch não. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu)	Cái	100		
2269	Vi ống thông can thiệp 2,4Fr loại đồng trục có dây dẫn đi kèm, cấu trúc 3 lớp với cuộn tungsten xoắn ốc, phủ ái nước hydrophilic M coat, đầu xa dây dẫn có cuộn vàng	1. Thông số kỹ Thuật: . Chất liệu: * Vi ống thông 2,4Fr loại đồng trục có dây dẫn đi kèm Cấu trúc 3 lớp: - Lớp trong: phủ lớp PTFE - Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cản quang - Lớp ngoài: phủ lớp ái nước M coat Kích cỡ: - Vi ống thông: Kich thước: đường kính: 2,4Fr, chiều dài: 110 cm hoặc 130 cm - Thông số dây dẫn đi kèm: Kích cỡ 0,018" 2. Tính năng, công nghệ: - Đầu có lớp cuộn bằng vàng 3cm - Kiểu dầu: 70° ; Double angled Thông số dây dẫn đi kèm - Lõi bằng hợp kim Nitinol siêu đàn hồi - Lớp ngoài Polyurethane; - Lớp phủ ái nước hydrophilic	Cái	90		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2270	Vi ống thông can thiệp Corsair Pro, Corsair Pro XS hoặc tương đương	1. Thông số kỹ Thuật: Kích cỡ: - Corsair Pro : Đầu tip thuôn mềm, đường kính 1,3F. Đường kính ngoài (prox/ distal): 2,8, 2,6 F. - Chiều dài khả dụng: 135, 150 cm. - Corsair Pro XS: Đầu tip thuôn mềm, đường kính 1.3F - Đường kính ngoài (prox/ distal): 2.9, 2.1 F. 2. Tính năng, công nghệ: - Corsair Pro: có thiết kế ống Shinka: lõi ống được bện từ 10 dây dẫn bằng thép không gỉ giúp thao tác vừa xoay vừa đẩy. Có bảo vệ hình xoắn ốc tăng tính chống xoắn giúp bảo vệ thân ống. - Corsair Pro XS: thiết kế trục mới với lõi ống được bện từ 14 dây dẫn và đầu tip linh hoạt tạo điều kiện tiếp cận từ xa trong quá trình tiếp cận ngược dòng. Có bảo vệ hình xoắn ốc tăng tính chống xoắn giúp bảo vệ thân ống. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA 510K (Premarket Notification).	Cái	115		
2271	Vi ống thông can thiệp đầu tip ống thông nhỏ 2,6F và lòng ống rộng 0,69 mm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Ống thông được viền bằng sợi bện Tungsten Kích cỡ: Đầu tip ống thông nhỏ 2,6F. Lòng ống rộng 0,69 mm. - Áp lực bơm lên tới 1000 psi. - Lớp phủ Hydrophilic: 65 cm. Chiều dài khả dụng 105, 125 cm 2. Tính năng, công nghệ: - Bộ vi ống thông (có kèm dây dẫn, torque rời) với đầu tip ống thông nhỏ 2,6F dành cho mạch máu chọn lọc. - Ống thông được viền bằng sợi bện Tungsten tăng khả năng hiển thị và duy trì hình dạng lòng trong ống. - Dây dẫn đi kèm 0,021 inch với hình dạng đầu tip: angle hoặc multi curve 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE(Châu Âu)	Cái	100		
2272	Vi ống thông can thiệp mạch máu não có tương thích DMSO	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Loại dài khoảng 156cm (đường kính ngoài đầu gần/xa là 2.1F/1.6F, có 2 markers cản quang), loại dài khoảng 167cm (đường kính ngoài gần/xa là 2.1F/1.3F, có 1 marker cản quang). - Chất liệu: phủ lớp Polymer ưa nước. 2. Tính năng công nghệ: Vi ống thông tương thích với DMSO. Đầu có thể uốn được bằng hơi nước. - Đóng gói: Tiệt trùng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	15		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2273	Vi ống thông can thiệp mạch máu, đầu cong cổ thiên nga, các cỡ	1. Thông số kỹ Thuật: Kích cỡ: Chiều dài: 110, 130, 150 cm. Đầu gần 2,8; 2,9 F, đầu xa: 2,1; 2,4; 2,8; 2,9 F. Khoảng cách từ đầu tip đến marker 1,3mm. 2. Tính năng, công nghệ: - Microcatheter dùng trong can thiệp mạch. - Có 3 loại đầu típ: thẳng, cong 45 độ, đầu cong cổ thiên nga. Chiều dài lớp ái nước 80cm. - Có 1 marker ở đầu típ.	Cái	60		
2274	Vi ống thông can thiệp siêu chọn lọc 1.7Fr và 1.9Fr	1. Thông số kỹ thuật: Kích thước: Chiều dài: 110cm; 130cm; 150cm; 165cm - Progreat λ 1.7Fr: đường kính ngoài 1.7Fr (đầu xa) và 2.8Fr (đầu gần); đường kính trong 0.017" (đầu xa) và 0.023" (đầu gần) - Progreat λ 1.9Fr: đường kính ngoài 1.9Fr (đầu xa) và 2.8Fr (đầu gần); đường kính trong 0.019" (đầu xa) và 0.024" (đầu gần) - Đường kính dây dẫn tối đa: 0.016" - Kiểu đầu: Angle, Triple Angle, Straight 2. Tính năng , công nghệ: - Lớp bện không đối xứng cường độ cao - Lớp trong PTFE với lòng ống được vuốt thon - Lớp phủ ái nước hydrophilic M coat, không phủ trên 60cm đoạn gần - Tương thích với: coils 0.018" (1.9Fr); Ethanol; Lipiodol; Vật liệu nút mạch (Epirubicin, Cisplatin, Miriplatin, Doxorubicin); Hạt vi cầu cầu nhỏ hơn 500µm; Vật liệu PVA nhỏ hơn 500µm; DMSO; Các loại chất cản quang thông dụng 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	100		
2275	Vi ống thông can thiệp thuyên tắc nút mạch và chụp mạch, đường kính 2,0Fr - 2,4Fr	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Cấu trúc 3 lớp: - Lớp trong: phủ lớp PTFE - Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cản quang - Lớp ngoài: phủ lớp ái nước M coat - Đầu vi ống thông có điểm đánh dấu cản quang platinum/iridium 0,7mm Kich cỡ: Đường kính : 2,0Fr, 2,4Fr. Chiều dài: 110cm, 130 cm 2. Tính năng, công nghệ: Vi ống thông can thiệp thuyên tắc nút mạch và chụp mạch	Cái	100		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2276	Vi ống thông can thiệp tim mạch	1. Thông số kỹ thuật: - Được sử dụng trong các thủ thuật tắc mạch ở động mạch vành và ngoại vi (bụng, chi), tạo lối đi và hỗ trợ cho dây dẫn khi thực hiện thủ thuật. 2. Tính năng, công nghệ: - Cấu tạo vật liệu ống thông có 2 lớp: lớp bên ngoài là Polyamide, polyurethane; lớp bên trong là Polytetrafluoroethylene (PTFE). - Có 1 điểm đánh dấu cản quang dài 0.6mm, cách đầu tip 1mm và 02 điểm đánh dấu vị trí 90cm & 100cm chất liệu PT. Được phủ lớp ưa nước có tổng chiều dài 1,000mm. Chịu được áp lực tối đa 600psi. - Profile 1.7F. Độ dài vi ống thông 135cm, tương thích dây dẫn 0.014". Đường kính ngoài trục gần 2.6F. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFS (tại các nước tham chiếu).	Cái	40		
2277	Vi ống thông can thiệp TOCE đầu tip 1.7Fr, tương thích dây dẫn 0.016 inch	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Đầu ống siêu nhỏ với đường kính ngoài: đầu xa: 1.7 Fr, đầu gần: 2.8 Fr; đường kính trong: đầu xa: 0.017 inch, đầu gần: 0.023 inch. Chiều dài khả dụng: 105 cm – 150 cm - Chất liệu: Ống được bện từ 2 dây có độ dày khác nhau, giúp chống xoắn và chống co giãn, tăng độ hiển thị. 2. Tính năng công nghệ: - Thiết kế thuôn dần từ gần đến xa, đảm bảo phản hồi xúc giác nhạy và dòng chảy ổn định. Chiều dài lớp phủ ái nước: 65 cm - 100 cm. - Đầu ống mềm, thiết kế đầu ống thon dần. Áp lực bơm tối đa: 1000 psi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	50		
2278	Vi ống thông can thiệp TOCE đầu tip 1.9Fr áp lực bơm tới 1000 psi	1. Thông số kỹ thuật: - Kích thước: Đầu ống siêu nhỏ với đường kính ngoài: đầu xa: 1.9 Fr, đầu gần: 2.8 Fr; đường kính trong: đầu xa: 0.019 inch, đầu gần: 0.025 inch. Chiều dài khả dụng: 105cm, 125cm, 150cm - Chất liệu: Thân ống bện tổng hợp giúp ống tránh bị cong và co giãn ở những đoạn mạch khúc khuỷu. 2. Tính năng công nghệ: - Lớp phủ ái nước: Độ dài phủ: 65 cm - 100 cm. Đầu ống siêu nhỏ 1.9Fr dùng cho can thiệp chọn lọc. Áp lực bơm tối đa: 1000 psi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu)	Cái	50		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2279	Vi ống thông can thiệp TOCE gan, mạch máu tạng và ngoại biên đường kính trong 0,019"/0,022"	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Chất liệu linh hoạt tương ứng với cấu trúc thân trục 3 lớp: Lớp ngoài cùng có chất liệu Nhựa urethane và polyamide; lớp trong cùng chất liệu nhựa Fluoro, và lớp bện tungsten. Bề mặt thân ống thông được phủ lớp ái nước Maleic tối ưu. Độ phủ lớp ái nước: 65 cm, 110 cm. Kích cỡ: Chiều dài: 110cm, 130cm, 150cm. Đường kính trong 0.019"/0.022", tương thích với dây dẫn có đường kính tối đa 0.018". Đường kính ngoài tại vị trí của marker, đầu xa, đầu gần tương đương với 1.9F, 2.2F, 2.8F. Đường kính đầu tip bút chì 1.8F. Có sẵn 3 hình dạng đầu: Straight, Angle, Double Angle. Áp lực tối đa 6,895kPa. DsV từ 0.37-0.49mL. 2. Tính năng, công nghệ: Thân trục thuôn dài về phần đầu tip nhưng vẫn giữ nguyên đường kính lòng ống, đảm bảo tính hiệu quả của dòng chảy và tối ưu hóa việc vận chuyển hạt Microphere. Phần thân trục có 10 độ cứng khác nhau thay đổi từ phần đầu xa cứng và mềm dần về phần đầu tip, giúp tăng khả năng theo dõi, đẩy, và chống xoắn tốt. Thiết kế đầu tip đặc biệt hình dạng đầu vát bút chì, marker bằng hợp kim titanium tại vị trí đầu xa. Độ cản quang cao. Đi kèm syringe 1mL; 2.5mL; Y connector; dụng cụ định hình giúp tạo nhiều hình dạng với độ linh hoạt cao. Tiệt trùng: ETO.	Cái	120		
2280	Vi ống thông có lớp trong phủ lớp PTFE, đường kính 2,7 Fr	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Vi ống thông có lớp trong phủ lớp PTFE, lớp giữa là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cản quang, lớp ngoài phủ lớp ái nước; Dây dẫn đi kèm có lõi bằng hợp kim Nitinol siêu đàn hồi, đầu có lớp cuộn bằng vàng 3cm, lớp áo ngoài hydrophilic. - Vi ống thông loại đồng trục có dây dẫn đi kèm, có đường kính 2.7 Fr. - Chiều dài 110 cm hoặc 130 cm. - Thông số dây dẫn đi kèm kích cỡ 0.021". - Vi dây dẫn có 2 kích cỡ chiều dài 120cm hoặc 140cm. 2. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE (Châu Âu).	Cái	150		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2281	Vi ống thông dẫn đường dùng can thiệp CTO có đường kính ngoài: đoạn xa 1,8Fr, đoạn gần 2,6Fr, chiều dài 130cm, 150cm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Cấu trúc lõi là lớp bện bằng thép không gỉ (SUS braid) xuyên suốt thành ống. Mặt trong phủ PTFE, mặt ngoài phủ lớp ái nước Hydrophilic Kích cỡ: Đầu vào dài 0,7mm. Sau đoạn đầu vào là điểm đánh dấu bằng vàng dài 0,7mm. Đường kính ngoài: đoạn xa 1,8Fr, đoạn gần 2,6Fr. Đường kính trong: đoạn xa 0,018", đoạn gần 0,021". Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm Đầu vào dài 0,7mm 2. Tính năng, công nghệ: Sau đoạn đầu vào là điểm đánh dấu bằng vàng dài 0,7mm để tăng cường khả năng nhận diện. Mặt trong phủ PTFE, mặt ngoài phủ lớp ái nước Hydrophilic giúp tiếp cận mượt mà các mạch máu xoắn vặn đoạn xa. Tương thích guidewire 0,014	Cái	70		
2282	Vi ống thông dùng để điều trị dị dạng động tĩnh mạch não có đầu tự tách rời tương thích DMSO	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Nitinol, tương thích với dymethyl sulfo-oxide (DMSO) - Đường kính trong 0.013" - Dài 165cm 2. Tính năng công nghệ -Vi ống thông can thiệp mạch máu não, đầu có thể tự tháo rời -Tiệt khuẩn 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	20		
2283	Vi ống thông đường kính trong 0.017” dùng để nút coil trong điều trị túi phình mạch não, đầu thẳng	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Nitinol - Đường kính ngoài đầu gần - xa là 2.1Fr-1.7Fr và 2.4Fr-1.9Fr - Đường kính trong 0.017" - Chiều dài là 150cm, bề mặt tráng trơn nhẵn, thân cứng nhờ các vòng lò xo bằng thép không gỉ, đầu ngoại vi mềm và thẳng. Có 2 marker ở đầu. 2. Tính năng công nghệ - Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh dùng để nút coil trong điều trị túi phình mạch não, đầu thẳng. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	10		
2284	Vi ống thông đường kính trong 0.017” dùng để nút coil trong điều trị túi phình mạch não, đầu uốn sẵn	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu Nitinol, đường kính ngoài đầu gần-xa là 2.1Fr-1.7Fr và 2.4Fr-1.9Fr - Đường kính trong 0.017" - Chiều dài 150cm, bề mặt tráng trơn nhẵn, thân cứng nhờ các vòng lò xo bằng thép không gỉ, đầu ngoại vi mềm và uốn cong sẵn hai góc 450 và 900. - Có 2 marker ở đầu. 2. Tính năng công nghệ - Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh, dùng để nút coil trong điều trị túi phình mạch não, đầu uốn sẵn. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	10		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2285	Vi ống thông hỗ trợ can thiệp tổn thương khó mạch vành và mạch máu ngoại biên với thiết kế uốn cong (các góc 45 độ, 90 độ và 120 độ).	1. Thông số kỹ thuật: Vi ống thông có thiết kế đa lớp với lõi thép dạng cuộn hoặc bện. - Có các thiết kế dạng đầu uốn cong ở các góc 45 độ, 90 độ và 120 độ. - Đường kính thân ngoài đoạn gần ≤3.2Fr (0.042"), đoạn xa ≤2.4Fr (0.031"). - Đường kính trong đoạn gần ≤0.018", đoạn xa ≤0.017". - Chiều dài 130cm và 150cm. 2. Tính năng, công nghệ: Được sử dụng trong can thiệp mạch 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Cái	20		
2286	Vi ống thông mạch máu ngoại biên và can thiệp mạch máu tạng (tiết niệu, sinh dục, gan, lách, thận)	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: - Bọc Tungsten chống vặn xoắn; chất liệu PTFE, đầu tip Marker Platinum, phủ lớp ái nước Hydrophilic Kích cỡ: - Phủ lớp ái nước dài: từ 60cm - 110cm. - Đường kính ngoài đầu gần: 2,7F - 2,9F - Đường kính ngoài đầu xa: 1,7F - 2,7F - Tương thích vi dây dẫn: từ 0,016" - 0,025" - Chiều dài: từ 70cm - 150cm. - Chịu được áp lực lên đến 1.000 psi. 2. Tính năng, công nghệ: - Vi ống thông carnelian có đầu xa siêu nhỏ, dành cho mạch máu siêu chọn lọc: - Lưu lượng dòng chảy lớn	Cái	180		
2287	Viên nén Dung dịch sử dụng để khử khuẩn bề mặt dụng cụ, trang thiết bị, tường sàn, vật dụng trong gia dụng và y tế	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Viên nén hòa tan khử khuẩn chứa 2,7g Sodium Dichloroisocyanurate tương đương 56% w/w chlorine hoạt tính 2. Tính năng: Khử khuẩn bề mặt dụng cụ, trang thiết bị, tường sàn, vật dụng trong gia dụng và y tế.	Viên	66.320		
2288	Viên nén Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt trùng dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Sodium dichloroisocyanurate (NaDCC) và chất diện hoạt - Nồng độ: Viên 3,25g chứa 1,7g NaDCC + chất diện hoạt 2. Tính năng: Vừa khử khuẩn vừa tẩy rửa. Ống đựng có nắp vặn an toàn, ngăn ngừa ngộ độc, dạng sủi tan nhanh, phân liều dễ dàng và chính xác. pH sau hòa tan: 5-7. 3. Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO9001:2015; ISO13485:2016	Viên	91.200		
2289	Viên nén Dung dịch sử dụng để làm sạch, khử khuẩn và tiệt trùng dụng cụ	1. Thông số kỹ thuật: - Thành phần: Viên nén khử khuẩn chứa 2.5g Sodium Dichloroisocyanurate, trọng lượng viên 5g 2. Tính năng: Viên nén khử khuẩn. Khử khuẩn tường, sàn, giường bệnh… và các bề mặt nhiễm khuẩn, ngâm rửa và khử khuẩn dụng cụ y tế, hạn chế việc lây nhiễm chéo trong các cơ sở y tế.	Viên	179.400		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2290	Vớ chống thuyên tắc huyết khối Đùi - Hở ngón - Size S/M/L	1. Thông số kỹ thuật: - Vớ Đùi tạo 5 áp lực phân đoạn chuẩn tại từng vùng trên chân: cổ chân 18mmHg - bắp chân 14 mmHg - đầu gối 8 mmHg - đùi thấp 10mmHg - đùi cao 8 mmHg, giúp tăng vận tốc lưu thông máu lên 138,4%, giảm DVT 50%, chống thuyên tắc mạch trước, trong và sau mổ. - Chất liệu 90% Polyamide and 10% Elastane, không có sợi cao su, không latex. 2. Tính năng, công nghệ - Màu trắng và hở ngón ở phía đầu trên ngón chân, giúp dễ dàng theo dõi màu da và nhịp đập tại phần đầu bàn chân của bệnh nhân. - Vớ đùi có đai vớ hai mặt giúp bám chặt và băng đệm chống xoay chắc chắn, đồng thời không cản trở lưu thông máu ở vùng tĩnh mạch đùi. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Đôi	100		
2291	Vớ y khoa Relief/2 đùi, size S/M/L/XL	Tính năng, công nghệ: Hỗ trợ điều trị suy tĩnh mạch, giãn tĩnh mạch.	Đôi	1.300		
2292	Vớ y khoa Relief/2 gối, size S/M/L/XL	Tính năng, công nghệ: Hỗ trợ điều trị suy tĩnh mạch, giãn tĩnh mạch.	Đôi	60		
2293	Vớ y khoa, đùi, hở ngón	1. Thông số kỹ thuật: - Áp lực: 20-30mmHg - Chất liệu: 69% Nylon, 24% spandex, 7%silicone - Kích cỡ: Các size S,M,L,XL - Vớ đùi, hở ngón 2. Tính năng, công nghệ: - Hỗ trợ điều trị suy tĩnh mạch, giãn tĩnh mạch 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Hộp	400		
2294	Vớ y khoa, gối, hở ngón	1. Thông số kỹ thuật: - Áp lực: 20-30mmHg - Chất liệu: 73% Nylon, 27% spandex - Kích cỡ: Các size S,M,L,XL - Vớ gối, hở ngón 2. Tính năng, công nghệ: - Hỗ trợ điều trị suy tĩnh mạch, giãn tĩnh mạch 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ)	Hộp	200		
2295	Vòng đeo tay nhận dạng bệnh nhân	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Chất liệu nào đảm báo được các tiêu chí như: phải dai, không thấm nước, không gây ảnh hưởng tới sức khỏe cho bệnh nhân như nhựa trung tính, cao su, vải, giấy. Kích cỡ: Có thể điều chỉnh độ rộng của vòng phù hợp với kích thước cổ tay bệnh nhân. 2. Tính năng, công nghệ: Mềm, mịn, dẻo, không thấm nước, không sắc bén ở các cạnh, không tự bung, khóa chắc chắn khó mở, tem dán ghi thông tin bệnh nhân không thấm nước. Có nhiều màu sắc để phân biệt các đối tượng bệnh nhân khác nhau.	Cái	754.230		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2296	Vòng tránh thai	1. Thông số kỹ thuật: - Hình dạng chữ T hoặc hình dạng tương tự. - Chất liệu: Khung là nhựa y tế được quấn đồng tinh khiết. - Diện tích tiếp xúc đồng ≈ 380 mm². 2. Tính năng, công nghệ: Tránh thai.	Cái	960		
2297	Vòng vén vết mổ có dây rút/không dây rút kích cỡ 60-90mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu nhựa Urathane. - Vòng trong: đường kính 60-90mm. - Vòng ngoài: đường kính 60-90mm. 2. Tính năng công nghệ: Không dây/có dây rút dễ dàng tháo vòng vén sau phẫu thuật. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016, CE (Châu Âu).	Cái	100		
2298	Vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch, loại không phủ Gel, đường kính vòng xoắn 1-24mm, dài 1-68cm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Platium với các kiểu hình xoắn khác nhau: Microplex Helical, Cosmos, Hypersoft, Hypersoft 3D, VFC Kích cỡ: Có 2 hệ thống coil 10 và coil 18, đường kính vòng xoắn từ 1mm đến 24mm, chiều dài coil từ 1cm đến 68cm 2. Tính năng, công nghệ:: Được cắt tách bằng kìm xung điện.	Cái	200		
2299	Vòng xoắn kim loại điều trị túi phình mạch não	1. Thông số kỹ thuật: - Vòng xoắn kim loại điều trị túi phình có các loại phức hợp và helical - Đường kính sợi coil có các đường kính tối thiểu: 0.010"; 0.011"; 0.0125"; 0.0135"; 0.0145" - Đường kính coil tối thiểu từ 1-25mm - Chiều dài tối thiểu là 1cm đến tối đa 60cm 2. Tính năng, công nghệ: - Cơ chế cắt coil cơ học 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	60		
2300	Vòng xoắn kim loại nút mạch ngoại biên	1. Thông số ký thuật: - Kích thước: Đường kính coil: từ 2mm, 3mm … đến 32mm. Độ dài coil: đa dạng, có thể lên tới 60cm. Đường kính sợi coil lớn nhất: 0.020". - Chất liệu: Vòng xoắn bằng platinum. Lõi bằng Nitinol. 2. Tính năng công nghệ: - Dạng coil cắt. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ), CE (Châu Âu)	Cái	10		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2301	Vòng xoắn kim loại Platinum	1. Thông số kỹ thuật: - Vòng xoắn kim loại chất liệu Platium, có các loại 3D và Helix, có vi sợi được làm bằng PGLA hoặc Nylon để giảm lưu lượng dòng chảy và hình thành huyết khối nhanh trong các trường hợp cần tắc mạch nhanh. - Đường kính sợi coil tăng dần theo đường kính vòng coil sau khi thả. - Đường kính sợi coil: từ 0.0115"-0.0145". - Đường kính sợi coil sau khi thả từ 2-18mm, chiều dài cuộn coil từ 1-40 cm. 2. Tính năng, công nghệ: - Coil được cắt bằng dụng cụ cơ học, không phụ thuộc vào nguồn điện. - Tiệt khuẩn (thể hiện trên hình ảnh bao bì sản phẩm) 3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	20		
2302	Vòng xoắn kim loại tắc mạch nội sọ và ngoại biên, phủ sợi Dacron, đường kính 2 - 11 mm, chiều dài khi thả từ 2,0 - 17 mm	1. Thông số kỹ thuật: - Chất liệu: Hợp kim Platinum, có sợi Dacron bao phủ. - Dạng coil đẩy. - Kích thước: Đường kính 2 - 11 mm; Chiều dài khi thả: từ 2,0 đến 17 mm. - Hình dạng: Kim cương, hình nón, vòng xoắn lặp lại, thẳng, vòng xoắn, xoắn ốc phức tạp. 2. Tính năng, công nghệ: Vòng xoắn kim loại coil gây tắc mạch, dạng coil đẩy 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	10		
2303	Vòng xoắn kim loại tắc mạch nội sọ và ngoại biên, phủ sợi Dacron, đường kính 2/6–22 mm, chiều dài đến 60 cm	1. Thông số kỹ thuật: - Gồm 1 vòng xoắn được bao phủ dày đặc bởi các sợi Dacron và dây thả, được nối bởi khóa giúp tăng độ chính xác khi thả và có thể thu lại coil. - Đường kính 2/6-22 mm và chiều dài đến 60 cm. - Hình dạng coil: 2D, Diamond, Cube. 2. Tính năng, công nghệ: Vòng xoắn kim loại dạng coil dùng để tắc mạch nội sọ và ngoại biên. 3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE (Châu Âu), CFG-FDA (Hoa Kỳ).	Cái	100		
2304	Vòng xoắn nút mạch não đường kính 1-25mm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Platinum Kích cỡ: Đường kính sợi cơ bản của coil là 0,0013" nhỏ hơn 25% so với coils thế hệ trước. Đường kính của Coils 1 mm đến 25 mm; có các kích cỡ coil nhỏ và half size như: 1-1; 1-2; 1-3; 1-4; 1,5-1; 1,5-2; 1,5-3; 1,5-4; 2,5-3; 2,5-4; 2,5-6; 2,5-8; 3,5-6; 3,5-8; 3,5-10.... 2. Tính năng, công nghệ: Vòng xoắn nút mạch não có các loại 3D, Helix, Frame 3D	Cái	300		

STT	Tên hàng hóa yêu cầu báo giá (hoặc tương đương)	Tính năng và yêu cầu kỹ thuật (hoặc tương đương)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (báo giá)	Thông tin đơn vị Báo giá
2305	Vòng xoắn nút mạch não đường kính 1,5-25mm, dài 1-50cm	1. Thông số kỹ Thuật: Chất liệu: Platium Kích cỡ: Đường kính sợi coil 0,0115", 0,0125", 0,0135", 0,0145", đường kính coil từ 1,5-25mm, chiều dài cuộn coil từ 1-50 cm. Có các kích cỡ đường kính half size như là: 1,5cm; 2,5cm; 3,5cm. 2. Tính năng, công nghệ: Được sử dụng để nút túi phình mạch thần kinh.	Cái	160		
2306	Xi măng trám răng	Tính năng công nghệ: Vật liệu gắn đa năng sử dụng được cho đa dạng các loại phục hình: mão - cầu kim loại hoặc sứ - kim loại và tất cả các loại hình mão, inlay, onlay và cầu răng bằng acrylic/ nhựa	Hộp	643		
2307	Xilanh 200ml dùng cho máy bơm cản quang Envision, Vistron hoặc tương đương	1. Thông số kỹ thuật: - Thông số bộ gồm: Bộ Xilanh 200ml dùng được cho máy bơm cản quang Envision, Vistron hoặc tương đương. Một bộ gồm 1 xilanh 200ml, 1 dây nối áp lực cao dài 150cm, 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J	Bộ	2.010		